

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\*\*\*\*\*

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DESIGN DOCUMENTS CONSTRUCTION DRAWINGS

DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO  
DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ

PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR  
ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE

TIÊU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÓA  
SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT

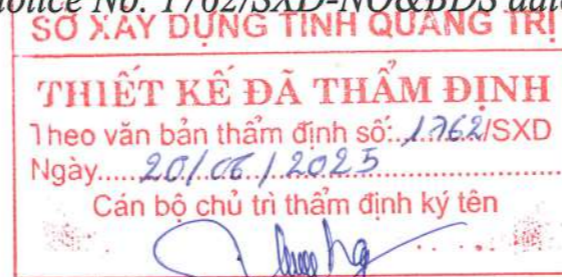
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: HUYỆN HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ

LOCATION OF CONSTRUCTION: HUONG HOA DISTRICT, QUANG TRI PROVINCE

TẬP 2/ PART 2: BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DESIGN DRAWINGS

TẬP 2.1/ PART 2.1: ĐOẠN KM0+00 - KM3+306

(Hồ sơ hoàn thiện theo Thông báo kết quả thẩm định số 1762/SXD-NO&BDS ngày 20/6/2025 của Sở Xây dựng Quảng Trị)  
(Completed dossier according to Appraisal result notice No. 1762/SXD-NO&BDS dated June 20, 2025 of Quang Tri Department of Construction)



LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC  
CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

  
Bùi Tiên Trung

QUẢNG TRỊ - 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
\*\*\*\*\*

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DESIGN DOCUMENTS CONSTRUCTION DRAWINGS

DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO  
DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ

PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR  
ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE

TIÊU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A ĐOI, HUYỆN HƯỚNG HÓA  
SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: HUYỆN HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ  
LOCATION OF CONSTRUCTION: HUONG HOA DISTRICT, QUANG TRI PROVINCE

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING J.S.C

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR



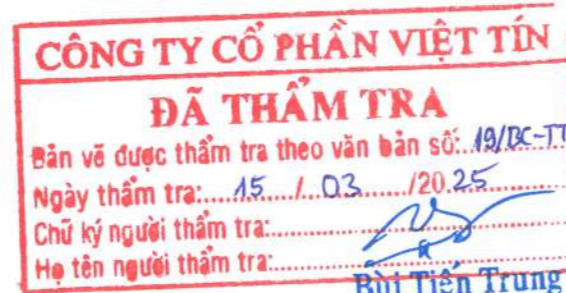
Nguyễn Hữu Hoa

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC  
BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING J.S.C

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR



Đào Sỹ Tâm



**PHẦN I:**  
**THUYẾT MINH THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**  
**VOLUME I:**  
**DETAILED ENGINEERING DESIGN REPORT**

# BẢN ĐỒ HƯỚNG TUYẾN

DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ  
 TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠİ ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DƠI, HUYỆN HƯỚNG HOÁ

TỶ LỆ: 1/20.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 10/Đ-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chủ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: **Bùi Tiên Trung**

**ĐƠN VỊ ĐẦU TƯ**  
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG  
*[Signature]*  
**Trương Văn Hưng**

**UBND XÃ A DƠI**  
**CHỦ TỊCH**  
*[Signature]*  
**Hồ Xa Cách**

**TU VẤN THIẾT KẾ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH QUẢNG TRỊ**  
**C.TY CP TVĐT & XD BRC**



Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

## THUYẾT MINH THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN

**Dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Quảng Trị**

**Tiểu dự án: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trung tâm xã A Dơi, huyện Hướng Hóa**

**Địa điểm xây dựng: xã A Dơi, tỉnh Quảng Trị**

### I. GIỚI THIỆU CHUNG

#### 1. Các căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
- Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội; Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế nhập khẩu, luật nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý sử dụng tài sản công.
- Căn cứ nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
- Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 175/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Ban hành định mức xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 19/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) – Dự án thành phần tỉnh Quảng Trị”;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) – Dự án thành phần tỉnh Quảng Trị”;

- Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 831/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tiểu dự án Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trung tâm xã A Dơi, huyện Hướng Hóa thuộc Dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Quảng Trị”; số 813/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 về Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Đợt 1) Dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Quảng Trị”;

- Căn cứ các Quyết định của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Trị: số 157/QĐ-BQLDA ngày 28/5/2024 về phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán phục vụ thiết kế bản vẽ thi công; số 160/QĐ-BQLDA ngày 03/6/2024 về việc phê duyệt E-HSMT; số 240/QĐ-BQLDA ngày 16/7/2024 về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT gói thầu số CRIEM-TV16: Tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, thiết kế cọc GPMB tiểu dự án: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trung tâm xã A Dơi, huyện Hướng Hóa thuộc Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Quảng Trị;

- Căn cứ Hợp đồng số 46/2024/HĐTV, Gói thầu CRIEM-TV16 ngày 05/8/2024 về việc Tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, thiết kế cọc GPMB công trình tiểu dự án: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trung tâm xã A Dơi, huyện Hướng Hóa thuộc Dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) – Dự án thành phần tỉnh Quảng Trị”.

#### 2. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Trị;
- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án;
- Nhà thầu tư vấn: Liên danh Công ty CP Tư vấn xây dựng Phúc Thành và Công ty CP Tư vấn Đầu tư & Xây dựng BRC.

#### 3. Khái quát chung về công trình:

- Tiểu dự án: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trung tâm xã A Dơi, huyện Hướng Hóa.
- Địa điểm xây dựng: xã A Dơi, tỉnh Quảng Trị
- Khái quát chung về công trình:
- Tuyến đường có vị trí cụ thể như sau:
  - + Điểm đầu (Km0+00): Giao đường ĐT 586 tại Km24+850.
  - + Điểm cuối (Km5+869,12): Tiếp giáp vành đai biên giới Việt Nam- Lào.
  - + Chiều dài tuyến: 5.869,12m.

#### 4. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

- Mục tiêu tổng quát của Dự án: Giảm nghèo bền vững, đảm bảo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Trị; phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống, sản xuất nông nghiệp, phát triển du lịch, làng nghề và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu của đồng

bào dân tộc thiểu số;

- Mục tiêu cụ thể: Đầu tư nâng cấp và xây dựng hạ tầng giao thông tại các huyện nhằm tăng tính kết nối và thuận lợi cho việc đi lại; tăng tính thích ứng với các hiện tượng khí hậu cực đoan; kết nối trung tâm huyện lỵ đến các xã, các bản của bà con dân tộc thiểu số. Xây dựng, nâng cấp hệ thống thông tin, dữ liệu, số liệu để phân tích, dự báo rủi ro thiên tai; kịp thời có các giải pháp phòng tránh, giảm thiểu rủi ro, thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu gây ra.

## II. KHÁI QUÁT CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA KHU VỰC NGHIÊN CỨU

### 1. Điều kiện tự nhiên:

#### 1.1. Đặc điểm địa hình, địa mạo:

- Khu vực tuyến đi qua thuộc địa hình vùng núi có độ dốc khá lớn.

#### 1.2. Đặc điểm địa chất:

- Theo kết quả khảo sát hiện trường thu nhận được từ các hố đào, lỗ khoan, địa tầng dọc theo tuyến được chia thành các lớp như sau:

+ Lớp M: Mặt đường bê tông xi măng cũ;

+ Lớp 1: Sét pha màu xám vàng, nâu đỏ, kết cấu chặt vừa, trạng thái dẻo cứng – nửa cứng;

+ Lớp 2: Cát pha màu xám nâu, loang trắng, kết cấu chặt vừa, trạng thái nửa cứng;

+ Lớp 3: Đá sét bột kết màu nâu đỏ, tím gụ, đá bị phong hóa nứt nẻ mảnh;

+ Lớp 4: Đá sét xen kẹp đá cát kết màu xám trắng, nâu đỏ. Đá ít bị phong hóa, cấu tạo đặc sít rắn chắc.

+ Lớp 5: Đá granit màu xám trắng, xám nâu, đá bị phong hóa mảnh liệt, gấn thành đất, tay bóp vỡ vụn.

- Các hiện tượng địa chất động lực: trong phạm vi độ sâu thăm dò cho thấy chưa phát hiện các hang động castơ.

#### 1.3. Đặc điểm khí tượng thủy văn:

- Khu vực tuyến đi qua thuộc vùng núi, nằm trong khu vực không bị ngập lũ, ảnh hưởng thủy văn do về mùa mưa chủ yếu do nước mặt, nước từ các sườn dốc xung quanh đổ về làm ảnh hưởng đến tuyến.

- Các dòng chảy cắt ngang tuyến đã được xây dựng bằng các công trình thoát nước bằng các công trình Cầu, cống, và thoát nước dọc bằng hệ thống rãnh dọc.

### 2. Đặc điểm kinh tế - xã hội:

- Xã A Dơi (cũ) là địa bàn nằm ở vùng sâu, vùng xa, thuộc khu vực phía Nam huyện Hướng Hóa (cũ), cách trung tâm huyện lỵ thị trấn Khe Sanh 40 km, giao thông đi lại không mấy thuận lợi, nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nông lâm nghiệp, đời sống kinh tế của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, trình độ dân trí thấp.

- Có 02 cột mốc chính(608; 609) và 04 cột mốc phụ giáp với xã A Cha, huyện Tù Muội, tỉnh Salavan, Lào.

- Số hộ: Tổng số hộ toàn xã là 632 hộ, trong đó hộ người Kinh 191 hộ, hộ người Vân Kiều 377 hộ, hộ người Pa Cô 64 hộ.

- Nhân khẩu: Tổng dân số toàn xã tính đến nay là 3111 người, trong đó nữ 1522 người, nam 1589 người; dân tộc Kinh 939 người, dân tộc Vân kiều 1858 người, dân tộc Pa Cô 314 người.

- Tổng diện tích đất tự nhiên của toàn Xã có 2938.35 ha. Trong đó, nhóm đất nông nghiệp là 2659.80ha; Nhóm đất phi nông nghiệp 131.17ha; Nhóm đất chưa sử dụng 147.38ha.

## III. QUY MÔ XÂY DỰNG VÀ CÁC TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

### 1. Các quy trình, quy phạm áp dụng:

#### a. Khảo sát:

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Tiêu chuẩn cơ sở khảo sát đường ô tô	TCCS 31:2020/TCĐBVN
2	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình	96 TCN 43-90
3	Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437:2012
4	Đất xây dựng - Các phương pháp thí nghiệm	TCVN (4195-4202):2012/BXD
5	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN9398:2012
6	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và sử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
7	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT
8	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ	QCVN 04:2009/BTNMT
	Và các tiêu chuẩn, văn bản khác có liên quan.	

#### b. Thiết kế và thi công:

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Đường ô tô - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 4054-2005
2	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
3	Tiêu chuẩn thiết kế cầu	TCVN 11823:2017
4	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN5574:2012
5	Quy trình thiết kế áo đường mềm	22TCN 211-06
6	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu	TCVN 13567-1:2022
7	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
8	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN41:2024/BGTVT
9	Tính toán đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845-2013
10	Nền đường ô tô - thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
	Và một số tiêu chuẩn kỹ thuật khác	

## 2. Quy mô xây dựng và các tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu:

- Chiều dài tuyến: 5.869,12m
- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.
- Cấp đường: Đường cấp VI miền núi.
- Vận tốc thiết kế: VTK = 20km/h.
- Tải trọng thiết kế:
  - + Đối với nền mặt đường: trục xe 100kN;
  - + Đối với cống thoát nước: H30-XB80.
- Độ dốc dọc lớn nhất:  $I_{max} = 11\%$ .
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn:  $R \geq 15m$
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu thông thường:  $R \geq 50m$
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu không siêu cao:  $R \geq 250m$
- Bán kính đường cong đứng lồi nhỏ nhất:  $R_{min} \geq 200m$ .
- Bán kính đường cong đứng lõm nhỏ nhất:  $R_{min} \geq 100m$ .
- Độ dốc siêu cao lớn nhất:  $I_{max} = 6\%$ .
- Mặt cắt ngang: Nền đường rộng 6,0m, bao gồm: mặt đường rộng 3,5m; lề gia cố mỗi bên 1,0m, lề đất rộng mỗi bên 0,25m; dốc ngang mặt đường 2%; dốc ngang lề đường 4%; độ dốc mái taluy nền đắp 1/1,5, nền đào 1/1.
- Mặt đường cấp cao A1 bằng bê tông nhựa chặt (BTNC16) dày 7cm trên các lớp móng cấp phối đá dăm đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 110Mpa$ .
- Thoát nước dọc: Bằng rãnh hở hình thang kích thước (40x40x120)cm. Gia cố rãnh dọc bằng tấm lát BTXM các đoạn có độ dốc rãnh lớn. Các vị trí qua đường giao bố trí cống bản dọc bê tông cốt thép.
- Thoát nước ngang: Xây dựng hệ thống cống bê tông cốt thép vĩnh cửu;
- Công trình phòng hộ an toàn giao thông: Theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ "QCVN 41:2024/BGTVT".

## IV. CÁC GIẢI PHÁP VÀ KẾT QUẢ THIẾT KẾ

### 1. Bình đồ tuyến:

- Hướng tuyến cơ bản bám theo đường cũ, có nắn chỉnh một số vị trí để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và hạn chế giải phóng mặt bằng.
- Vị trí:
  - + Điểm đầu (Km0+00): Giao đường ĐT586 tại Km24+850.
  - + Điểm cuối (Km5+869,12): Tiếp giáp vành đai biên giới Việt Nam- Lào.

### 2. Trắc dọc tuyến:

- Trắc dọc thiết kế đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật của cấp đường lựa chọn. Cao độ đường do thiết kế trên cơ sở các điểm khống chế như sau:
  - + Điểm đầu khống chế cao độ mặt đường bê tông nhựa hiện hữu đường ĐT.586. Tiếp đến khống chế đoạn mặt đường bê tông xi măng cũ nâng cao độ thiết kế theo chiều

dày kết cấu áo đường tăng cường và khống chế các vị trí cầu, cống đã được xây dựng trên tuyến. Điểm cuối vượt nối về mặt đường hiện trạng.

+ Ngoài ra cao độ đường do thiết kế còn được thiết kế bám theo cao độ của nền mặt đường cũ để giảm thiểu khối lượng đào đắp.

### 3. Trắc ngang tuyến:

- Trắc ngang tuyến được thiết kế với các chỉ tiêu:
  - + Bề rộng nền đường: 6,0m;
  - + Bề rộng mặt đường: 3,5m;
  - + Lề đường: lề gia cố: 2x1,0m (mỗi bên)= 2,0m; lề đất 2x0,25 (mỗi bên)= 0,5m; đối với các đoạn gia cố rãnh dọc, phần lề đất được gia cố bằng BTXM M250 đá 1x2.
  - + Độ dốc ngang mặt đường  $i_m = 2\%$ , lề đường  $i_l = 4\%$ .
- Nền đường đào: Đào nền đường đến cao độ đáy khuôn rồi tiến hành thi công lớp đất  $K \geq 0,98$  dày 30cm và các lớp kết cấu áo đường. Taluy nền đào đất độ dốc mái 1/1, đối với đoạn nền đào đá cấp 4 taluy đào 1/0,75. Thoát nước mặt các đoạn nền đào bằng hệ thống rãnh dọc hình thang kích thước (40x40x120)cm. Các đoạn nền đường có độ dốc lớn gia cố rãnh bằng tấm BTXM.
- Nền đường đắp
  - + Đào bóc lớp đất hữu cơ bình quân sâu 0,2m, sau đó tiến hành đắp nền đường bằng đất cấp 3 đầm chặt  $K \geq 0,95$ ; Lớp trên cùng dưới đáy kết cấu áo đường dày 30cm đầm chặt  $K \geq 0,98$ .
  - + Gia cố mái taluy âm: Các đoạn nền đắp tiếp giáp đầu cầu Km4+009,4 và cầu Km5+183,5 gia cố mái taluy bằng đá hộc xây vữa M100 dày 25cm trên lớp đệm đá dăm dày 10cm.

### 4. Kết cấu mặt đường:

- Kết cấu mặt đường bê tông nhựa đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 110Mpa$ . Sau khi tính toán và lựa chọn kết cấu mặt đường gồm 3 loại như sau:
  - Loại 1: áp dụng trên đoạn có mặt đường BTXM cũ:
    - + Lớp mặt BTNC16 dày 7cm.
    - + Lớp nhựa thấm bám TCN 0,8kg/m<sup>2</sup>.
    - + Lớp móng trên CPĐD loại 1, Dmax 25 dày 14cm + bù vênh.
    - + Mặt đường BTXM cũ.
  - Loại 2: áp dụng cho các đoạn nền đất và mặt đường cấp mở rộng:
    - + Lớp mặt BTNC16 dày 7cm.
    - + Lớp nhựa thấm bám TCN 0,8kg/m<sup>2</sup>.
    - + Lớp móng trên CPĐD loại 1, Dmax 25 dày 14cm.
    - + Lớp móng dưới CPĐD loại 1, Dmax 37,5 dày 16cm.
    - + Lớp đất  $K \geq 0,98$  sát đáy áo đường dày 30cm.
  - Loại 3: áp dụng cho các đoạn có nền đá cấp 4:
    - + Lớp mặt BTNC16 dày 7cm.

- + Lớp nhựa thấm bảm TCN 0,8kg/m<sup>2</sup>.
- + Lớp móng trên CPDD loại 1, Dmax 25 dày 14cm.
- + Lớp móng dưới CPDD loại 1, Dmax 37,5 dày 16cm + bù vênh.
- + Nền đá cấp 4.

## 5. Hệ thống thoát nước:

### 5.1. Công thoát nước ngang: Các công thiết kế với tải trọng H30-XB80.

- Trên tuyến thoát nước ngang gồm các cầu bản tận dụng (02 cái); công thiết kế mới (07 cái) và công tận dụng, thiết kế nối thêm chiều dài (09 cái). Cụ thể theo các bảng tổng hợp sau:

*Bảng 1: Tổng hợp cầu, công thoát nước ngang trên tuyến*

TT	Lý trình	Loại công/ khẩu độ	Chiều dài toàn bộ (m)	Phương án thiết kế
<b>I Công tận dụng, thiết kế nối dài thêm: 09 cái</b>				
1	Km0+5,04	Công bản KĐ 0,75m	23,0	Tận dụng, thiết kế nối dài thêm công L=11,0m
2	Km1+181,90	Công tròn ĐK 2x1,2m	11,0	Tận dụng, thiết kế nối dài thêm công L=4,0m
3	Km2+946,83	Công tròn ĐK 0,75m	14,0	Tận dụng, thiết kế nối dài thêm công L=2,0m
4	Km3+200,54	Công bản KĐ 0,75m	7,5	Tận dụng, thiết kế nối dài thêm công L=2,0m
5	Km3+413,86	Công tròn ĐK 0,75m	9,0	Tận dụng, thiết kế nối dài thêm công L=1,0m
6	Km4+153,42	Công bản KĐ 0,75m	8,0	Tận dụng, thiết kế nối dài thêm công L=1,5m
7	Km4+392,07	Công bản KĐ 0,75m	8,25	Tận dụng, thiết kế nối dài thêm công L=2,25m
8	Km4+673,86	Công bản KĐ 0,75m	6,5	Tận dụng, thiết kế nối dài thêm công L=1,0m
9	Km5+482,60	Công bản KĐ 0,75m	7,0	Tận dụng, thiết kế nối dài thêm công L=1,5m
<b>II Công thiết kế mới: 07 cái</b>				
1	Km0+246,33	Công bản KĐ 0,75m	7,0	Thiết kế mới, thay thế công cũ
2	Km1+276,58	Công bản KĐ 0,75m	7,0	Thiết kế mới
3	Km1+496,14	Công bản KĐ 0,75m	7,0	Thiết kế mới
4	Km2+173,94	Công bản KĐ 0,75m	7,0	Thiết kế mới, thay thế công cũ
5	Km3+630,17	Công tròn ĐK 1,5m	8,0	Thiết kế mới, thay thế công cũ
6	Km4+540,82	Công bản KĐ 0,75m	7,5	Thiết kế mới
7	Km4+871,00	Công bản KĐ 1,0m	7,5	Thiết kế mới

TT	Lý trình	Loại công/ khẩu độ	Chiều dài toàn bộ (m)	Phương án thiết kế
<b>III Cầu bản tận dụng: 02 cái</b>				
1	Km4+009,4	Cầu bản B=4m	5,5	Tận dụng
2	Km5+183,5	Cầu bản B=6m	6,5	Tận dụng

### 5.2. Giải pháp thiết kế công:

#### a. Thiết kế nối dài công bản KĐ 0,75m:

- Phá dỡ tường đầu, tường cánh công làm mới; phá dỡ phần tường đầu 25cm của tấm bản biên ở hai đầu công, nối dài bằng tấm bản biên mới, hoặc tấm bản biên + tấm bản giữa; nối dài thêm móng công, tường thân công để đảm bảo chiều dài công.

- Tấm bản bằng BTCT lắp ghép M250 đá 1x2.

- Xà mũ bằng BTCT M200 đá 1x2, thân công, tường cánh bằng BT M150 đá 2x4 thi công theo phương pháp đổ tại chỗ.

- Móng thân công, sân công và chân khay bằng bê tông M150 đá 2x4 trên lớp đệm đá dăm dày 10cm.

#### b. Thiết kế mới công bản KĐ 0,75m:

- Tấm bản bằng BTCT lắp ghép M250 đá 1x2.

- Xà mũ bằng BTCT M200 đá 1x2, thân công, tường cánh, hố thu bằng bê tông M150 đá 2x4 đổ tại chỗ.

- Móng thân công, sân công và chân khay bằng bê tông M150 đá 2x4 trên lớp đệm đá dăm dày 10cm.

#### c. Thiết kế mới công tròn ĐK 1,5m và nối công tròn ĐK 0,75m, công tròn ĐK 2x1,2m:

- Dùng ống công bằng BTCT đúc sẵn lắp ghép, dùng loại đi dưới mặt đường chịu tải (H30-XB80), theo tiêu chuẩn TCVN 9113-2012; móng công bằng bê tông M150 đá 2x4 dày 30cm trên lớp đệm đá dăm dày 10cm. Tường đầu, tường cánh, móng đầu công, gia cố sân công bằng bê tông M150 đá 2x4; taluy đầu công gia cố bằng đá hộc xây M100 dày 25cm trên lớp đệm đá dăm dày 10cm.

### 5.3. Rãnh thoát nước và lề gia cố:

- Thoát nước dọc trên tuyến bằng rãnh hở hình thang kích thước (40x40x120)cm, các đoạn có độ dốc dọc lớn gia cố rãnh bằng tấm bê tông xi măng, cấu tạo: Tấm BTXM M200 đá 1x2 đúc sẵn, kích thước tấm (65x50x6)cm lắp đặt trên lớp đệm vữa xi măng M75 dày 2cm. Tổng chiều dài rãnh dọc gia cố, L= 5512,0m.

- Kết cấu lề gia cố 1,0m cùng với kết cấu mặt đường bê tông nhựa. Riêng phần lề đất rộng 0,25m nằm trong các đoạn có gia cố rãnh dọc được gia cố bằng BTXM M250 đá 1x2 dày 18cm trên lớp đệm cát dày 3cm. Tổng chiều dài lề gia cố BTXM, L= 5512,0m.

- Tại các vị trí vào nhà dân có rãnh dọc gia cố tấm lát, bố trí tấm đan trên rãnh, mỗi nhà 03 tấm. Tấm đan BTCT M250 đá 1x2 kích thước (150x100x10)cm, gồm có 60 vị trí/ 182 tấm đan.

Bảng 2: Tổng hợp rãnh dọc hình thang và lề gia cố BTXM

TT	Lý trình	Chiều dài (m)	Vị trí	
			Trái (T)	Phải (P)
1	Km0+647,91 ÷ Km0+852,96	205,05	T	
2		205,05		P
3	Km1+087,94 ÷ Km1+163,78	75,84		P
4	Km1+306,23 ÷ Km1+453,72	147,49	T	
5	Km1+276,58 ÷ Km1+453,72	177,14		P
6	Km3+020,25 ÷ Km3+200,54	180,29	T	
7		180,29		P
8	Km3+250,79 ÷ Km3+306,00	47,61	T	
9		47,61		P
10	Km3+306,00 ÷ Km3+626,00	320,00	T	
11	Km3+676,80 ÷ Km3+983,80	307,00	T	
12	Km3+992,80 ÷ Km4+006,80	14,00	T	
13	Km4+014,62 ÷ Km4+082,62	68,00	T	
14	Km4+091,62 ÷ Km4+152,62	61,00	T	
15	Km4+154,22 ÷ Km4+340,22	186,00	T	
16	Km4+397,93 ÷ Km4+526,93	129,00	T	
17	Km4+535,93 ÷ Km4+540,93	5,00	T	
18	Km4+705,43 ÷ Km4+828,43	123,00	T	
19	Km4+873,05 ÷ Km5+138,05	265,00	T	
20	Km5+206,08 ÷ Km5+379,08	173,00	T	
21	Km5+492,12 ÷ Km5+869,12	377,00	T	
22	Km3+306,00 ÷ Km3+392,00	86,00		P
23	Km3+465,00 ÷ Km3+625,00	160,00		P
24	Km3+642,17 ÷ Km3+984,17	342,00		P
25	Km3+993,17 ÷ Km4+003,17	10,00		P
26	Km4+025,92 ÷ Km4+151,92	126,00		P
27	Km4+154,88 ÷ Km4+336,88	182,00		P
28	Km4+342,27 ÷ Km4+391,27	49,00		P
29	Km4+392,87 ÷ Km4+672,87	280,00		P
30	Km4+674,66 ÷ Km4+870,66	196,00		P
31	Km4+872,11 ÷ Km5+113,11	241,00		P
32	Km5+130,11 ÷ Km5+160,11	30,00		P
33	Km5+204,00 ÷ Km5+361,00	157,00		P
34	Km5+483,40 ÷ Km5+860,40	377,00		P

Tổng cộng	5512,0		
-----------	--------	--	--

#### 5.4. Thoát nước qua đường giao dân sinh:

- Thiết kế cống bản mới cống bản KĐ 0,75m (06 cống) qua các đường ngang dân sinh. Cấu tạo kết cấu cống dọc như cống bản thoát nước ngang làm mới.

- Đối với các đường ngang dân sinh qua đoạn có rãnh dọc hình thang gia cố hai đầu để đảm bảo thoát nước dọc trên tuyến, thiết kế rãnh chữ nhật kín qua đường ngang dân sinh (07 đoạn, tổng chiều dài 75m), kích thước rãnh (BxH)=(0,4x0,5)m. Cấu tạo rãnh bằng BTCT M200 đá 1x2 đổ tại chỗ, kích thước BxH=(0,4x0,5)m; Tường thân, đáy rãnh dày 15cm. Tấm đan rãnh bằng BTCT M250 đá 1x2, kích thước (0,7x1,0x0,15)m. Vị trí nối tiếp giữa rãnh hở hình thang gia cố tấm lát và rãnh kín được thiết kế bằng rãnh bê tông M150 đá 1x2 đổ tại chỗ. Tổng chiều dài rãnh dọc hình chữ nhật kín, L=75m.

Bảng 3: Tổng hợp thoát nước qua đường giao dân sinh

TT	Lý trình	Loại cống, rãnh/ khẩu độ	Vị trí		Chiều dài thiết kế (m)	Ghi chú
			Trái (T)	Phải (P)		
<b>I</b>	<b>Cống dọc thiết kế mới: 06 cái</b>					
1	Km1+302,91	Cống bản KĐ 0,75m	T		7,0	Thiết kế mới
2	Km1+989,71	Cống bản KĐ 0,75m		P	11,5	Thiết kế mới
3	Km2+392,33	Cống bản KĐ 0,75m	T		12,0	Thiết kế mới
4	Km2+463,43	Cống bản KĐ 0,75m		P	12,5	Thiết kế mới
5	Km2+975,05	Cống bản KĐ 0,75m	T		10,0	Thiết kế mới
6	Km4+338,68	Cống bản KĐ 0,75m		P	10,0	Thiết kế mới, thay thế cống cũ
<b>II</b>	<b>Rãnh dọc chữ nhật kín (BxH)=(0,4x0,5)m, tổng chiều dài L= 75m</b>					
1	Km3+983,80 ÷ Km3+992,80	Rãnh chữ nhật kín (BxH)=(0,4x0,5)m	T		9,0	Thiết kế mới
2	Km3+984,17 ÷ Km3+993,17	Rãnh chữ nhật kín (BxH)=(0,4x0,5)m		P	9,0	Thiết kế mới
3	Km4+082,62 ÷ Km4+091,62	Rãnh chữ nhật kín (BxH)=(0,4x0,5)m	T		9,0	Thiết kế mới
4	Km4+526,93 ÷ Km4+535,93	Rãnh chữ nhật kín (BxH)=(0,4x0,5)m	T		9,0	Thiết kế mới
5	Km5+113,11 ÷ Km5+130,11	Rãnh chữ nhật kín (BxH)=(0,4x0,5)m		P	17,0	Thiết kế mới
6	Km5+860,40 ÷ Km5+869,40	Rãnh chữ nhật kín (BxH)=(0,4x0,5)m		P	9,0	Thiết kế mới
7	Km5+147,93	Rãnh chữ nhật kín (BxH)=(0,4x0,5)m	T		13,0	Thiết kế mới

#### 6. Nút giao thông và vượt nối đường ngang:

##### a. Nút giao thông:

- Nút giao đường ĐT586 thiết kế mở rộng với bán kính rẽ trái  $R=12m$ ; bán kính rẽ phải  $R=7m$ . Kết cấu mở rộng nút giao giống kết cấu tuyến chính.

**b. Vuốt nổi đường ngang: Thiết kế nút giao cùng mức**

- Các đường ngang dân sinh được thiết kế vuốt nổi phù hợp với bán kính và bề rộng nút hiện có.

+ Đối với các đường ngang dân sinh hiện tại là đường BTXM: vuốt nổi bằng kết cấu BTN như kết cấu BTN trên tuyến chính.

+ Đối với các đường ngang dân sinh hiện tại là đường đất: vuốt nổi bằng cấp phối đất đầm chặt  $K \geq 0,95$ .

**7. An toàn giao thông:**

- Bố trí đầy đủ hệ thống cột Km, biển báo, sơn vạch kẻ đường theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

- Biển báo dùng loại biển nhôm dày 2mm có sơn phản quang, cột đỡ biển báo bằng ống thép dày 2,5mm mạ kẽm 2 lớp.

- Cọc tiêu có kích thước (12x12x110)cm bằng BTCT M200 đá 1x2.

- Cột Km dạng hình chữ nhật đầu trên cùng lượn tròn theo hình bán nguyệt đường kính 40cm, kích thước thân cột (không kể phần đế và phần đầu: cao 53cm; rộng 40cm; dày 20cm), cấu tạo bằng BT M200 đá 1x2.

- Tường hộ lan tôn lượn sóng: Đoạn hai đầu cầu bản Km4+009,4 và cầu bản Km5+183,5 bố trí tôn lượn sóng để đảm bảo an toàn giao thông. Tôn lượn sóng bằng thép mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A213, độ dày lớp mạ kẽm 55 $\mu$ m.

- Lan can cầu bản Km4+009,4 và cầu bản Km5+183,5 được tận dụng và sơn mới.

- Vạch sơn kẻ đường, gờ giảm tốc: Bố trí vạch sơn tim đường để phân làn, sơn vạch màu vàng dày 2mm. Bố trí cụm gờ giảm tốc gồm 05 vạch tại nút giao với ĐT.586, sơn vạch màu vàng dày 6mm. Sử dụng sơn dẻo nhiệt DPI kết hợp với hạt phản quang 30%.

**8. Cấm cọc GPMB:**

- Cọc GPMB cấu tạo bằng BTCT M200 đá 1x2, chiều cao 90cm. Mặt cắt cọc hình chữ nhật kích thước (15x10)cm. Cọc được chôn sâu 40cm trong đất, đầm chặt  $K \geq 0,9$ . Phía trên đỉnh cọc 8cm sơn đỏ báo hiệu, thân cọc ghi tên cọc GPMB. Bộ cọc BTXM M150 đá 2x4, kích thước (35x30)cm.

- Cọc GPMB được xác định từ mép ngoài cùng của nền đường: Cấm cọc tại chân mái taluy đắp hoặc mép ngoài của rãnh dọc tại các vị trí không đào không đắp hoặc mép đỉnh mái taluy đào ra mỗi bên 0,5m.

**V. MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ BIỆN PHÁP THI CÔNG**

**1. Nguồn vật liệu xây dựng:**

**\* Đất đắp:**

- Đất đắp được tận dụng đất đào nền từ tiểu dự án: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Khe Sanh - Sa Trầm, huyện Hướng Hóa thuộc dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) Dự án thành phần tỉnh Quảng Trị

**\* Cát xây dựng:**

- Cát vàng bê tông nhựa; cát đổ bê tông: Lấy tại bãi tập kết BH1, xã Cồn Tiên, tỉnh Quảng Trị

- Cát xây, cát đắp nền: Lấy tại bãi thôn Xuân Lâm, xã Ba Lòng

**\* Đá xây dựng:**

- Đá các loại lấy tại mỏ đá Đầu Mầu (Km29 - Quốc lộ 9).

- Bê tông nhựa sản xuất tại trạm trộn (Km27 - Quốc lộ 9).

**\* Nhựa đường:**

- Nhựa đường lấy tại Phường Thọ Quang, thành phố Đà Nẵng.

**\* Ống cống BTLT:**

- Ống cống BTLT lấy tại Công ty CP bê tông Vân Phong

**\* Xi măng, sắt, thép và các vật liệu khác:**

- Lấy tại xã Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị

**\* Bãi đổ đất thải:**

- Đất thải từ đào bóc đất không thích hợp, đào nền được vận chuyển đi đổ ở khu vực bãi thải cách công trình 2,1km.

**2. Biện pháp tổ chức thi công chủ đạo:**

**2.1. Thiết bị xây dựng:**

- Máy móc thiết bị phục vụ công tác thi công phải tuân thủ theo quy trình thi công và nghiệm thu từng hạng mục công trình. Các thiết bị thi công chính gồm: Máy ủi, máy đào, máy lu, máy tưới nước, máy san, máy rải, máy trộn bê tông, biển báo đảm bảo giao thông .....

**2.2. Thi công hệ thống thoát nước và các kết cấu bê tông khác:**

Việc thi công, nghiệm thu các hạng mục trên phải tuân thủ các quy trình và tiêu chuẩn sau đây:

- Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447-2012.

- Quy trình thi công và nghiệm thu cầu cống 22TCN 266-2000.

- Tiêu chuẩn thiết kế bê tông và bê tông cốt thép toàn khối TCVN 4453-1995.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép TCVN 4252-1987.

**2.3. Thi công nền đường:**

- Quy trình áp dụng: Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447-2012.

- TCVN 9436-2012: Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu.

**2.4. Thi công các lớp móng CPĐĐ:**

- Tiêu chuẩn TCVN 8859:2023 Lớp móng cấp phối đá dăm – Thi công và nghiệm thu.

**2.5. Thi công mặt đường bê tông nhựa:**

- TCVN 13567-1:2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu.

**3. Đánh giá tác động đến an toàn giao thông và biện pháp đảm bảo ATGT:**

- Việc đầu tư xây dựng tuyến đường sẽ có những tác động nhất định đến trật tự, an toàn giao thông trong suốt quá trình thi công xây dựng. Vì vậy cần phải có các biện pháp tổ chức, đảm bảo an toàn giao thông cho người và sự lưu thông của các phương tiện giao thông trong quá trình thi công.

- Đảm bảo giao thông là điều kiện quan trọng nhất trong giao thông đường bộ. Khu vực Đầu tuyến giao cắt đường bộ và đường sắt, nút giao cuối tuyến với đường ĐT586 hàng ngày lưu lượng người và phương tiện tham gia giao thông ra vào nút khá lớn vì vậy đòi hỏi công tác đảm bảo an toàn giao thông đặt ra phải hết sức nghiêm ngặt.

- Trong quá trình thi công xây dựng, nhà thầu cần thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp sau nhằm đảm bảo an toàn giao thông:

- Thường xuyên giám sát, đôn đốc cán bộ, công nhân viên tuân thủ thực hiện các yêu cầu về đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công xây dựng; nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ an toàn giao thông;

- Phải có phương án thi công và thời gian thi công thích hợp để không gây ùn tắc giao thông;

- Lắp đặt đầy đủ hệ thống báo hiệu đường bộ, rào chắn; Các hệ thống này phải luôn được kiểm tra, duy tu, bổ sung trong suốt quá trình thi công. Bố trí lực lượng điều tiết giao thông trong suốt quá trình thi công;

- Ban đêm tại các vị trí tiềm ẩn nguy cơ tai nạn giao thông phải lắp đặt các loại đèn cảnh báo;

- Các loại xe vận chuyển vật liệu đến công trường phải phủ bạt kín, hạn chế thấp nhất các loại bụi phát sinh làm ảnh hưởng đến người tham gia giao thông trên đường; Công tác tưới nước chống bụi phải được thực hiện thường xuyên và duy trì trong suốt thời gian thi công;

- Lực lượng thanh tra giao thông phải thường xuyên thực hiện công tác tuần tra, xử lý khi các đơn vị thi công không thực hiện đúng các quy định về đảm bảo giao thông trong quá trình thi công trên tuyến.

- Công tác đảm bảo giao thông tốt trong quá trình thi công xây dựng sẽ góp phần đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, đảm bảo giao thông thông suốt trong quá trình thi công và góp phần đảm bảo mỹ quan đô thị

## VI. BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

### 1. Phòng chống cháy nổ và an toàn lao động:

- Phải triệt để tuân thủ theo các quy định về phòng hỏa chống sét, bảo vệ môi trường an toàn lao động mà Nhà nước đã ban hành.

- Ở những nơi có thể xảy ra đám cháy, phải có sẵn dụng cụ chữa cháy, thùng đựng cát, bình bọt dập lửa, bể nước và các lối ra phụ.

- Trước mỗi ca làm việc phải kiểm tra tất cả các máy móc thiết bị thi công.

- Phải có phương tiện y tế sơ cứu đặc biệt là sơ cứu khi bị bỏng.

- Chú ý đảm bảo giao thông trên suốt phạm vi thi công để tránh gây ách tắc giao thông, xảy ra tai nạn và không ảnh hưởng đến tiến độ chung của dự án.

- Bố trí đầy đủ các loại biển báo, rào chắn, cờ đèn và người trực gác hướng dẫn gác giao thông theo đúng điều lệ Báo hiệu đường bộ ban hành.

- Tập kết, vận chuyển vật liệu gọn gàng đúng nơi quy định, vừa tránh lãng phí và đảm bảo mặt bằng thi công.

- Trong mỗi công đoạn hoặc hạng mục công việc phải có biện pháp đảm bảo ATLĐ trong quá trình thi công. Trước khi triển khai công trình cần thực hiện những vấn đề sau:

+ Phổ biến cho cán bộ công nhân viên nắm vững nội quy an toàn lao động, an toàn công trình trong quá trình thi công.

+ Công nhân làm việc phải trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ.

### 2. Vệ sinh môi trường:

- Vấn đề đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thi công hết sức quan trọng.

- Khi thi công nền đắp cần phải tưới nước để tránh bụi cho dân.

- Các xe khi thi công tham gia vận chuyển vật liệu, đất, đá phải có bạt che đậy theo quy định, không được để rơi vãi vật liệu trong quá trình vận chuyển.

- Quá trình thi công phải đảm bảo thoát nước trên công trình và trong khu vực.

- Thi công đến đâu phải thu dọn đất, vật liệu thừa sạch sẽ, đổ đúng nơi quy định, đảm bảo mỹ quan.

## VII. THỰC HIỆN DỰ ÁN

### 1. Thời gian thực hiện dự án: 2022 - 2027

### 2. Hình thức quản lý dự án:

- Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

### 3. Phương án quản lý khai thác dự án:

- Khi công trình đưa vào khai thác, việc quản lý và duy tu bảo dưỡng các hạng mục công trình do xã A Dơi thực hiện; hàng năm đề nghị UBND tỉnh cấp nguồn vốn cho công tác sửa chữa thường xuyên để đảm bảo công trình khai thác hiệu quả lâu dài.

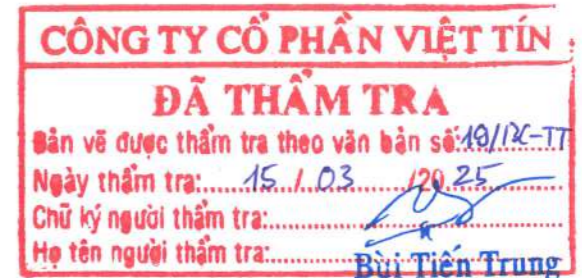
## VIII. KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

Nâng cấp, cải tạo tuyến đường trung tâm xã A Dơi có ý nghĩa quan trọng về phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh của khu vực biên giới. Phục vụ dân sinh đi lại được thuận tiện, thúc đẩy giao lưu buôn bán trao đổi nông lâm sản vùng cao với đồng bằng thành thị. Tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng bộ đội biên phòng làm nhiệm vụ bảo vệ biên giới trong khu vực. Trước những lợi ích của dự án mang lại đề nghị các cơ quan chức năng xem xét đầu tư./.

Đại diện Liên danh Công ty CP TVXD Phúc Thành  
và Công ty CP TVĐT&XD BRC

Chủ nhiệm đề án

Lê Minh Chính



Giám đốc  
Công ty CP TVXD Phúc Thành



Nguyễn Hữu Hoa

**PHẦN II:**  
**BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG**  
**VOLUME II:**  
**DETAILED ENGINEERING DESIGN DRAWINGS**

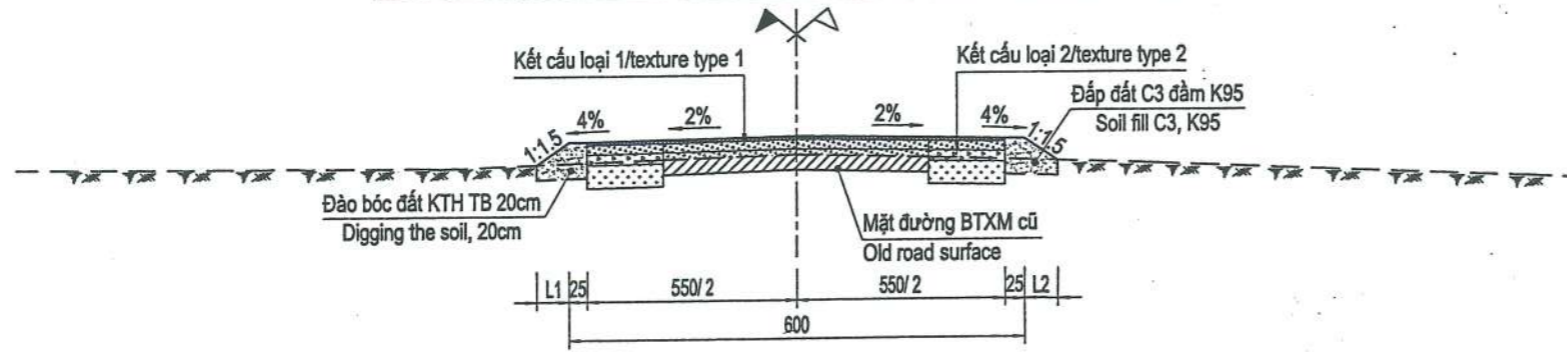
**ĐOẠN KM0+00 - KM3+306**  
**PART KM0+00 - KM3+306**

**A. CÁC BẢN VẼ ĐIỂN HÌNH**  
**A. TYPICAL DRAWINGS**

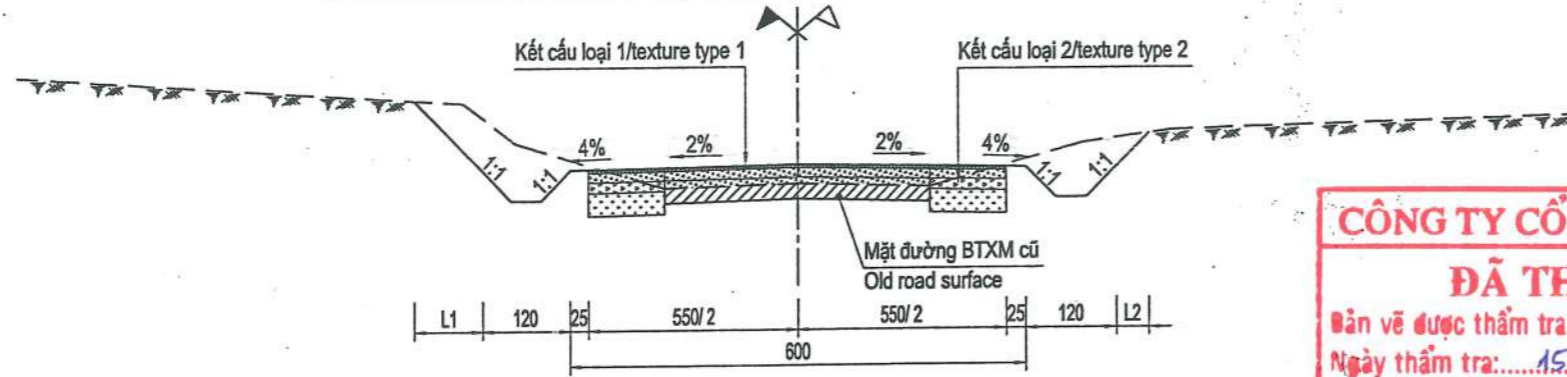
**CẮT NGANG ĐẠI DIỆN, TL:1/100/ REPRESENTATIVE CUT OFF 1/100**

ĐOẠN KM0+00 - KM3+141.64

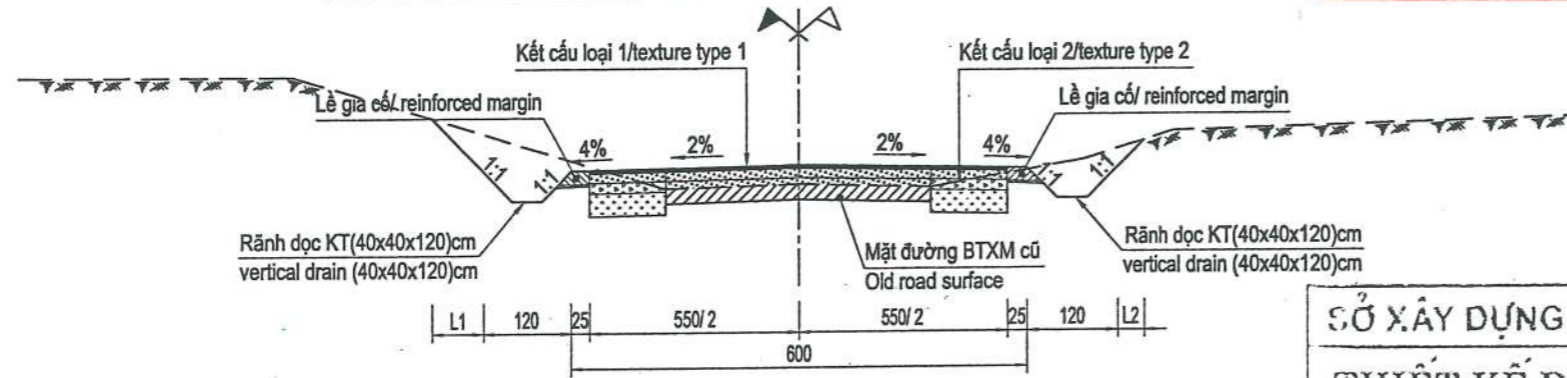
**TRƯỜNG HỢP NỀN ĐÁP THÔNG THƯỜNG/ EMBANKMENT CASE**



**TRƯỜNG HỢP NỀN ĐÀO THÔNG THƯỜNG/ PEACH BACKGROUND CASE**

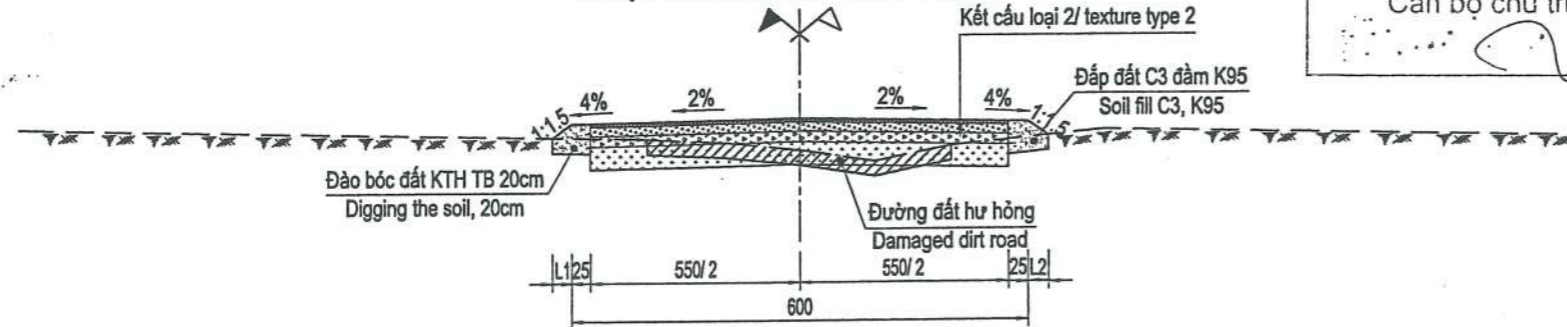


**TRƯỜNG HỢP NỀN ĐÀO CÓ GIA CỐ RÃNH/ PEACH BACKGROUND CASE**

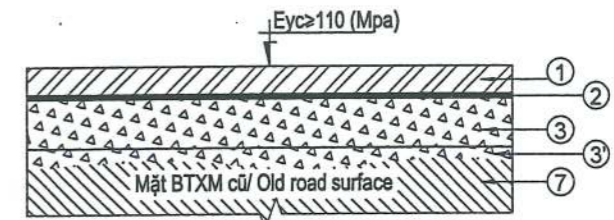


**CẮT NGANG ĐẠI DIỆN, TL:1/100/ REPRESENTATIVE CUT OFF 1/100**

ĐOẠN KM3+141.64 - KM3+306.00



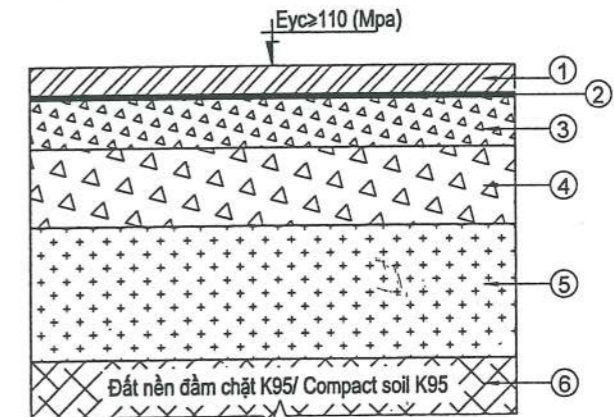
**KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG LOẠI 1/ PAVEMENT STRUCTURE TYPE 1**



Kết cấu áo đường từ trên xuống bao gồm các lớp như sau:  
The top-down pavement structure includes the following layers:

- ①- Mặt đường BTNC16 dày 7cm/ Asphalt concrete surface course 16, 7cm
- ②- Tưới nhựa thấm bảm TCN 0.8kg/m2/ Bituminous prime coat 0.8 kg/m2
- ③- Móng CPDD loại 1 Dmax 25 dày 14cm/ Graded aggregate class I Dmax 25, 14cm
- ④- Bù vênh CPDD loại 1 Dmax 25/ Offset buckled aggregate class I Dmax 25
- ⑤- Mặt đường BTXM cũ/ Old road surface

**KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG LOẠI 2/ PAVEMENT STRUCTURE TYPE 2**



Kết cấu áo đường từ trên xuống bao gồm các lớp như sau:  
The top-down pavement structure includes the following layers:

- ①- Mặt đường BTNC16 dày 7cm/ Asphalt concrete surface course 16, 7cm
- ②- Tưới nhựa thấm bảm TCN 0.8kg/m2/ Bituminous prime coat 0.8 kg/m2
- ③- Móng CPDD loại 1 Dmax 25 dày 14cm/ Graded aggregate class I Dmax 25, 14cm
- ④- Móng CPDD loại 1 Dmax 37,5 dày 16cm/ Graded aggregate class I Dmax 37,5, 16cm
- ⑤- Nền đất đảm chặt K98 dày 30cm/ Subgrade K98, 50cm
- ⑥- Đất nền đảm chặt K95/ The ground is compacted

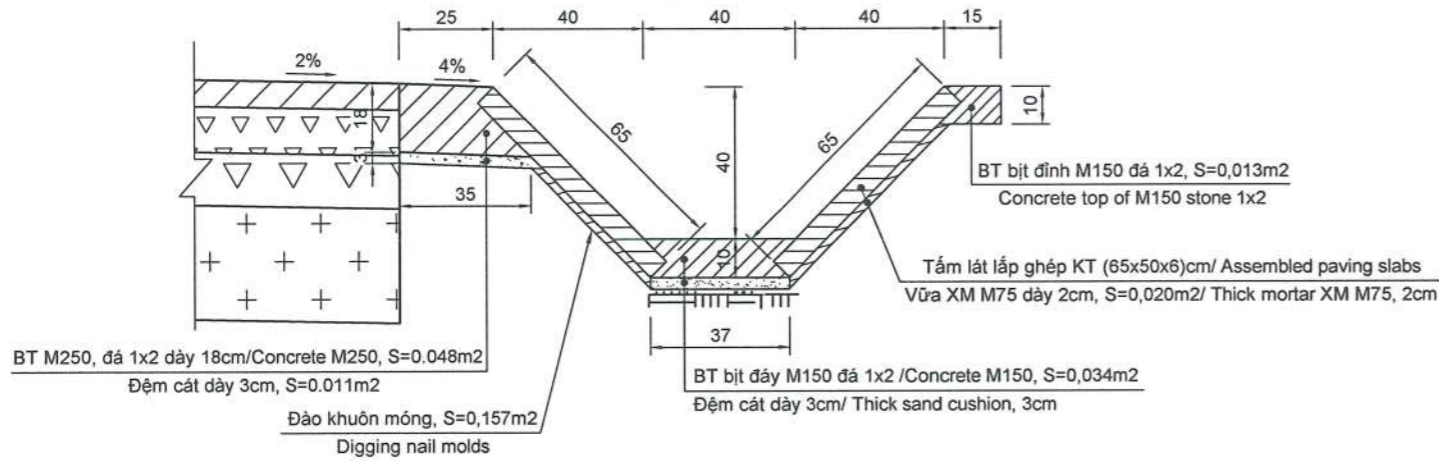
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT 1**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 10/BC-TT  
Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1262/ SXD  
Ngày: 20/06/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

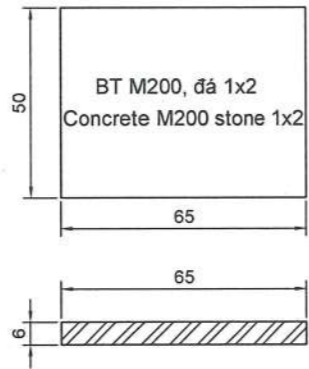
**GHI CHÚ:**  
- Kích thước bản vẽ ghi bằng cm.  
- Drawing dimensions in cm.

<p>CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE</p>	<p>DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE</p>	<p>CHỦ NHIỆM ĐÓNG ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIẾN THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p>QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHÚC THÀNH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY TƯ VẤN GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: <i>[Signature]</i> PHÚC THÀNH NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p><b>CẮT NGANG ĐẠI HIỆN REPRESENTATIVE CUT OFF</b></p>
<p>LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ &amp; XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY</p>	<p>TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HUƠNG HÓA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</p>			<p>TỶ LỆ / SCALE: LẦN XUẤT BẢN / REV: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 11 MÃ SỐ / CODE:</p>

**TRƯỜNG HỢP RÃNH DỌC VÀ PHẦN LỀ GIA CÓ BTXM  
CURRENT CASE AND REINFORCED BTXM**

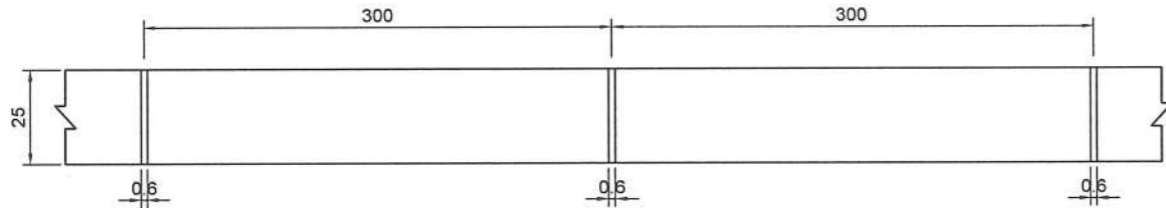


**CẤU TẠO TẤM LÁT KT (65x50x6)CM, TL: 1/20  
PAVING SLAB STRUCTURE**

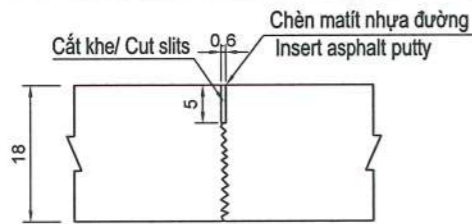


**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
Họ tên người thẩm tra: **Bùi Tiến Trung**

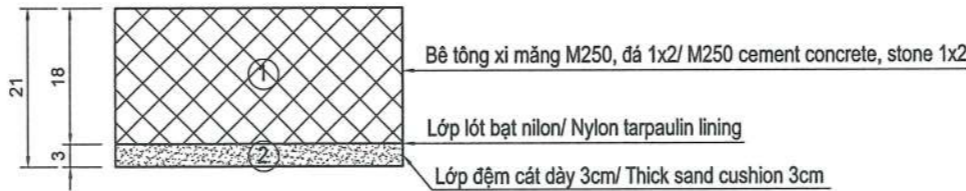
**SƠ ĐỒ CẮT KHE CHỐNG NỨT GIA CỐ LỀ BẰNG BTXM  
ANTI-CRACKING SLIT CUTTING DIAGRAM**



**CẮT KHE CHỐNG NỨT/ ANTI-CRACKING SLIT CUT**



**KẾT CẤU GIA CỐ LỀ/ MARGIN REINFORCEMENT STRUCTURE**



**BẢNG KHỐI LƯỢNG RÃNH DỌC GIA CỐ BẰNG TẤM TÁT VÀ LỀ GIA CỐ BTXM**

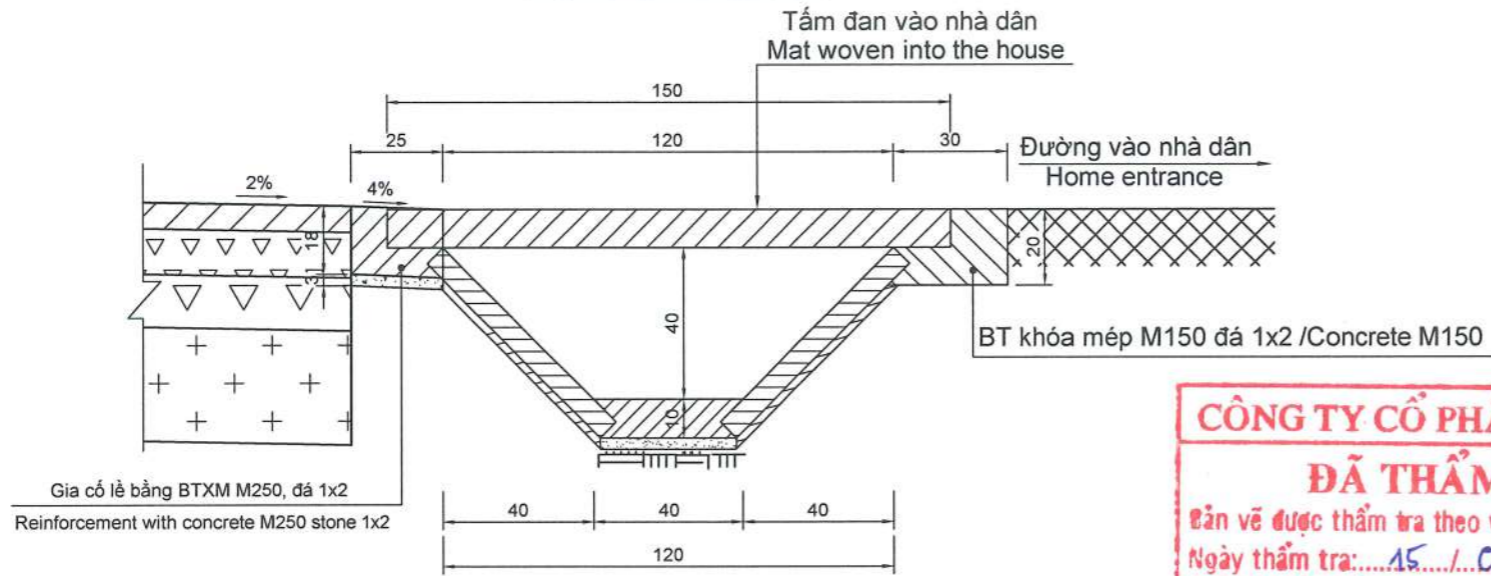
Đoạn Km0+00 - KM3+306

STT/ No.	Hạng mục công việc/ Items		Đơn vị/ Unit	Khối lượng đơn vị/ Unit volume	Tổng khối lượng/ Volume
<b>A</b>	<b>Chiều dài rãnh dọc gia cố + Lề gia cố/Length of drainage</b>		<b>m</b>	<b>1,00</b>	<b>1266,00</b>
1	Km0+647,91 ÷ Km0+852,96	Hai bên tuyến/ Both sides	m		410,10
2	Km1+087,94 ÷ Km1+163,78	Phải tuyến/ Right	m		75,84
3	Km1+306,23 ÷ Km1+453,72	Trái tuyến/ Left	m		147,49
4	Km1+276,58 ÷ Km1+453,72	Phải tuyến/ Right	m		177,14
5	Km3+020,25 ÷ Km3+200,54	Trái tuyến/ Left	m		180,29
6		Phải tuyến/ Right	m		180,29
7	Km3+250,79 ÷ Km3+306,00	Trái tuyến/ Left	m		47,61
8		Phải tuyến/ Right	m		47,61
<b>B</b>	<b>Khối lượng rãnh dọc gia cố/ Volume of drainage</b>		<b>m</b>	<b>1,00</b>	<b>1266,00</b>
1	Diện tích gia cố/ Area		m <sup>2</sup>	1,300	1645,80
2	Tấm lát KT(65x50x6)cm/ The slab		tấm	4,000	5064,00
3	Bê tông tấm lát M200 đá 1x2		m <sup>3</sup>	0,078	98,75
4	Ván khuôn tấm lát/ Form work		m <sup>2</sup>	0,552	698,83
5	Bê tông đáy rãnh M150 đá 1x2/ Concrete M150		m <sup>3</sup>	0,034	43,04
6	Bê tông bịt đỉnh tấm lát M150 đá 1x2/ Concrete M150		m <sup>3</sup>	0,013	16,46
7	Đệm vữa XM dưới tấm lát M75 dày 2cm/ Cement mortar		m <sup>3</sup>	0,020	25,32
8	Đệm cát đáy rãnh dày 3cm/ Bedding sand		m <sup>3</sup>	0,011	14,05
9	Ván khuôn đổ bê tông bịt đỉnh tấm lát/ Form work		m <sup>2</sup>	0,100	126,60
10	Đào khuôn gia cố rãnh/ Soil excavation		m <sup>3</sup>	0,157	198,76
<b>C</b>	<b>Khối lượng lè gia cố BTXM/ Reinforcement bar weight BTXM</b>		<b>m</b>	<b>1,00</b>	<b>1266,00</b>
1	Gia cố lè BTXM M250 dày 18cm /Reinforcement with concrete M250 stone 1x2		m <sup>3</sup>	0,048	60,77
2	Lót bạt nilon/ Nylon tarpaulin lining		m <sup>2</sup>	0,350	443,10
3	Cắt khe lè gia cố BTXM chống nứt/ Anti-cracking slit cut		m		106,00
4	Đệm cát dày 3cm/ Thick sand cushion 3cm		m <sup>3</sup>	0,011	13,93

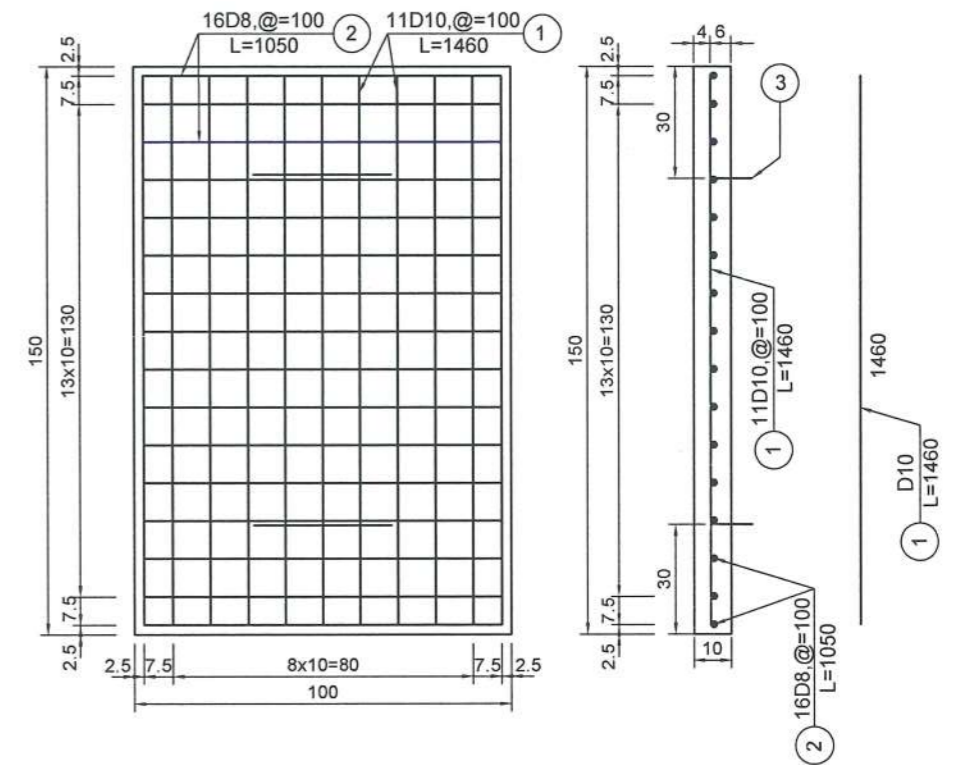
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1262/SXD  
Ngày: 20/08/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

<p>CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE</p> <p>CĐT &amp; QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD</p> <p>LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ &amp; XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY</p>	<p>DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE</p> <p>TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A ĐOI, HUYỆN HƯƠNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT</p> <p>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</p>	<p>CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH</p> <p>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN</p> <p>THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT</p> <p>K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p>QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 8 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: <i>[Signature]</i> PHÚC THÀNH</p>	<p><b>CẤU TẠO RÃNH THOÁT NƯỚC DỌC/ STRUCTURE WATER DRAINER</b></p> <p>TỶ LỆ / SCALE: ĐÃ GHI</p> <p>LẦN XUẤT BẢN / REV: ĐÃ GHI</p> <p>BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 12</p> <p>MÃ SỐ / CODE:</p>
--	--	---	---	--

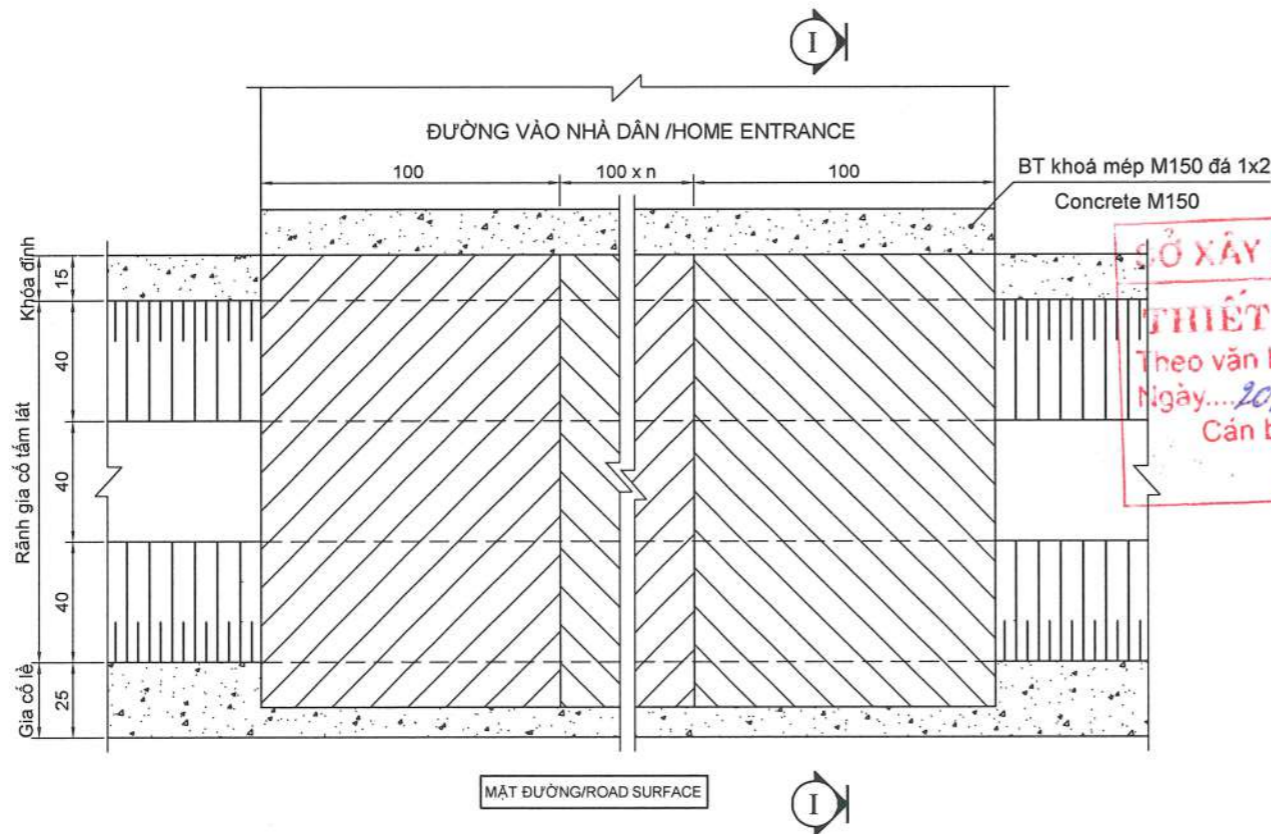
MẶT CẮT/SECTION I - I



CẤU TẠO TẤM ĐAN LỐI VÀO NHÀ DÂN, TL: 1/20  
STRUCTURE OF A BAMBOO MAT USED AS HOUSE GATE, SCALE: 1/20

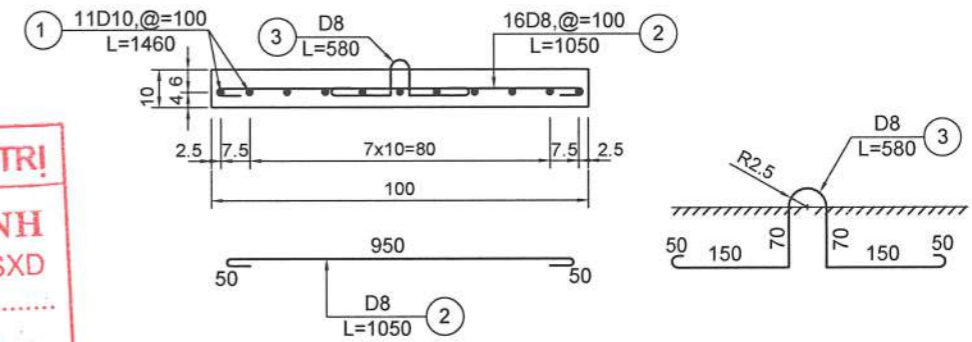


MẶT BẰNG BỐ TRÍ TẤM ĐAN LỐI VÀO NHÀ DÂN, TL1/25  
LAYOUT OF WOVEN BAMBOO GATE AT THE ENTRANCE TO A RESIDENTIAL HOUSE, SCALE: 1/25



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
Chữ ký người thẩm tra: [Signature]  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

**CÔNG TY XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1762./SXĐ  
Ngày: 20/01/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: [Signature]



KL VẬT LIỆU 1 TẤM ĐAN KT(150\*100\*10)CM

Số hiệu	Đường kính (mm)	Số lượng thanh	Chiều dài 1 thanh (mm)	Tổng chiều dài (m)	K. lượng 1m dài (kg)	Tổng K. lượng (kg)
1	10	11	1460	16,06	0,617	9,909
2	8	16	1050	16,80	0,395	6,636
3	8	2	580	1,16	0,395	0,458
1. Thép tròn d<=10mm (kg)						17,003
2. Bê tông M250 đá 1x2 (m3)				1,5*1*0,1		0,150
3. Ván khuôn thép (m2)				(1,5+1)*2*0,1		0,50

<p>CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE</p> <p>CĐT &amp; QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD</p> <p>LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ &amp; XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY</p>	<p>DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE</p> <p>Tiểu dự án: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯƠNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT</p> <p>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</p>	<p>CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH</p> <p>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN</p> <p>THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT</p> <p>K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p>QUẢNG TRỊ, NGÀY 06 THÁNG 06 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY</p> <p>GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p>CẤU TẠO TẤM ĐAN LỐI VÀO NHÀ DÂN/ STRUCTURE OF A BAMBOO WEAVE AT THE ENTRANCE OF A HOUSE</p> <p>TỶ LỆ / SCALE: ĐÃ GHI</p> <p>LẦN XUẤT BẢN / REV: 13</p> <p>BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 13</p> <p>MÃ SỐ / CODE:</p>
--	--	---	--	--

**TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TẤM ĐAN LÓI VÀO NHÀ DÂN**

STT	Hạng mục công việc	Đ.vị	Khối lượng đơn vị	Tổng khối lượng
*	Số lượng tấm đan vào nhà dân	tấm	1,0	63,000
1	Bê tông tấm đan M250 đá 1x2	m3	0,150	9,450
2	Thép tròn tấm đan d<=10mm	kg	17,003	1.071,189
3	Ván khuôn thép đúc tấm đan	m2	0,500	31,500
4	Lắp đặt tấm đan KT (150x100x10)cm	ck	1,0	63,000

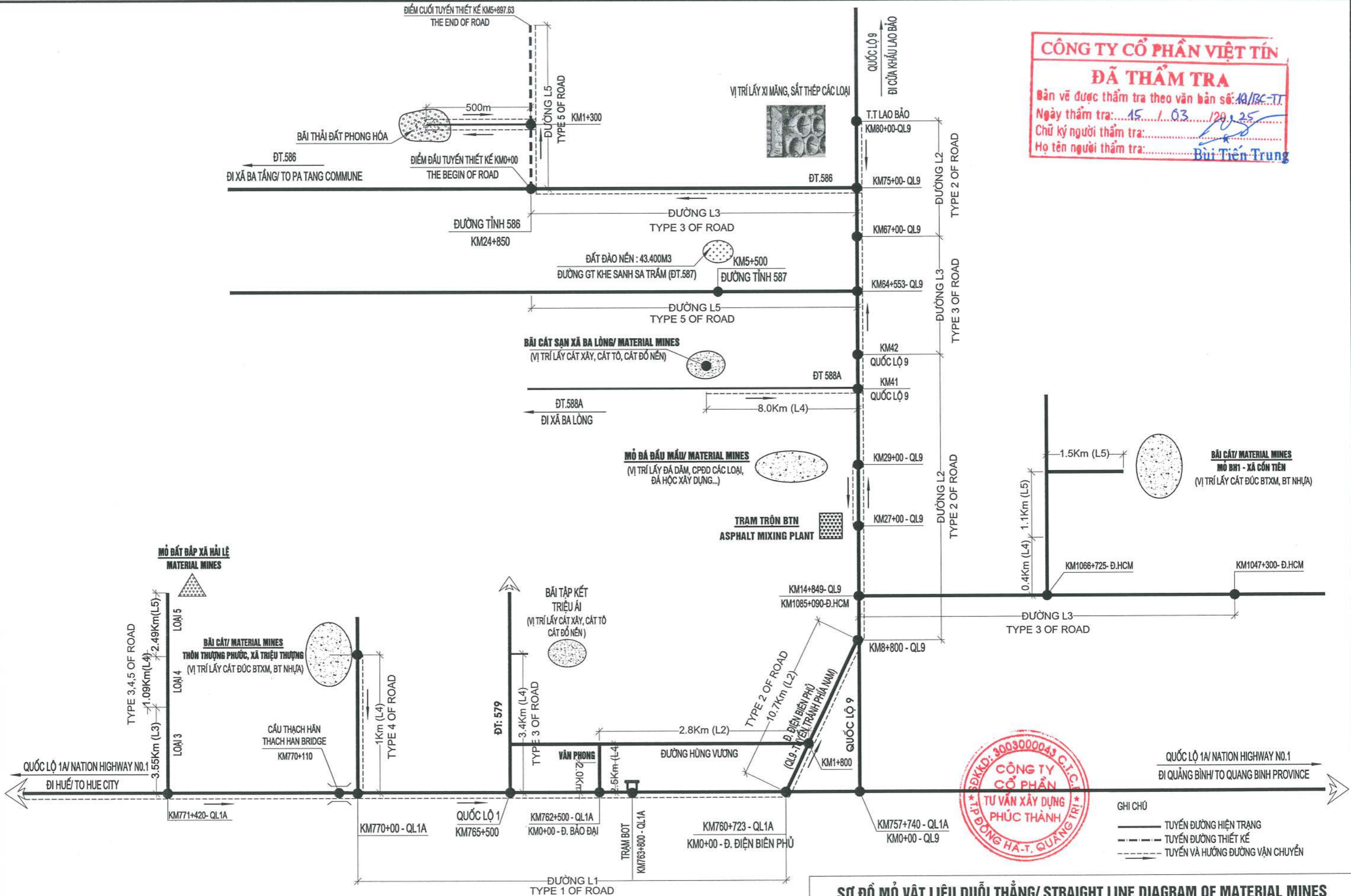
**BẢNG THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG TẤM ĐAN LÓI VÀO NHÀ DÂN**

TT/ No.	Lý trình/ Station	Vị trí /Location		Số lượng tấm đan /Number of woven panels	Tên chủ hộ/ Name of household head	
		Trái tuyến/ Left	Phải tuyến/ Right			
1	Km0+654,09		P	3,0		
2	Km0+781,48	T		3,0		
3	Km0+783,48		P	3,0		
4	Km0+791,48	T		3,0		
5	Km0+794,78		P	3,0		
6	Km0+809,48	T		3,0		
7	Km0+819,48	T		3,0		
8	Km0+819,48		P	3,0		
9	Km1+096,89		P	3,0		
10	Km1+112,00		P	3,0		
11	Km1+130,00		P	3,0		
12	Km1+450,00		P	3,0		
13	Km3+029,00	T		3,0		
14	Km3+067,00	T		3,0		
15	Km3+075,00	T		3,0		
16	Km3+097,00	T		3,0		
17	Km3+105,00	T		3,0		
18	Km3+118,00	T		3,0		
19	Km3+128,00	T		3,0		
20	Km3+147,00	T		3,0		
21	Km3+284,00	T		3,0		
<b>Tổng cộng /Total</b>				<b>63,0</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 18/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1262/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER LÊ MINH CHÍNH <i>[Signature]</i>	QUẢNG TRỊ NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR PHÚC THÀNH NGUYỄN HỮU HOA	<b>TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TẤM ĐAN LÓI VÀO NHÀ DÂN / TOTAL MASS OF WOVEN PLATE</b>		
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER NGUYỄN LÊ HIỂN <i>[Signature]</i>		TỶ LỆ / SCALE: ĐÃ GHI	BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 14	
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	THIẾT KẾ / DESIGN BY NGUYỄN HỮU DUẬT <i>[Signature]</i>		LẦN XUẤT BẢN / REV:	MÃ SỐ / CODE:	



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 10/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15 / 03 / 2025  
 Chủ ký người thẩm tra: *Bùi Tiên Trung*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

ĐKKD: 3003000043 C.T.C.T  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 T.P. ĐỒNG HẢI - T. QUẢNG TRỊ

GHI CHÚ  
 ————— TUYẾN ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG  
 - - - - - TUYẾN ĐƯỜNG THIẾT KẾ  
 - - - - - TUYẾN VÀ HƯỚNG ĐƯỜNG VẬN CHUYỂN

**SƠ ĐỒ MỎ VẬT LIỆU DUỐI THẲNG/ STRAIGHT LINE DIAGRAM OF MATERIAL MINES**  
 DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ  
 PROJECTS: BUILDING INFRASTRUCTURE TO ADAPT TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) - COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE  
 TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A ĐOI, HUYỆN HƯƠNG HÓA  
 SUB-PROJECTS: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT A DOI COMMUNE, HUONG HOA DISTRICT

**B. BÌNH ĐỒ - CẮT DỌC - TRẮC NGANG**  
**B. PLAN - PROFILE - CROSS SECTION**

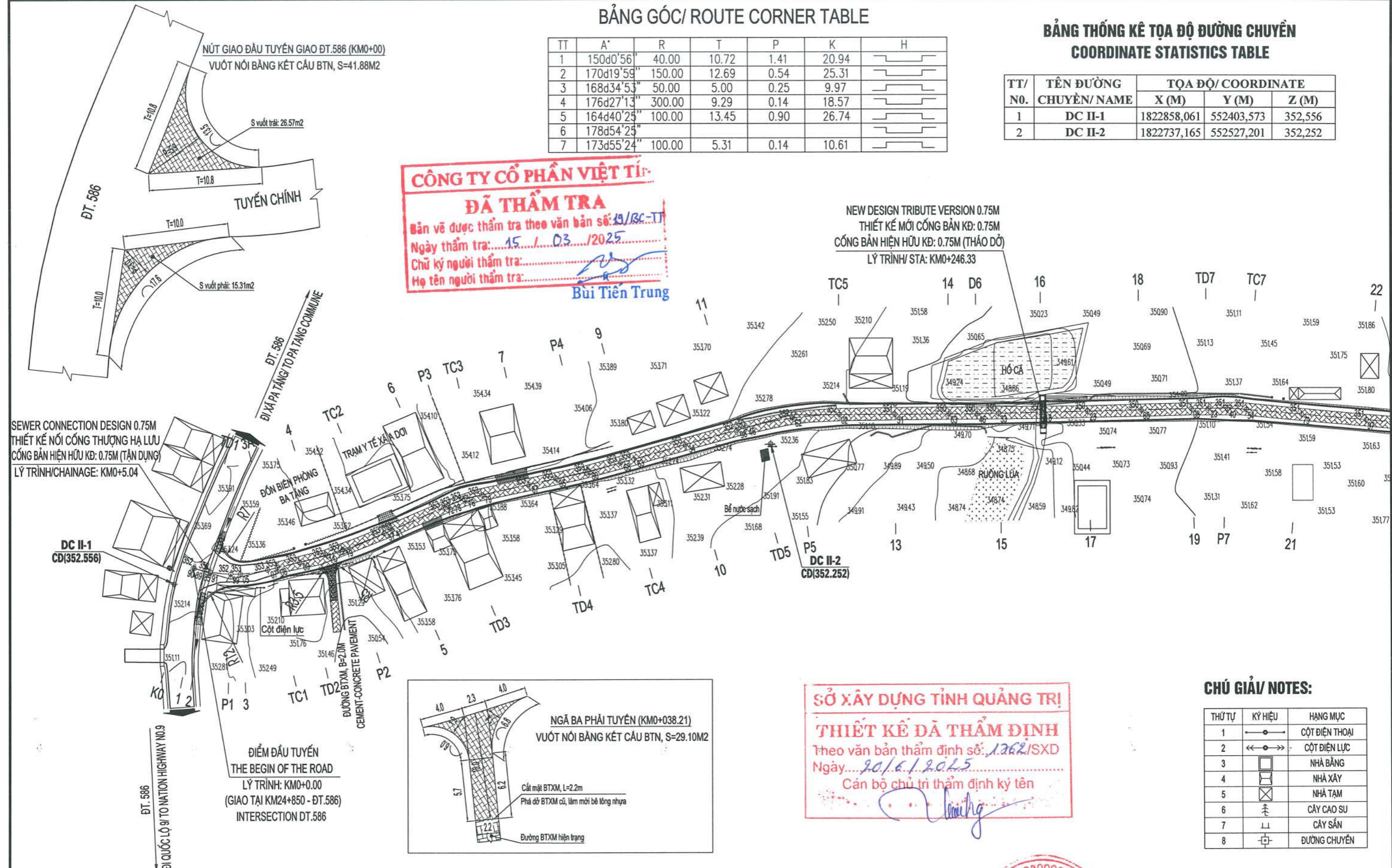
**BẢNG GÓC/ ROUTE CORNER TABLE**

TT	A'	R	T	P	K	H
1	150d0'56"	40.00	10.72	1.41	20.94	
2	170d19'59"	150.00	12.69	0.54	25.31	
3	168d34'53"	50.00	5.00	0.25	9.97	
4	176d27'13"	300.00	9.29	0.14	18.57	
5	164d40'23"	100.00	13.45	0.90	26.74	
6	178d54'23"					
7	173d55'24"	100.00	5.31	0.14	10.61	

**BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ ĐƯỜNG CHUYỀN  
COORDINATE STATISTICS TABLE**

TT/ NO.	TÊN ĐƯỜNG CHUYỀN/ NAME	TỌA ĐỘ/ COORDINATE		
		X (M)	Y (M)	Z (M)
1	DC II-1	1822858,061	552403,573	352,556
2	DC II-2	1822737,165	552527,201	352,252

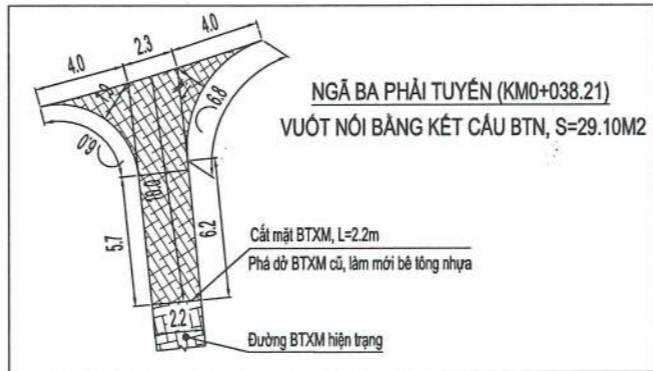
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TI-**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
Họ tên người thẩm tra: **Bùi Tiến Trung**



**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1262/SXD  
Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1		CỘT ĐIỆN THOẠI
2		CỘT ĐIỆN LỰC
3		NHÀ BÀNG
4		NHÀ XÂY
5		NHÀ TẠM
6		CÂY CAO SU
7		CÂY SẴN
8		ĐƯỜNG CHUYỀN



<p>CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE</p> <p>CĐT &amp; QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD</p> <p>LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ &amp; XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY</p>	<p>DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE</p> <p>Tiểu dự án: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT</p> <p>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</p>	<p>CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH</p> <p>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN</p> <p>THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT</p> <p>K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p>QUẢNG TRỊ NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY TƯ VẤN GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p><b>BÌNH ĐỒ TUYẾN/ PLAN OF ROAD</b> LÝ TRÌNH/STA.: KMO+0.00 - KMO+337.87</p> <p>TỶ LỆ / SCALE: 1/1000 LẦN XUẤT BẢN / REV:</p> <p>BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 17 MÃ SỐ / CODE:</p>
--	--	---	--	---

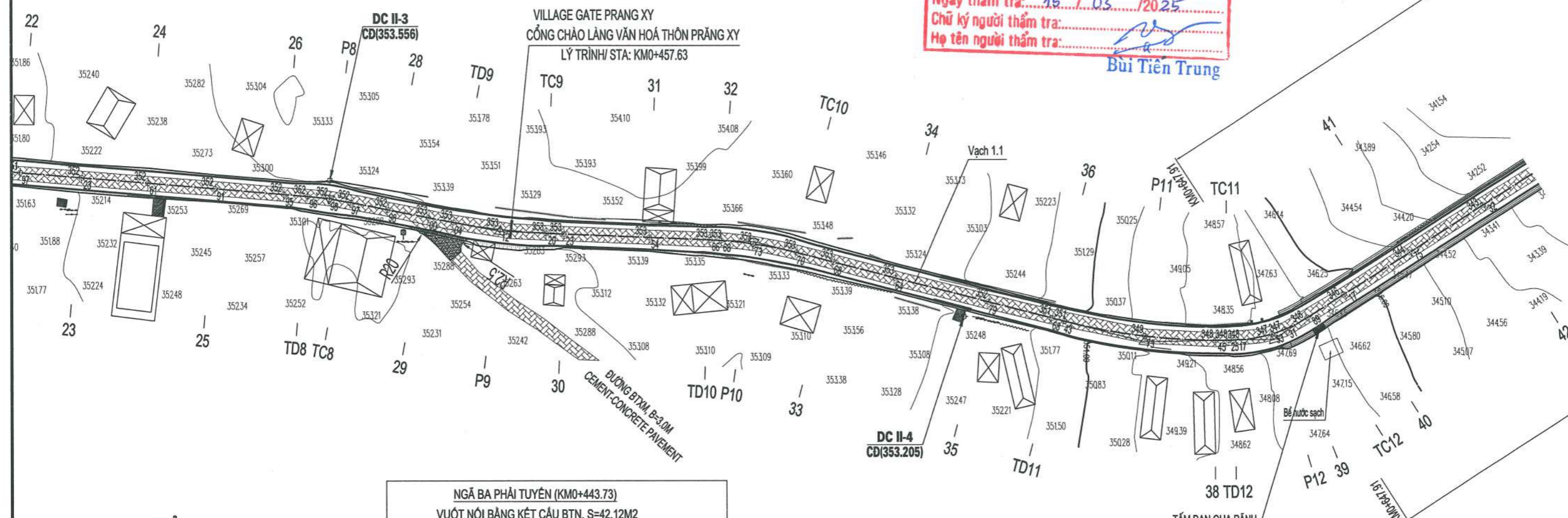
**BẢNG THỐNG KÊ TỌ ĐỘ ĐƯỜNG CHUYỀN**  
**COORDINATE STATISTICS TABLE**

TT/ NO.	TÊN ĐƯỜNG CHUYỀN/ NAME	TỌ ĐỘ/ COORDINATE		
		X (M)	Y (M)	Z (M)
3	DC II-3	1822534,664	552662,018	353,556
4	DC II-4	1822387,886	552716,938	353,205

**BẢNG GÓC/ ROUTE CORNER TABLE**

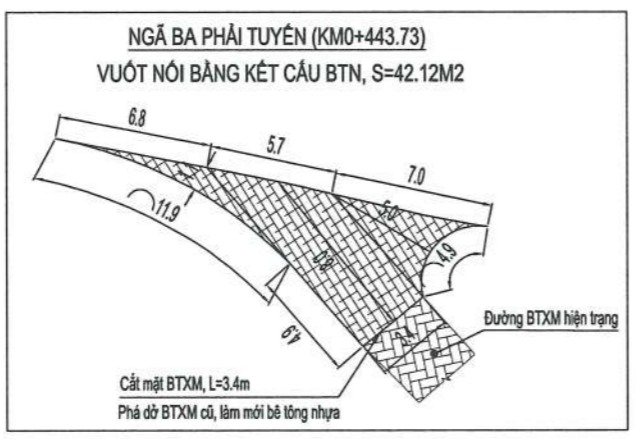
TT	A°	R	T	P	K	H
8	173d52'58"	99.94	5.34	0.14	10.67	
9	171d21'20"	150.06	11.34	0.43	22.64	
10	167d53'19"	100.01	10.61	0.56	21.14	
11	164d41'18"	150.02	20.17	1.35	40.09	
12	148d40'43"	34.99	9.81	1.35	19.13	

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
Ngày thẩm tra: 15/1/2025  
Chữ ký người thẩm tra: *Bùi Tiên Trung*  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung



**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1		CỘT ĐIỆN THOẠI
2		CỘT ĐIỆN LỰC
3		NHÀ BẰNG
4		NHÀ XÂY
5		NHÀ TÂM
6		CÂY CAO SU
7		CÂY SÁN
8		ĐƯỜNG CHUYỀN



**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1762/SXD  
Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *Nguyễn Hữu Hoa*

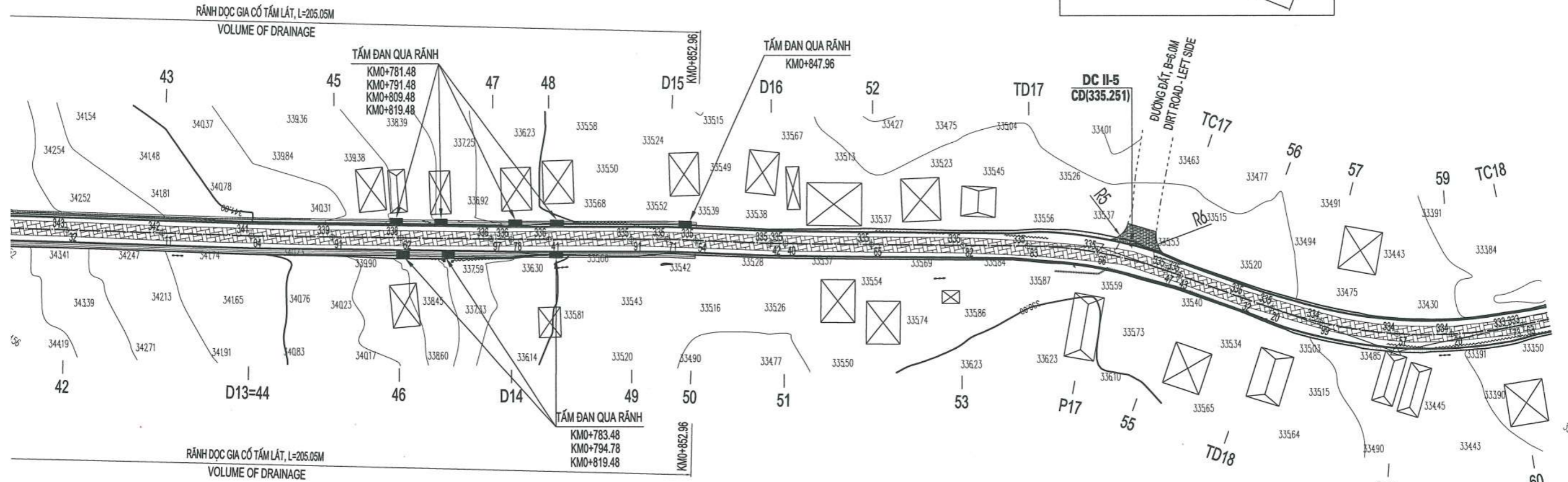
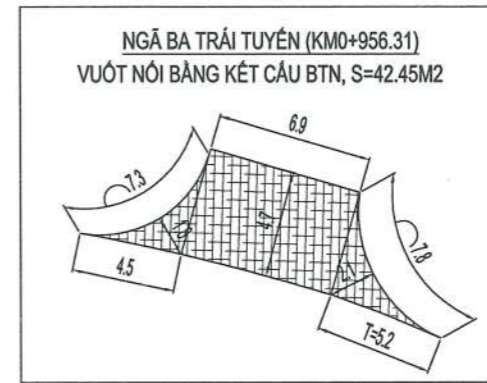
CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE  CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD  LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯƠNG HOA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER LÊ MINH CHÍNH	QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR NGUYỄN HỮU HOA	<b>BÌNH ĐỒ TUYẾN/ PLAN OF ROAD</b> LÝ TRÌNH/STA.: KMO+337.87 - KMO+704.66
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER NGUYỄN LÊ HIẾN		
		K.C.S / QUALITY CONTROL NGUYỄN HỮU HOA	LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:	

**BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ ĐƯỜNG CHUYỂN**  
**COORDINATE STATISTICS TABLE**

TT/ NO.	TÊN ĐƯỜNG CHUYỂN/ NAME	TỌA ĐỘ/ COORDINATE		
		X (M)	Y (M)	Z (M)
5	DC II-5	1822193,867	553035,934	335,251

**BẢNG GÓC/ ROUTE CORNER TABLE**

TT	A°	R	T	P	K	H
13	178D53'4"					
14	179D11'47"					
15	177D38'30"					
16	178D15'45"					
17	161d7'11"	99.99	16.63	1.37	32.95	
18	148d38'3"	109.99	30.88	4.25	60.21	



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 10/BC-TT  
Ngày thẩm tra: 15/1/2025  
Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
Họ tên người thẩm tra: **Bùi Tiên Trung**

**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1	—●—	CỘT ĐIỆN THOẠI
2	←●→	CỘT ĐIỆN LỰC
3	□	NHÀ BĂNG
4	▣	NHÀ XÂY
5	⊗	NHÀ TẮM
6	⊕	CÂY CAO SU
7	⊥	CÂY SẢN
8	⊠	ĐƯỜNG CHUYỂN

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1362/ISXD  
Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

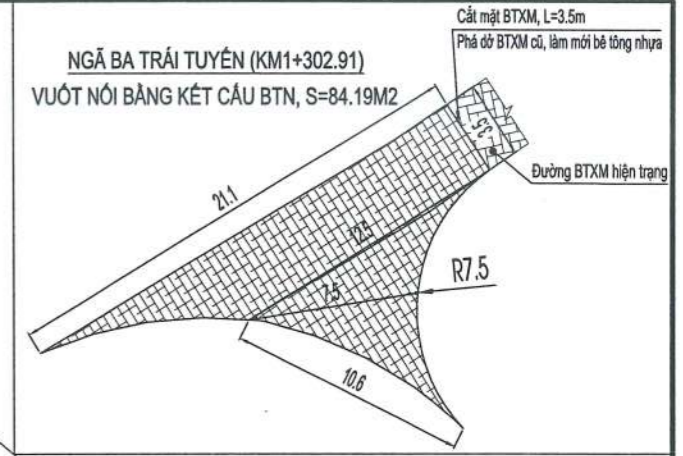
CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A ĐOI, HUYỆN HUƠNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUƠNG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: <i>[Signature]</i> PHÚC THÀNH	<b>BÌNH ĐỒ TUYẾN/ PLAN OF ROAD</b> LÝ TRÌNH/STA.: KM0+704.66 - KM1+060.65 TỶ LỆ / SCALE: LẦN XUẤT BẢN / REV:
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 19 MÃ SỐ / CODE:		

**BẢNG GÓC/ ROUTE CORNER TABLE**

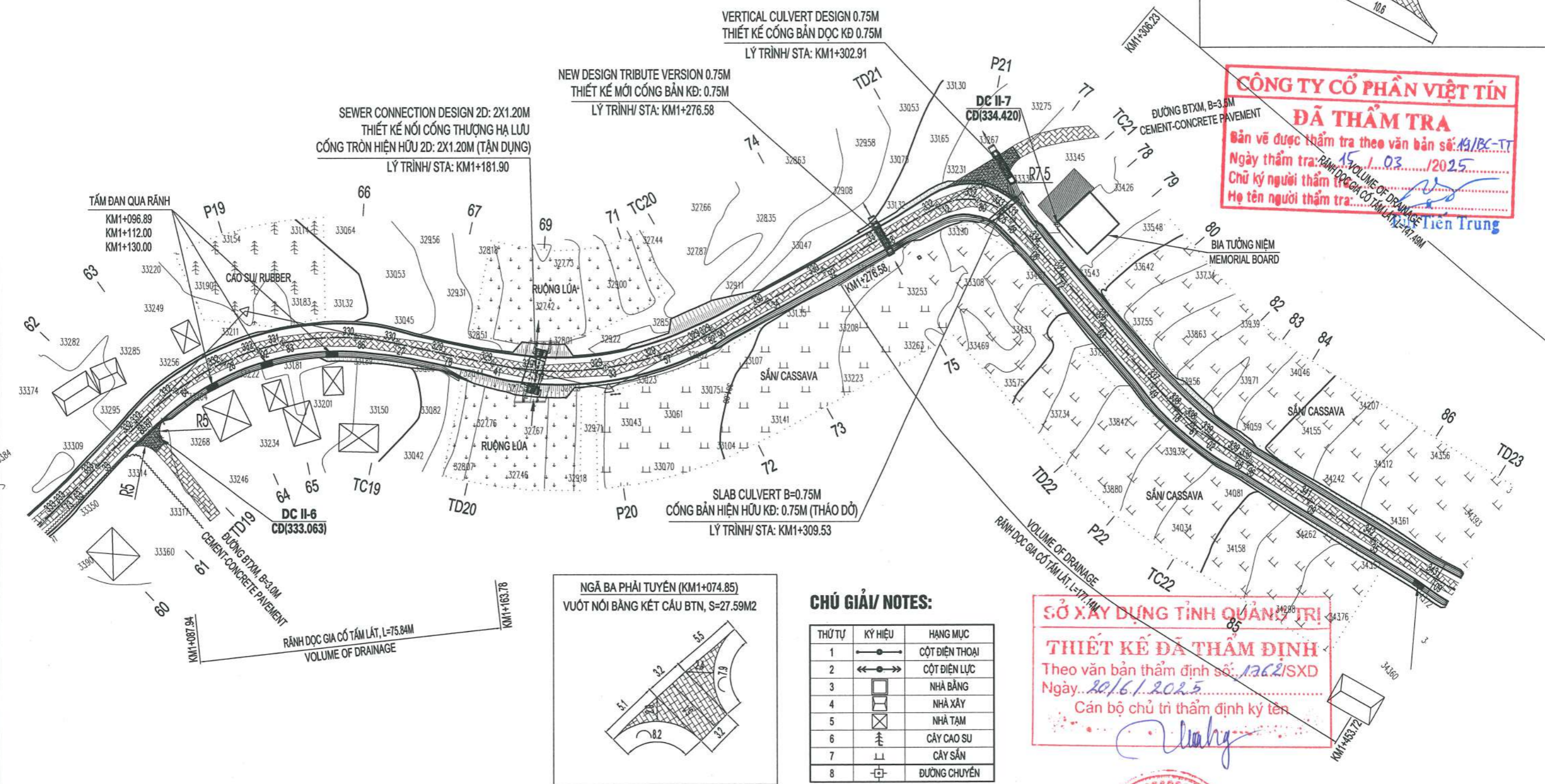
19	121d53'8"	70.00	38.89	10.08	71.00	
20	139d5'39"	80.01	29.84	5.38	57.12	
21	101d55'0"	15.00	12.16	4.31	20.44	
22	162d32'46"	90.01	13.82	1.05	27.42	

**BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ ĐƯỜNG CHUYỀN  
COORDINATE STATISTICS TABLE**

TT/ NO.	TÊN ĐƯỜNG CHUYỀN/ NAME	TỌA ĐỘ/ COORDINATE		
		X (M)	Y (M)	Z (M)
6	DC II-6	1822128,689	553137,409	333,063
7	DC II-7	1821967,330	553303,403	334,420



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/1/2025  
 Chủ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: *[Name]*



**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1		CỘT ĐIỆN THOẠI
2		CỘT ĐIỆN LỰC
3		NHÀ BẰNG
4		NHÀ XÂY
5		NHÀ TẠM
6		CÂY CAO SU
7		CÂY SẴN
8		ĐƯỜNG CHUYỀN

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1362/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

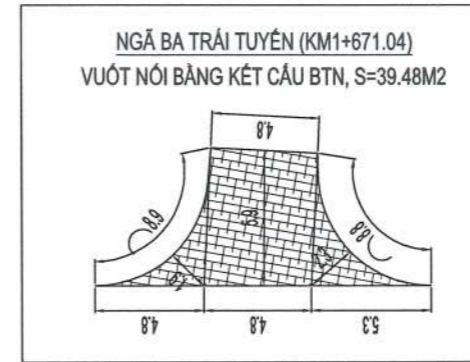
CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯƠNG HOA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA	<b>BÌNH ĐỒ TUYẾN/ PLAN OF ROAD</b> LÝ TRÌNH/STA.: KM1+060.65 - KM1+453.72 TỶ LỆ / SCALE: LẦN XUẤT BẢN / REV: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO.: 20 MÃ SỐ / CODE:
---	---	--	--	---

**BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ ĐƯỜNG CHUYỀN**  
**COORDINATE STATISTICS TABLE**

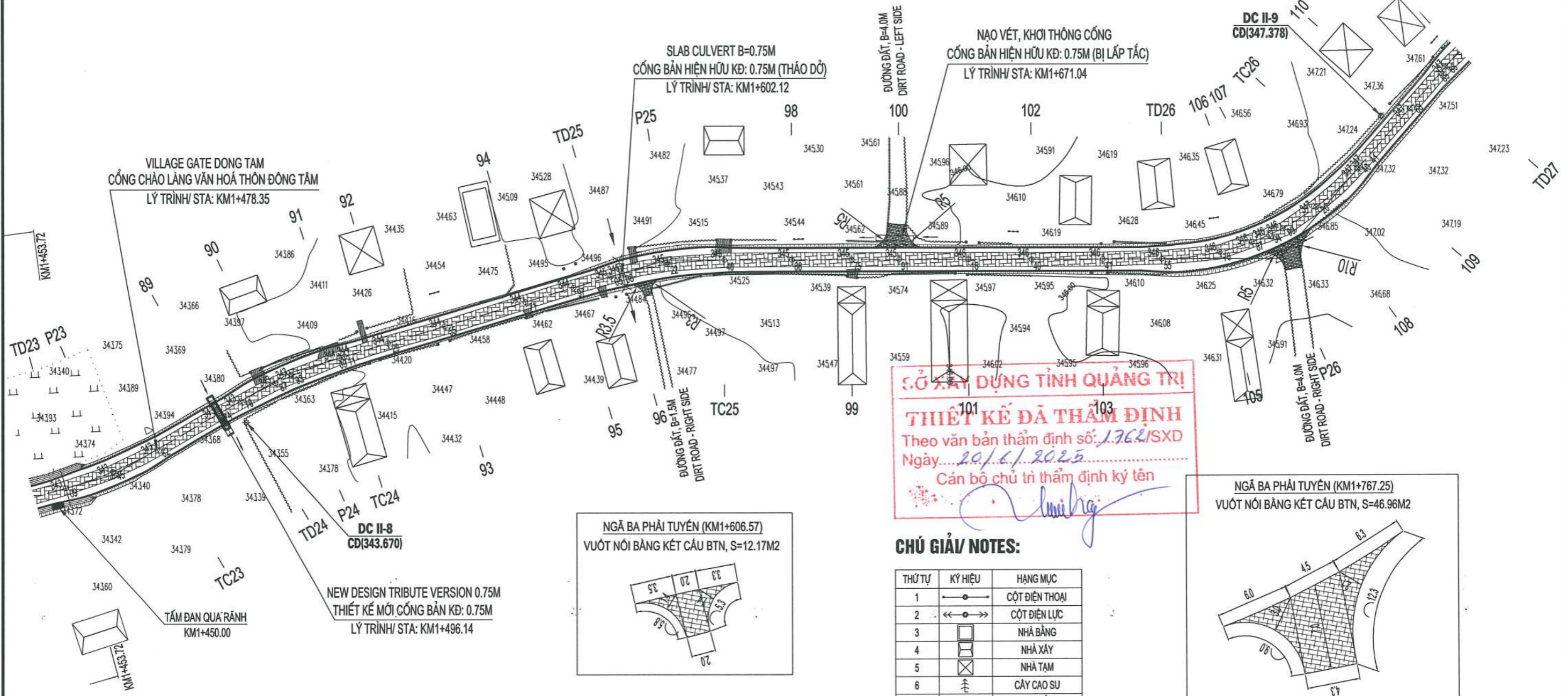
TT/ NO.	TÊN ĐƯỜNG CHUYỀN/NAME	TỌA ĐỘ/ COORDINATE		
		X (M)	Y (M)	Z (M)
8	DC II-8	1821791,966	553283,912	343,670
9	DC II-9	1821500,905	553283,824	347,378

**BẢNG GÓC/ ROUTE CORNER TABLE**

23	165d53'9"	99.98	12.38	0.76	24.63	
24	166d37'22"	119.97	14.07	0.82	28.01	
25	163d37'16"	100.01	14.39	1.03	28.59	
26	131d26'15"	65.00	29.32	6.31	55.09	



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: A/B/C...TT  
Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
Chữ ký người thẩm tra:   
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung



**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1762/SXD  
Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1		CỘT ĐIỆN THOẠI
2		CỘT ĐIỆN LỰC
3		NHÀ BÀNG
4		NHÀ XÂY
5		NHÀ TÀM
6		CÂY CAO SU
7		CÂY SẦN
8		ĐƯỜNG CHUYỀN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE  
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ  
PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD  
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC  
CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ  
PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE  
TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯƠNG HÒA  
SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT  
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH  
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN  
THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT  
K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA

QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA

**BÌNH ĐỒ TUYẾN/ PLAN OF ROAD**  
LÝ TRÌNH/STA.: KM1+453.72 - KM1+824.28  
TỶ LỆ / SCALE:  
LẦN XUẤT BẢN / REV:  
BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 21  
MÃ SỐ / CODE:

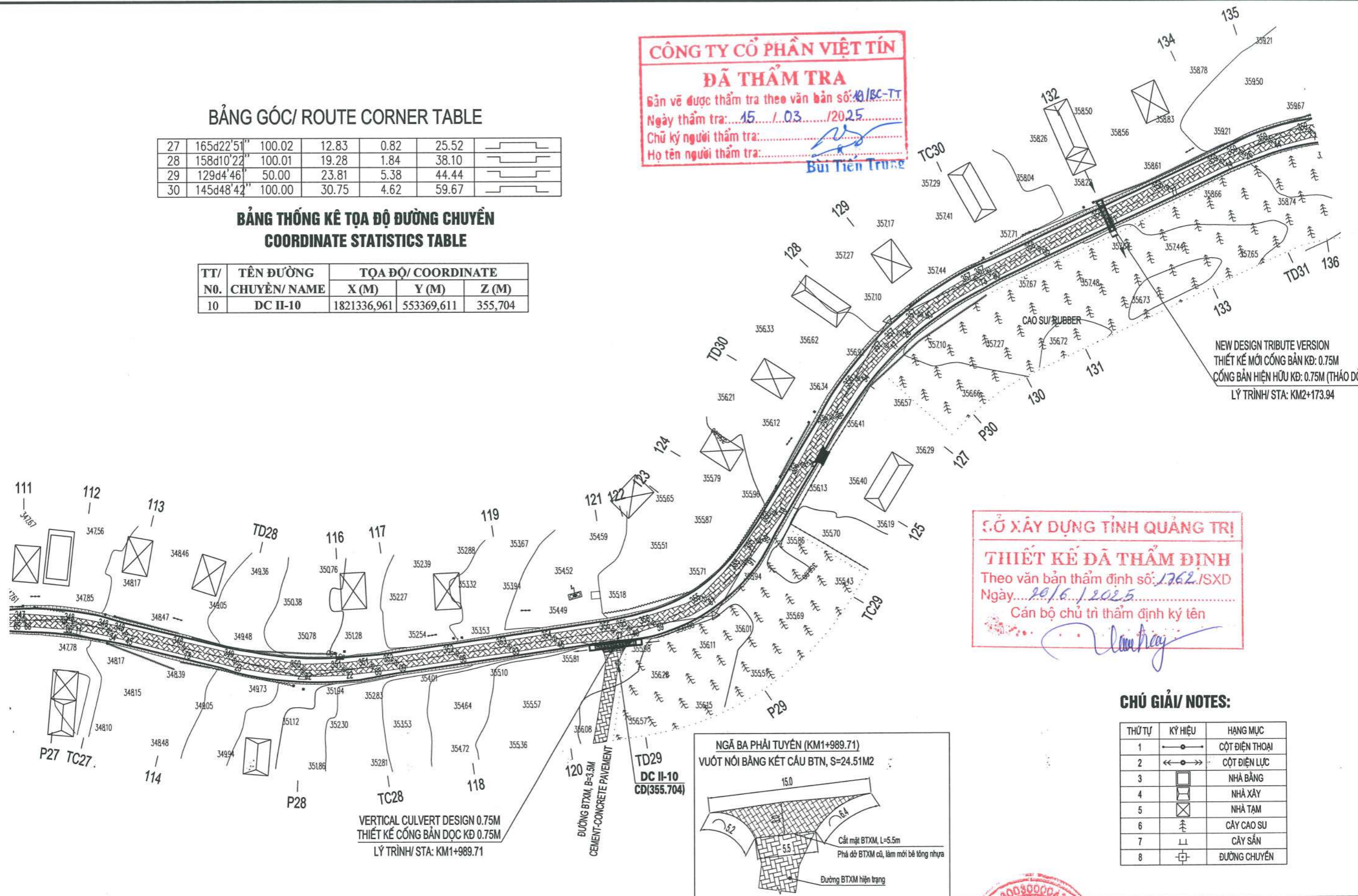
**BẢNG GÓC/ ROUTE CORNER TABLE**

27	165d22'51"	100.02	12.83	0.82	25.52	
28	158d10'22"	100.01	19.28	1.84	38.10	
29	129d4'46"	50.00	23.81	5.38	44.44	
30	145d48'42"	100.00	30.75	4.62	59.67	

**BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ ĐƯỜNG CHUYỀN  
COORDINATE STATISTICS TABLE**

TT/ NO.	TÊN ĐƯỜNG CHUYỀN/ NAME	TỌA ĐỘ/ COORDINATE		
		X (M)	Y (M)	Z (M)
10	DC II-10	1821336,961	553369,611	355,704

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 40/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra:   
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung



NEW DESIGN TRIBUTE VERSION  
 THIẾT KẾ MỚI CỐNG BẢN KĐ: 0.75M  
 CỐNG BẢN HIỆN HỮU KĐ: 0.75M (THẢO DỒ)  
 LÝ TRÌNH/ STA: KM2+173.94

**CƠ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1262/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên:

**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1		CỘT ĐIỆN THOẠI
2		CỘT ĐIỆN LỰC
3		NHÀ BẰNG
4		NHÀ XÂY
5		NHÀ TẠM
6		CÂY CAO SU
7		CÂY SỎ
8		ĐƯỜNG CHUYỀN



**VERTICAL CULVERT DESIGN 0.75M  
 THIẾT KẾ CỐNG BẢN ĐỌC KĐ 0.75M  
 LÝ TRÌNH/ STA: KM1+989.71**

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**  
 MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE  
**CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
 PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE  
 CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD  
**LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 VÀ **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC**  
 CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
 AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

**DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ**  
 PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE  
**Tiểu dự án: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trung tâm xã A Dơi, Huyện Hướng Hóa**  
 SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT  
**THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN**

**CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER** LÊ MINH CHÍNH   
**CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER** NGUYỄN LÊ HIỂN   
**THIẾT KẾ / DESIGN BY** NGUYỄN HỮU DUẬT   
**K.C.S / QUALITY CONTROL** NGUYỄN HỮU HOA

QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
**TU VẤN XÂY DỰNG**  
**PHÚC THÀNH**  
 GIÁM ĐỐC / DIRECTOR  
 NGUYỄN HỮU HOA

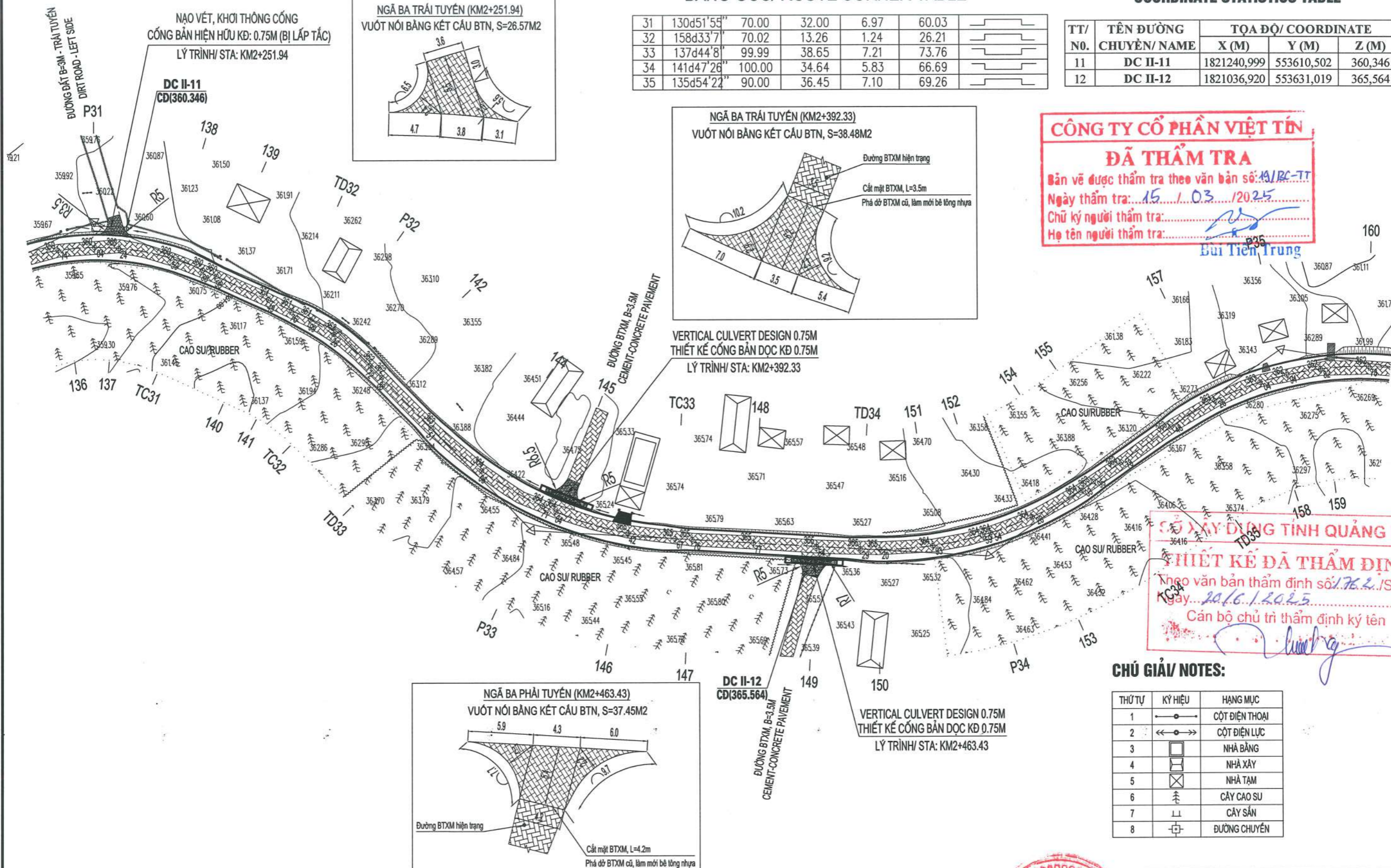
**BÌNH ĐỒ TUYẾN/ PLAN OF ROAD**  
**LÝ TRÌNH/STA.: KM1+824.28 - KM2+235.46**  
 TỶ LỆ / SCALE: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 22  
 LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:

**BẢNG GÓC/ ROUTE CORNER TABLE**

31	130d51'55"	70.00	32.00	6.97	60.03	
32	158d33'7"	70.02	13.26	1.24	26.21	
33	137d44'8"	99.99	38.65	7.21	73.76	
34	141d47'26"	100.00	34.64	5.83	66.69	
35	135d54'22"	90.00	36.45	7.10	69.26	

**BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ ĐƯỜNG CHUYỂN  
COORDINATE STATISTICS TABLE**

TT/ NO.	TÊN ĐƯỜNG CHUYỂN/ NAME	TỌA ĐỘ/ COORDINATE		
		X (M)	Y (M)	Z (M)
11	DC II-11	1821240,999	553610,502	360,346
12	DC II-12	1821036,920	553631,019	365,564



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 191/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

**CHỦ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1		CỘT ĐIỆN THOẠI
2		CỘT ĐIỆN LỰC
3		NHÀ BÃNG
4		NHÀ XÂY
5		NHÀ TẠM
6		CÂY CAO SU
7		CÂY SÁN
8		ĐƯỜNG CHUYỂN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
 MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE  
 CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ  
 PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE  
 CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD  
 LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
 VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC  
 CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
 AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

**DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE**  
 TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA  
 SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT  
**THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN**

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH  
 CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN  
 THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT  
 K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA

QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025  
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
 PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
 GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA

**BÌNH ĐỒ TUYẾN/ PLAN OF ROAD**  
 LÝ TRÌNH/STA.: KM2+235.46 - KM2+624.60  
 TỶ LỆ / SCALE: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 23  
 LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**

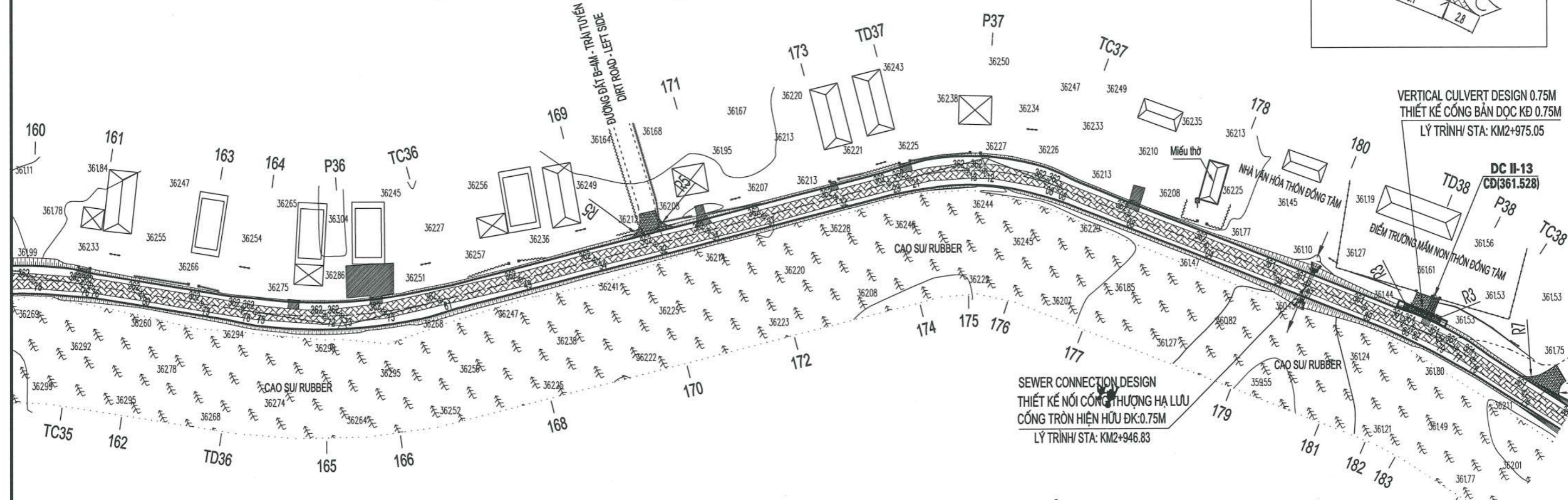
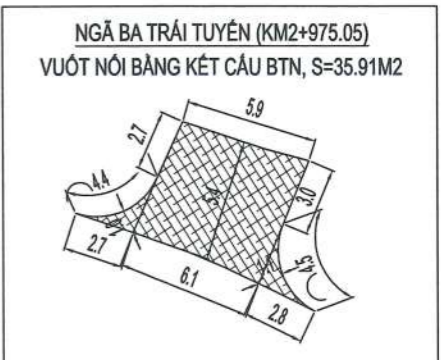
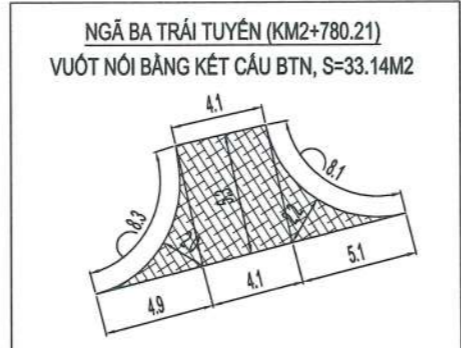
**ĐÃ THẨM TRA**

Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 10/BC-TT

Ngày thẩm tra: 15/03/2025

Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*

Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung



VERTICAL CULVERT DESIGN 0.75M  
THIẾT KẾ CÔNG BẢN ĐỌC KỶ 0.75M  
LÝ TRÌNH/ STA: KM2+975.05

SEWER CONNECTION DESIGN  
THIẾT KẾ NỐI CÔNG THƯỢNG HẠ LƯU  
CÔNG TRÒN HIỆN HỮU ĐK: 0.75M  
LÝ TRÌNH/ STA: KM2+946.83

**BẢNG GÓC/ ROUTE CORNER TABLE**

TT/ NO.	TÊN ĐƯỜNG CHUYỀN/ NAME	X (M)	Y (M)	Z (M)
36	156d29'43"	120.00	24.96	2.57
37	144d1'43"	60.00	19.48	3.08
38	168d48'16"	100.00	9.80	0.48

**BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ ĐƯỜNG CHUYỀN  
COORDINATE STATISTICS TABLE**

TT/ NO.	TÊN ĐƯỜNG CHUYỀN/ NAME	X (M)	Y (M)	Z (M)
13	DC II-13	1820645,374	553940,559	361,528

**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1	○	CỘT ĐIỆN THOẠI
2	◀○▶	CỘT ĐIỆN LỰC
3	□	NHÀ BẰNG
4	▤	NHÀ XÂY
5	⊗	NHÀ TÂM
6	☎	CÂY CAO SU
7	⊥	CÂY SẴN
8	⊠	ĐƯỜNG CHUYỀN

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1262/SXD  
Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

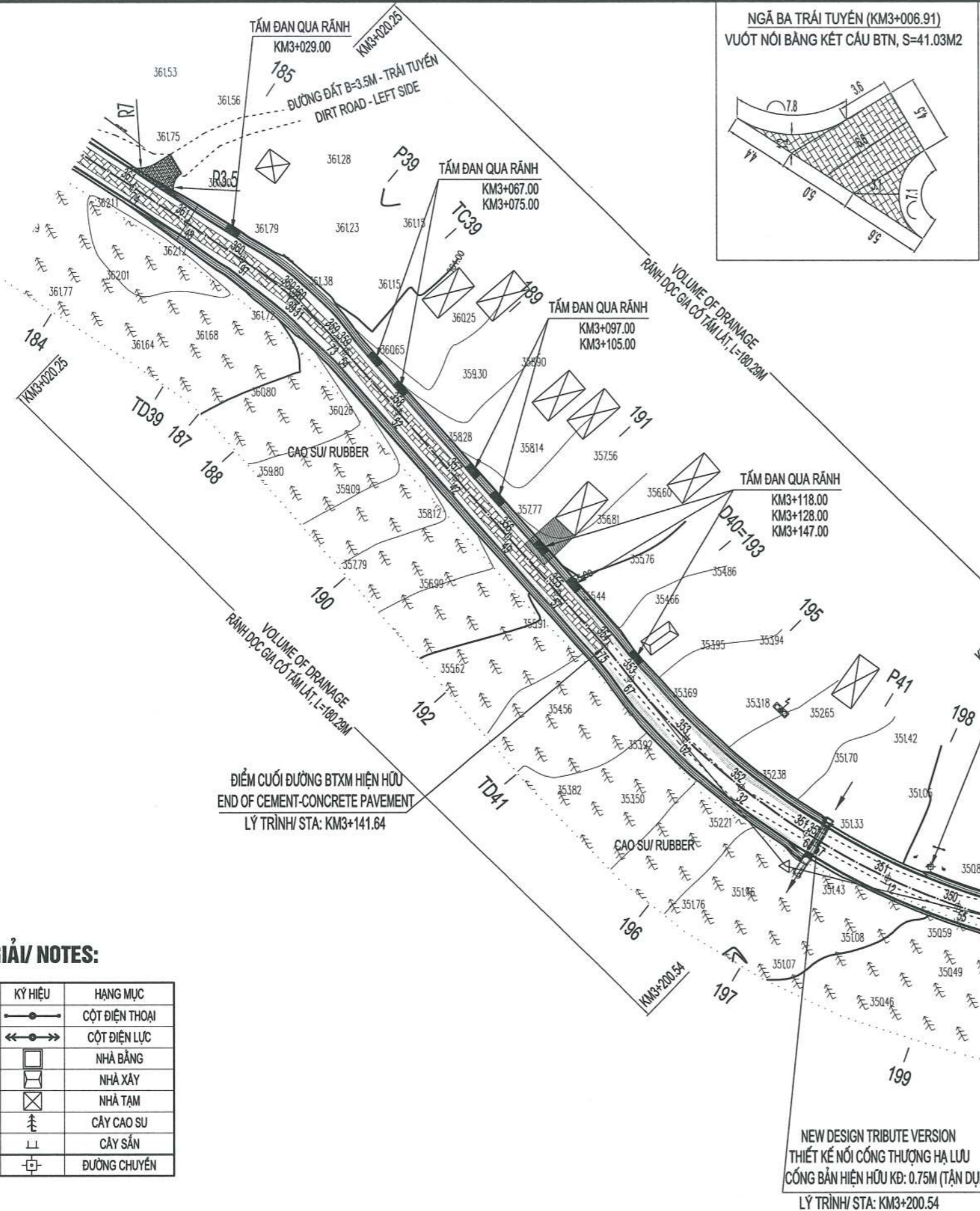
CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE  
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ  
PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD  
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC  
CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ  
PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE  
TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÓA  
SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT  
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH  
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN  
THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT  
K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA

QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA

**BÌNH ĐỒ TUYẾN/ PLAN OF ROAD**  
LÝ TRÌNH/STA.: KM2+624.60 - KM3+006.91  
TỶ LỆ / SCALE:  
LẦN XUẤT BẢN / REV:  
BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO.: 24  
MÃ SỐ / CODE:



BẢNG GÓC/ ROUTE CORNER TABLE

39	164d22'0"	90.01	12.36	0.84	24.56	
40	178d0'0"					
41	143d32'44"	149.99	49.39	7.92	95.43	

BẢNG THỐNG KÊ TỌ ĐỘ ĐƯỜNG CHUYỂN  
COORDINATE STATISTICS TABLE

TT/ NO.	TÊN ĐƯỜNG CHUYỂN/ NAME	TỌ ĐỘ/ COORDINATE		
		X (M)	Y (M)	Z (M)
14	DC GPS1	1820402,764	553904,638	350,938

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**DẤ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
Chữ ký người thẩm tra: [Signature]  
Họ tên người thẩm tra: [Name]

PHẠM VI THIẾT KẾ/ DESIGN SCOPE  
CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
PHÚC THÀNH CONSTRUCTION CONSULTING J.S.C

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1762/ISXD  
Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: [Signature]

CHÚ GIẢI/ NOTES:

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1		CỘT ĐIỆN THOẠI
2		CỘT ĐIỆN LỰC
3		NHÀ BẰNG
4		NHÀ XÂY
5		NHÀ TẠM
6		CÂY CAO SU
7		CÂY SỎN
8		ĐƯỜNG CHUYỂN

ĐIỂM CUỐI ĐƯỜNG BTXM HIỆN HỮU  
END OF CEMENT-CONCRETE PAVEMENT  
LÝ TRÌNH/ STA: KM3+141.64

NEW DESIGN TRIBUTE VERSION  
THIẾT KẾ NỐI CỐNG THƯỢNG HẠ LƯU  
CỐNG BẢN HIỆN HỮU KĐ: 0.75M (TẬN DỤNG)  
LÝ TRÌNH/ STA: KM3+200.54

ĐI TRẠM KIỂM SOÁT PA ROI / TO PA ROI CHECKPOINT

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUỆT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY 25 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHÚC THÀNH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA	<b>BÌNH ĐỒ TUYẾN/ PLAN OF ROAD</b> LÝ TRÌNH/STA.: KM3+006.91 - KM3+306.00 TỶ LỆ / SCALE: LẦN XUẤT BẢN / REV: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO.: 25 MÃ SỐ / CODE:
---	---	--	--	---

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VƯỢT NỐI ĐƯỜNG GIAO DÂN SINH**  
Đoạn Km0+00 - Km3+306

TT	Tên cọc	Lý trình	HIỆN TRẠNG		THIẾT KẾ MỚI													Ghi chú
			Bm (m)	Kết cấu MĐ	Bm (m)	Kết cấu MĐ	H đắp lè (m)	Smd (m2)	S lè (m2)	Đắp nền K95 (m3)	Đào KTH đất C1 (m3)	Đắp nền K98 (m3)	Móng CPĐĐ Dmax25 (m3)	Móng CPĐĐ Dmax37,5 (m3)	Mặt đường BTN (m2)	Cắt BTXM cũ (m)	Phá dỡ kết cấu MĐ BTXM (m3)	
1	K0	Km0+000,00		Đất	Vuốt R	BTN	0,30	41,88	7,78	2,33		12,56	5,86	6,70	41,88			Đầu tuyến
2	4	Km0+038,21	2,20	BTXM	Vuốt R	BTN	0,60	29,10	6,18	3,71		8,73	4,07	4,66	29,10	2,20	3,76	Phải tuyến
3	TD9	Km0+443,73	3,40	BTXM	Vuốt R	BTN	0,35	42,12	5,43	1,90		12,64	5,90	6,74	42,12	3,40	5,79	Phải tuyến
4	55A	Km0+956,31	7,00	Đất	Vuốt R	BTN	0,25	42,45	3,78	1,70	0,76	12,74	5,94	6,79	42,45			Trái tuyến
5	62	Km1+074,85	3,20	BTXM	Vuốt R	BTN	0,20	27,59	4,03	0,81		8,28	3,86	4,41	27,59	3,20	3,44	Phải tuyến
6	P21	Km1+302,91	3,50	BTXM	Vuốt R	BTN	0,40	84,19	6,85	2,74		25,26	11,79	13,47	84,19	3,50	4,76	Trái tuyến
7	96A	Km1+606,57	2,00	Đất	Vuốt R	BTN	0,35	12,17	2,78	1,53	0,56	3,65	1,70	1,95	12,17			Phải tuyến
8	100	Km1+671,04	4,80	Đất	Vuốt R	BTN	0,40	39,48	4,43	2,66	0,89	11,84	5,53	6,32	39,48			Trái tuyến
9	107	Km1+767,25	4,30	Đất	Vuốt R	BTN	0,60	46,96	5,33	4,26	1,07	14,09	6,57	7,51	46,96			Phải tuyến
10	121	Km1+989,71	3,40	BTXM	Vuốt R	BTN	0,15	24,51	2,90	0,44		7,35	3,43	3,92	24,51	5,50	4,23	Phải tuyến
11	137	Km2+251,94	3,60	Đất	Vuốt R	BTN	0,30	26,57	3,78	1,89	0,76	7,97	3,72	4,25	26,57			Trái tuyến
12	145	Km2+392,33	3,50	BTXM	Vuốt R	BTN	0,25	38,48	4,85	1,21		11,54	5,39	6,16	38,48	3,50	4,56	Trái tuyến
13	149	Km2+463,43	4,20	BTXM	Vuốt R	BTN	0,20	37,45	4,35	0,87		11,24	5,24	5,99	37,45	4,20	4,56	Phải tuyến
14	170	Km2+780,21	4,00	Đất	Vuốt R	BTN	0,40	33,14	4,10	2,46	0,82	9,94	4,64	5,30	33,14			Trái tuyến
15	182	Km2+975,05	6,00	Đất+BTXM	Vuốt R	BTN	0,45	35,91	3,65	2,37	0,73	10,77	5,03	5,75	35,91		1,89	Trái tuyến
16	184	Km3+006,91	4,50	Đất	Vuốt R	BTN	0,35	41,03	4,63	2,54	0,93	12,31	5,74	6,56	41,03			Trái tuyến
Tổng cộng:								603,03	74,80	33,40	6,49	180,91	84,42	96,48	603,03	25,50	32,98	

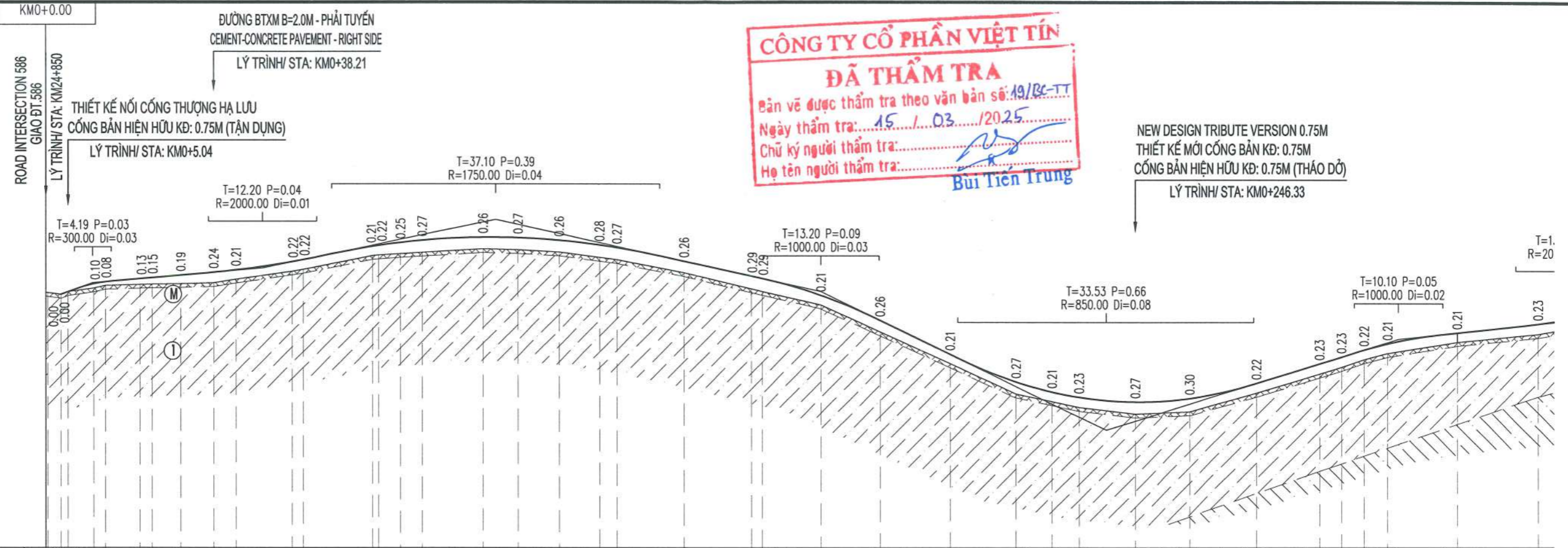
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 10/Bc-TT  
Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1762/SXD  
Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY TƯ VẤN GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: <i>[Signature]</i> NGUYỄN HỮU HOA	KHỐI LƯỢNG VƯỢT NỐI ĐƯỜNG NGANG DÂN SINH VÀ NÚT GIAO VOLUME CONNECTING RESIDENTIAL CROSSROADS AND INTERSECTIONS TỶ LỆ / SCALE: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 26 LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:
---	---	--	---	--

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 49/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

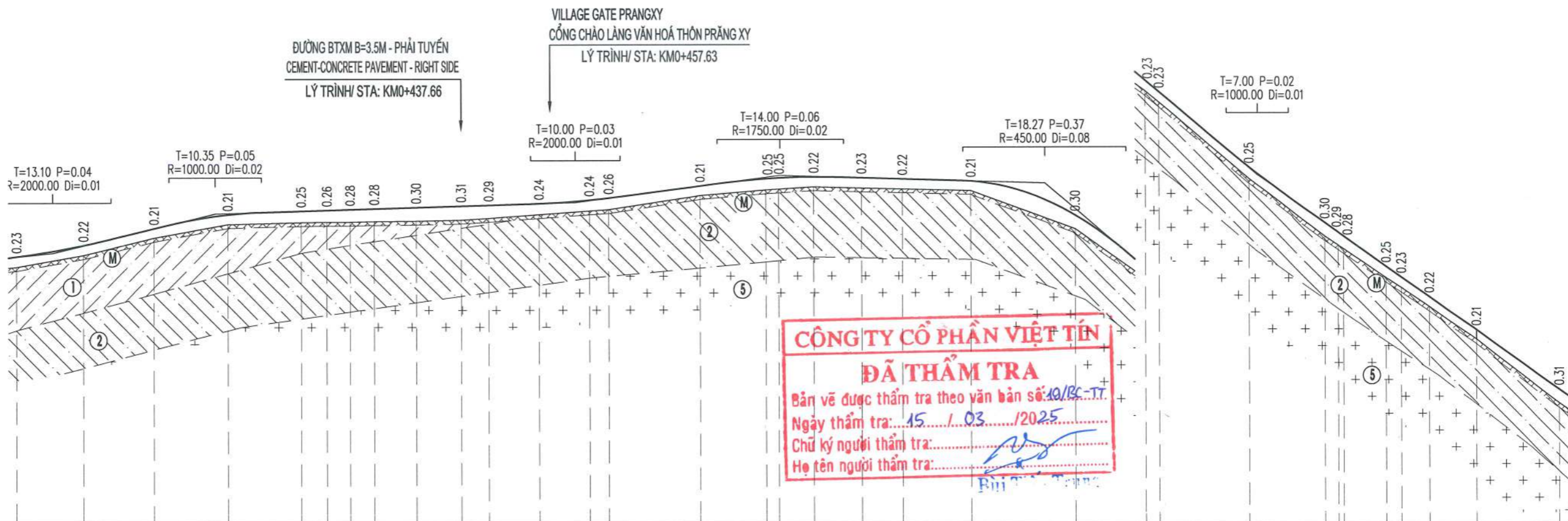
NEW DESIGN TRIBUTE VERSION 0.75M  
 THIẾT KẾ MỚI CỐNG BẢN KĐ: 0.75M  
 CỐNG BẢN HIỆN HỮU KĐ: 0.75M (THẢO ĐÓ)  
 LÝ TRÌNH/ STA: KM0+246.33



<b>MÔ TẢ ĐỊA CHẤT</b> GEOLOGICAL DESCRIPTION	Lớp M: Nền đường cũ BTXM /cement concrete road. Lớp 1: sét pha màu xám vàng, nâu đỏ, kết cấu chặt vừa, trạng thái dẻo cứng - nửa cứng. Layer 1: argillaceous with yellow-gray, reddish-brown color, moderately tight texture, semi-hard state Lớp 2: cát pha màu xám nâu, loang trắng, kết cấu chặt vừa, trạng thái nửa cứng. Layer 2: gray-brown arenaceous, moderately tight texture, semi-hard state. Lớp 3: đá sét bột kết màu nâu đỏ, tím qu. đá bị phong hóa, nứt nẻ mạnh. Layer 3: red-brown siltstone, cracked and strongly weathered. Lớp 4: đá sét kết xen kẽ cát kết màu xám trắng, xám nâu, nâu đỏ. đá ít bị phong hóa, cấu tạo đặc sít rắn chắc. Layer 4: claystone interspersed with sandstone, grey-white, gray-brown, red-brown. The rock is less weathered, the structure is solid. Lớp 5: đá granit màu xám trắng, xám nâu, đá bị phong hóa mảnh liệt, gấn thành đất, tay bóp vỡ vụn. Layer 5: gray-white, gray-brown granite. Strongly weathered rock.
SƠ HỌA RÁNH TRÁI GEOLOGICAL ROAD	
SƠ HỌA RÁNH PHẢI GEOLOGICAL ROAD	
<b>ĐỘ DỐC THIẾT KẾ</b> DESIGNED GRADIENT	3.64% 0.84% 2.06% 2.18% 4.82% 3.07% 1.05%
<b>CAO ĐỘ THIẾT KẾ</b> DESIGNED ELEVATION	352.85 352.91 353.09 353.13 353.20 353.23 353.28 353.35 353.40 353.59 353.63 353.72 353.73 353.95 354.01 354.06 353.96 353.90 353.60 352.83 352.28 351.52 350.90 350.67 350.56 350.45 350.53 350.87 351.31 351.46 351.62 351.75 352.00 352.20
<b>CAO ĐỘ TỰ NHIÊN</b> GROUND ELEVATION	352.90 352.88 352.85 352.91 353.05 353.07 353.08 353.09 353.11 353.19 353.37 353.41 353.72 353.73 353.76 353.79 353.87 353.85 353.80 353.68 353.63 353.34 352.98 352.92 352.62 352.02 351.31 350.63 350.46 350.33 350.18 350.23 350.65 351.08 351.23 351.40 351.54 351.79 351.97
<b>KHOẢNG CÁCH LỀ</b> DISTANCE	0.43 1.65 5.86 2.67 7.80 2.72 6.55 7.57 5.08 12.66 2.37 15.66 1.46 4.98 4.99 13.72 7.80 9.28 9.29 3.90 15.17 15.03 2.53 13.37 13.37 15.67 15.04 8.13 6.02 12.60 12.50 15.11 14.19 4.91 5.30 5.31 15.89 18.33
<b>KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÓN</b> ACCUMULATED DISTANCE	0.00 0.43 3.39 5.04 10.90 13.57 21.37 24.09 30.64 38.21 43.29 55.95 58.32 73.98 75.44 80.42 85.41 99.13 106.93 116.21 125.50 129.40 144.57 159.60 162.13 175.50 188.87 204.54 219.58 227.7 233.73 246.33 258.83 273.94 288.13 293.04 298.34 303.65 319.54 337.87
<b>TÊN CỐC STAKES</b>	K0 1 TD1 2 P1 3 TC1 3A TD2 4 P2 4 TC2 5 TD3 6 P3 TC3 7 TD4 8 P4 TC4 9 10 TD5 11 P5 TC5 13 14 TD6 15 P6 TC6 17 TD7 18 P7 TC7 21 22
<b>LÝ TRÌNH STATION</b>	KM0 H1 H2 H3
<b>SƠ HỌA TUYẾN</b> LINE SKETCH	$A=150d^{0.56}$ $R=40.01$ $K=20.94$ $T=10.72$ $P=1.41$ $L1=0.00$ $L2=0.00$ $Isc=2.00$ $W=0.80$ $A=170d^{19.59}$ $R=150.01$ $K=25.31$ $T=12.69$ $P=0.54$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $Isc=2.00$ $W=0.60$ $A=168d^{34.93}$ $R=50.03$ $K=9.97$ $T=5.00$ $P=0.25$ $L1=10.00$ $L2=10.00$ $Isc=4.00$ $W=1.20$ $A=176d^{27.13}$ $R=300.02$ $K=18.57$ $T=9.29$ $P=0.14$ $L1=0.00$ $L2=0.00$ $Isc=0.00$ $W=0.00$ $A=164d^{40.25}$ $R=99.96$ $K=26.74$ $T=13.45$ $P=0.90$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $Isc=3.00$ $W=1.00$ $A=178d^{54.25}$ $A=173d^{55.24}$ $R=100.04$ $K=10.61$ $T=5.31$ $P=0.14$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $Isc=3.00$ $W=0.80$

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1262/39-D  
 Ngày: 20/1/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

<b>CƠ QUAN CHỦ QUẢN:</b> ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	<b>DỰ ÁN:</b> XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE	<b>CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER</b> LÊ MINH CHÍNH	<p>QUẢNG TRỊ, NGÀY 24 THÁNG 6 NĂM 2025</p> <p>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG JOINT PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY</p> <p>TU VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH</p> <p>GIÁM ĐỐC / DIRECTOR NGUYỄN HỮU HOA</p>	<b>TRẮC ĐỌC TUYẾN/ PROFILE OF ROAD</b> LÝ TRÌNH/STA: KM0+00 - KM0+337.87
<b>CĐT &amp; QLDA:</b> BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	<b>TIỂU DỰ ÁN:</b> NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯƠNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT	<b>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER</b> NGUYỄN LÊ HIỂN		<b>TỶ LỆ / SCALE:</b> 1/1000; 1/100
<b>LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ &amp; XÂY DỰNG BRC</b> CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	<b>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</b>	<b>THIẾT KẾ / DESIGN BY</b> NGUYỄN HỮU DUẬT		<b>BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO:</b> 27
		<b>K.C.S / QUALITY CONTROL</b> NGUYỄN HỮU HOA		<b>LẦN XUẤT BẢN / REV:</b>

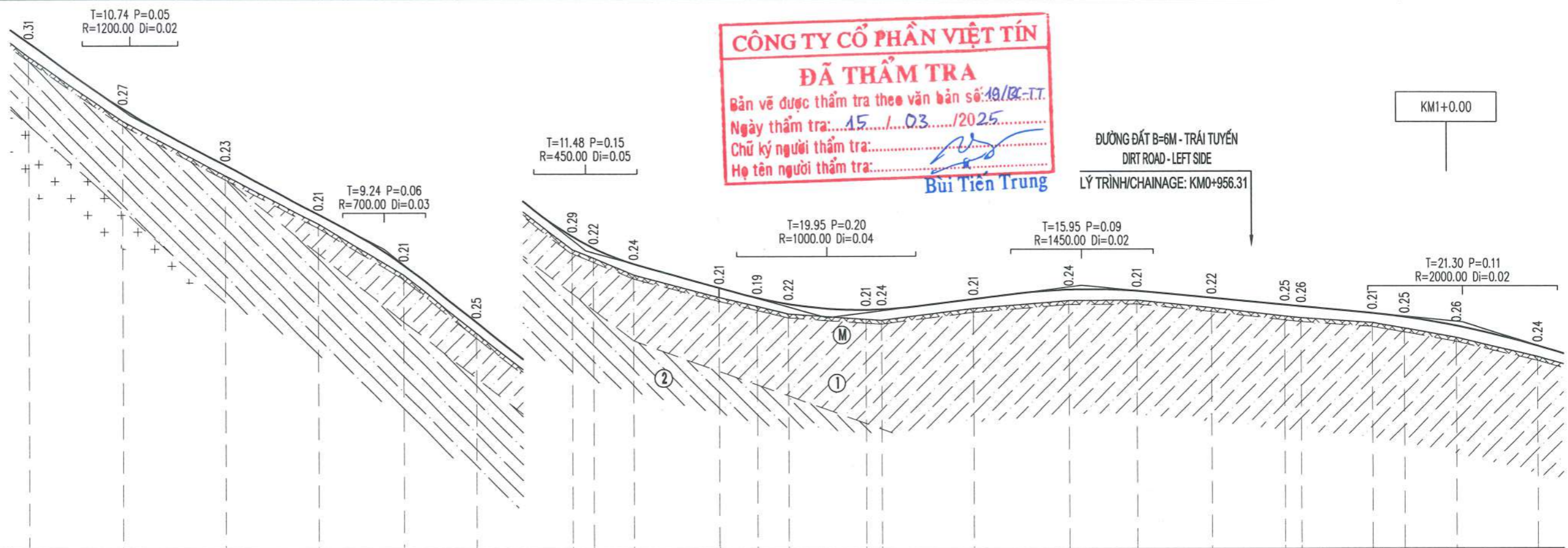


**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 10/BC-TT.  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: [Signature]  
 Họ tên người thẩm tra: [Name]

<b>MÔ TẢ ĐỊA CHẤT GEOLOGICAL DESCRIPTION</b>	Lớp M: Nền đường cũ BTXM /cement concrete road. Lớp 1: sét pha màu xám vàng, nâu đỏ, kết cấu chặt vừa, trạng thái dẻo cứng - nửa cứng. Layer 1: argillaceous with yellow-gray, reddish-brown color, moderately tight texture, semi-hard state Lớp 2: cát pha màu xám nâu, loang trắng, kết cấu chặt vừa, trạng thái nửa cứng. Layer 2: gray-brown arenaceous, moderately tight texture, semi-hard state. Lớp 3: đá sét bột kết màu nâu đỏ, tím gụ, đá bị phong hóa, nứt nẻ mạnh. Layer 3: red-brown siltstone, cracked and strongly weathered. Lớp 4: đá sét kết xen kẹp đá cát kết màu xám trắng, xám nâu, nâu đỏ, đá ít bị phong hóa, cấu tạo đặc sít rắn chắc. Layer 4: claystone interspersed with sandstone, grey-white, gray-brown, red-brown. The rock is less weathered, the structure is solid. Lớp 5: đá granit màu xám trắng, xám nâu, đá bị phong hóa mảnh liệt, gấn thành đất, tay bóp vỡ vụn. Layer 5: gray-white, gray-brown granite. Strongly weathered rock.
<b>SƠ HỌA RÀNH TRÁI GEOLOGICAL ROAD</b>	
<b>SƠ HỌA RÀNH PHẢI GEOLOGICAL ROAD</b>	KM0+647.91
<b>ĐỘ DỐC THIẾT KẾ DESIGNED GRADIENT</b>	2.37% (36.57)   0.30% (80.68)   1.30% (45.80)   0.30% (59.11)   8.42% (47.47)   7.02% (90.71)
<b>CAO ĐỘ THIẾT KẾ DESIGNED ELEVATION</b>	352.20, 352.45, 352.82, 353.12, 353.20, 353.22, 353.24, 353.25, 353.28, 353.31, 353.33, 353.36, 353.44, 353.49, 353.75, 353.91, 353.93, 353.95, 353.93, 353.90, 353.85, 353.09, 351.91, 351.66, 349.98, 348.75, 348.54, 348.45, 347.78, 347.54, 347.11, 346.38, 345.06
<b>CAO ĐỘ TỰ NHIÊN GROUND ELEVATION</b>	351.97, 352.23, 352.61, 352.91, 352.95, 352.96, 352.96, 352.97, 352.98, 353.00, 353.04, 353.12, 353.20, 353.23, 353.54, 353.66, 353.68, 353.73, 353.70, 353.68, 353.64, 352.79, 351.68, 351.43, 349.73, 348.45, 348.25, 348.17, 347.53, 347.31, 346.89, 346.17, 344.75
<b>KHOẢNG CÁCH LỀ DISTANCE</b>	14.93, 16.05, 16.45, 16.55, 5.82, 5.33, 5.34, 9.34, 9.98, 6.07, 11.32, 11.32, 4.33, 20.42, 14.82, 2.77, 7.80, 10.57, 9.21, 15.37, 23.20, 15.82, 2.98, 20.05, 16.98, 3.06, 9.56, 3.39, 6.18, 10.40, 18.83
<b>KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÓN ACCUMULATED DISTANCE</b>	337.87, 352.80, 368.85, 385.30, 401.85, 407.67, 413.00, 418.34, 427.68, 437.66, 443.73, 455.05, 466.37, 470.70, 491.12, 505.94, 508.71, 516.51, 527.08, 536.29, 551.66, 574.86, 590.68, 593.66, 613.71, 630.69, 633.75, 634.96, 644.52, 647.91, 654.09, 664.49, 683.32
<b>TÊN CỌC STAKES</b>	22, 23, 24, 25, 26, TD8, TC8, 28, 29, TD9, P9, TC9, 30, 31, TD10, P10, TC10, 33, 34, 35, TD11, 36, P11, TC11, P12, TC12, 39, 40, 41
<b>LÝ TRÌNH STATION</b>	H4, H5, H6
<b>SƠ HỌA TUYẾN LINE SKETCH</b>	$A=173d52'58''$ $R=98.94$ $K=10.67$ $T=5.34$ $P=0.14$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $Isc=3.00$ $W=1.00$ $A=171d21'20''$ $R=150.06$ $K=22.64$ $T=11.34$ $P=0.43$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $Isc=2.00$ $W=0.60$ $A=167d53'19''$ $R=100.01$ $K=21.14$ $T=10.61$ $P=0.56$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $Isc=3.00$ $W=0.80$ $A=164d41'18''$ $R=150.02$ $K=40.09$ $T=20.17$ $P=1.35$ $L1=7.00$ $L2=0.00$ $Isc=2.00$ $W=0.60$ $A=148d40'43''$ $R=34.99$ $K=19.13$ $T=9.81$ $P=1.35$ $L1=0.00$ $L2=20.00$ $Isc=4.00$ $W=1.00$

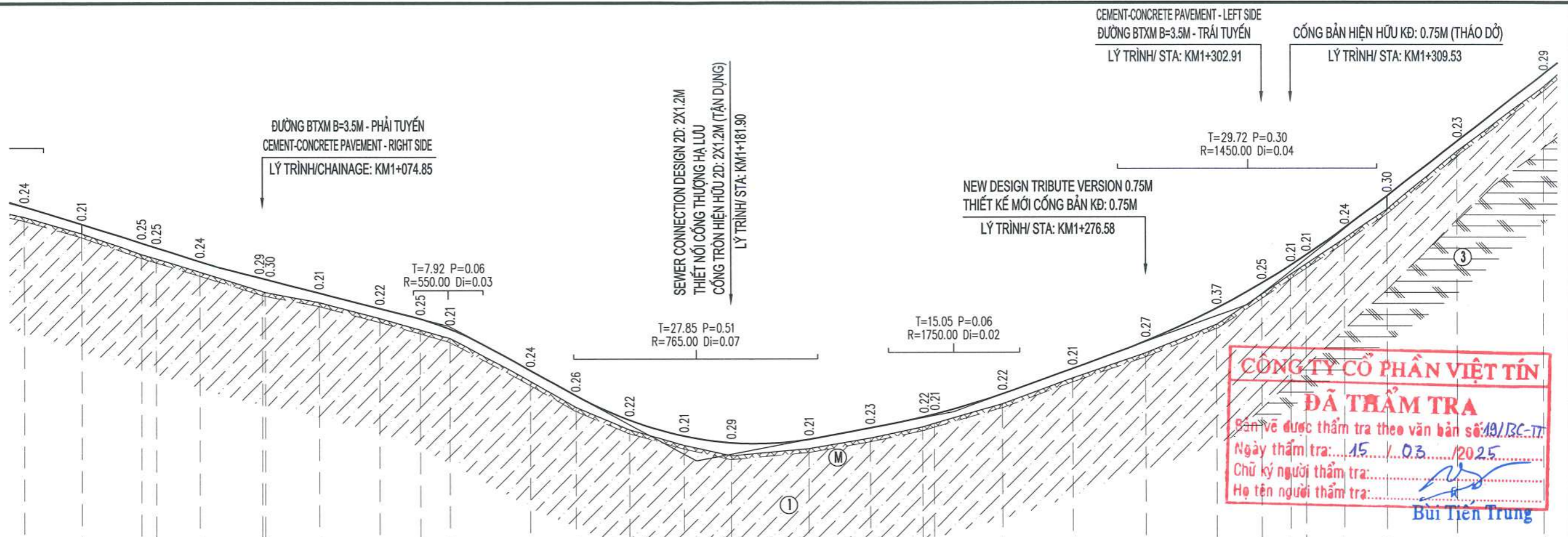
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1262/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: [Signature]

<b>CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ</b> MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE <b>CDT &amp; QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ</b> PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD <b>LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ &amp; XÂY DỰNG BRC</b> CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	<b>DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ</b> PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE <b>TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A ĐOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA</b> SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT <b>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</b>	<b>CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER</b> LÊ MINH CHÍNH <b>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER</b> NGUYỄN LÊ HIỂN <b>THIẾT KẾ / DESIGN BY</b> NGUYỄN HỮU DUỆT <b>K.C.S / QUALITY CONTROL</b> NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY 6 THÁNG 6 NĂM 2025 <b>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH</b> PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY <b>TU VẤN GIÁM ĐỐC / DIRECTOR</b> PHÚC THÀNH NGUYỄN HỮU HOA	<b>TRẮC DỌC TUYẾN / PROFILE OF ROAD</b> <b>LÝ TRÌNH/STA: KM0+337.87 - KM0+683.32</b> TỶ LỆ / SCALE: 1/1000; 1/100 LẦN XUẤT BẢN / REV: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 28 MÃ SỐ / CODE:
---	--	--	--	---



MÔ TẢ ĐỊA CHẤT GEOLOGICAL DESCRIPTION	Lớp M: Nền đường cũ BTXM /cement concrete road.	Lớp 2: cát pha màu xám nâu, loang trắng, kết cấu chặt vừa, trạng thái nửa cứng. Layer 2: gray-brown arenaceous, moderately tight texture, semi-hard state.	Lớp 4: đá sét kết xen kẹp đá cát kết màu xám trắng, xám nâu, nâu đỏ. đá ít bị phong hóa, cấu tạo đặc sít rắn chắc. Layer 4: claystone interspersed with sandstone, grey-white, gray-brown, red-brown. The rock is less weathered, the structure is solid.
	Lớp 1: sét pha màu xám vàng, nâu đỏ, kết cấu chặt vừa, trạng thái dẻo cứng - nửa cứng. Layer 1: argillaceous with yellow-gray, reddish-brown color, moderately tight texture, semi-hard state.	Lớp 3: đá sét bột kết màu nâu đỏ, tím qu. đá bị phong hóa, nứt nẻ mạnh. Layer 3: red-brown siltstone, cracked and strongly weathered.	Lớp 5: đá granit màu xám trắng, xám nâu, đỏ bị phong hóa mạnh liệt, gán thành đất, tay bọ vỡ vụn. Layer 5: gray-white, gray-brown granite. Strongly weathered rock.
SƠ HẠ Rãnh TRÁI GEOLOGICAL ROAD	RÃNH DỌC GIA CỐ TẮM LÁT, L= 205.05M/ VOLUME OF DRAINAGE		KM0+852.96
SƠ HẠ Rãnh PHẢI GEOLOGICAL ROAD	RÃNH DỌC GIA CỐ TẮM LÁT, L= 205.05M/ VOLUME OF DRAINAGE		KM0+852.96
ĐỘ DỐC THIẾT KẾ DESIGNED GRADIENT	5.23%		7.87%
CAO ĐỘ THIẾT KẾ DESIGNED ELEVATION	345.06	343.59	342.34
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN GROUND ELEVATION	344.75	343.32	342.11
KHOẢNG CÁCH LỀ DISTANCE	21.34	22.69	20.90
KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÓN ACCUMULATED DISTANCE	683.32	704.66	727.35
TÊN CỌC STAKES	41	42	43
LÝ TRÌNH STATION	H7		H8
SƠ HẠ TUYẾN LINE SKETCH	A=178d53'4"		A=179d11'47"

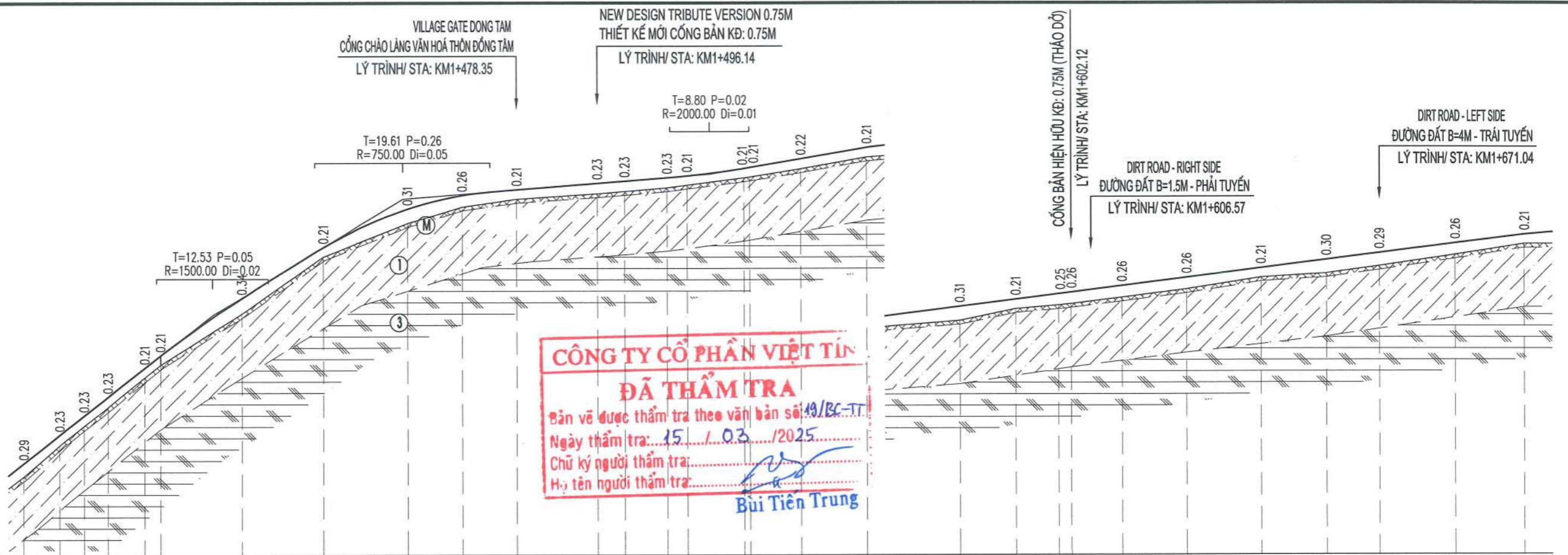
CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE	CHỦ NHIỆM ĐÓ ÁN / PROJECT MANAGER	LÊ MINH CHÍNH	QUẢNG TRỊ, NGÀY 06 THÁNG 06 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR NGUYỄN HỮU HOA	TRẮC DỌC TUYẾN/ PROFILE OF ROAD LÝ TRÌNH/STA: KM0+683.32 - KM1+020.43
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER	NGUYỄN LÊ HIẾN		
		THIẾT KẾ / DESIGN BY	NGUYỄN HỮU DUỆT		
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	Tiểu dự án: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trung tâm xã A Dơi, Huyện Hướng Hóa SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT	K.C.S / QUALITY CONTROL	NGUYỄN HỮU HOA	TỶ LỆ / SCALE: 1/1000; 1/100	BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 23
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN			LẦN XUẤT BẢN / REV:	MÃ SỐ / CODE:



MÔ TẢ ĐỊA CHẤT GEOLOGICAL DESCRIPTION	Lớp 1: sét pha màu xám vàng, nâu đỏ, kết cấu chặt vừa, trạng thái dẻo cứng - nửa cứng. Layer 1: argillaceous with yellow-gray, reddish-brown color, moderately tight texture, semi-hard state Lớp 2: cát pha màu xám nâu, loang trắng, kết cấu chặt vừa, trạng thái nửa cứng. Layer 2: gray-brown arenaceous, moderately tight texture, semi-hard state Lớp 3: đá sét bột kết màu nâu đỏ, tím gụ, đá bị phong hóa, nứt nẻ mạnh. Layer 3: red-brown siltstone, cracked and strongly weathered Lớp 4: đá sét kết xen kẹp đá cát kết màu xám trắng, xám nâu, nâu đỏ, đá ít bị phong hóa, cấu tạo đặc sít rắn chắc. Layer 4: claystone interspersed with sandstone, grey-white, gray-brown, red-brown. The rock is less weathered, the structure is solid. Lớp 5: đá granit màu xám trắng, xám nâu, đá bị phong hóa mãnh liệt, gán thành đất, tay báp vỡ vụn. Layer 5: gray-white, gray-brown granite. Strongly weathered rock.
SƠ HỌA RÀNH TRÁI GEOLOGICAL ROAD	KM1+087.94 RÀNH DỌC GIA CỐ TẮM LÁT, L=75.84M KM1+163.78
SƠ HỌA RÀNH PHẢI GEOLOGICAL ROAD	KM1+276.58 RÀNH DỌC GIA CỐ TẮM LÁT, L=177.1
ĐỘ DỐC THIẾT KẾ DESIGNED GRADIENT	3.10% 2.53% 5.41% 1.87% 3.60% 7.70%
CAO ĐỘ THIẾT KẾ DESIGNED ELEVATION	61.11 52.73 56.48 58.90 67.07 110.25
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN GROUND ELEVATION	334.81 334.41 333.98 333.88 333.57 333.18 333.17 332.85 332.50 332.27 332.04 331.10 330.53 329.98 329.62 329.46 329.54 329.80 330.04 330.11 330.56 330.34 331.13 331.75 332.49 332.05 333.46 333.69 334.30 335.02 336.26 337.78
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN GROUND ELEVATION	334.57 334.20 333.73 333.63 333.33 332.89 332.87 332.64 332.28 332.02 331.83 330.86 330.27 329.76 329.41 329.17 329.33 329.57 329.82 329.96 330.34 330.92 331.48 332.12 332.80 333.25 333.48 334.06 334.72 336.03 337.49
KHOẢNG CÁCH LỀ DISTANCE	12.99 13.76 3.36 10.11 14.20 12.41 13.95 9.14 6.73 18.34 10.43 12.25 12.33 10.79 17.77 13.87 11.99 2.70 15.63 15.86 16.86 16.11 10.22 6.62 3.60 8.89 9.60 16.10 19.79 8
KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÓN ACCUMULATED DISTANCE	1020.43 1033.42 1047.18 1050.54 1060.65 1074.85 1075.53 1087.94 1101.89 1111.03 1117.76 1136.10 1146.53 1158.78 1171.11 1181.90 1199.67 1213.54 1225.53 1228.23 1243.86 1259.72 1276.58 1292.69 1302.91 1309.53 1313.13 1322.02 1331.62 1347.72 1367.51
TÊN CỌC STAKES	P18 59 TC18 60 61 TD19 62 63 64 P19 65 TC19 66 67 TD20 69 P20 71 TC20 72 73 74 TD21 75 P21 77 TC21 78 79 80 TD22
LÝ TRÌNH STATION	H1 H2 H3
SƠ HỌA TUYẾN LINE SKETCH	$A=148d38'3''$ $R=99$ $K=60.21$ $T=88$ $P=4.25$ $L1=10$ $L2=7.00$ $W=0.80$ $A=121d53'8''$ $R=70.00$ $K=71.00$ $T=38.89$ $P=10.08$ $L1=10.00$ $L2=10.00$ $Isc=4.00$ $W=1.20$ $A=139d5'39''$ $R=80.01$ $K=57.12$ $T=29.84$ $P=5.38$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $Isc=3.00$ $W=1.00$ $A=101d55'0''$ $R=15.00$ $K=20.44$ $T=12.16$ $P=4.31$ $L1=20.00$ $L2=20.00$ $Isc=6.00$ $W=2.20$

**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số 176.2./SXĐ  
Ngày 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A ĐOI, HUYỆN HƯƠNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUỆT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY 15 THÁNG 03 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA	TRẮC DỌC TUYẾN/ PROFILE OF ROAD LÝ TRÌNH/STA: KM1+020.43 - KM1+367.51 TỶ LỆ / SCALE: 1/1000; 1/100 BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 30 LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:
---	---	--	---	---

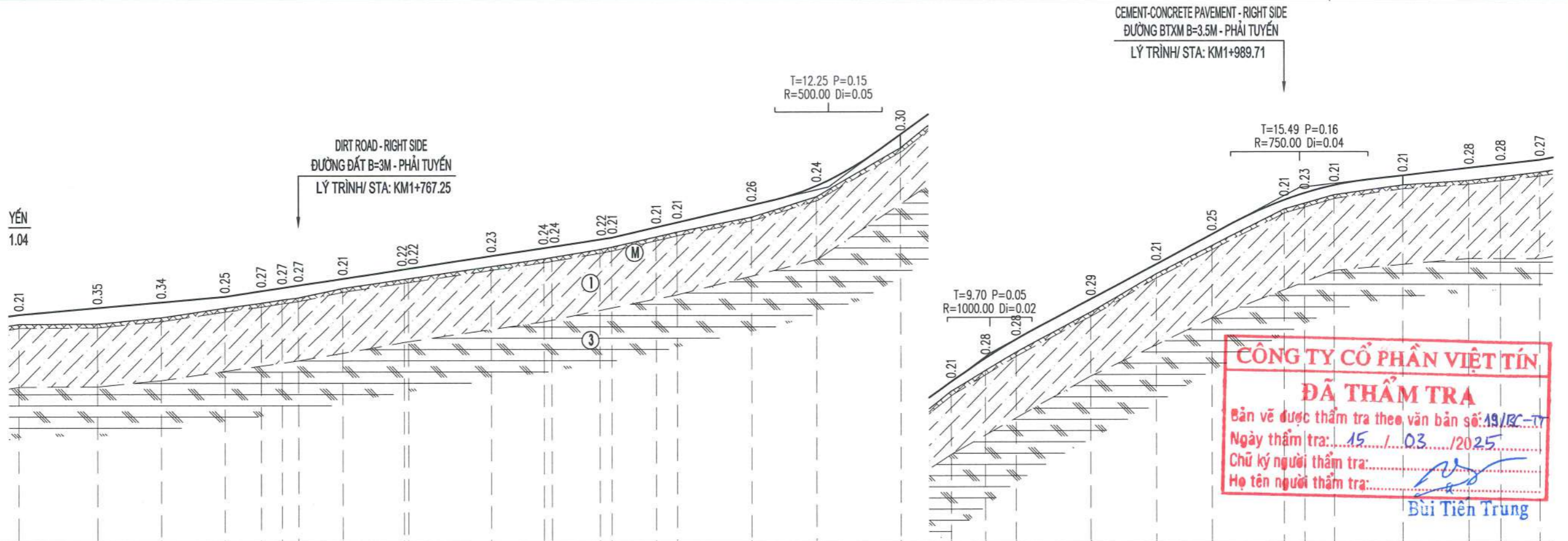


**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15 / 03 / 2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: **Bùi Tiên Trung**

**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1702/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

<b>MÔ TẢ ĐỊA CHẤT GEOLOGICAL DESCRIPTION</b>	Lớp M: nền đường cũ BTXM / cement concrete road. Lớp 1: sét pha màu xám vàng, nâu đỏ, kết cấu chặt vừa, trạng thái dẻo cứng - nửa cứng. Layer 1: argillaceous with yellow-gray, reddish-brown color, moderately tight texture, semi-hard state Lớp 2: cát pha màu xám nâu, loang trắng, kết cấu chặt vừa, trạng thái nửa cứng. Layer 2: gray-brown arenaceous, moderately tight texture, semi-hard state. Lớp 3: đá sét bột kết màu nâu đỏ, tím gụ. đá bị phong hóa, nứt nẻ mạnh. Layer 3: red-brown siltstone, cracked and strongly weathered. Lớp 4: đá sét kết xen kẹp đá cát kết màu xám trắng, xám nâu, nâu đỏ. đá ít bị phong hóa, cấu tạo đặc sít rắn chắc. Layer 4: claystone interspersed with sandstone, grey-white, grey-brown, red-brown. The rock is less weathered, the structure is solid. Lớp 5: đá granite màu xám trắng, xám nâu, đá bị phong hóa mạnh liệt, gấn thành đất, tay bóp vỡ vụn. Layer 5: gray-white, gray-brown granite. Strongly weathered rock.
<b>SƠ HOA RÁNH TRÁI GEOLOGICAL ROAD</b>	ĐỌC GIA CỐ TẮM LÁT, L= 147.49M/ VOLUME OF DRAINAGE KM1+453.72
<b>SƠ HOA RÁNH PHẢI GEOLOGICAL ROAD</b>	= 177.14M/ VOLUME OF DRAINAGE KM1+453.72
<b>ĐỘ DỐC THIẾT KẾ DESIGNED GRADIENT</b>	6.02% 42.59 0.79% 68.65 1.68% 35.76 1.25% 146.56
<b>CAO ĐỘ THIẾT KẾ DESIGNED ELEVATION</b>	337.78 338.41 338.84 339.25 339.89 340.17 341.43 342.56 343.40 343.71 343.83 343.97 344.02 344.10 344.14 344.30 344.32 344.51 344.76 345.02 345.18 345.30 345.34 345.48 345.66 345.87 346.05 346.20 346.42 346.61
<b>CAO ĐỘ TỰ NHIÊN GROUND ELEVATION</b>	337.49 338.18 338.61 339.02 339.68 339.96 341.09 342.35 343.09 343.45 343.62 343.74 343.79 343.87 343.93 344.09 344.11 344.29 344.55 344.71 344.97 345.05 345.08 345.22 345.40 345.66 345.75 345.91 346.16 346.40
<b>KHOẢNG CÁCH LỀ DISTANCE</b>	8.17 5.54 5.39 8.32 3.59 17.94 18.52 18.74 12.32 12.31 17.79 6.11 9.58 4.43 12.72 11.41 14.74 20.83 12.42 9.60 2.86 11.43 14.30 16.65 14.63 11.91 17.15 15.45
<b>KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÓN ACCUMULATED DISTANCE</b>	1367.51 1375.68 1381.22 1386.61 1394.93 1398.52 1416.46 1434.98 1453.72 1466.04 1478.35 1496.14 1502.25 1511.83 1516.26 1528.98 1530.26 1541.67 1556.41 1577.24 1589.66 1599.26 1602.12 1613.55 1627.85 1644.50 1659.13 1671.04 1688.19 1703.64
<b>TÊN CỌC STAKES</b>	TD22 82 P22 83 TC22 84 85 86 TD23 P23 TC23 89 TD24 P24 TC24 91 92 93 94 95 TD25 P25 TC25 98 99 100 101 102
<b>LÝ TRÌNH STATION</b>	H4 H5 H6 H7
<b>SƠ HOA TUYẾN LINE SKETCH</b>	$A=162d32'46''$ $R=90.01$ $K=27.42$ $T=13.82$ $P=1.05$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $Isc=3.00$ $W=1.00$ $A=165d53'9''$ $R=99.98$ $K=24.63$ $T=12.38$ $P=0.76$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $Isc=3.00$ $W=1.00$ $A=166d37'22''$ $R=119.97$ $K=28.01$ $T=14.07$ $P=0.82$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $Isc=3.00$ $W=0.80$ $A=163d37'16''$ $R=100.01$ $K=28.59$ $T=14.39$ $P=1.03$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $Isc=3.00$ $W=0.80$

<b>CƠ QUAN CHỦ QUẢN:</b> ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	<b>DỰ ÁN:</b> XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE	<b>CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER</b> LÊ MINH CHÍNH <i>[Signature]</i>	<b>QUẢNG TRỊ, NGÀY 22 THÁNG 6 NĂM 2025</b> <b>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH</b> <b>PHÚC THÀNH CONSULTING JOINT STOCK COMPANY</b> <b>GIÁM ĐỐC / DIRECTOR</b>  <b>NGUYỄN HỮU HOA</b>	<b>TRẮC ĐỌC TUYẾN / PROFILE OF ROAD</b> LÝ TRÌNH/STA: KM1+367.51 - KM1+703.64
<b>CĐT &amp; QLDA:</b> BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	<b>TIỂU DỰ ÁN:</b> NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A ĐOI, HUYỆN HƯƠNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT	<b>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER</b> NGUYỄN LÊ HIỂN <i>[Signature]</i>		<b>TỶ LỆ / SCALE:</b> 1/1000; 1/100
<b>LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ &amp; XÂY DỰNG BRC</b> CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	<b>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</b>	<b>THIẾT KẾ / DESIGN BY</b> NGUYỄN HỮU DUỆT <i>[Signature]</i>		<b>BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO.:</b> 31
		<b>K.C.S / QUALITY CONTROL</b> NGUYỄN HỮU HOA <i>[Signature]</i>	<b>LẦN XUẤT BẢN / REV.:</b>	<b>MÃ SỐ / CODE:</b>

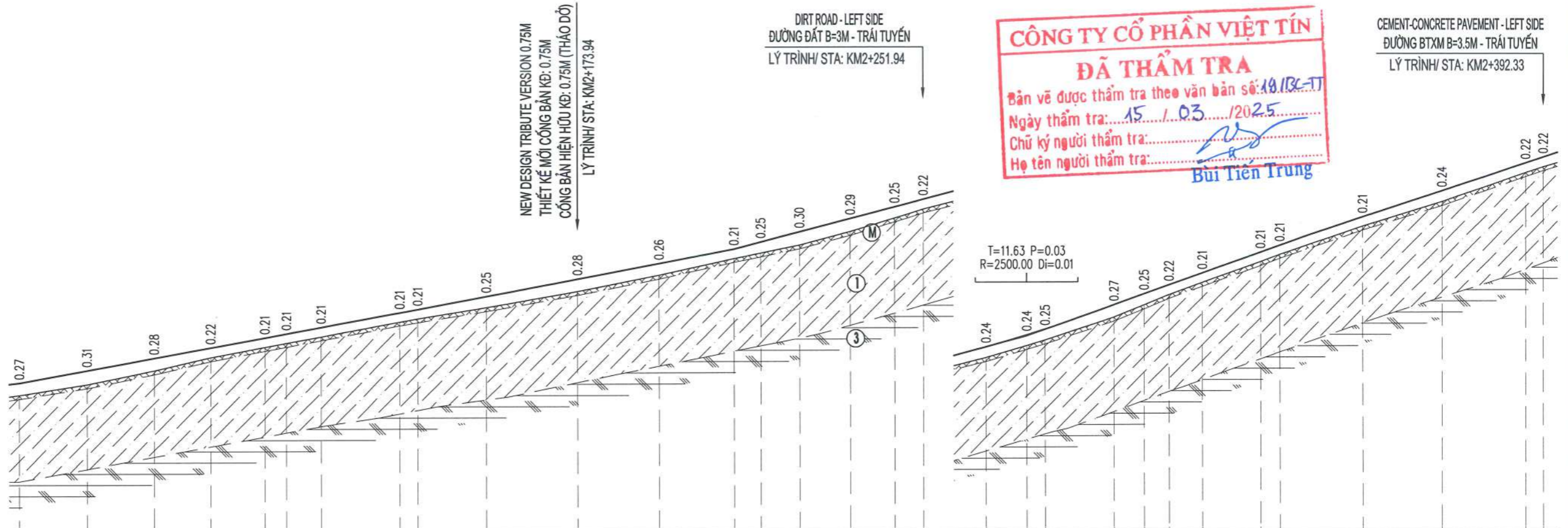


**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15 / 03 / 2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: **Bùi Tiên Trung**

<b>MÔ TẢ ĐỊA CHẤT</b> GEOLOGICAL DESCRIPTION	Lớp M: Nền đường cũ BTXM / cement concrete road. Lớp 1: sét pha màu xám vàng, nâu đỏ, kết cấu chặt vừa, trạng thái dẻo cứng - nửa cứng. Layer 1: argillaceous with yellow-gray, reddish-brown color, moderately tight texture, semi-hard state Lớp 2: cát pha màu xám nâu, loang trắng, kết cấu chặt vừa, trạng thái nửa cứng. Layer 2: gray-brown arenaceous, moderately tight texture, semi-hard state. Lớp 3: đá sét bột kết màu nâu đỏ, tím gụ, đá bị phong hóa, nứt nẻ mạnh. Layer 3: red-brown siltstone, cracked and strongly weathered. Lớp 4: đá sét kết xen kẹp đá cát kết màu xám trắng, xám nâu, nâu đỏ, đá ít bị phong hóa, cấu tạo đặc sít rắn chắc. Layer 4: claystone interspersed with sandstone, grey-white, gray-brown, red-brown. The rock is less weathered, the structure is solid. Lớp 5: đá granit màu xám trắng, xám nâu, đá bị phong hóa mảnh liệt, găm thành đất, tay bóp vỡ vụn. Layer 5: gray-white, gray-brown granite. Strongly weathered rock.
<b>SƠ HẠ RÀNH TRÁI</b> GEOLOGICAL ROAD	
<b>SƠ HẠ RÀNH PHẢI</b> GEOLOGICAL ROAD	
<b>ĐỘ DỐC THIẾT KẾ</b> DESIGNED GRADIENT	0.86% 46.83 1.49% 87.49 2.31% 48.91 7.21% 36.33 5.27% 69.96 1.14% 54.44
<b>CAO ĐỘ THIẾT KẾ</b> DESIGNED ELEVATION	346.61 346.76 346.89 347.01 347.14 347.21 347.26 347.41 347.62 347.63 347.91 348.09 348.12 348.28 348.32 348.55 348.66 349.04 349.47 350.62 351.43 351.96 352.37 353.27 354.04 354.71 355.48 355.63 355.80 356.02 356.19 356.27 356.37
<b>CAO ĐỘ TỰ NHIÊN</b> GROUND ELEVATION	346.40 346.41 346.55 346.76 346.87 346.94 346.99 347.20 347.40 347.41 347.68 347.85 347.88 348.06 348.11 348.34 348.45 348.78 349.23 350.32 351.22 351.68 352.09 352.98 353.83 354.46 355.27 355.40 355.59 355.81 355.91 355.99 356.10
<b>KHOẢNG CÁCH LỀ</b> DISTANCE	17.86 14.44 14.53 8.37 4.64 3.77 9.80 13.98 0.96 18.68 11.82 10.97 2.71 10.05 4.67 16.64 14.74 19.05 11.24 7.81 6.98 16.90 14.66 12.65 16.36 4.56 6.68 15.54 15.13 7.09 8.89
<b>KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÓN</b> ACCUMULATED DISTANCE	1703.64 1721.50 1735.94 1750.47 1758.84 1763.48 1767.25 1777.05 1791.03 1791.99 1810.67 1822.49 1824.28 1835.25 1837.96 1848.01 1852.68 1869.32 1884.06 1903.11 1914.35 1922.16 1929.14 1946.04 1960.70 1973.35 1989.71 1994.27 2000.95 2016.49 2031.62 2038.71 2047.60
<b>TÊN CỌC STAKES</b>	102 103 TD26 105 P26 107 108 TC26 110 TD27 111 P27 112 TC27 113 114 TD28 116 P28 117 TC28 118 119 120 TD29 121 122 P29 123 TC29 124
<b>LÝ TRÌNH STATION</b>	H8 H9 KM2
<b>SƠ HẠ TUYẾN</b> LINE SKETCH	$A=131d26'15''$ $R=65.00$ $K=55.09$ $T=29.32$ $P=6.31$ $L1=10.00$ $L2=10.00$ $Isc=4.00$ $W=1.20$ $A=165d22'51''$ $R=100.02$ $K=25.52$ $T=12.83$ $P=0.82$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $Isc=3.00$ $W=0.80$ $A=158d10'22''$ $R=100.01$ $K=38.10$ $T=19.28$ $P=1.84$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $Isc=3.00$ $W=0.80$ $A=129d4'46''$ $R=50.00$ $K=44.44$ $T=23.81$ $P=5.38$ $L1=10.00$ $L2=10.00$ $Isc=4.00$ $W=1.20$

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762/ISXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

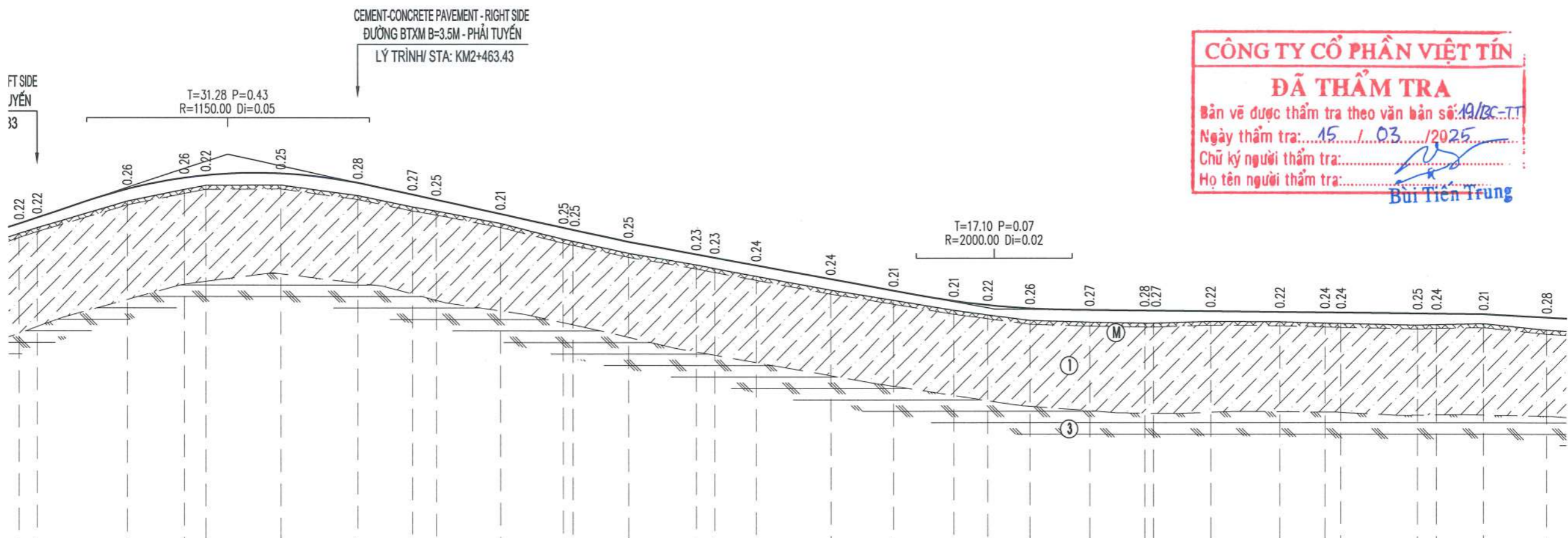
<b>CƠ QUAN CHỦ QUẢN:</b> ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE <b>CĐT &amp; QLDA:</b> BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD <b>LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ &amp; XÂY DỰNG BRC</b> CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	<b>DỰ ÁN:</b> XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE <b>TIỂU DỰ ÁN:</b> NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT <b>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</b>	<b>CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER</b> LÊ MINH CHÍNH <b>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER</b> NGUYỄN LÊ HIỂN <b>THIẾT KẾ / DESIGN BY</b> NGUYỄN HỮU DUẬT <b>K.C.S / QUALITY CONTROL</b> NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025 <b>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH</b> PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY <b>TU VẤN XÂY DỰNG</b> GIAM ĐỐC / DIRECTOR <b>PHÚC THÀNH</b> NGUYỄN HỮU HOA	<b>TRẮC ĐỌC TUYẾN / PROFILE OF ROAD</b> <b>LÝ TRÌNH/STA: KM1+703.64 - KM2+047.60</b> TỶ LỆ / SCALE: 1/1000; 1/100 BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 32 LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:
---	--	--	--	--



MÔ TẢ ĐỊA CHẤT GEOLOGICAL DESCRIPTION	Lớp M: Nền đường cũ BTXM /cement concrete road. Lớp 1: sét pha màu xám vàng, nâu đỏ, kết cấu chặt vừa, trạng thái dẻo cứng - nửa cứng. Layer 1: argillaceous with yellow-gray, reddish-brown color, moderately tight texture, semi-hard state		Lớp 2: cát pha màu xám nâu, loang trắng, kết cấu chặt vừa, trạng thái nửa cứng. Layer 2: gray-brown arenaceous, moderately tight texture, semi-hard state. Lớp 3: đá sét bột kết màu nâu đỏ, tím gụ, đá bị phong hóa, nứt nẻ mạnh. Layer 3: red-brown siltstone, cracked and strongly weathered.		Lớp 4: đá sét kết xen kẹp đá cát kết màu xám trắng, xám nâu, nâu đỏ, đá ít bị phong hóa, cấu tạo đặc sít rắn chắc. Layer 4: claystone interspersed with sandstone, grey-white, gray-brown, red-brown. The rock is less weathered, the structure is solid. Lớp 5: đá granit màu xám trắng, xám nâu, đá bị phong hóa mạnh liệt, gán thành đất, tay bóp vỡ vụn. Layer 5: gray-white, gray-brown granite. Strongly weathered rock.																										
SƠ HOA RÁNH TRÁI GEOLOGICAL ROAD																															
SƠ HOA RÁNH PHẢI GEOLOGICAL ROAD																															
ĐỘ DỐC THIẾT KẾ DESIGNED GRADIENT	1.81%		1.88%		2.60%		3.53%		3.27%																						
CAO ĐỘ THIẾT KẾ DESIGNED ELEVATION	356.37	356.65	356.93	357.16	357.38	357.47	357.61	357.94	358.01	358.30	358.69	359.03	359.35	359.51	359.74	360.03	360.29	360.46	360.83	361.10	361.23	361.76	362.01	362.21	362.47	362.93	363.09	363.72	364.30	364.93	365.06
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN GROUND ELEVATION	356.10	356.34	356.65	356.94	357.17	357.26	357.40	357.73	357.80	358.05	358.41	358.77	359.14	359.26	359.44	359.74	360.04	360.24	360.59	360.86	360.98	361.49	361.76	361.99	362.26	362.72	362.88	363.51	364.06	364.71	364.84
KHOẢNG CÁCH LỀ DISTANCE		15.35	15.27	12.70	12.17	4.97	7.86	17.95	4.02	15.43	20.62	18.39	16.99	6.06	8.77	11.31	9.94	6.54	14.30	9.17	4.08	15.58	6.88	5.63	7.47	13.11	4.35	18.96	17.83	19.05	3.98
KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÓN ACCUMULATED DISTANCE	2047.60	2062.95	2078.22	2090.92	2103.09	2108.06	2115.92	2133.87	2137.89	2153.32	2173.94	2192.33	2209.32	2215.38	2224.15	2235.46	2245.40	2251.94	2266.24	2275.41	2279.49	2295.07	2301.95	2307.58	2315.05	2328.16	2332.51	2351.47	2369.30	2388.35	2392.33
TÊN CỌC STAKES	124	125	TD30	127	128	129	P30	130	TC30	131	132	133	TD31	134	135	136	P31	137	138	TC31	139	140	TD32	141	P32	TC32	142	TD33	144	P33	145
LÝ TRÌNH STATION	H1						H2						H3																		
SƠ HOA TUYẾN LINE SKETCH	$A=145d48'42''$ $R=100.00$ $K=59.67$ $T=30.75$ $P=4.62$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $Isc=3.00$ $W=0.80$						$A=130d51'55''$ $R=70.00$ $K=60.03$ $T=32.00$ $P=6.97$ $L1=10.00$ $L2=10.00$ $Isc=4.00$ $W=1.00$						$A=158d33'7''$ $R=70.02$ $K=26.21$ $T=13.26$ $P=1.24$ $L1=10.00$ $L2=10.00$ $Isc=4.00$ $W=1.00$						$A=137d44'8''$ $R=99.99$ $K=7.3$ $T=38.65$ $P=7$ $L1=7.00$ $L2=7$ $Isc=3.00$ $W=1.0$												

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	<b>DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ</b> <b>PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE</b> TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT <b>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</b>	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY 06 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA	<b>TRẮC ĐỌC TUYẾN / PROFILE OF ROAD</b> <b>LÝ TRÌNH/STA: KM2+047.60 - KM2+392.33</b> TỶ LỆ / SCALE: 1/1000; 1/100 BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 33 LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:
---	---	--	--	--

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

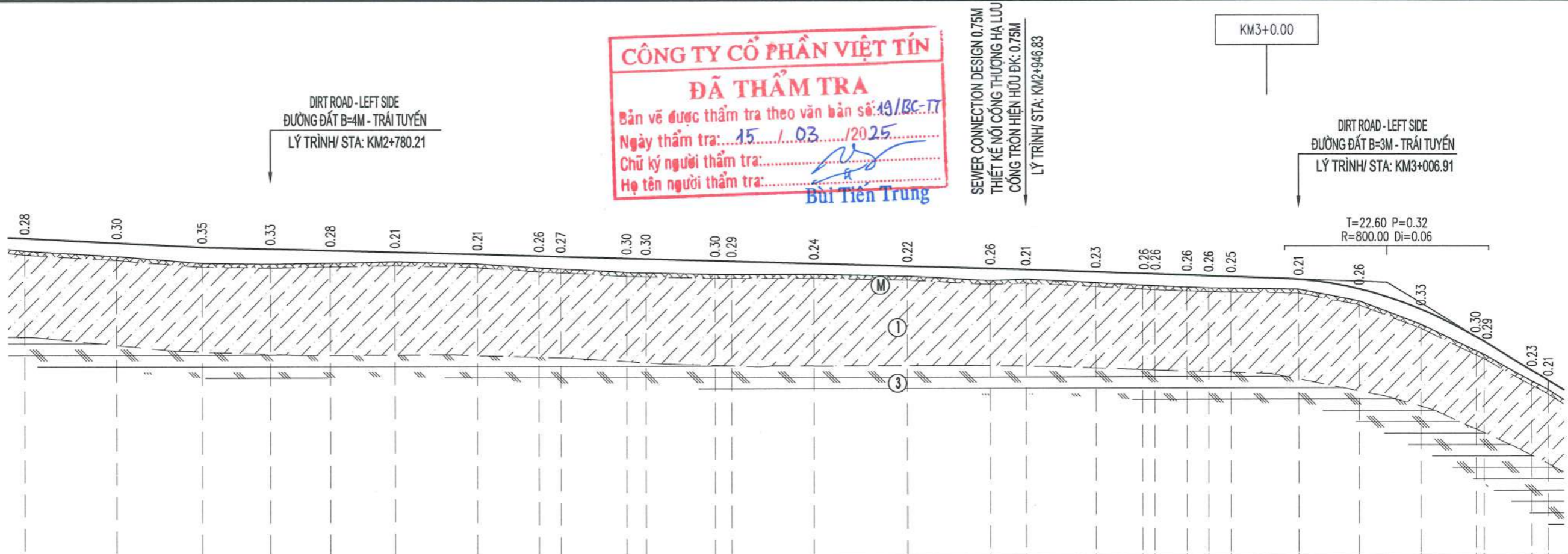


<b>MÔ TẢ ĐỊA CHẤT</b> GEOLOGICAL DESCRIPTION	Lớp M: Nền đường cũ BTXM / cement concrete road. Lớp 1: sét pha màu xám vàng, nâu đỏ, kết cấu chặt vừa, trạng thái dẻo cứng - nửa cứng. Layer 1: argillaceous with yellow-gray, reddish-brown color, moderately tight texture, semi-hard state Lớp 2: cát pha màu xám nâu, loang trắng, kết cấu chặt vừa, trạng thái nửa cứng. Layer 2: gray-brown arenaceous, moderately tight texture, semi-hard state. Lớp 3: đá sét bột kết màu nâu đỏ, tím gụ. đá bị phong hóa, nứt nẻ mạnh. Layer 3: red-brown siltstone, cracked and strongly weathered. Lớp 4: đá sét kết xen kẹp đá cát kết màu xám trắng, xám nâu, nâu đỏ. đá ít bị phong hóa, cấu tạo đặc sít rắn chắc. Layer 4: claystone interspersed with sandstone, grey-white, grey-brown, red-brown. The rock is less weathered, the structure is solid. Lớp 5: đá granit màu xám trắng, xám nâu, đá bị phong hóa mạnh liệt, gấn thành đất, tay bóp vỡ vụn. Layer 5: gray-white, gray-brown granite. Strongly weathered rock.
<b>SƠ HẠ RÀNH TRÁI</b> GEOLOGICAL ROAD	
<b>SƠ HẠ RÀNH PHẢI</b> GEOLOGICAL ROAD	
<b>ĐỘ DỐC THIẾT KẾ</b> DESIGNED GRADIENT	96.71   88.28   2.17%   80.60   1.81%   108.06   0.10%
<b>CAO ĐỘ THIẾT KẾ</b> DESIGNED ELEVATION	364.93   365.06   365.68   365.93   365.98   366.02   365.82   365.56   365.45   365.14   364.84   364.79   364.53   364.26   364.18   364.02   363.72   363.47   363.25   363.16   363.08   363.05   363.04   363.03   363.02   363.01   363.00   362.99   362.97   362.97   362.96   362.89
<b>CAO ĐỘ TỰ NHIÊN</b> GROUND ELEVATION	364.71   364.84   365.42   365.67   365.76   365.77   365.54   365.29   365.20   364.93   364.59   364.54   364.28   364.03   363.95   363.78   363.48   363.26   363.04   362.94   362.82   362.78   362.76   362.76   362.80   362.79   362.76   362.75   362.72   362.73   362.75   362.61
<b>KHOẢNG CÁCH LỀ</b> DISTANCE	3.98   20.24   12.66   4.67   16.53   17.00   11.93   5.27   14.24   13.84   2.23   12.07   14.94   4.10   9.11   16.38   13.92   13.31   7.40   9.26   13.17   12.20   9.11   12.55   15.24   10.03   3.54   16.89   4.18   10.47   14.14
<b>KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÓN</b> ACCUMULATED DISTANCE	2388.35   2392.33   2412.57   2425.23   2429.90   2446.43   2463.43   2475.36   2480.63   2494.87   2508.71   2510.94   2523.01   2537.95   2542.05   2551.16   2567.54   2581.46   2594.77   2602.17   2611.43   2624.60   2636.80   2638.77   2651.32   2666.56   2676.59   2680.13   2697.02   2701.20   2711.67   2725.81
<b>TÊN CỌC STAKES</b>	P33   145   146   TC33   147   148   149   TD34   150   151   P34   152   153   TC34   154   155   TD35   157   158   P35   159   160   TC35   161   162   163   TD36   164   165   P36   166   TC36
<b>LÝ TRÌNH STATION</b>	H4   H5   H6   H7
<b>SƠ HẠ TUYẾN</b> LINE SKETCH	$A=37d44'8''$ $R=90.00$ $K=73.76$ $T=36.45$ $P=7.10$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $W=1.00$ $A=141d47'26''$ $R=100.00$ $K=66.69$ $T=34.64$ $P=5.83$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $lsc=3.00$ $W=0.80$ $A=135d54'22''$ $R=90.00$ $K=69.26$ $T=36.45$ $P=7.10$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $lsc=3.00$ $W=1.00$ $A=156d29'43''$ $R=119.98$ $K=49.22$ $T=24.96$ $P=2.57$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $lsc=3.00$ $W=0.80$

**CỔ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1362/ISXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE CHỦ TỊCH & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A ĐOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUỆT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY 22 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY TỰ VÀ GIẢM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA	TRẮC ĐỌC TUYẾN / PROFILE OF ROAD LÝ TRÌNH/STA: KM2+392.33 - KM2+725.81 TỶ LỆ / SCALE: 1/1000; 1/100 BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 39 LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:
---	---	--	--	---

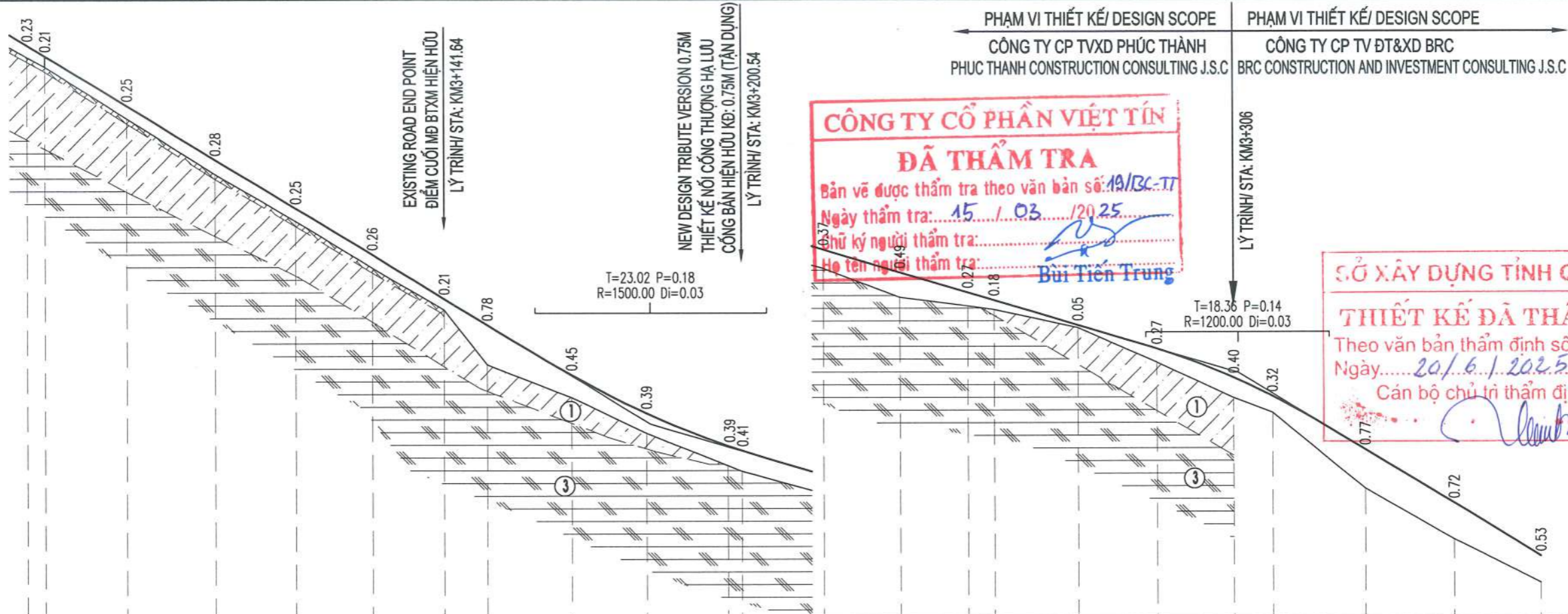
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung



<b>MÔ TẢ ĐỊA CHẤT</b> GEOLOGICAL DESCRIPTION	Lớp M: Nền đường cũ BTXM /cement concrete road. Lớp 1: sét pha màu xám vàng, nâu đỏ, kết cấu chặt vừa, trạng thái dẻo cứng - nửa cứng. Layer 1: argillaceous with yellow-gray, reddish-brown color, moderately tight texture, semi-hard state Lớp 2: cát pha màu xám nâu, loang trắng, kết cấu chặt vừa, trạng thái nửa cứng. Layer 2: gray-brown arenaceous, moderately tight texture, semi-hard state Lớp 3: đá sét bột kết màu nâu đỏ, tím gụ, đá bị phong hóa, nứt nẻ mạnh. Layer 3: red-brown siltstone, cracked and strongly weathered. Lớp 4: đá sét kết xen kẹp đá cát kết màu xám trắng, xám nâu, nâu đỏ. đá ít bị phong hóa, cấu trúc đặc sít rắn chắc. Layer 4: claystone interspersed with sandstone, grey-white, gray-brown, red-brown. The rock is less weathered, the structure is solid. Lớp 5: đá granit màu xám trắng, xám nâu, đá bị phong hóa mạnh liệt, gấn thành đất, tay bóp vỡ vụn. Layer 5: gray-white, gray-brown granite. Strongly weathered rock.
<b>SƠ HỌA RÀNH TRÁI</b> GEOLOGICAL ROAD	KM3+020.25
<b>SƠ HỌA RÀNH PHẢI</b> GEOLOGICAL ROAD	KM3+020.25
<b>ĐỘ DỐC THIẾT KẾ</b> DESIGNED GRADIENT	0.51% 0.26% 0.29% 0.37%
<b>CAO ĐỘ THIẾT KẾ</b> DESIGNED ELEVATION	362.89 362.79 362.69 362.65 362.62 362.58 362.53 362.49 362.48 362.43 362.42 362.38 362.37 362.32 362.26 362.20 362.18 362.12 362.09 362.08 362.05 362.03 362.01 361.95 361.74 361.30 360.69 360.60 359.96 359.75
<b>CAO ĐỘ TỰ NHIÊN</b> GROUND ELEVATION	362.61 362.49 362.34 362.32 362.34 362.37 362.32 362.23 362.21 362.13 362.12 362.08 362.08 362.08 362.04 361.94 361.97 361.89 361.83 361.82 361.79 361.77 361.76 361.74 361.48 360.97 360.39 360.31 359.73 359.54
<b>KHOẢNG CÁCH LỀ</b> DISTANCE	20.23 18.90 15.27 13.24 14.21 18.22 13.45 4.85 14.57 4.27 15.33 3.50 18.13 20.54 18.25 8.06 15.33 10.20 2.69 7.08 4.82 4.95 15.01 13.34 13.67 12.28 7 10.57 3.51
<b>KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÓN</b> ACCUMULATED DISTANCE	2725.81 2746.04 2764.94 2780.21 2793.45 2807.66 2825.88 2839.33 2844.18 2858.75 2863.02 2878.35 2881.85 2899.98 2920.52 2938.77 2946.83 2962.16 2972.36 2975.05 2982.13 2986.95 2991.90 3006.91 3020.25 3033.92 3046.20 3047.91 3058.48 3061.99
<b>TÊN CỌC STAKES</b>	TC36 168 169 170 171 172 173 174 TD37 175 P37 176 TC37 177 178 179 180 181 TD38 P38 TC38 184 185 TD39 187 P39 TC39 188
<b>LÝ TRÌNH STATION</b>	H8 H9 KM3
<b>SƠ HỌA TUYẾN</b> LINE SKETCH	$A=144d1'43''$ $R=60.00$ $K=37.67$ $T=19.48$ $P=3.08$ $L1=10.00$ $L2=10.00$ $Isc=4.00$ $W=1.20$ $A=168d48'16''$ $R=100.00$ $K=19.54$ $T=9.80$ $P=0.48$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $Isc=3.00$ $W=0.80$ $A=164d22'0''$ $R=90.01$ $K=24.56$ $T=12.36$ $P=0.84$ $L1=7.00$ $L2=7.00$ $Isc=3.00$ $W=1.00$

**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1262/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

<b>CƠ QUAN CHỦ QUẢN:</b> ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE <b>CĐT &amp; QLDA:</b> BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD <b>LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ &amp; XÂY DỰNG BRC</b> CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	<b>DỰ ÁN:</b> XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE <b>Tiểu dự án:</b> NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A ĐOI, HUYỆN HƯƠNG HOA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT <b>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</b>	<b>CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER</b> LÊ MINH CHÍNH <b>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER</b> NGUYỄN LÊ HIỂN <b>THIẾT KẾ / DESIGN BY</b> NGUYỄN HỮU DUẬT <b>K.C.S / QUALITY CONTROL</b> NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY 2 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY <b>GIÁM ĐỐC / DIRECTOR</b> NGUYỄN HỮU HOA	<b>TRẮC ĐỌC TUYẾN / PROFILE OF ROAD</b> <b>LÝ TRÌNH/STA:</b> KM2+725.81 - KM3+061.99 <b>TỶ LỆ / SCALE:</b> 1/1000; 1/100 <b>LẦN XUẤT BẢN / REV:</b> <b>BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO:</b> 35 <b>MÃ SỐ / CODE:</b>
---	--	--	--	---



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 176.2/ISXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

<b>MÔ TẢ ĐỊA CHẤT</b> GEOLOGICAL DESCRIPTION	Lớp 1: sét pha màu xám vàng, nâu đỏ, kết cấu chặt vừa, trạng thái dẻo cứng - nửa cứng. Layer 1: argillaceous with yellow-gray, reddish-brown color, moderately tight texture, semi-hard state. Lớp 2: cát pha màu xám nâu, loang trắng, kết cấu chặt vừa, trạng thái nửa cứng. Layer 2: gray-brown arenaceous, moderately tight texture, semi-hard state. Lớp 3: đá sét bột kết màu nâu đỏ, tím gụ, đá bị phong hóa, nứt nẻ mạnh. Layer 3: red-brown siltstone, cracked and strongly weathered. Lớp 4: đá sét kết xen kẹp đá cát kết màu xám trắng, xám nâu, nâu đỏ, đá ít bị phong hóa, cấu tạo đặc sít rắn chắc. Layer 4: claystone interspersed with sandstone, grey-white, gray-brown, red-brown. The rock is less weathered, the structure is solid. Lớp 5: đá granit màu xám trắng, xám nâu, đá bị phong hóa mạnh liệt, gán thành đất, tay bóp vỡ vụn. Layer 5: gray-white, gray-brown granite. Strongly weathered rock.
<b>SƠ HOẠ RÀNH TRÁI</b> GEOLOGICAL ROAD	RÀNH DỌC GIA CỐ TẮM LÁT, L= 180.29M/ VOLUME OF DRAINAGE KM3+200.54
<b>SƠ HOẠ RÀNH PHẢI</b> GEOLOGICAL ROAD	RÀNH DỌC GIA CỐ TẮM LÁT, L= 180.29M/ VOLUME OF DRAINAGE KM3+200.54
<b>ĐỘ DỐC THIẾT KẾ</b> DESIGNED GRADIENT	6.01% 156.09
<b>CAO ĐỘ THIẾT KẾ</b> DESIGNED ELEVATION	359.96 359.75 358.77 357.70 356.74 355.83 354.96 354.45 353.47 352.71 352.07 351.98 351.49 351.04 350.65 350.49 350.00 349.54 348.97 348.60 347.55 346.50 345.45
<b>CAO ĐỘ TỰ NHIÊN</b> GROUND ELEVATION	359.73 359.54 358.52 357.42 356.49 355.57 354.75 353.67 353.02 352.32 351.68 351.57 351.12 350.55 350.38 350.31 349.95 349.27 348.57 348.28 346.78 345.78 344.92
<b>KHOẢNG CÁCH LỀ</b> DISTANCE	7 3.51 16.28 17.80 15.89 15.16 14.52 8.52 16.61 14.98 16.12 2.67 16.36 15.38 13.31 5.20 16.69 15.73 15.19 7.72 18.50 17.51 17.51
<b>KHOẢNG CÁCH CỘNG DÓN</b> ACCUMULATED DISTANCE	3058.48 3061.99 3078.27 3096.07 3111.96 3127.12 3141.64 3150.16 3166.77 3181.75 3197.87 3200.54 3216.90 3232.28 3245.59 3250.79 3267.48 3283.21 3306.00 3313.72 3332.22 3349.73 3367.25
<b>TÊN CỌC STAKES</b>	188 TC39 189 190 191 D40=193 TD41 195 P41 198 TC41 201 202 203(1) 2 TD36 P36 TC36
<b>LÝ TRÌNH STATION</b>	H1 H2 H3
<b>SƠ HOẠ TUYẾN</b> LINE SKETCH	

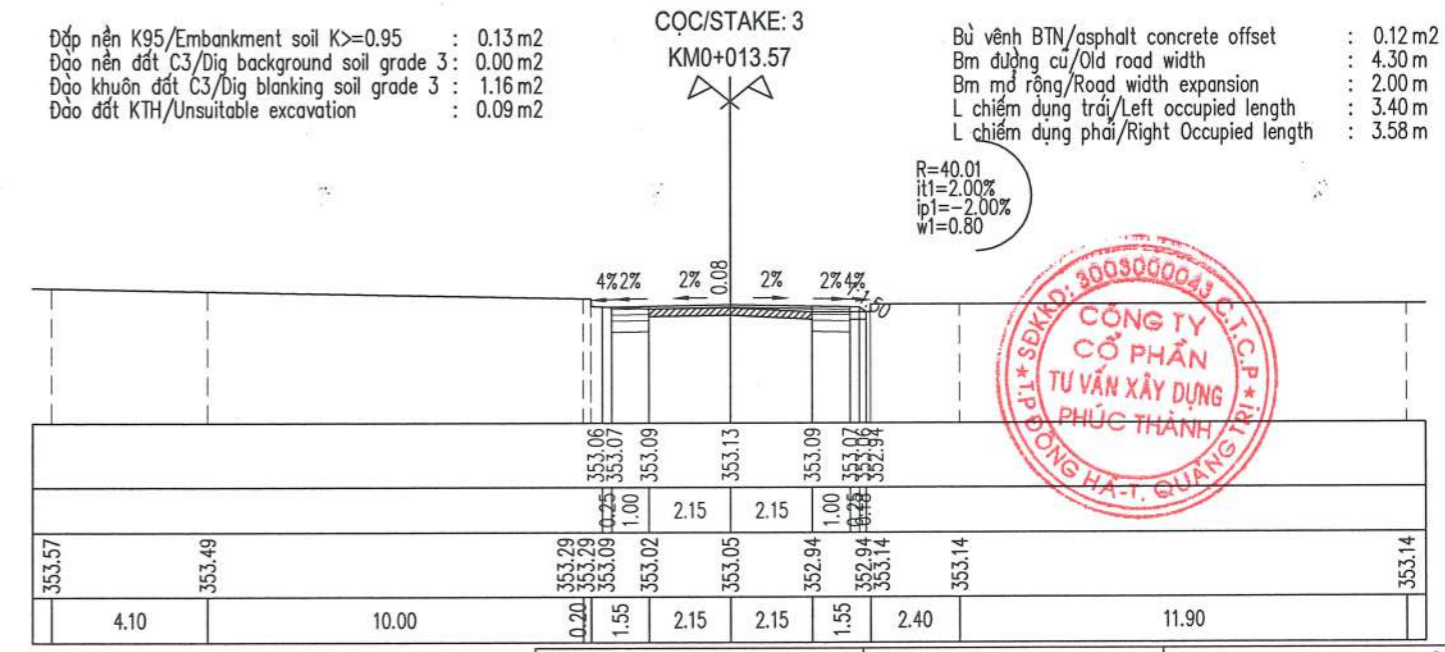
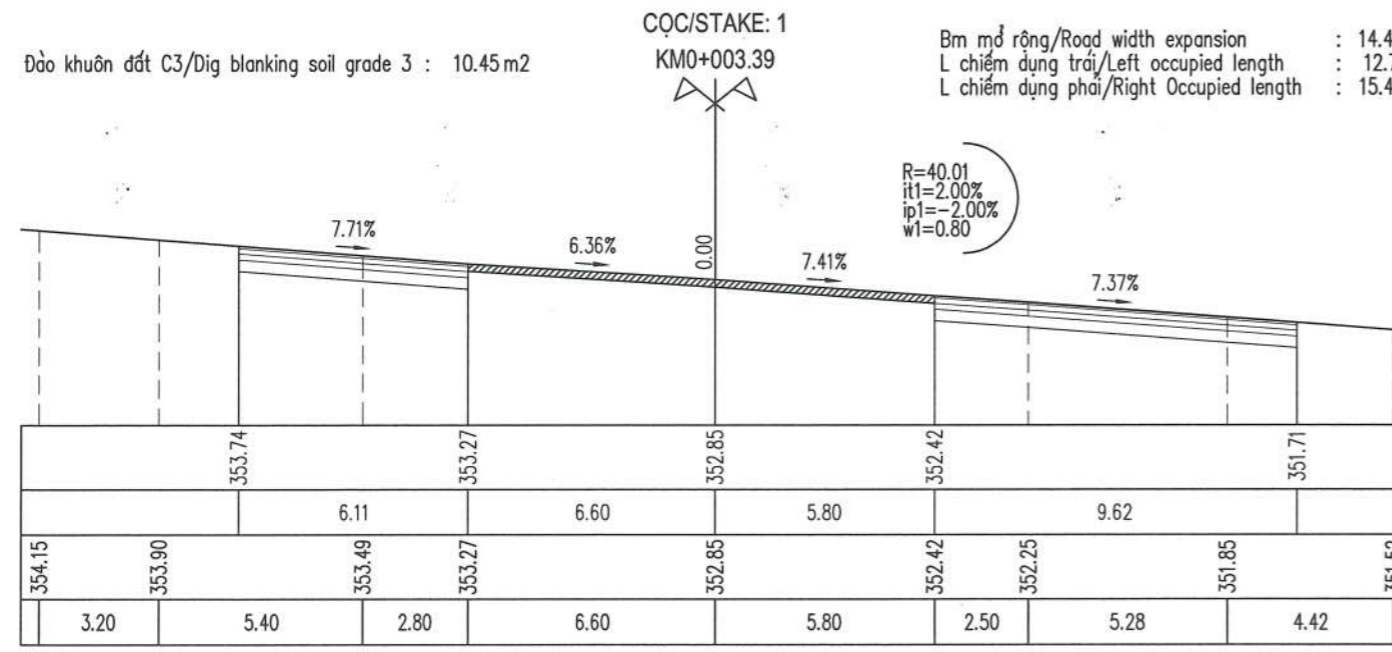
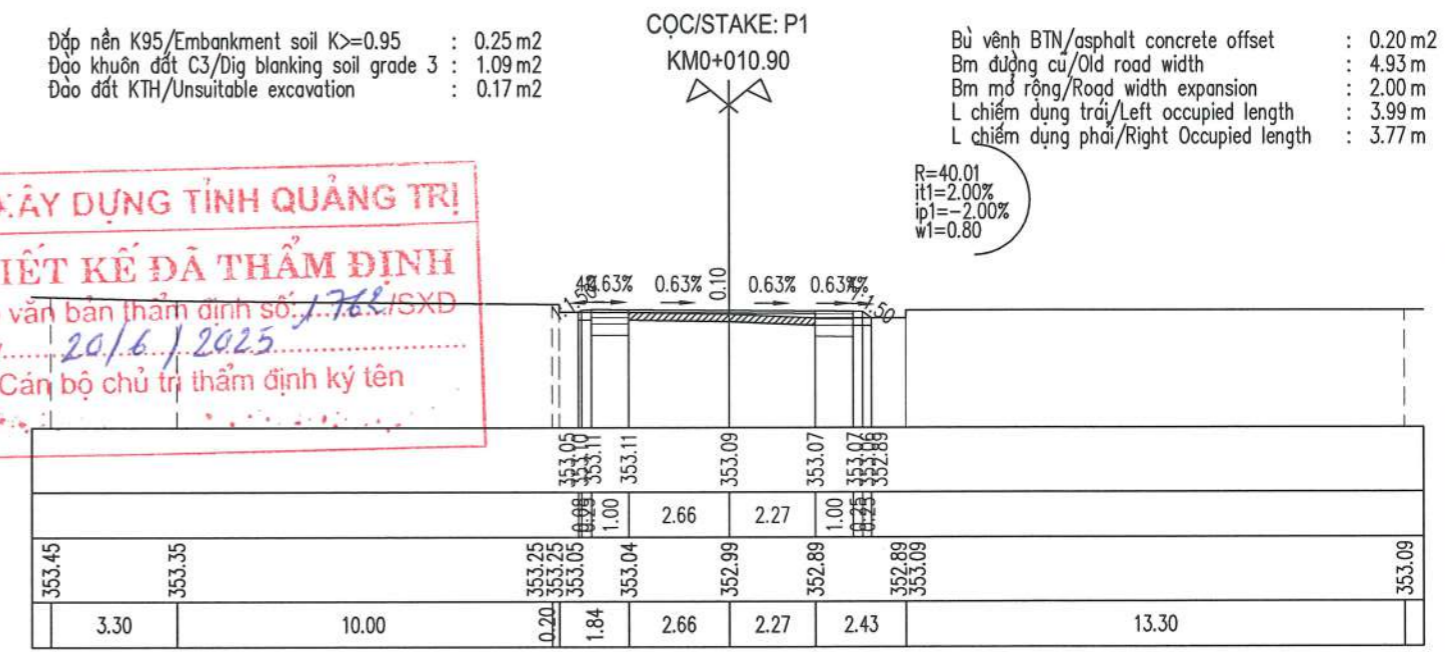
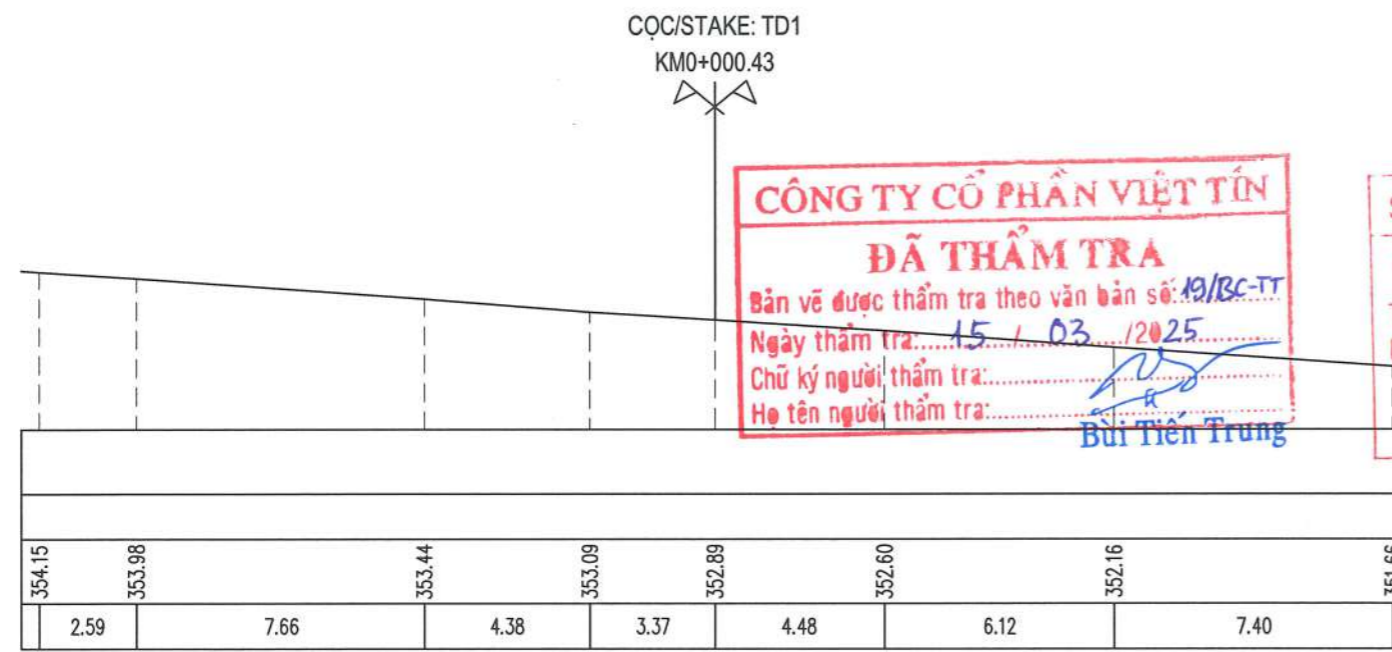
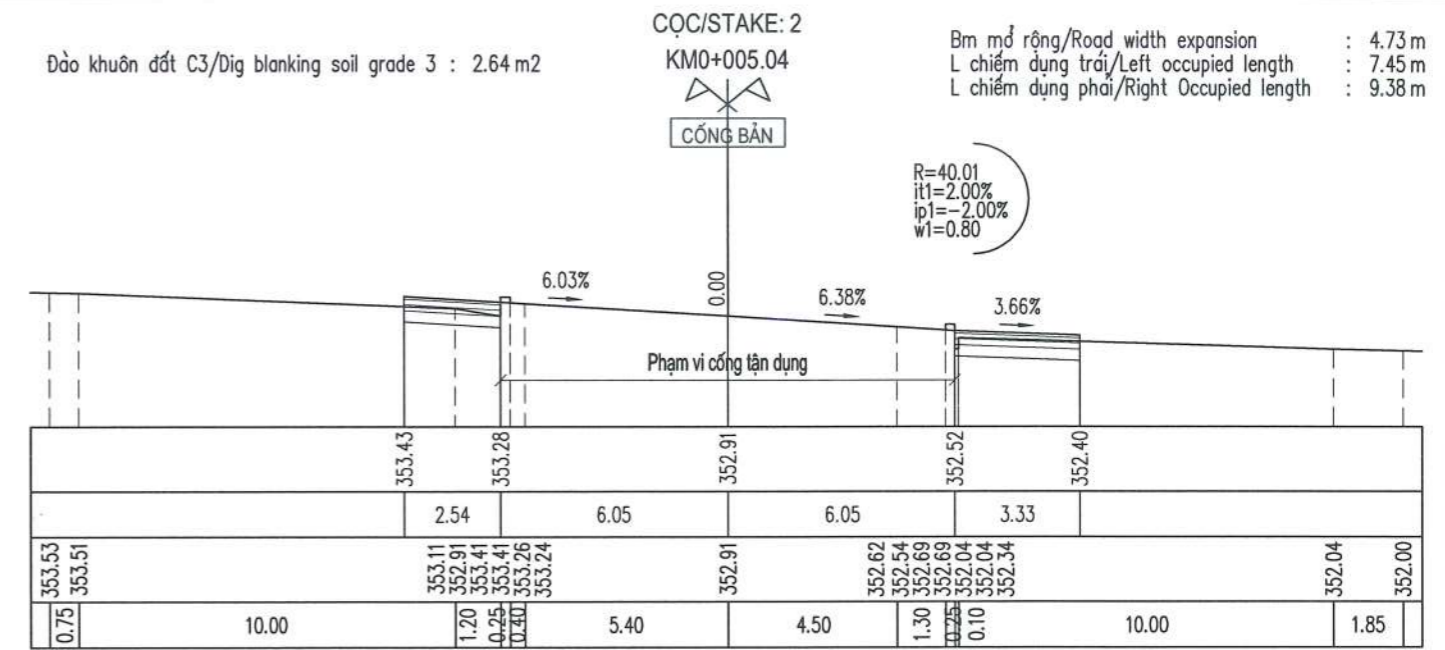
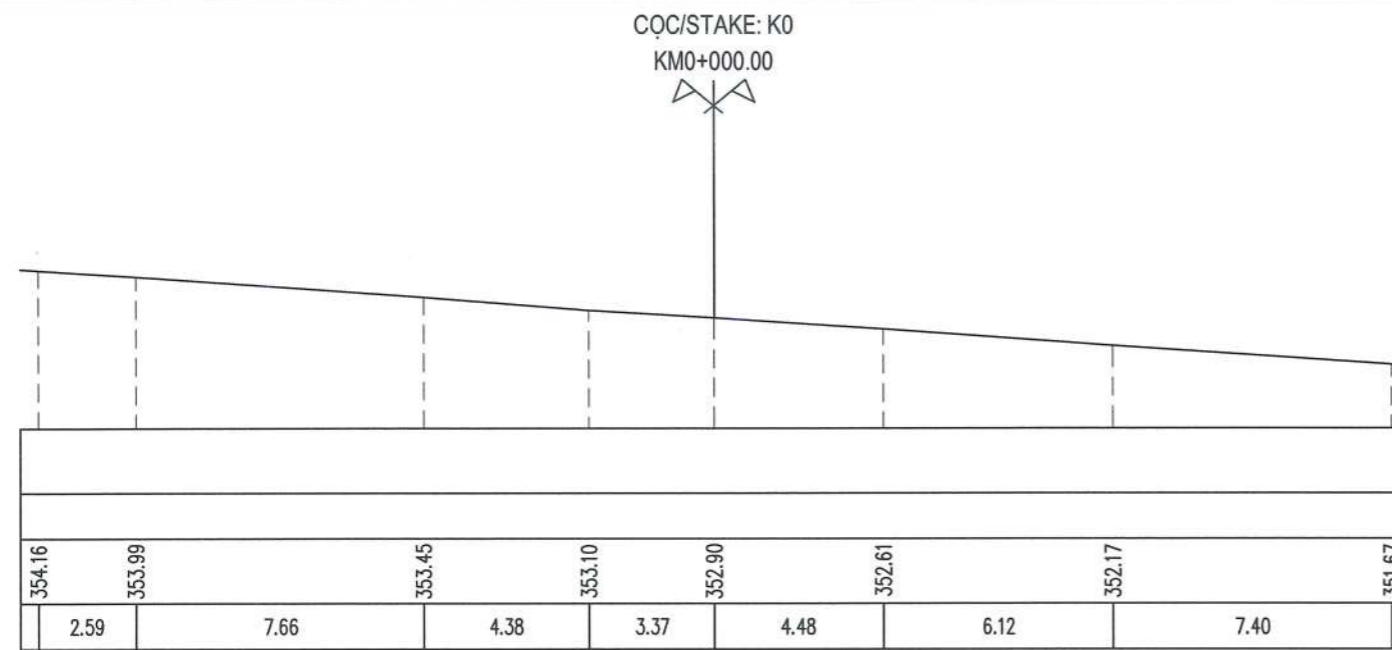
**CƠ QUAN CHỦ QUẢN:** ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
 MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE  
**CĐT & QLDA:** BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ  
 PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD  
**LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC**  
 CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

**DỰ ÁN:** XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ  
 PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE  
**TIỂU DỰ ÁN:** NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA  
 SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT  
**THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN**

**CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER:** LÊ MINH CHÍNH  
**CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER:** NGUYỄN LÊ HIỂN  
**THIẾT KẾ / DESIGN BY:** NGUYỄN HỮU DUỆT  
**K.C.S / QUALITY CONTROL:** NGUYỄN HỮU HOA

QUẢNG TRỊ, NGÀY 06 THÁNG 6 NĂM 2025  
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
 PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
**GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:** NGUYỄN HỮU HOA

**TRẮC DỌC TUYẾN / PROFILE OF ROAD**  
 LÝ TRÌNH/STA: KM3+061.99 - KM3+306.00  
 TỶ LỆ / SCALE: 1/1000; 1/100  
 BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 36  
 LẦN XUẤT BẢN / REV:  
 MÃ SỐ / CODE:

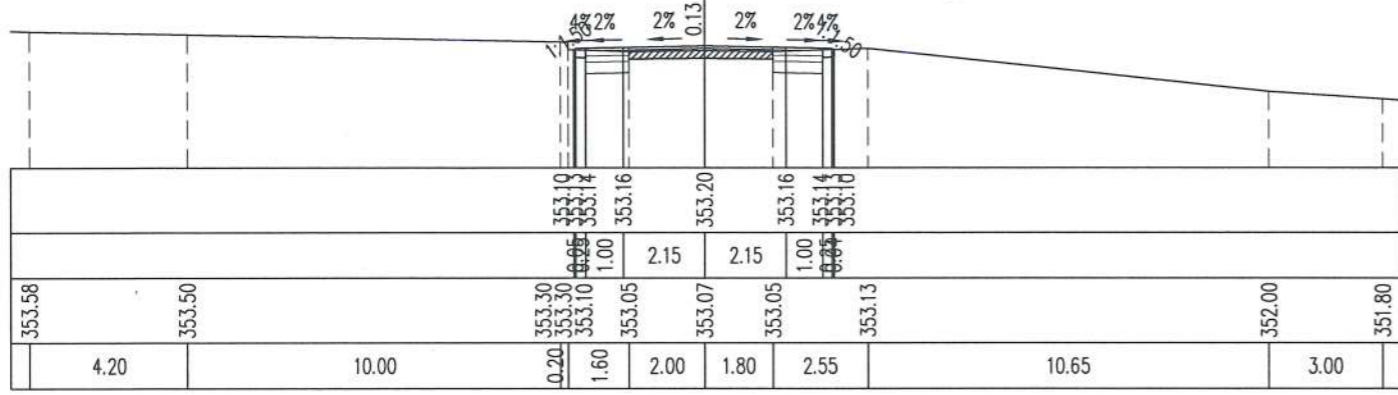


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.14 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.47 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.12 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC1  
 KMO+021.37

Bù vênh BTN/asphalt concrete offset : 0.21 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.80 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.45 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.44 m

R=40.01  
 it1=2.00%  
 ip1=-2.00%  
 w1=0.80



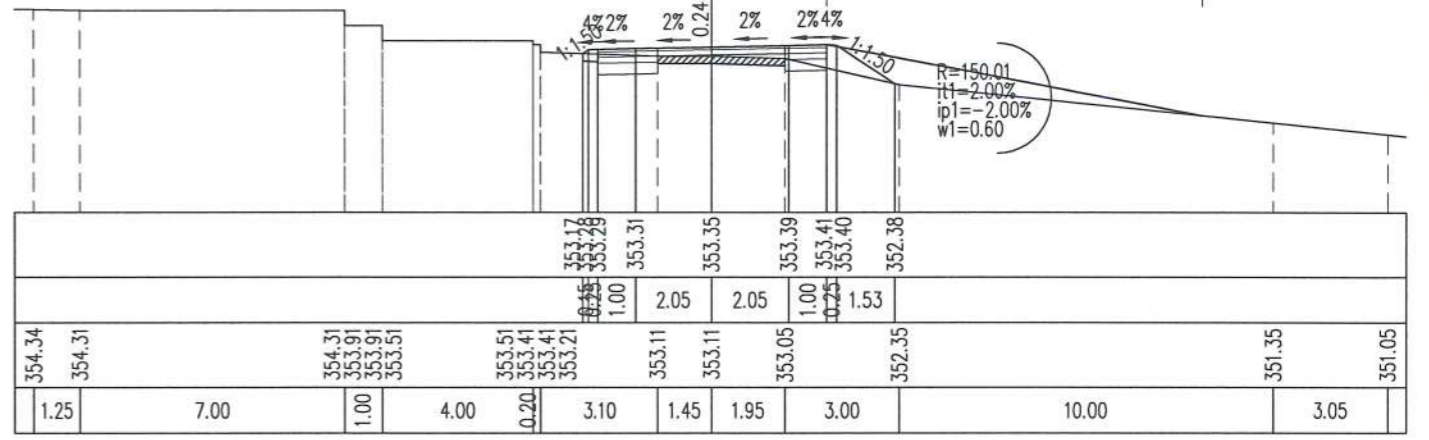
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.78 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.02 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.08 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 4  
 KMO+038.21

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone : 0.17 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.40 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.70 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.45 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.83 m

Vượt nối đường giao, L=10m

R=150.01  
 it1=2.00%  
 ip1=-2.00%  
 w1=0.60



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.54 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.93 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.30 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 3A  
 KMO+024.09

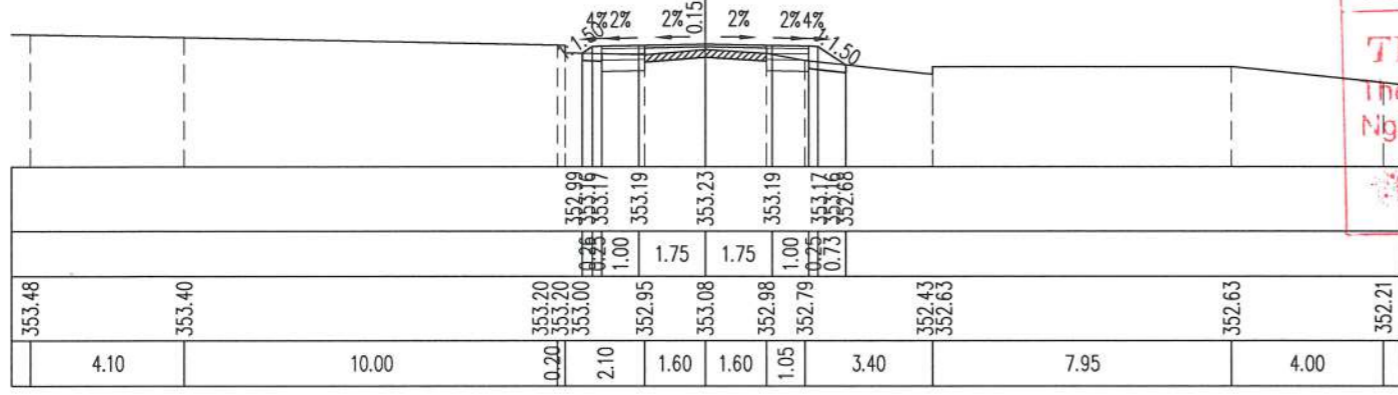
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone : 0.38 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.20 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.30 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.26 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.73 m

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.09 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.99 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.51 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 1.90 m

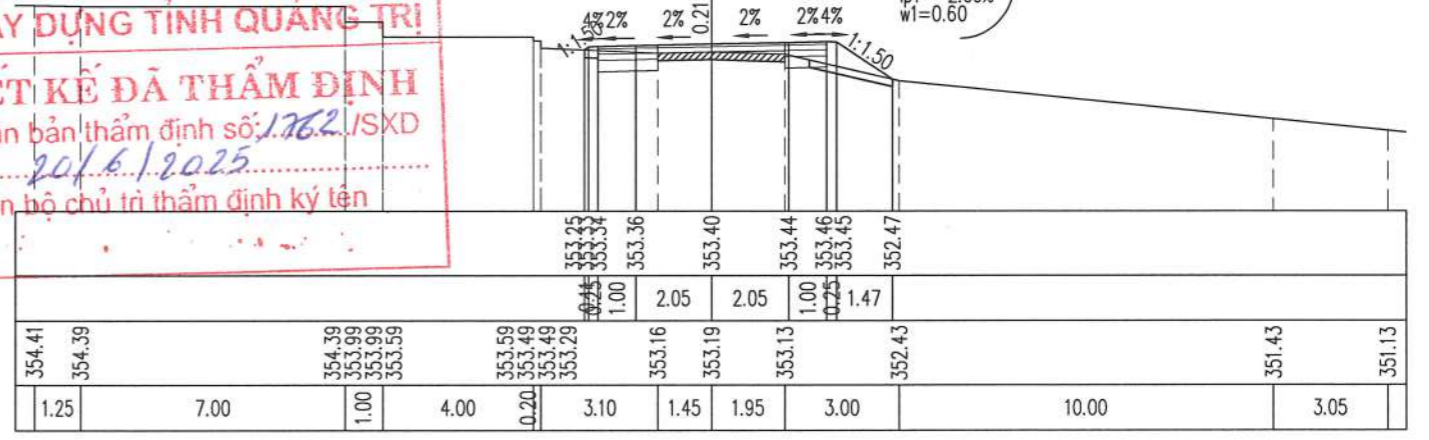
CỌC/STAKE: P2  
 KMO+043.29

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone : 0.09 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.40 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.70 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.41 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.77 m

R=150.01  
 it1=2.00%  
 ip1=-2.00%  
 w1=0.60



**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762/ SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.37 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.16 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD2  
 KMO+030.64

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone : 0.39 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.40 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.28 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.79 m

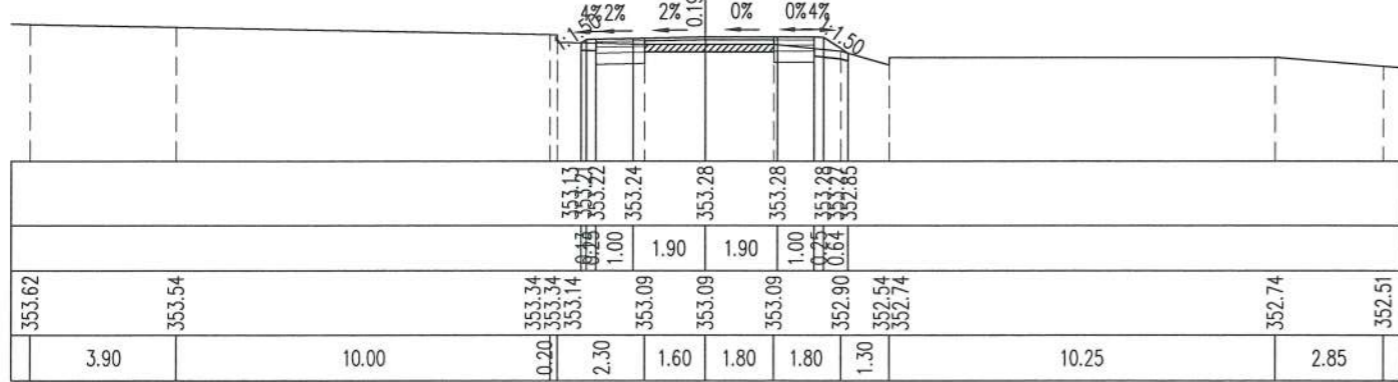
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.26 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.09 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.16 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC2  
 KMO+055.95

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone : 0.10 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.30 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.15 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.47 m

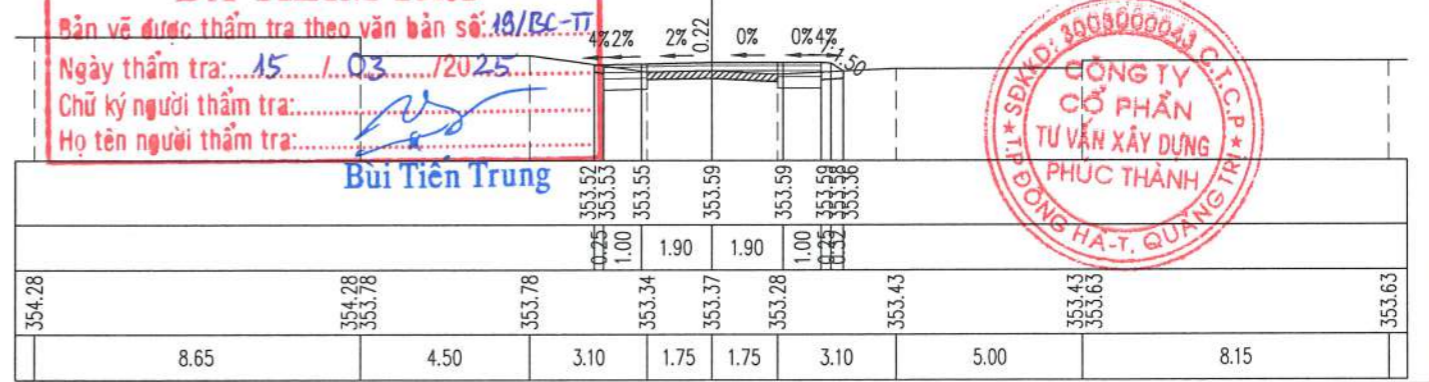
R=150.01  
 it1=2.00%  
 ip1=0.00%  
 w1=0.30

R=150.01  
 it1=2.00%  
 ip1=0.00%  
 w1=0.30



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 18/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐỒNG HÃ-T, QUẢNG TRỊ

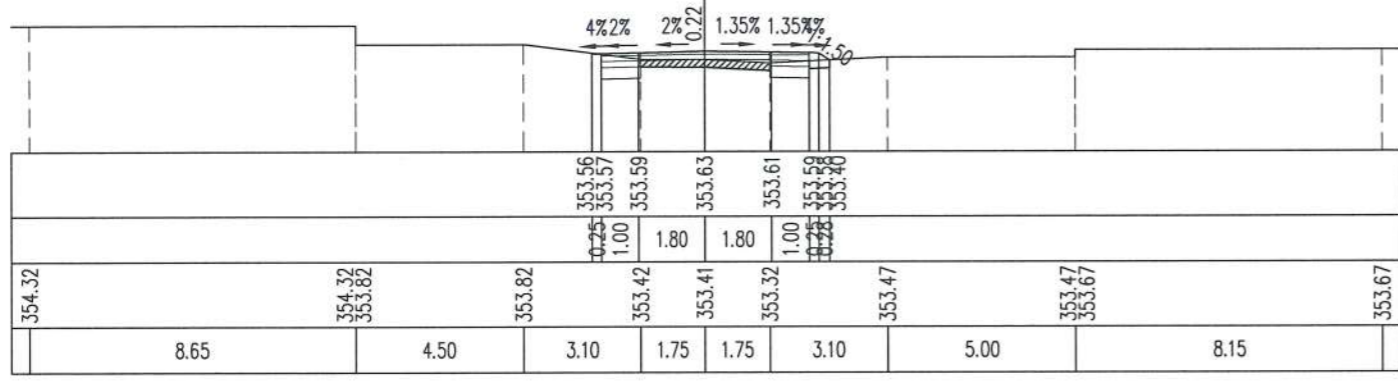


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.16 m2  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.00 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.04 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.11 m2

CỌC/STAKE: 5  
 KMO+058.32

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.08 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.10 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.05 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.33 m

R=150.01  
 it1=2.00%  
 ip1=1.35%  
 w1=0.10

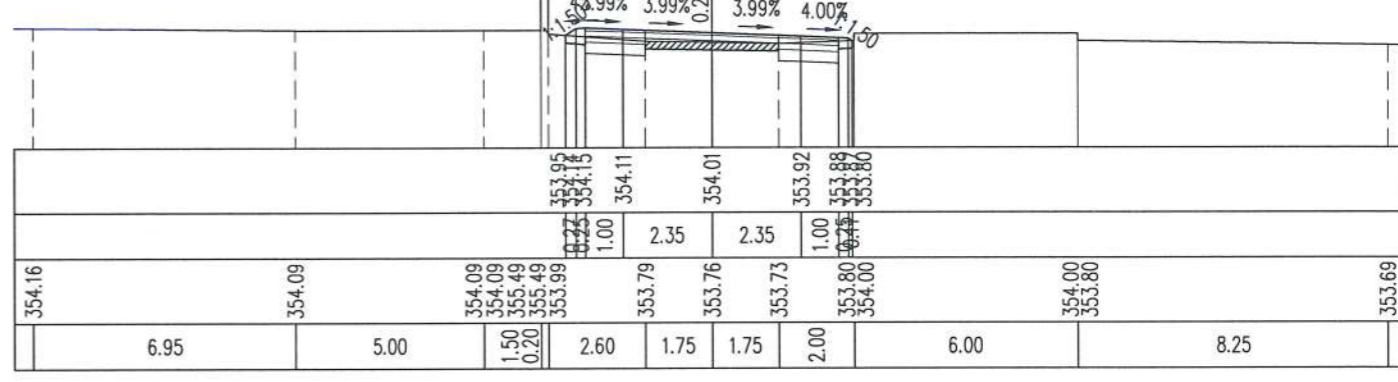


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.28 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.48 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.18 m2

CỌC/STAKE: P3  
 KMO+080.42

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.15 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.20 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.87 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.71 m

R=50.03  
 it1=-3.99%  
 ip1=3.99%  
 w1=1.20

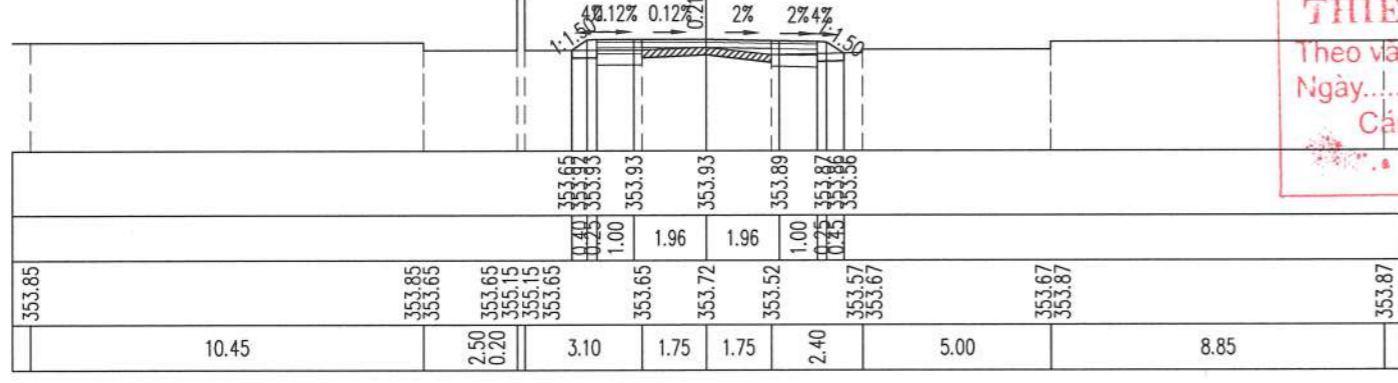


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.54 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.87 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.27 m2

CỌC/STAKE: 6  
 KMO+073.98

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.19 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.42 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.62 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.66 m

R=50.03  
 it1=-0.12%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.42

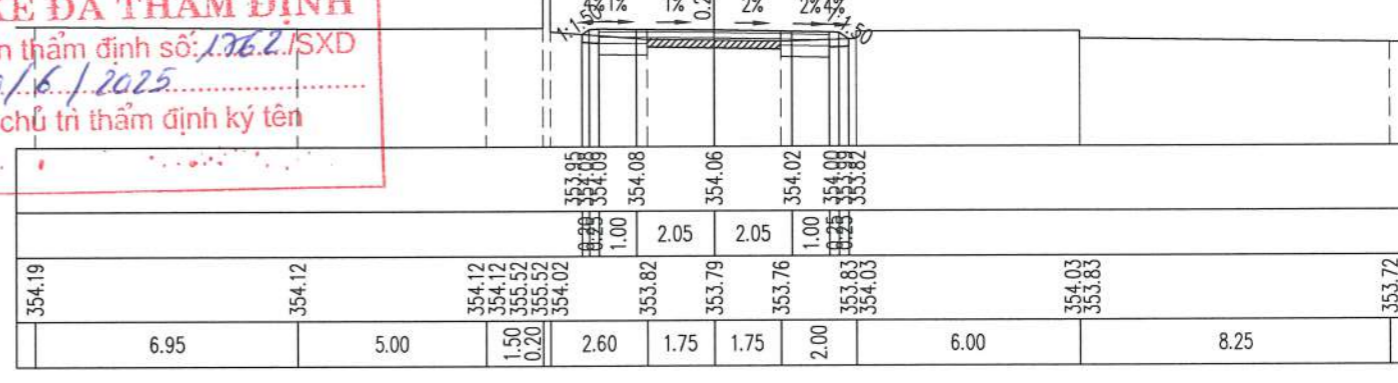


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.31 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.16 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.19 m2

CỌC/STAKE: TC3  
 KMO+085.41

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.21 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.60 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.50 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.55 m

R=50.03  
 it1=-1.00%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.60



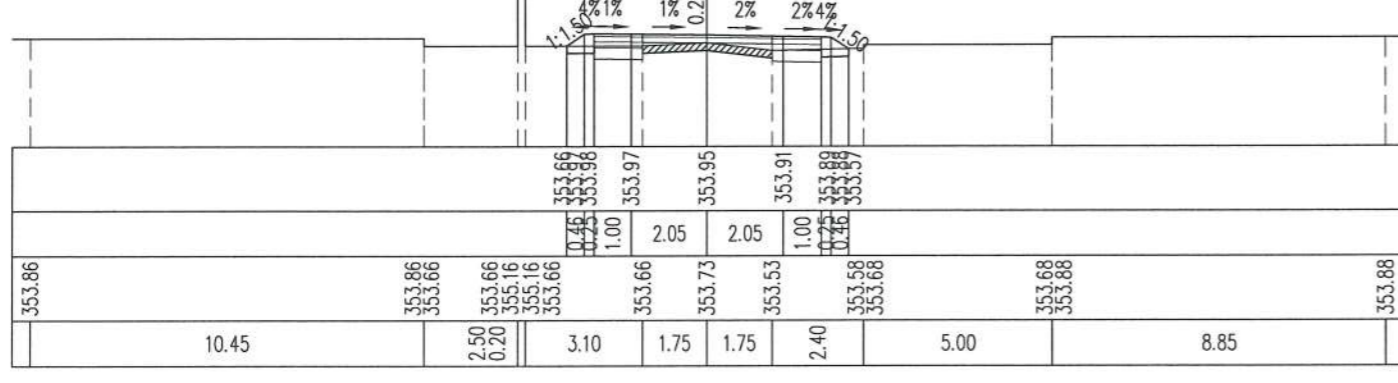
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 136.2./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.59 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.87 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.28 m2

CỌC/STAKE: TD3  
 KMO+075.44

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.25 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.60 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.76 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.76 m

R=50.03  
 it1=-1.00%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.60



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.44 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.84 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.23 m2

CỌC/STAKE: 7  
 KMO+099.13

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.19 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.15 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.52 m

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 49/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

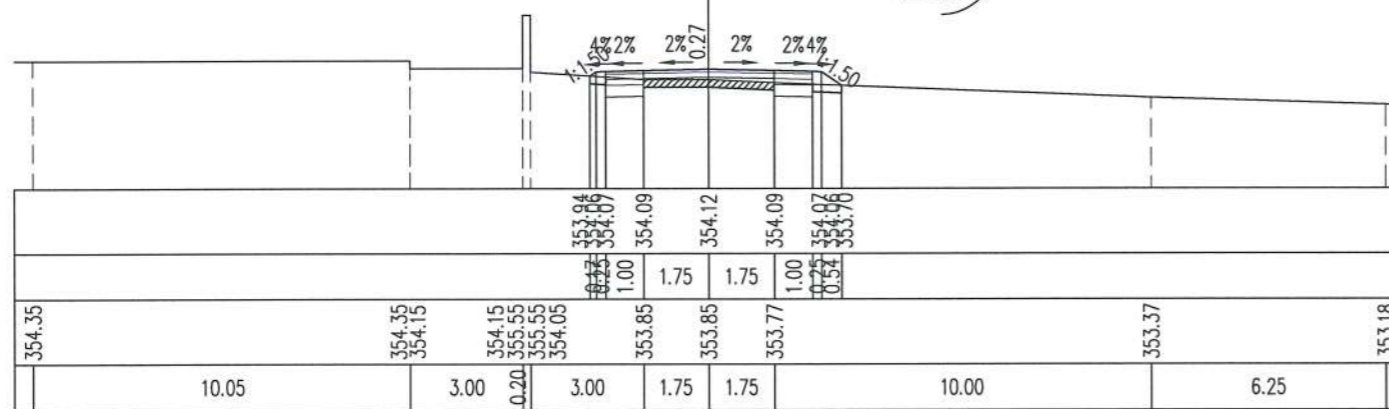
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐỒNG HA-T, QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.46 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.82 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.24 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD4  
 KM0+106.93

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.22 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.17 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.54 m

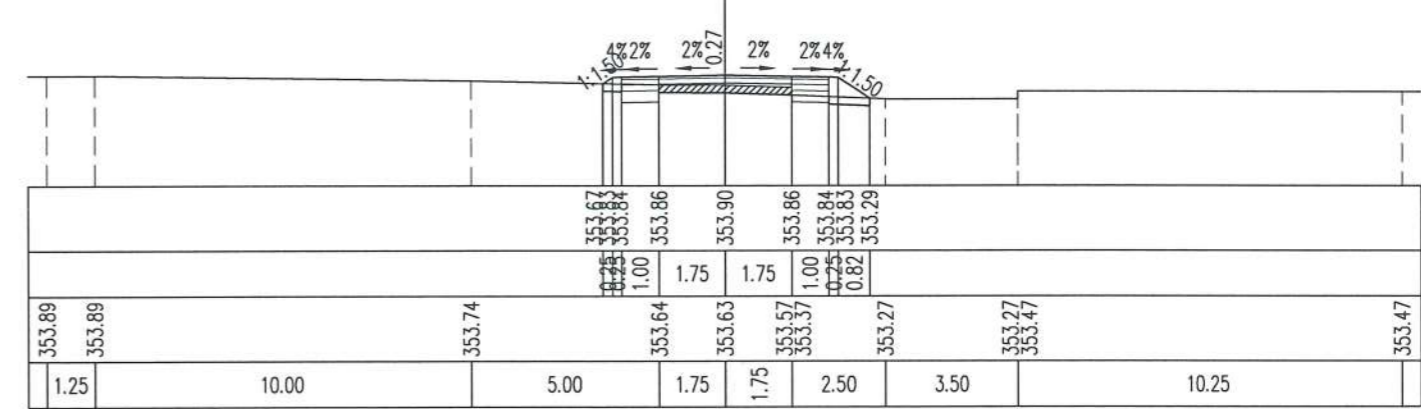
R=300.02  
 it1=2.00%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.00



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.72 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.63 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.31 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 1.28 m

CỌC/STAKE: 9  
 KM0+129.40

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.19 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.25 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.82 m

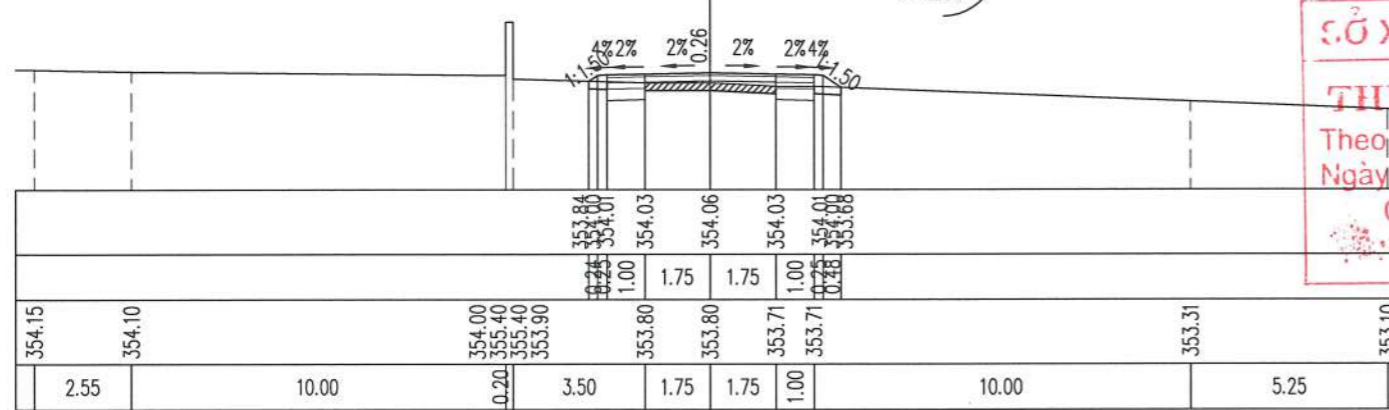


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.45 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.82 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.24 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P4  
 KM0+116.21

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.21 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.24 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.48 m

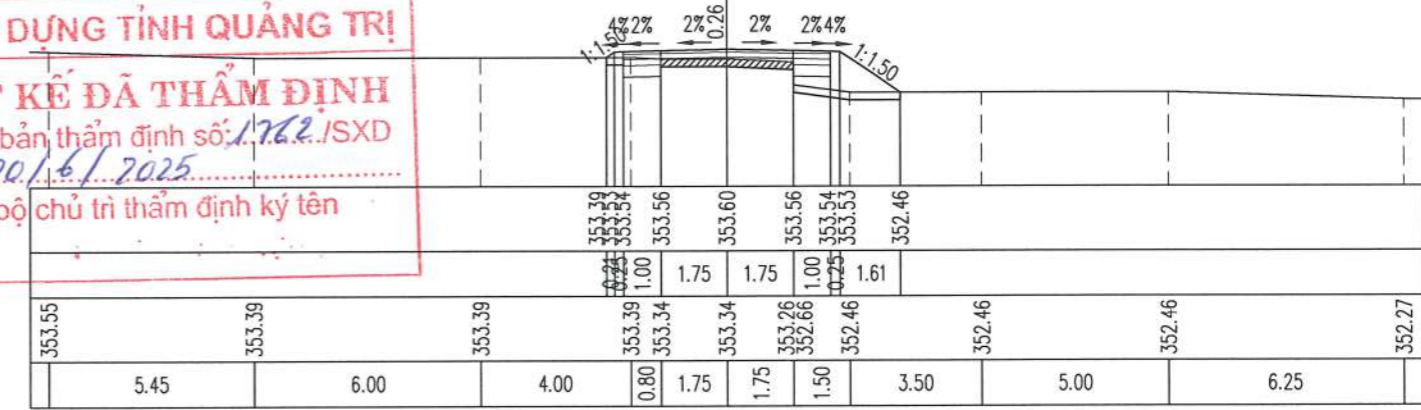
R=300.02  
 it1=2.00%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.00



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 2.11 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.49 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.66 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 2.18 m

CỌC/STAKE: 10  
 KM0+144.57

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.17 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.21 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.61 m



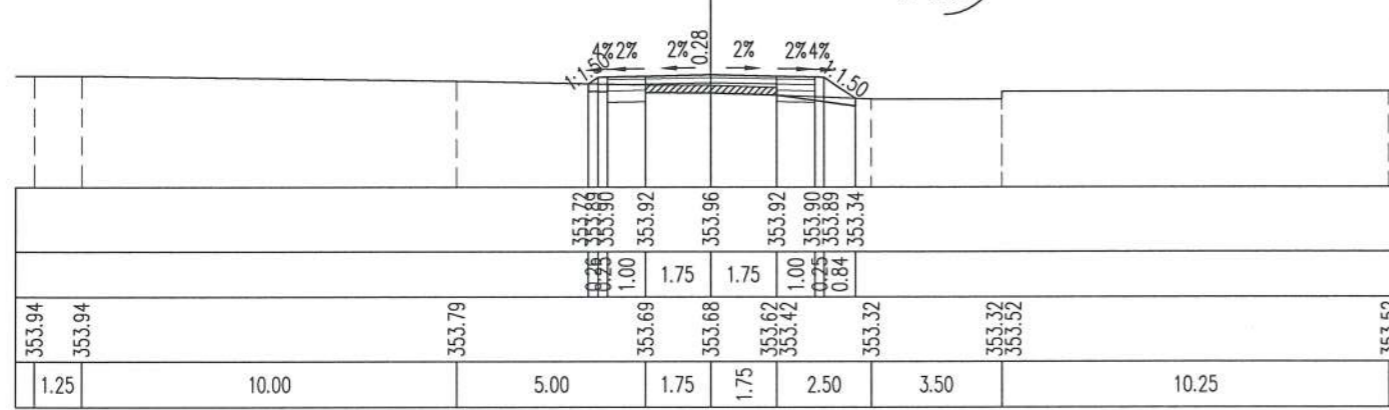
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ!**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.68 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.56 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.31 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 1.32 m

CỌC/STAKE: TC4  
 KM0+125.50

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.22 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.26 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.84 m

R=300.02  
 it1=2.00%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.00



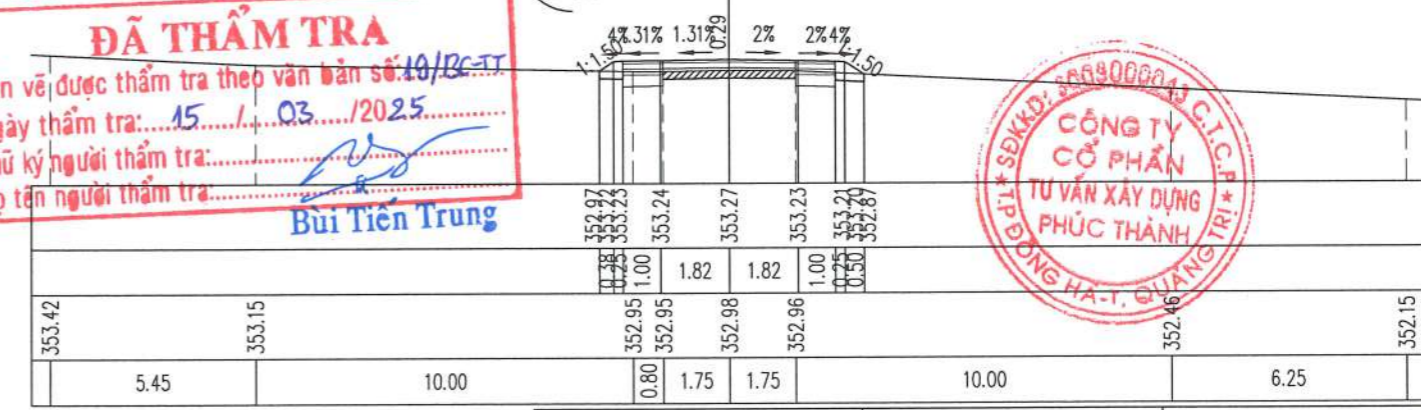
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.54 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.82 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.28 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 11  
 KM0+159.60

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.26 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.14 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.45 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.57 m

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 10/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chủ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

R=99.96  
 it1=1.31%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.14



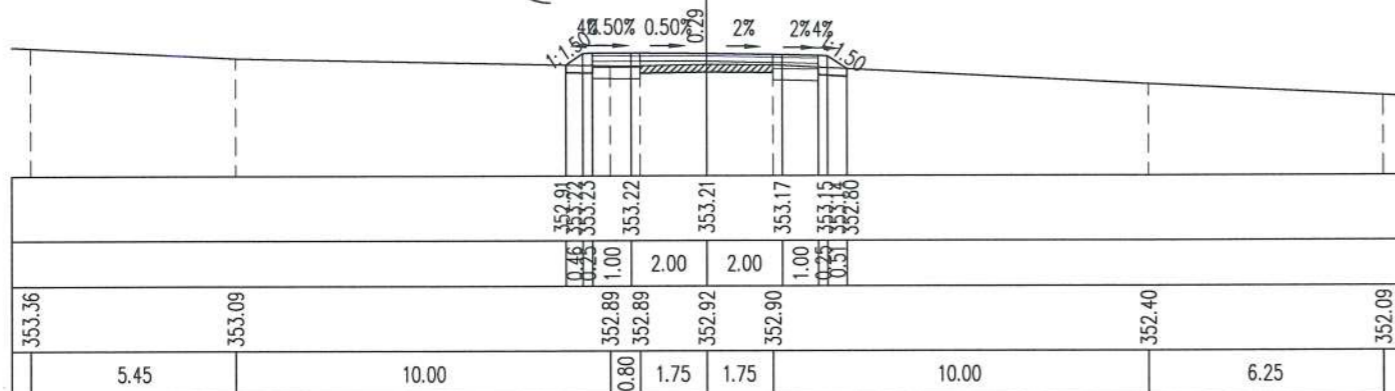
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐƯỜNG HÀ-T, QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.61m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.89m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.29m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD5  
 KMO+162.13

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.31m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.71m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.76m

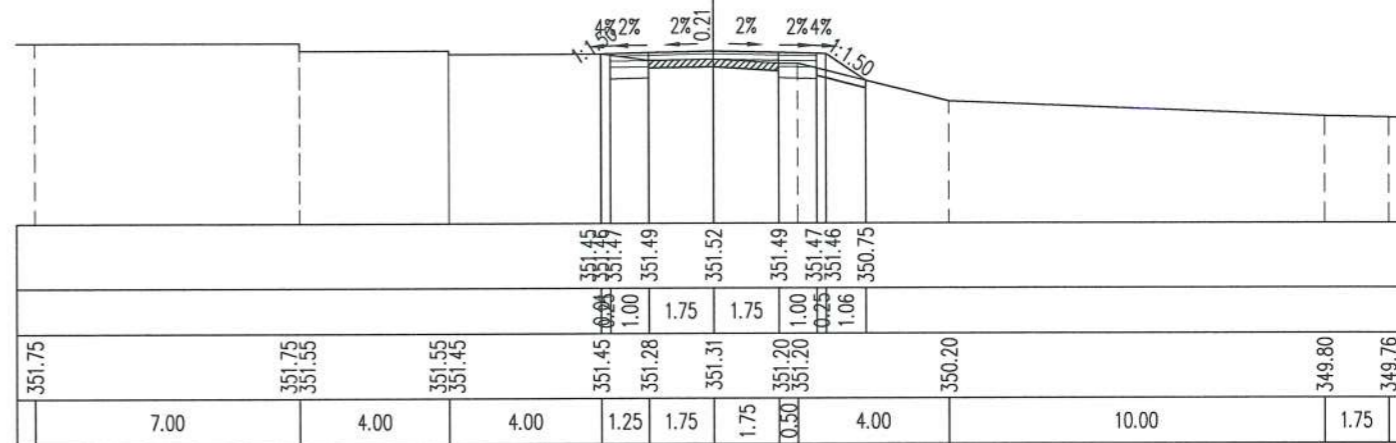
R=99.96  
 it1=-0.50%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.50



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.60m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.91m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.26m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 1.28m

CỌC/STAKE: 13  
 KMO+204.54

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.07m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.01m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.06m

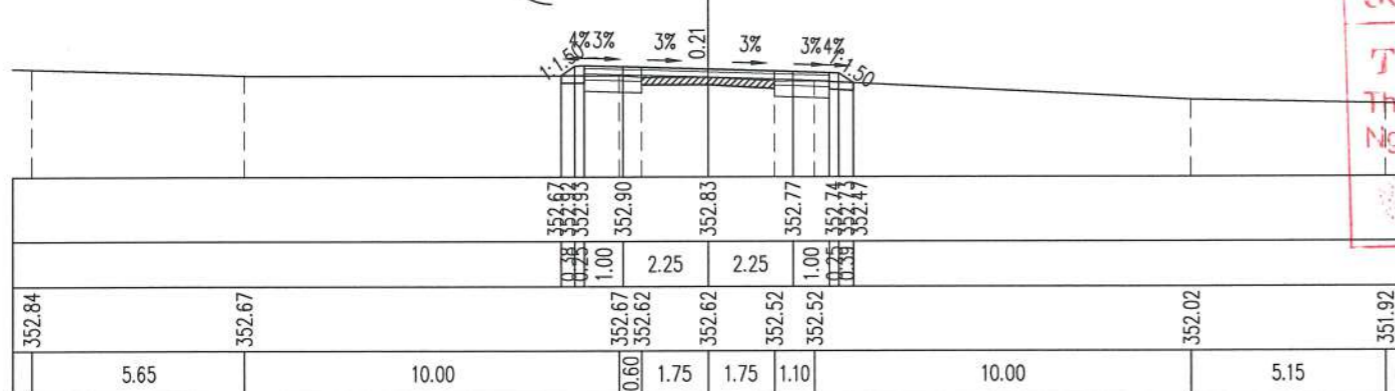


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.47m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.28m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P5  
 KMO+175.50

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.10m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.88m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.89m

R=99.96  
 it1=-3.00%  
 ip1=3.00%  
 w1=1.00

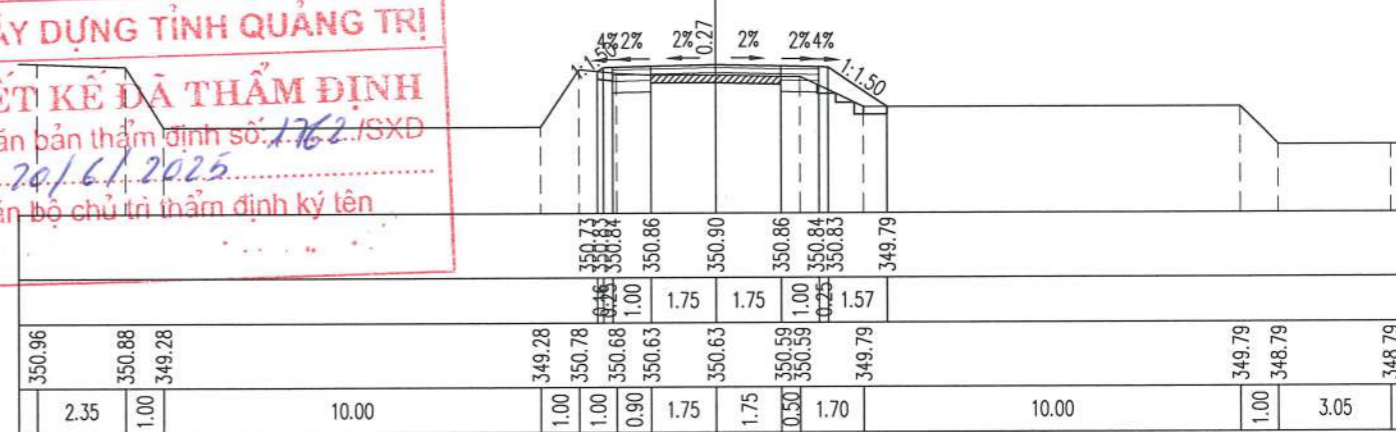


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.16m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.81m<sup>2</sup>  
 Dành cấp/Bench-cut : 0.18m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.20m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 2.07m

CỌC/STAKE: 14  
 KMO+219.58

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.18m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.16m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.57m

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số 1762/ISXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

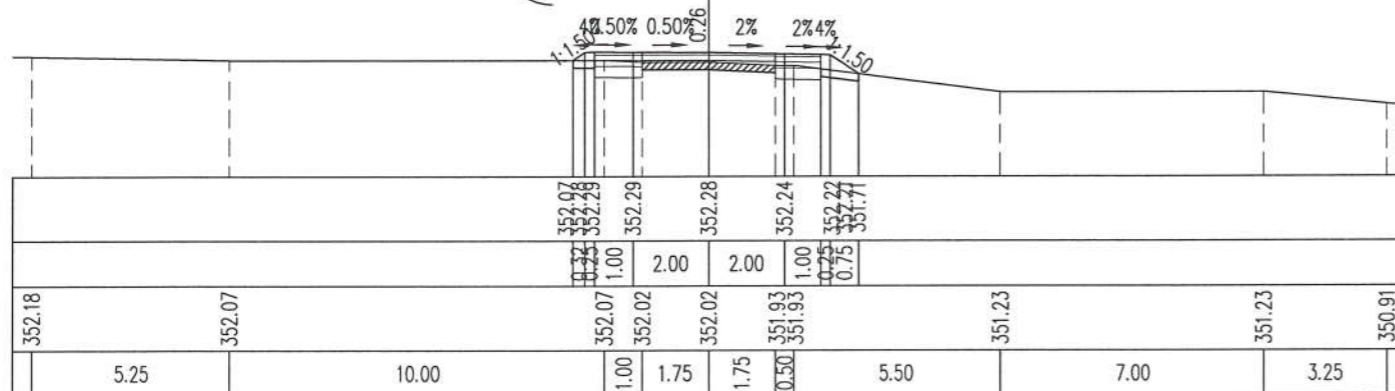


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.65m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.97m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.31m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC5  
 KMO+188.87

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.21m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.57m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.00m

R=99.96  
 it1=-0.50%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.50



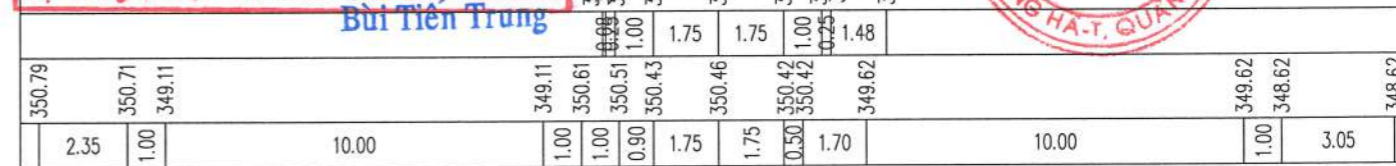
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.15m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.92m<sup>2</sup>  
 Dành cấp/Bench-cut : 0.31m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.17m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 1.88m

CỌC/STAKE: D6  
 KMO+227.71

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.01m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.08m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.48m

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số 43/IS-11  
 Ngày thẩm tra: 15/1/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

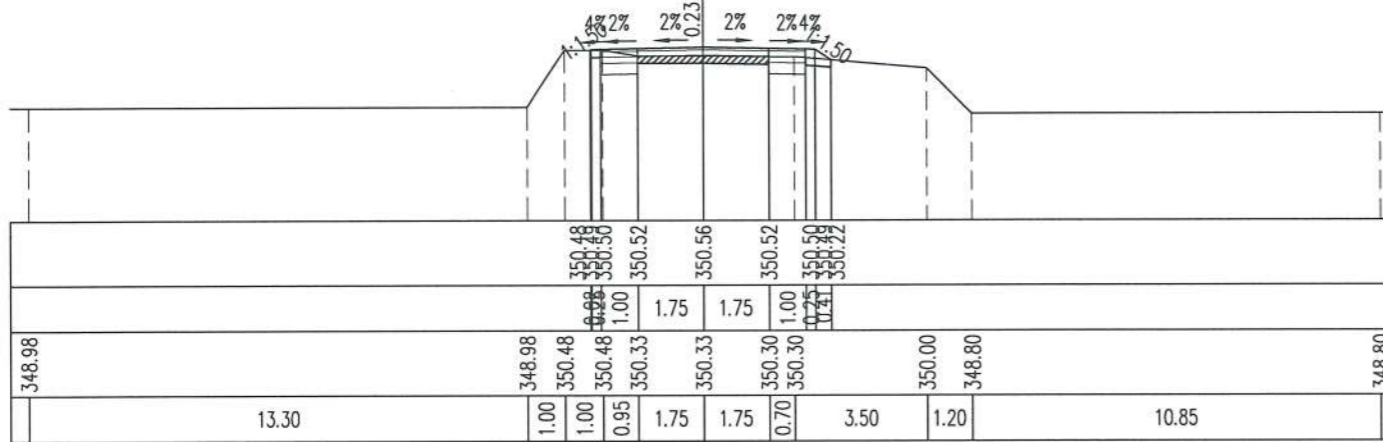
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐÔNG HẠ-T, QUẢNG TRỊ



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.29 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.02 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.19 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 15  
 KMO+233.73

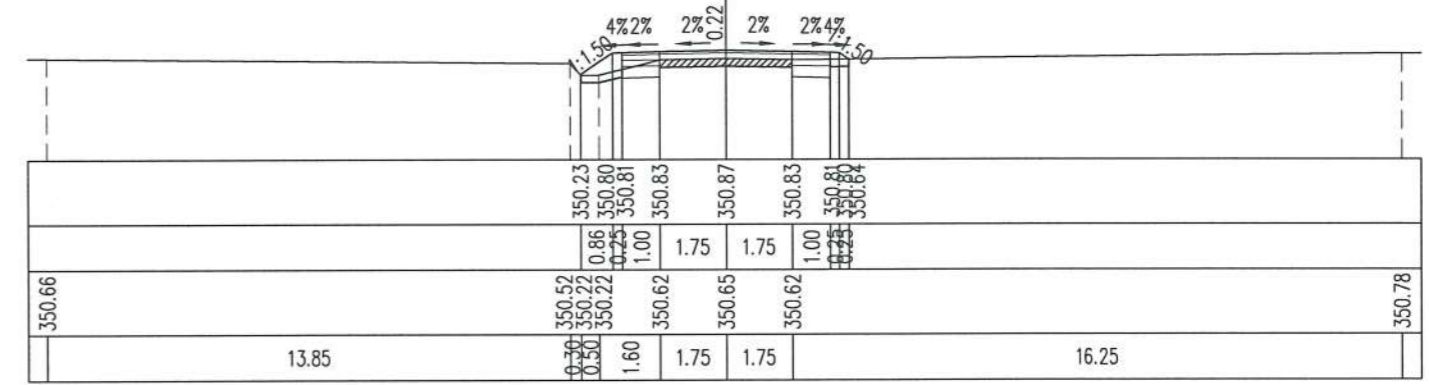
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.03 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.02 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.41 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.75 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.81 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.32 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 18  
 KMO+273.94

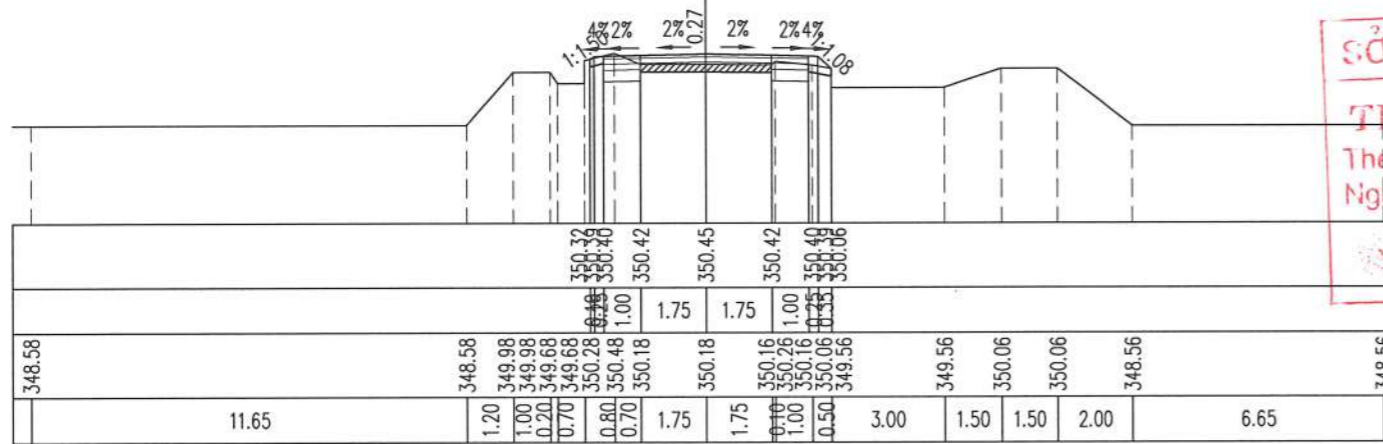
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.03 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.86 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.25 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.30 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.02 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.09 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.19 m<sup>2</sup>

CÔNG TRÒN  
 CỌC/STAKE: 16  
 KMO+246.33

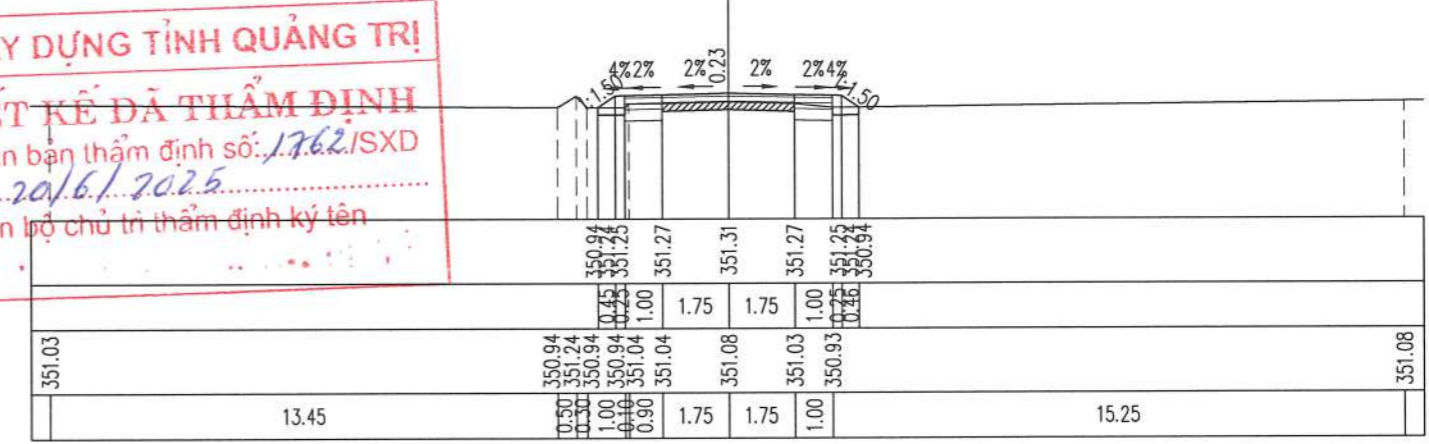
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.17 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.10 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.35 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.57 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.83 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.28 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 19  
 KMO+288.13

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.07 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.45 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.46 m

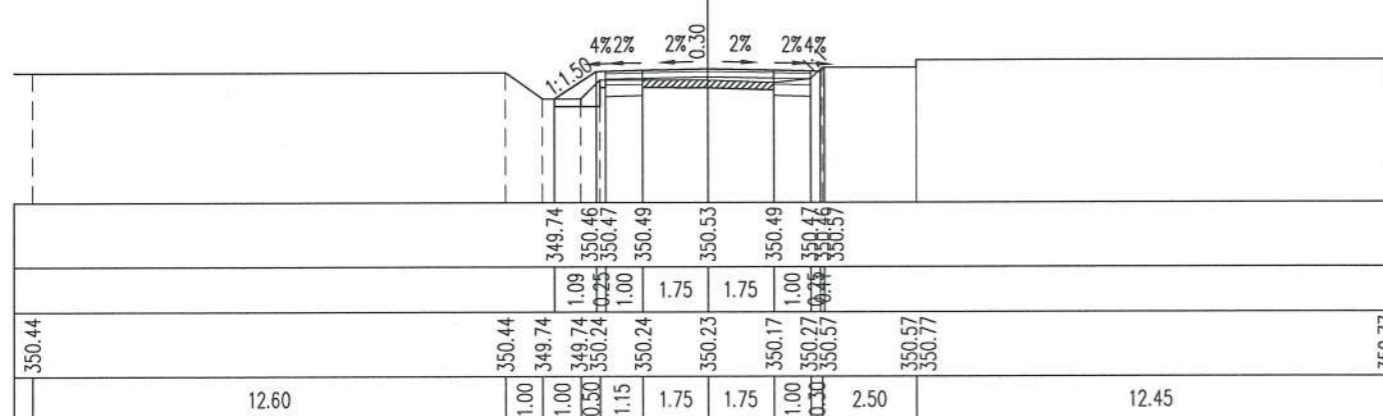


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ DÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.79 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.01 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.83 m<sup>2</sup>  
 Định cấp/Bench-cut : 0.22 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.17 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 17  
 KMO+258.83

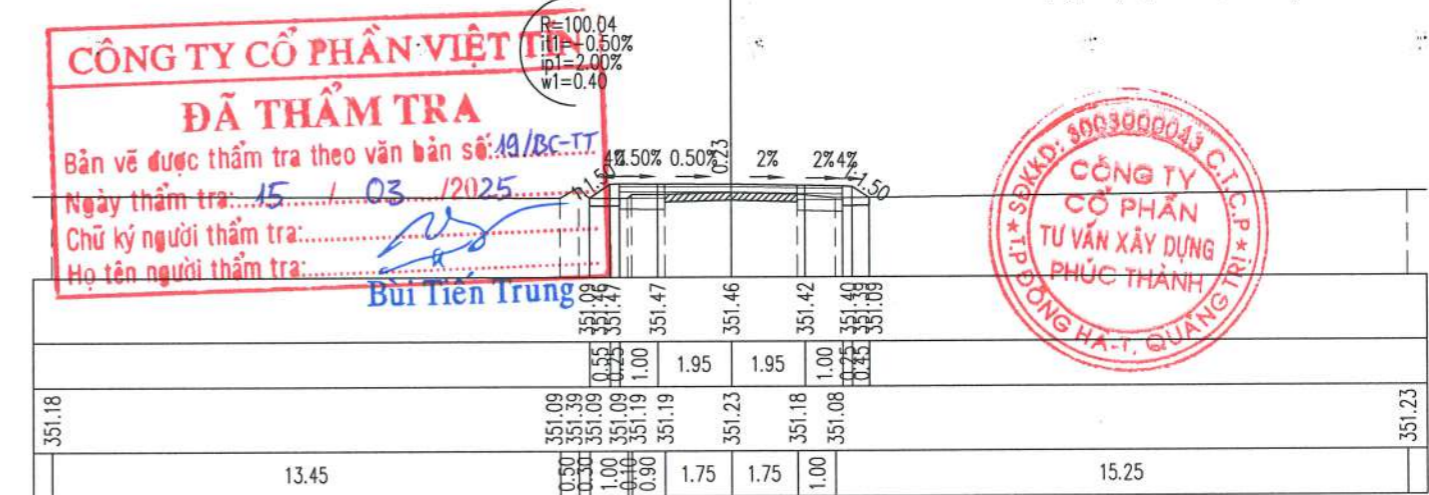
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.30 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.09 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.11 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.64 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.90 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.30 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD7  
 KMO+293.04

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.11 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.75 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.65 m



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 49/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiến Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

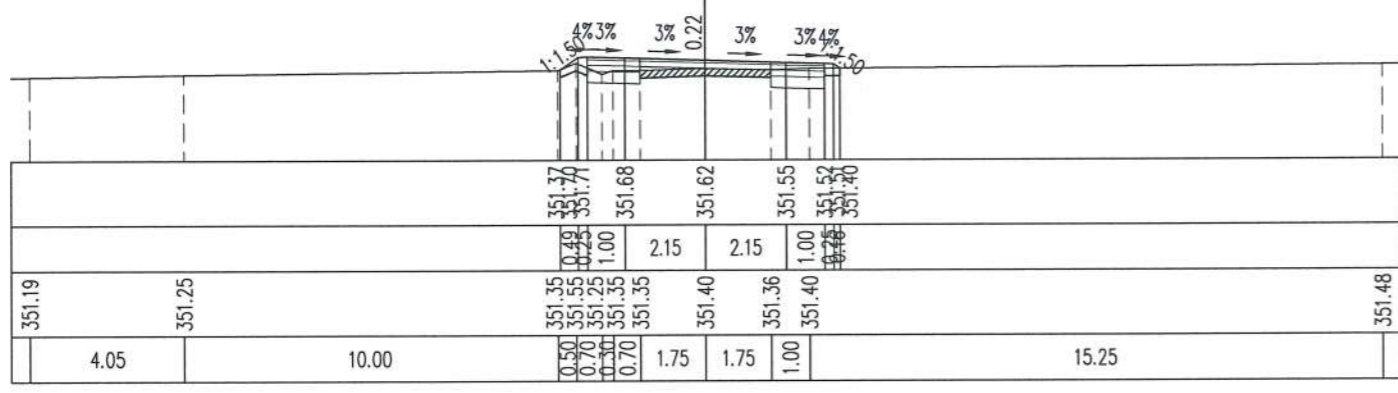
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐƯỜNG HA-T, QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.36 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.16 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.23 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P7  
 KM0+298.34

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.10 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.89 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.56 m

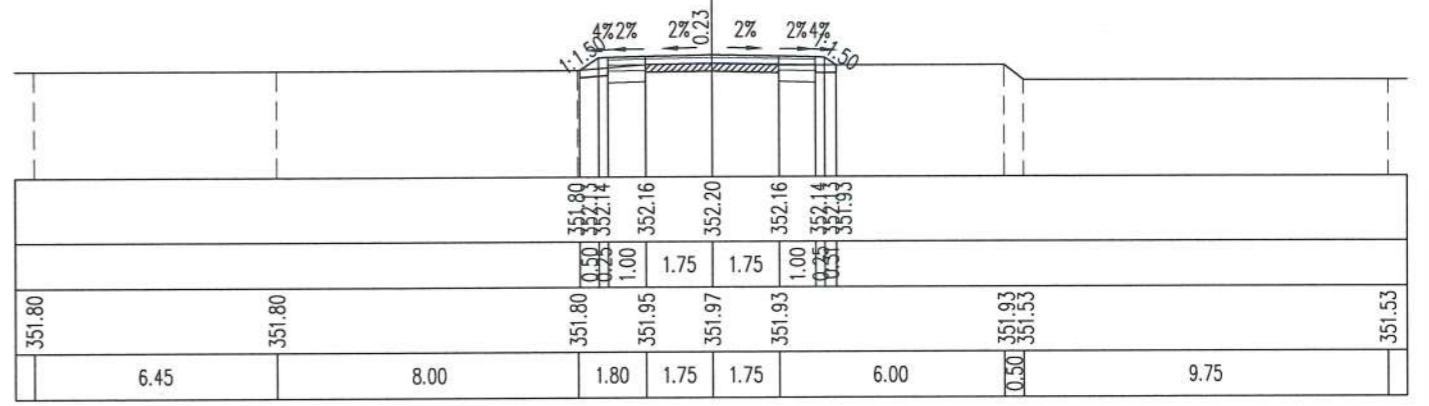
R=100.04  
 it1=-3.00%  
 ip1=3.00%  
 w1=0.80



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.49 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.87 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.26 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 22  
 KM0+337.87

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.06 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.50 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.31 m

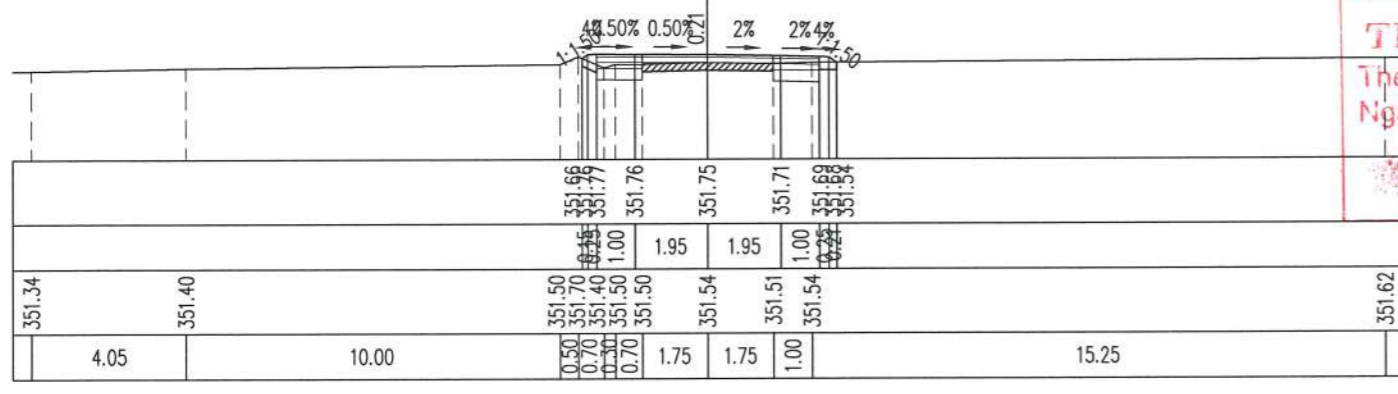


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.29 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.05 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.17 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC7  
 KM0+303.65

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.05 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.35 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.41 m

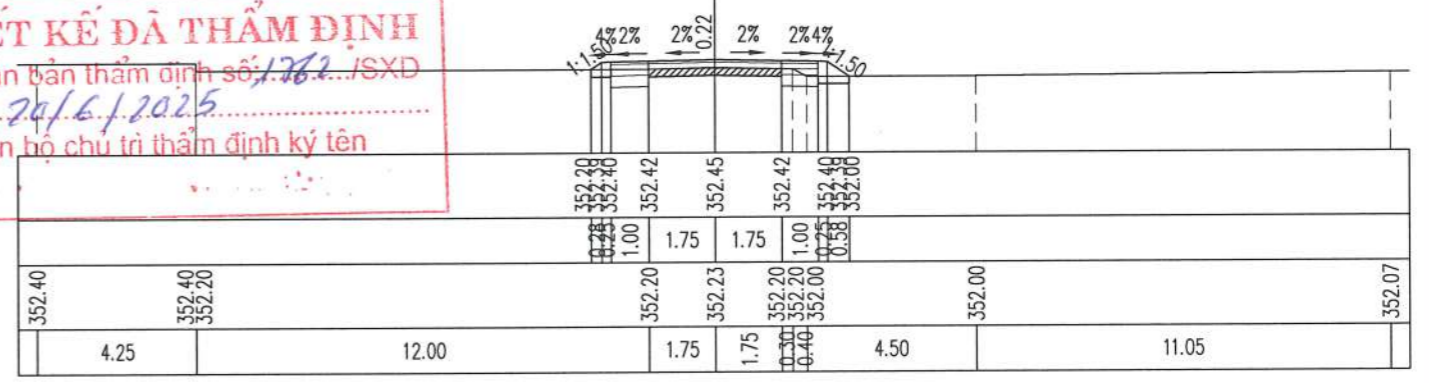
R=100.04  
 it1=-0.50%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.40



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.55 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.83 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.27 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 23  
 KM0+352.80

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.03 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.28 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.58 m

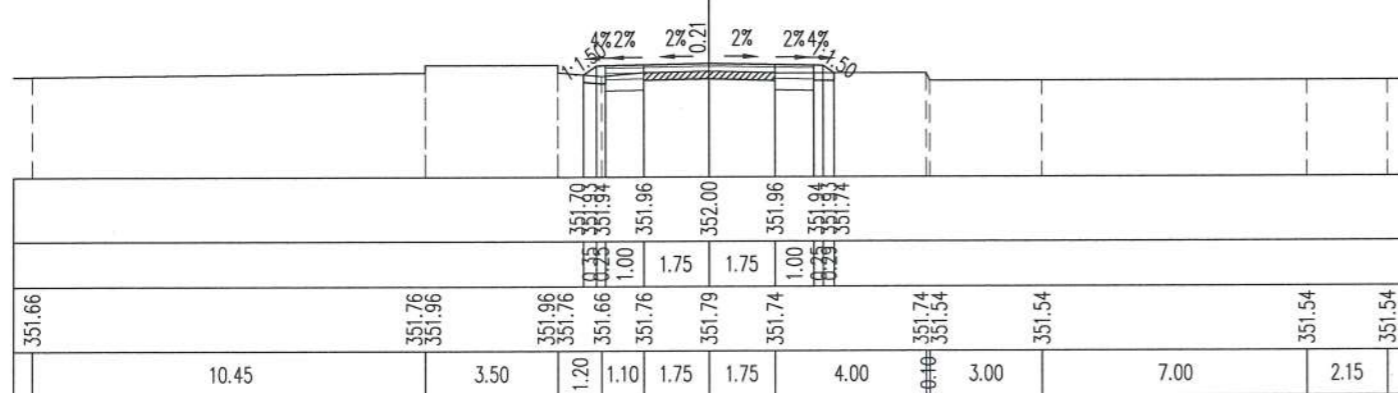


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1782.../SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chịu trách nhiệm ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.42 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.88 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.23 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 21  
 KM0+319.54

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.01 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.35 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.29 m



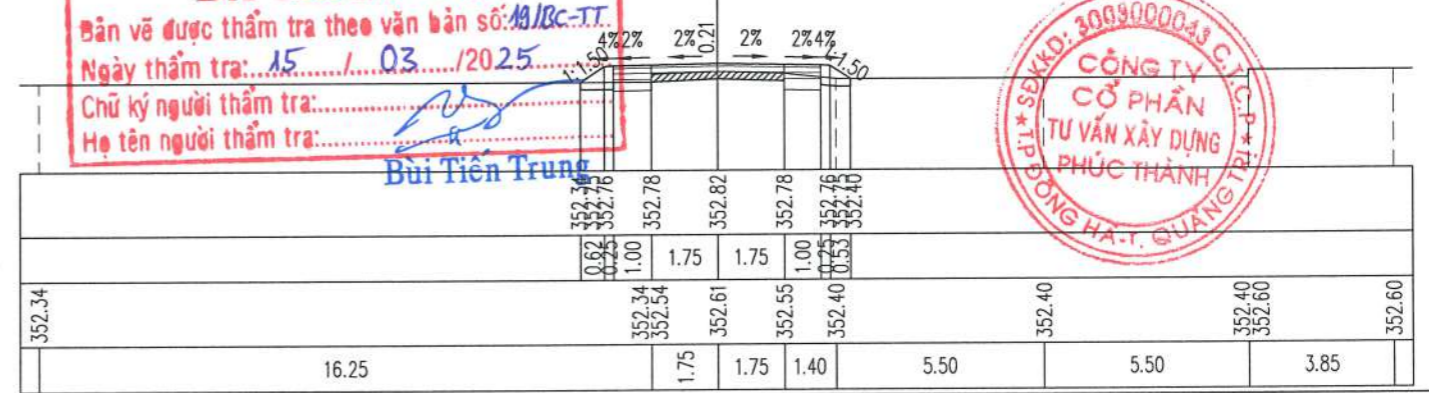
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.74 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.63 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.33 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 24  
 KM0+368.85

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.05 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.62 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.53 m

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 1818C-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

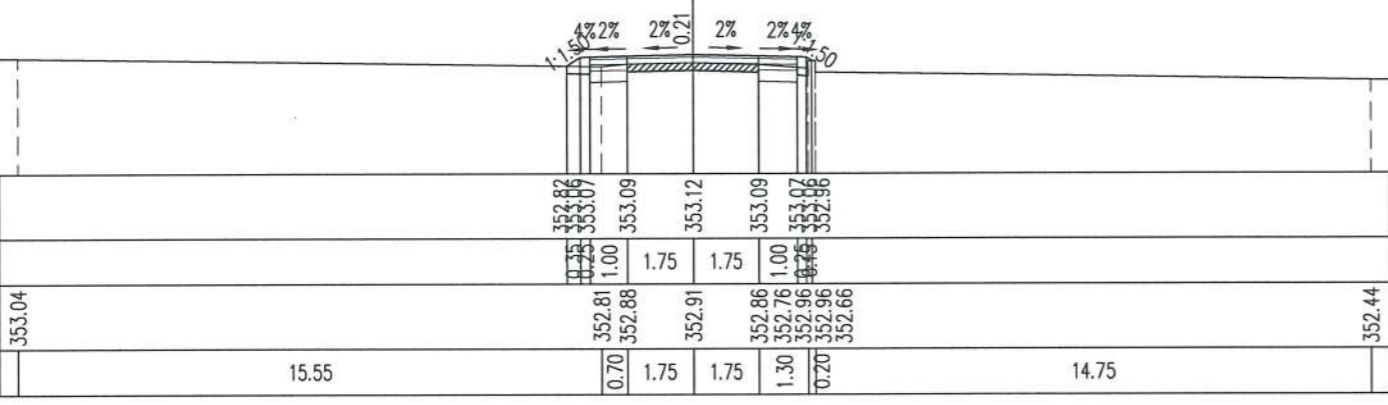
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 SỐ QUẢN LÝ: 30990000-43  
 QUẢNG TRỊ



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.37 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.84 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.18 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 25  
 KMO+385.30

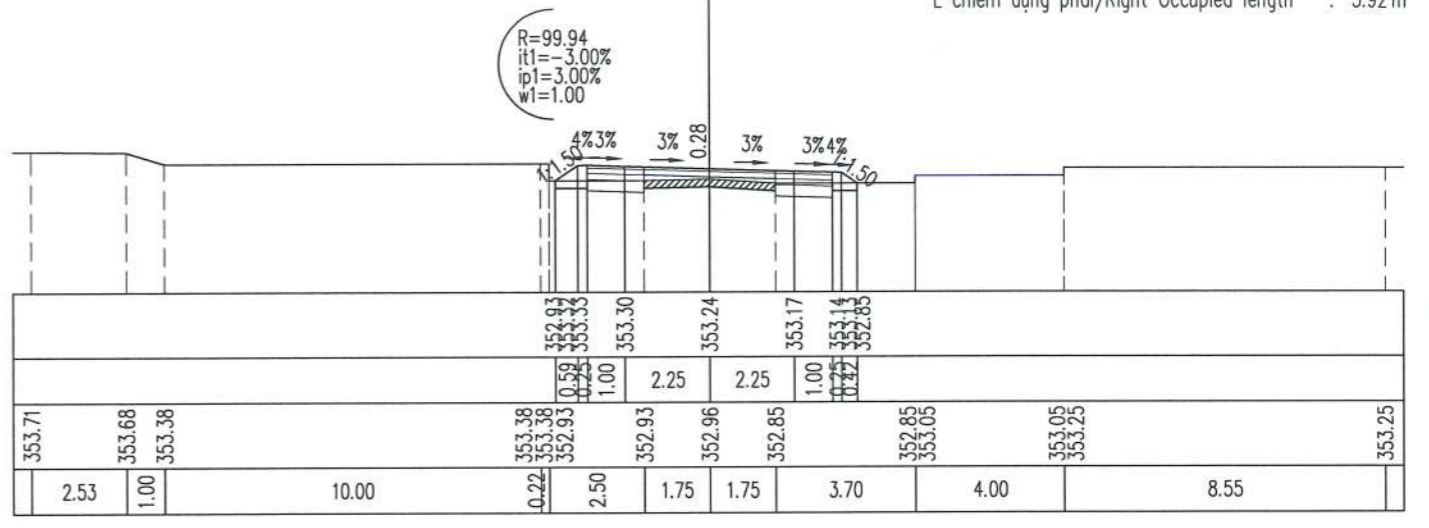
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.02 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.35 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.15 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.65 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.97 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.30 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P8  
 KMO+413.00

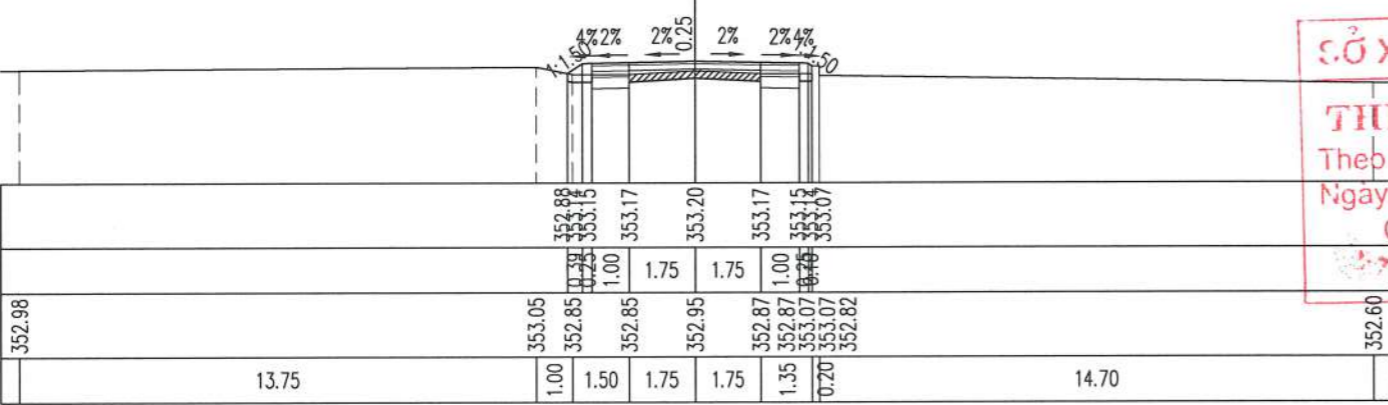
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.35 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.09 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.92 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.42 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.74 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.20 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 26  
 KMO+401.85

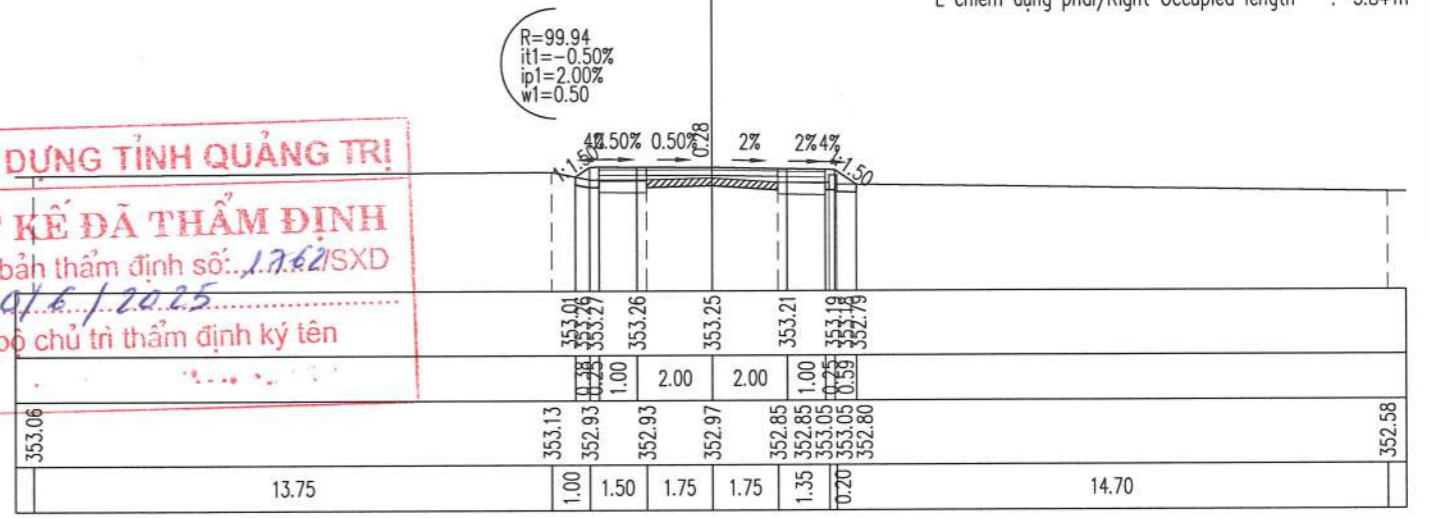
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.25 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.39 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.10 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.63 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.81 m<sup>2</sup>  
 Định cấp/Bench-cut : 0.08 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC8  
 KMO+418.34

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.37 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.63 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.84 m

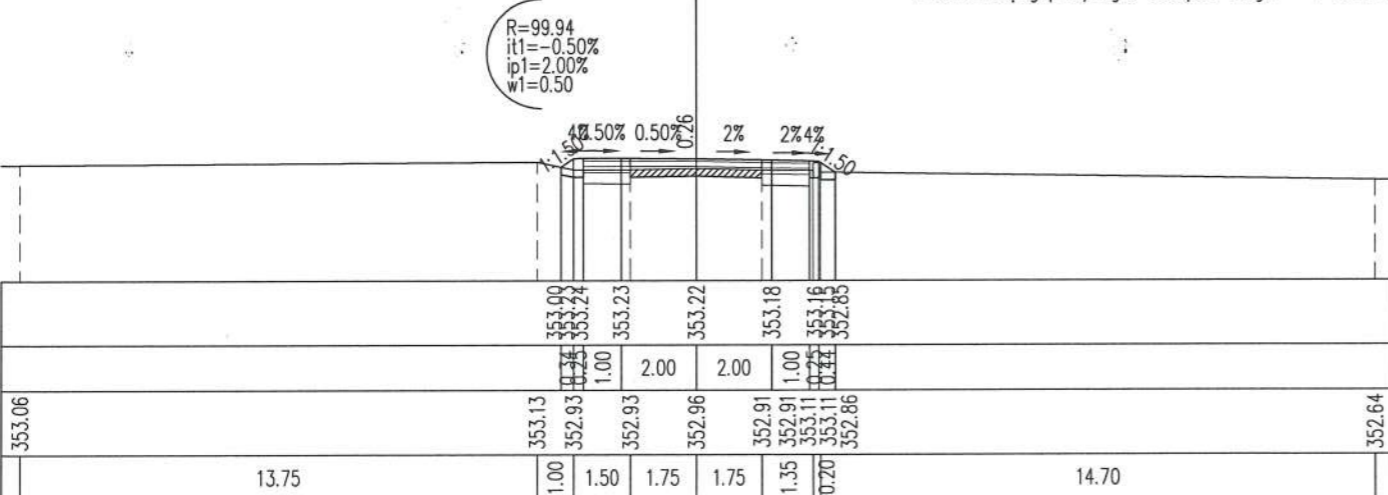


**CỔ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Thuyết minh bản vẽ số: 1.7.62/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.51 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.97 m<sup>2</sup>  
 Định cấp/Bench-cut : 0.08 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.22 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD8  
 KMO+407.67

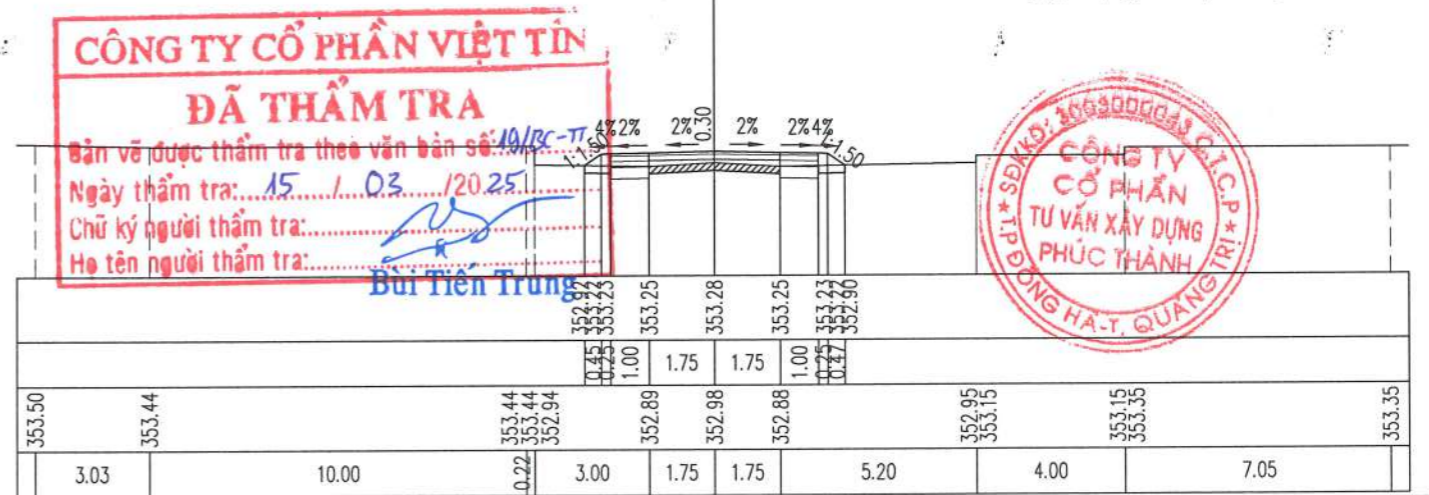
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.22 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.59 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.69 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.58 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.65 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.28 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 28  
 KMO+427.68

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.42 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.45 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.47 m



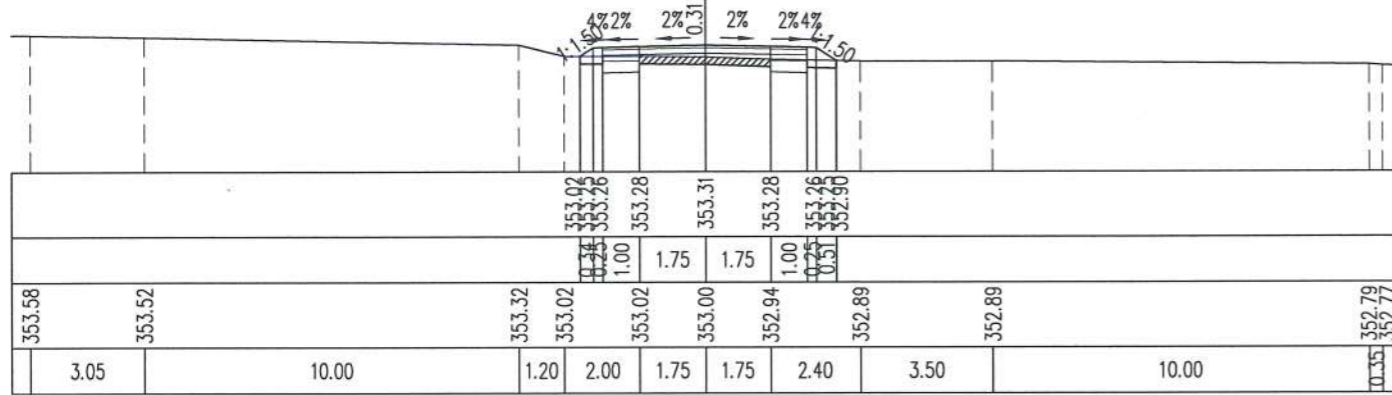
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 10/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiến Trung



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.53 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.76 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.27 m<sup>2</sup>

**CỌC/STAKE: 29**  
**KM0+437.66**

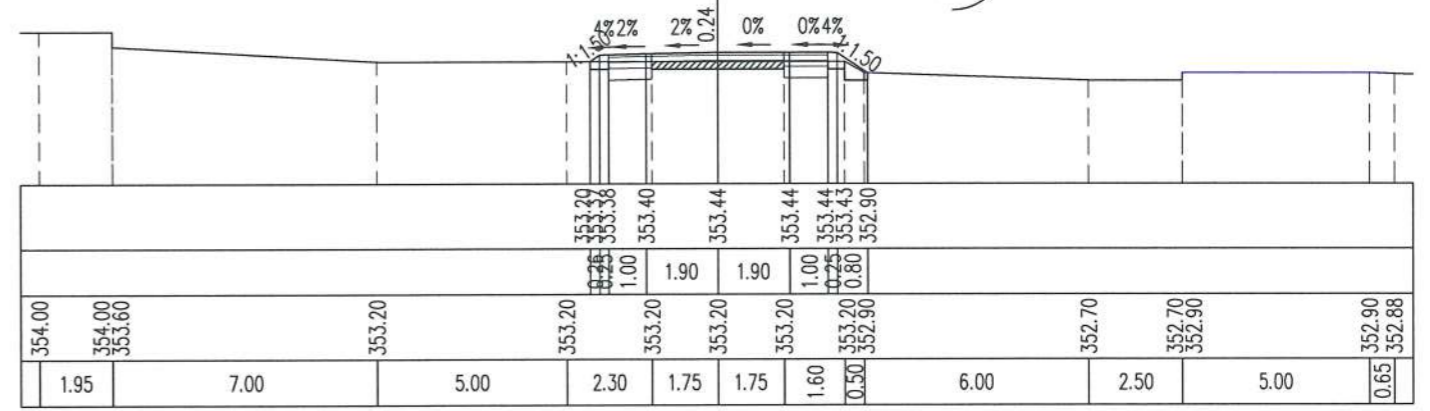
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.32 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.34 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.51 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.59 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.04 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.17 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.21 m<sup>2</sup>

**CỌC/STAKE: TC9**  
**KM0+466.37**

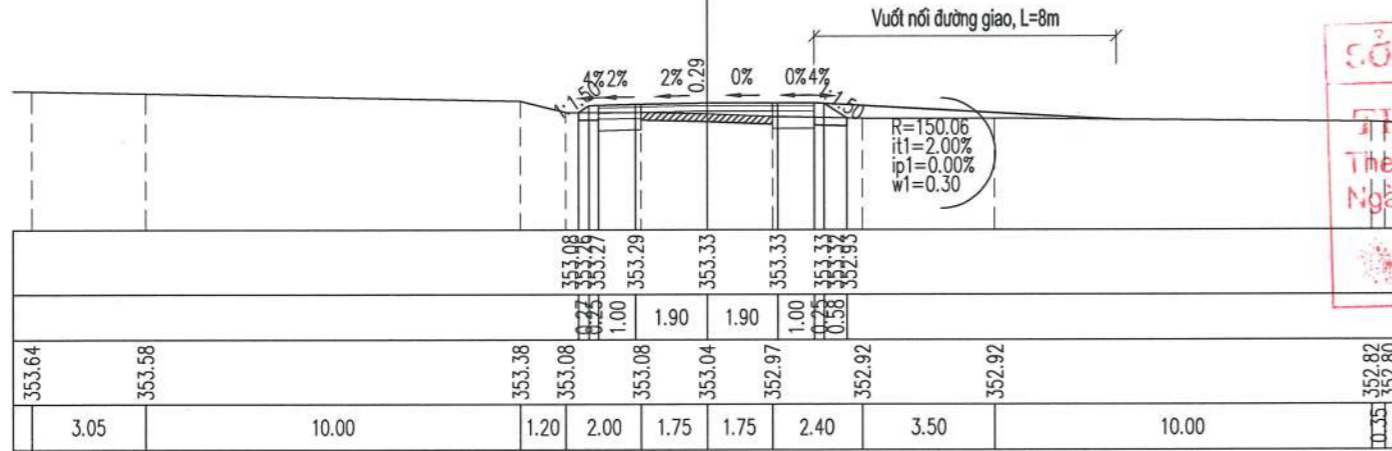
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.07 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.30 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.41 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.95 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.55 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.88 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.27 m<sup>2</sup>

**CỌC/STAKE: TD9**  
**KM0+443.73**

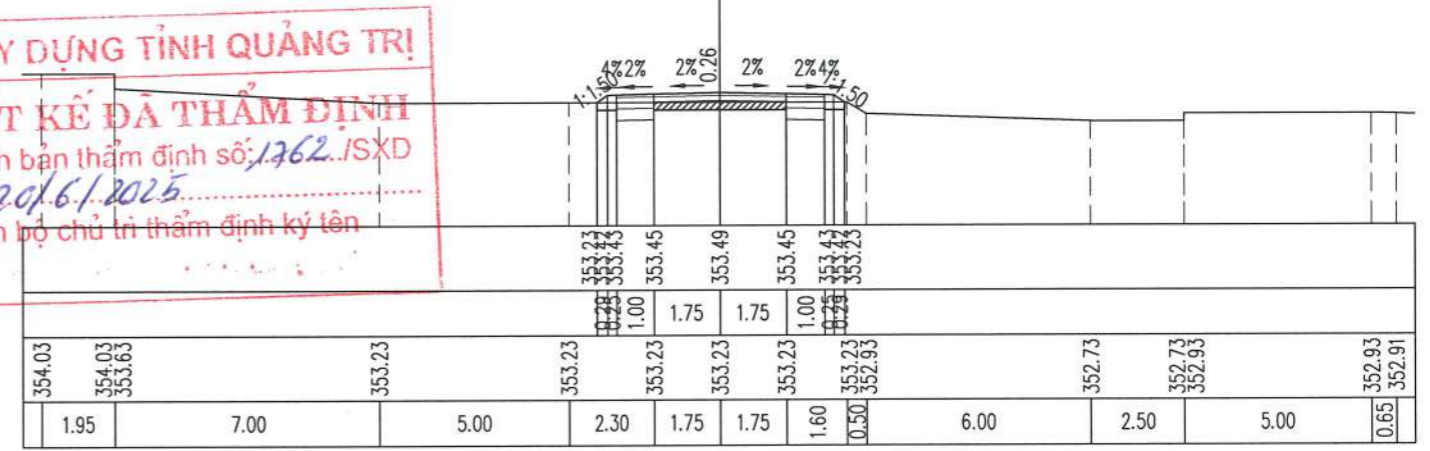
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.27 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.30 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.42 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.73 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.37 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.92 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.21 m<sup>2</sup>

**CỌC/STAKE: 30**  
**KM0+470.70**

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.10 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.29 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.29 m

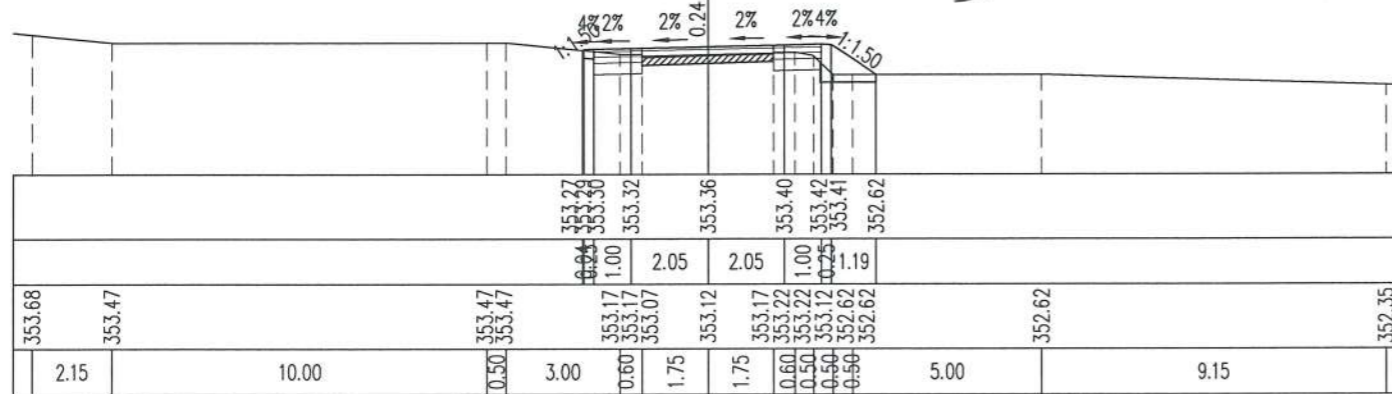


**CỔ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1262./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.04 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.26 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.12 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.29 m<sup>2</sup>

**CỌC/STAKE: P9**  
**KM0+455.05**

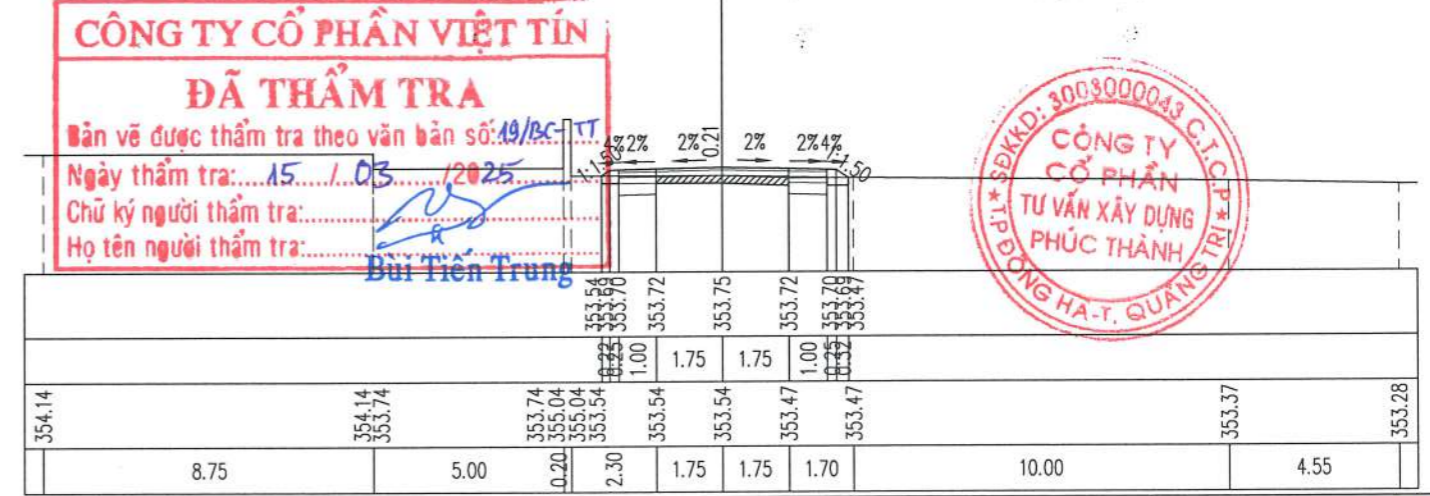
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.12 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.60 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.34 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.49 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.32 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.94 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.21 m<sup>2</sup>

**CỌC/STAKE: 31**  
**KM0+491.12**

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.03 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.22 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.32 m



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/1/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiến Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

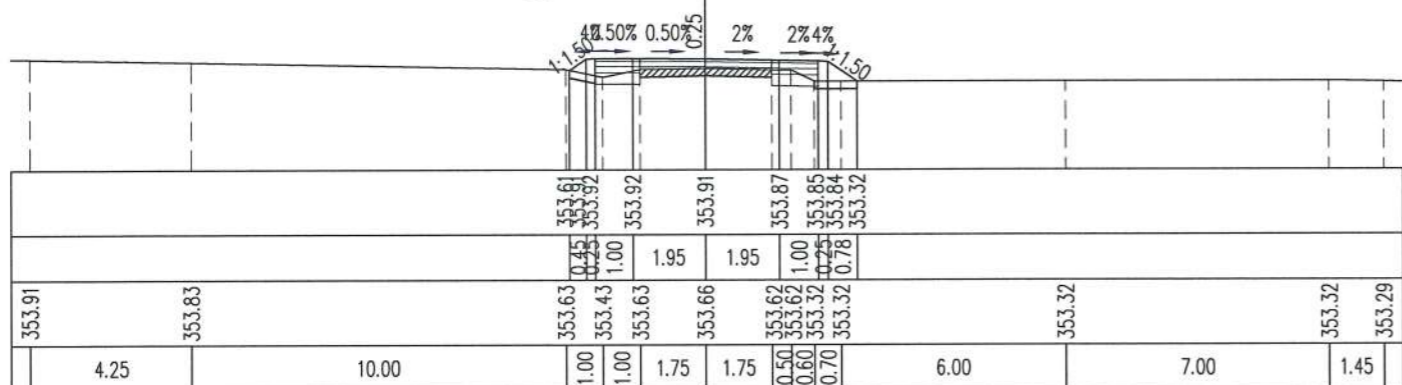


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.88 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.70 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.37 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 1.48 m

CỌC/STAKE: TD10  
 KMO+505.94

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.17 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.65 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.98 m

R=100.01  
 it1=-0.50%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.40

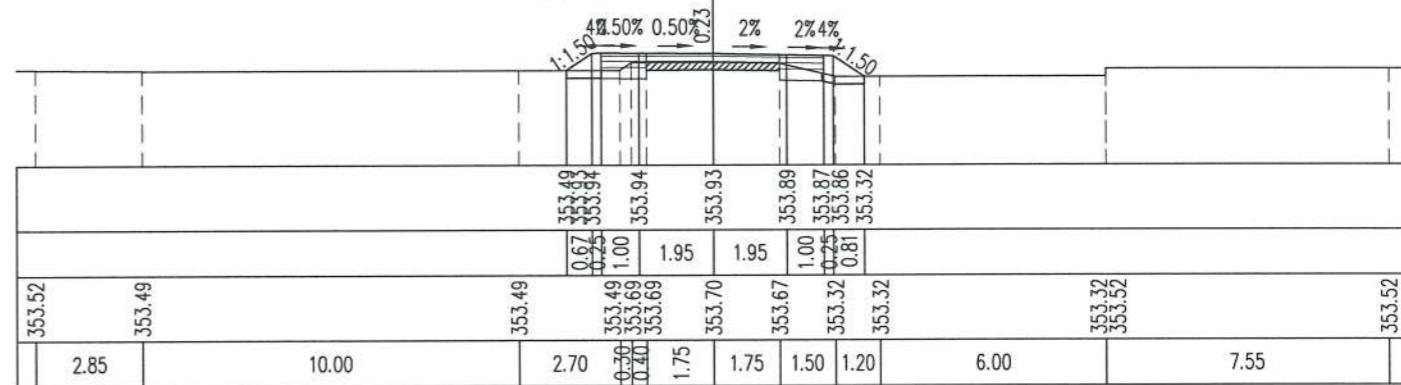


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.00 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.74 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.41 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 1.78 m

CỌC/STAKE: TC10  
 KMO+527.08

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.08 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.87 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.01 m

R=100.01  
 it1=-0.50%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.40

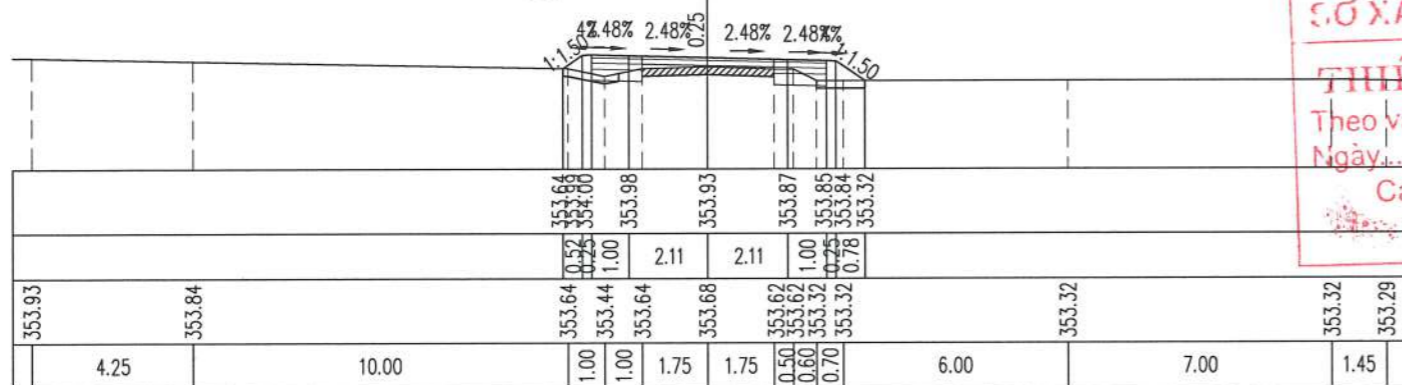


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.97 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.54 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.56 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 1.57 m

CỌC/STAKE: 32  
 KMO+508.71

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.21 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.72 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.88 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.14 m

R=100.01  
 it1=-2.48%  
 ip1=2.48%  
 w1=0.72



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.90 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.73 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.37 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 1.65 m

CỌC/STAKE: 33  
 KMO+536.29

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.03 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.55 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.82 m

R=100.01  
 it1=-2.48%  
 ip1=2.48%  
 w1=0.72



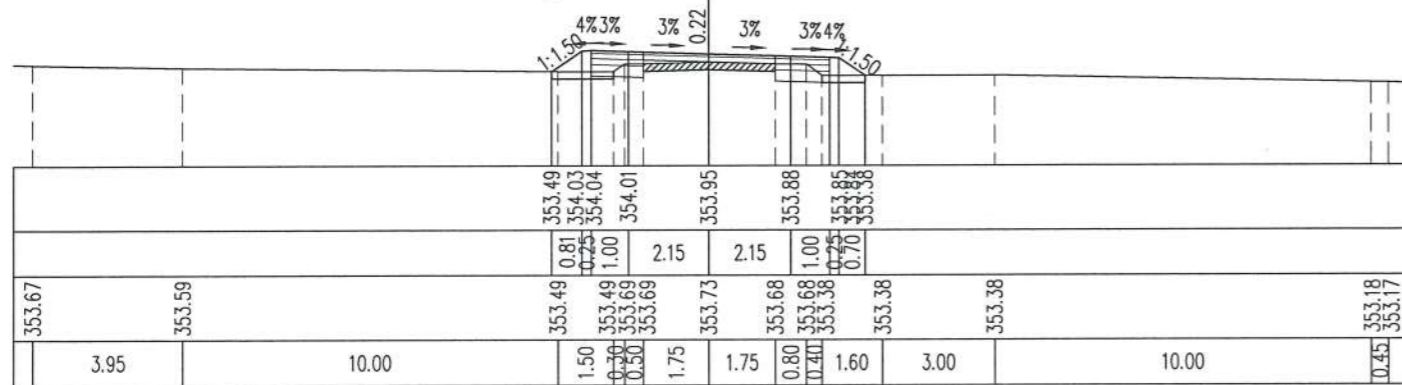
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.08 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.75 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.56 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 1.81 m

CỌC/STAKE: P10  
 KMO+516.51

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.11 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.21 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.10 m

R=100.01  
 it1=-3.00%  
 ip1=3.00%  
 w1=0.80



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.62 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.72 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 34  
 KMO+551.66

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.03 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.38 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.39 m

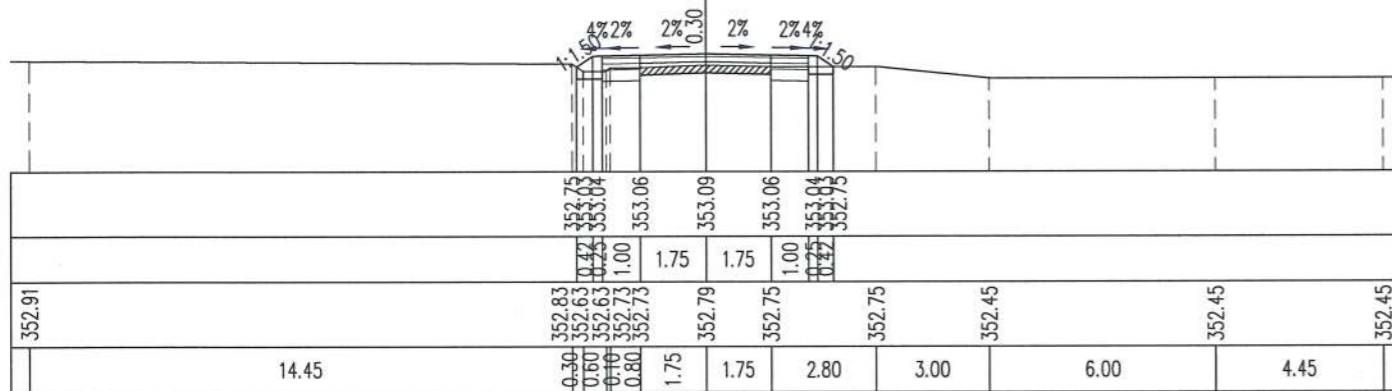
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *Bùi Tiến Trung*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐỒNG HÀ-T. QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.61 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.71 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.04 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.23 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 35  
 KMO+574.86

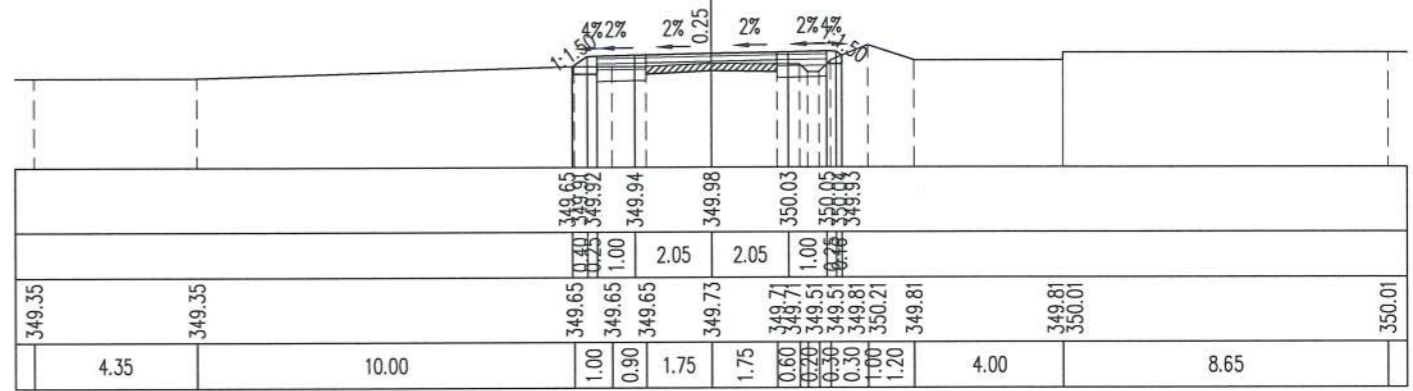
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.35 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.42 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.42 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.37 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.85 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.05 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.13 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P11  
 KMO+613.71

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.24 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.60 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.70 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.46 m

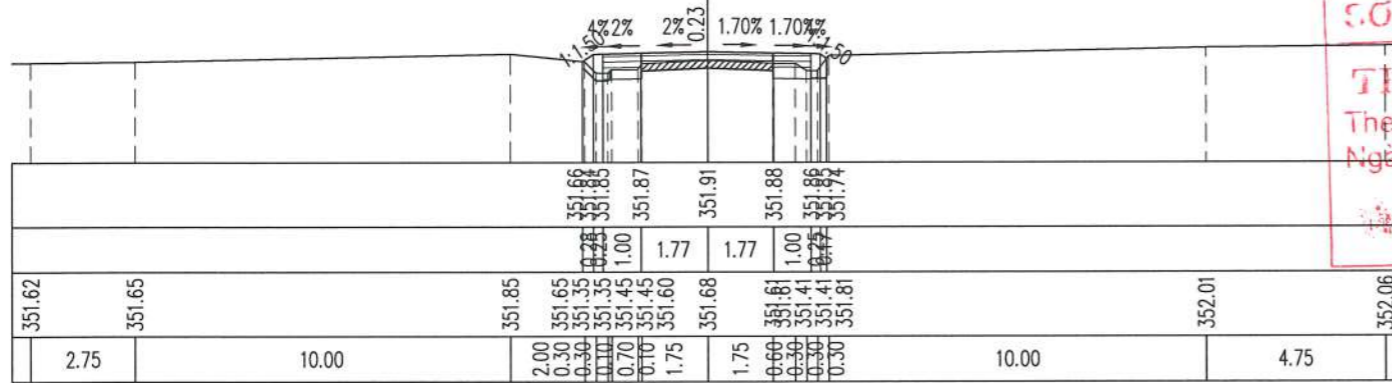


R=150.02  
 it1=2.00%  
 ip1=-2.00%  
 w1=0.60

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.55 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.58 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.09 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.18 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 36  
 KMO+590.68

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.15 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.04 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.31 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.20 m

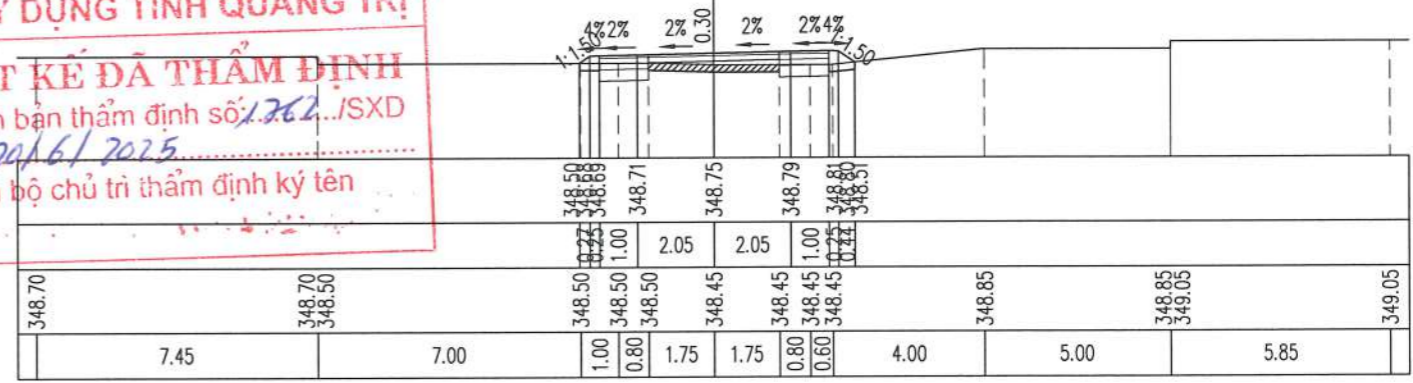


R=150.02  
 it1=2.00%  
 ip1=1.70%  
 w1=0.04

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.48 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.02 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.24 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 38  
 KMO+630.69

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.28 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.60 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.57 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.74 m



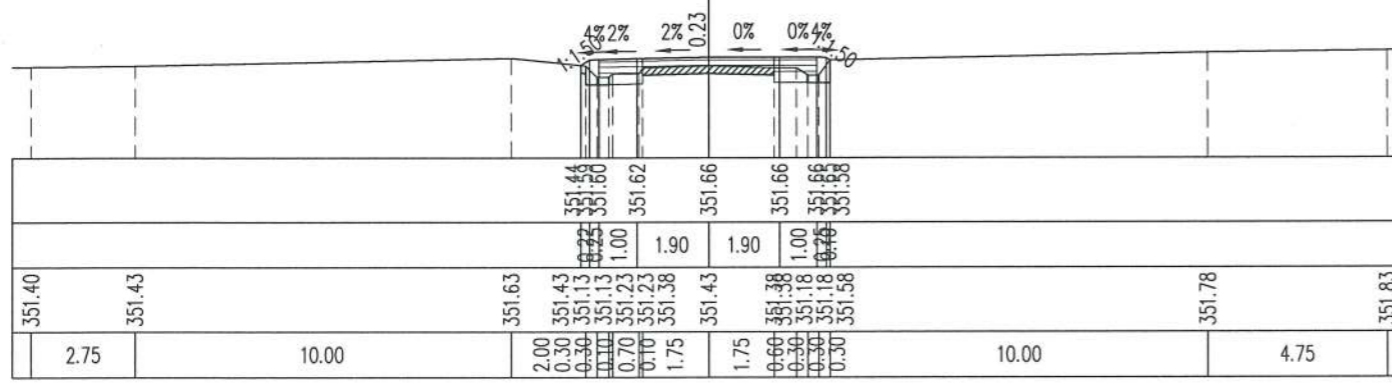
R=150.02  
 it1=2.00%  
 ip1=-2.00%  
 w1=0.60

**CỔ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ!**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Thợ văn bản thẩm định số: 262.../SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.50 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.58 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.23 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.14 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD11  
 KMO+593.66

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.12 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.30 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.37 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.25 m

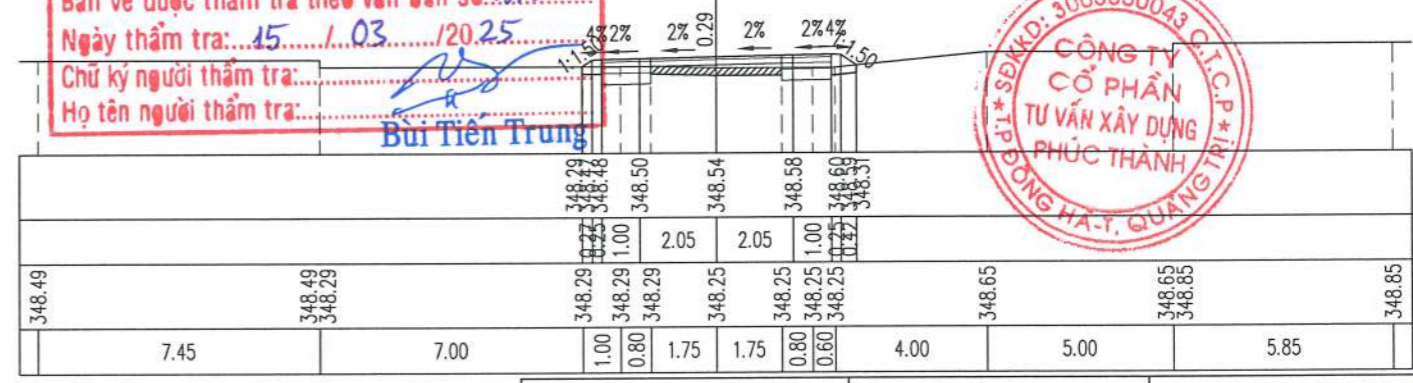


R=150.02  
 it1=2.00%  
 ip1=0.00%  
 w1=0.30

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.46 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.05 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.24 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC11  
 KMO+633.75

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.24 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.60 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.57 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.72 m



R=150.02  
 it1=2.00%  
 ip1=-2.00%  
 w1=0.60

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/10/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

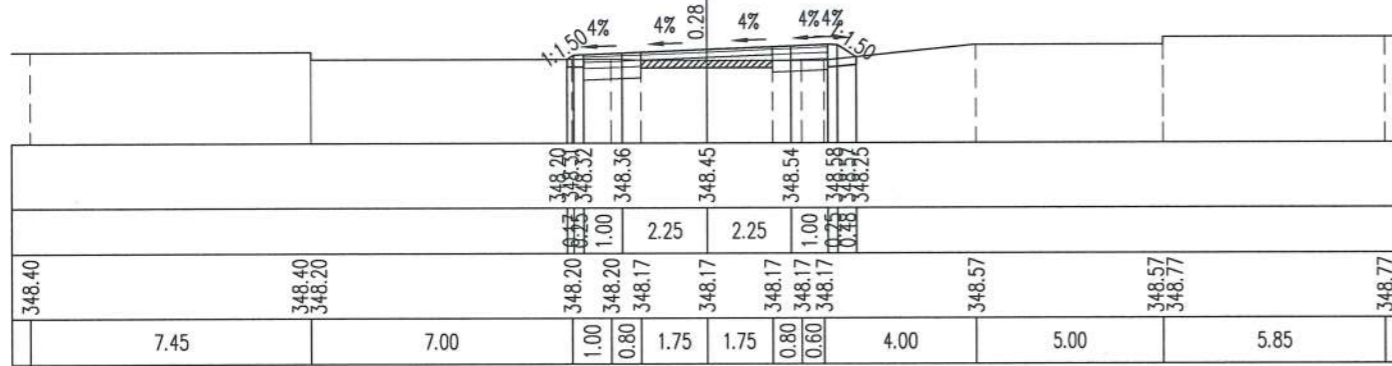
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 SỐ QUẢN LÝ: 3003000043  
 ĐỒNG HẢI, QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.45 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.20 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.23 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD12  
 KMO+634.96

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.25 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.67 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.98 m

R=34.99  
 it1=4.00%  
 ip1=-4.00%  
 w1=1.00

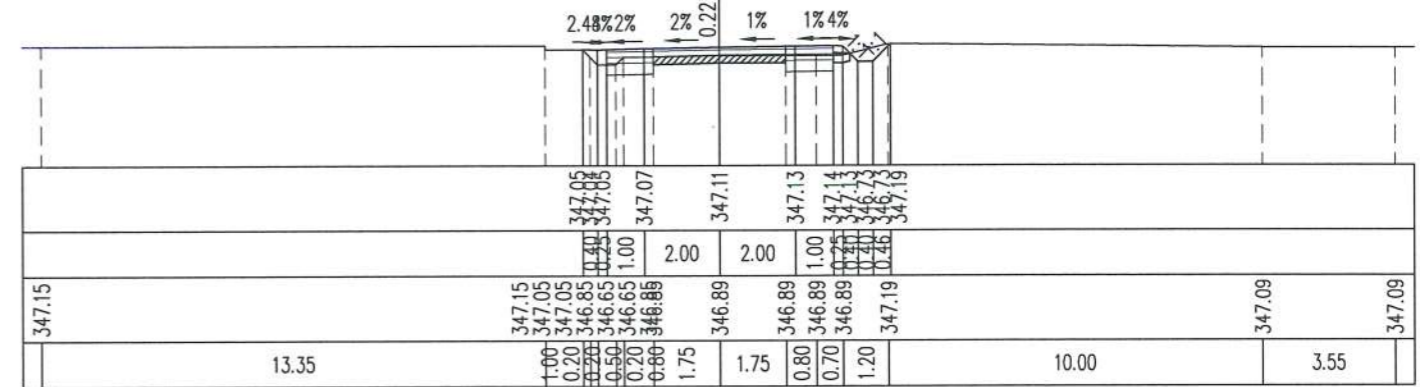


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.29 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.01 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.03 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.23 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.09 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC12  
 KMO+654.09

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.06 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.65 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.51 m

R=34.99  
 it1=2.00%  
 ip1=-1.00%  
 w1=0.50

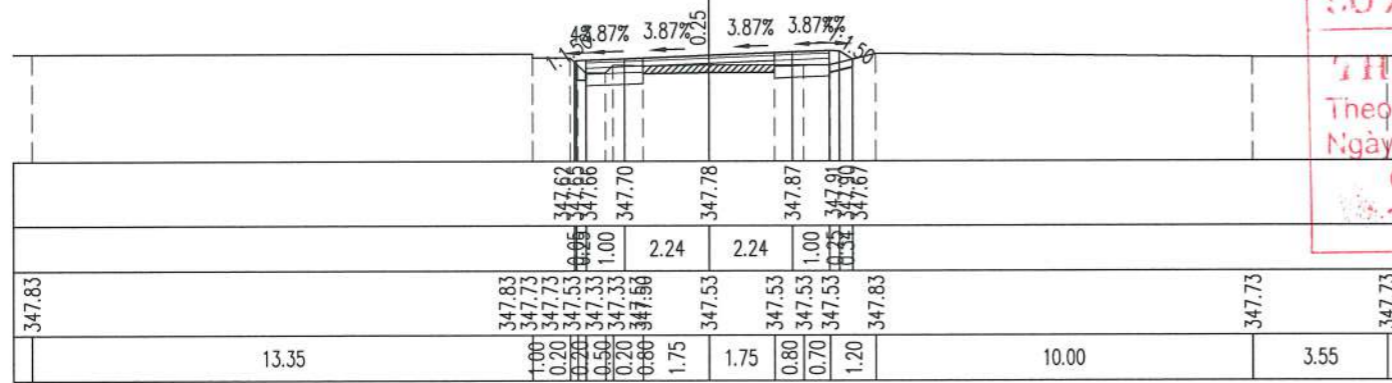


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.41 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.12 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.10 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.12 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P12  
 KMO+644.52

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.17 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.98 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.54 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.82 m

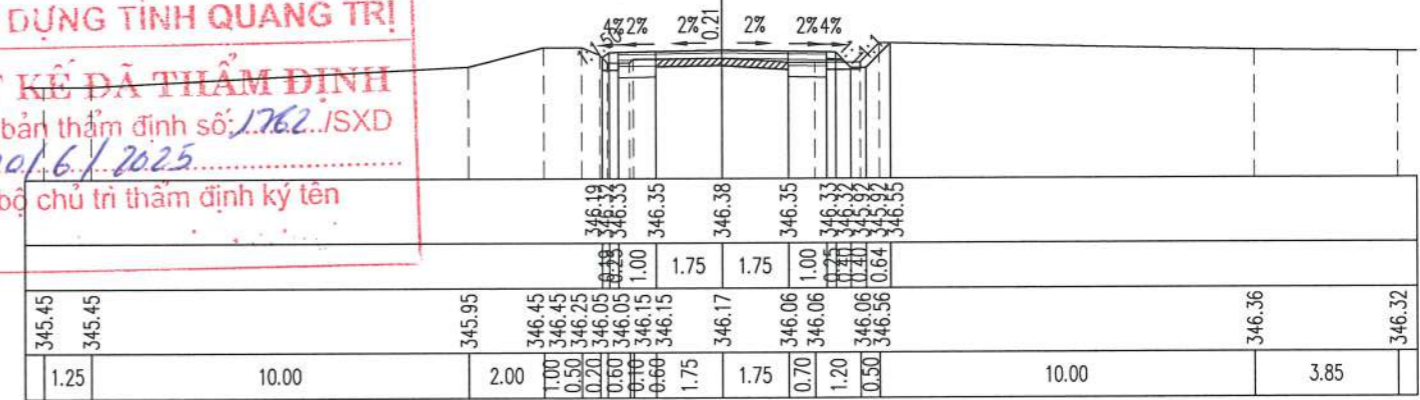
R=34.99  
 it1=3.87%  
 ip1=-3.87%  
 w1=0.98



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.30 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.07 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.84 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.11 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.04 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.24 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 40  
 KMO+664.49

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.07 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.19 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.44 m



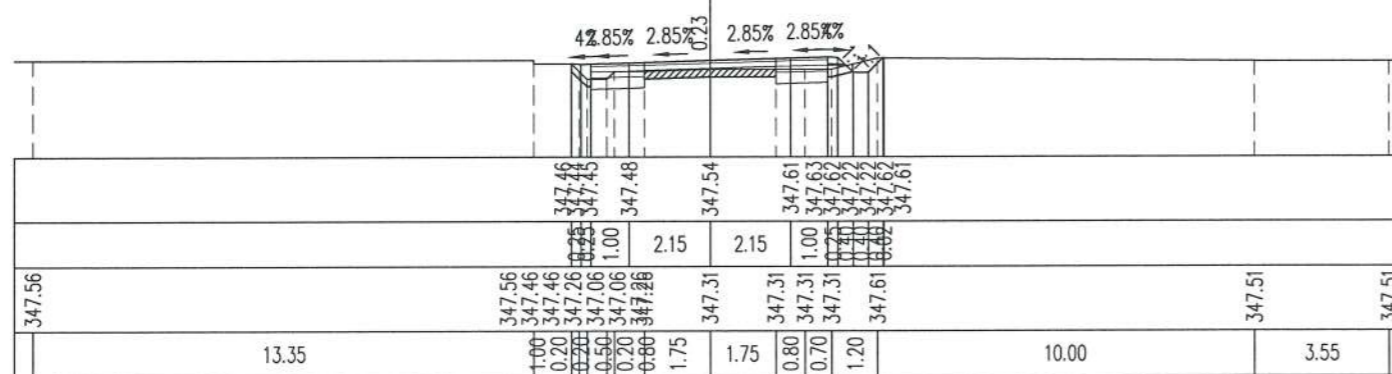
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762.../SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.34 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.05 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.18 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.23 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 39  
 KMO+647.91

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.13 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.81 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.65 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.63 m

R=34.99  
 it1=2.85%  
 ip1=-2.85%  
 w1=0.81



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.49 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.04 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.70 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.13 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.09 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 41  
 KMO+683.32

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.33 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.39 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.33 m



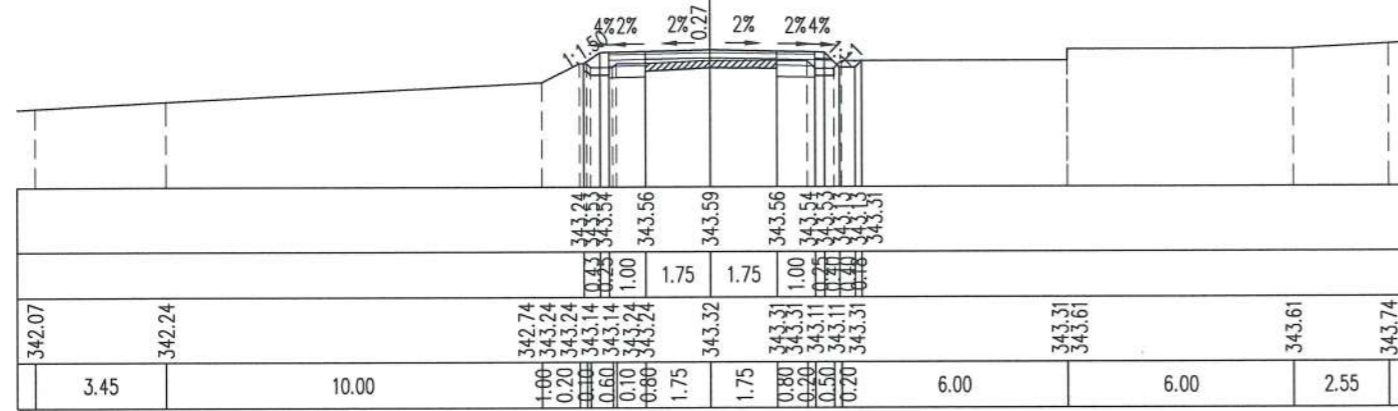
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐƯỜNG HA-T, QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.48 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.76 m2  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.09 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.24 m2

CỌC/STAKE: 42  
 KM0+704.66

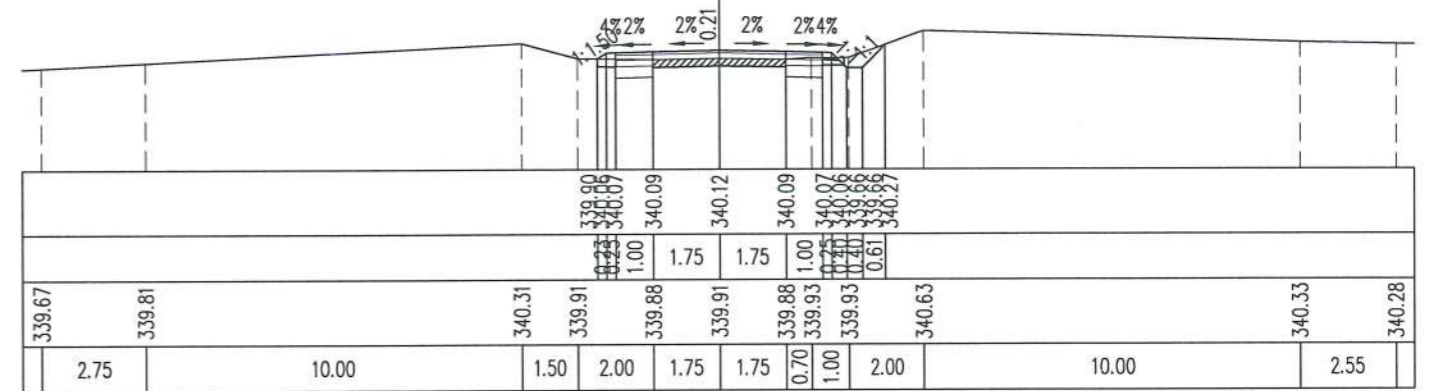
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.24 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.43 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.98 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.24 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.04 m2  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.23 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.21 m2

CỌC/STAKE: 45  
 KM0+767.29

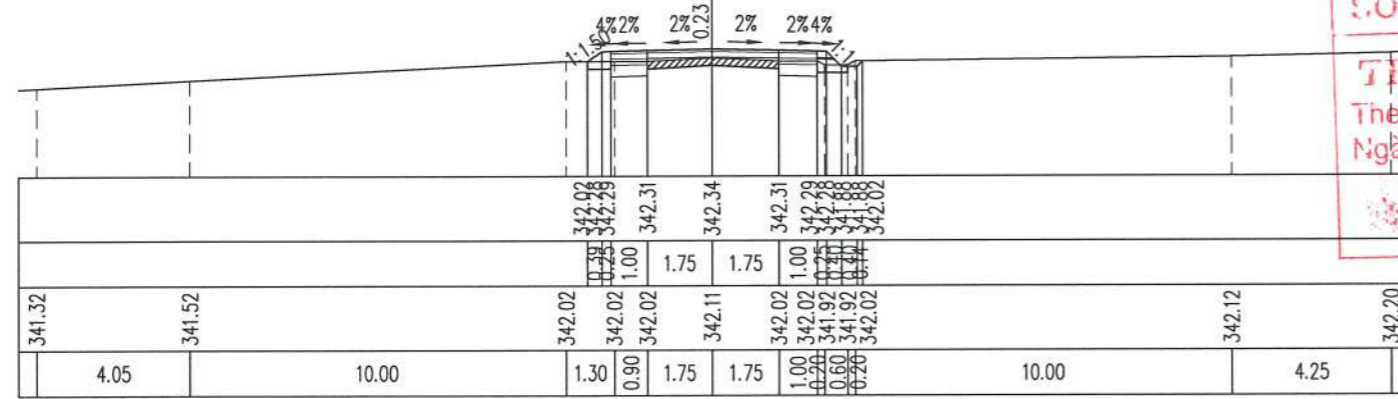
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.00 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.23 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.41 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.38 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.78 m2  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.04 m2  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.05 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m2

CỌC/STAKE: 43  
 KM0+727.35

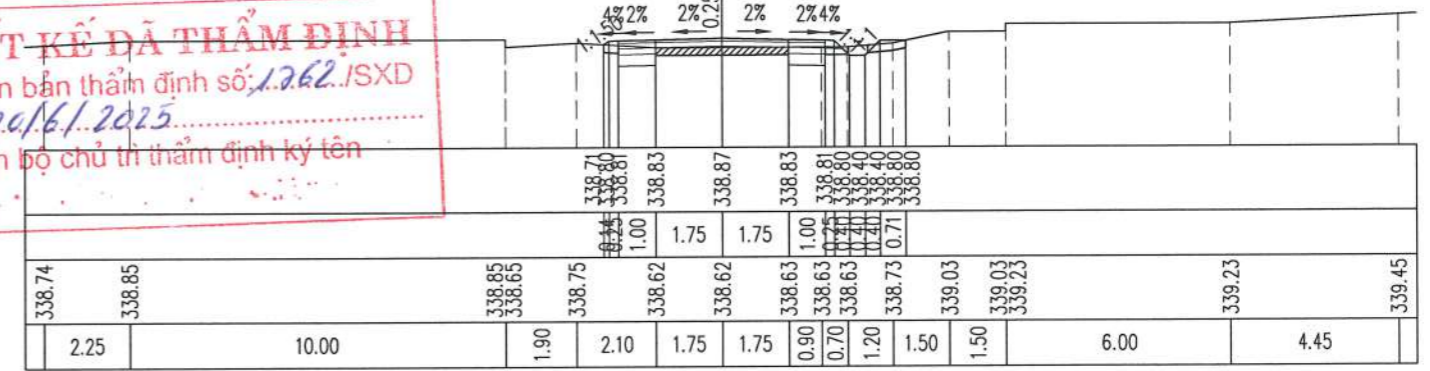
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.18 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.39 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.94 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.39 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.98 m2  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.12 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.41 m2

CỌC/STAKE: 46  
 KM0+783.48

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.06 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.14 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.91 m

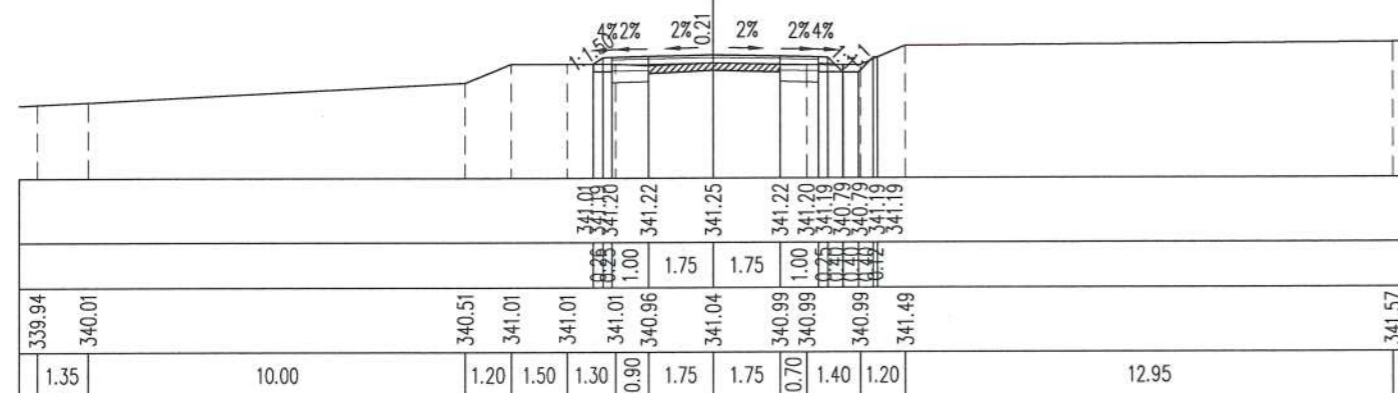


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1262./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.27 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.91 m2  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.11 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.23 m2

CỌC/STAKE: D13=44  
 KM0+748.25

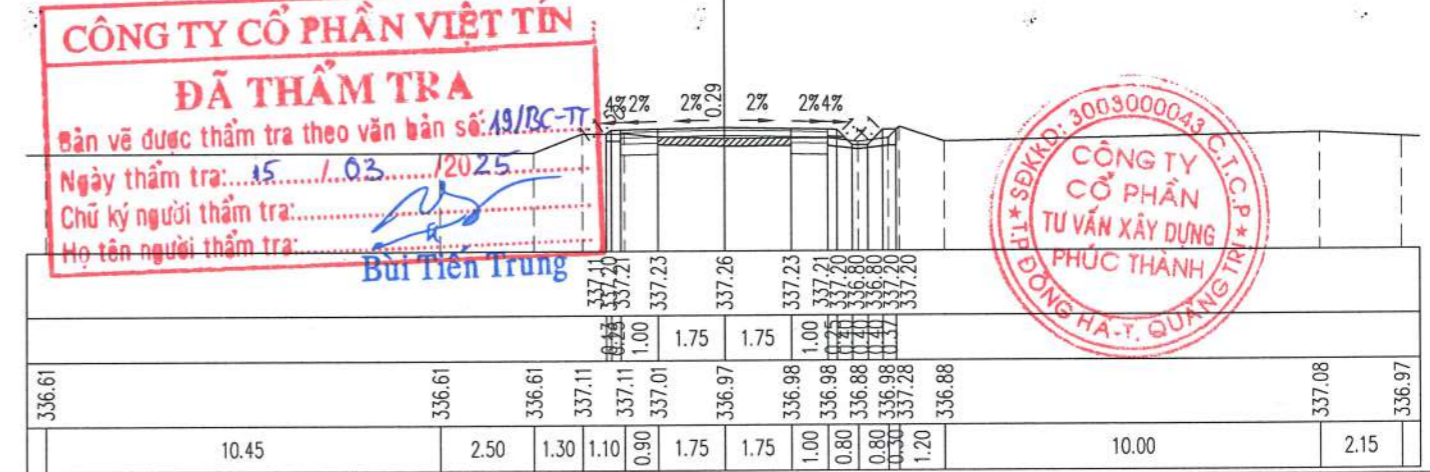
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.05 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.26 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.32 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.37 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.95 m2  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.07 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.40 m2

CỌC/STAKE: 47  
 KM0+804.89

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.18 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.13 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.57 m



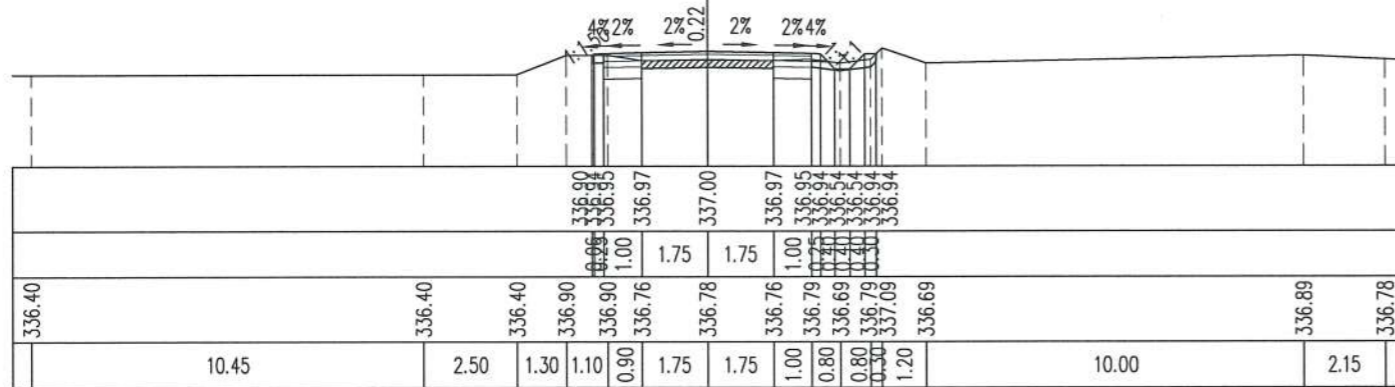
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 49/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiến Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐÔNG HẢI, QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.26 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.03 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.41 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: D14  
 KM0+809.61

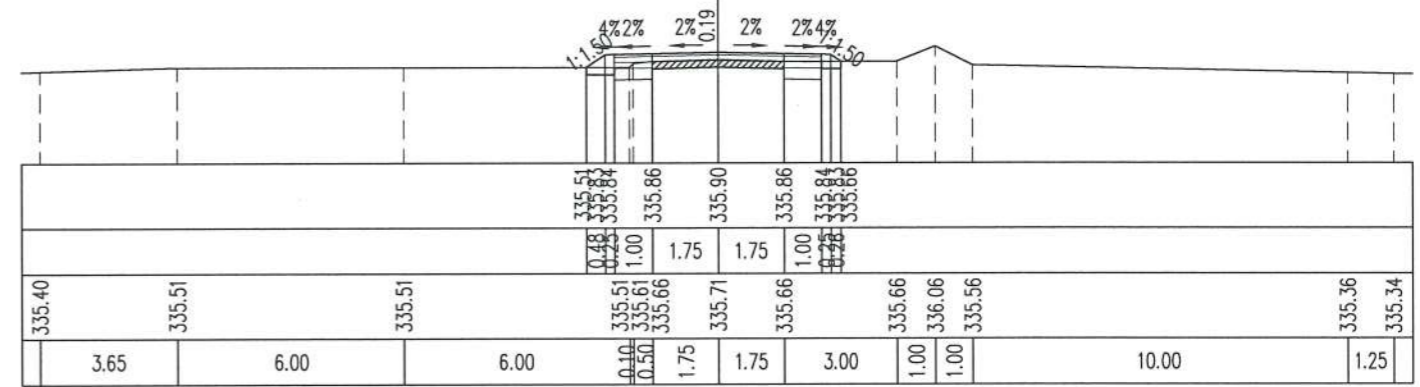
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.02 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.06 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.50 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.42 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.87 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: D15  
 KM0+846.13

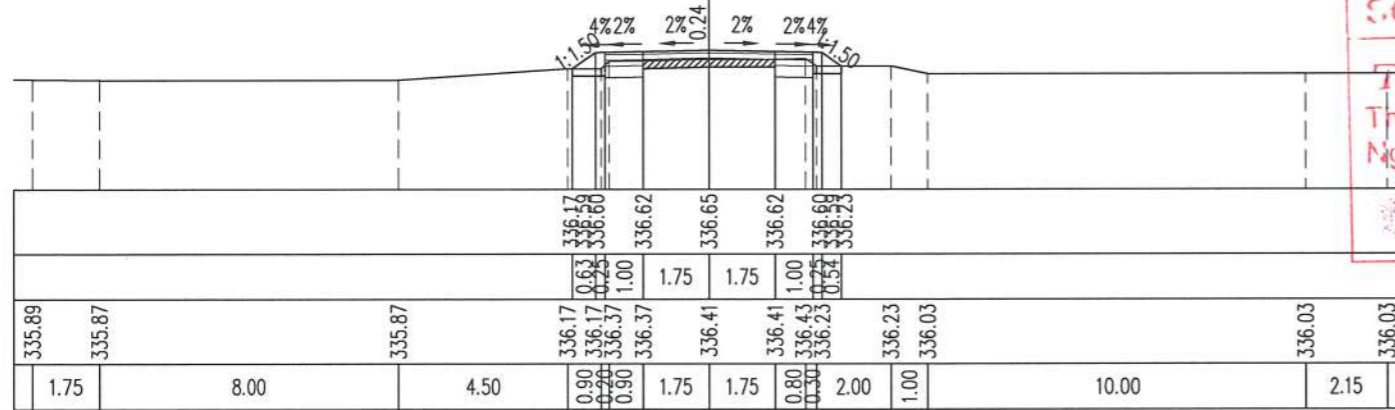
Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.48 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.26 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.75 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.90 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.05 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.29 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 48  
 KM0+818.47

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.09 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.63 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.54 m

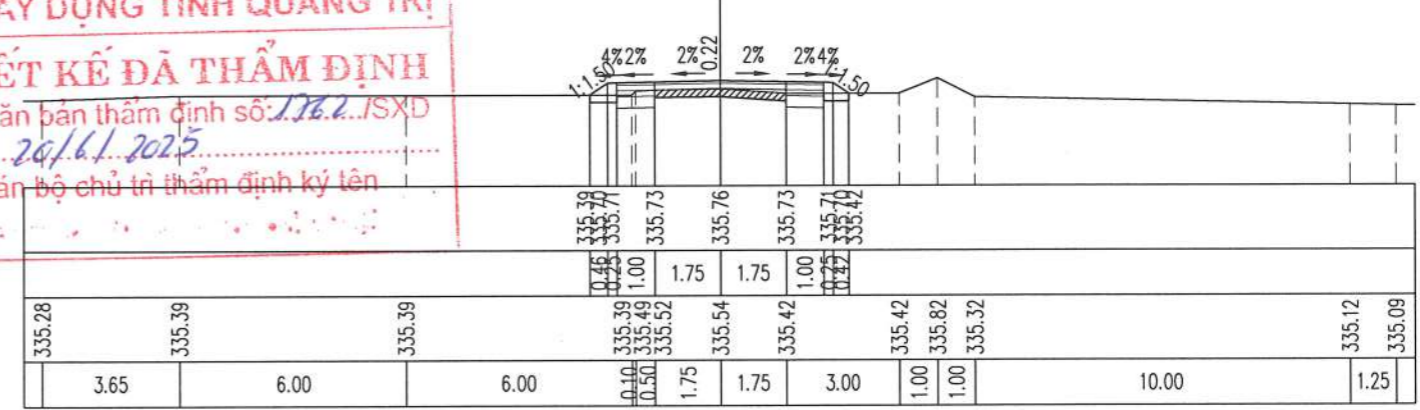


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 176.2./T.XD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.55 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.78 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.28 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 50  
 KM0+852.96

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.11 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.46 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.42 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.22 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.68 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.28 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.27 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 49  
 KM0+837.70

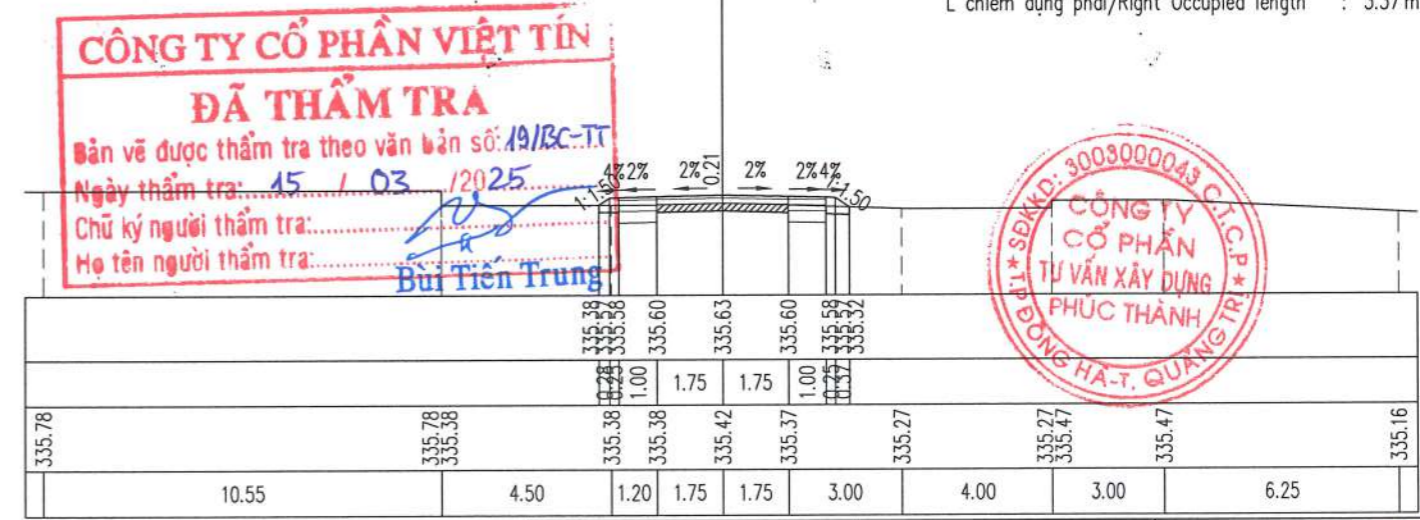
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.22 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.44 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.10 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.41 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.90 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.23 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: D16  
 KM0+870.34

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.02 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.28 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.37 m



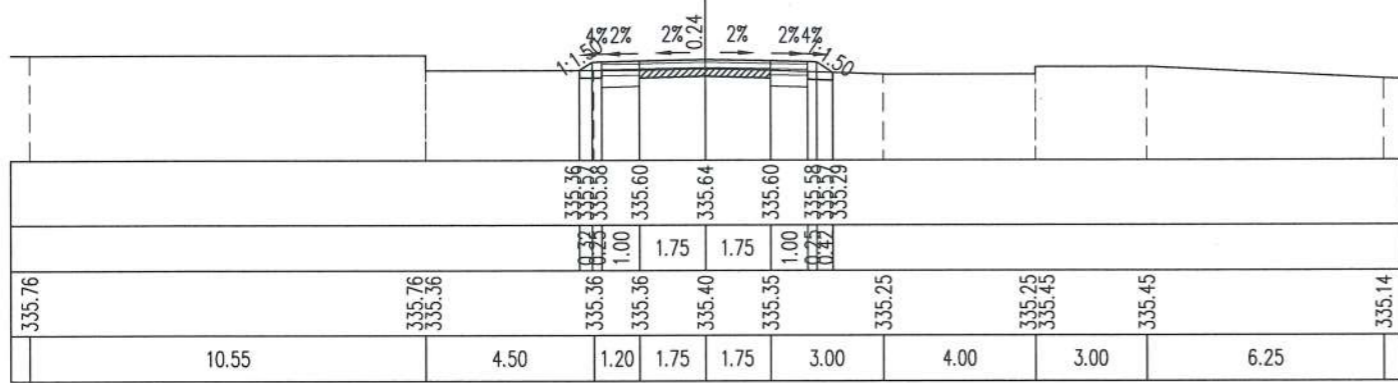
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chủ ký người thẩm tra: Bùi Tiến Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐƯỜNG HA-T, QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.46 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.84 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 51  
 KMO+873.87

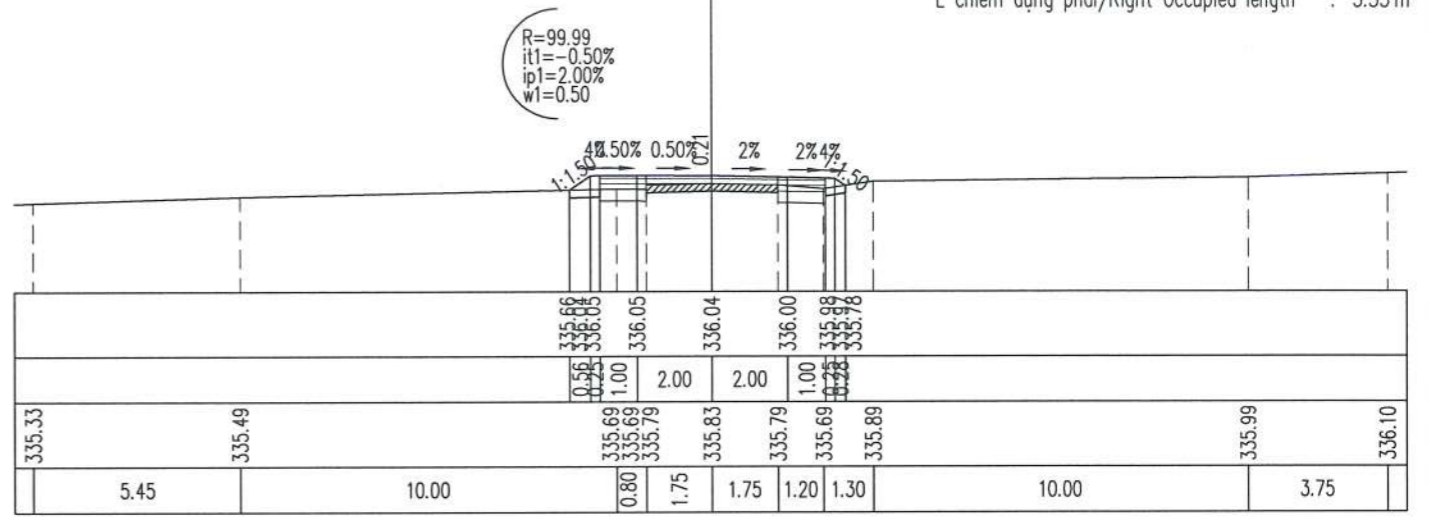
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.12 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.32 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.42 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.55 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.91 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.27 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD17  
 KMO+930.77

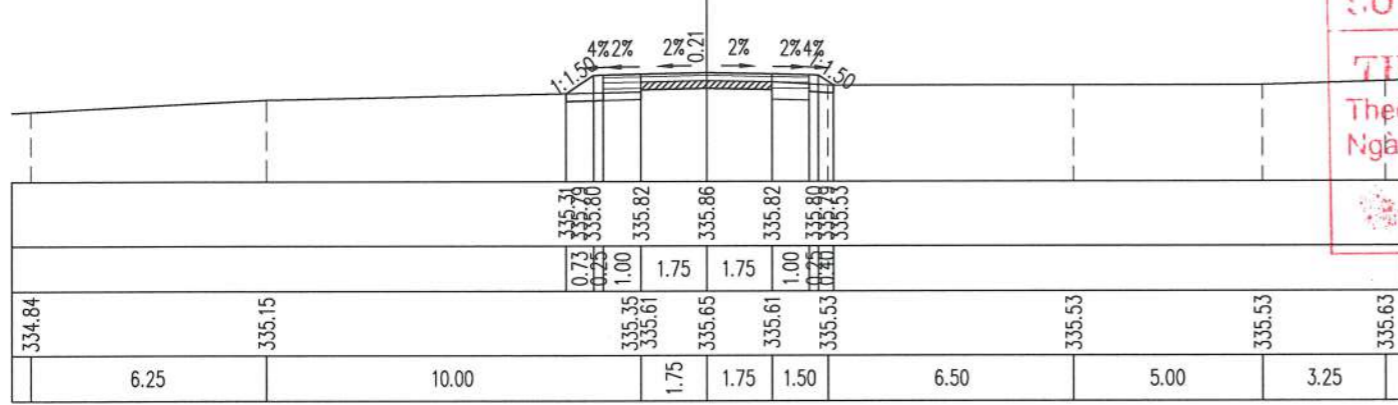
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.03 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.81 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.53 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.73 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.64 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.32 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 52  
 KMO+894.22

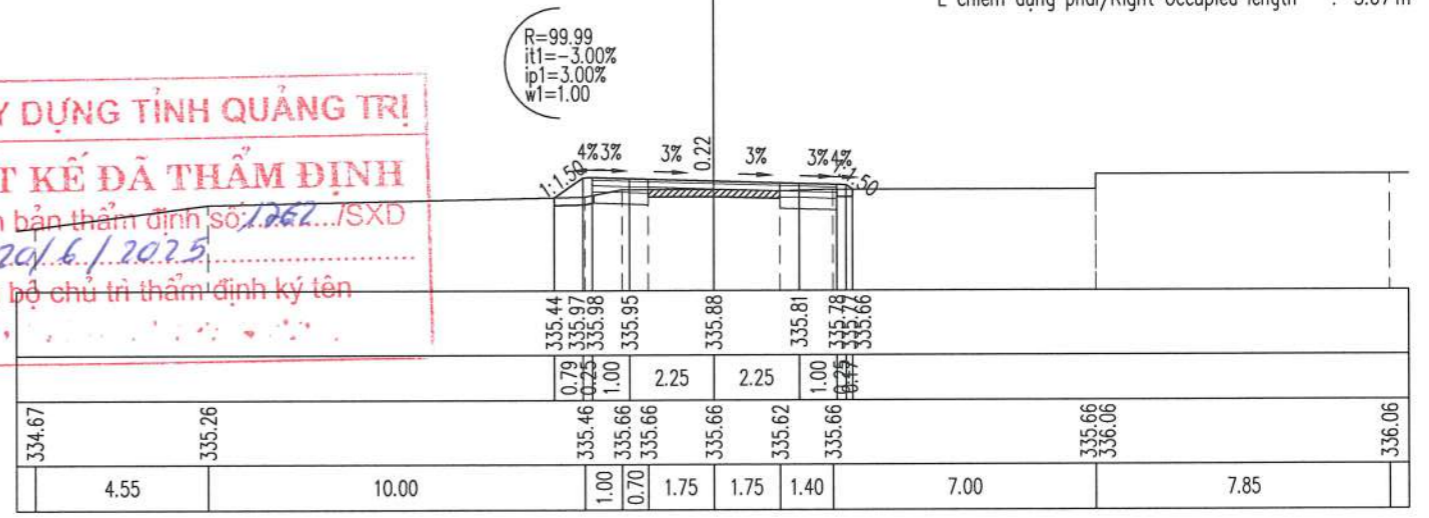
Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.73 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.40 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.66 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.25 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.30 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P17  
 KMO+947.25

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.07 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.29 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.67 m

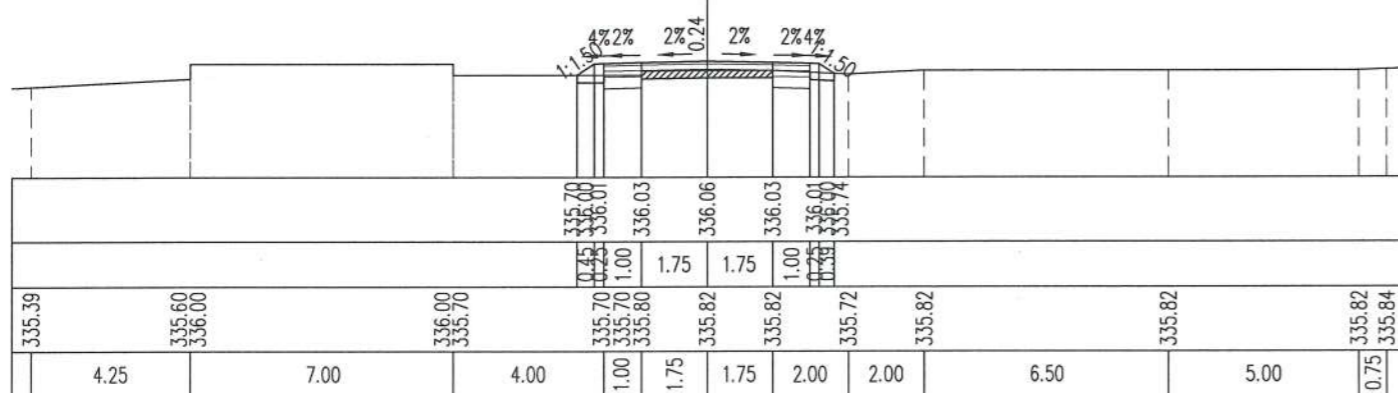


**CỔ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Thợ văn bản thẩm định số: 1262/TSXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.52 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.80 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.27 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 53  
 KMO+915.60

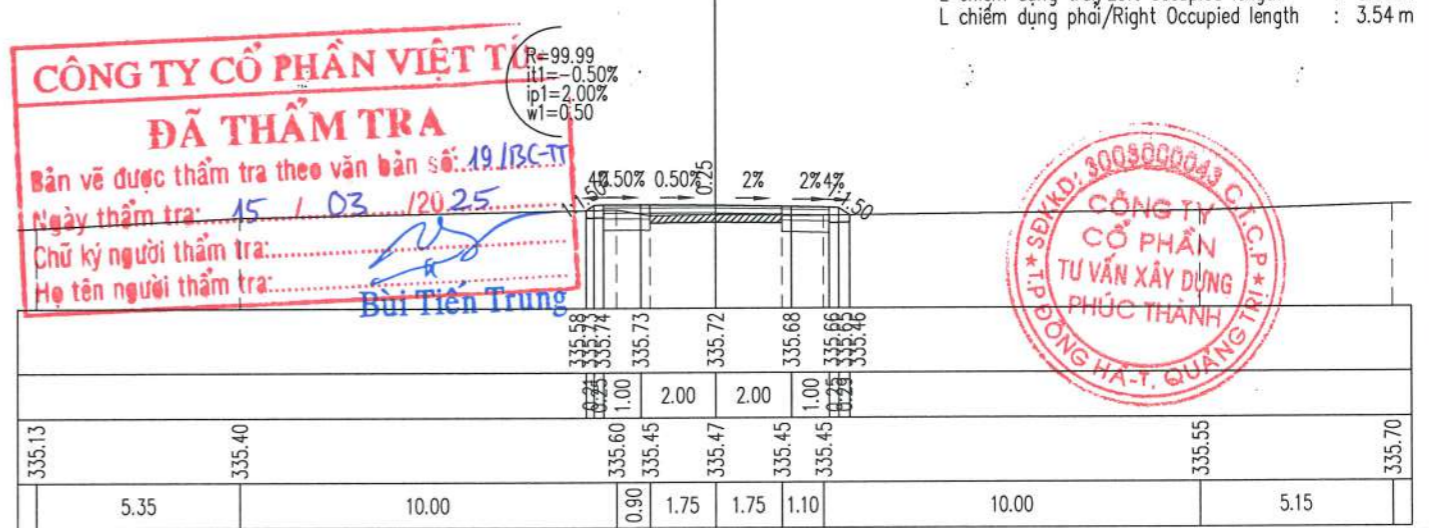
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.08 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.45 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.39 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.33 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.16 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.20 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC17  
 KMO+963.72

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.16 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.46 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.54 m



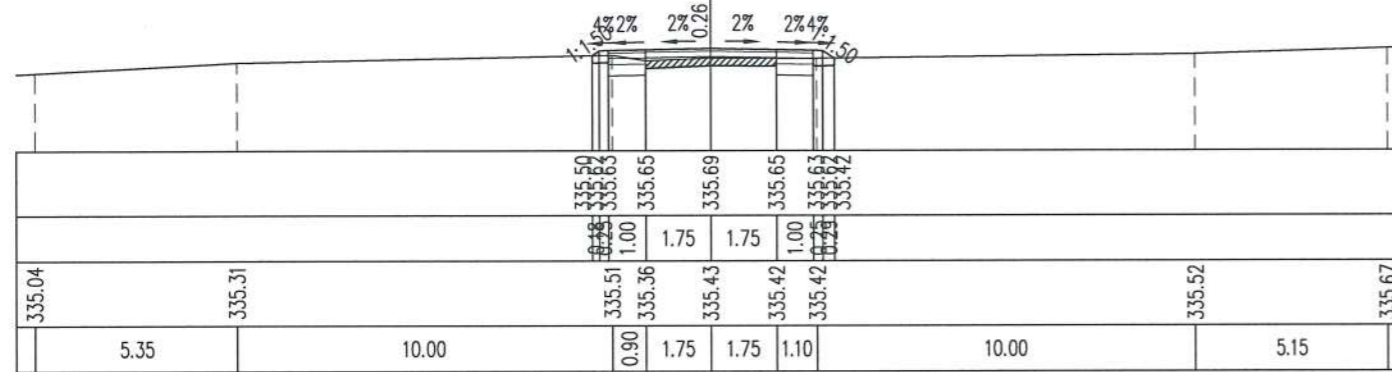
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT T**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/13C-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.32 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.92 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.20 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 55  
 KMO+967.37

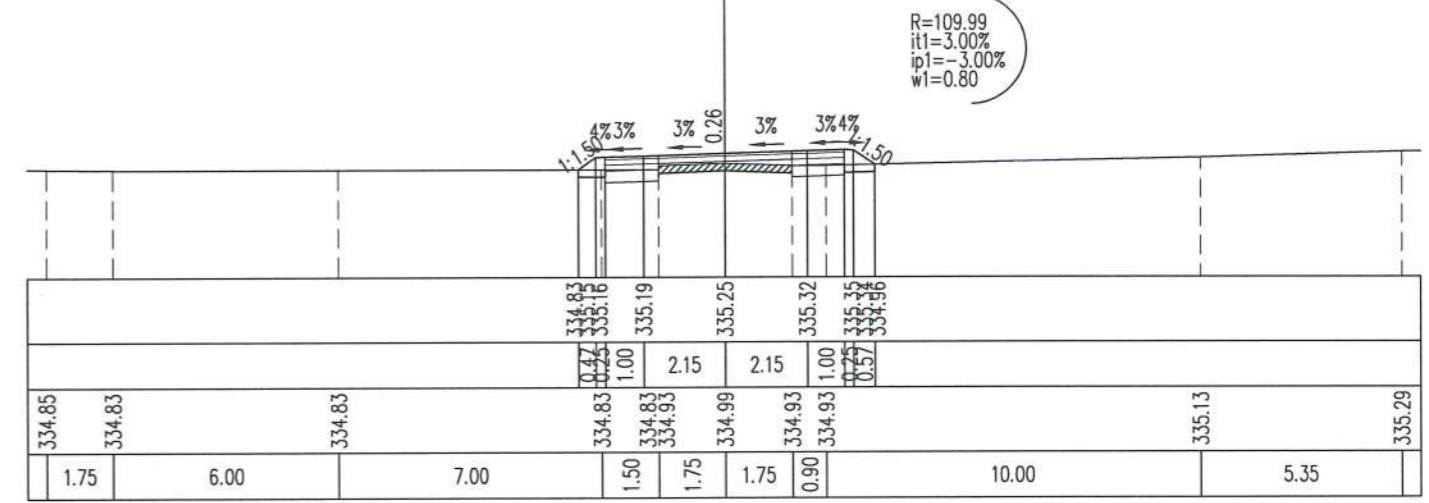
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.17 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.18 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.29 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.67 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.84 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.31 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 57  
 KM1+002.12

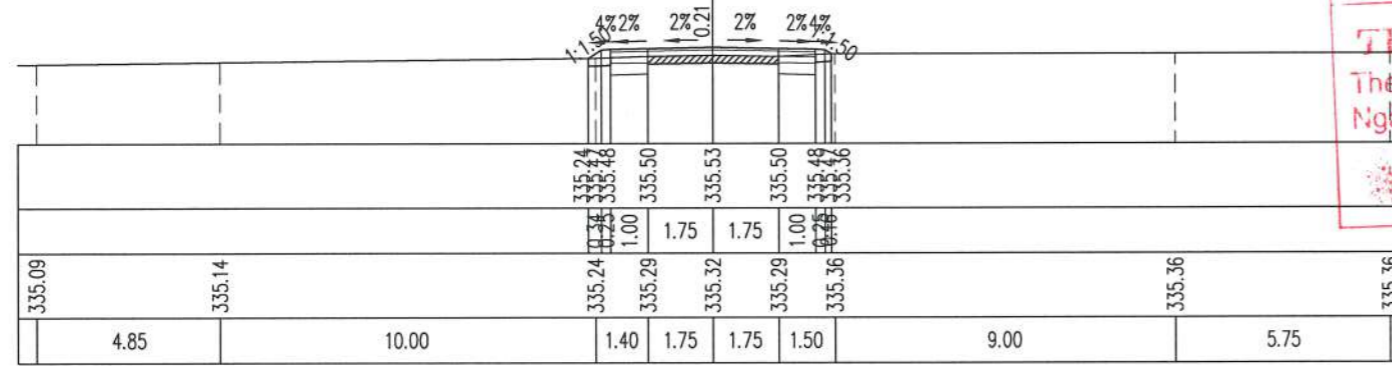
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.28 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.87 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.97 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.34 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.95 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.20 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 56  
 KMO+983.20

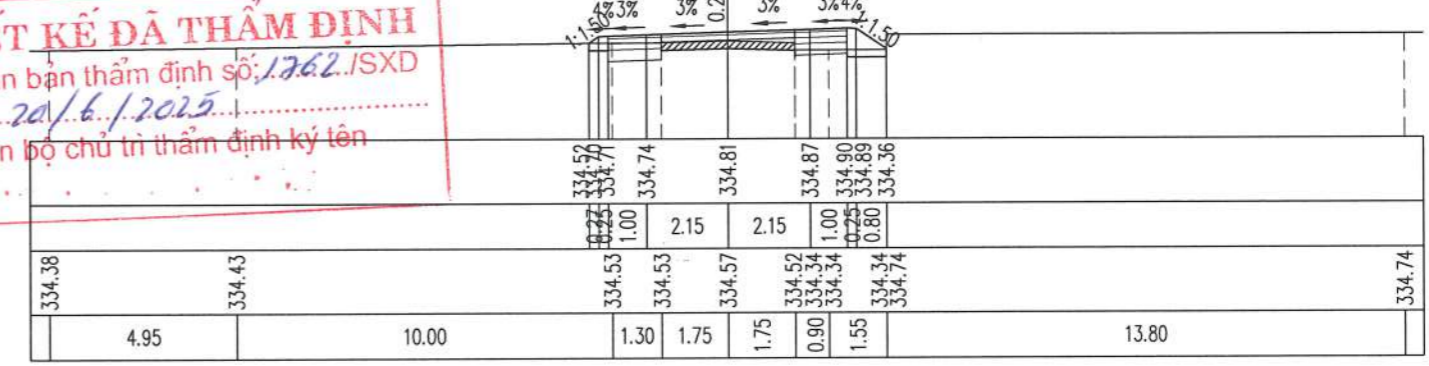
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.00 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.34 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.16 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.75 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.83 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.31 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P18  
 KM1+020.43

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.17 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.67 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.20 m

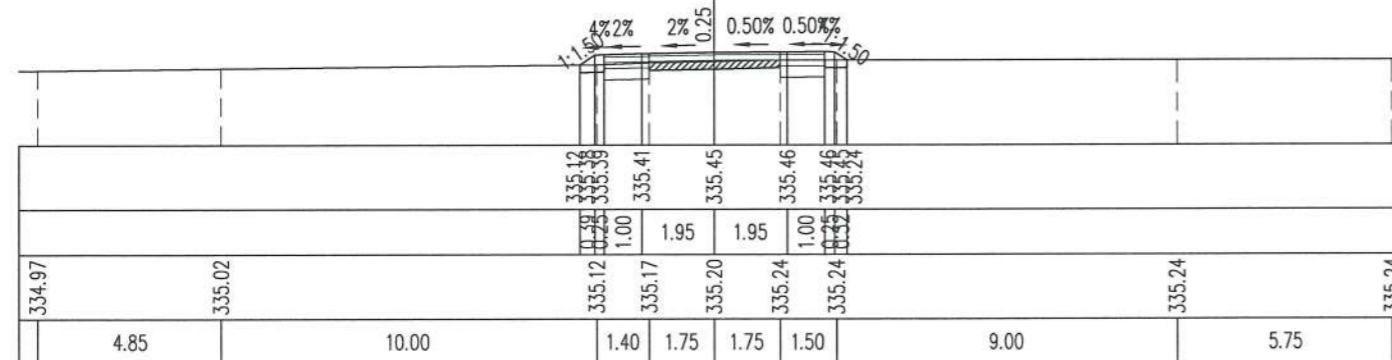


**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**THIẾT KẾ DẪN THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.45 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.04 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.24 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD18  
 KMO+990.33

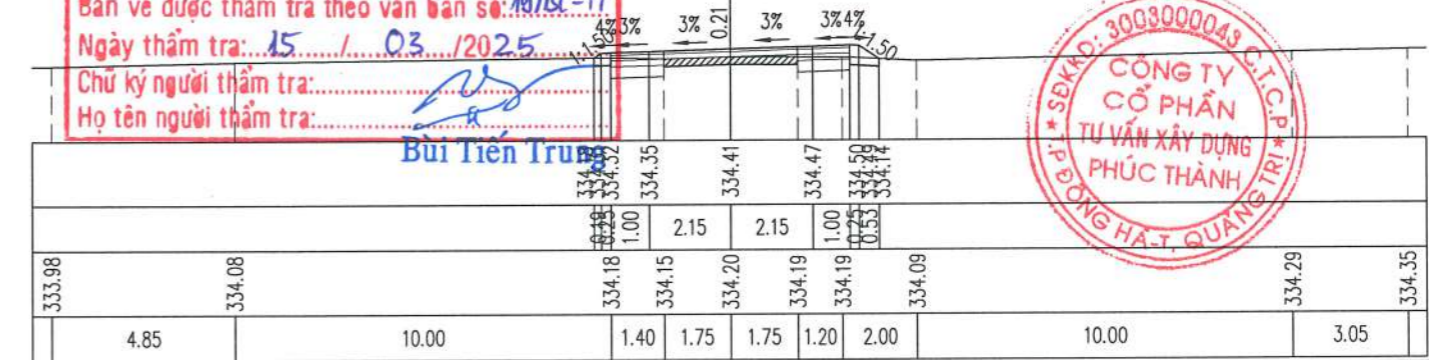
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.10 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.59 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.52 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.46 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.22 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 59  
 KM1+033.42

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.05 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.59 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.93 m



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 10/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

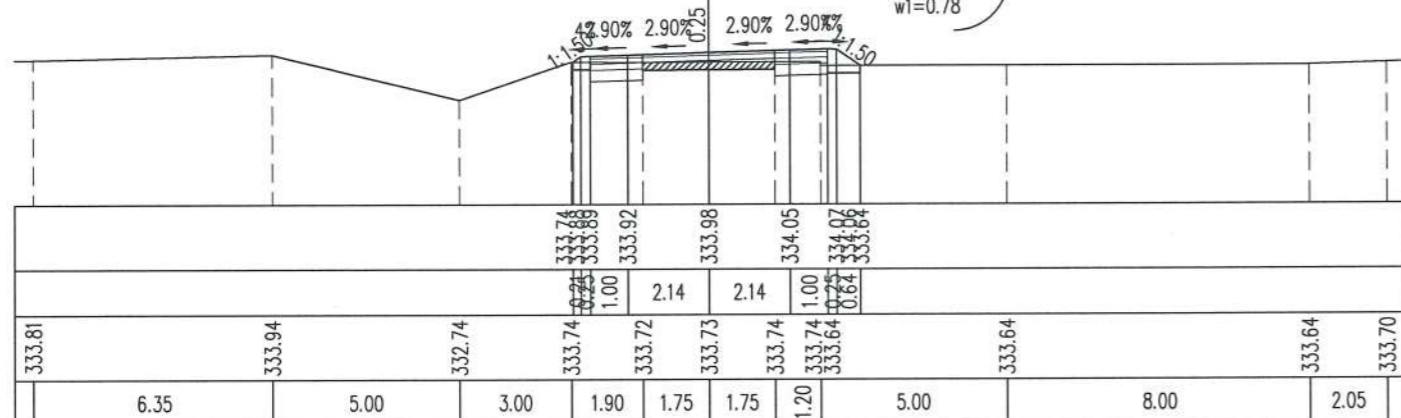
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
 TƯ VẤN XÂY DỰNG  
 PHÚC THÀNH  
 QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.57 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.15 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.27 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 60  
 KM1+047.18

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.15 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.78 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.61 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.03 m

R=109.99  
 it1=2.90%  
 ip1=-2.90%  
 w1=0.78

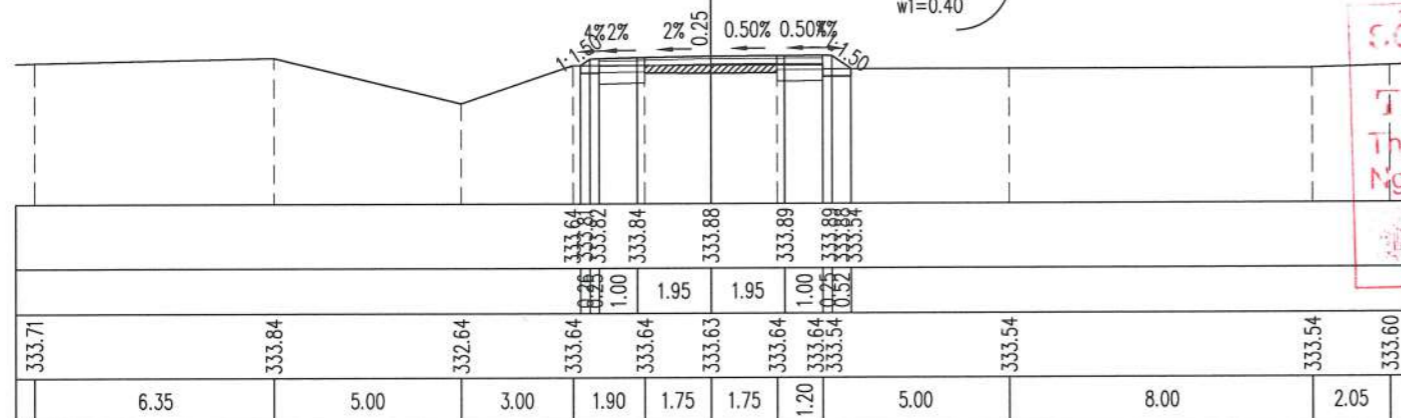


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.50 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.08 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC18  
 KM1+050.54

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.10 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.46 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.72 m

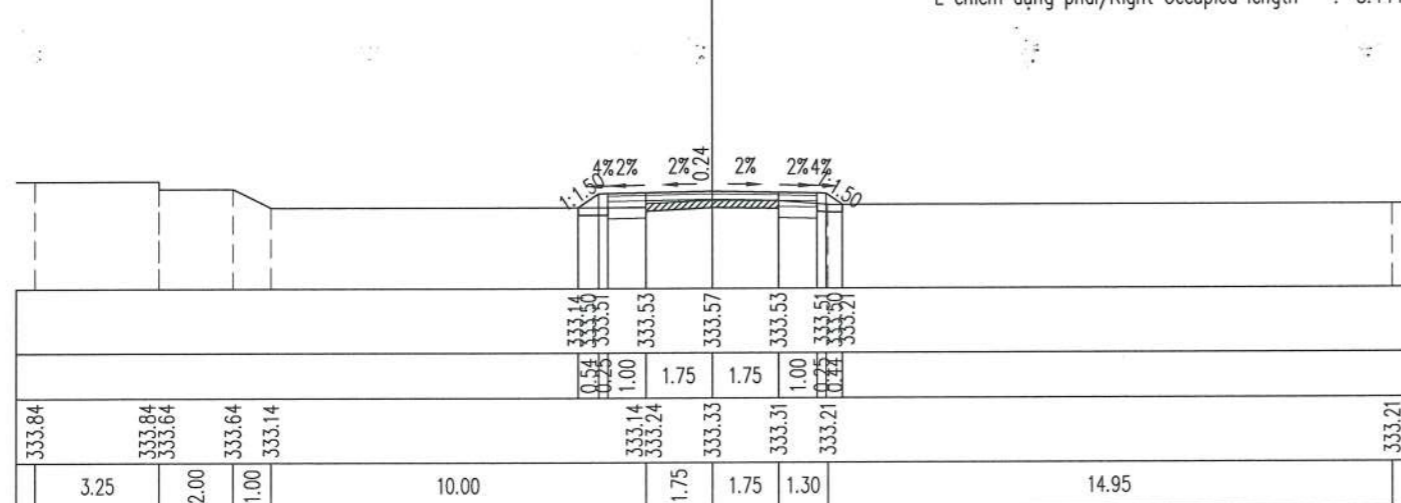
R=109.99  
 it1=2.00%  
 ip1=-0.50%  
 w1=0.40



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.62 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.71 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.30 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 61  
 KM1+060.65

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.13 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.54 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.44 m

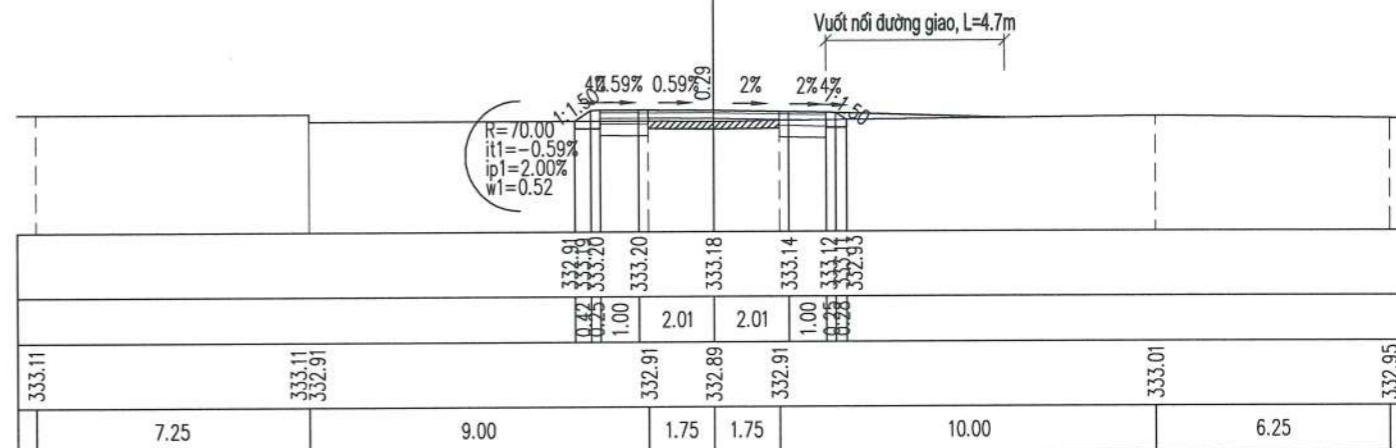


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.45 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.05 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.24 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 62  
 KM1+074.85

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.24 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.52 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.68 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.54 m

R=70.00  
 it1=-0.59%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.52

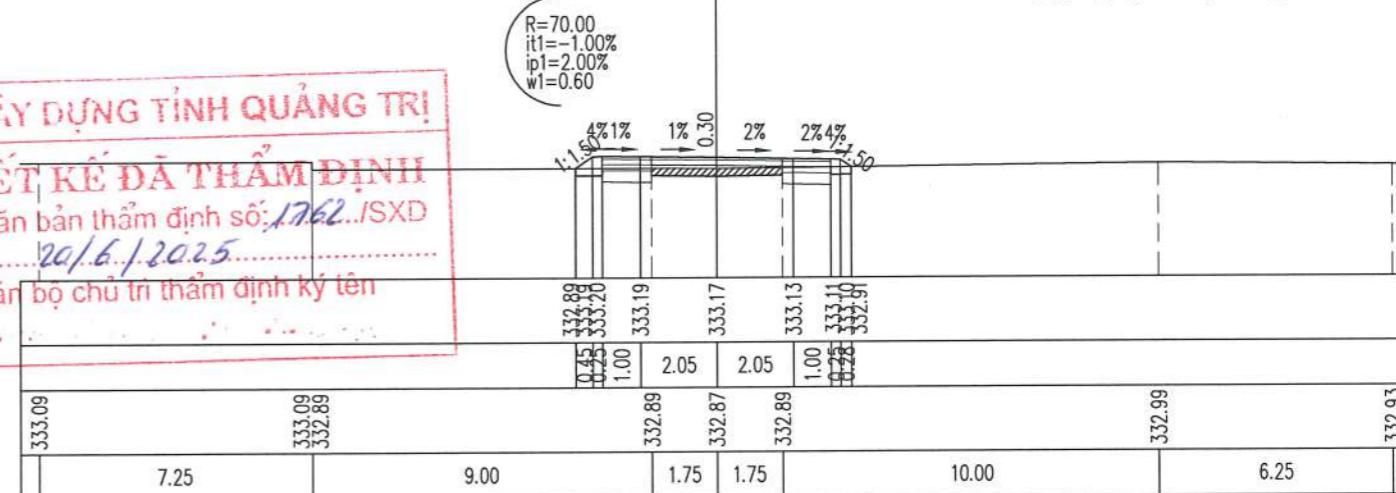


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.46 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.06 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD19  
 KM1+075.53

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.26 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.60 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.75 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.58 m

R=70.00  
 it1=-1.00%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.60



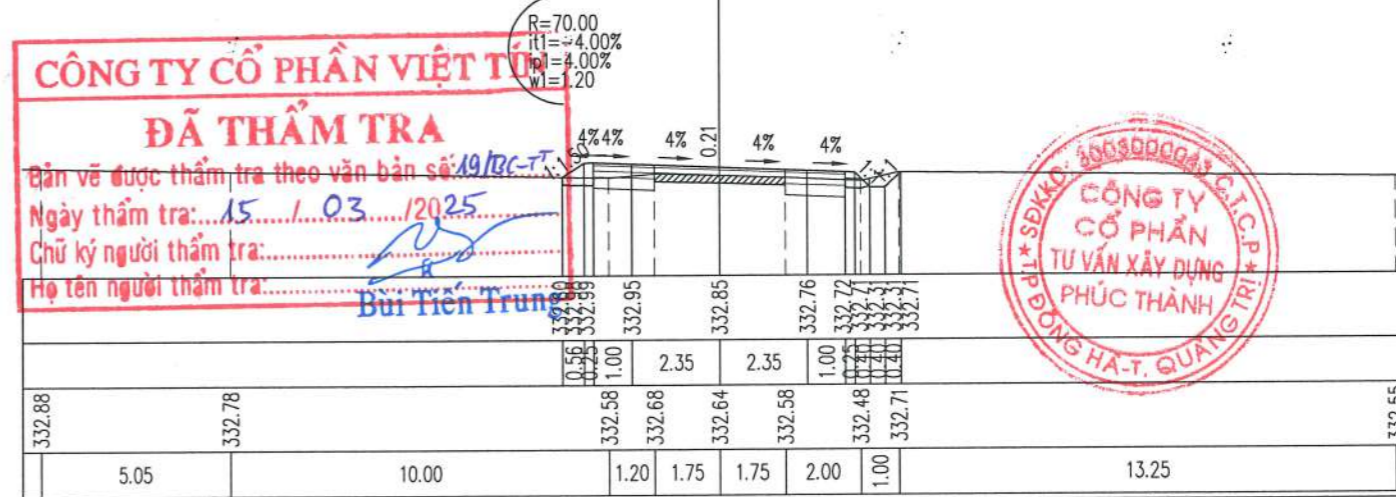
**CỔ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762../SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.47 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.27 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.18 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.29 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 63  
 KM1+087.94

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.03 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.20 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.16 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.80 m

R=70.00  
 it1=-4.00%  
 ip1=4.00%  
 w1=1.20



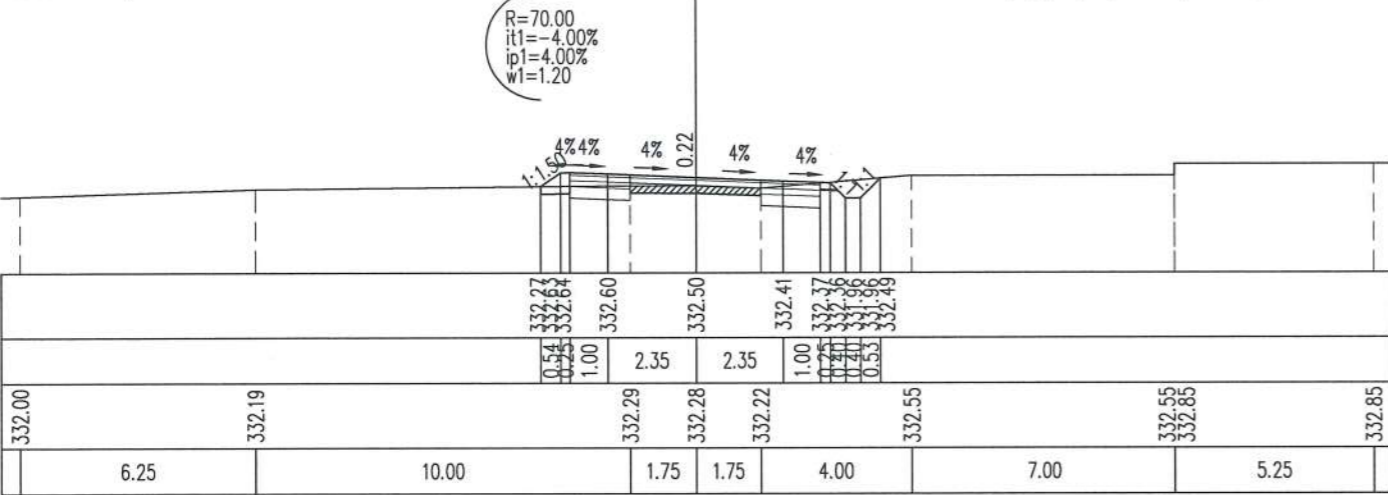
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TỬ**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-T.T  
 Ngày thẩm tra: 15/1/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐƯỜNG HÀ-T, QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.34 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.09 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.52 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.32 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.16 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 64  
 KM1+101.89

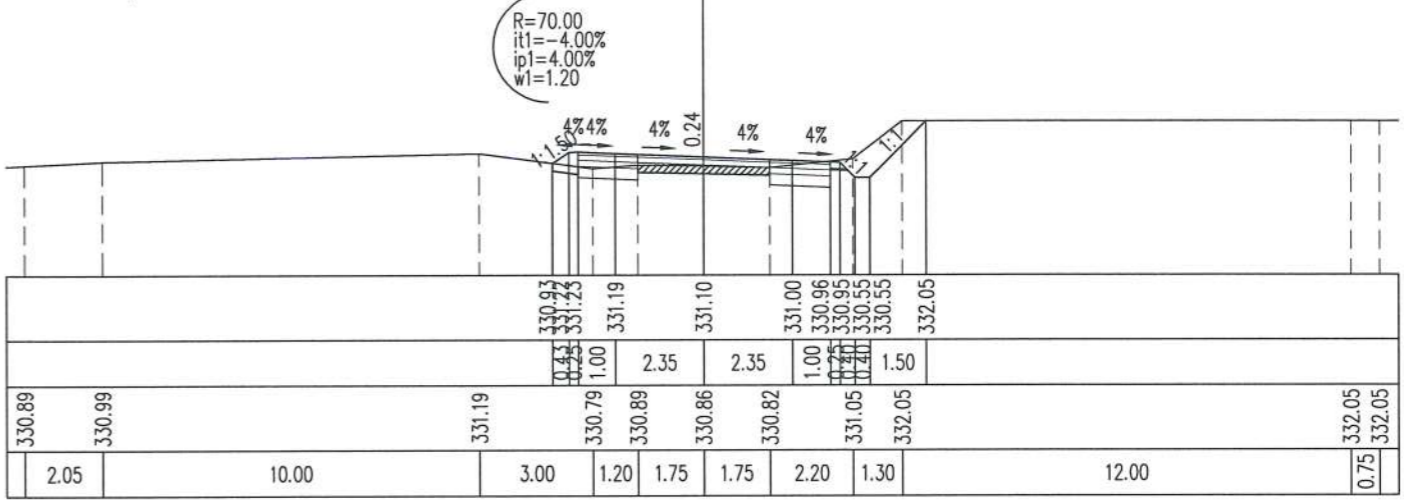
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.08 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.20 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.14 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.93 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.30 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.93 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.48 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.32 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.14 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 66  
 KM1+136.10

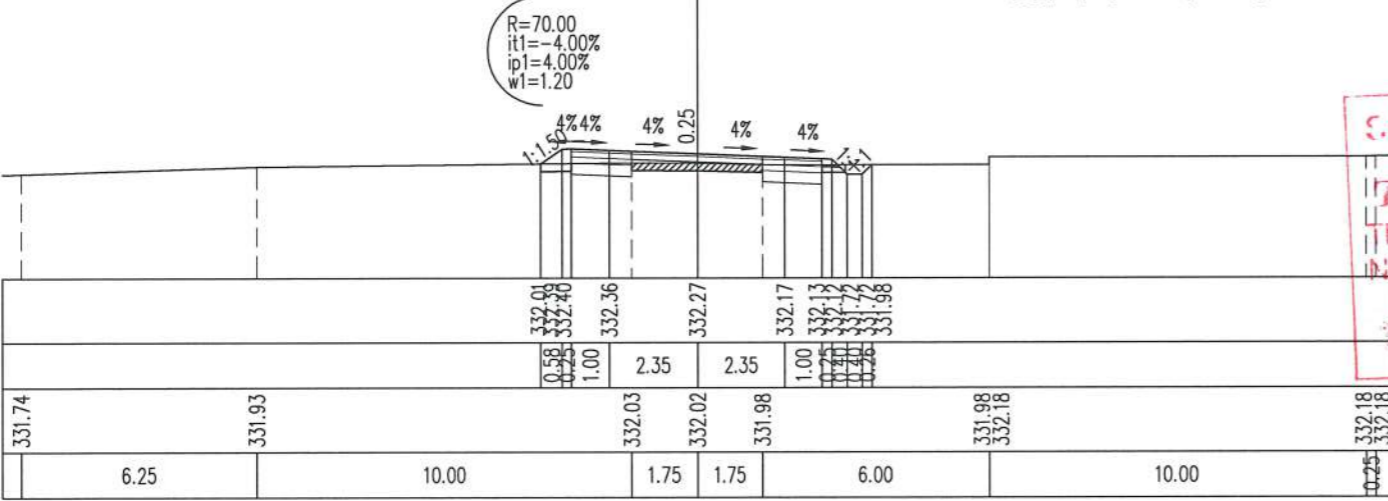
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.11 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.20 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.03 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 5.90 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.46 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.29 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.15 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.28 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P19  
 KM1+111.03

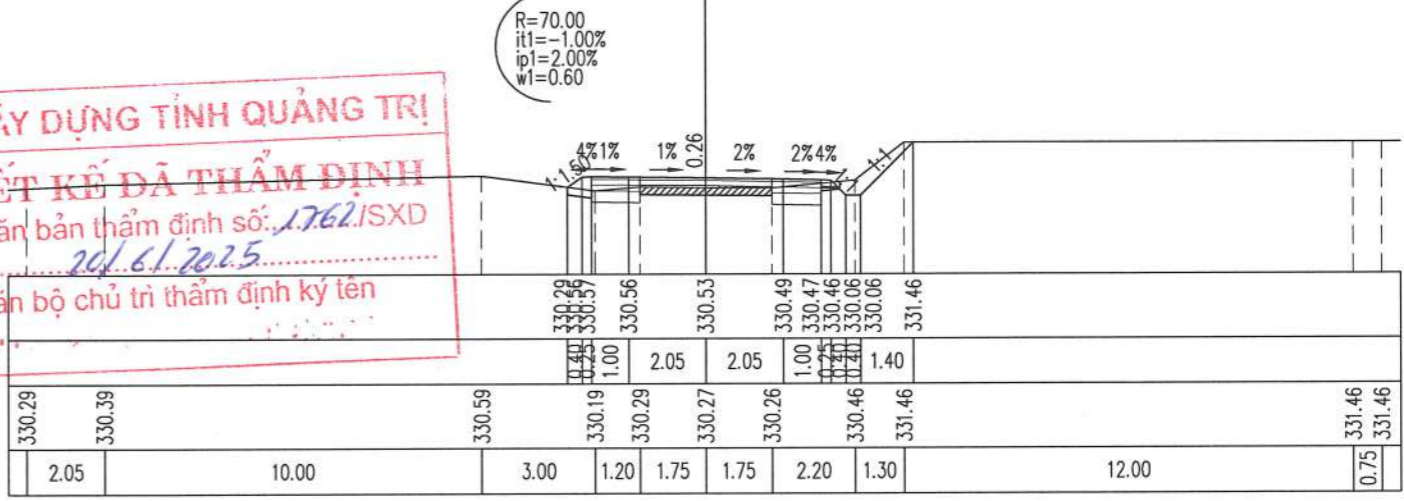
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.16 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.20 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.18 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.66 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.35 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.39 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.11 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.28 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.23 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC19  
 KM1+146.53

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.17 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.60 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.70 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 5.50 m

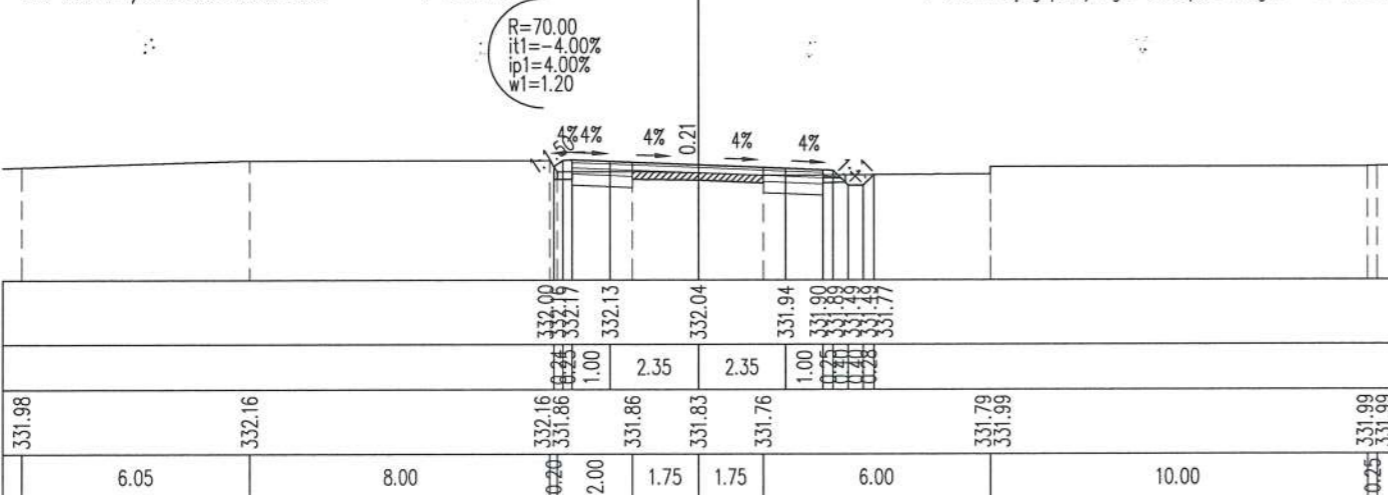


**C.Ở XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762/ISXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.31 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.42 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.17 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.03 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.19 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 65  
 KM1+117.76

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.03 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.20 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.84 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.68 m



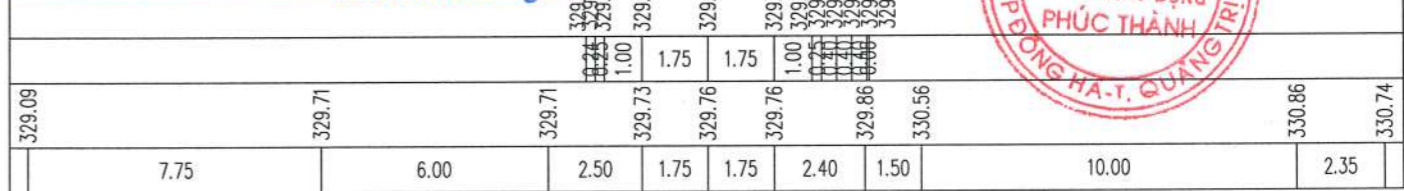
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.24 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.98 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.22 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.21 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 67  
 KM1+158.78

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.01 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.24 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.26 m

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiến Trung  
 Họ tên người thẩm tra:

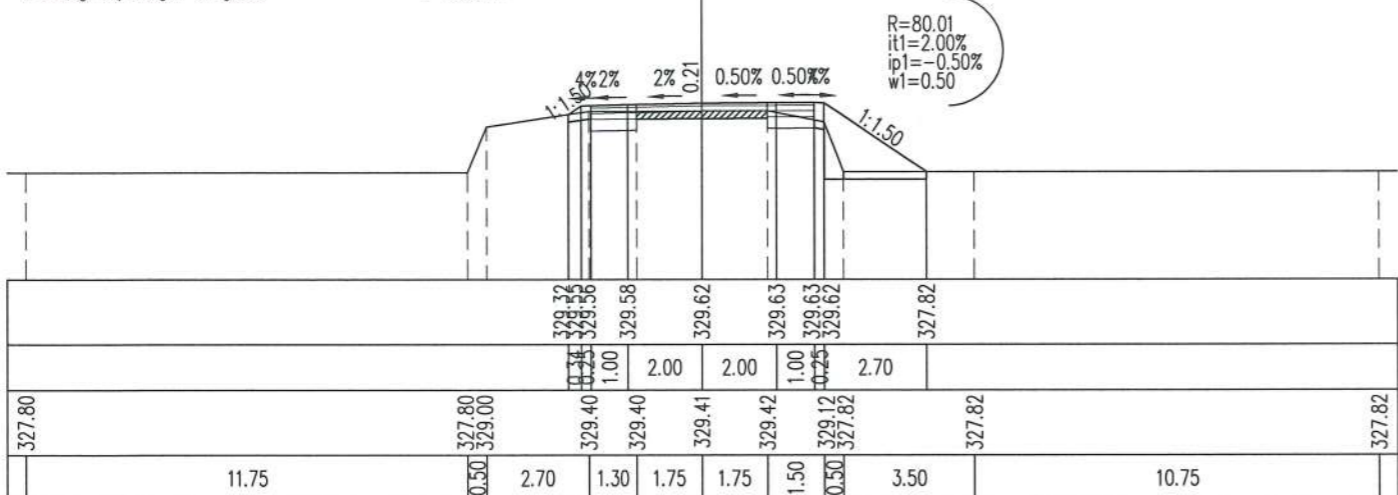
CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 TƯ VẤN XÂY DỰNG  
 PHÚC THÀNH  
 QUẢNG TRỊ



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 3.30 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.05 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.42 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.61 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 3.66 m

CỌC/STAKE: TD20  
 KM1+171.11

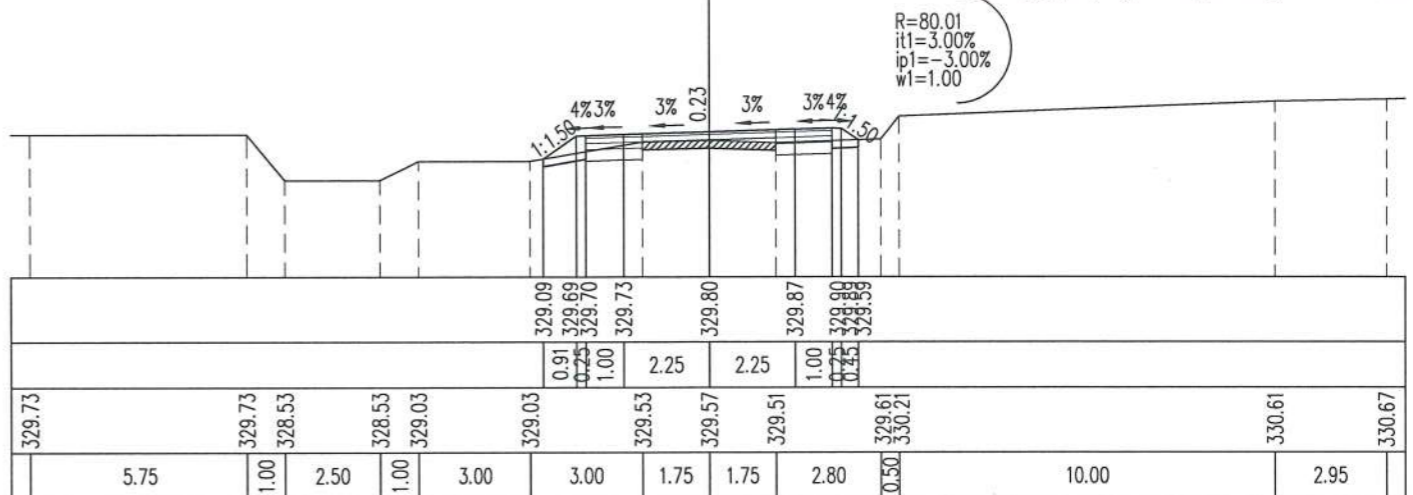
Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.59 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 5.95 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.84 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.02 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.37 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 1.63 m

CỌC/STAKE: 71  
 KM1+213.54

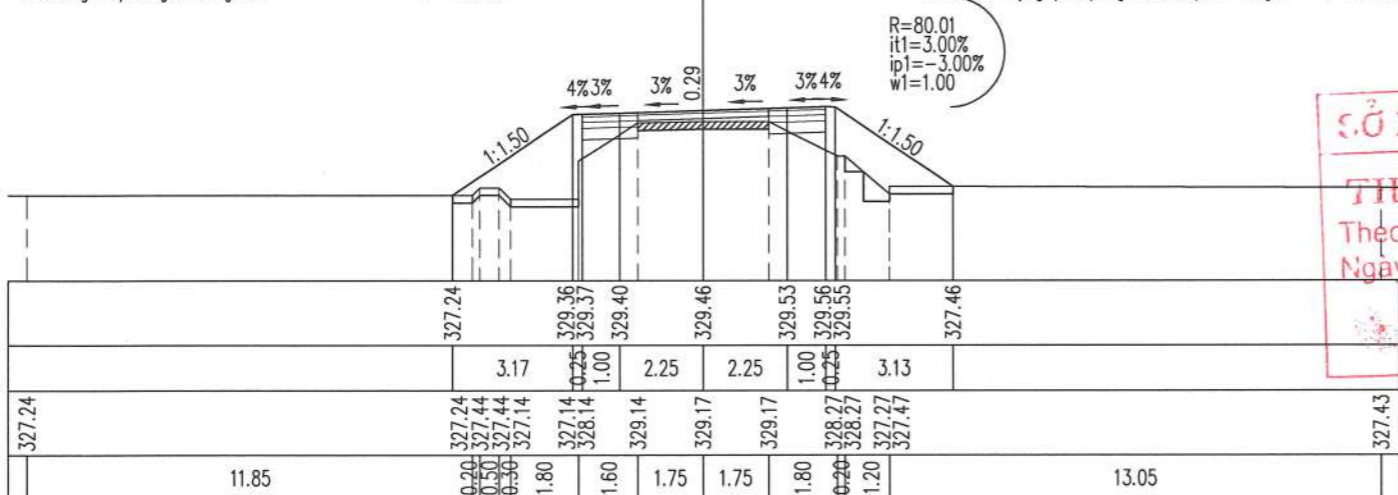
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.16 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.41 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.95 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 8.69 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.23 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.45 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 1.00 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 7.58 m

CỐNG TRÒN  
 CỌC/STAKE: 69  
 KM1+181.90

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.32 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 6.67 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 6.63 m

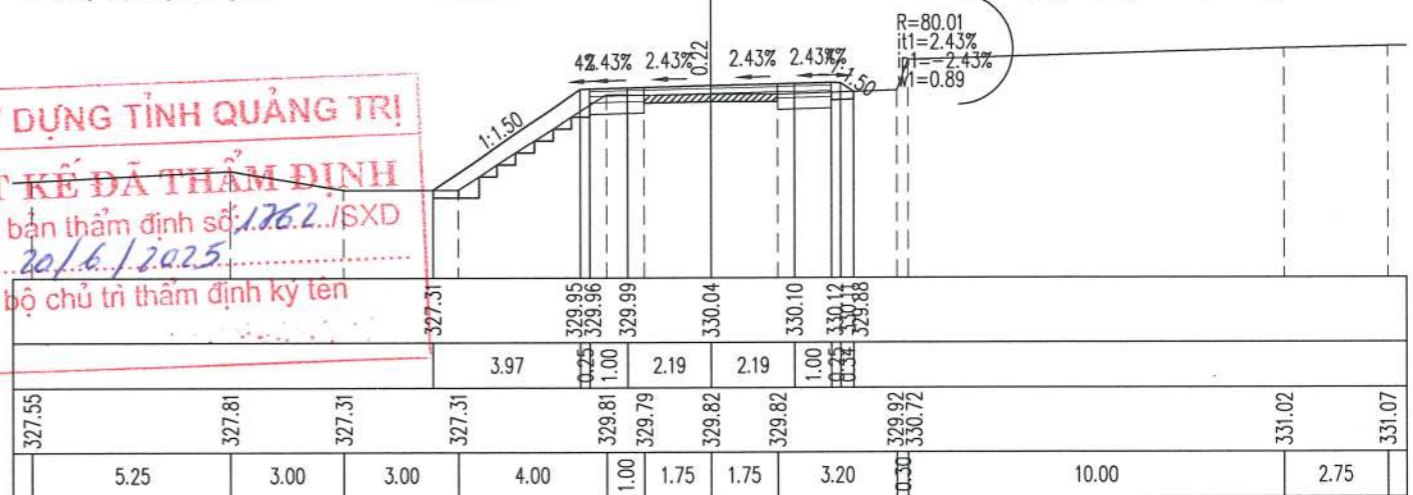


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 2.98 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.24 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.68 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 5.18 m

CỌC/STAKE: 72  
 KM1+225.53

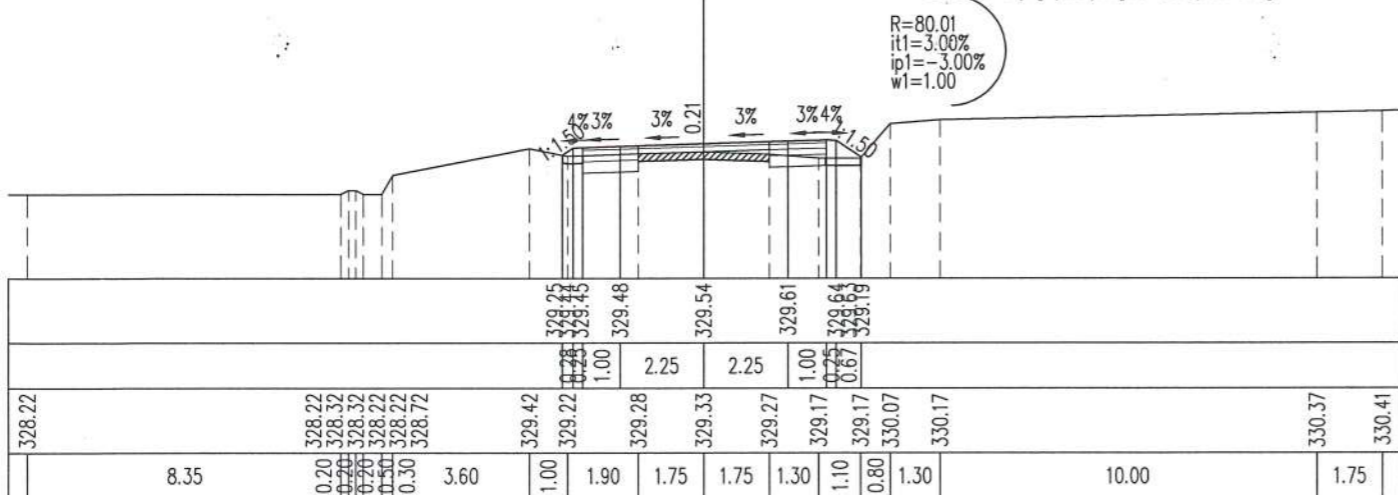
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.07 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.89 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 7.41 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.78 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.65 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.08 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.00 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.29 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P20  
 KM1+199.67

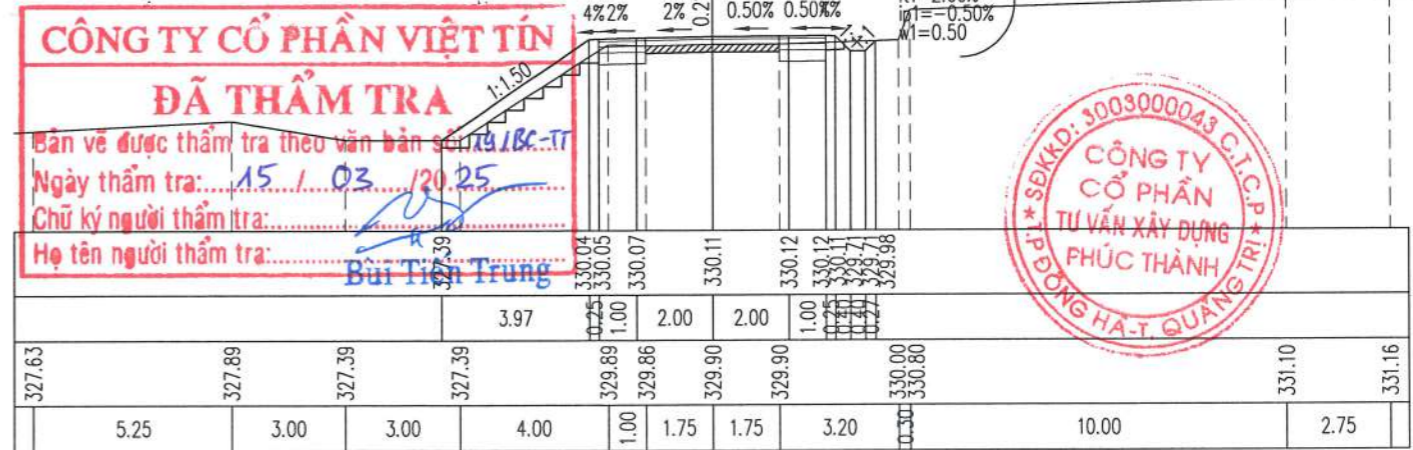
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.11 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.78 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.17 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 2.39 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.18 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.17 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.62 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.19 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 5.06 m

CỌC/STAKE: TC20  
 KM1+228.23

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.00 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 7.22 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.49 m



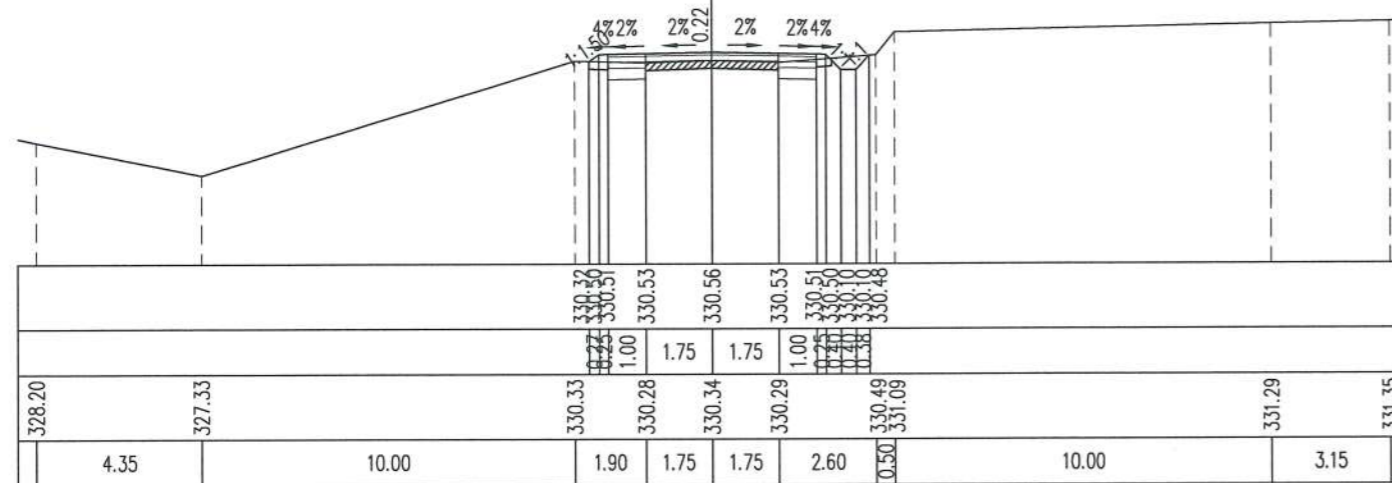
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số 186-IT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiến Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 SỐ QUẢN LÝ: 3003000043 C.T.C.P

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.30 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.92 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.25 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.18 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 73  
 KM1+243.86

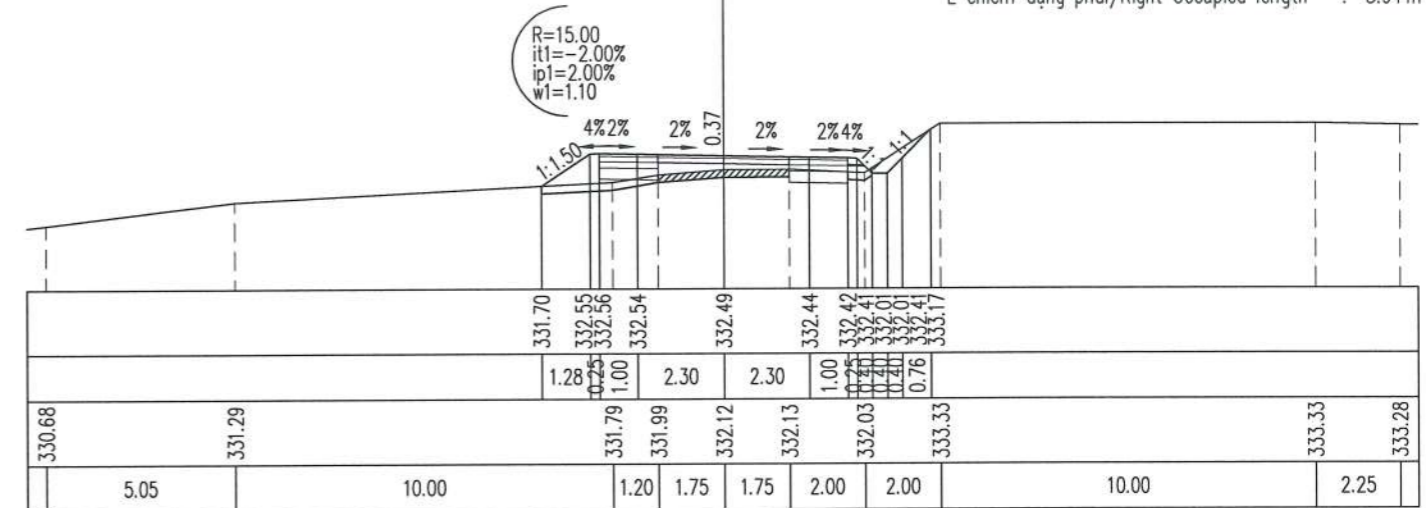
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.08 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.27 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.15 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.63 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.50 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.35 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.74 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD21  
 KM1+292.69

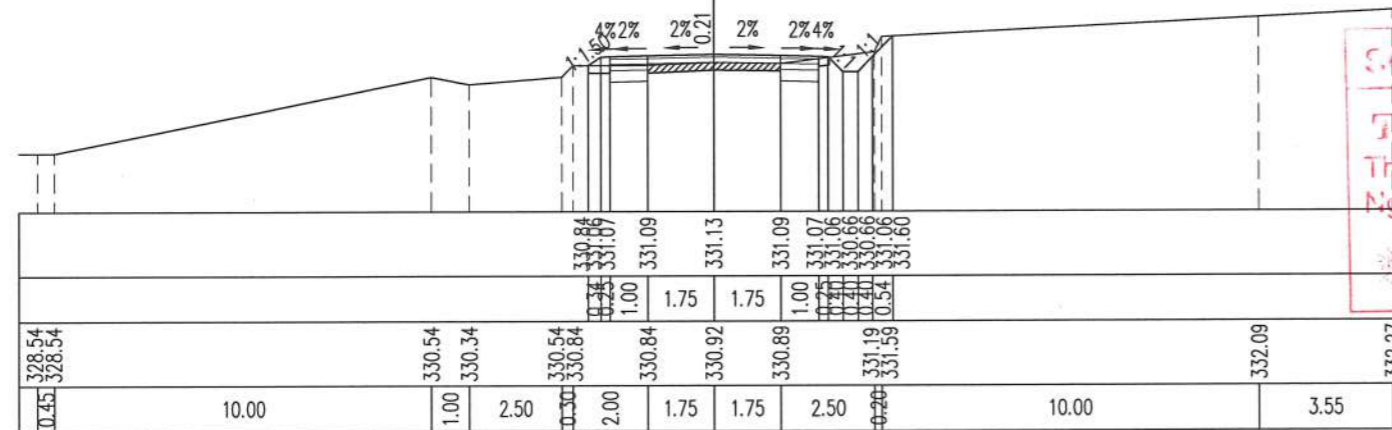
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.67 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.10 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.83 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.94 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.28 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.96 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.46 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.17 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 74  
 KM1+259.72

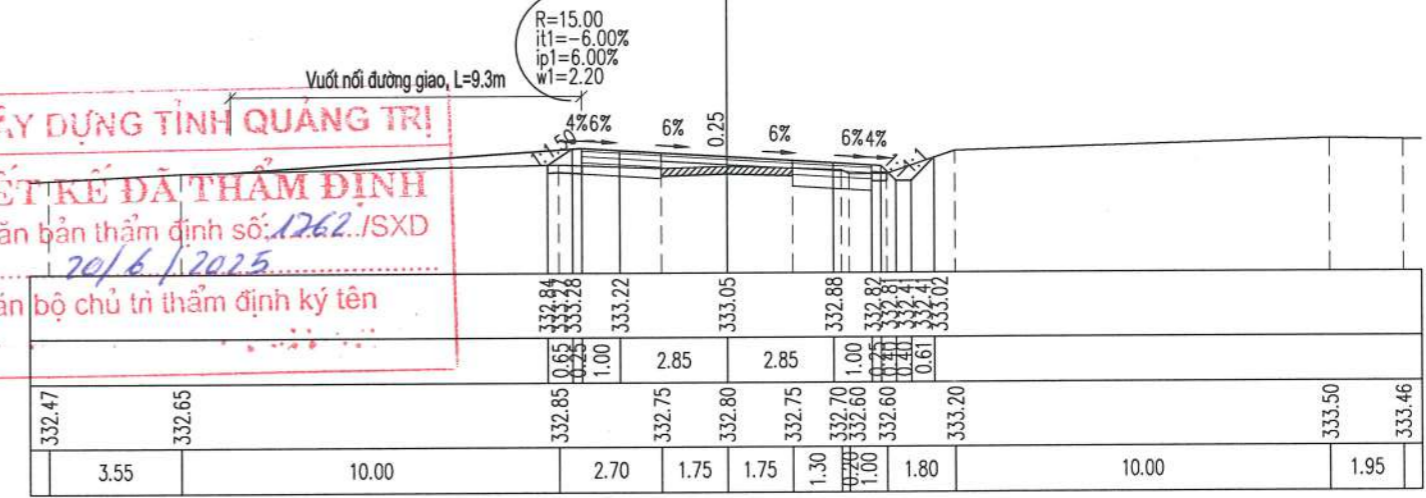
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.04 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.34 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.74 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.62 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.48 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.28 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.02 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.26 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P21  
 KM1+302.91

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.24 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 4.20 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.75 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.36 m

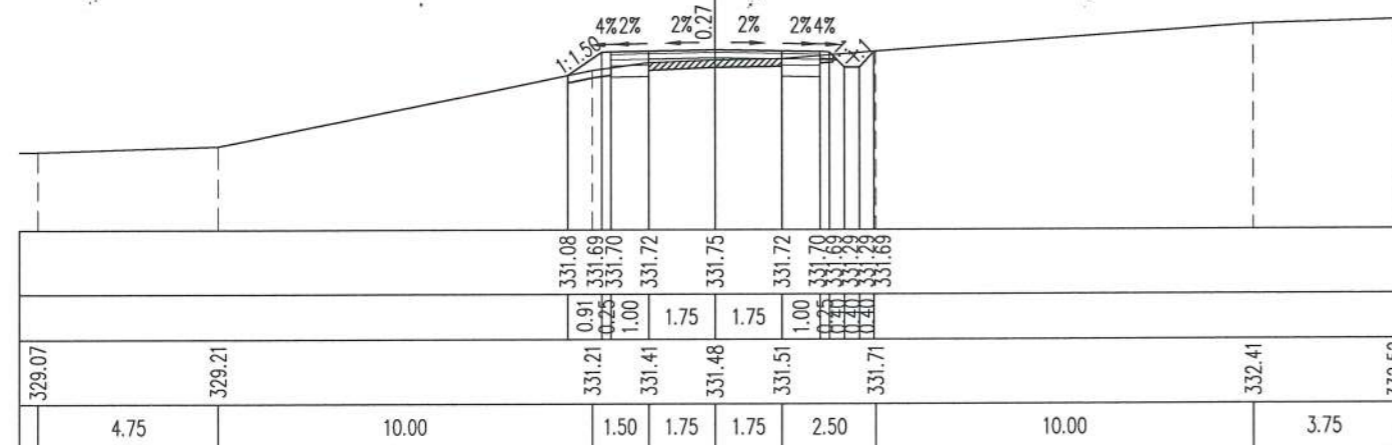


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1262./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.63 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.82 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.29 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.30 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 75  
 KM1+276.58

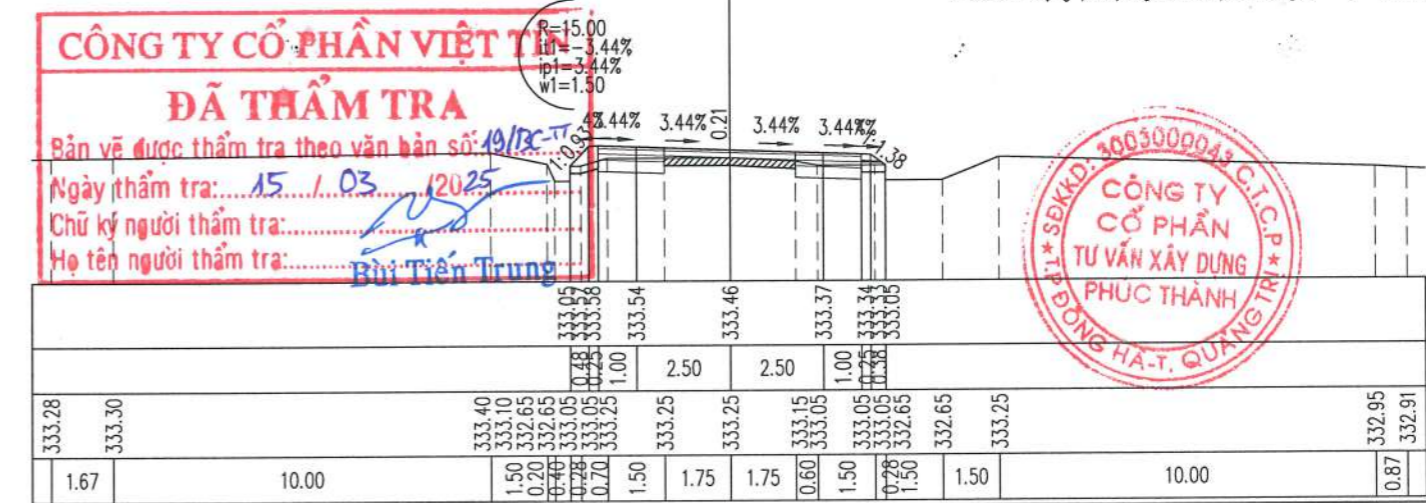
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.19 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.91 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.10 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.62 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.29 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.27 m<sup>2</sup>

CỐNG TRÒN  
 CỌC/STAKE: 77  
 KM1+309.53

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.08 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.23 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.13 m



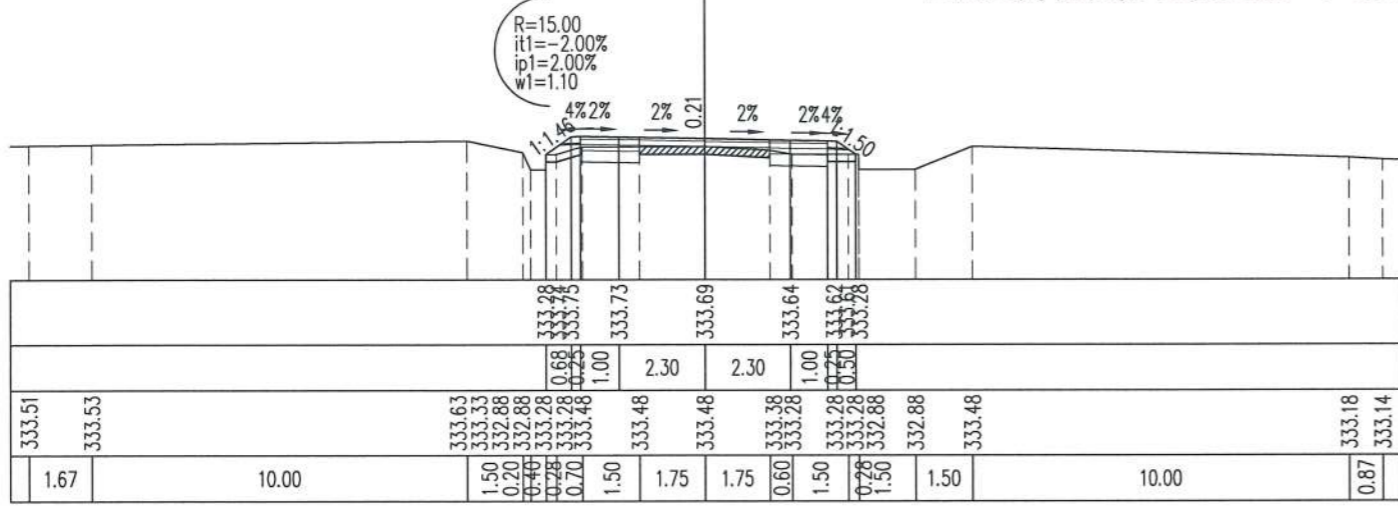
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/ĐC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/1/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐỒNG HÃ-T, QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.72 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.15 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.34 m<sup>2</sup>

CQC/STAKE: TC21  
 KM1+313.13

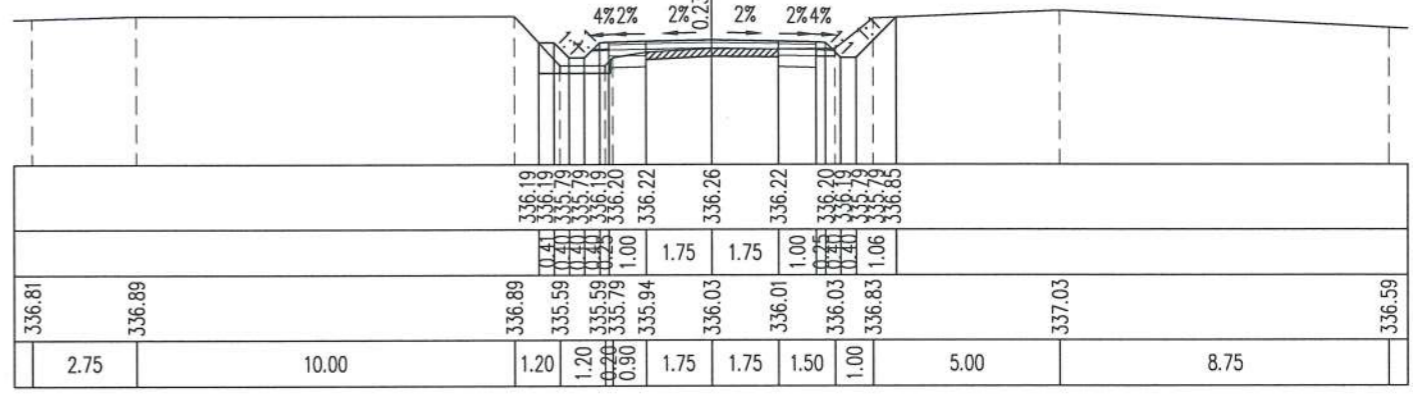
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.08 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.10 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.23 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.05 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.63 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.43 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.78 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.27 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.32 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.34 m<sup>2</sup>

CQC/STAKE: 80  
 KM1+347.72

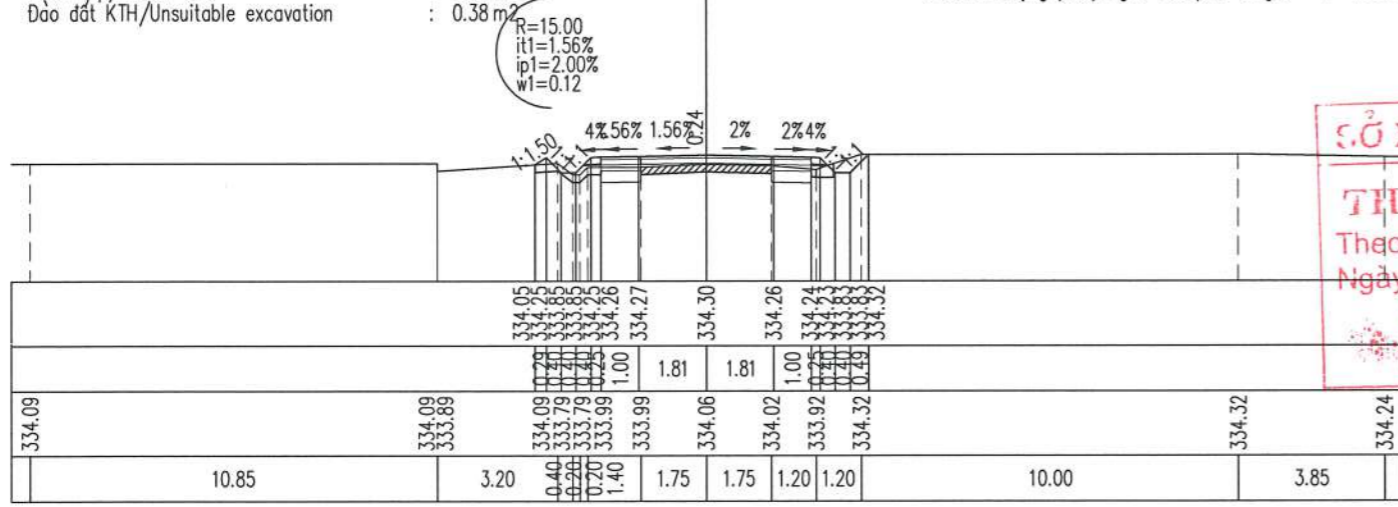
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.10 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.61 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.86 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.33 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.02 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.84 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.22 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.13 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.38 m<sup>2</sup>

CQC/STAKE: 78  
 KM1+322.02

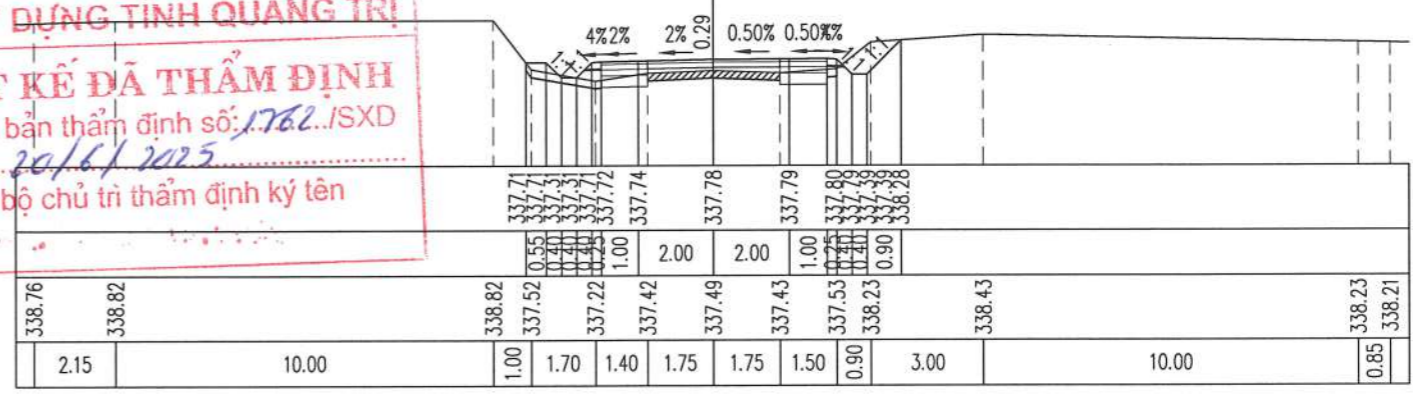
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.15 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.12 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.55 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.35 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.50 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.38 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.77 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.30 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.45 m<sup>2</sup>

CQC/STAKE: TD22  
 KM1+367.51

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.38 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 5.00 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.95 m

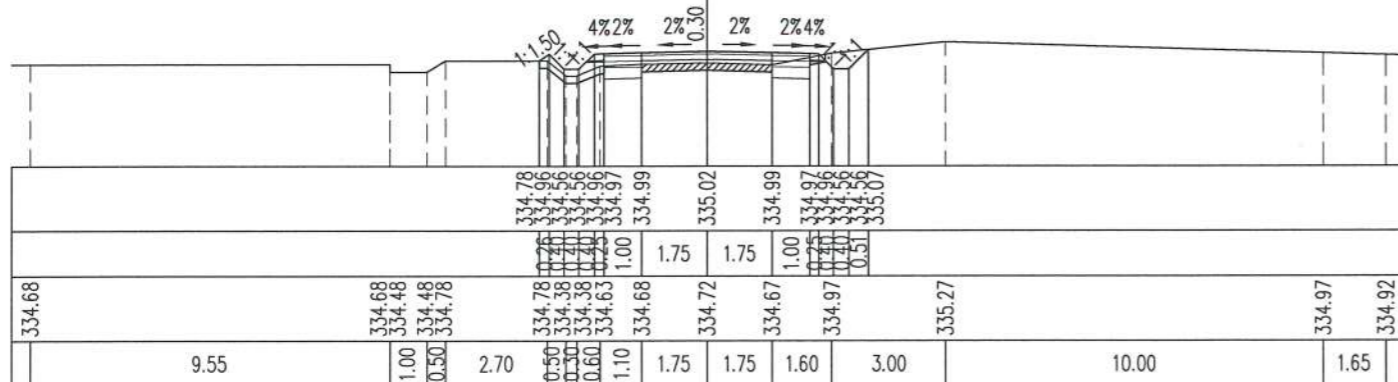


**CỔ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.28 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.06 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.81 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.30 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.43 m<sup>2</sup>

CQC/STAKE: 79  
 KM1+331.62

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.33 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.46 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.31 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.16 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 2.52 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.46 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.51 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.13 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.06 m<sup>2</sup>

CQC/STAKE: 82  
 KM1+375.68

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.13 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 6.15 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 5.05 m

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC...  
 Ngày thẩm tra: 15/1/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung



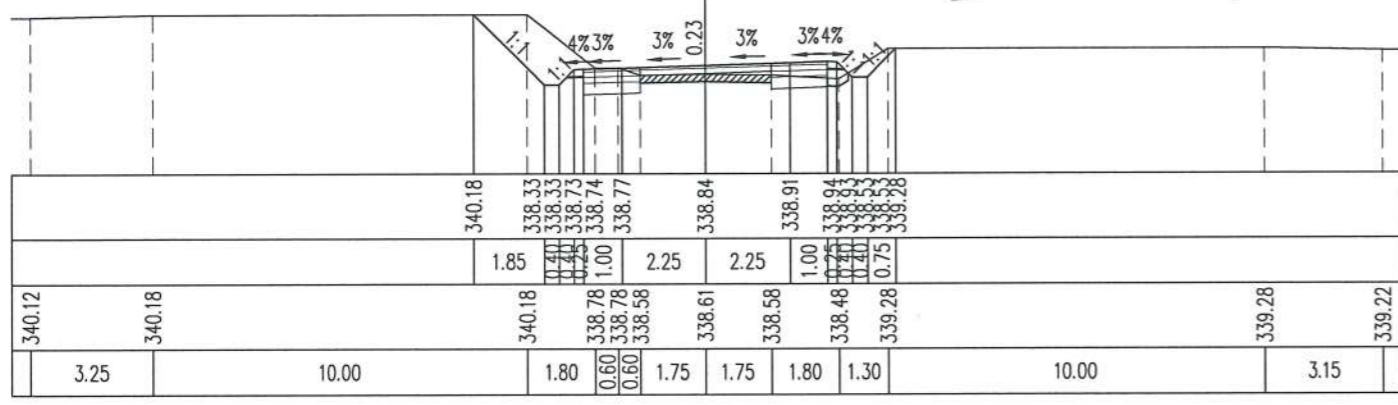
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐƯỜNG HÀ-T, QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.16 m2  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 2.54 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.46 m2  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.53 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.11 m2

CỌC/STAKE: P22  
 KM1+381.22

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.12 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 6.15 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 5.05 m

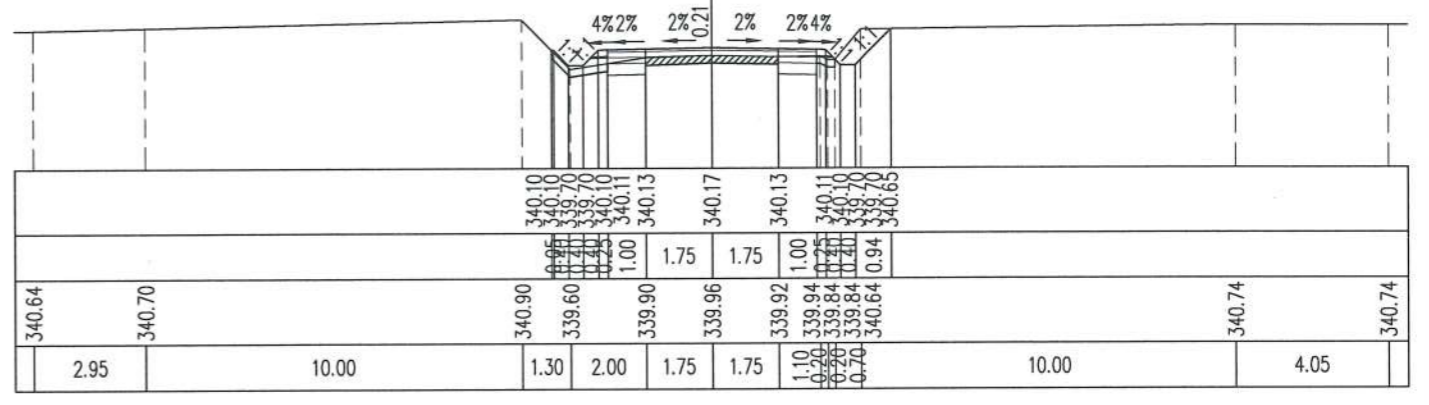
R=90.01  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=1.00



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.25 m2  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.41 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.85 m2  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.26 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.40 m2

CỌC/STAKE: 84  
 KM1+398.52

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.02 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.25 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.74 m

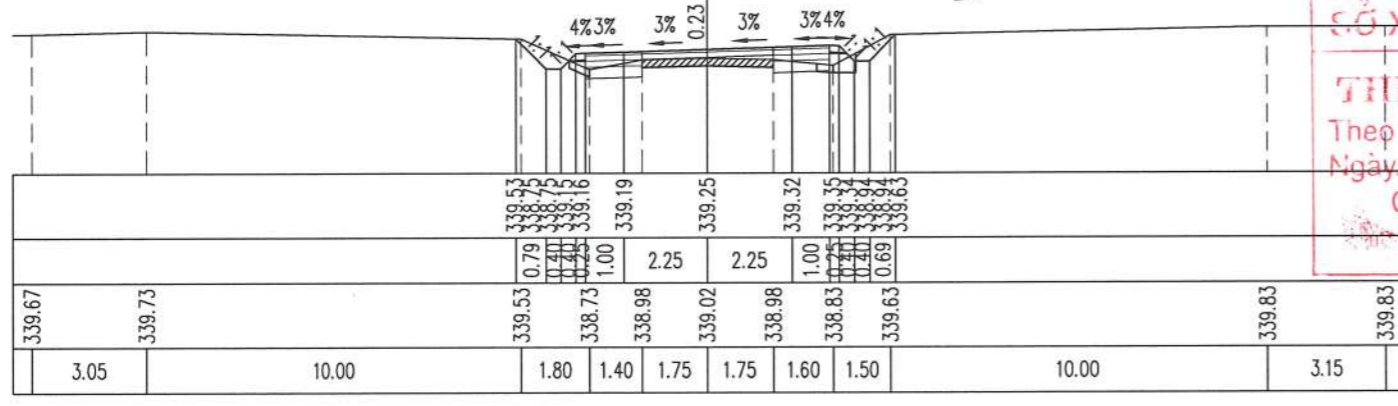


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.32 m2  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.22 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.81 m2  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.46 m2  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.21 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.19 m2

CỌC/STAKE: 83  
 KM1+386.61

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.15 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 5.09 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.99 m

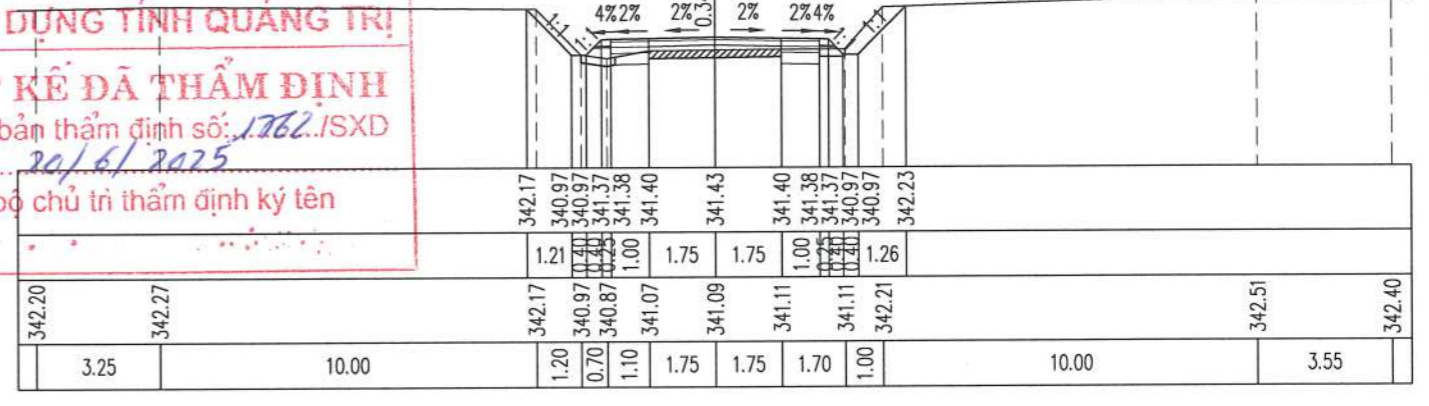
R=90.01  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=1.00



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.29 m2  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.68 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.63 m2  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.29 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.32 m2

CỌC/STAKE: 85  
 KM1+416.46

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.40 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 5.01 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 5.06 m



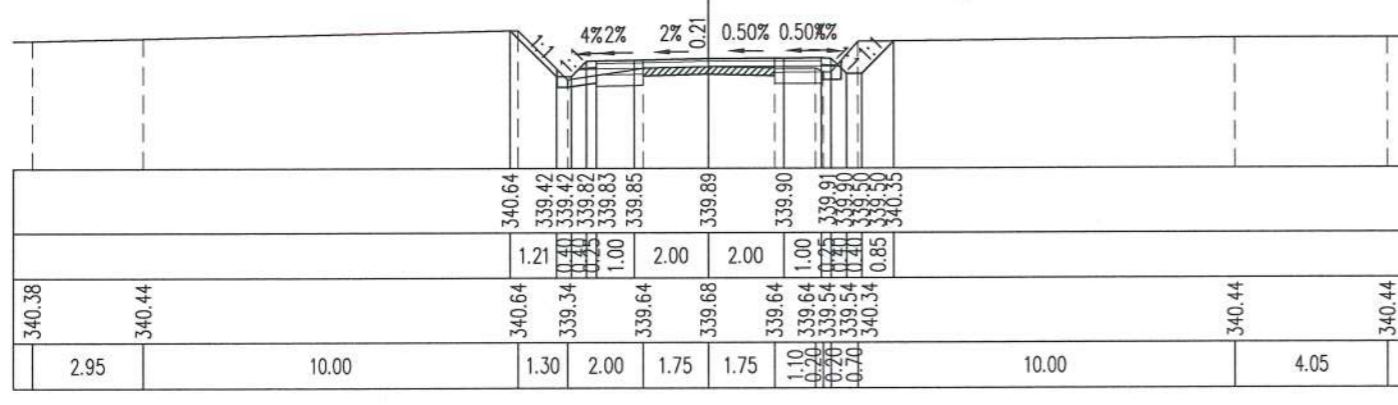
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762./ISXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.29 m2  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.58 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.96 m2  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.35 m2  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.20 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.19 m2

CỌC/STAKE: TC22  
 KM1+394.93

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.06 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 5.26 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.90 m

R=90.01  
 it1=2.00%  
 ip1=-0.50%  
 w1=0.50



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.24 m2  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.89 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.89 m2  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.42 m2  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.02 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.22 m2

CỌC/STAKE: 86  
 KM1+434.98

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.01 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 5.22 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 5.21 m

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC/ST  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bui Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bui Tiên Trung

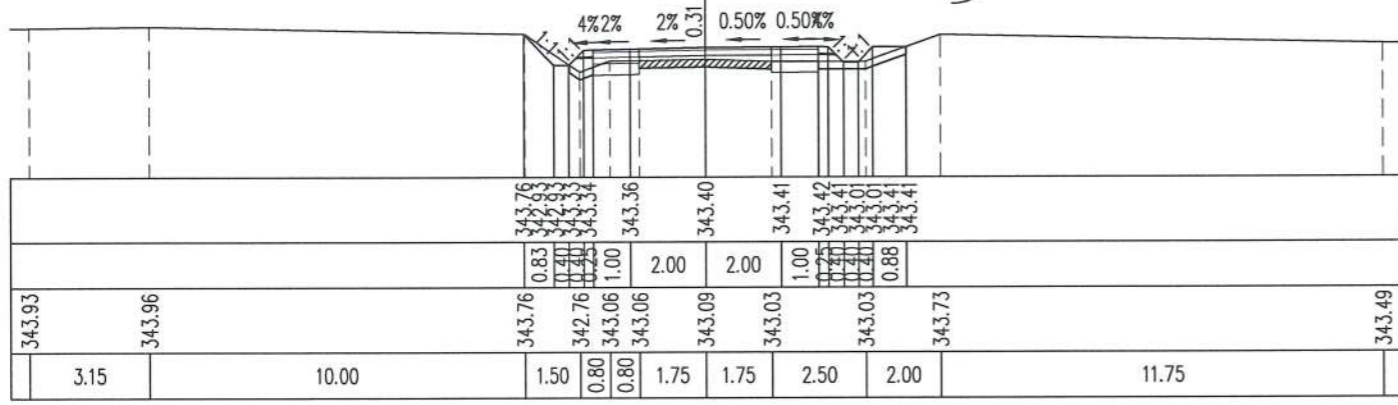
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐỒNG HẢI - T. QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.63 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.06 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.78 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.14 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.59 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD23  
 KM1+453.72

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.42 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.88 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 5.33 m

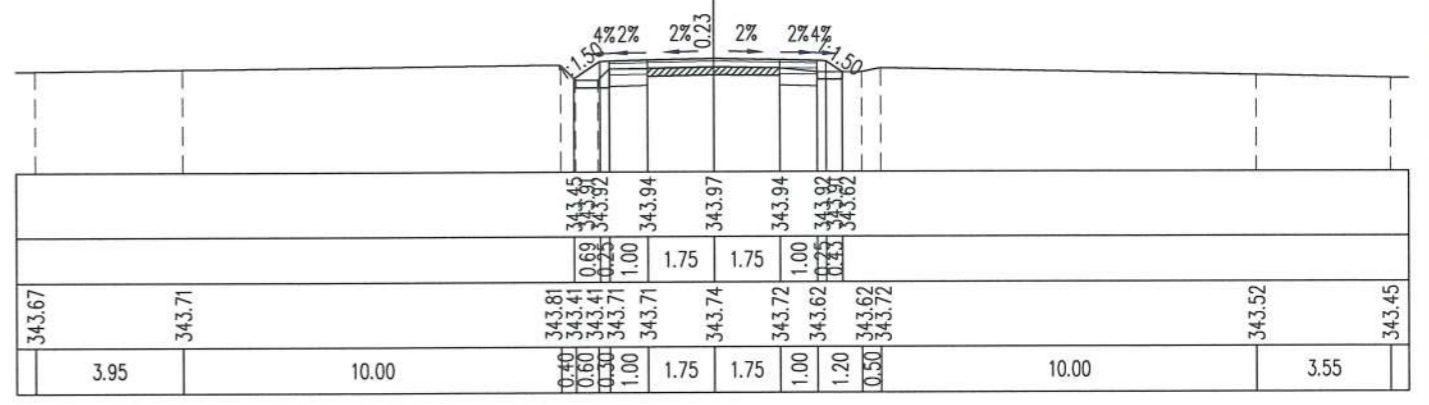
R=99.98  
 it1=2.00%  
 ip1=-0.50%  
 w1=0.50



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.77 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.87 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.11 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.26 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 89  
 KM1+496.14

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.06 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.69 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.43 m

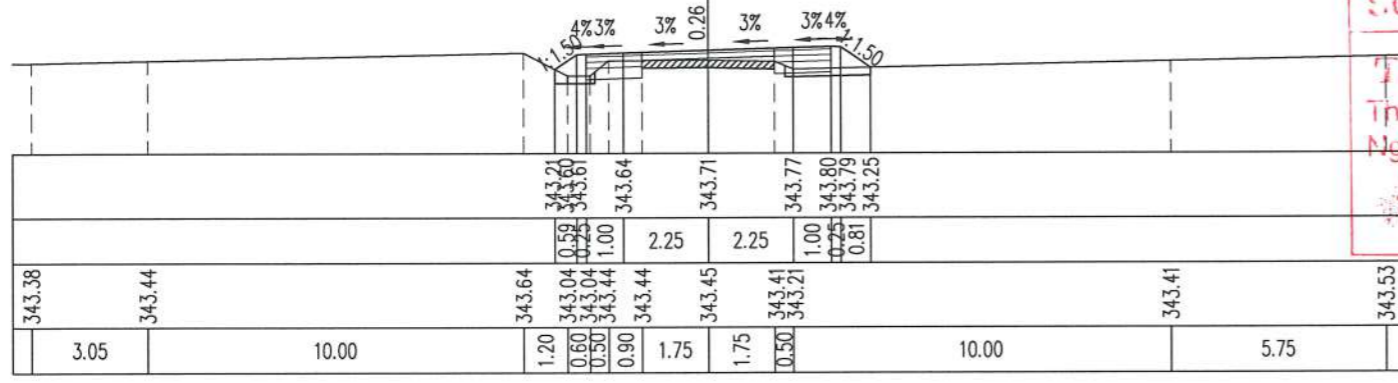


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.24 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.62 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.18 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.53 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P23  
 KM1+466.04

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.20 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.09 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.31 m

R=99.98  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=1.00

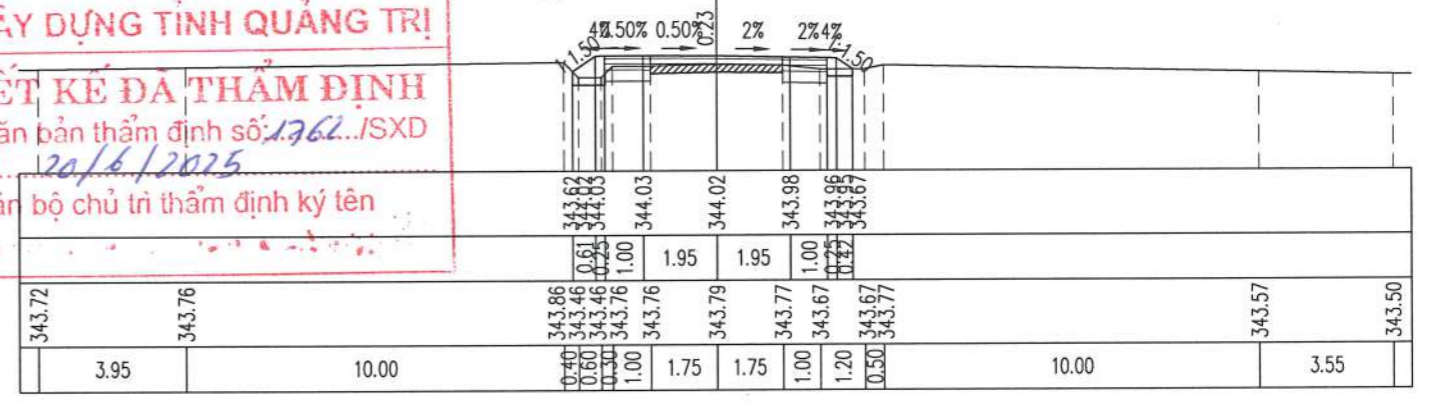


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.80 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.95 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.07 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD24  
 KM1+502.25

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.09 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.81 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.62 m

R=119.97  
 it1=-0.50%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.40



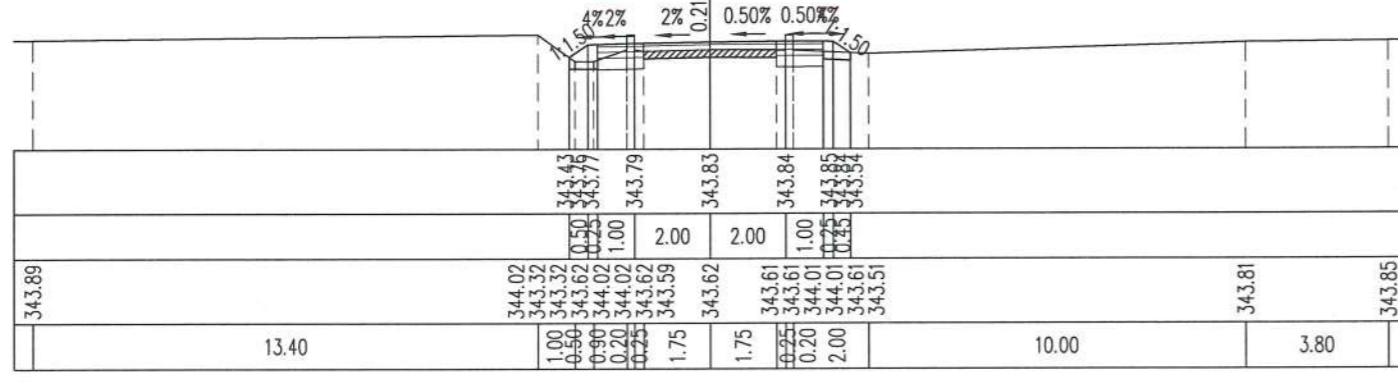
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÀ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762./ISXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.67 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.08 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.13 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.06 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.24 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC23  
 KM1+478.35

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.02 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.75 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.70 m

R=99.98  
 it1=2.00%  
 ip1=-0.50%  
 w1=0.50

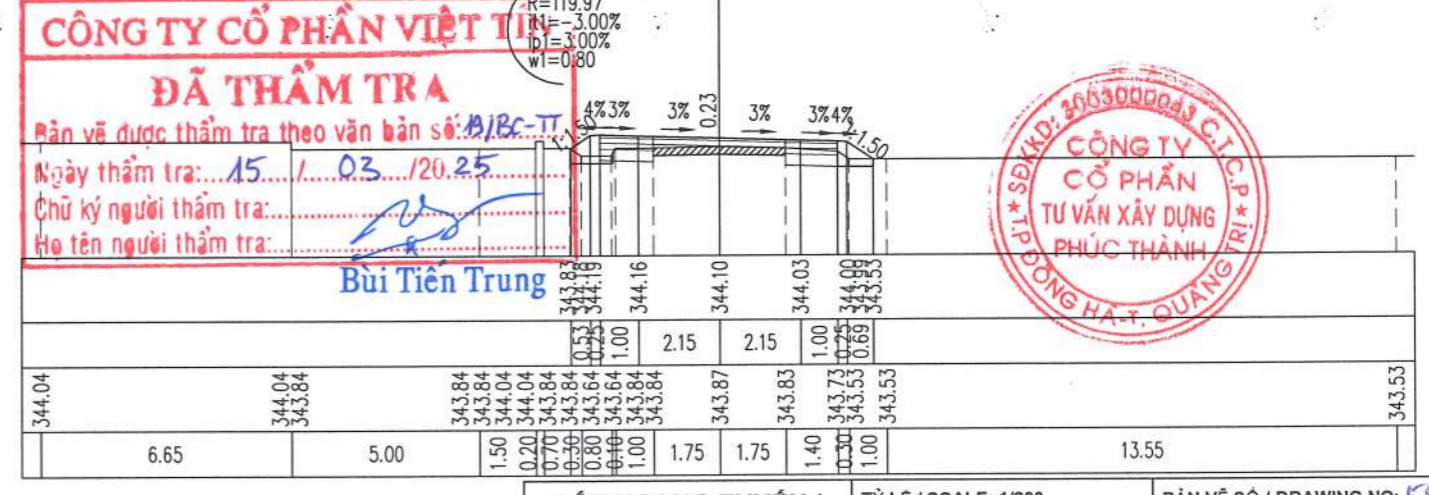


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.98 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.96 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.18 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.29 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 90  
 KM1+511.83

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.12 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.93 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.09 m

R=119.97  
 it1=3.00%  
 ip1=3.00%  
 w1=0.80



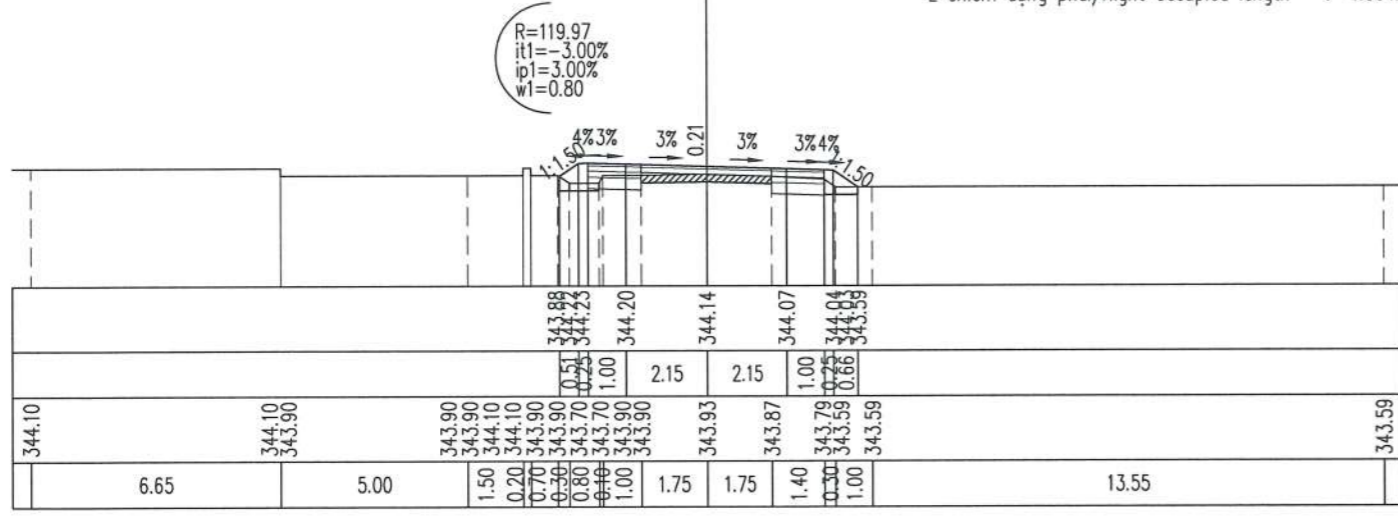
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: B/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/1/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.91m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.01m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.17m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.28m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P24  
 KM1+516.26

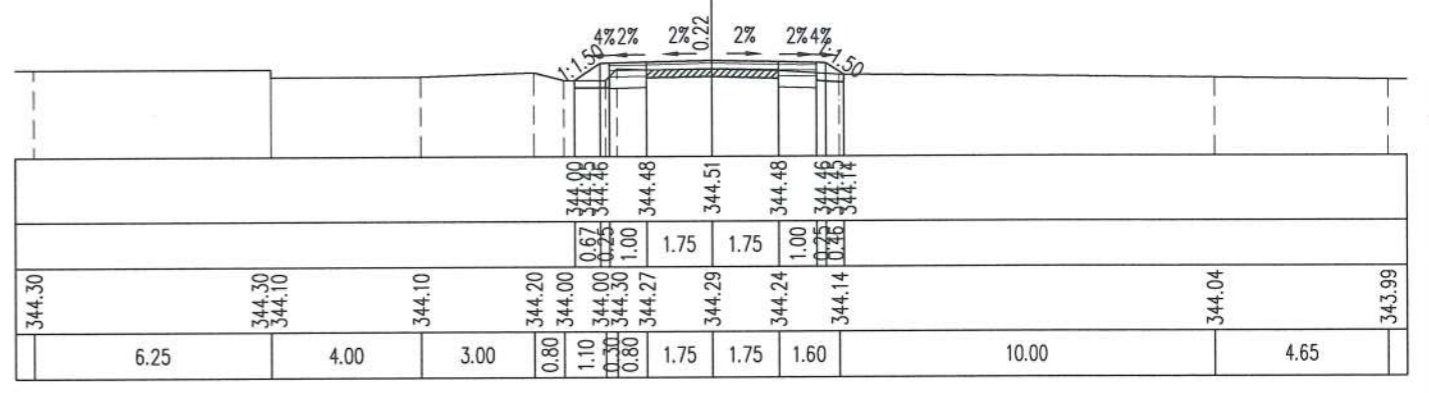
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.06m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.91m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.06m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.73m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.88m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.03m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.31m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 92  
 KM1+541.67

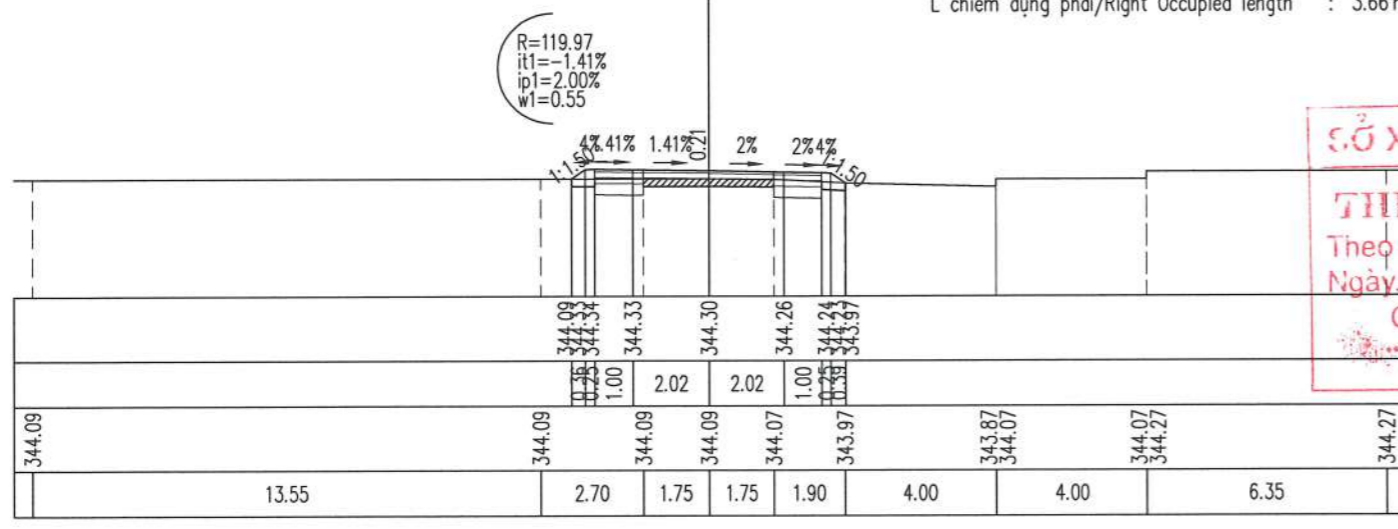
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.05m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.67m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.46m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.45m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.12m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 91  
 KM1+528.98

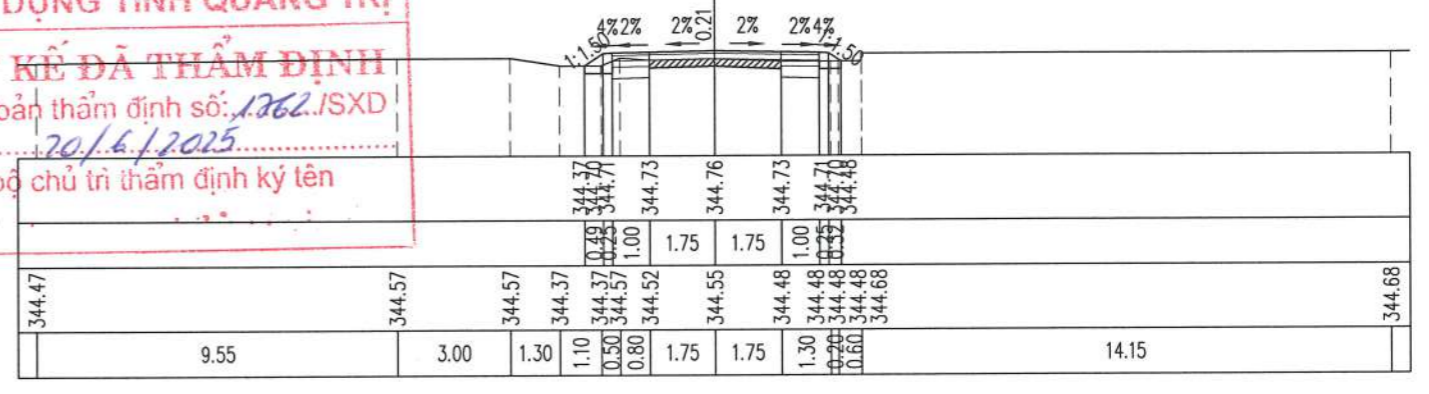
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.02m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.55m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.64m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.66m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.51m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.93m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.08m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.20m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 93  
 KM1+556.41

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.03m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.49m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.32m

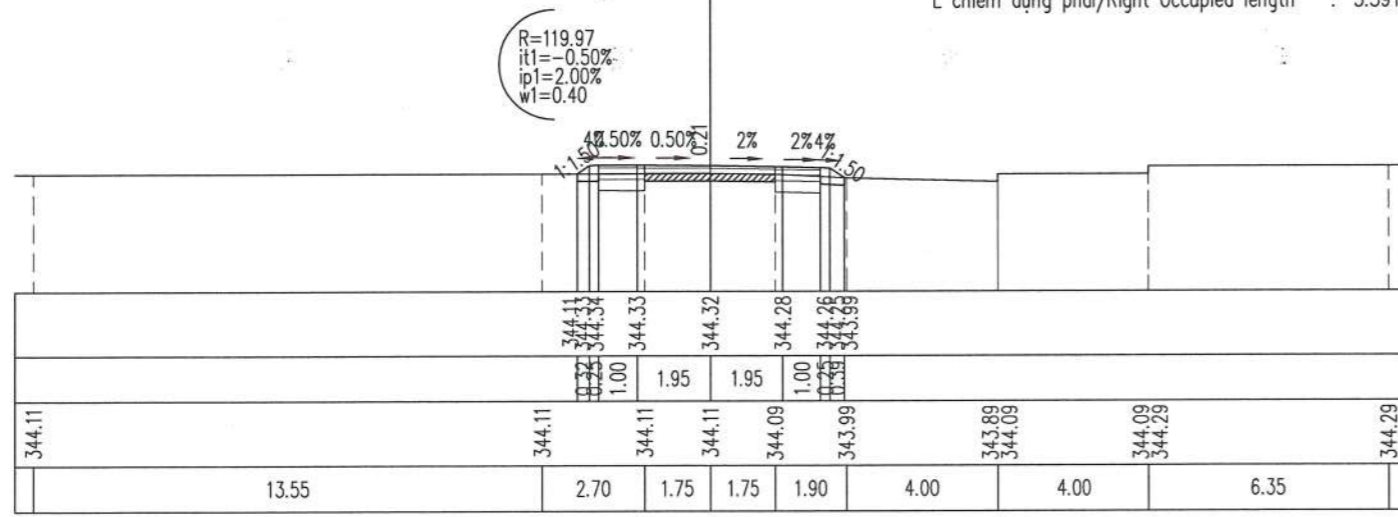


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1262./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.43m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.08m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.24m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC24  
 KM1+530.26

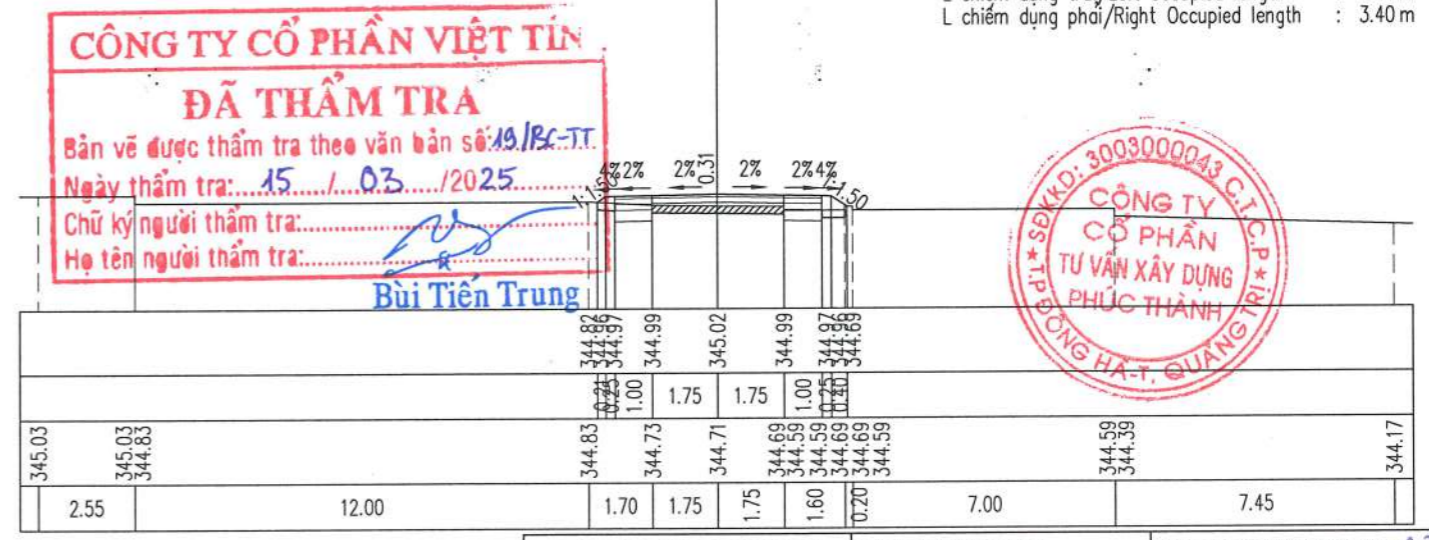
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.01m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.52m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.59m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.45m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.73m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.21m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 94  
 KM1+577.24

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.30m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.21m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.40m



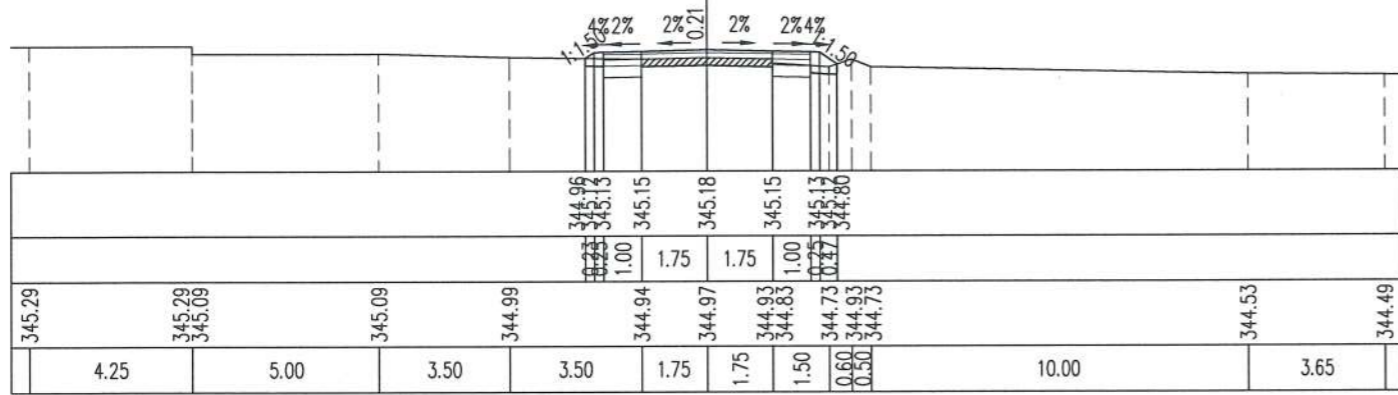
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19./BC-TT.  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐƯỜNG HÀ-T, QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.49 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.81 m2  
 Định cấp/Bench-cut : 0.05 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.20 m2

CỌC/STAKE: 95  
 KM1+589.66

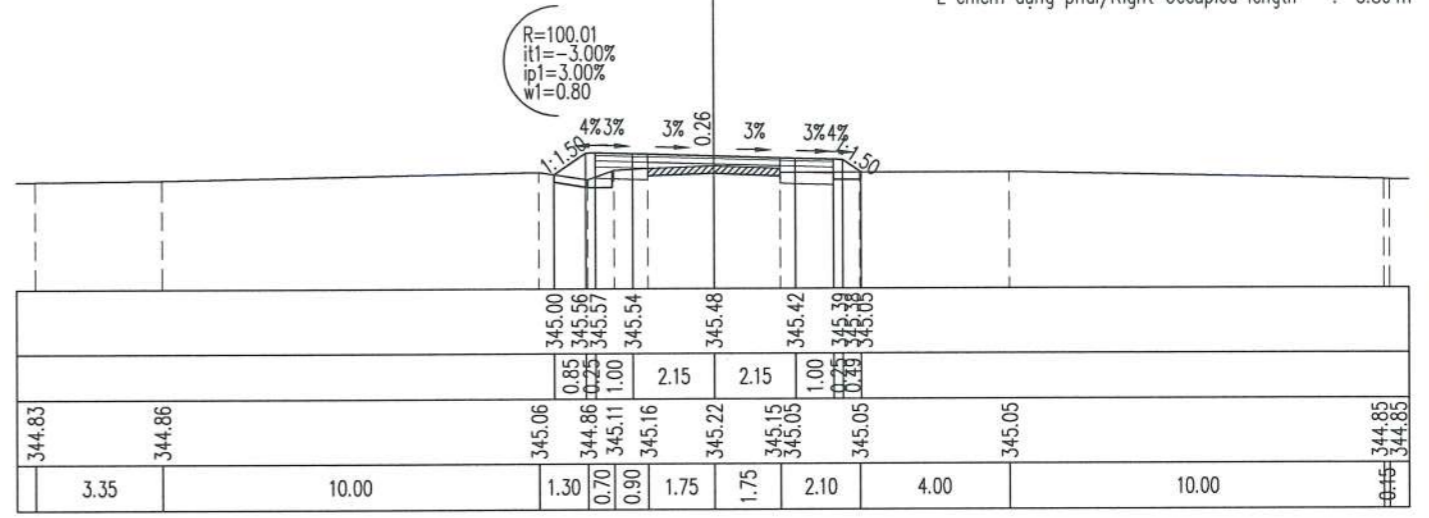
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.00 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.23 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.47 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.11 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.68 m2  
 Định cấp/Bench-cut : 0.20 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.33 m2

CỌC/STAKE: P25  
 KM1+613.55

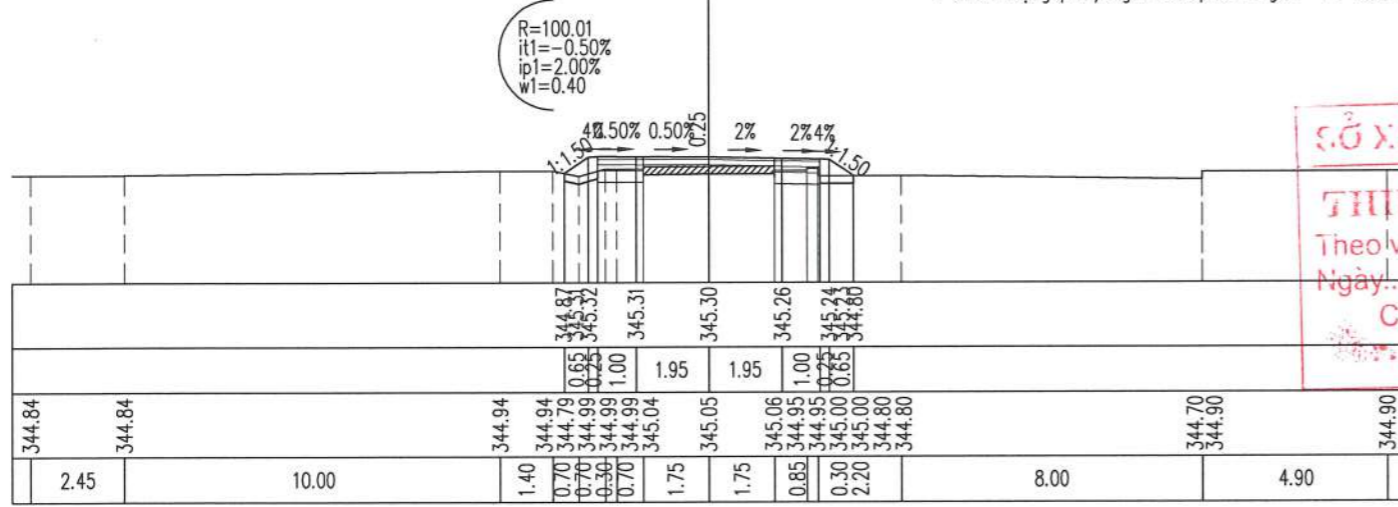
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.29 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.25 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.89 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.88 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.86 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.36 m2

CỌC/STAKE: TD25  
 KM1+599.26

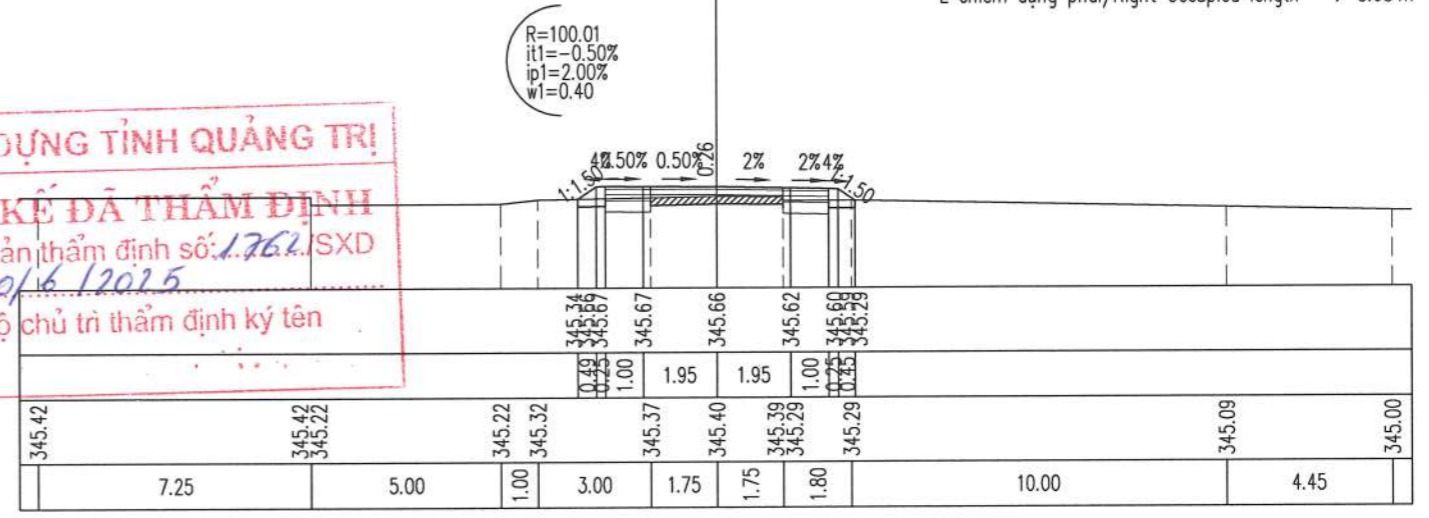
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.12 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.85 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.85 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.59 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.85 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.29 m2

CỌC/STAKE: TC25  
 KM1+627.85

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.18 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.69 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.65 m

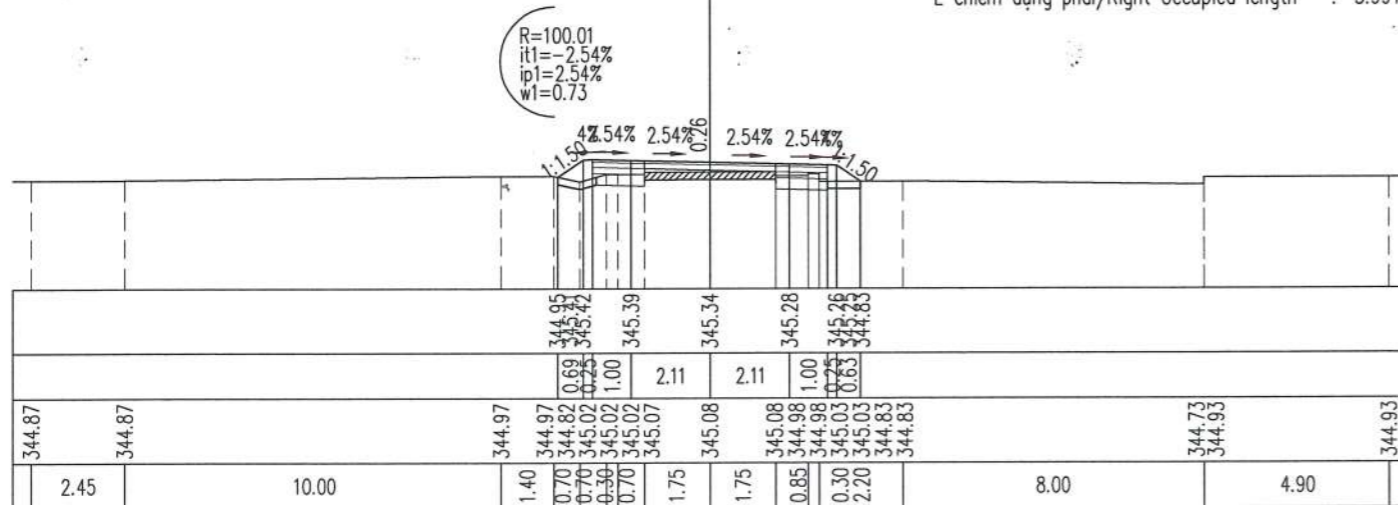


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1761/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.94 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.86 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.38 m2

CỐNG TRÒN  
 CỌC/STAKE: 96  
 KM1+602.12

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.17 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.73 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.05 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.99 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.85 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.84 m2  
 Định cấp/Bench-cut : 0.14 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.28 m2

CỌC/STAKE: 98  
 KM1+644.50

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.04 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.78 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.53 m

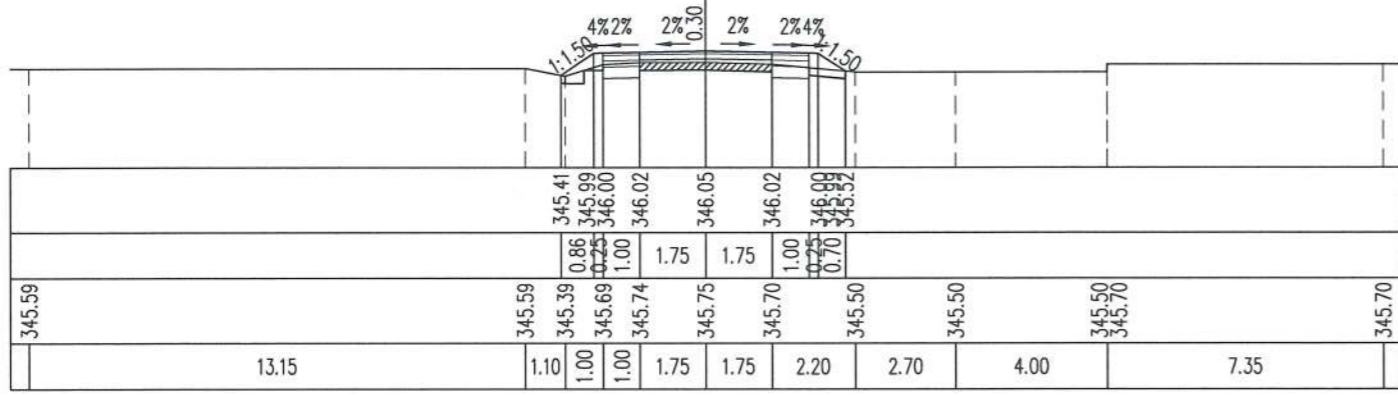
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 1918C-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiến Trường  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trường

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 SỐ QUẢN LÝ: 3003000043  
 Đ. NGUYỄN VĂN HỮU, QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.89 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.70 m<sup>2</sup>  
 Định cấp/Bench-cut : 0.17 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.21 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 99  
 KM1+659.13

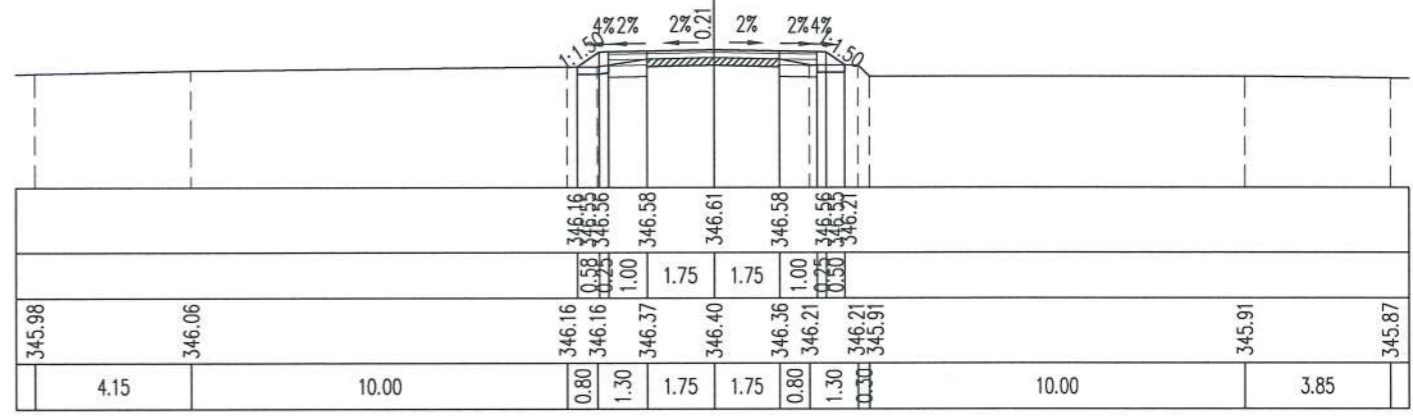
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.31 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.86 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.70 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.69 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.77 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.32 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 102  
 KM1+703.64

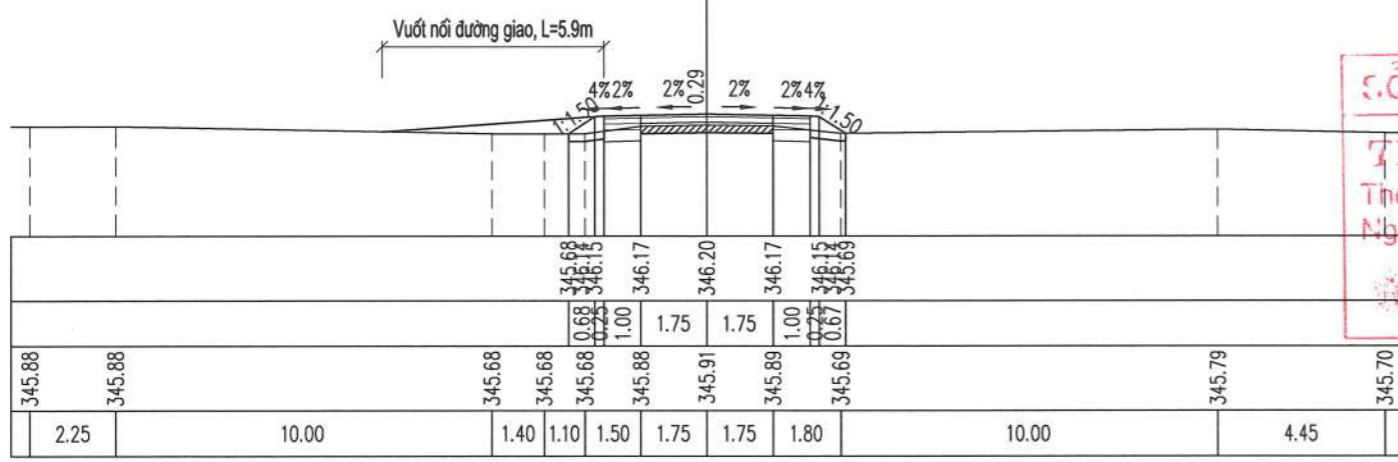
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.00 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.58 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.50 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.85 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.68 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.37 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 100  
 KM1+671.04

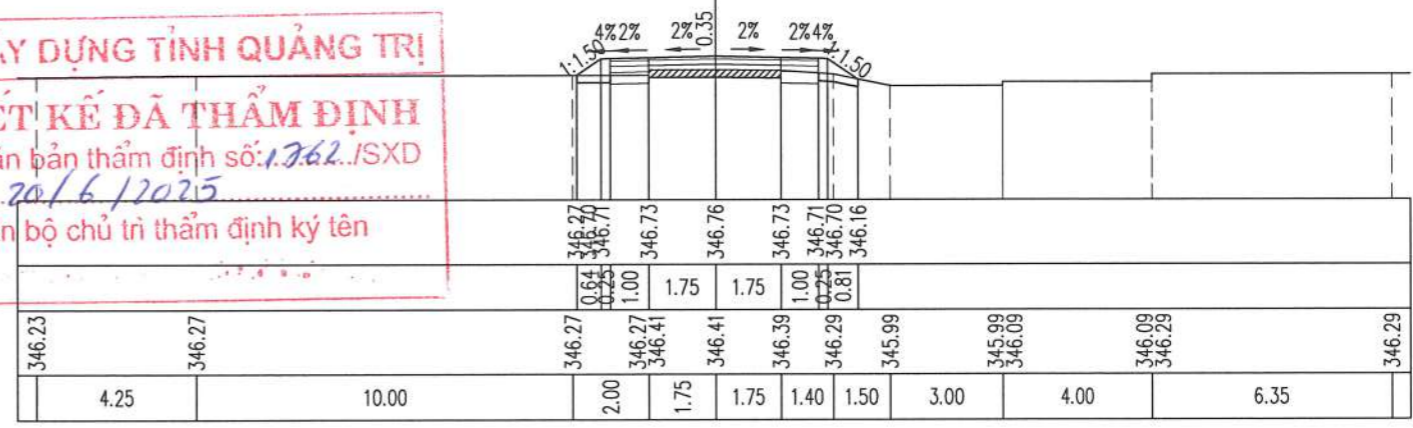
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.27 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.68 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.67 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.89 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.53 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.39 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 103  
 KM1+721.50

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.46 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.64 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.81 m

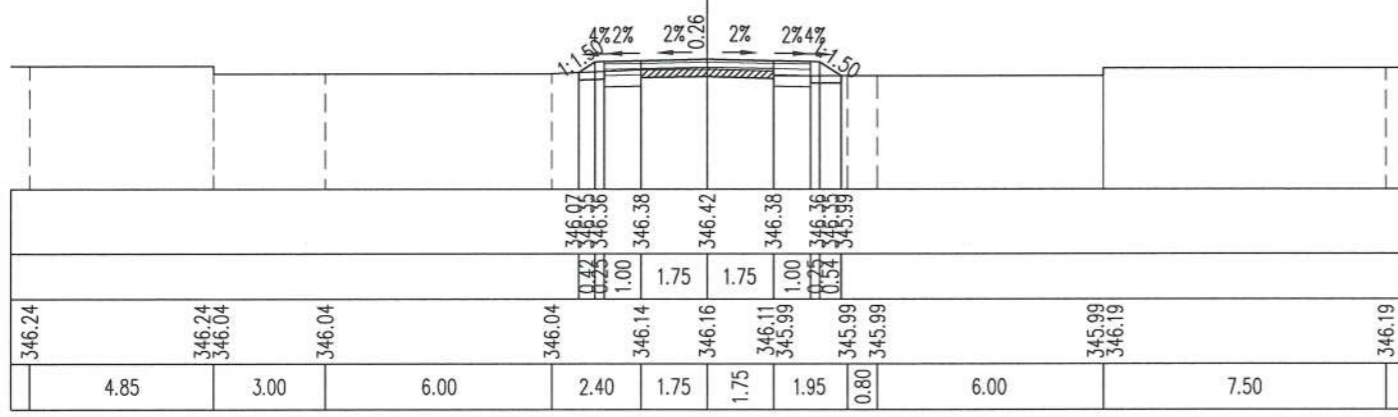


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1.362./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.60 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.71 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.29 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 101  
 KM1+688.19

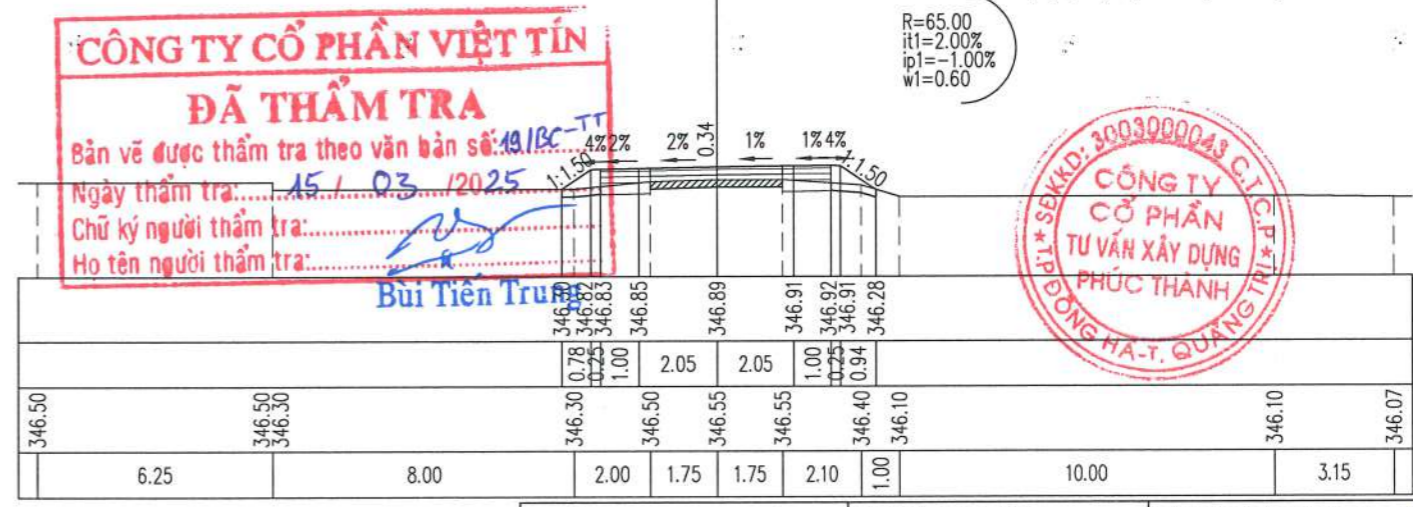
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.16 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.42 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.54 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.06 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.68 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.44 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 2.06 m

CỌC/STAKE: TD26  
 KM1+735.94

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.48 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.60 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.08 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.24 m



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐÔNG HẠ-T, QUẢNG TRỊ

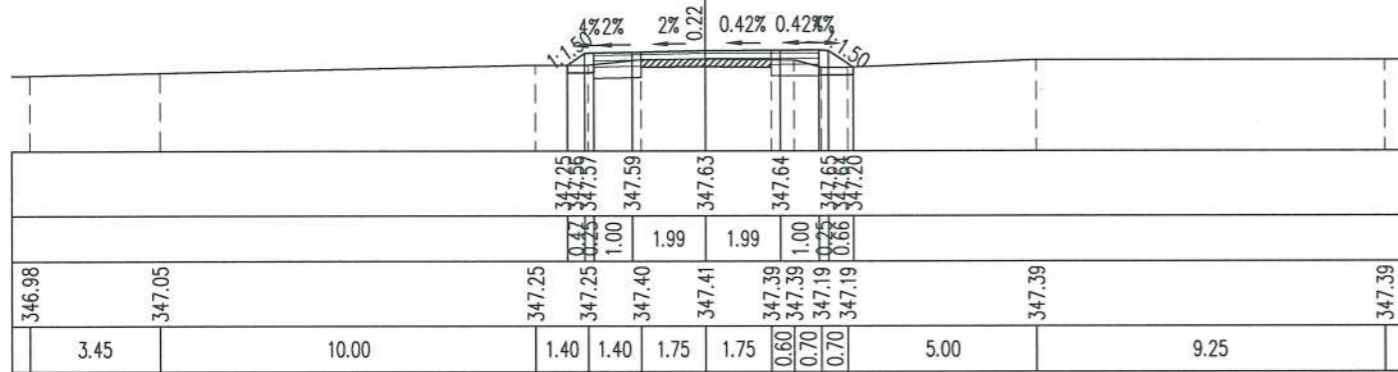


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.73 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.98 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.33 m<sup>2</sup>  
 L trống cỏ/Length of grass : 1.36 m

CỌC/STAKE: 109  
 KM1+791.99

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.05 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.48 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.71 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.90 m

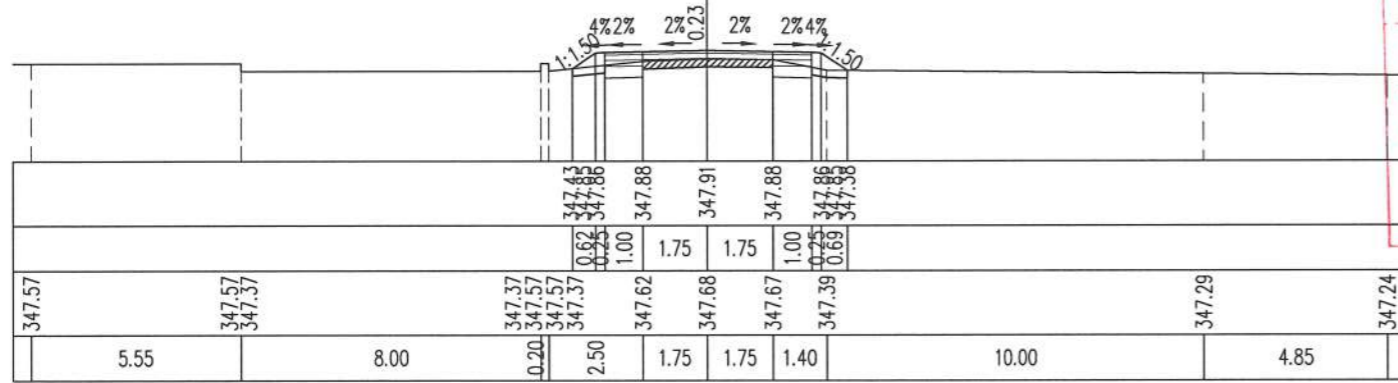
R=65.00  
 it1=2.00%  
 ip1=0.42%  
 w1=0.48



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.82 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.74 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.36 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 110  
 KM1+810.67

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.08 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.62 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.69 m

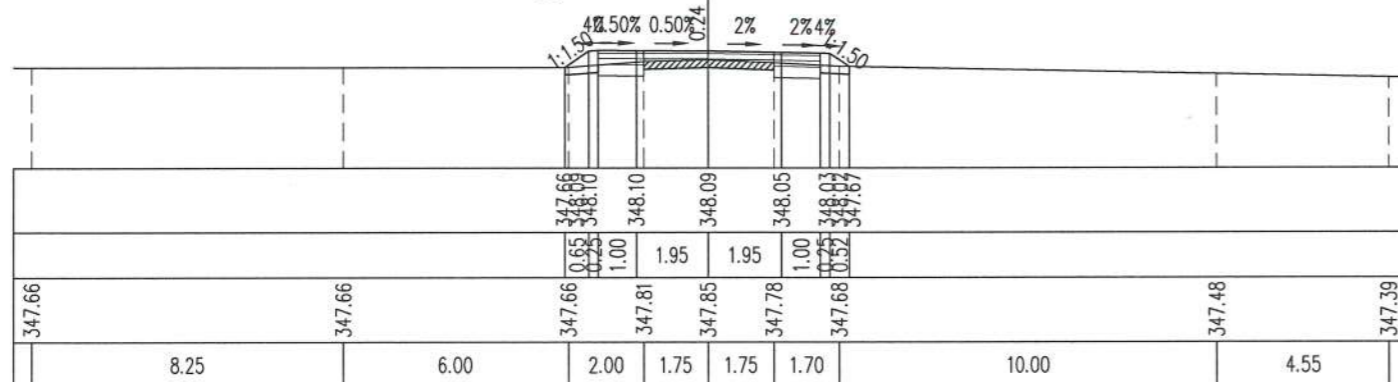


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.73 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.85 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.33 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD27  
 KM1+822.49

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.17 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.85 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.72 m

R=100.02  
 it1=-0.50%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.40

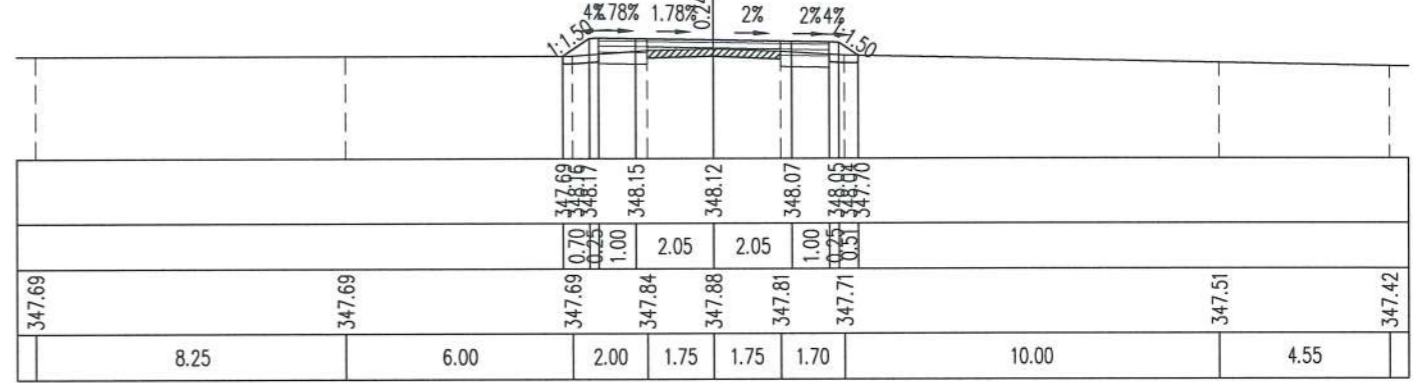


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.78 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.88 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.34 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 111  
 KM1+824.28

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.18 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.60 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.01 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.82 m

R=100.02  
 it1=-1.78%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.60

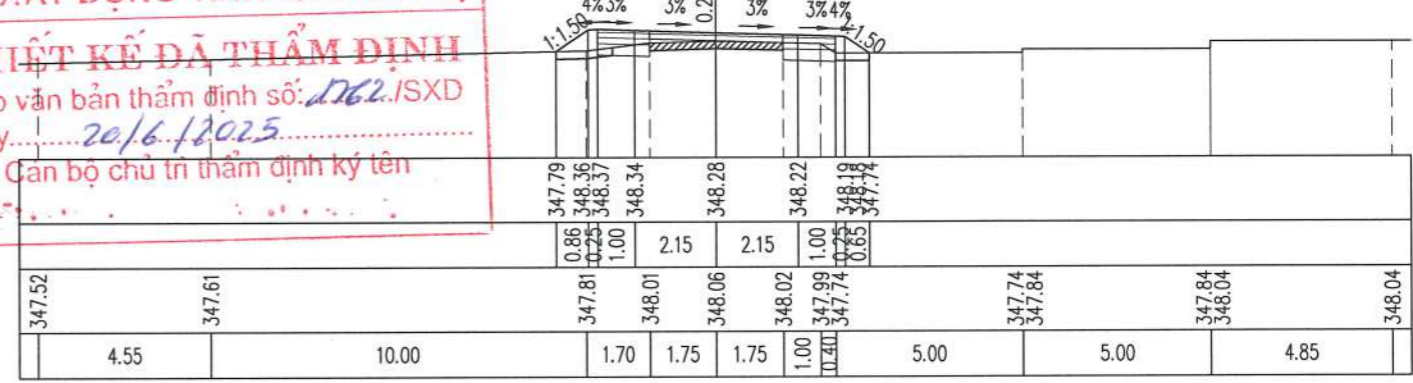


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.04 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.87 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.48 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P27  
 KM1+835.25

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.11 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.26 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.05 m

R=100.02  
 it1=-3.00%  
 ip1=3.00%  
 w1=0.80



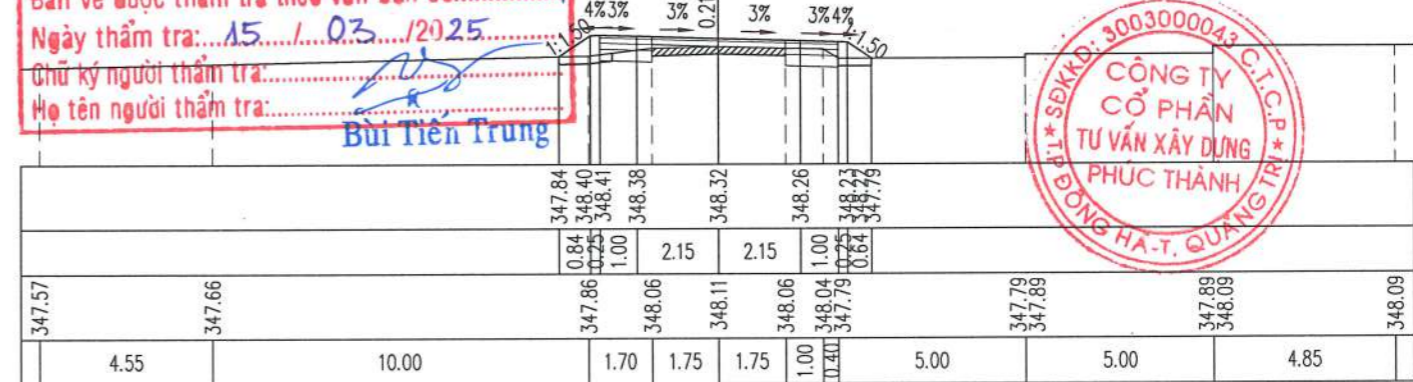
**CƠ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762./ISXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.01 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.91 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.46 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 112  
 KM1+837.96

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.09 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.24 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.04 m

R=100.02  
 it1=-3.00%  
 ip1=3.00%  
 w1=0.80



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/ĐC...  
 Ngày thẩm tra: 15/1/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

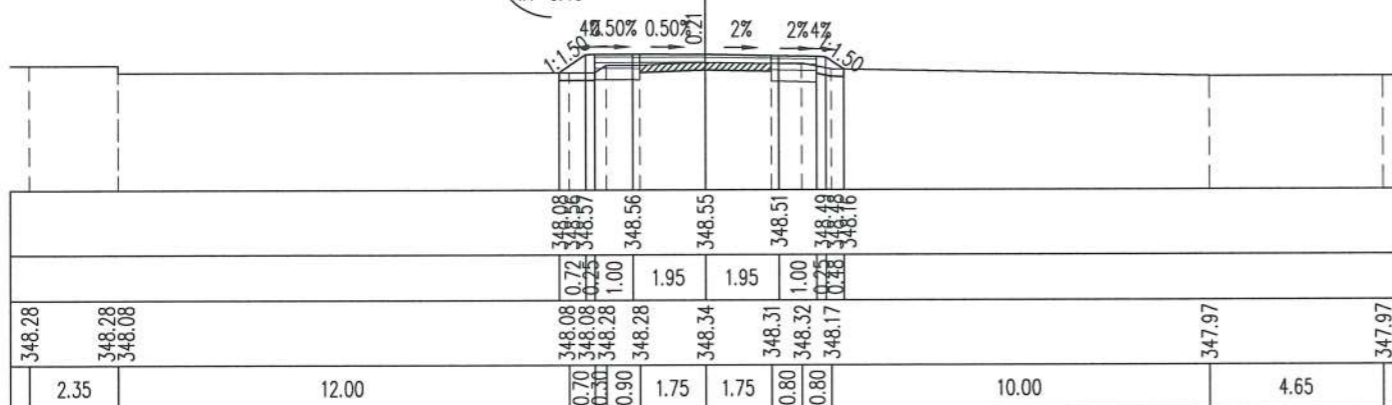
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 Đ. L. S. Đ. K. K. D. 3003000043 C.T.C.P

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.77 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.00 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.34 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC27  
 KM1+848.01

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.07 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.92 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.68 m

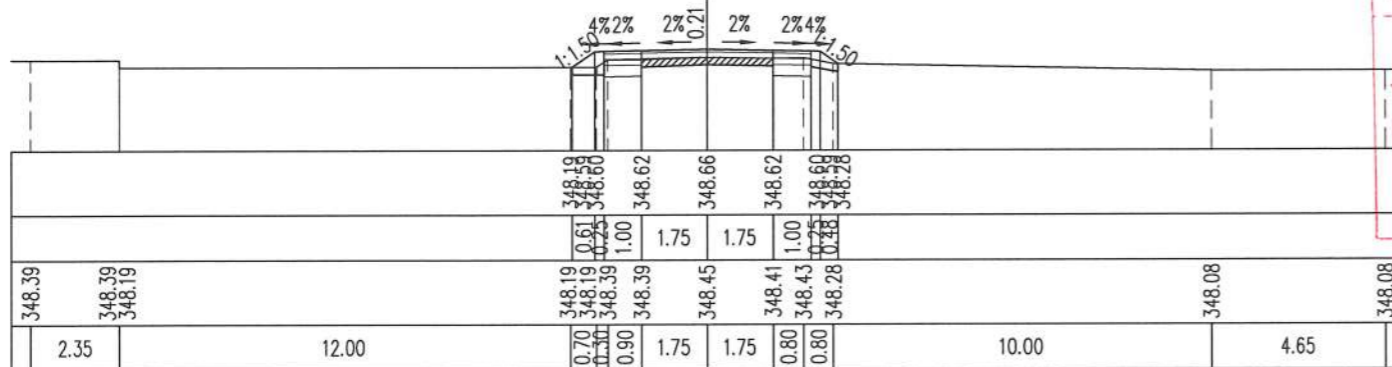
R=100.02  
 it1=-0.50%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.40



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.66 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.92 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.05 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.28 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 113  
 KM1+852.68

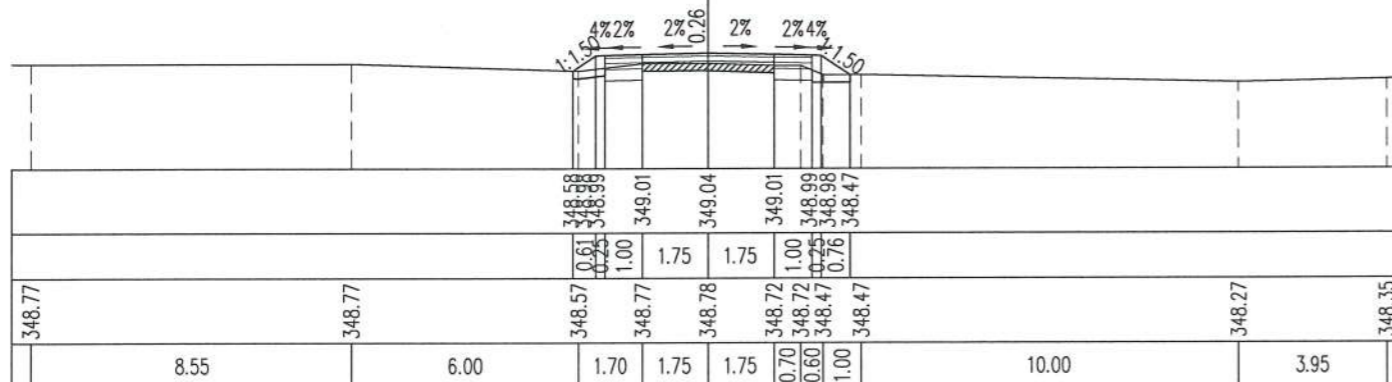
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.02 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.61 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.48 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.90 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.75 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.08 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.31 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 114  
 KM1+869.32

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.19 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.61 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.76 m

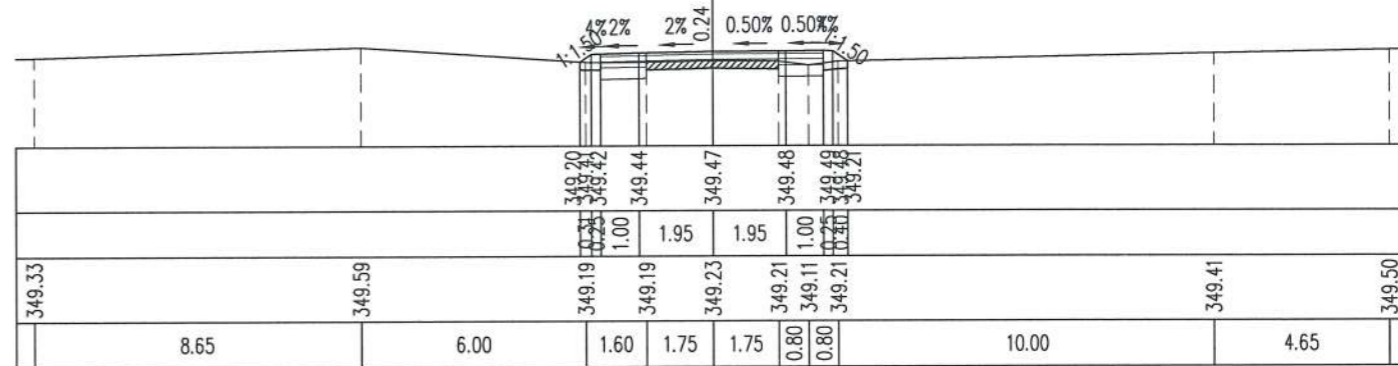


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.46 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.92 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.24 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD28  
 KM1+884.06

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.15 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.51 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.60 m

R=100.01  
 it1=2.00%  
 ip1=-0.50%  
 w1=0.40

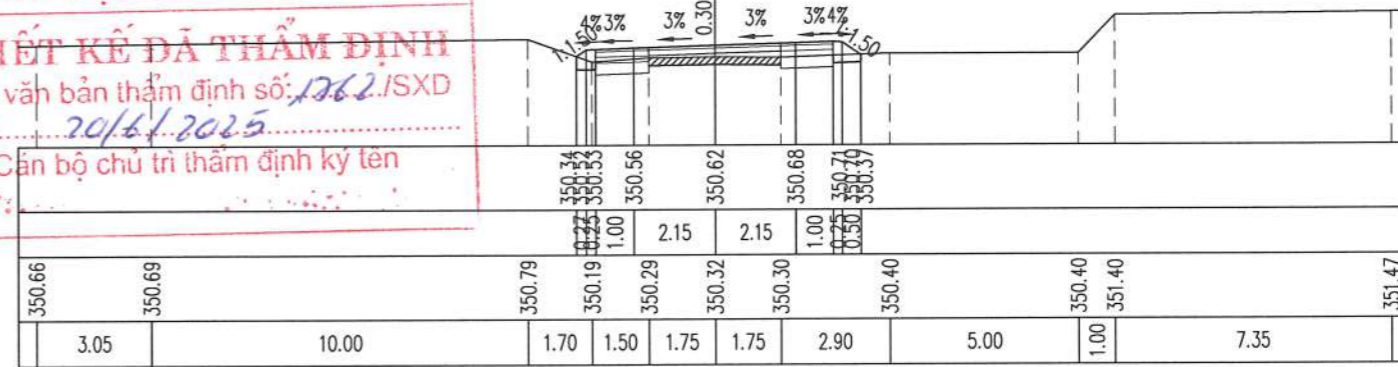


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.57 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.93 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.11 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.17 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P28  
 KM1+903.11

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.36 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.67 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.90 m

R=100.01  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=0.80



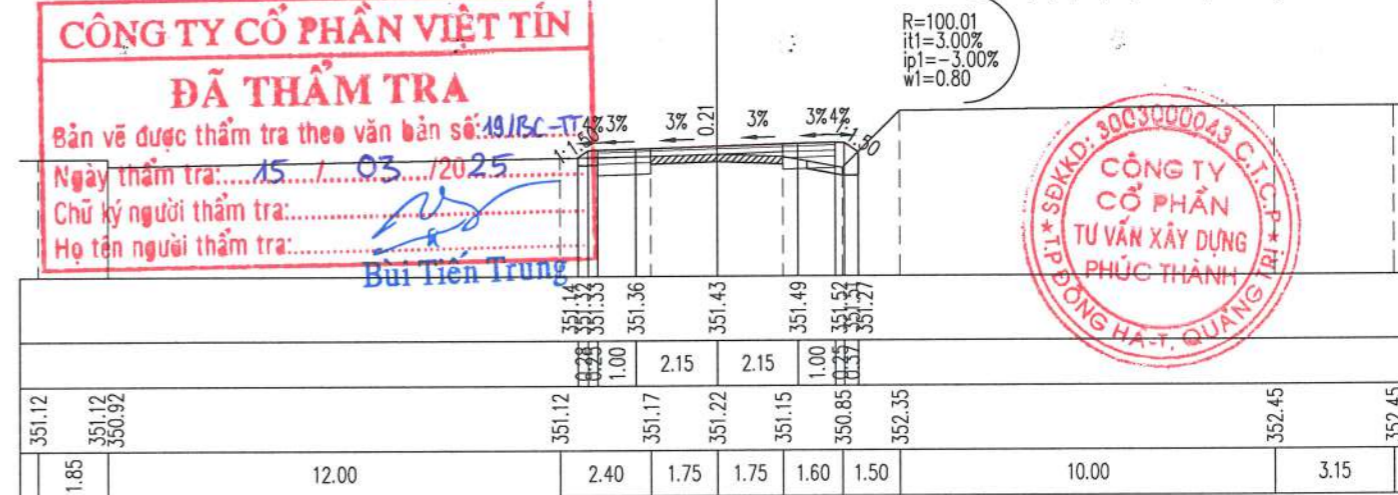
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1262/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.73 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.83 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.17 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.30 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 116  
 KM1+914.35

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.11 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.68 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.77 m

R=100.01  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=0.80



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 49/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

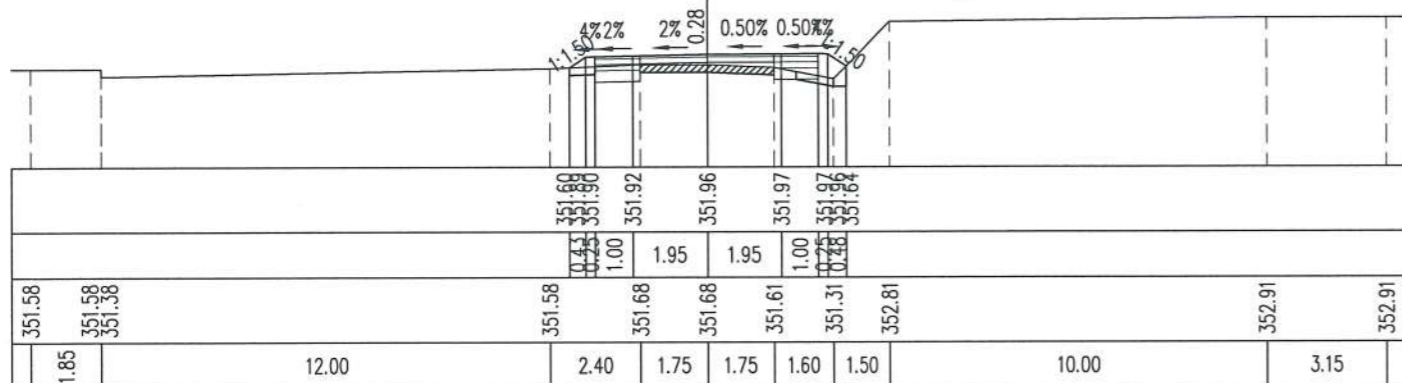
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐỒNG HẠ - T. QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.82 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.66 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.12 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.33 m<sup>2</sup>

CỘC/STAKE: TC28  
 KM1+922.16

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.27 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.63 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.68 m

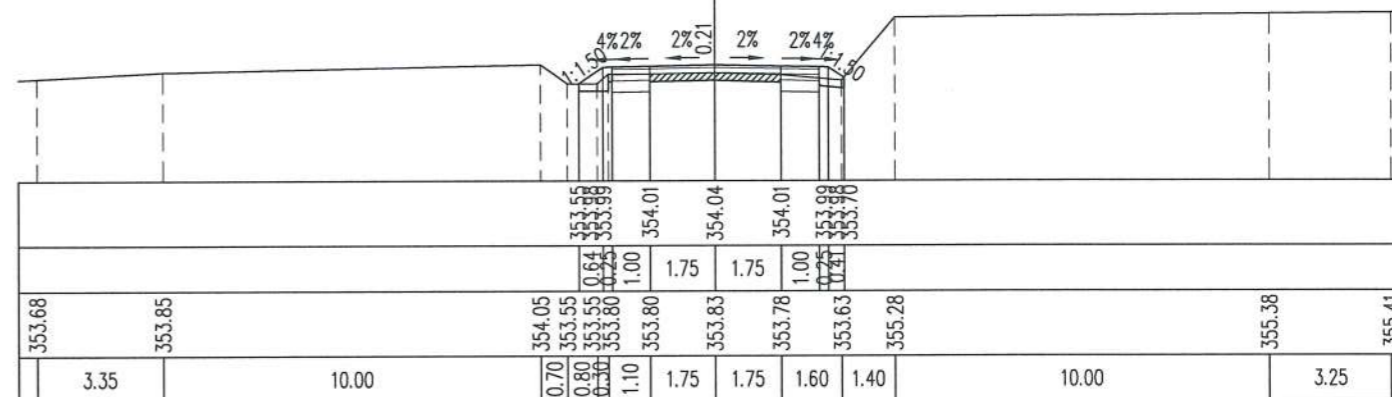
R=100.01  
 it1=2.00%  
 ip1=-0.50%  
 w1=0.40



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.69 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.88 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.11 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.24 m<sup>2</sup>

CỘC/STAKE: 119  
 KM1+960.70

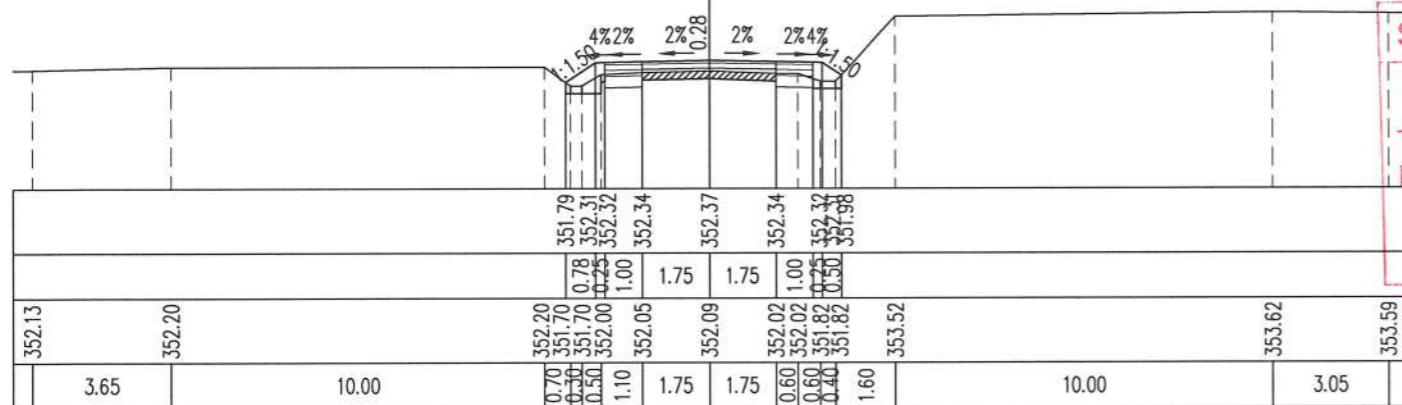
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.02 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.64 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.41 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.03 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.70 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.29 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.16 m<sup>2</sup>

CỘC/STAKE: 117  
 KM1+929.14

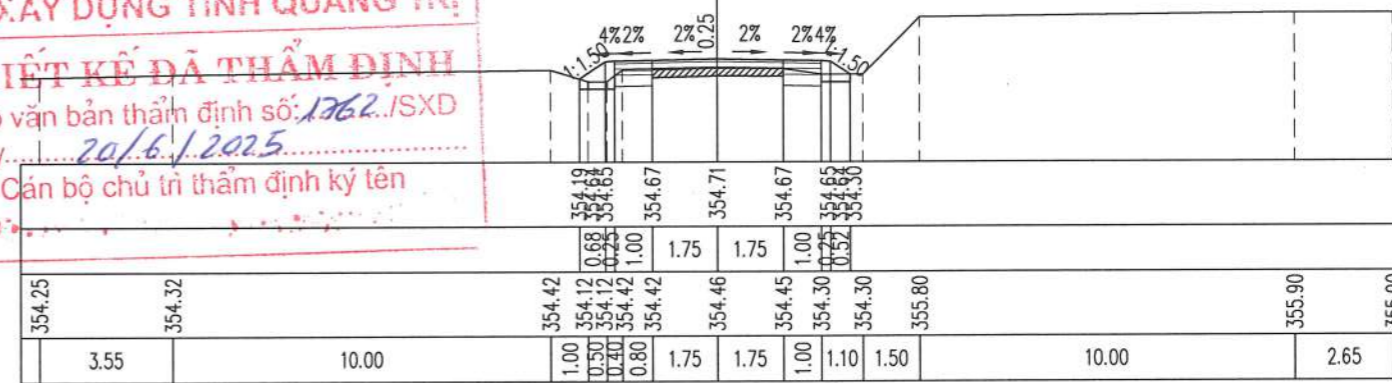
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.29 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.78 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.50 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.85 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.79 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.11 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m<sup>2</sup>

CỘC/STAKE: 120  
 KM1+973.35

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.12 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.68 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.52 m

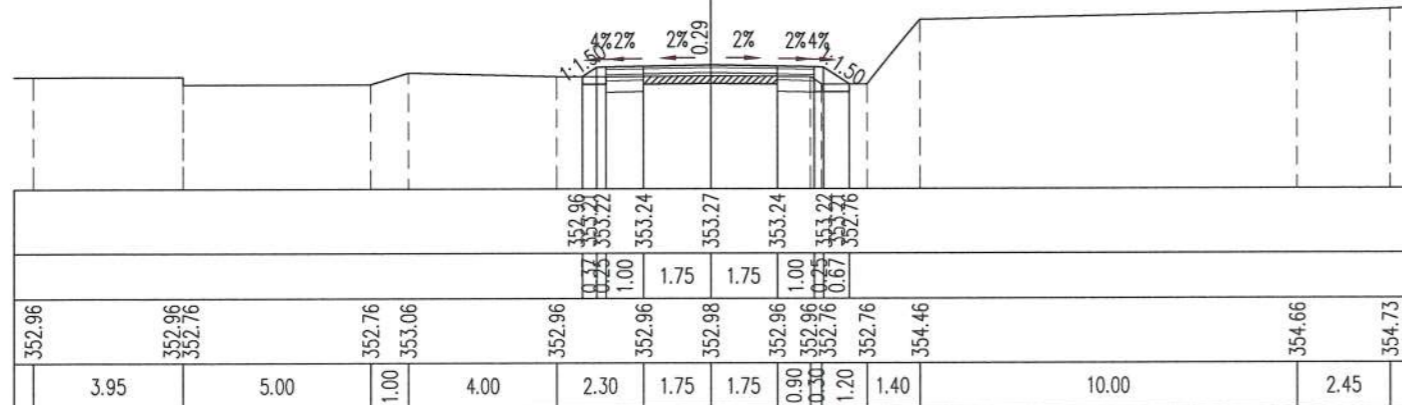


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo vận bản thẩm định số: 1762./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.68 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.80 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.05 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.27 m<sup>2</sup>

CỘC/STAKE: 118  
 KM1+946.04

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.26 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.37 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.67 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.46 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.93 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.02 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.20 m<sup>2</sup>

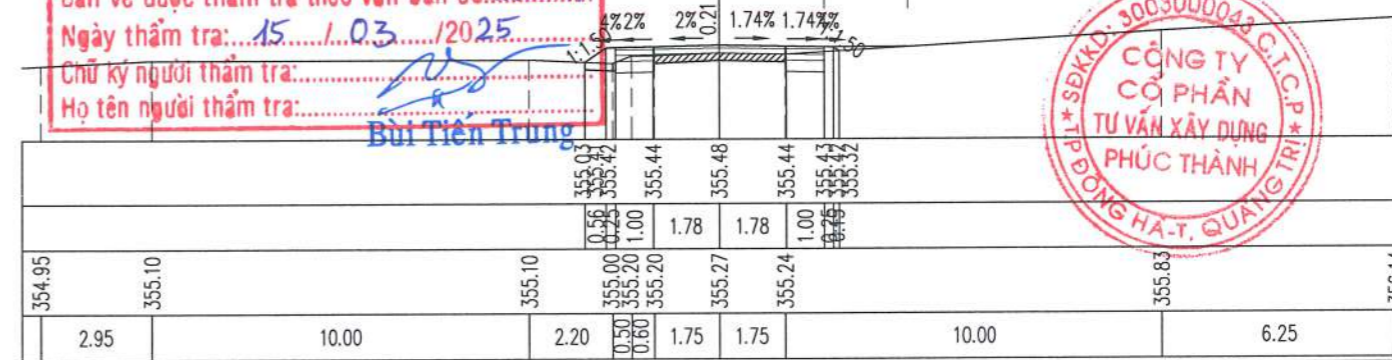
CỘC/STAKE: 121  
 KM1+989.71

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.02 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.05 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.59 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.06 m

R=50.00  
 it=2.00%  
 ip=1.74%  
 w1=0.05  
 Vuốt nối đường giao, L=2.2m

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo vận bản số: 19/BC-TT.  
 Ngày thẩm tra: 15/10/2025  
 Chủ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐỒNG HÃ-T. QUẢNG TRỊ

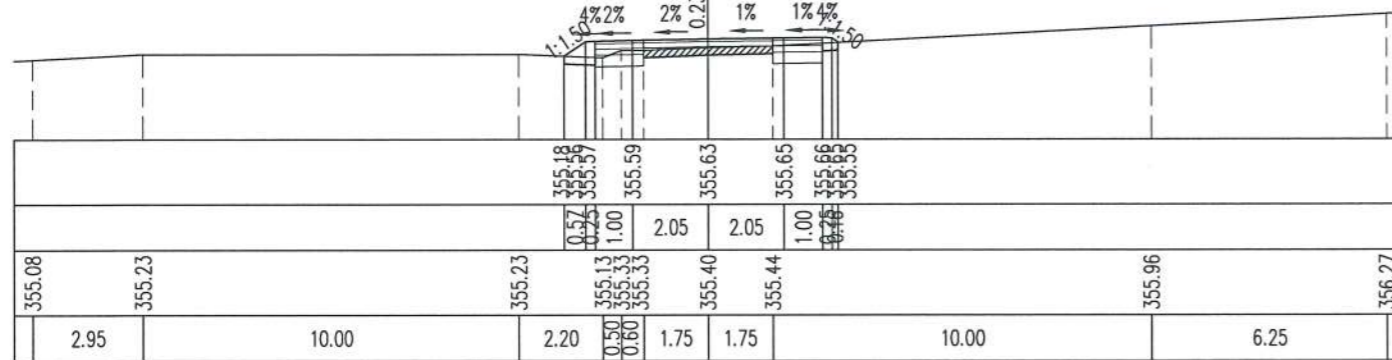


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.51m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.09m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD29  
 KM1+994.27

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.08m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.60m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.87m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.46m

R=50.00  
 it1=2.00%  
 ip1=-1.00%  
 w1=0.60

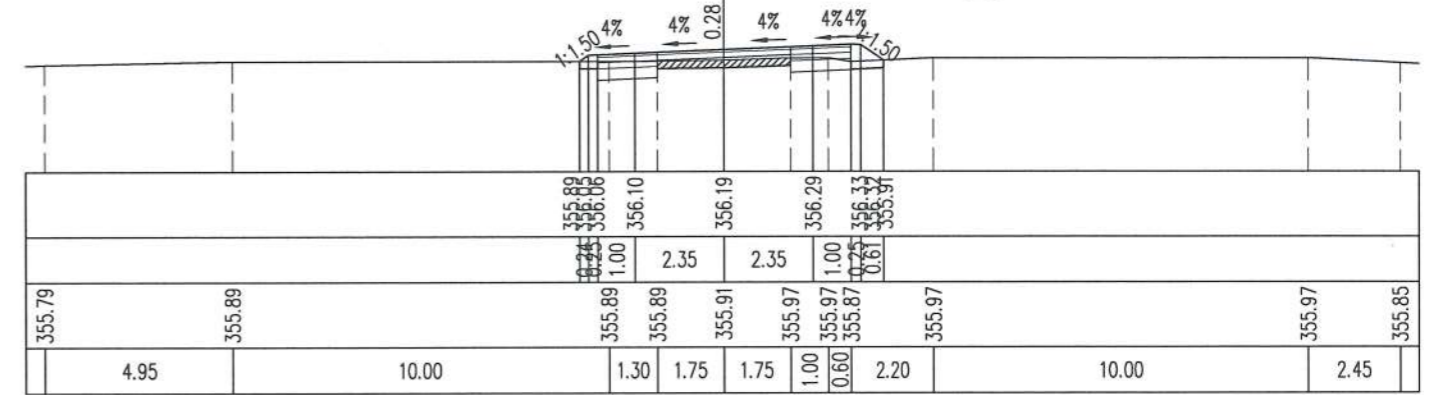


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.57m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.27m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.27m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 123  
 KM2+031.62

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.22m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.20m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.84m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.21m

R=50.00  
 it1=4.00%  
 ip1=-4.00%  
 w1=1.20

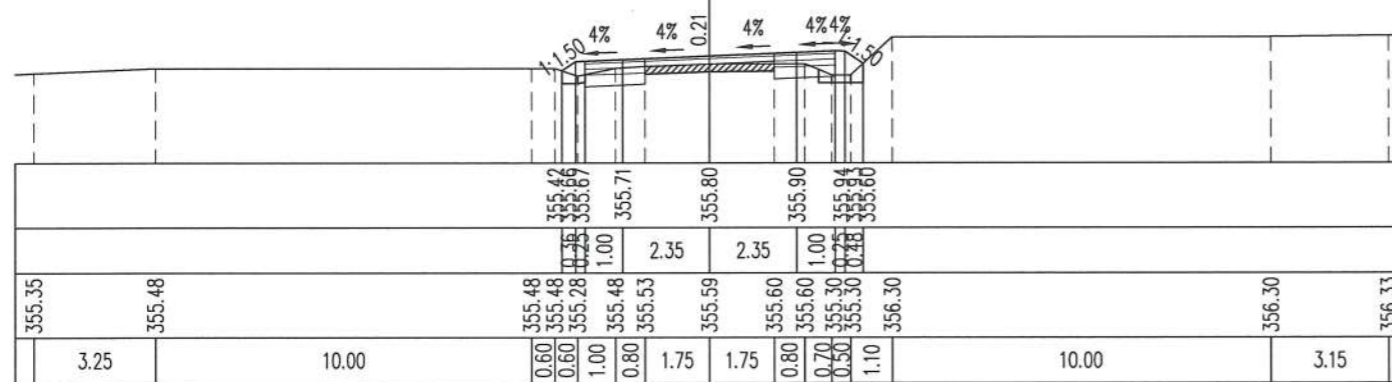


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.90m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.08m<sup>2</sup>  
 Dành cấp/Bench-cut : 0.32m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.14m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 122  
 KM2+000.95

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.06m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.20m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.96m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.08m

R=50.00  
 it1=4.00%  
 ip1=-4.00%  
 w1=1.20

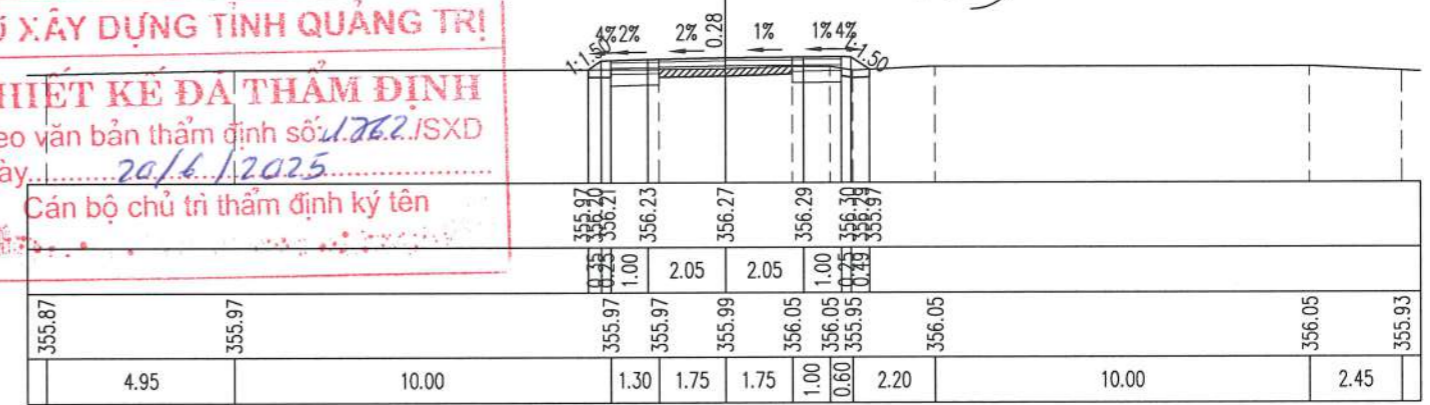


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.53m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.08m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.27m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC29  
 KM2+038.71

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.21m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.60m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.65m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.79m

R=50.00  
 it1=2.00%  
 ip1=-1.00%  
 w1=0.60



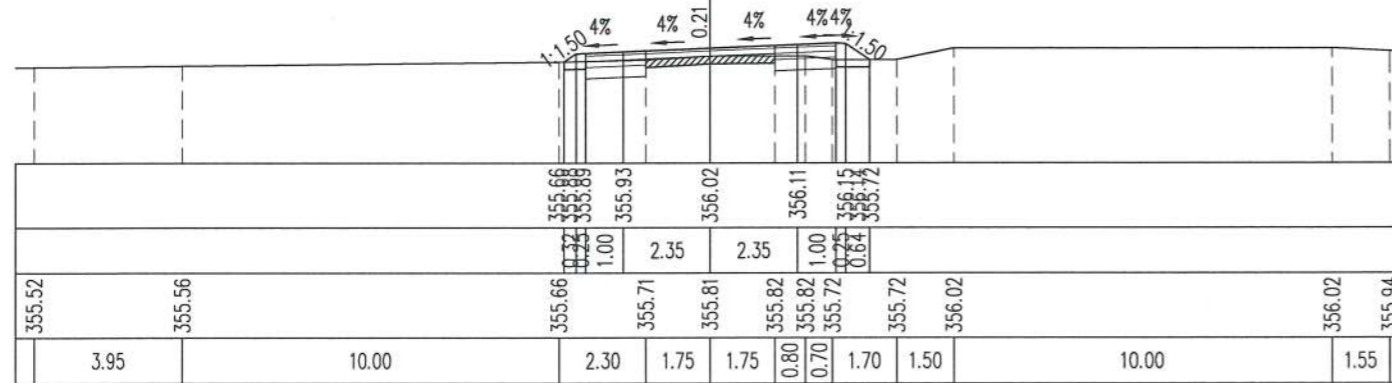
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÁNH GIÁ**  
 Theo văn bản thẩm định số 1762/ISXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.62m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.26m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.29m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P29  
 KM2+016.49

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.08m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.20m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.92m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.24m

R=50.00  
 it1=4.00%  
 ip1=-4.00%  
 w1=1.20



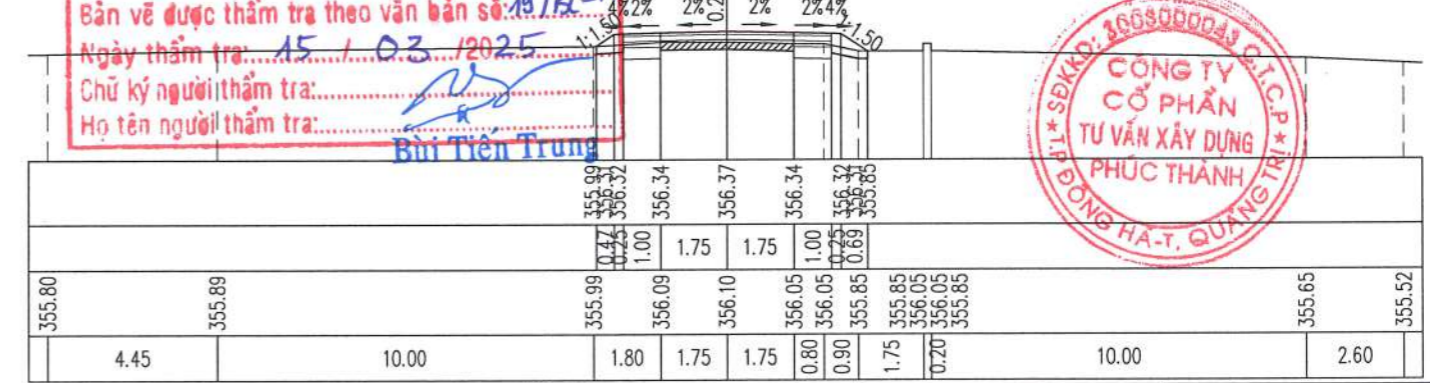
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.69m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.79m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.33m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 124  
 KM2+047.60

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.22m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.47m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.69m

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *Bình Tiên Trung*  
 Họ tên người thẩm tra: Bình Tiên Trung

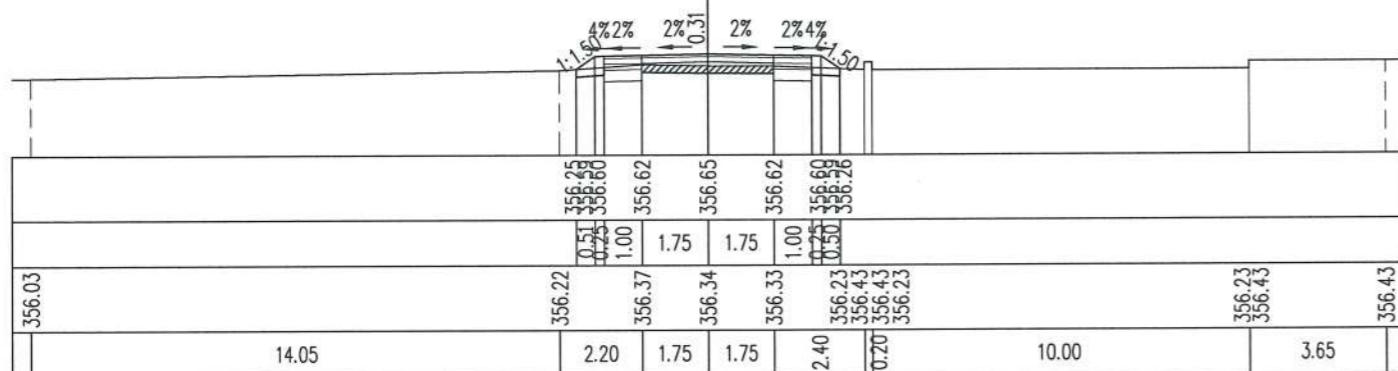
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐỒNG HẠ-T, QUẢNG TRỊ



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.61m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.77 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.30 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 125  
 KM2+062.95

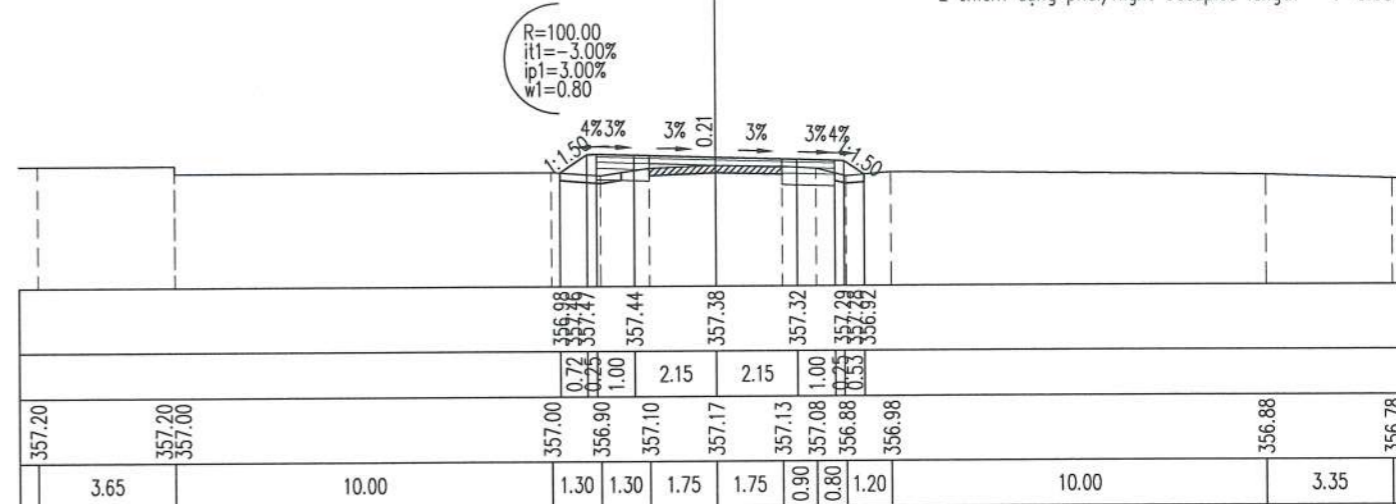
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.28 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.51 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.50 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.90 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.81 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.48 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 128  
 KM2+103.09

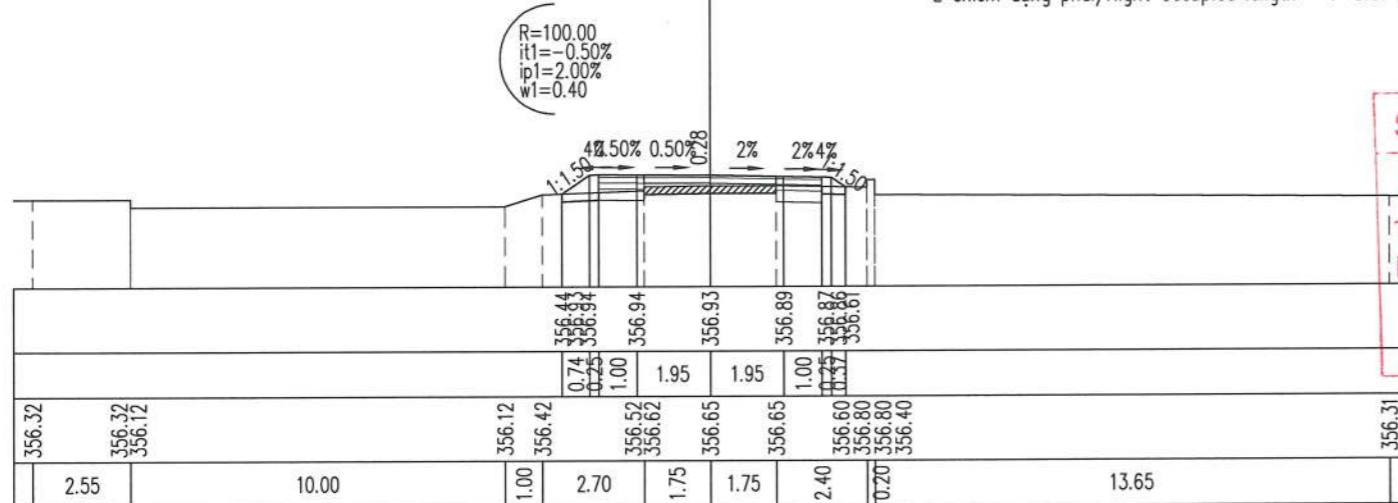
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.11 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.12 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.93 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.72 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.78 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.32 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD30  
 KM2+078.22

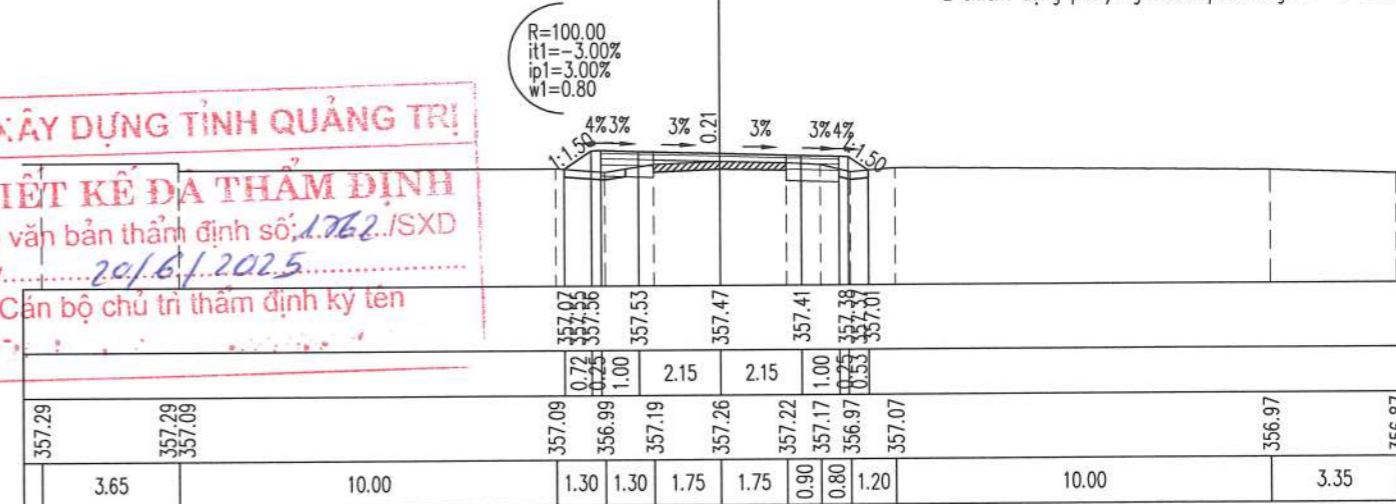
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.25 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.94 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.57 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.90 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.81 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.48 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P30  
 KM2+108.06

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.11 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.12 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.93 m

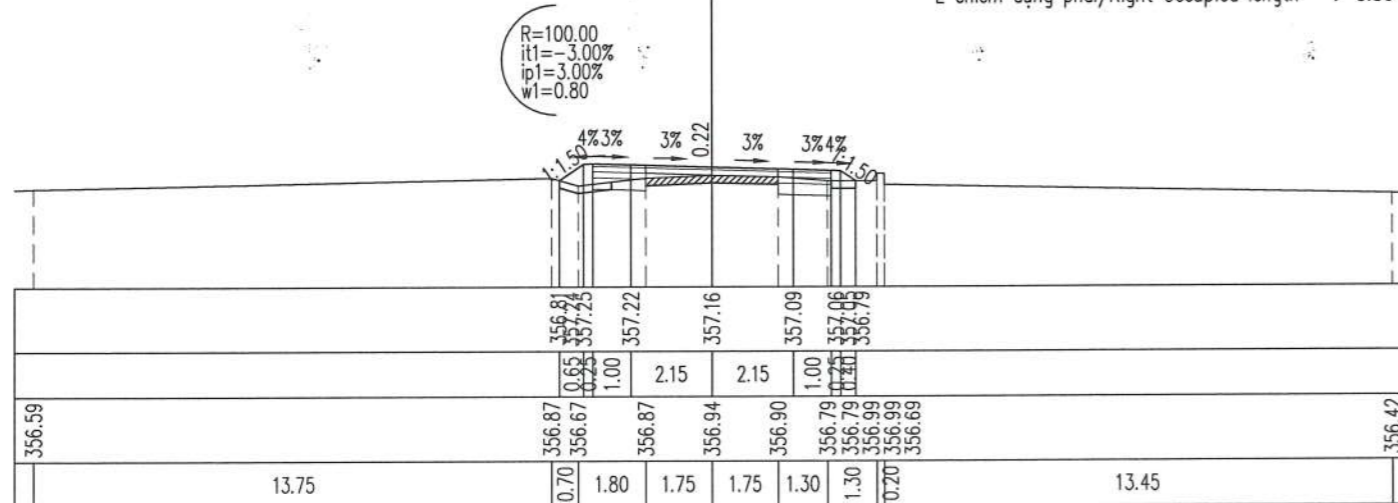


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÀ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thành định số: 1762./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.78 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.83 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.41 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 127  
 KM2+090.92

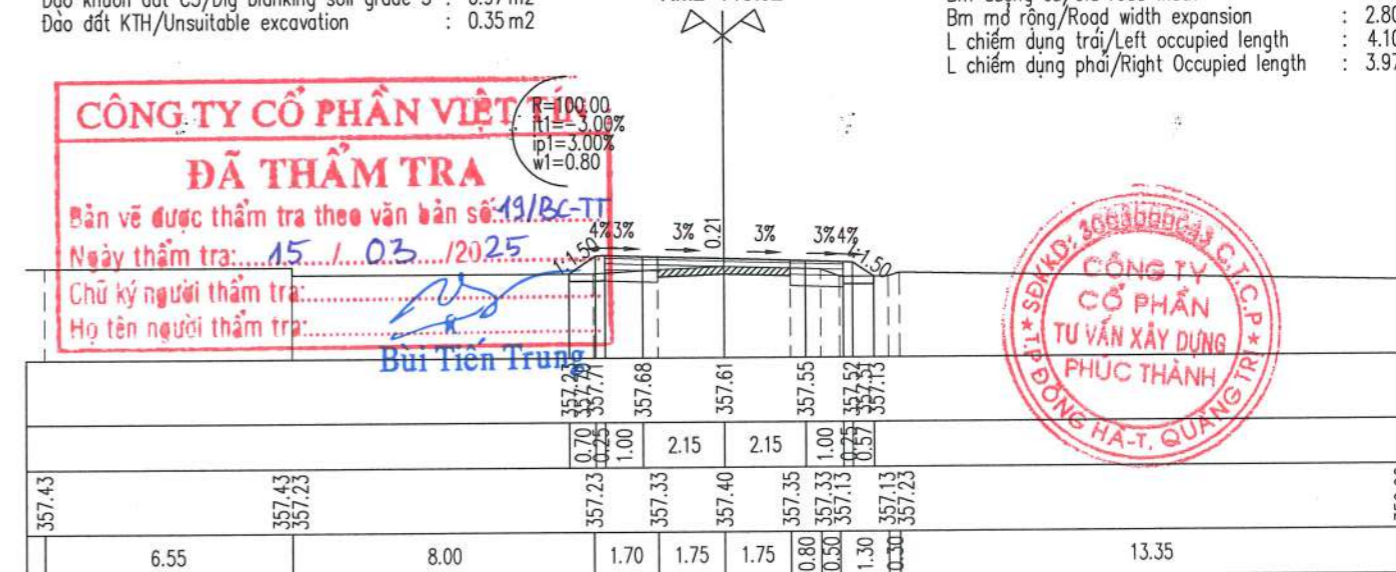
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.13 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.05 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.80 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.83 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.97 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.35 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 129  
 KM2+115.92

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.11 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.10 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.97 m



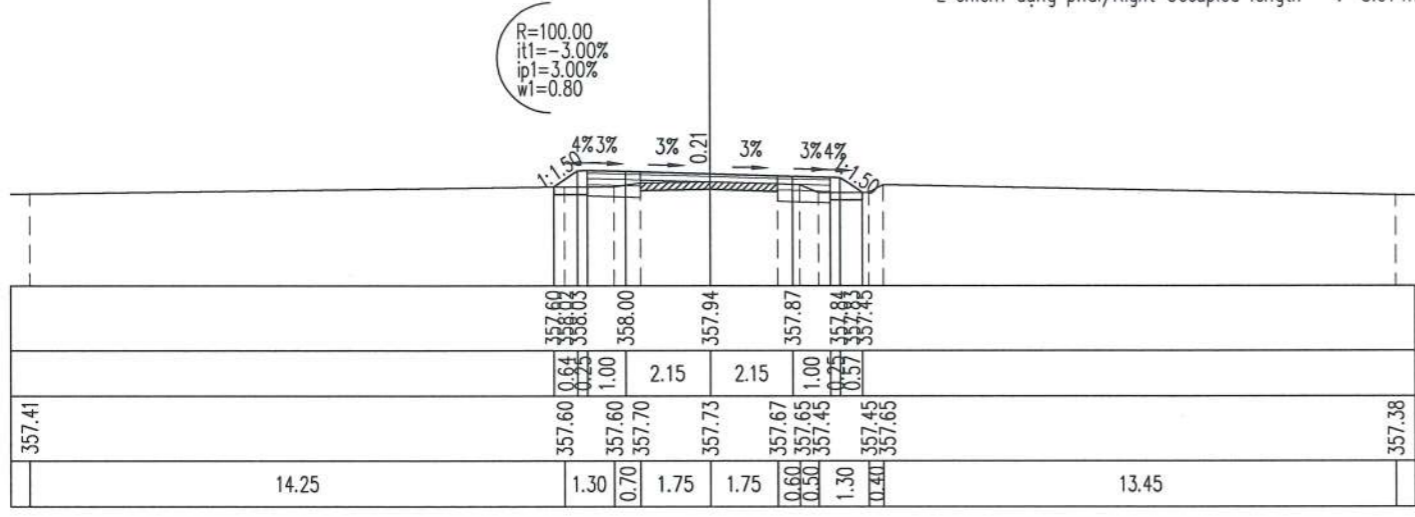
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/1/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐỒNG HẢI, QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.79 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.93 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.34 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 130  
 KM2+133.87

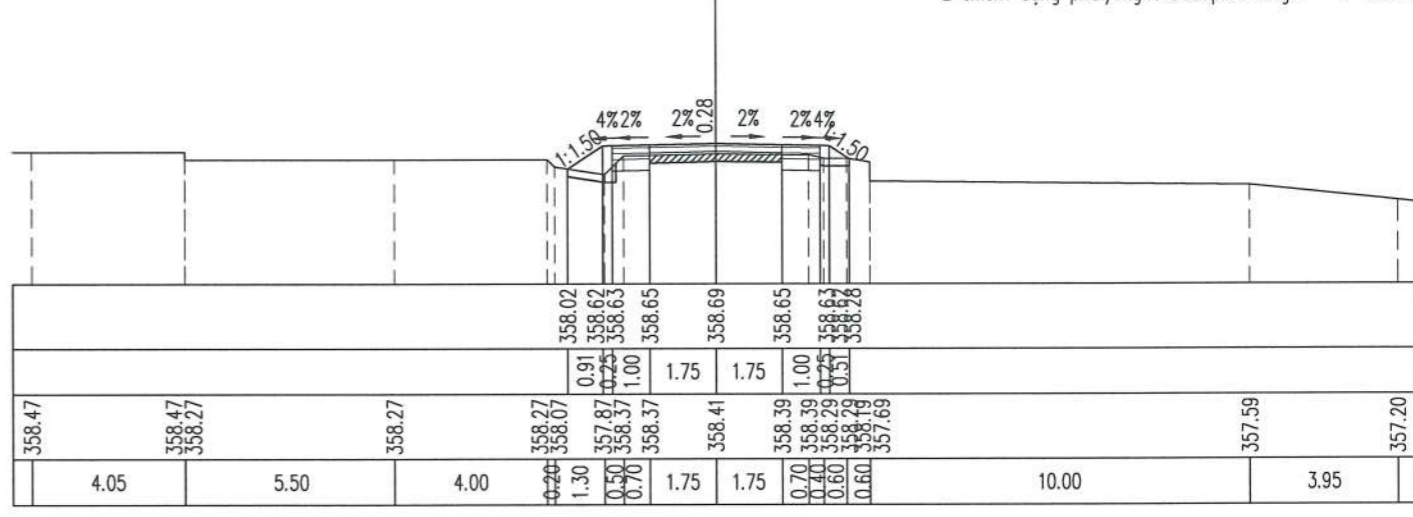
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.07 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.04 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.97 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.10 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.75 m<sup>2</sup>  
 Định cấp/Bench-cut : 0.10 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.34 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 132  
 KM2+173.94

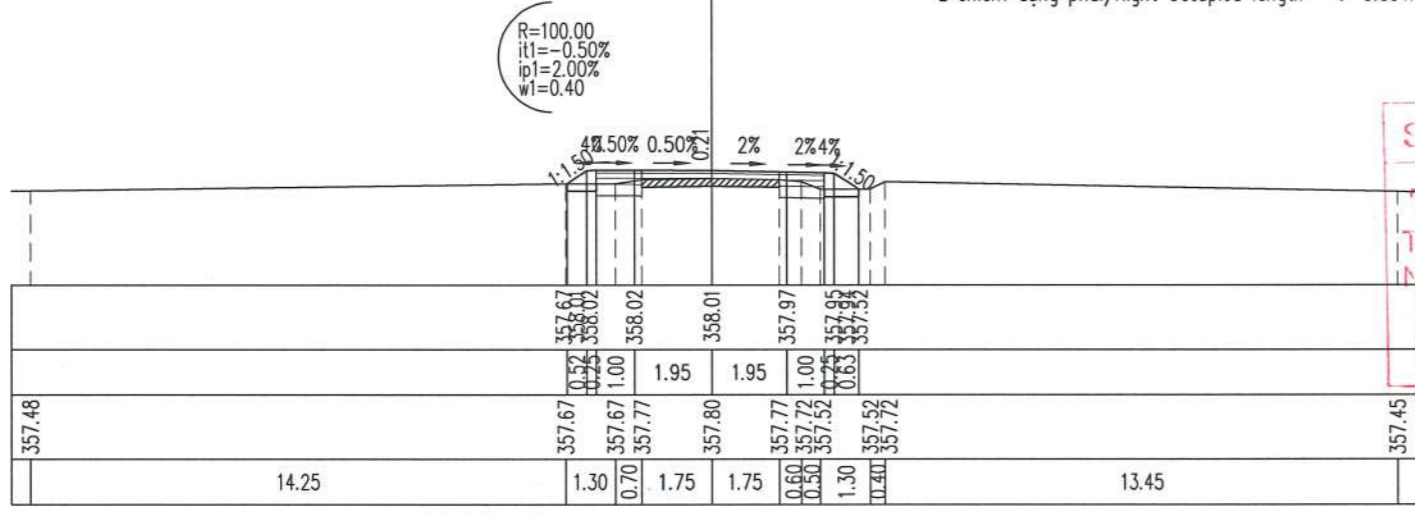
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.22 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.91 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.51 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.74 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.87 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.33 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC30  
 KM2+137.89

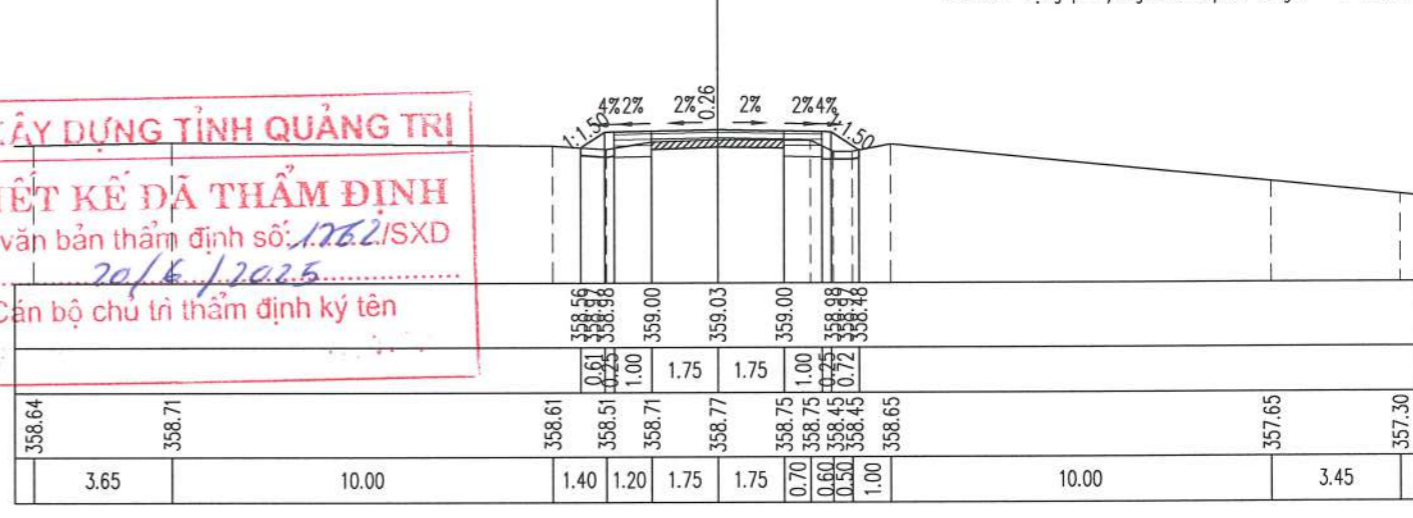
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.03 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.72 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.83 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.94 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.72 m<sup>2</sup>  
 Định cấp/Bench-cut : 0.08 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.31 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 133  
 KM2+192.33

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.19 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.61 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.72 m

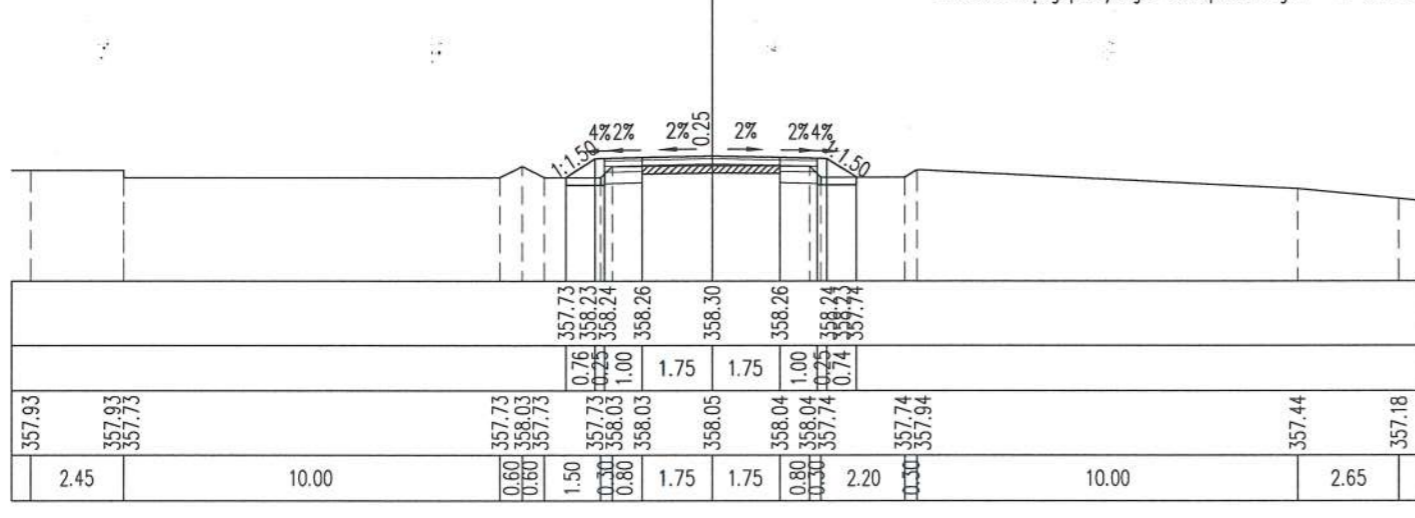


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.03 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.86 m<sup>2</sup>  
 Định cấp/Bench-cut : 0.05 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.36 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 131  
 KM2+153.32

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.10 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.76 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.74 m



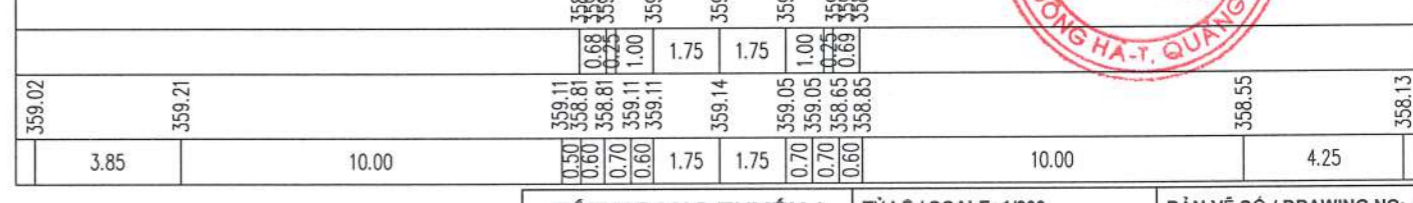
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.00 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.83 m<sup>2</sup>  
 Định cấp/Bench-cut : 0.09 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.31 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 134  
 KM2+209.32

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.05 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.68 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.69 m

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/TC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐƯỜNG HÀ-T, QUẢNG TRỊ



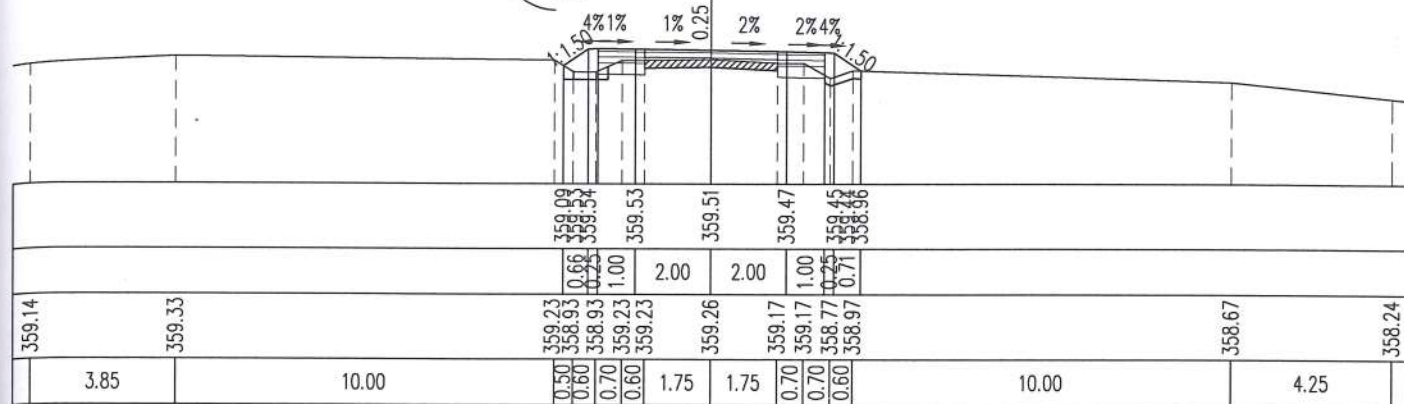
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.18 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.72 m<sup>2</sup>  
 Định cấp/Bench-cut : 0.16 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.31 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD31

KM2+215.38

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.22 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.91 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.96 m

R=70.00  
 it1=-1.00%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.50



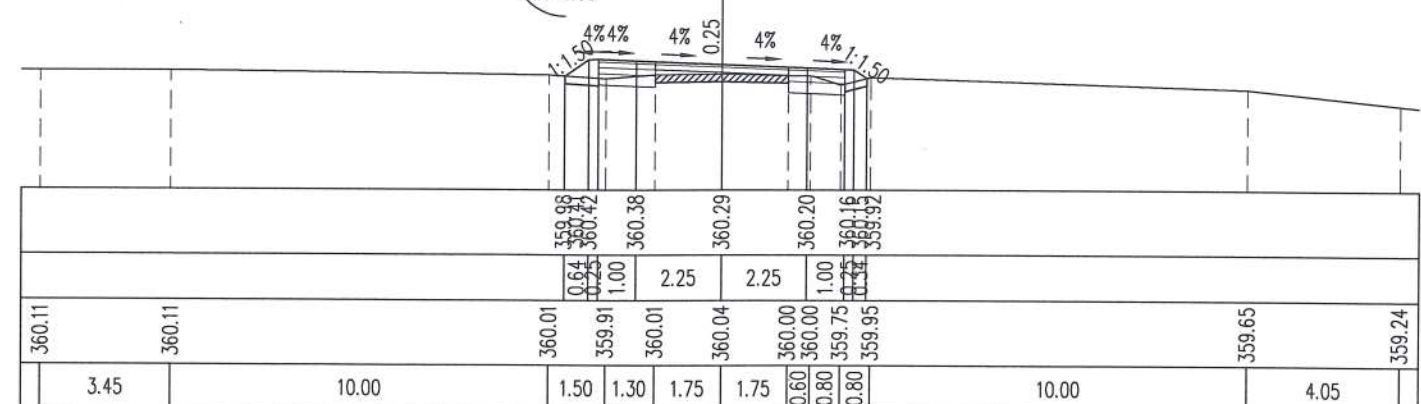
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.71 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.95 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.30 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P31

KM2+245.40

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.20 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.14 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.84 m

R=70.00  
 it1=-4.00%  
 ip1=4.00%  
 w1=1.00



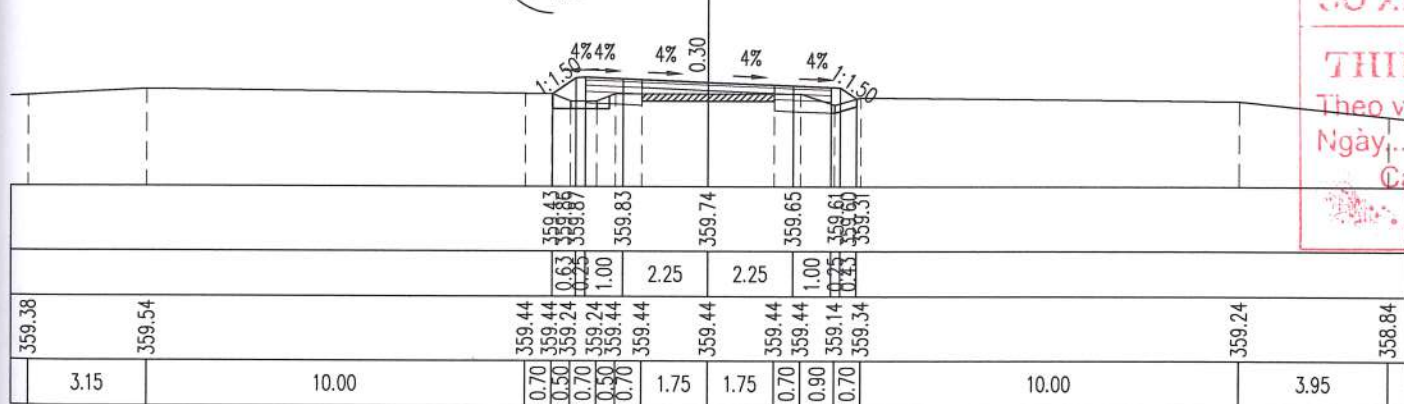
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.02 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.85 m<sup>2</sup>  
 Định cấp/Bench-cut : 0.25 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.26 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 135

KM2+224.15

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.30 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.13 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.93 m

R=70.00  
 it1=-4.00%  
 ip1=4.00%  
 w1=1.00



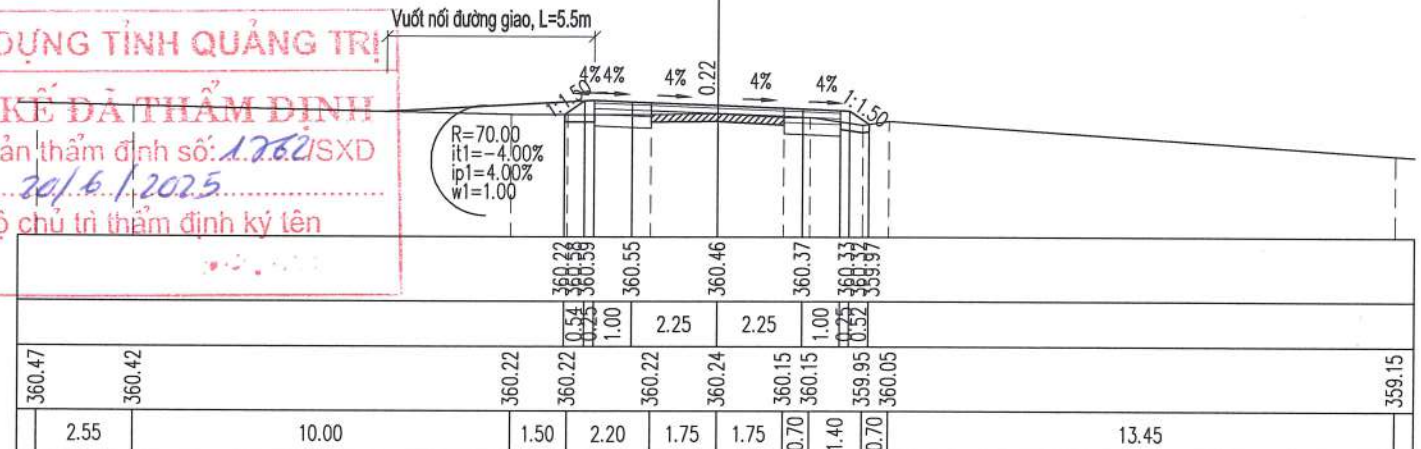
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.67 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.14 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.31 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 137

KM2+251.94

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.13 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.04 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.02 m

R=70.00  
 it1=-4.00%  
 ip1=4.00%  
 w1=1.00



**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản/thẩm định số: 1262/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký lên

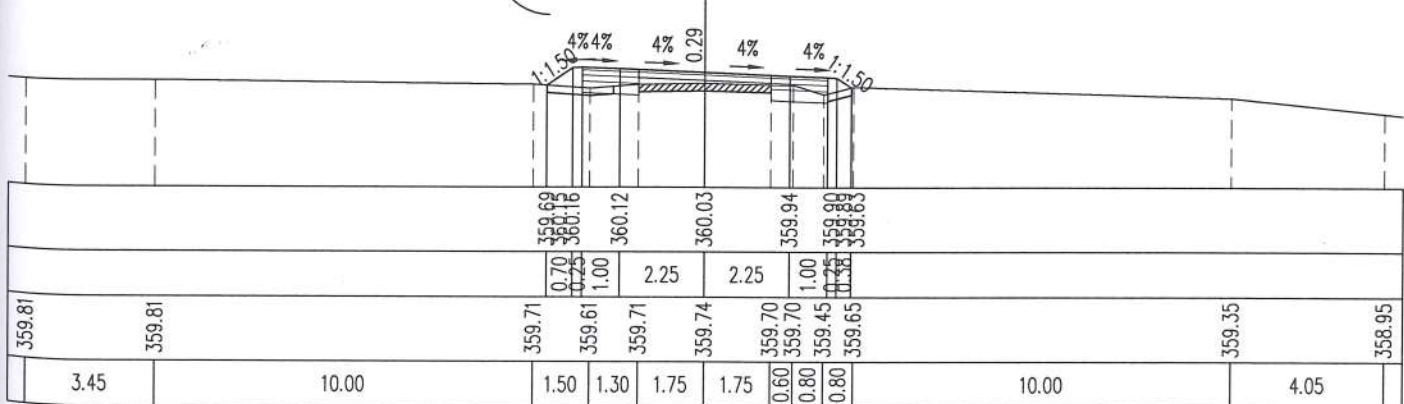
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.83 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.70 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.48 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 136

KM2+235.46

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.34 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.20 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.88 m

R=70.00  
 it1=-4.00%  
 ip1=4.00%  
 w1=1.00



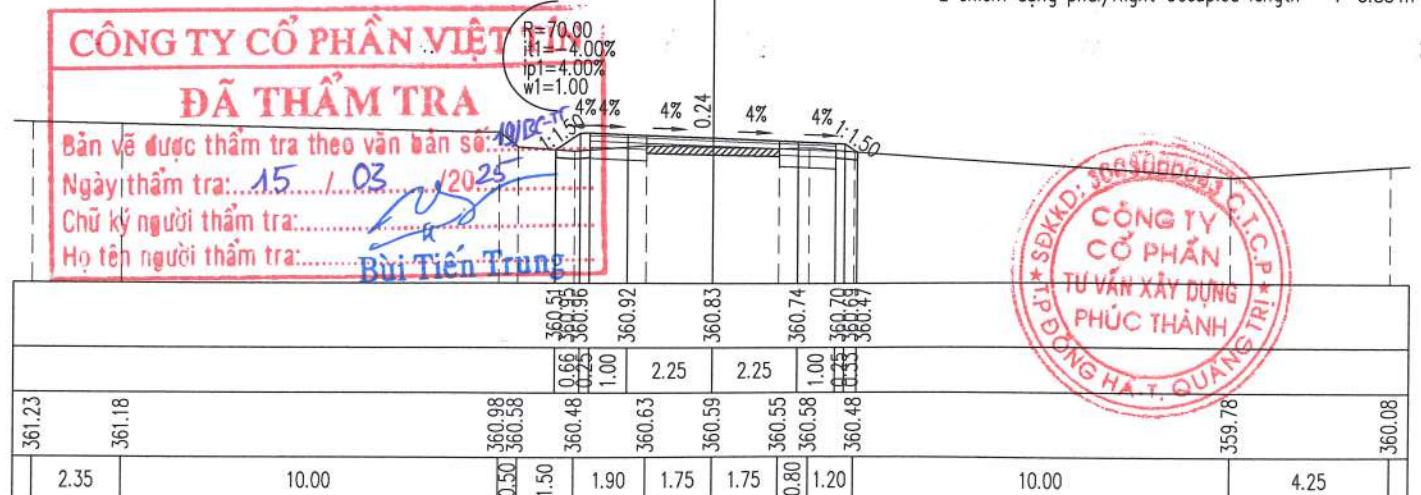
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.65 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.21 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.30 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 138

KM2+266.24

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.11 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.16 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.83 m

R=70.00  
 it1=-4.00%  
 ip1=4.00%  
 w1=1.00



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 1262/SXD  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: [Signature]  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

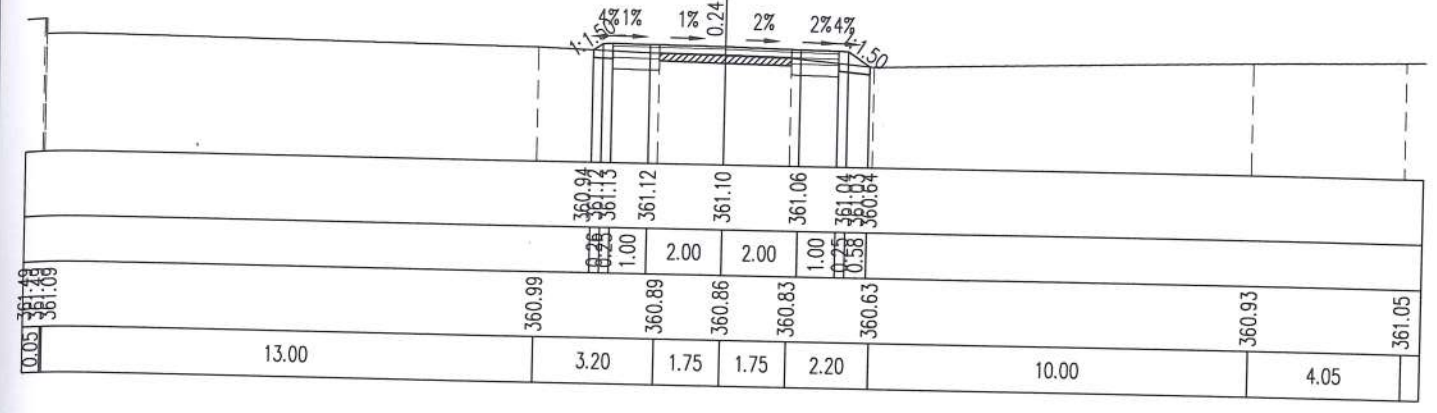


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.52 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.07 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.27 m<sup>2</sup>

KM2+275.41

R=70.00  
 it1=-1.00%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.50

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone : 0.08 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.51 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.83 m

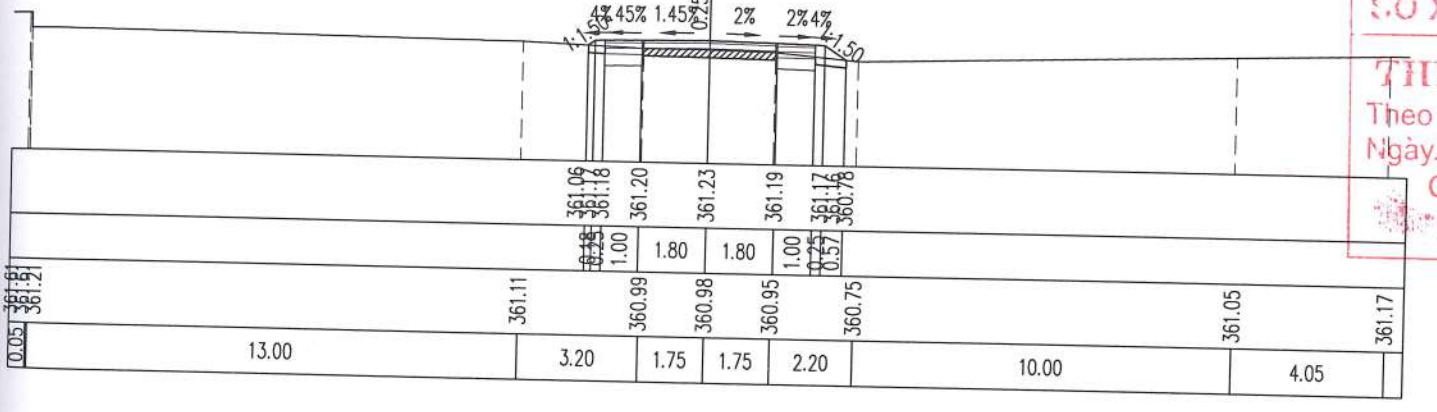


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.47 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.92 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 139  
 KM2+279.49

R=70.00  
 it1=1.45%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.09

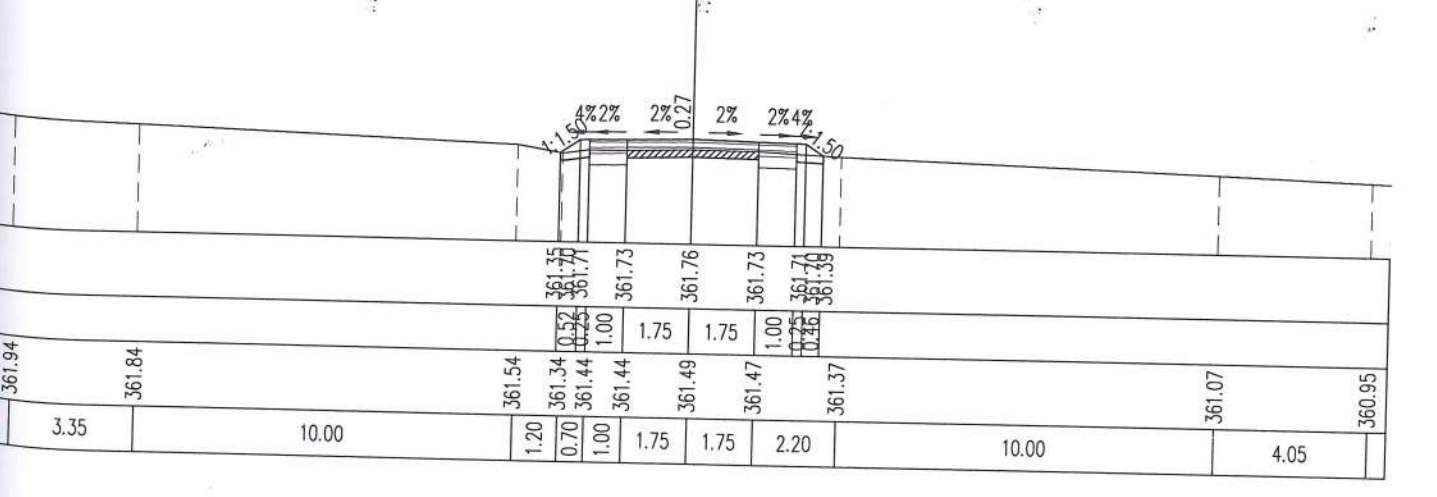
Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone : 0.09 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.09 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.22 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.61 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.59 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.79 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.30 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 140  
 KM2+295.07

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone : 0.22 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.52 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.46 m

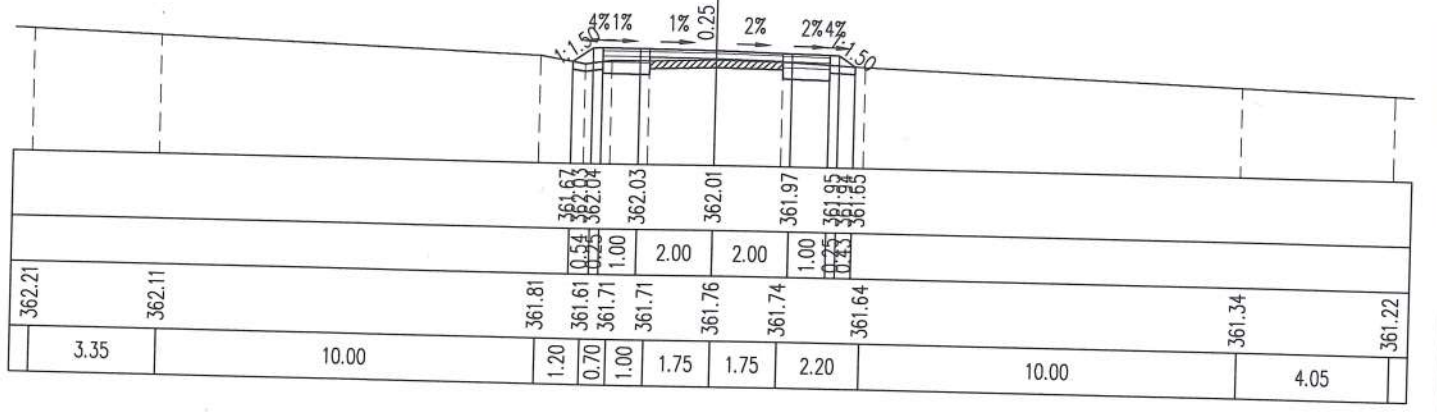


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.63 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.96 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.29 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD32  
 KM2+301.95

R=70.02  
 it1=-1.00%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.50

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone : 0.17 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.79 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.68 m

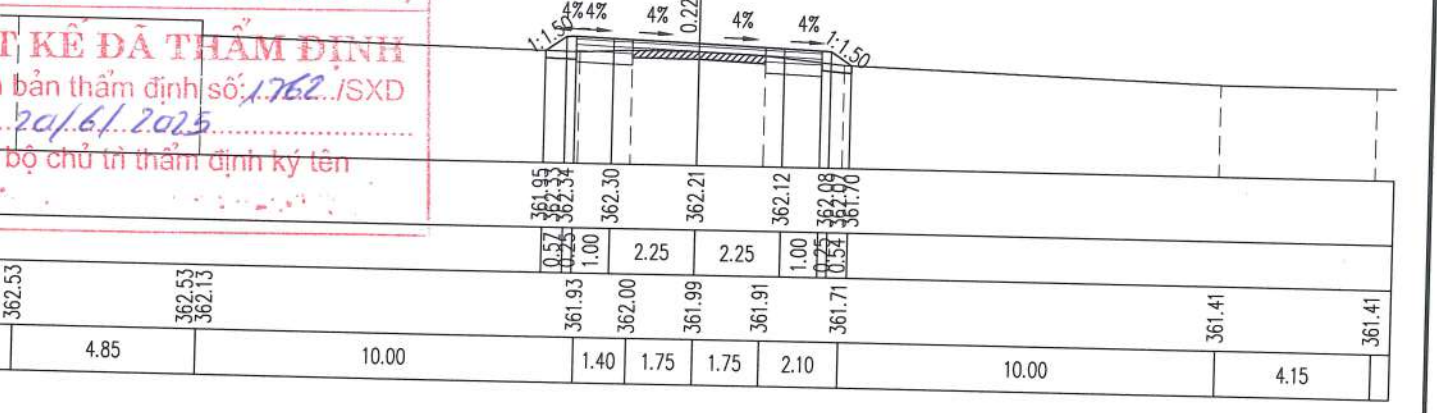


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.70 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.10 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.32 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 141  
 KM2+307.58

R=70.02  
 it1=-4.00%  
 ip1=4.00%  
 w1=1.00

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone : 0.08 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.07 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.04 m



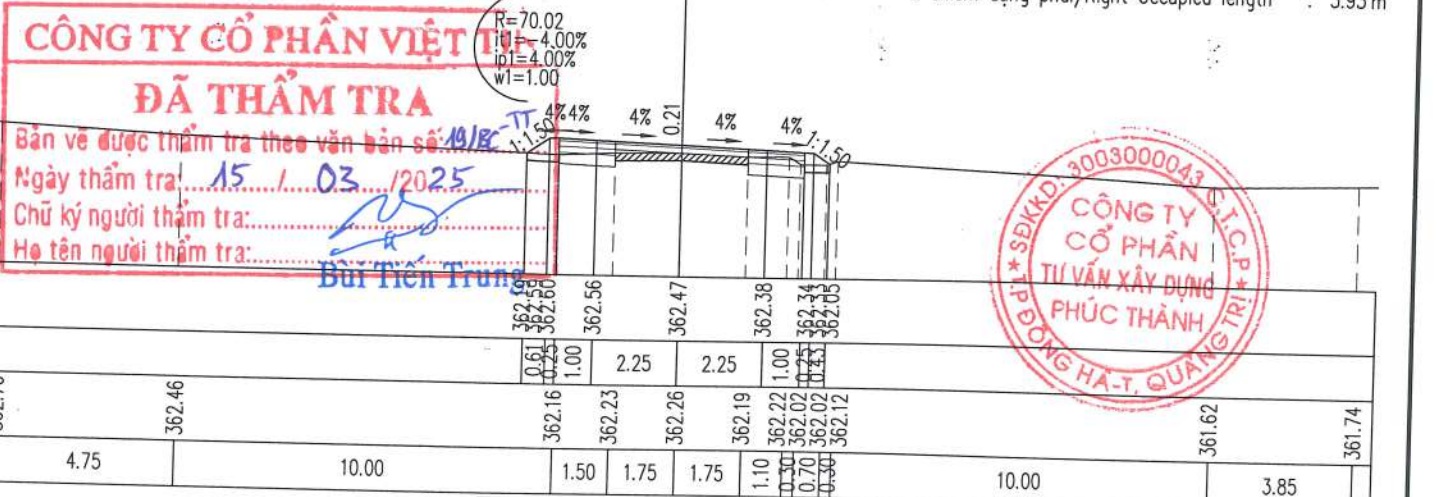
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.69 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.16 m<sup>2</sup>  
 Định cấp/Bench-cut : 0.02 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.29 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P32  
 KM2+315.05

R=70.02  
 it1=4.00%  
 ip1=4.00%  
 w1=1.00

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone : 0.09 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.11 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.93 m



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIẾN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 1918/TT  
 Ngày thẩm tra: 15/1/03/2025  
 Chủ ký người thẩm tra: Bùi Tiến Trung



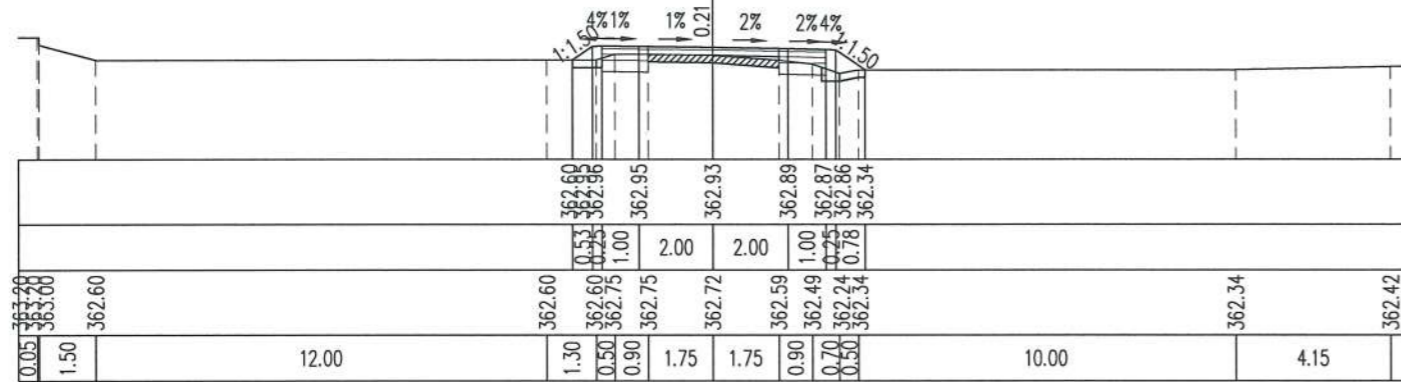
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.95 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.91 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.16 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.26 m<sup>2</sup>

CQC/STAKE: TC32

KM2+328.16

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.09 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.78 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.03 m

R=70.02  
 it1=-1.00%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.50



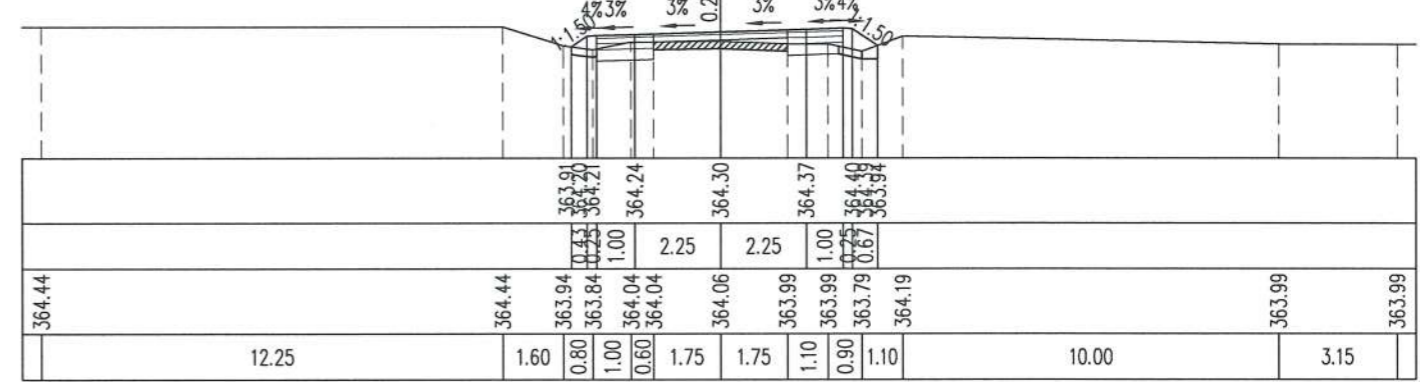
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.86 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.02 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.12 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.26 m<sup>2</sup>

CQC/STAKE: 144

KM2+369.30

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.20 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.93 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.17 m

R=99.99  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=1.00



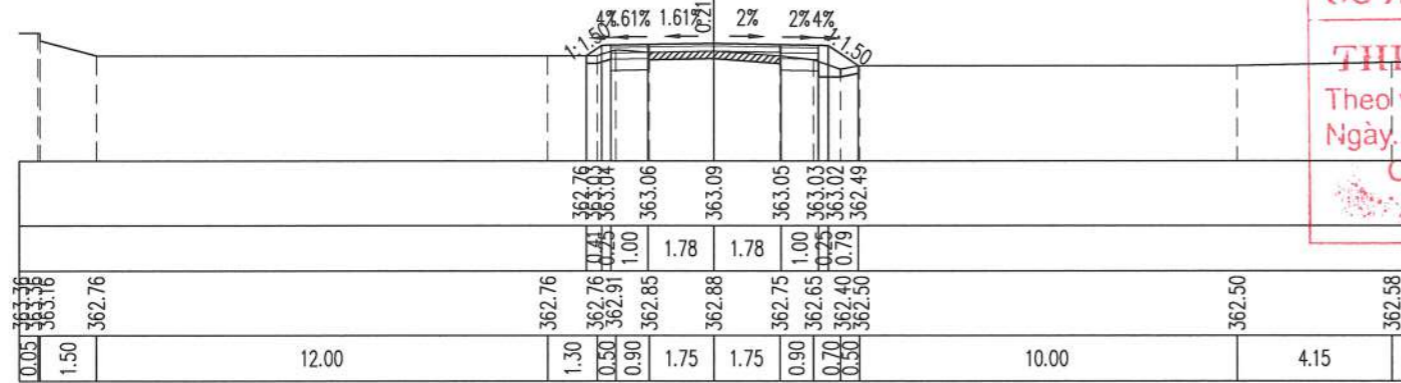
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.85 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.85 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.17 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.23 m<sup>2</sup>

CQC/STAKE: 142

KM2+332.51

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.08 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.07 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.44 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.82 m

R=70.02  
 it1=1.61%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.06



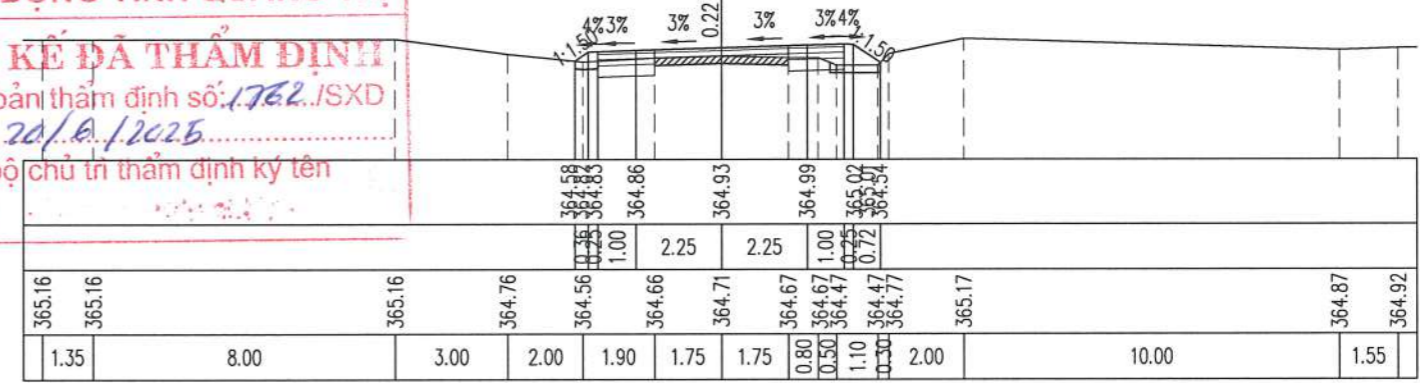
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.81 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.02 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.06 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.34 m<sup>2</sup>

CQC/STAKE: P33

KM2+388.35

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.10 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.86 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.22 m

R=99.99  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=1.00



**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762./SXĐ  
 Ngày: 20/01/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

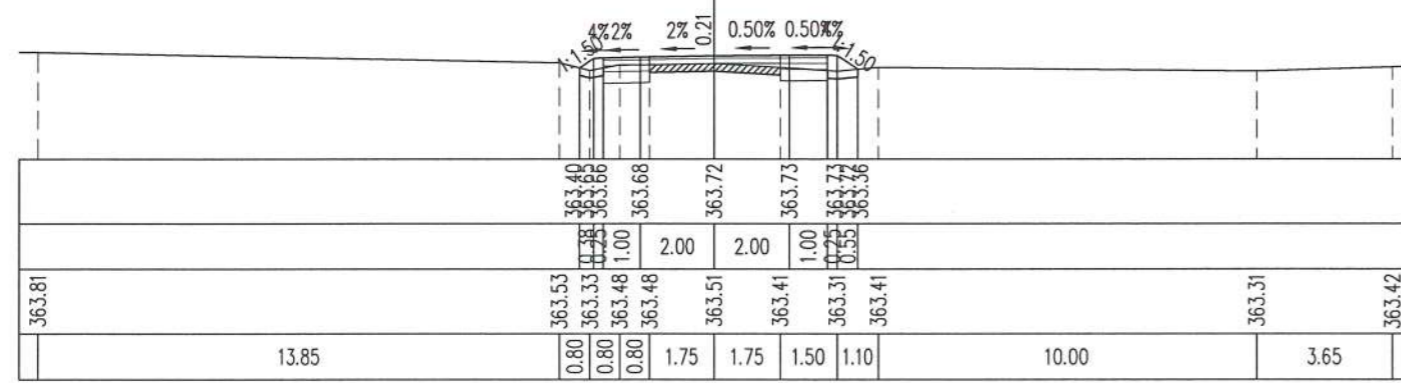
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.63 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.96 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.28 m<sup>2</sup>

CQC/STAKE: TD33

KM2+351.47

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.10 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.63 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.80 m

R=99.99  
 it1=2.00%  
 ip1=-0.50%  
 w1=0.50



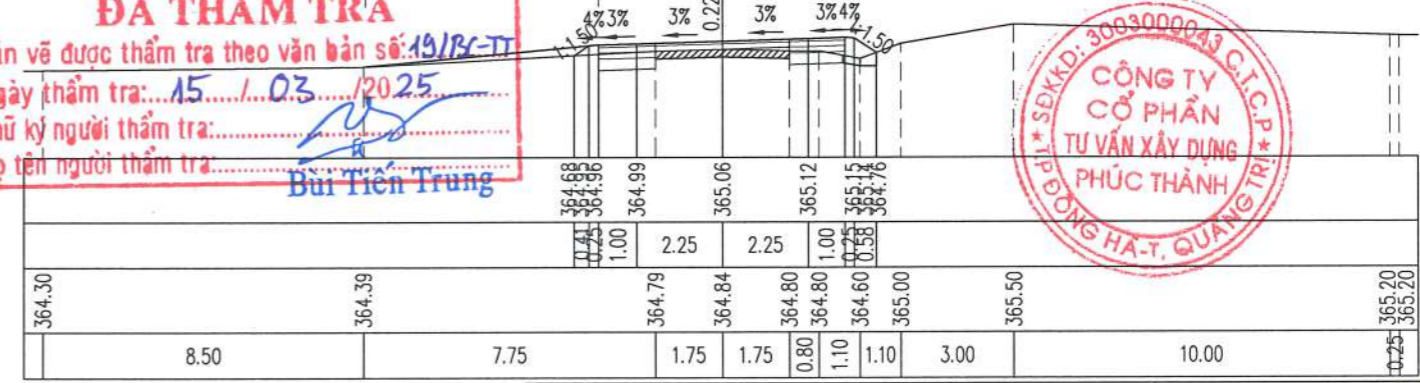
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.74 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.11 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.12 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.22 m<sup>2</sup>

CQC/STAKE: 145

KM2+392.33

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.10 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.91 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.08 m

R=99.99  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=1.00



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

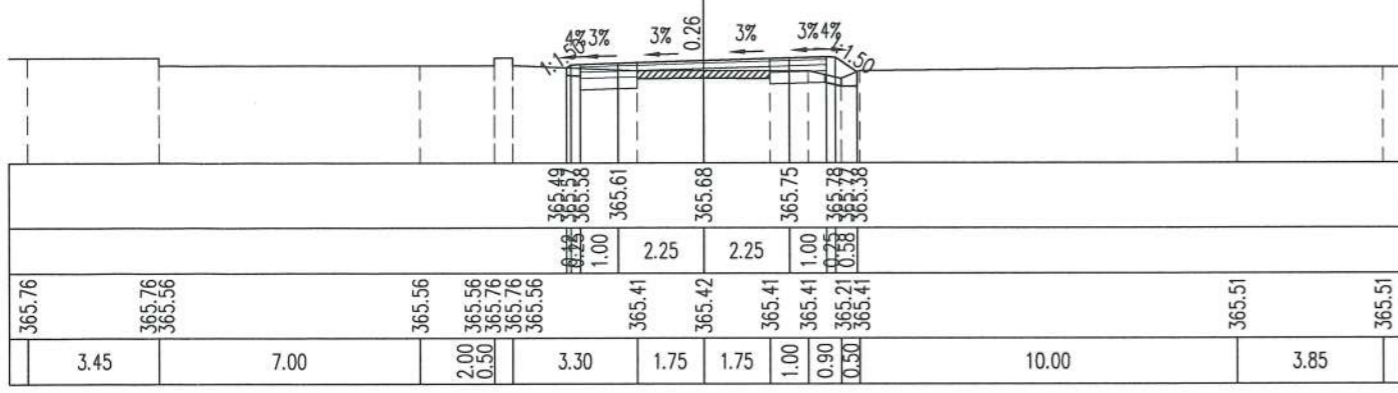
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 QUẢNG HÀ-T, QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.61m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.21m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.12m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.16m<sup>2</sup>

CỘC/STAKE: 146  
 KM2+412.57

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.20m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.62m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.08m

R=99.99  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=1.00

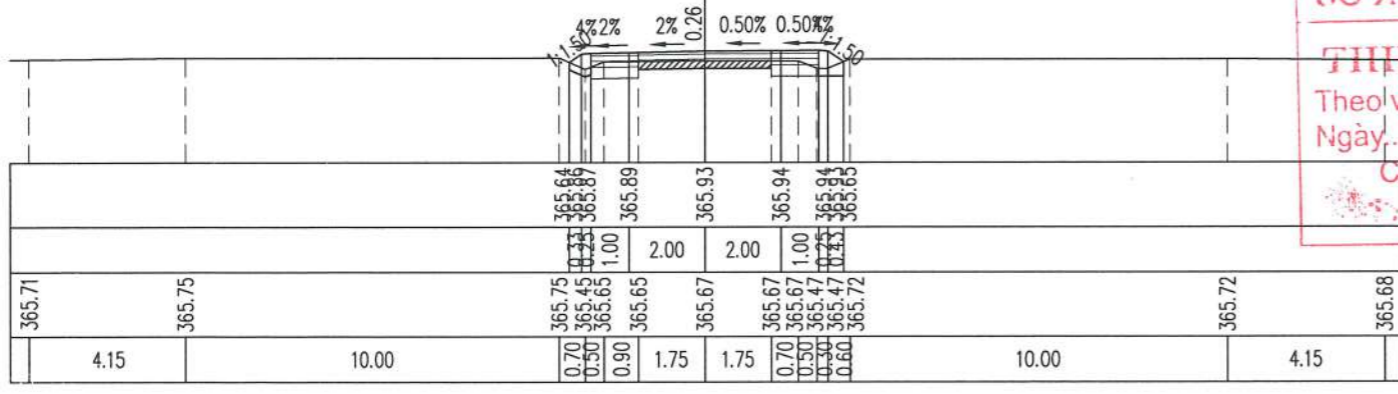


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.66m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.96m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.18m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.18m<sup>2</sup>

CỘC/STAKE: TC33  
 KM2+425.23

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.16m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.58m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.68m

R=99.99  
 it1=2.00%  
 ip1=-0.50%  
 w1=0.50

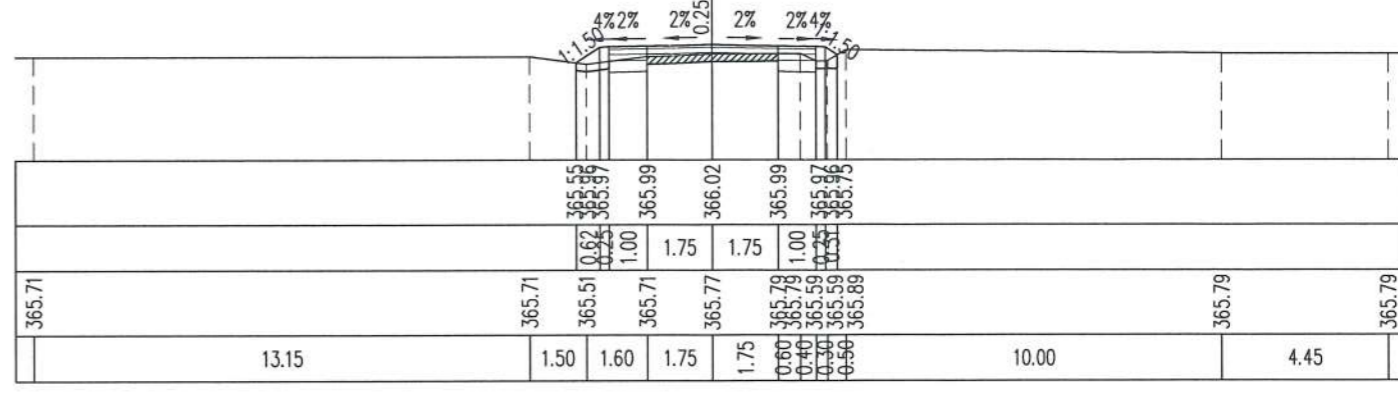


**CƠ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.70m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.78m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.07m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.23m<sup>2</sup>

CỘC/STAKE: 148  
 KM2+446.43

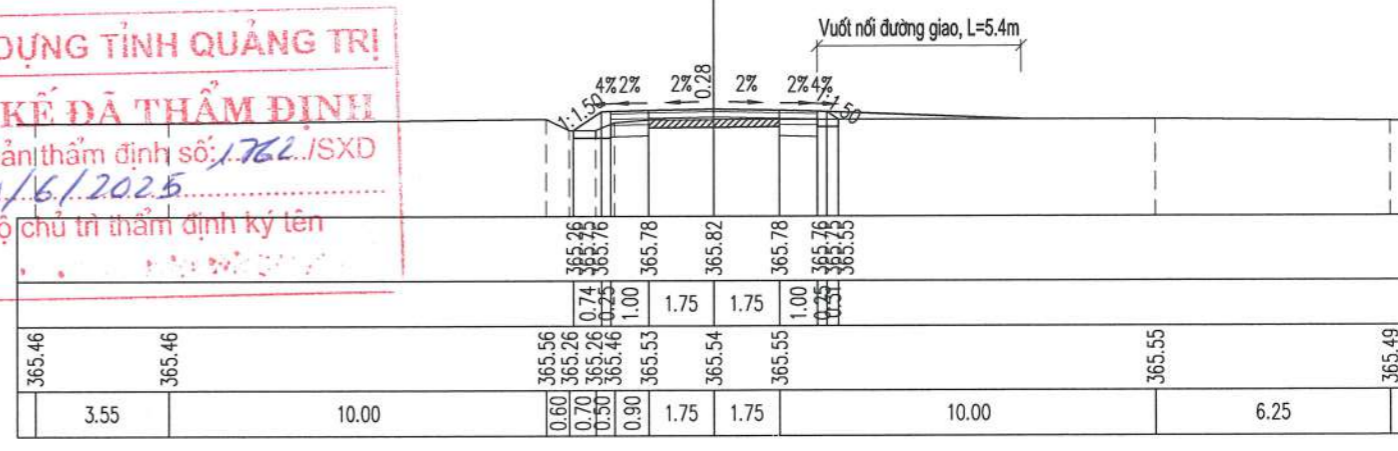
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.13m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.62m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.31m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.70m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.83m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.11m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.23m<sup>2</sup>

CỘC/STAKE: 149  
 KM2+463.43

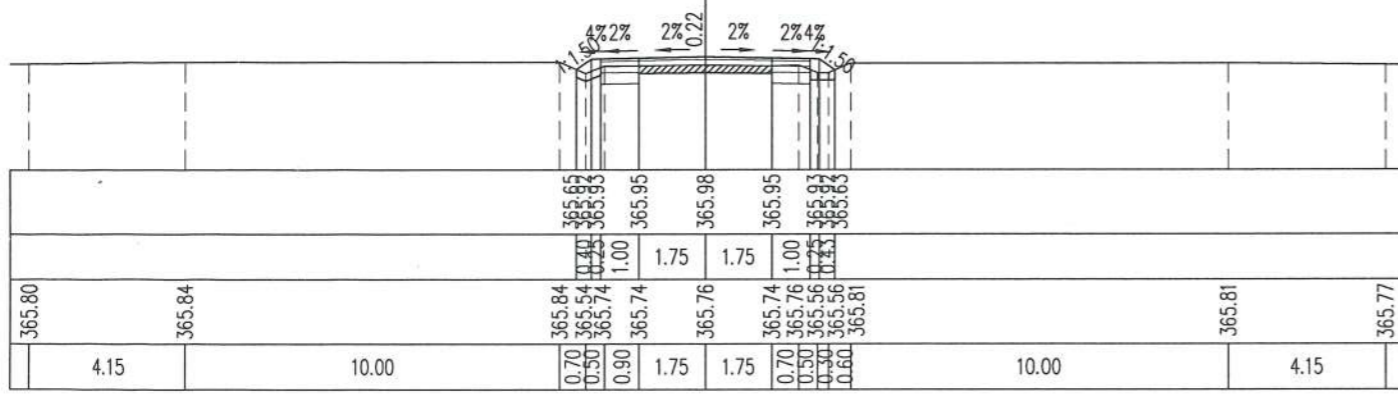
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.18m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.74m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.31m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.59m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.94m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.09m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.19m<sup>2</sup>

CỘC/STAKE: 147  
 KM2+429.90

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.02m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.40m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.43m

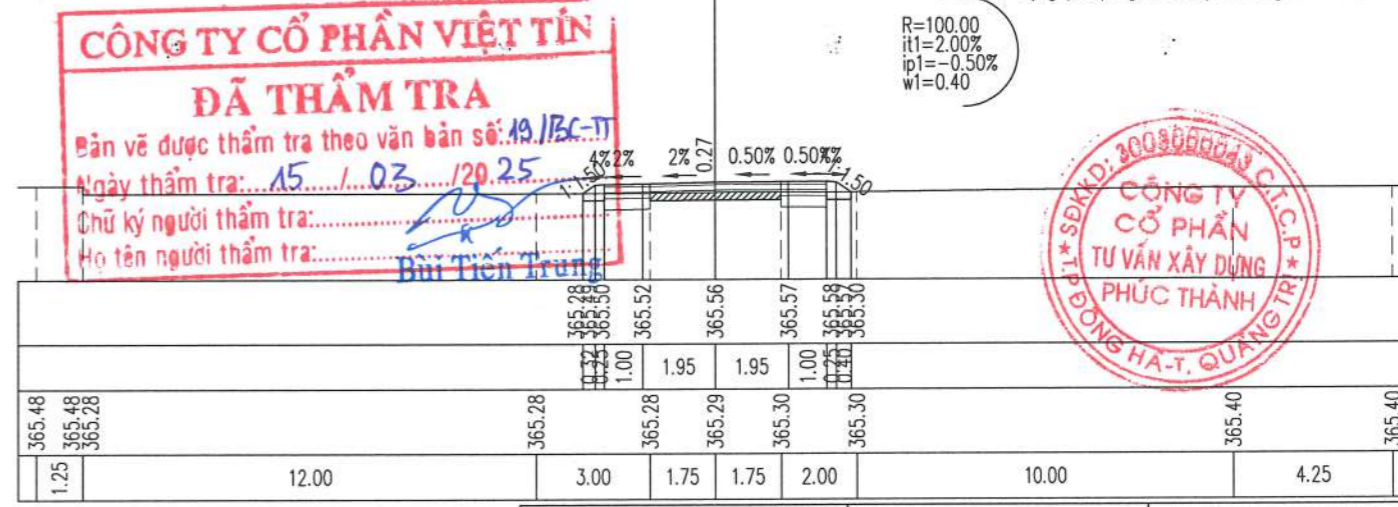


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.46m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.00m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.24m<sup>2</sup>

CỘC/STAKE: TD34  
 KM2+475.36

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.20m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.52m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.60m

R=100.00  
 it1=2.00%  
 ip1=-0.50%  
 w1=0.40



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19./BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

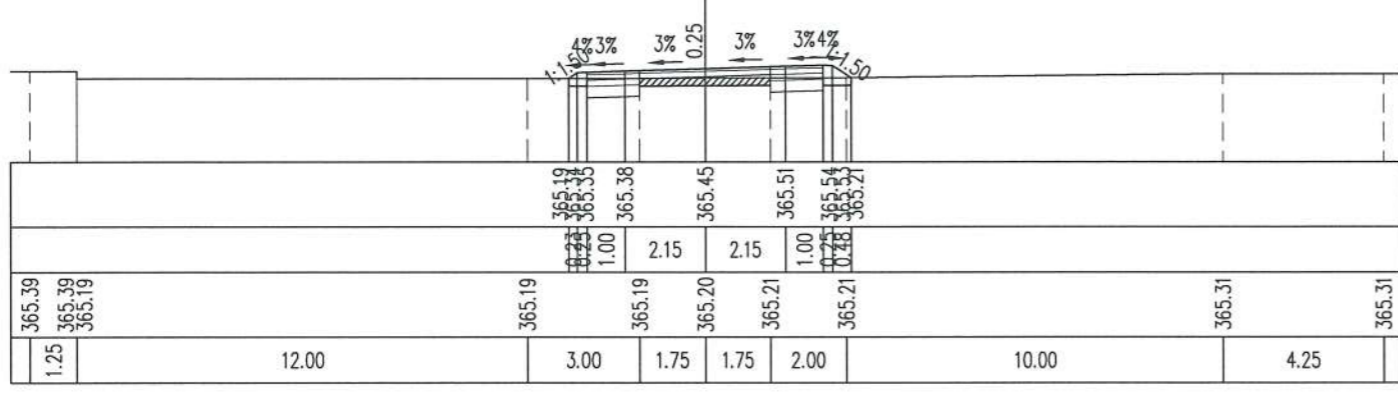
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐƯỜNG HA-T, QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.46 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.18 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.24 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 150  
 KM2+480.63

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.14 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.63 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.88 m

R=100.00  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=0.80

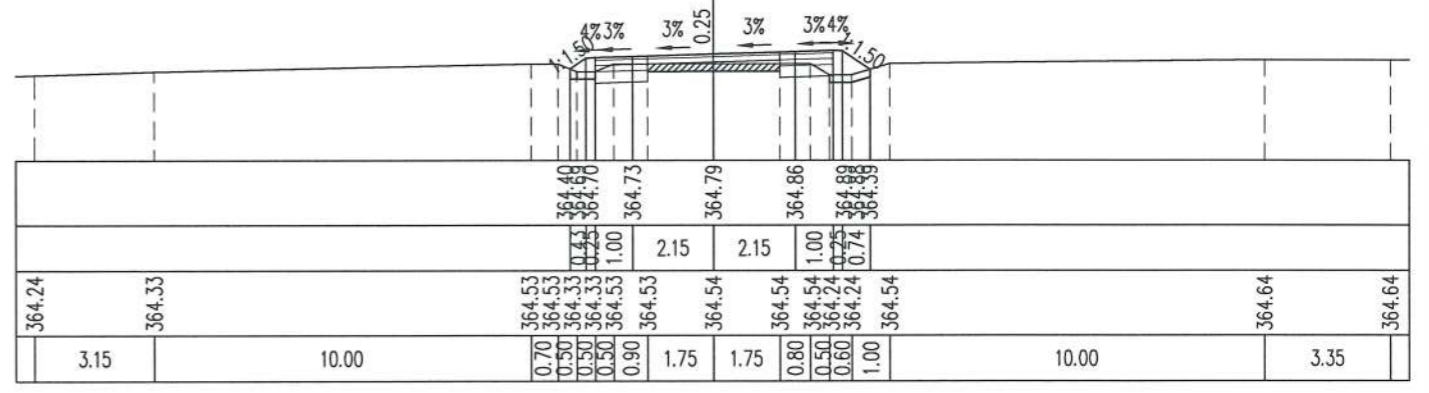


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.95 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.00 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.04 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.32 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 152  
 KM2+510.94

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.16 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.83 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.14 m

R=100.00  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=0.80

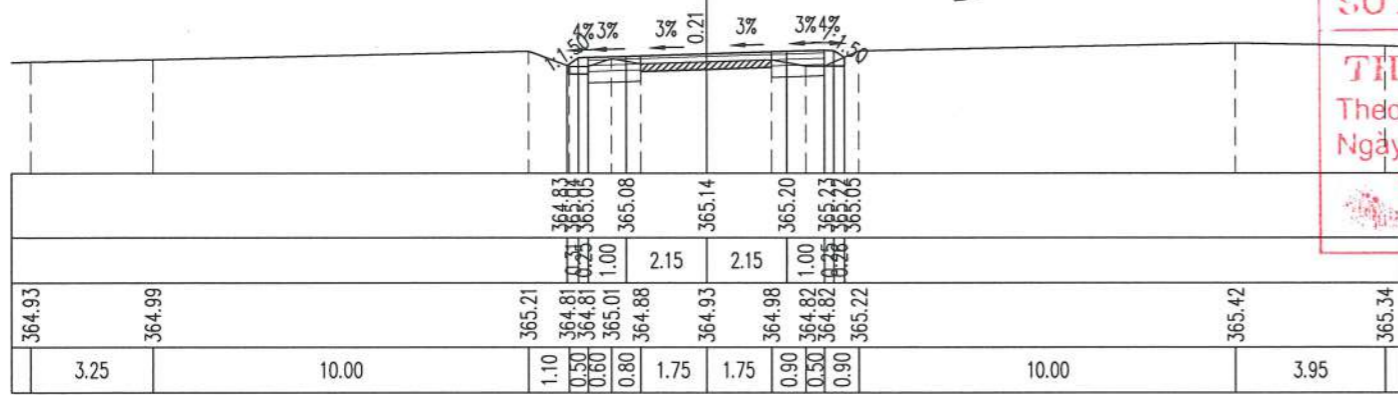


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.39 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.21 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.07 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.10 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 151  
 KM2+494.87

Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.71 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.66 m

R=100.00  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=0.80

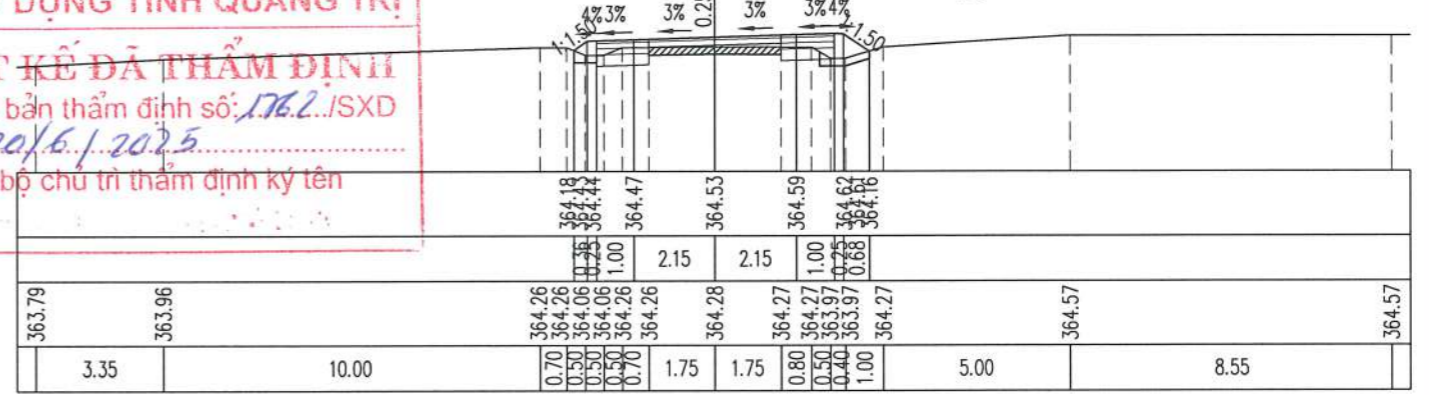


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.95 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.91 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.16 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.27 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 153  
 KM2+523.01

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.17 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.76 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.08 m

R=100.00  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=0.80



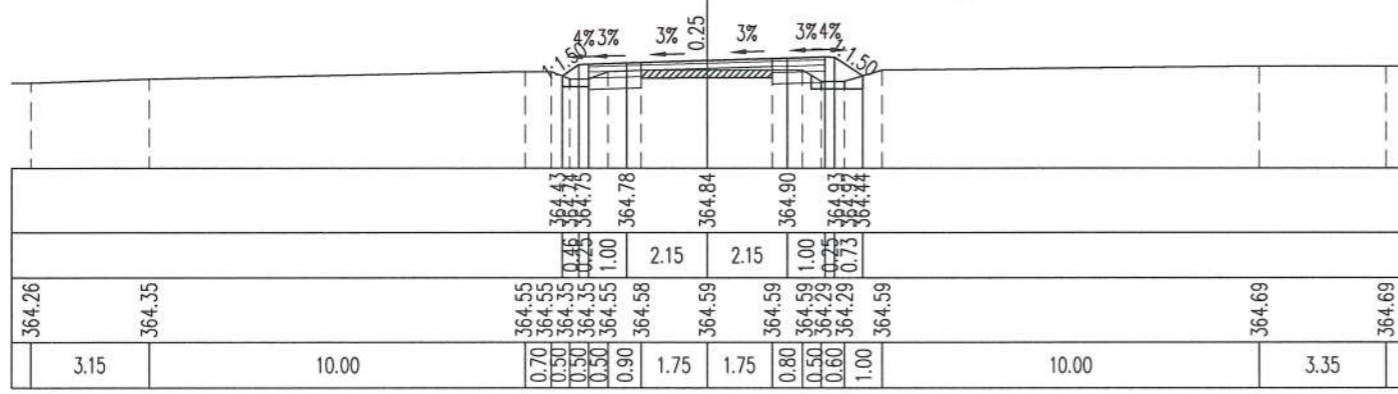
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 176.2./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.05 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.94 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.26 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.22 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P34  
 KM2+508.71

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.15 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.86 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.13 m

R=100.00  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=0.80

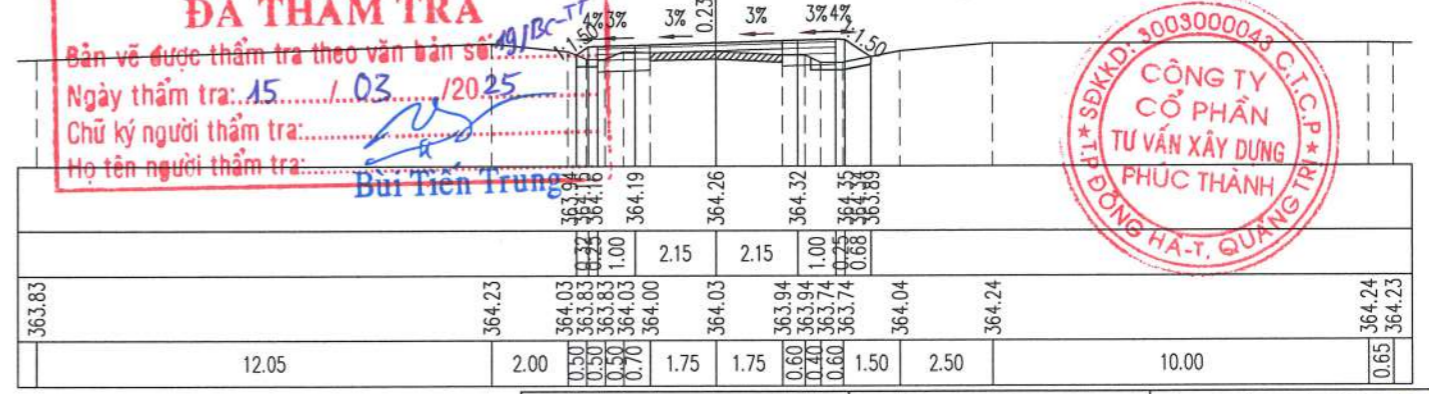


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.90 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.83 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.13 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.33 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 154  
 KM2+537.95

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.17 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.72 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.08 m

R=100.00  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=0.80



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 49/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

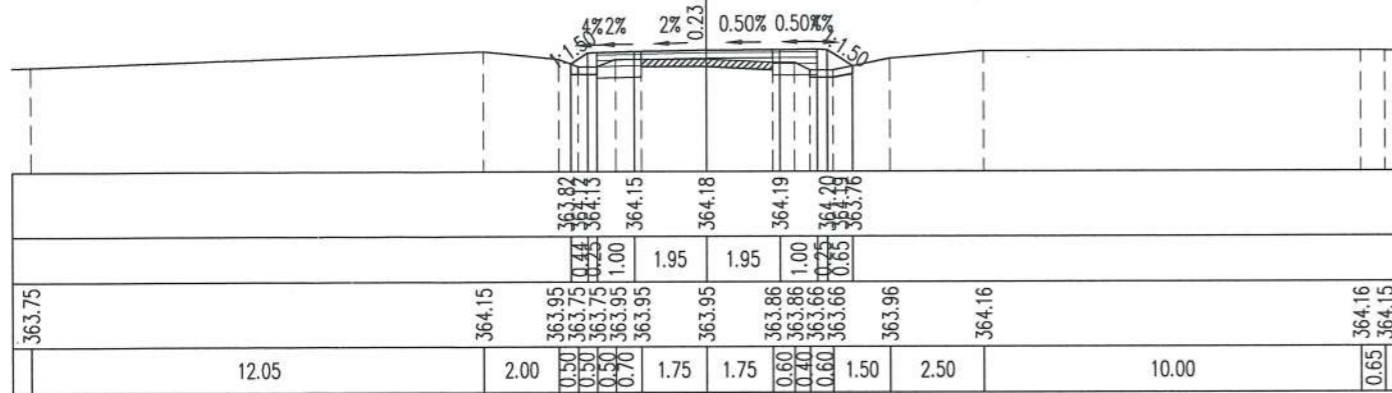
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐÔNG HẠ-T, QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.83 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.82 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.04 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.32 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC34  
 KM2+542.05

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.14 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.64 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.85 m

R=100.00  
 it1=2.00%  
 ip1=-0.50%  
 w1=0.40

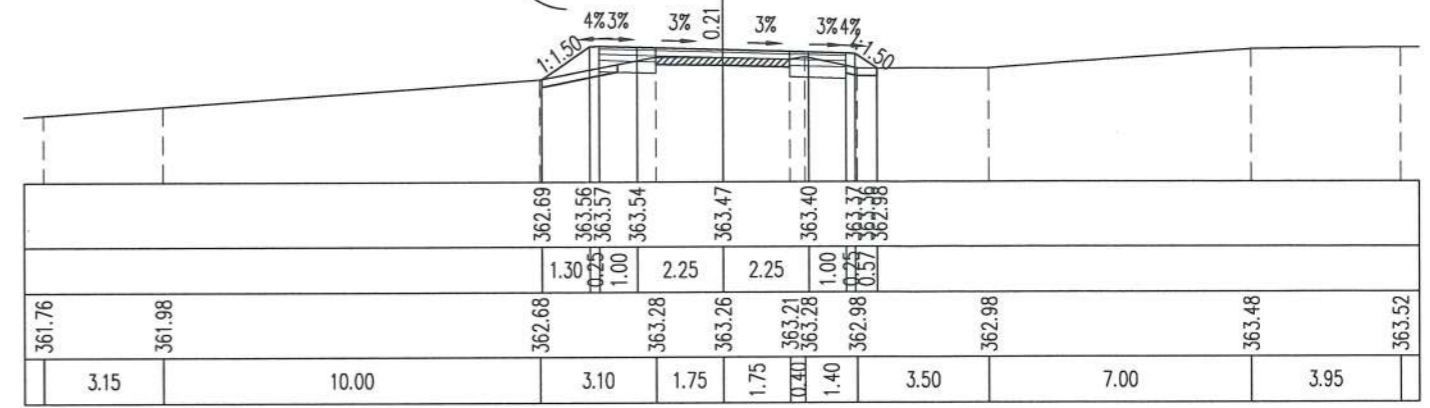


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.25 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.01 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.57 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 2.25 m

CỌC/STAKE: 157  
 KM2+581.46

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.03 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.80 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.07 m

R=90.00  
 it1=-3.00%  
 ip1=3.00%  
 w1=1.00

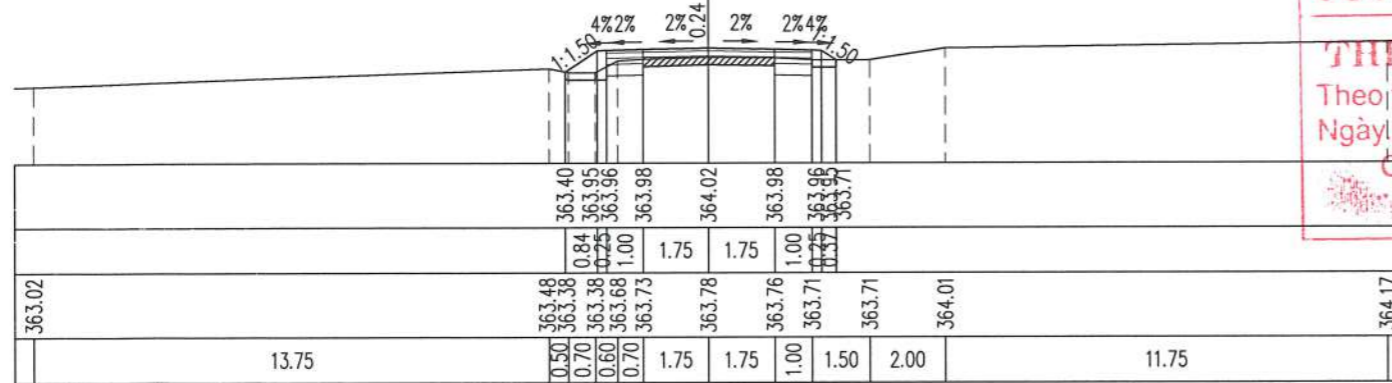


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.84 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.80 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.08 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.28 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 1.45 m

CỌC/STAKE: 155  
 KM2+551.16

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.10 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.84 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.37 m

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1.762.1/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

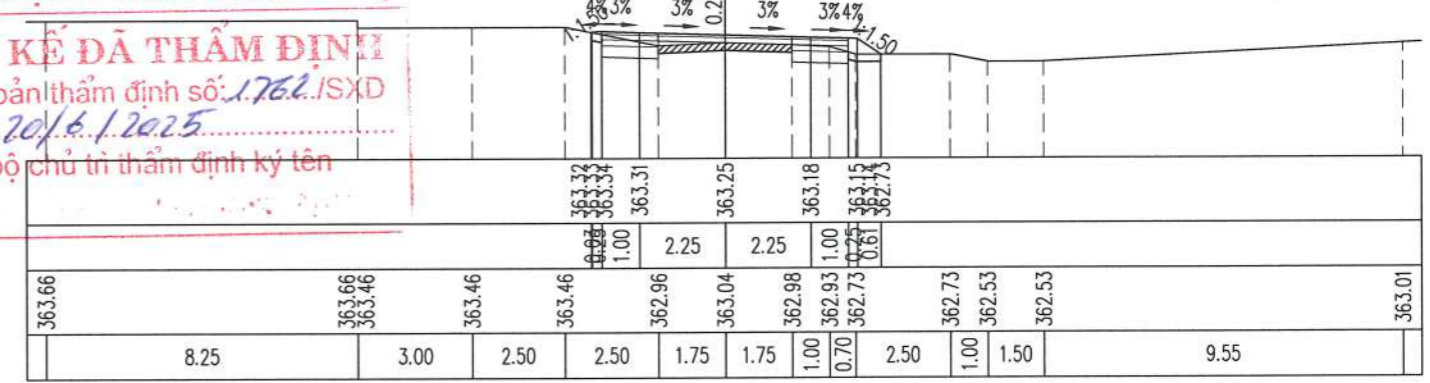


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.46 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.32 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.23 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 158  
 KM2+594.77

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.11 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.53 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.11 m

R=90.00  
 it1=-3.00%  
 ip1=3.00%  
 w1=1.00

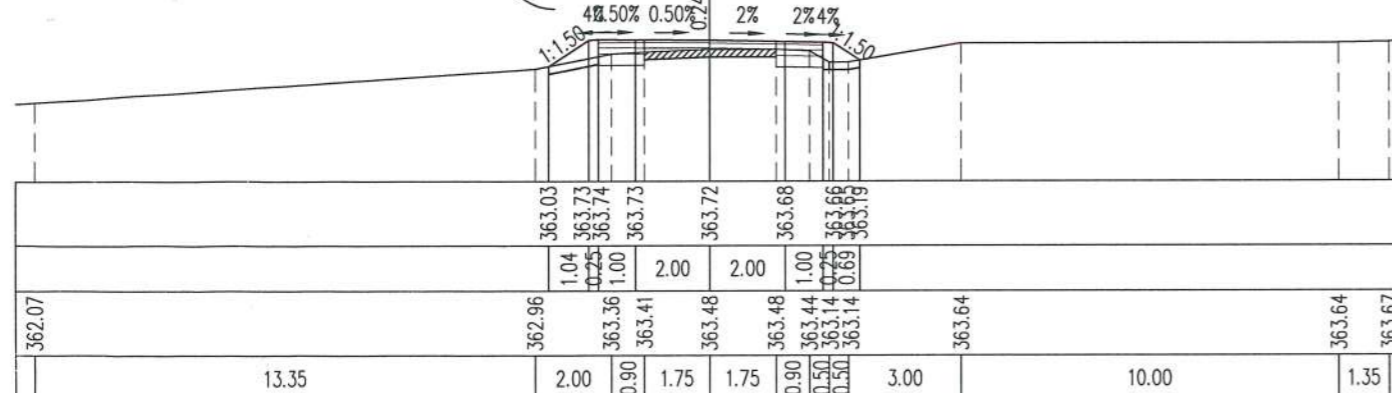


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.14 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.90 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.04 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.42 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 2.09 m

CỌC/STAKE: TD35  
 KM2+567.54

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.15 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.29 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.94 m

R=90.00  
 it1=-0.50%  
 ip1=2.00%  
 w1=0.50

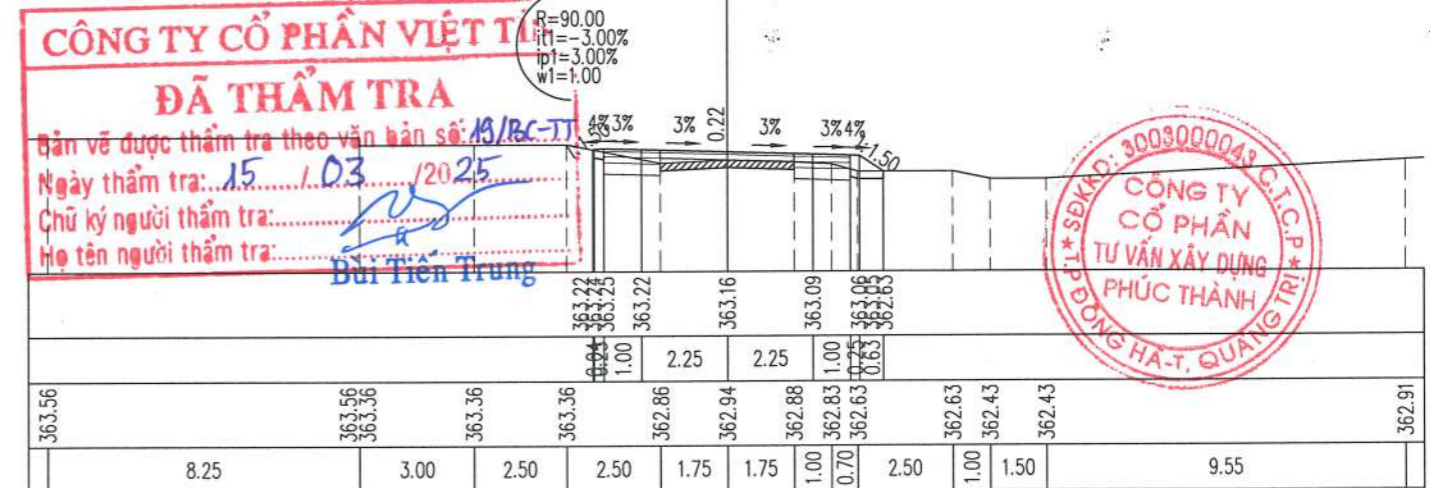


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.48 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.29 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.23 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P35  
 KM2+602.17

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.14 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.54 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.13 m

R=90.00  
 it1=-3.00%  
 ip1=3.00%  
 w1=1.00



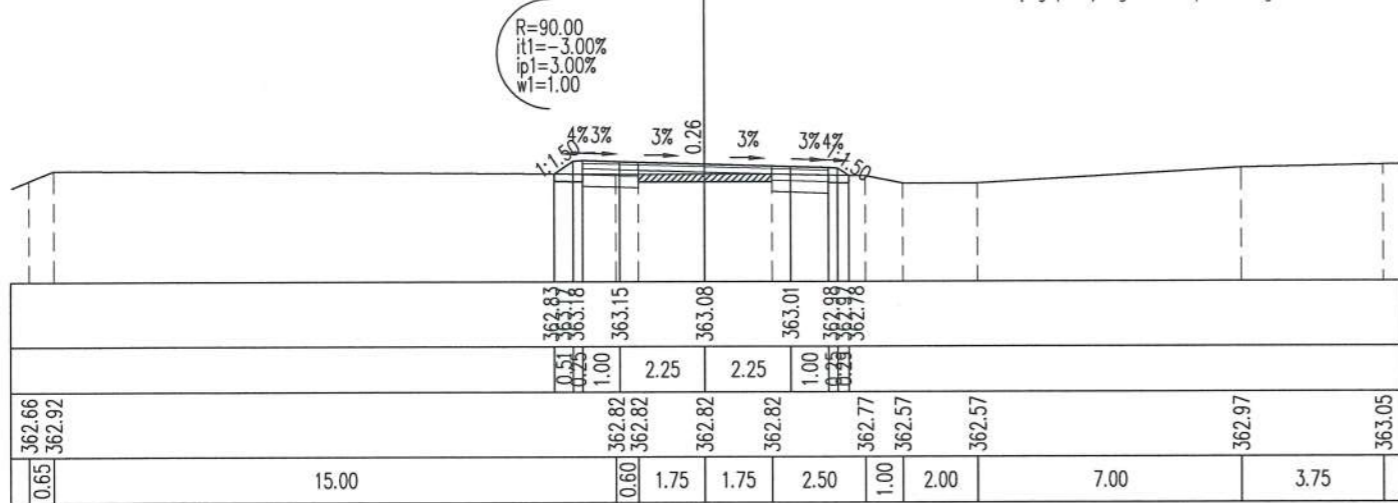
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT T...**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 13/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.51m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.20m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.26m2

CỌC/STAKE: 159  
 KM2+611.43

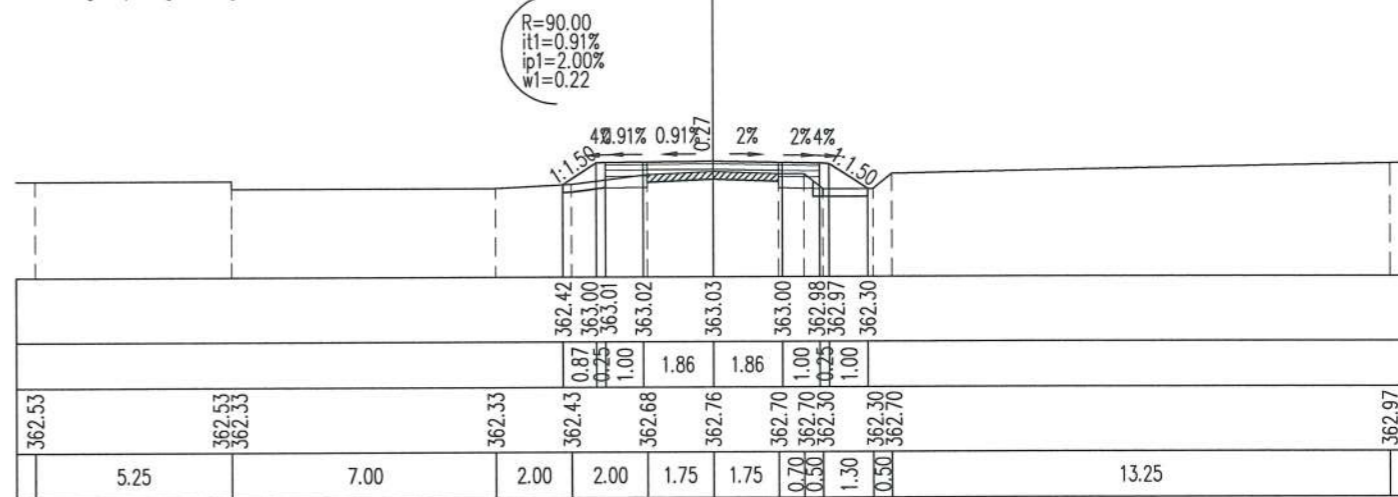
Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.18m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.01m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.79m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.35m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.63m2  
 Định cấp/Bench-cut : 0.08m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.46m2  
 L trồng cỏ/Length of grass : 2.24m

CỌC/STAKE: 161  
 KM2+638.77

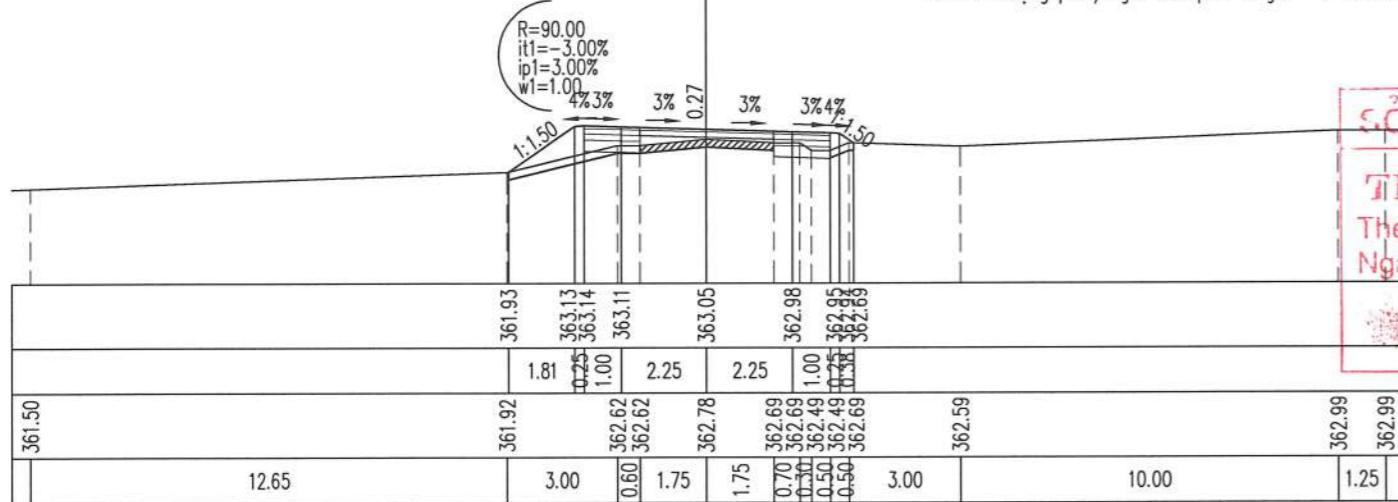
Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.30m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.22m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.98m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.11m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.74m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.45m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.84m2  
 L trồng cỏ/Length of grass : 2.63m

CỌC/STAKE: 160  
 KM2+624.60

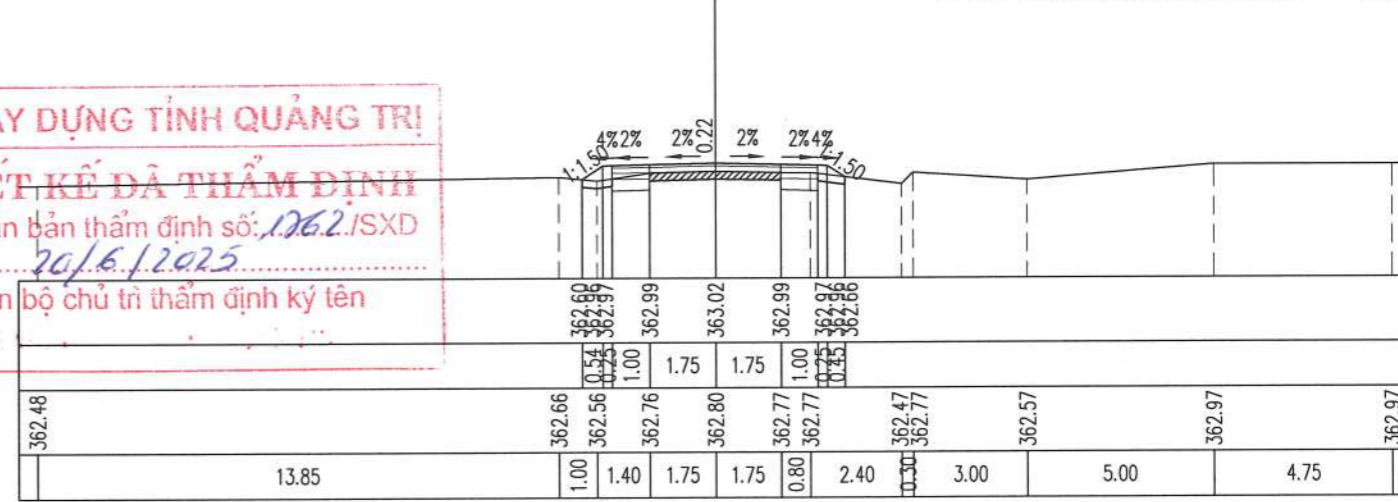
Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.42m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 5.31m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.88m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.61m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.85m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.30m2

CỌC/STAKE: 162  
 KM2+651.32

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.04m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.54m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.45m

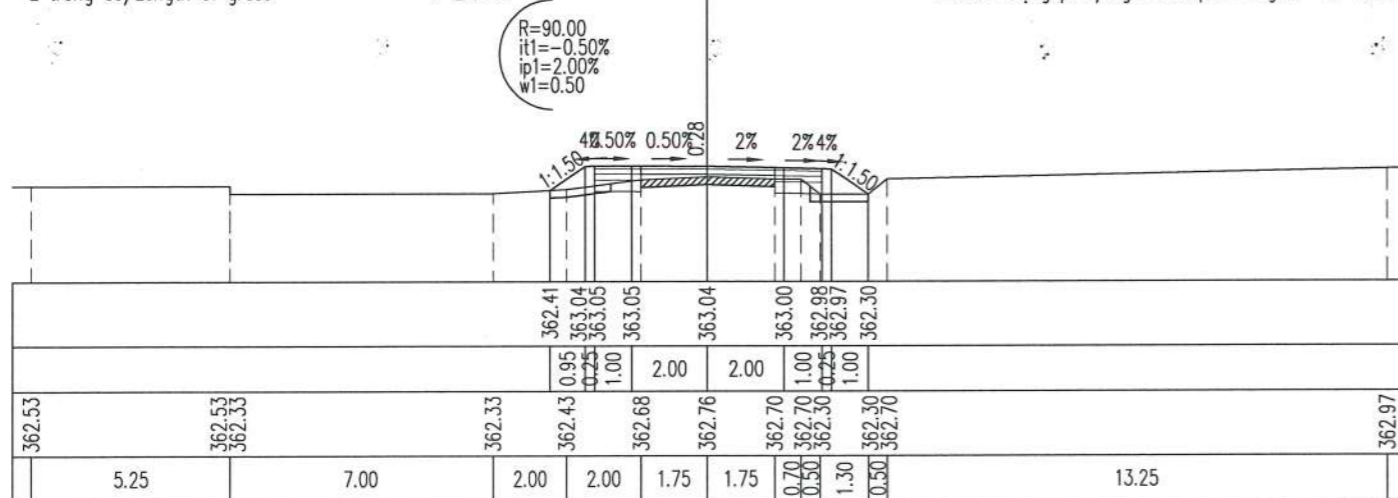


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ DẪN THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 126.2/ISXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.47m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.54m2  
 Định cấp/Bench-cut : 0.08m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.59m2  
 L trồng cỏ/Length of grass : 2.34m

CỌC/STAKE: TC35  
 KM2+636.80

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.33m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.20m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.25m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.64m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.80m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.32m2

CỌC/STAKE: 163  
 KM2+666.56

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.04m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.42m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.69m

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 49/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐƯỜNG HẠT QUẢNG TRỊ

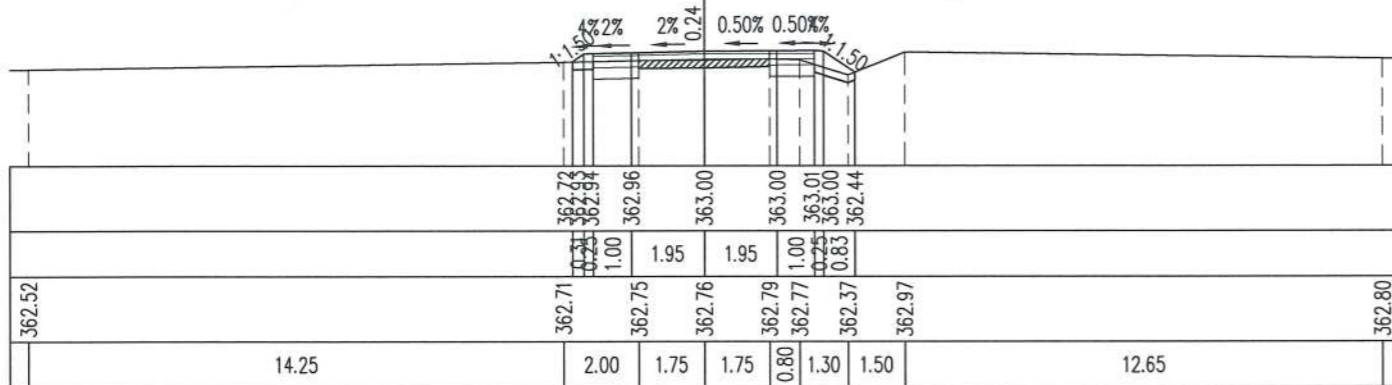
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.73 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.06 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.33 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD36

KM2+676.59

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.04 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.51 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.03 m

R=119.98  
 it1=2.00%  
 ip1=-0.50%  
 w1=0.40



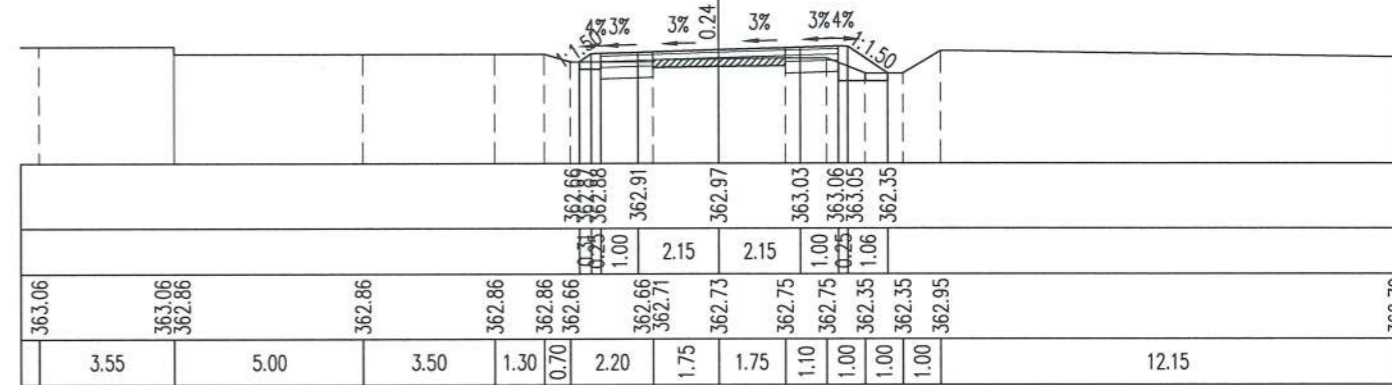
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.01 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.11 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.24 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.23 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P36

KM2+701.20

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.11 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.71 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.46 m

R=119.98  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=0.80



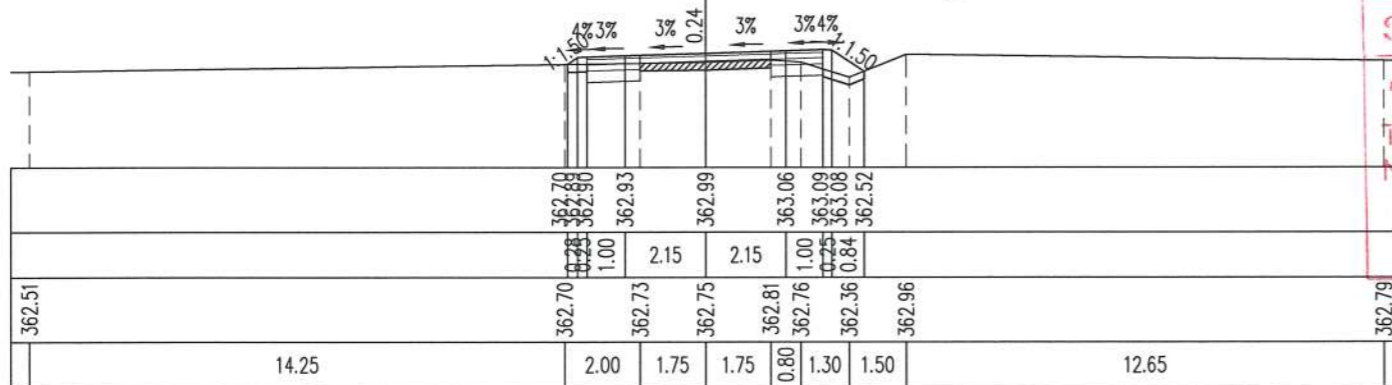
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.84 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.13 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.32 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 164

KM2+680.13

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.08 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.68 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.24 m

R=119.98  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=0.80



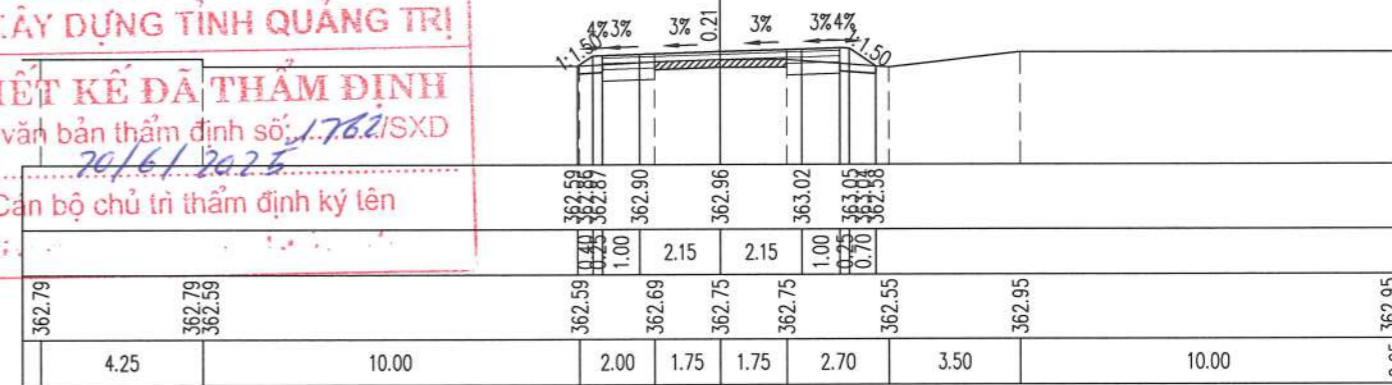
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.68 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.08 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.32 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 166

KM2+711.67

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.05 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.80 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.10 m

R=119.98  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=0.80



**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1.762/SXD  
 Ngày: 20/01/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký lên

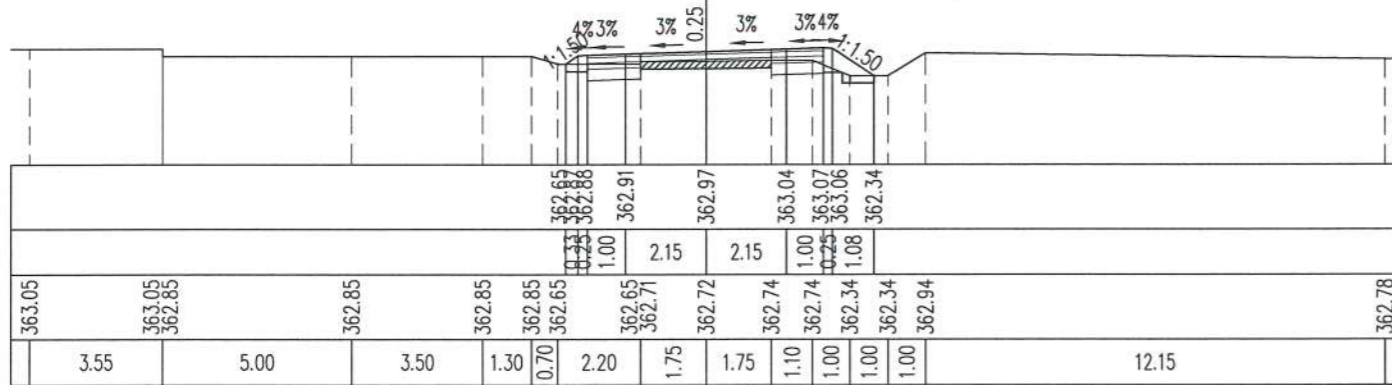
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.90 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.07 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.10 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.24 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 165

KM2+697.02

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.15 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.80 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.73 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.48 m

R=119.98  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=0.80



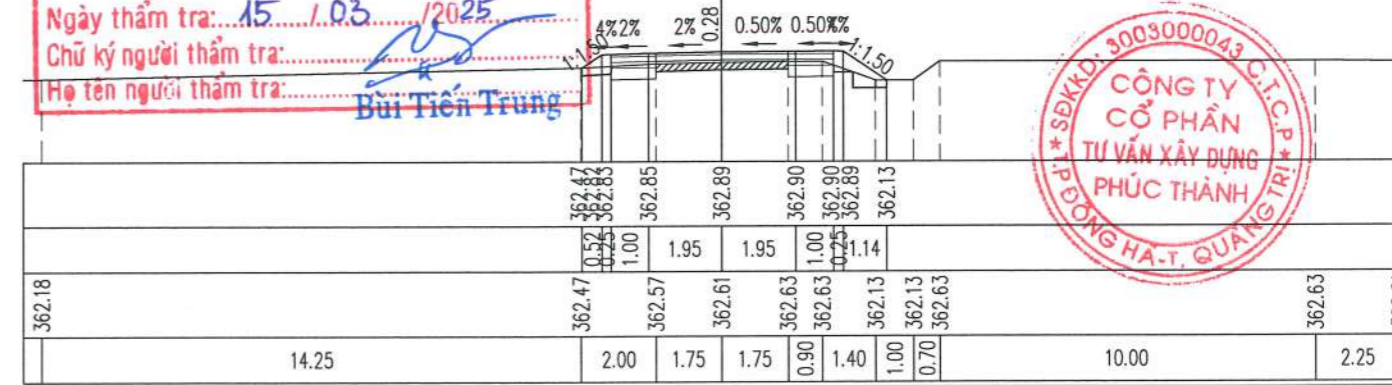
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.02 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.91 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.23 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.21 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC36

KM2+725.81

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.23 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.72 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.34 m

R=119.98  
 it1=2.00%  
 ip1=-0.50%  
 w1=0.40



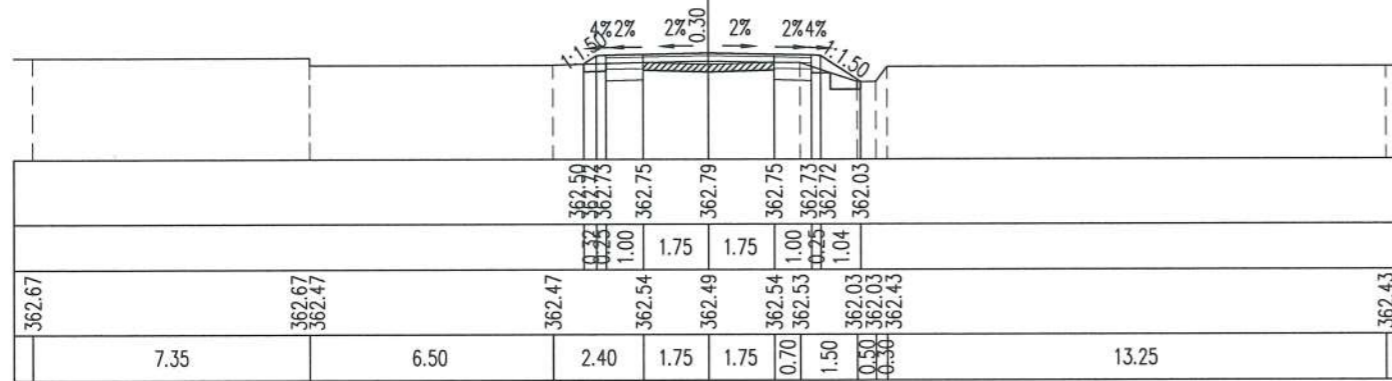
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiến Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 3003000043  
 QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.78 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.90 m<sup>2</sup>  
 Định cấp/Bench-cut : 0.26 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.13 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 168  
 KM2+746.04

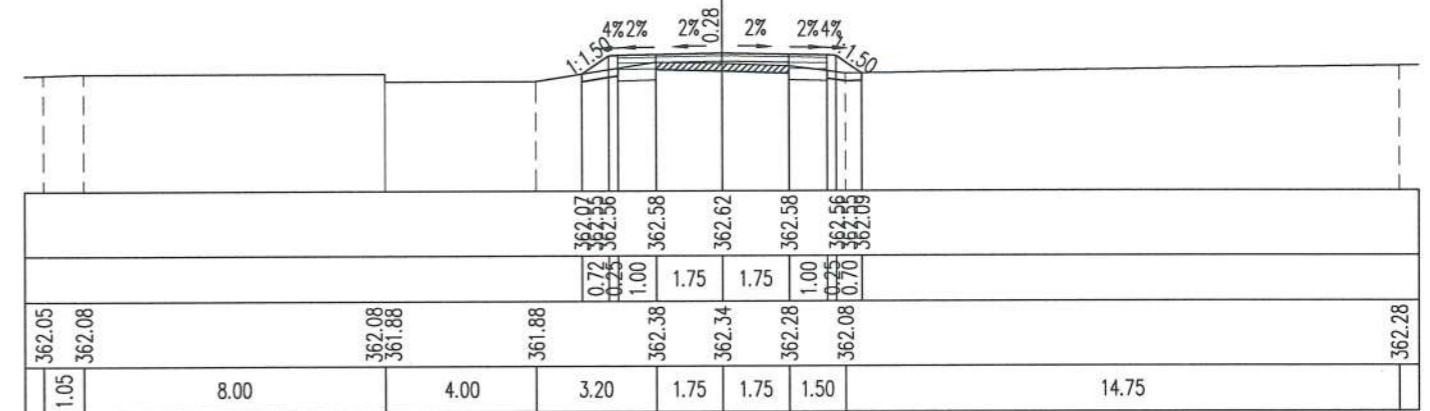
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.15 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.32 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.04 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.87 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.71 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.38 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 171  
 KM2+793.45

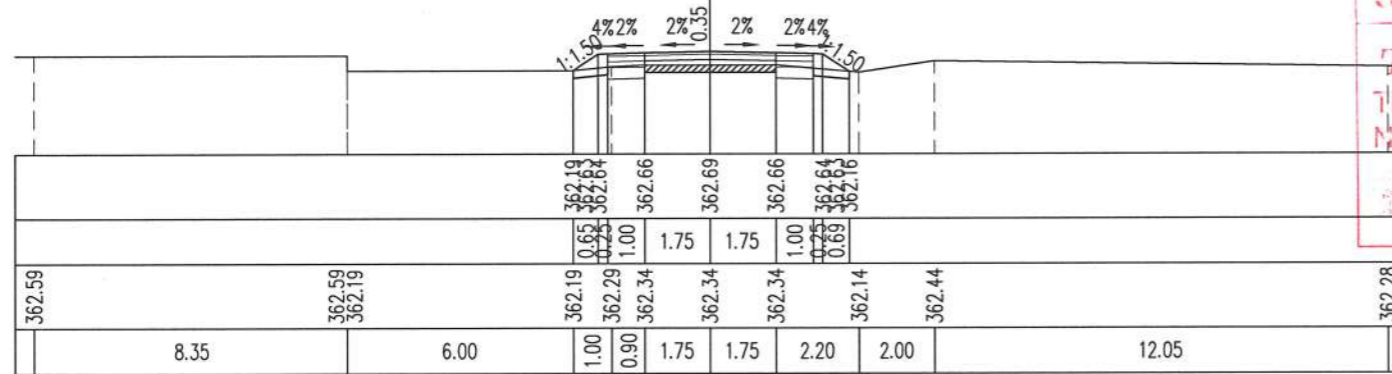
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.19 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.72 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.70 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.82 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.66 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.37 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 169  
 KM2+764.94

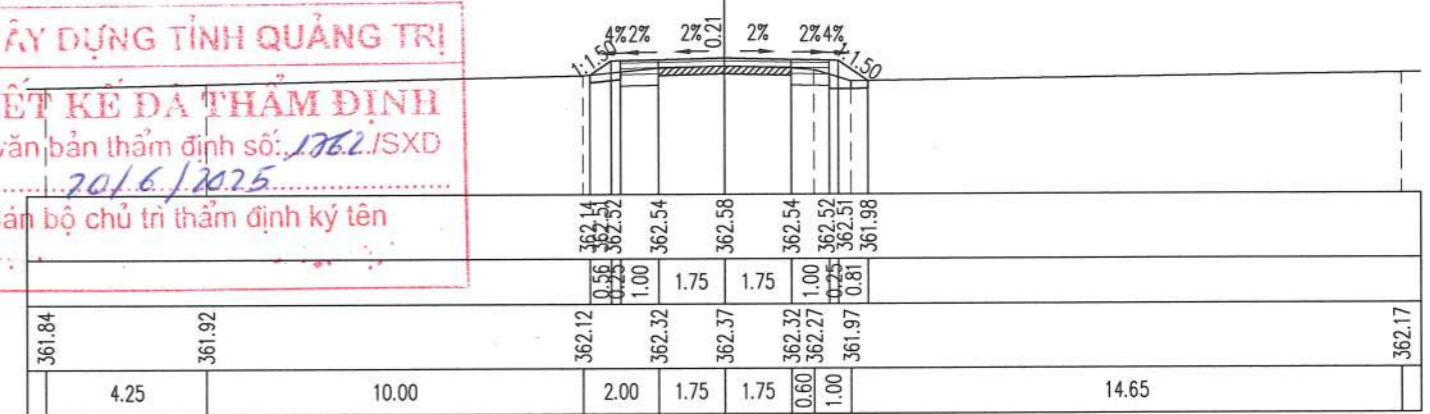
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.43 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.65 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.69 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.90 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.81 m<sup>2</sup>  
 Định cấp/Bench-cut : 0.17 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 172  
 KM2+807.66

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.02 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.56 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.81 m

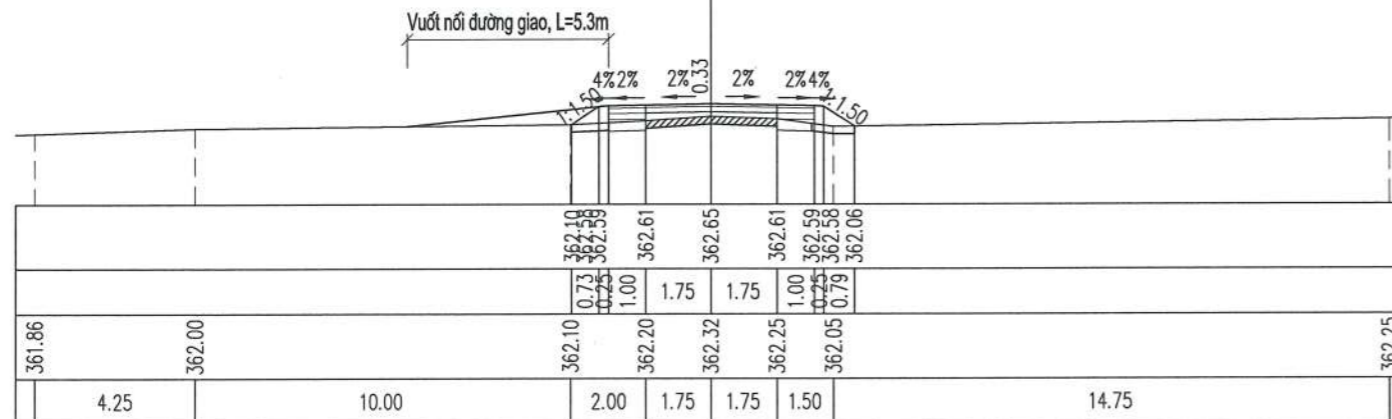


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 176.2/ SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.01 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.47 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.42 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 170  
 KM2+780.21

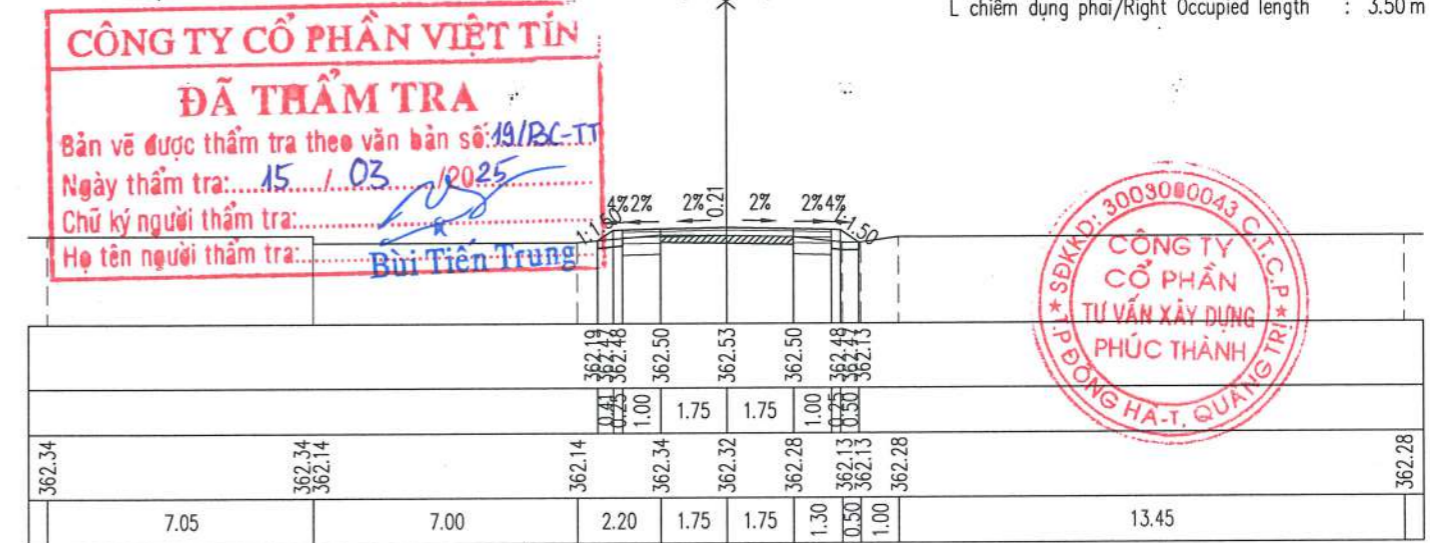
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.52 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.73 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.79 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.51 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.89 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.28 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 173  
 KM2+825.88

Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.41 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.50 m



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐƯỜNG HA-T, QUẢNG TRỊ

CẮT NGANG TUYẾN /  
 HORIZONTAL PROFILE

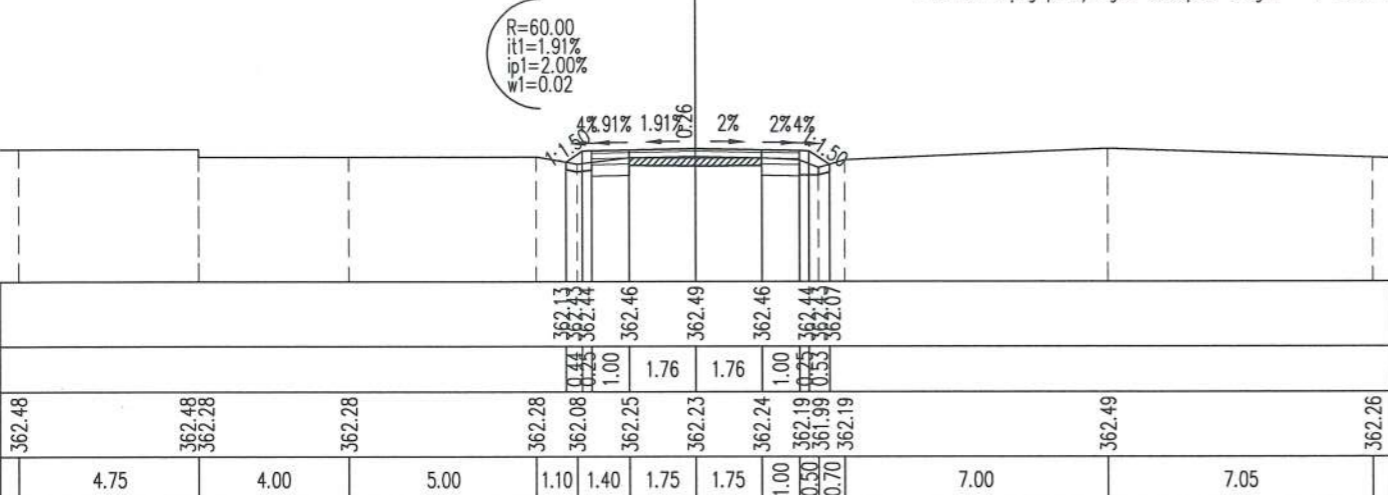
TỶ LỆ / SCALE: 1/200  
 LÀN XUẤT BẢN / REV:

BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 79  
 MÃ SỐ / CODE:

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.69 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.86 m2  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.15 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.20 m2

CỌC/STAKE: 174  
 KM2+839.33

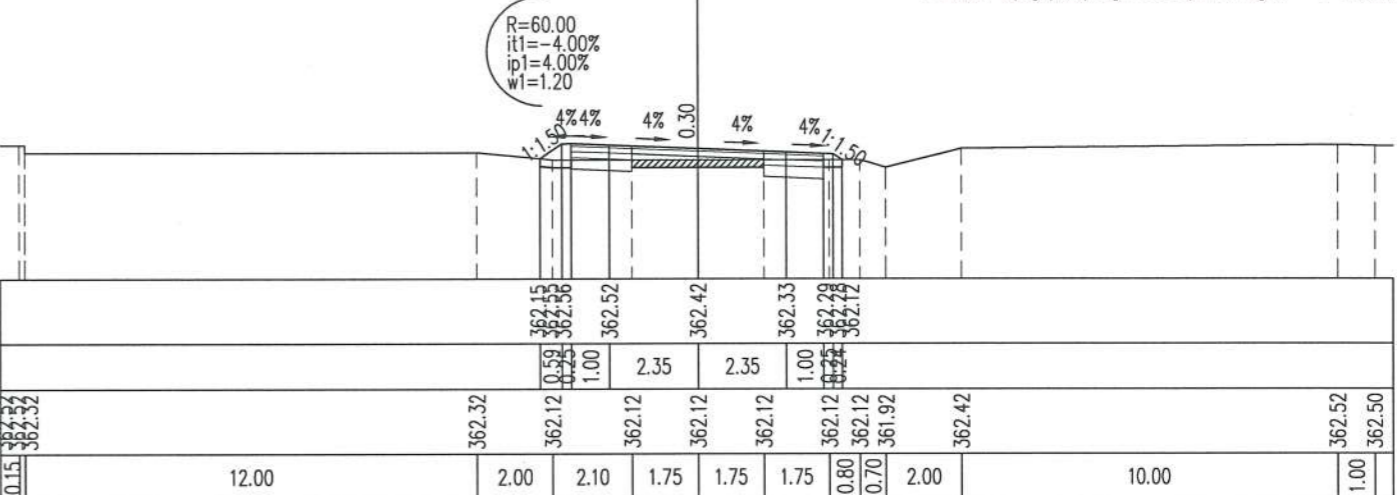
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.09 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.02 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.45 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.54 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.56 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.18 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.27 m2

CỌC/STAKE: P37  
 KM2+863.02

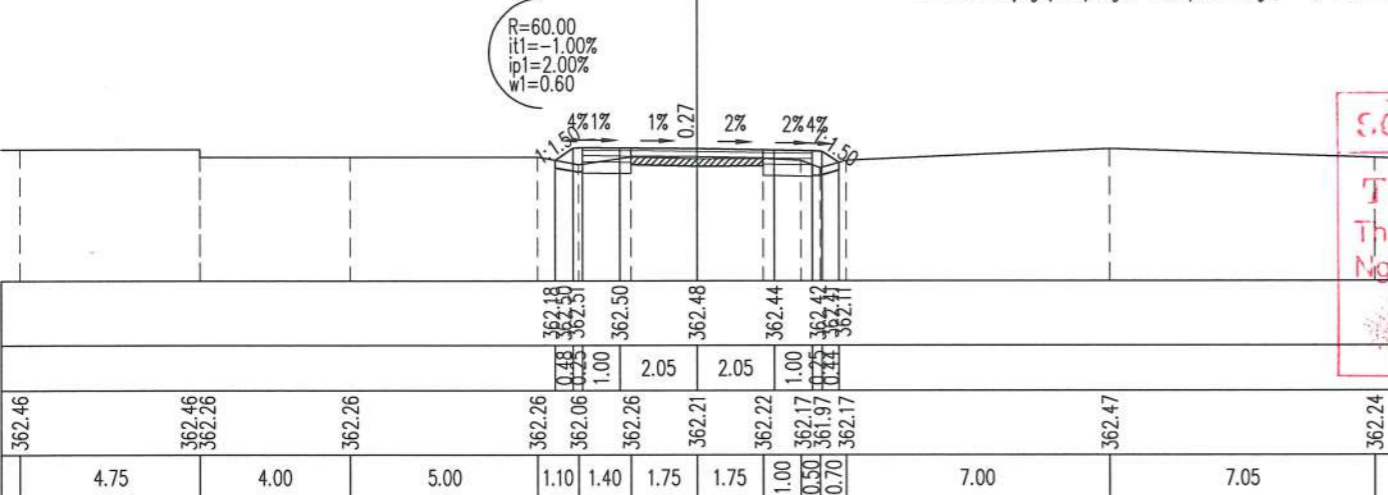
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.32 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.20 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.19 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.84 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.70 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.98 m2  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.05 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m2

CỌC/STAKE: TD37  
 KM2+844.18

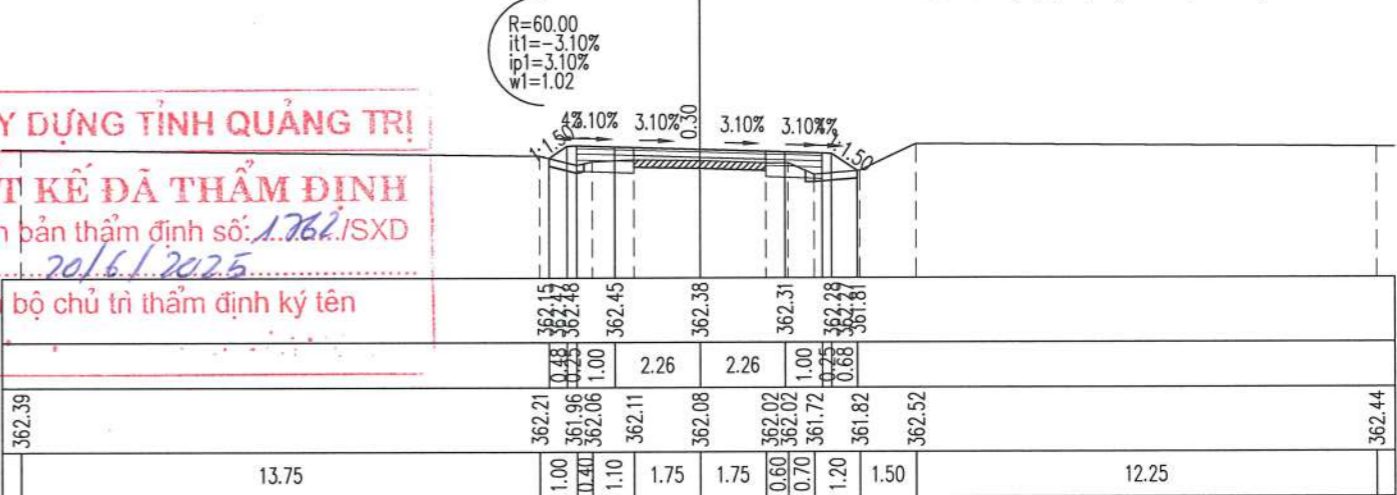
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.13 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.60 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.78 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.74 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.91 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.75 m2  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.06 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.41 m2

CỌC/STAKE: 176  
 KM2+878.35

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.33 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.02 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.99 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.19 m

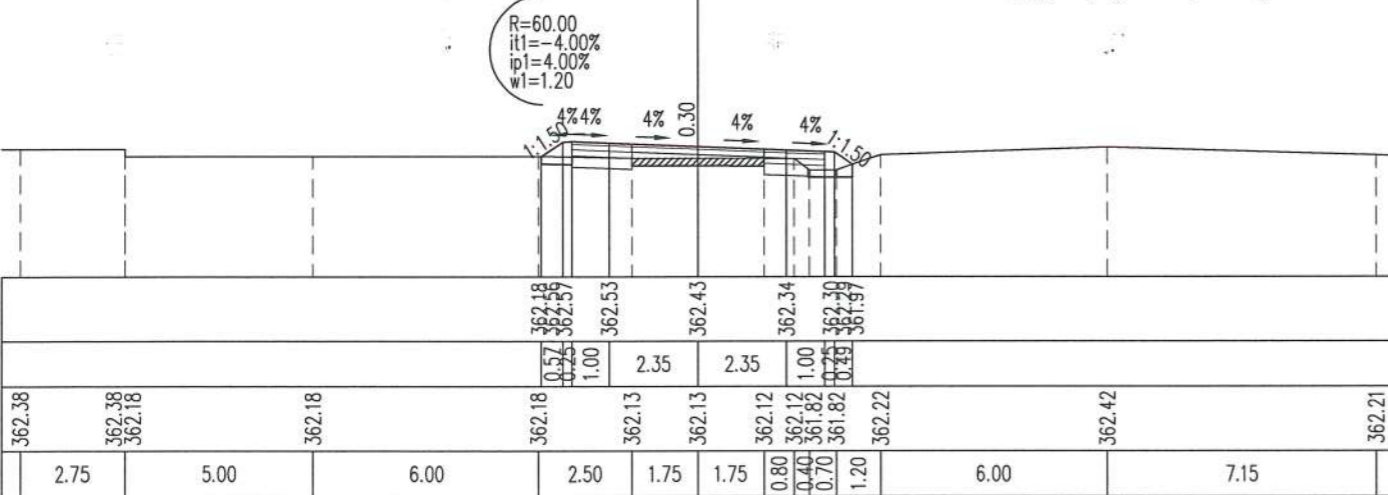


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1.762./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.80 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.92 m2  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.13 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.30 m2

CỌC/STAKE: 175  
 KM2+858.75

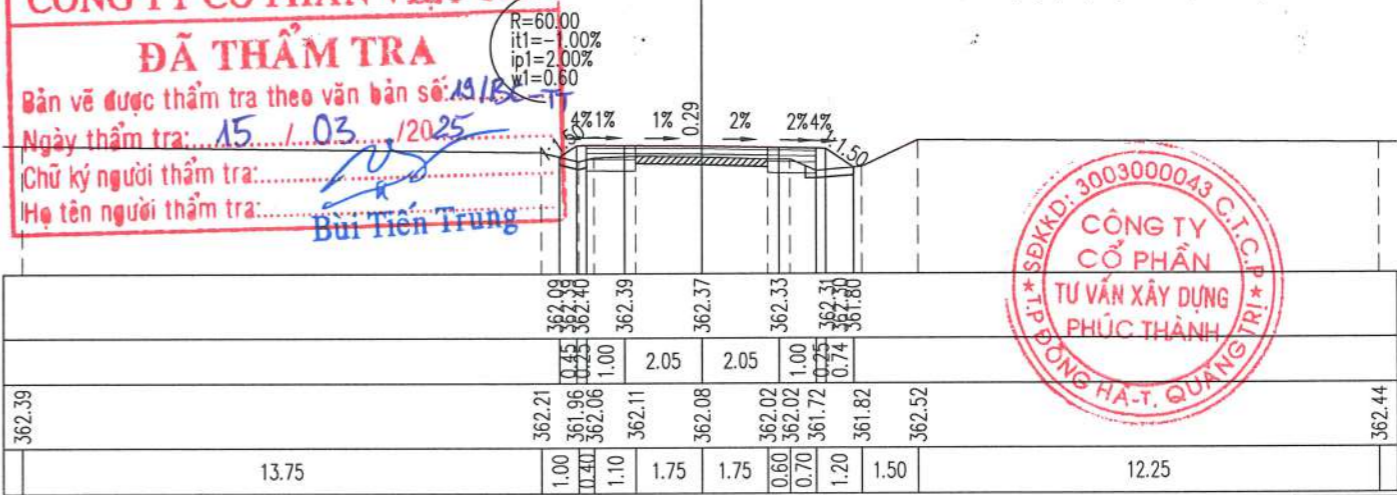
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.34 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.20 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.17 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.09 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.92 m2  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.80 m2  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.07 m2  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.34 m2

CỌC/STAKE: TC37  
 KM2+881.85

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.28 m2  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.60 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.75 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.04 m



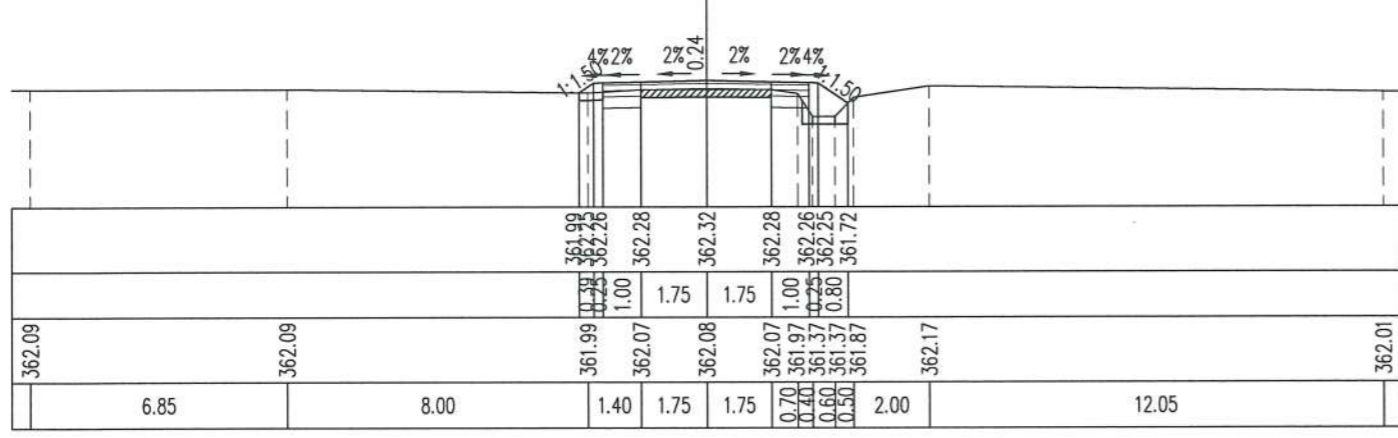
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 1518/T  
 Ngày thẩm tra: 15/1/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐƯỜNG H.A.T. QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.24 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.77 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.25 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 177  
 KM2+899.98

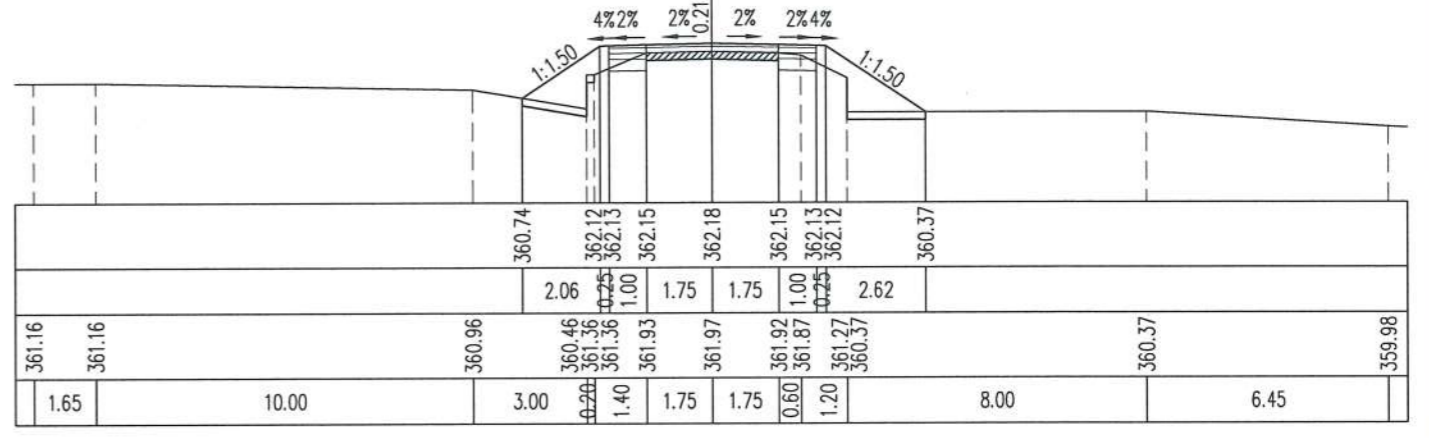
Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.05 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.39 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.80 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 4.23 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.64 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.79 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.79 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 5.62 m

CỌC/STAKE: 180  
 KM2+946.83

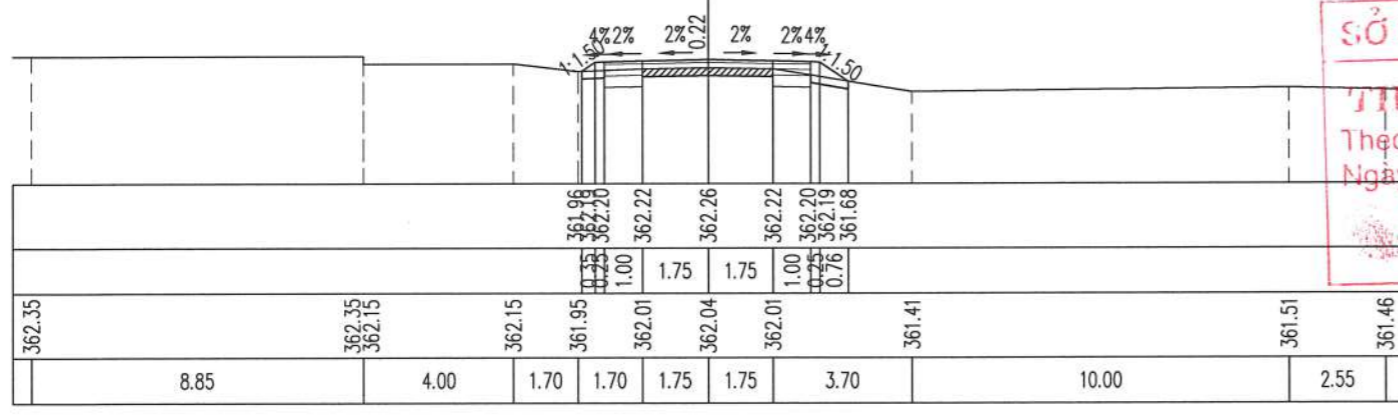
Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.01 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 5.06 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 5.62 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.66 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.84 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.32 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 178  
 KM2+920.52

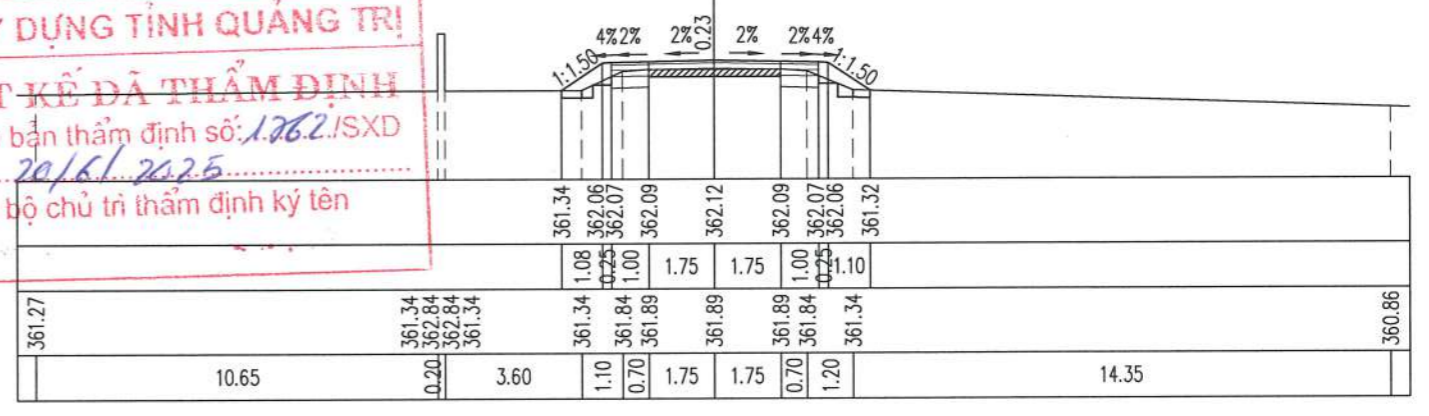
Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.01 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.35 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.76 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.32 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.86 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.30 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.20 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 2.62 m

CỌC/STAKE: 181  
 KM2+962.16

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.03 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.08 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.10 m

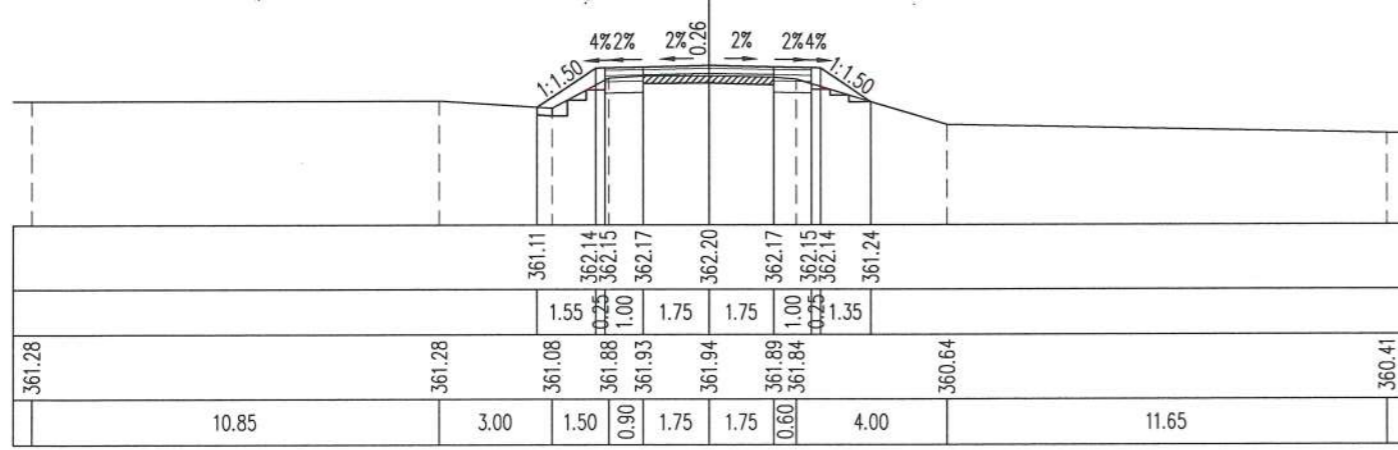


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 126.2./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.49 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.75 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.38 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.08 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 3.48 m

CỌC/STAKE: 179  
 KM2+938.77

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.18 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.55 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.35 m



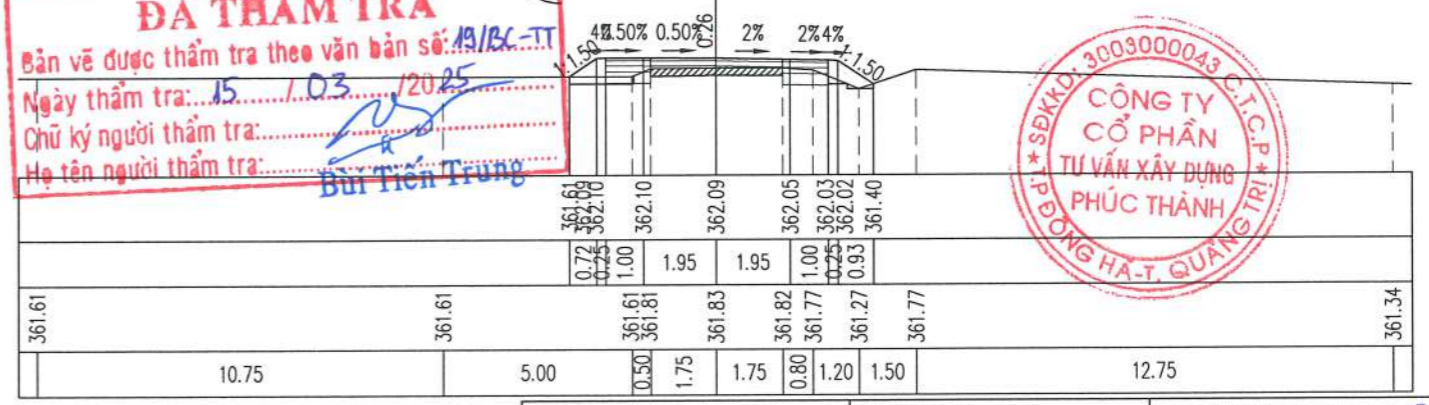
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.04 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.60 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.10 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.33 m<sup>2</sup>  
 L trồng cỏ/Length of grass : 1.99 m

CỌC/STAKE: TD38  
 KM2+972.36

Bù vênh CPDDDmax 25/Offset crushed stone: 0.17 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.40 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.92 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.13 m

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT T...**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: [Signature]  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

R=100.00  
 i1=-0.50%  
 i2=2.00%  
 w1=0.40



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 3003000043  
 PHÒNG HẠ-T. QUẢNG TRỊ

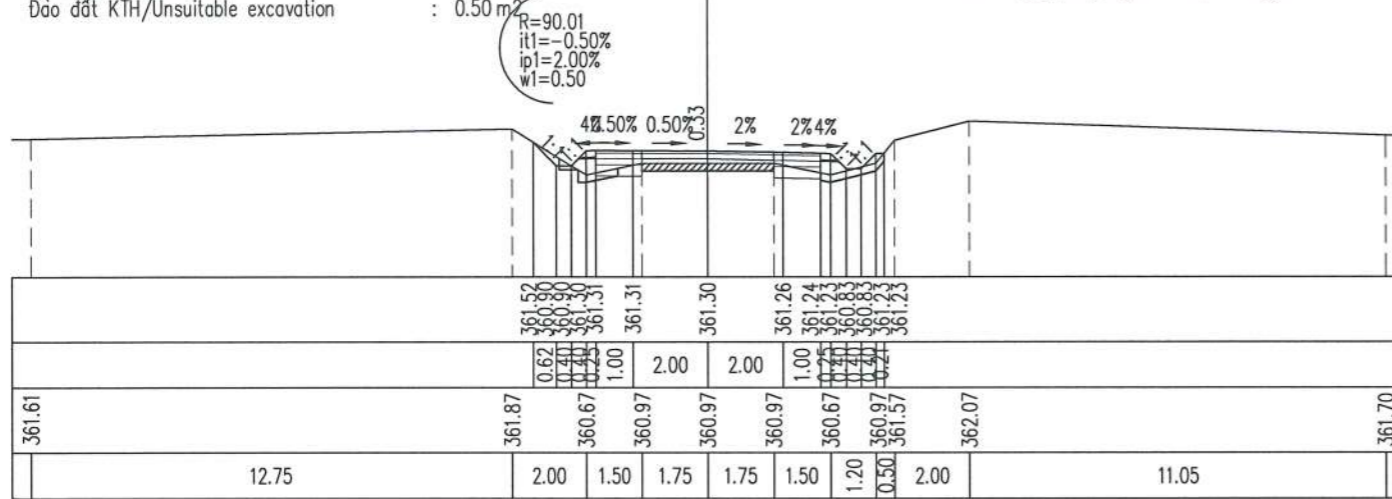


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.49 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.02 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.51 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.08 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.13 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.50 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD39

KM3+033.92

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone : 0.38 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.67 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.66 m

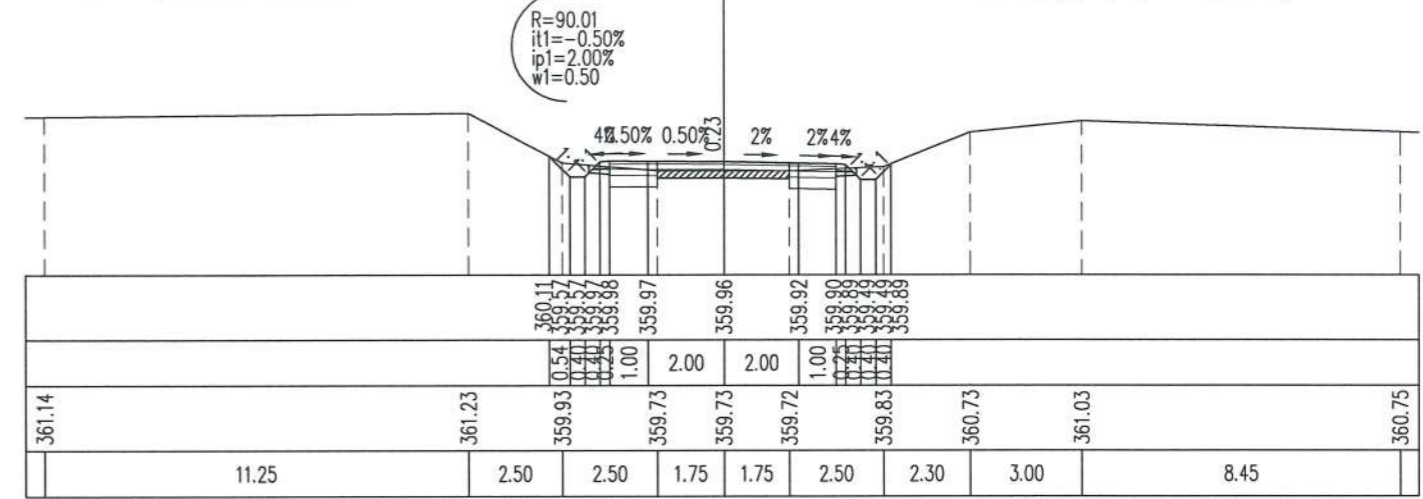


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.16 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.01 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.22 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.45 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.22 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC39

KM3+058.48

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone : 0.06 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.59 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.45 m

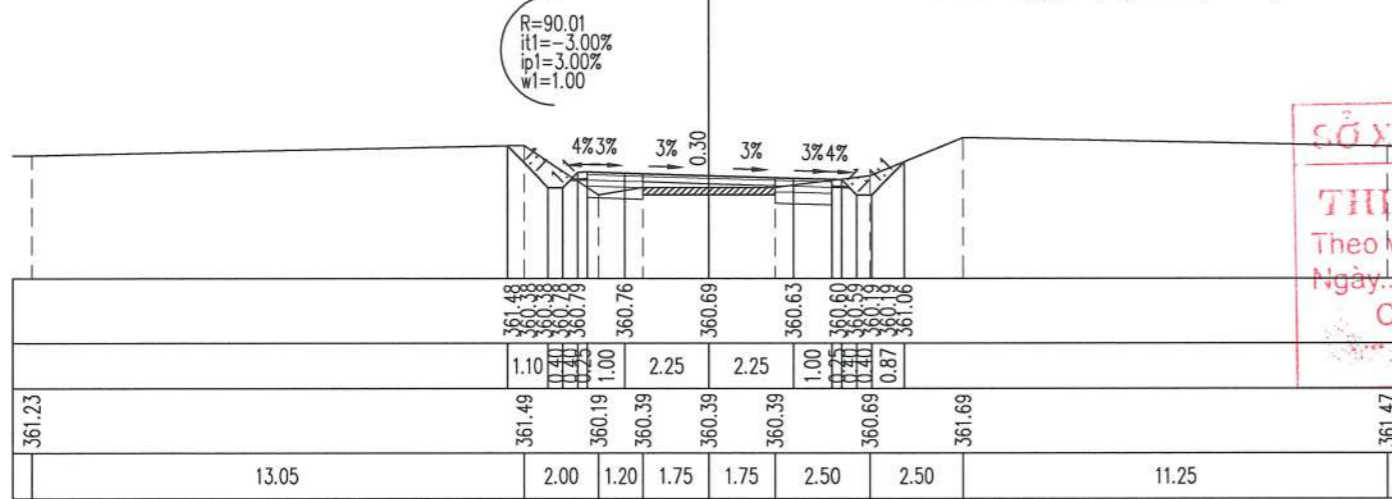


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.08 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.66 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.16 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.61 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P39

KM3+046.20

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone : 0.33 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 5.40 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 5.17 m

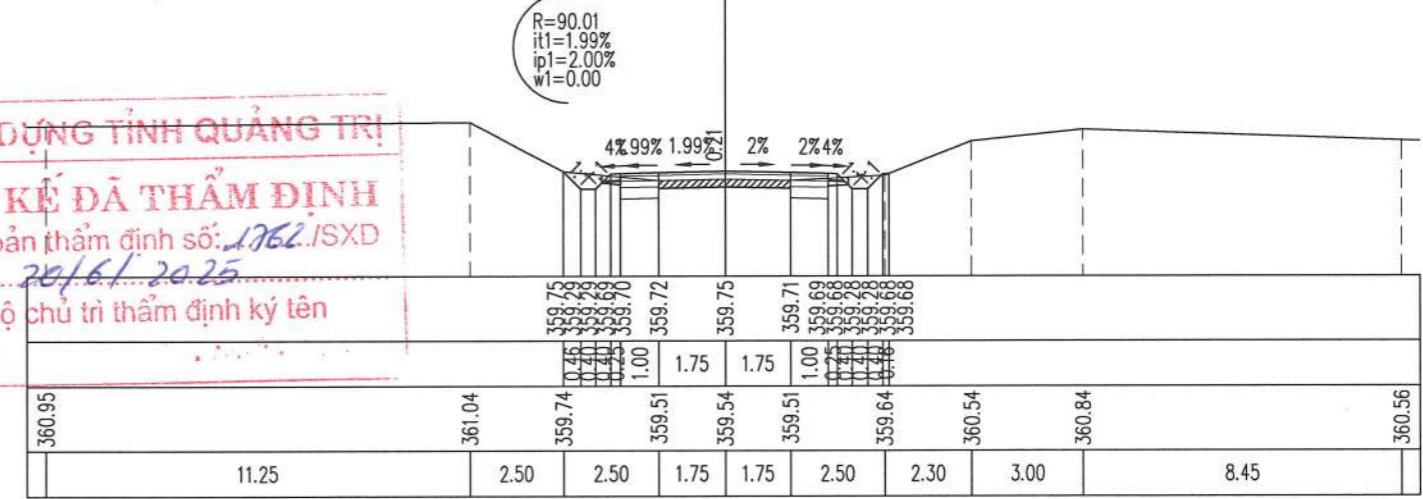


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.16 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.01 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.01 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.49 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.21 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 188

KM3+061.99

Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.26 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.36 m



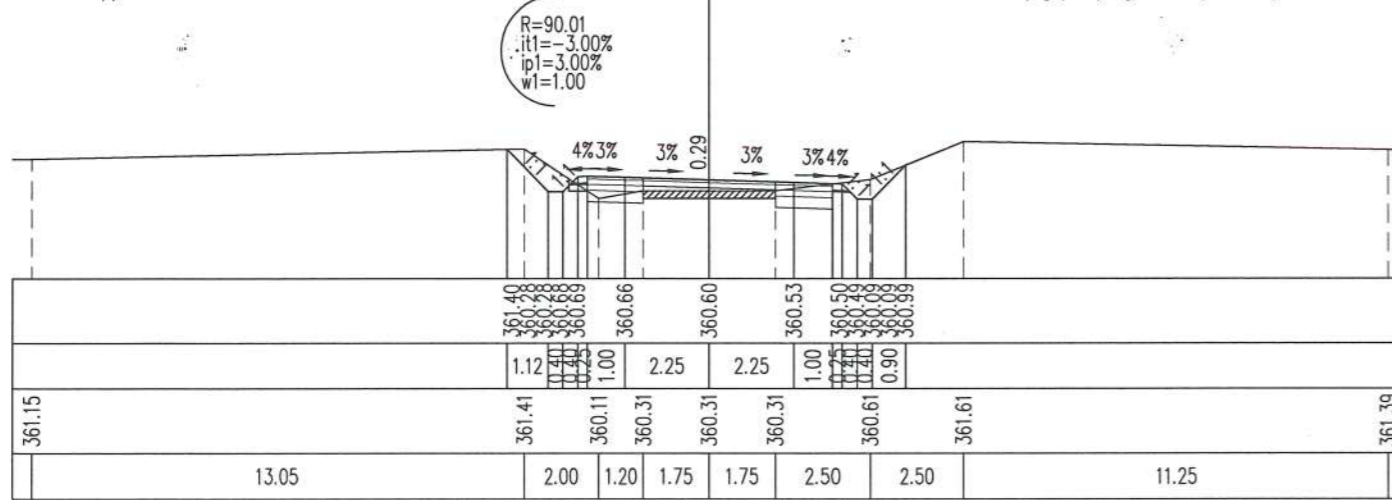
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762/ISXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.10 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.72 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.21 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.61 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.08 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 187

KM3+047.91

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone : 0.27 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 3.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 5.42 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 5.20 m

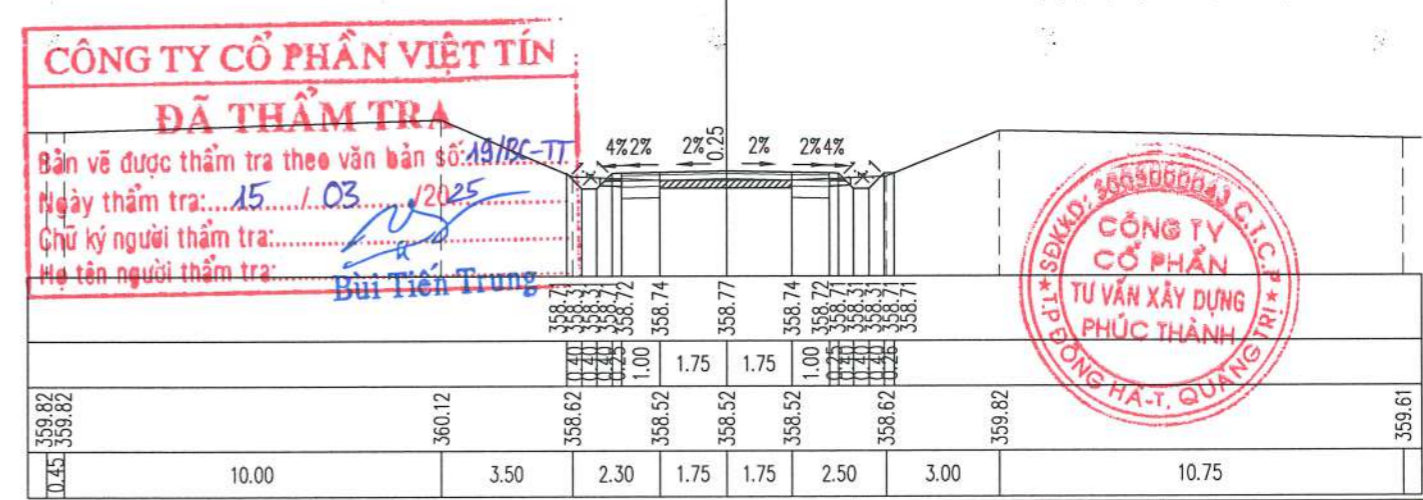


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.19 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.97 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.37 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.23 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 189

KM3+078.27

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone : 0.08 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.20 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.46 m



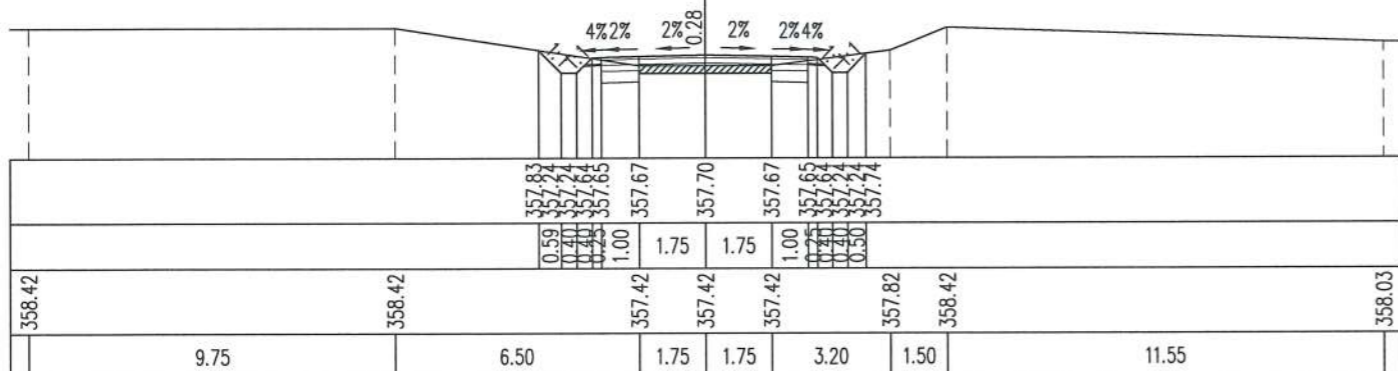
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 49/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiến Trung



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.03 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.14 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.13 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.63 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 190  
 KM3+096.07

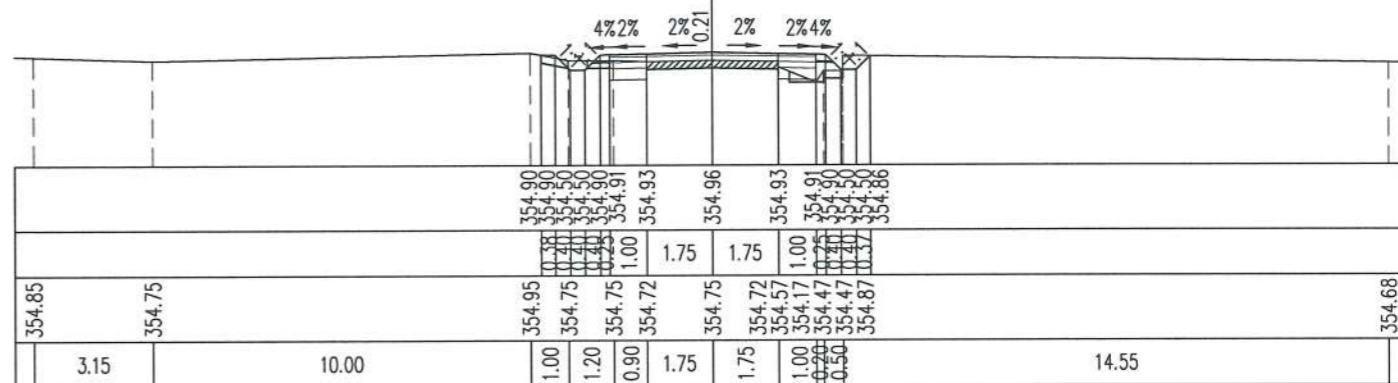
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.19 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.39 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.30 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.04 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.00 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.57 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.33 m<sup>2</sup>  
 Đánh cấp/Bench-cut : 0.13 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.36 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: D40=193  
 KM3+141.64

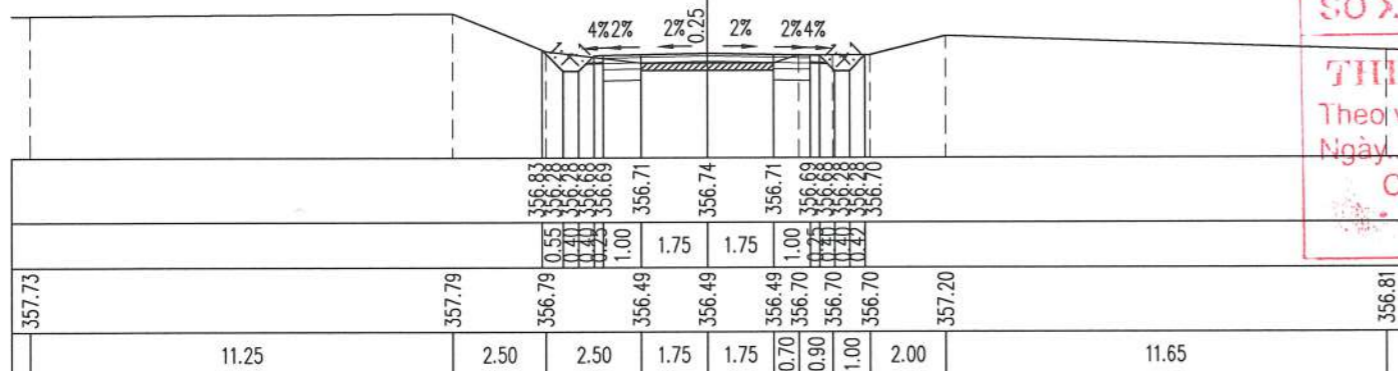
Bm đường cũ/Old road width : 5.25 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 5.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.57 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.17 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.01 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.09 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.25 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.63 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 191  
 KM3+111.96

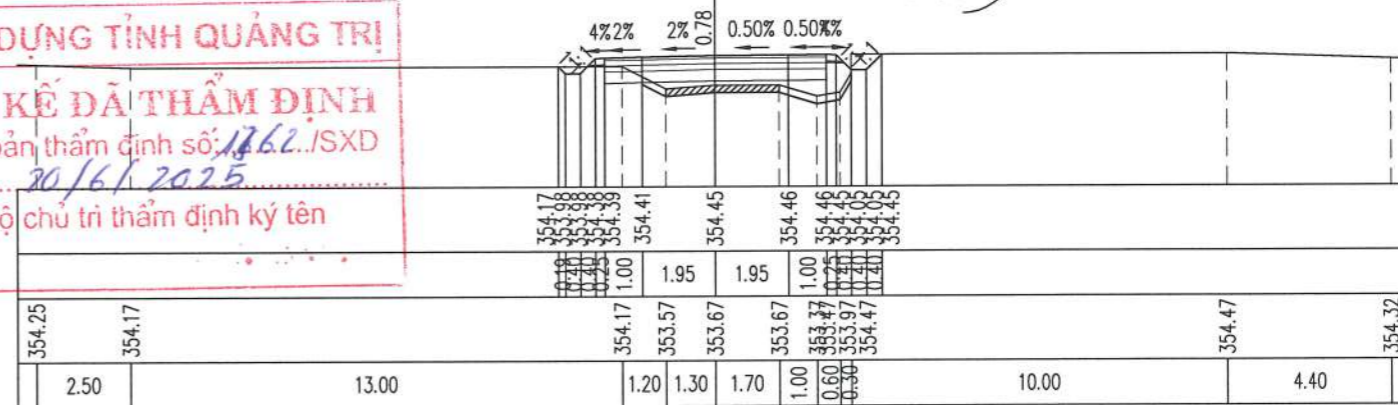
Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.10 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.35 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.22 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.19 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.01 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 0.73 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.35 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.51 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TD41  
 KM3+150.16

Bm mở rộng/Road width expansion : 6.90 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.19 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.40 m

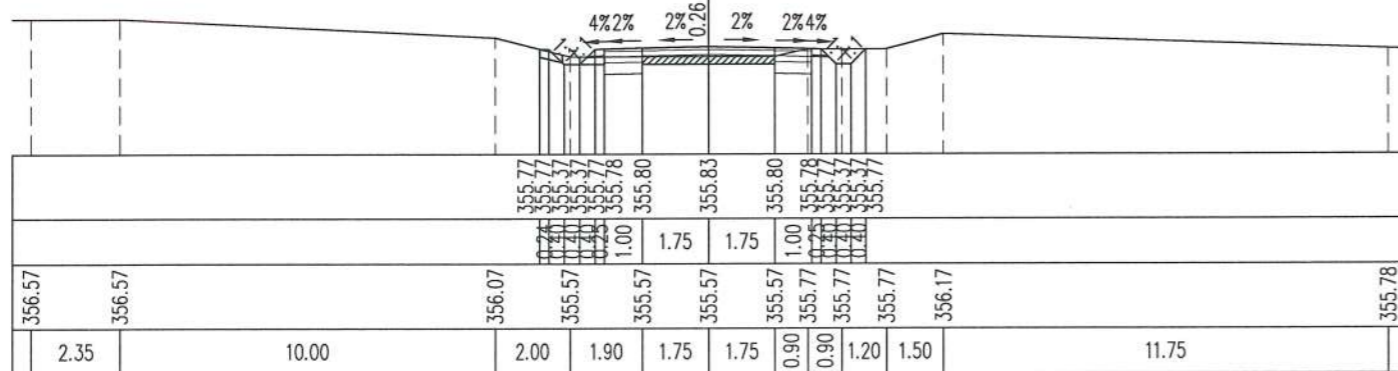


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1262./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.16 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.00 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.09 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.42 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.25 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 192  
 KM3+127.12

Bù vênh CPDDmax 25/Offset crushed stone: 0.12 m<sup>2</sup>  
 Bm đường cũ/Old road width : 3.50 m  
 Bm mở rộng/Road width expansion : 2.00 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.44 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.20 m

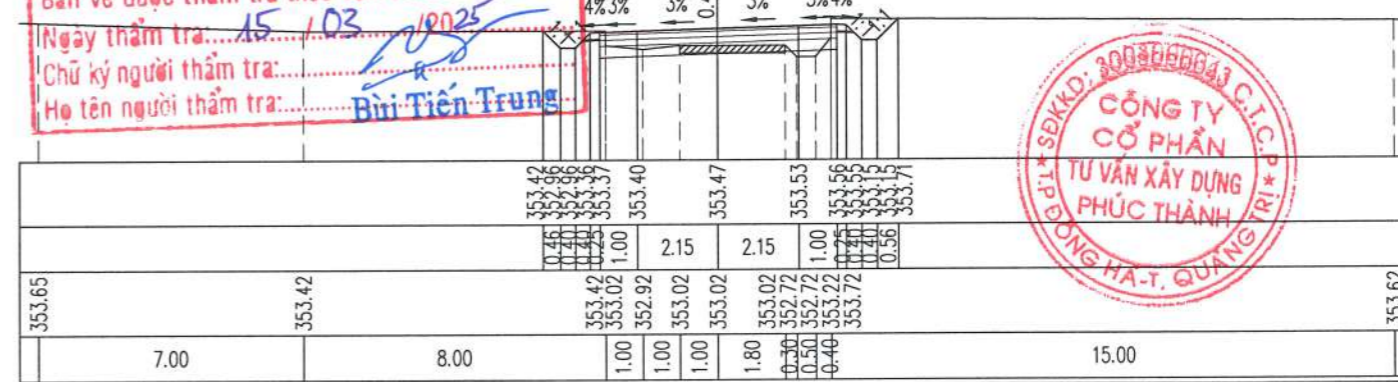


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.09 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.42 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.47 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.64 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 195  
 KM3+166.77

Bm mở rộng/Road width expansion : 6.30 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.66 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.76 m

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chủ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung



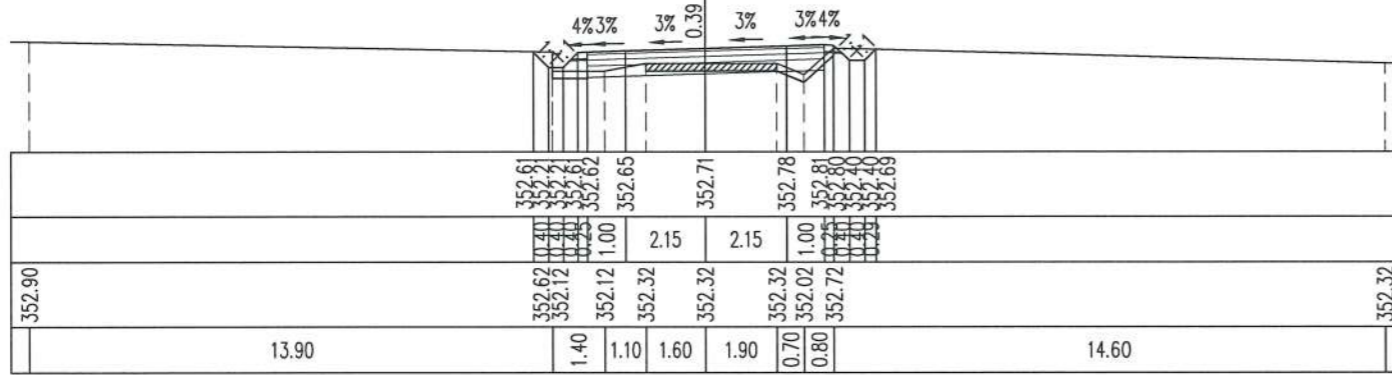
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIN**  
**TU VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH**  
 ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG ĐÔNG HẠ, T. QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 1.20 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.30 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.34 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.63 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 196  
 KM3+181.75

Bm mở rộng/Road width expansion : 6.30 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.10 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.12 m

R=149.99  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=0.80

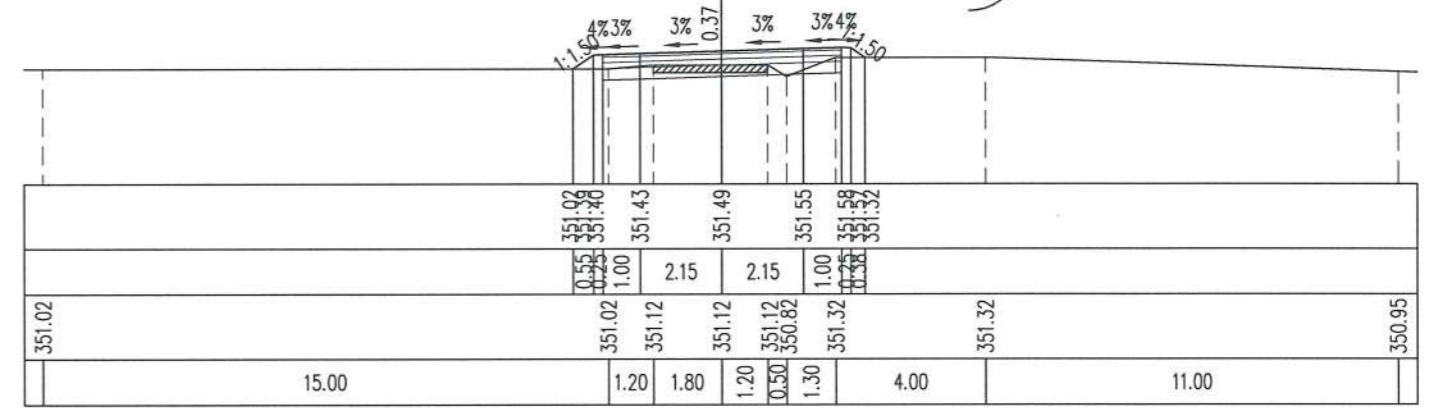


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.31 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C4/Dig blanking soil grade 4 : 1.71 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 198  
 KM3+216.90

Bm mở rộng/Road width expansion : 6.30 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.95 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.78 m

R=149.99  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=0.80

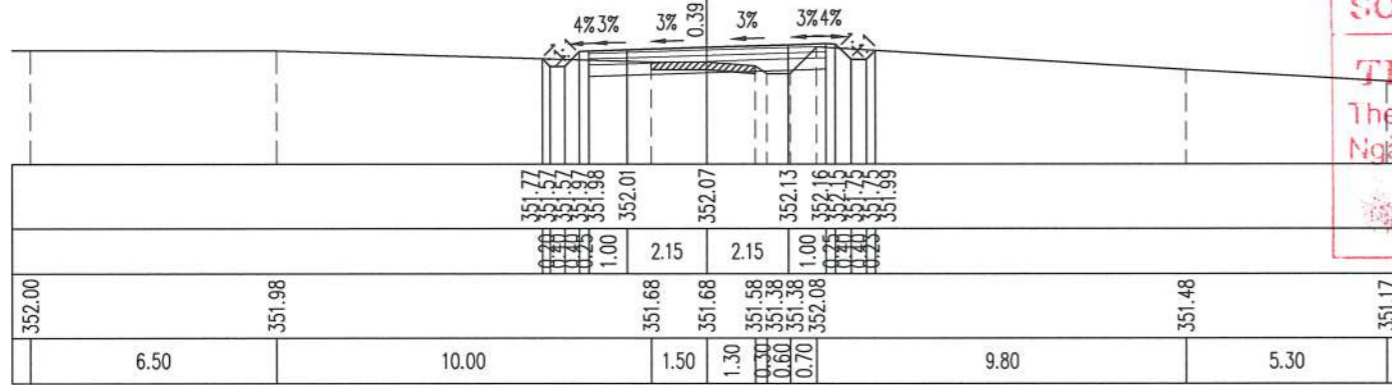


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.41 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.28 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C4/Dig blanking soil grade 4 : 1.52 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: P41  
 KM3+197.87

Bm mở rộng/Road width expansion : 6.30 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 3.79 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.06 m

R=149.99  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=0.80

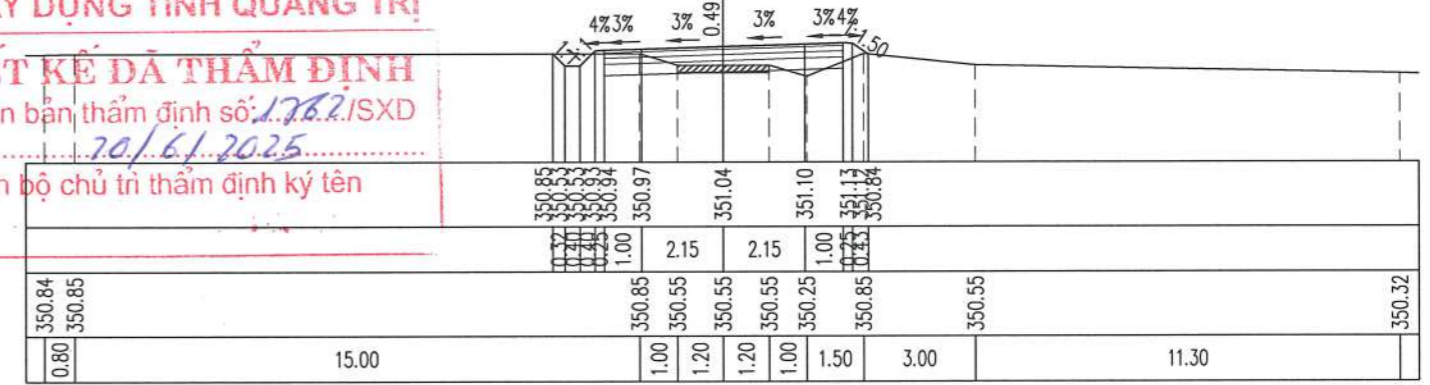


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.30 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C4/Dig blanking soil grade 4 : 1.43 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C4/Dig channel soil grade 4 : 0.23 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 199  
 KM3+232.28

Bm mở rộng/Road width expansion : 6.30 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.52 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 3.83 m

R=149.99  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=0.80



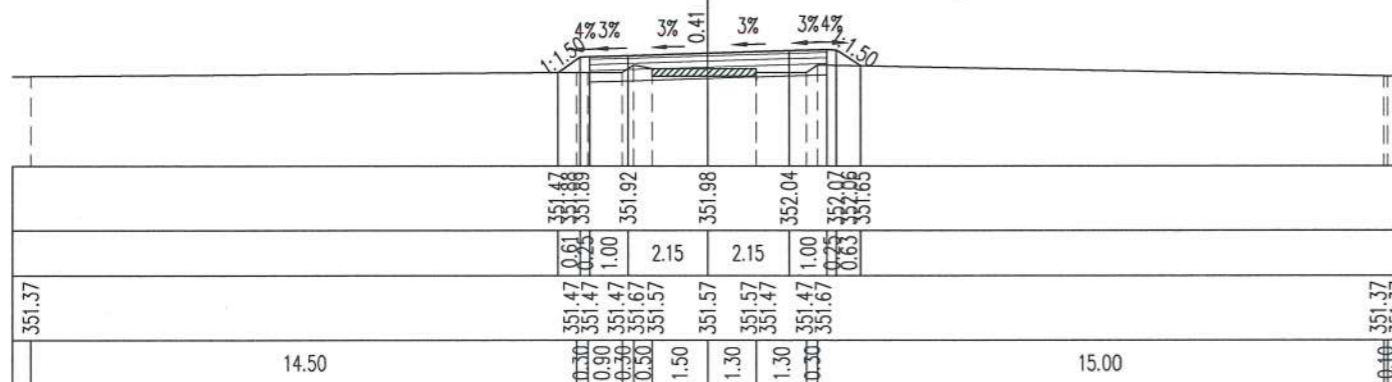
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ DẪN THẨM ĐỊNH**  
 Thợ văn bản thẩm định số: 1262/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.45 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C4/Dig blanking soil grade 4 : 1.47 m<sup>2</sup>

CÔNG TRÒN  
 CỌC/STAKE: 197  
 KM3+200.54

Bm mở rộng/Road width expansion : 6.30 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.01 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.03 m

R=149.99  
 it1=3.00%  
 ip1=-3.00%  
 w1=0.80

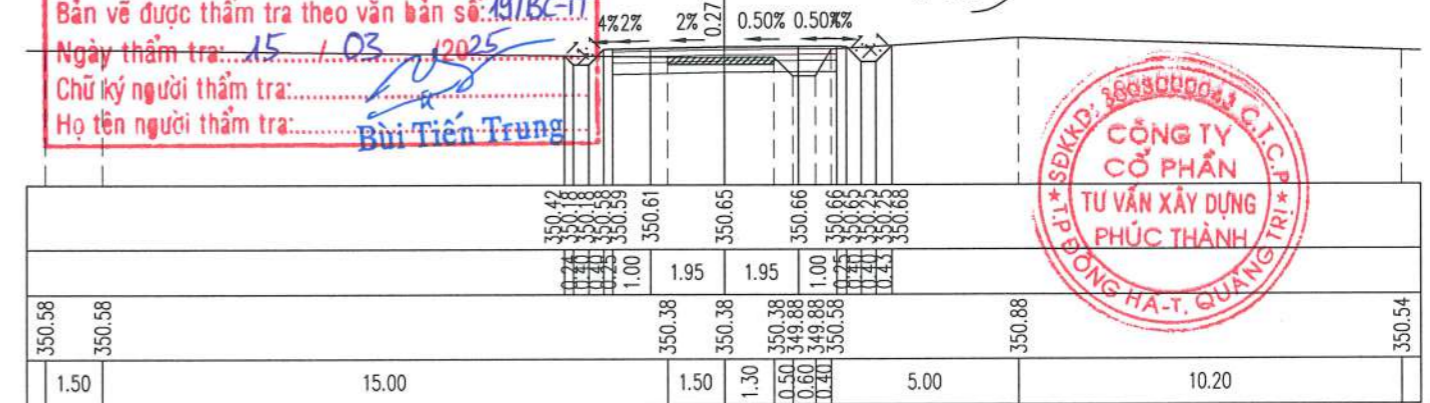


Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.13 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C4/Dig blanking soil grade 4 : 2.08 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C4/Dig channel soil grade 4 : 0.46 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: TC41  
 KM3+245.59

Bm mở rộng/Road width expansion : 5.90 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.24 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.43 m

R=149.99  
 it1=2.00%  
 ip1=-0.50%  
 w1=0.40



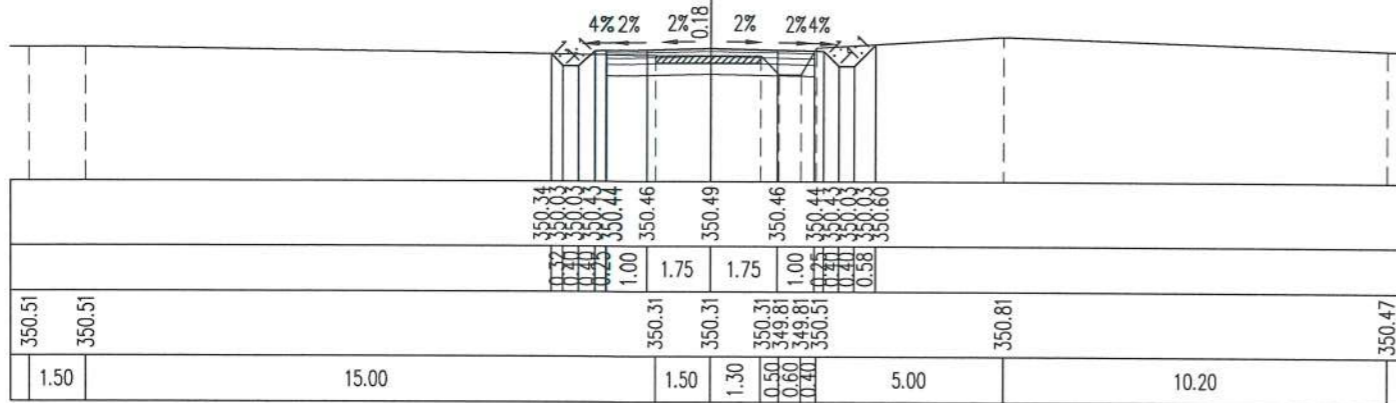
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 49/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**TU VẤN XÂY DỰNG**  
**PHÚC THÀNH**  
 Đ. 11/11 Đ. KH. 3, QU. H. T. QUẢNG TRỊ

Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.03 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C4/Dig blanking soil grade 4 : 2.35 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C4/Dig channel soil grade 4 : 0.54 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 200  
 KM3+250.79

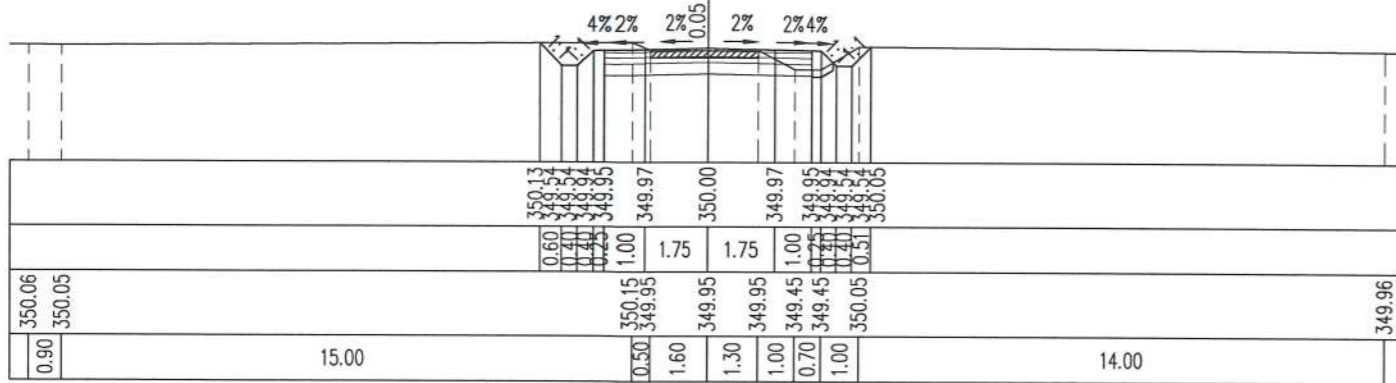
Bm mở rộng/Road width expansion : 5.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.12 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.38 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.17 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.57 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 3.09 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.52 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.11 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 201  
 KM3+267.48

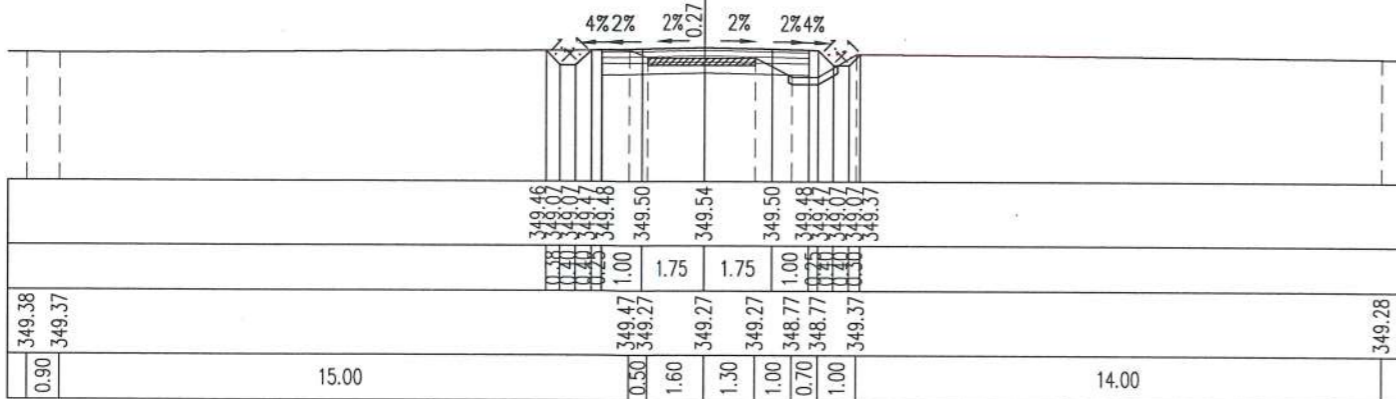
Bm mở rộng/Road width expansion : 5.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.40 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.31 m



Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.36 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.00 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 2.10 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.37 m<sup>2</sup>  
 Đào đất KTH/Unsuitable excavation : 0.26 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 202  
 KM3+283.21

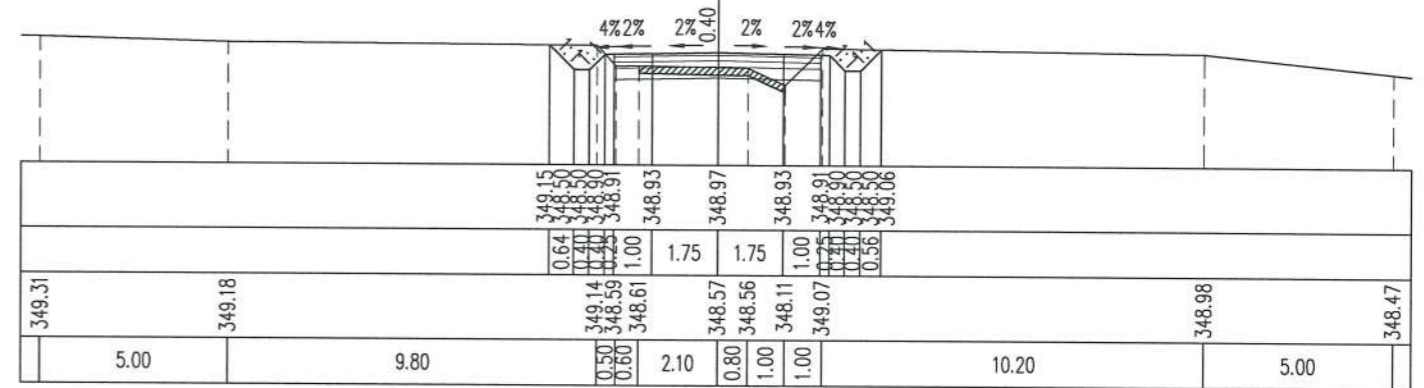
Bm mở rộng/Road width expansion : 5.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.18 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.10 m



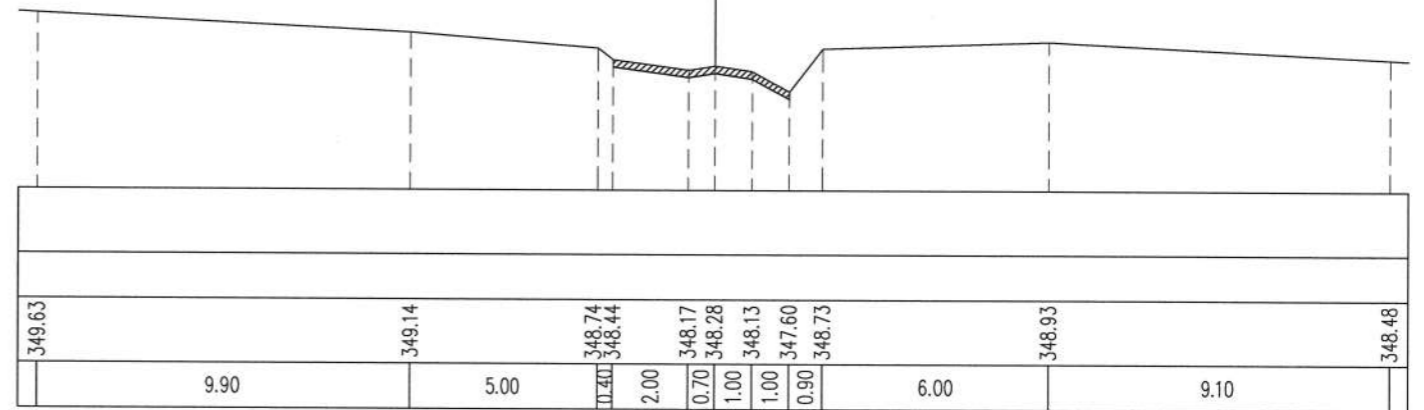
Đắp nền K95/Embankment soil  $K \geq 0.95$  : 0.07 m<sup>2</sup>  
 Đào nền đất C3/Dig background soil grade 3 : 0.59 m<sup>2</sup>  
 Đào khuôn đất C3/Dig blanking soil grade 3 : 1.51 m<sup>2</sup>  
 Đào rãnh đất C3/Dig channel soil grade 3 : 0.64 m<sup>2</sup>

CỌC/STAKE: 203(1)  
 KM3+306.00

Bm mở rộng/Road width expansion : 5.50 m  
 L chiếm dụng trái/Left occupied length : 4.44 m  
 L chiếm dụng phải/Right Occupied length : 4.36 m



CỌC/STAKE: 2  
 KM3+313.72



SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ  
 THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH  
 Theo văn bản thẩm định số: 1.26.2/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIN  
 ĐÃ THẨM TRA  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiến Trung  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung



CẮT NGANG TUYẾN /  
 HORIZONTAL PROFILE

TỶ LỆ / SCALE: 1/200  
 LÀN XUẤT BẢN / REV:

BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 85  
 MÃ SỐ / CODE:



**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NỀN MẶT ĐƯỜNG**  
Đoạn: Km0+00 - Km3+306.00

Tên cọc	K.Cách lè	Diện tích														Khối lượng															
		Đắp nền K95 (m2)	Đào nền đất C3 (m2)	Đào khuôn đất C3 (m2)	Đào khuôn đất C4 (m2)	Đào rãnh đất C3 (m2)	Đào rãnh đất C4 (m2)	Đánh cấp (m2)	Đào đất KTH (m2)	Bù vênh BTNC 19 (m2)	Bù vênh CPĐD Dmax 25 (m2)	Bm đường cũ (m)	Bm mở rộng (m)	L trồng cỏ (m)	L chiếm dụng trái (m)	L chiếm dụng phải (m)	Đắp nền K95 (m3)	Đào nền đất C3 (m3)	Đào khuôn đất C3 (m3)	Đào khuôn đất C4 (m3)	Đào rãnh đất C3 (m3)	Đào rãnh đất C4 (m3)	Đánh cấp (m3)	Đào đất KTH (m3)	Bù vênh BTNC 19 (m3)	Bù vênh CPĐD Dmax 25 (m3)	Bm đường cũ (m2)	Bm mở rộng (m2)	Trồng cỏ (m2)	S chiếm dụng (m2)	
TD12	1,21	0,45	-	1,20	-	-	-	0,23	-	0,25	3,50	3,00	-	3,67	3,98	0,55	-	1,36	-	-	-	-	0,28	-	0,30	4,24	3,39	-	9,04		
P12	9,56	0,41	-	1,12	-	-	-	0,10	0,12	0,17	3,50	2,98	-	3,54	3,82	4,11	-	11,09	-	-	-	0,48	1,67	-	2,01	33,46	28,58	-	71,75		
39	3,39	0,34	-	1,05	-	0,18	-	0,23	-	0,13	3,50	2,81	-	3,65	4,63	1,27	-	3,68	-	0,31	-	0,17	0,59	-	0,51	11,87	9,81	-	26,51		
TC12	6,18	0,29	0,01	1,03	-	0,23	-	0,09	-	0,06	3,50	2,50	-	3,65	4,51	1,95	0,03	6,43	-	1,27	-	-	0,99	-	0,59	21,63	16,41	-	50,80		
40	10,40	0,30	0,07	0,84	-	0,11	-	0,04	0,24	0,07	3,50	2,00	-	3,19	4,44	3,07	0,42	9,72	-	1,77	-	0,21	1,72	-	0,68	36,40	23,40	-	82,11		
41	18,83	0,49	0,04	0,70	-	0,13	-	0,09	0,25	0,33	3,50	2,00	-	3,39	4,33	7,44	1,04	14,50	-	2,26	-	1,22	4,61	-	3,77	65,91	37,66	-	144,52		
42	21,34	0,48	-	0,76	-	0,09	-	0,24	-	0,24	3,50	2,00	-	3,43	3,98	10,35	0,43	15,58	-	2,35	-	0,96	5,23	-	6,08	74,69	42,68	-	161,44		
43	22,69	0,38	-	0,78	-	0,04	-	0,05	0,25	0,18	3,50	2,00	-	3,39	3,94	9,76	-	17,47	-	1,47	-	0,57	5,56	-	4,76	79,42	45,38	-	167,23		
D13=44	20,90	0,27	-	0,91	-	0,11	-	0,23	-	0,05	3,50	2,00	-	3,26	4,32	6,79	-	17,66	-	1,57	-	0,52	5,02	-	2,40	73,15	41,80	-	155,81		
45	19,04	0,24	0,04	0,98	-	0,23	-	0,21	-	-	3,50	2,00	-	3,23	4,41	4,86	0,38	17,99	-	3,24	-	-	4,19	-	0,48	66,64	38,08	-	144,89		
46	16,19	0,39	-	0,98	-	0,12	-	0,41	-	0,06	3,50	2,00	-	3,14	4,91	5,10	0,32	15,87	-	2,83	-	-	5,02	-	0,49	56,67	32,38	-	127,01		
47	21,41	0,37	-	0,95	-	-	-	0,07	0,40	0,18	3,50	2,00	-	3,13	4,57	8,14	-	20,66	-	1,28	-	0,75	8,67	-	2,57	74,94	42,82	-	168,60		
D14	4,72	0,26	-	1,03	-	-	-	-	0,41	0,02	3,50	2,00	-	3,06	4,50	1,49	-	4,67	-	-	-	0,17	1,91	-	0,47	16,52	9,44	-	36,01		
48	8,86	0,75	-	0,90	-	-	-	0,05	0,29	0,09	3,50	2,00	-	3,63	3,54	4,47	-	8,55	-	-	-	0,22	3,10	-	0,49	31,01	17,72	-	65,25		
49	19,23	1,22	-	0,68	-	-	-	0,28	0,27	0,22	3,50	2,00	-	3,44	4,10	18,94	-	15,19	-	-	-	3,17	5,38	-	2,98	67,31	38,46	-	141,44		
D15	8,43	0,42	-	0,87	-	-	-	0,25	-	-	3,50	2,00	-	3,48	3,26	6,91	-	6,53	-	-	-	1,18	2,19	-	0,93	29,51	16,86	-	60,19		
50	6,83	0,55	-	0,78	-	-	-	0,28	-	0,11	3,50	2,00	-	3,46	3,42	3,31	-	5,63	-	-	-	-	1,81	-	0,38	23,91	13,66	-	46,51		
D16	17,38	0,41	-	0,90	-	-	-	0,23	-	0,02	3,50	2,00	-	3,28	3,37	8,34	-	14,60	-	-	-	-	4,43	-	1,13	60,83	34,76	-	117,58		
51	3,53	0,46	-	0,84	-	-	-	0,25	-	0,12	3,50	2,00	-	3,32	3,42	1,54	-	3,07	-	-	-	-	0,85	-	0,25	12,36	7,06	-	23,63		
52	20,35	0,73	-	0,64	-	-	-	0,32	-	-	3,50	2,00	-	3,73	3,40	12,11	-	15,06	-	-	-	-	5,80	-	1,22	71,23	40,70	-	141,13		
53	21,38	0,52	-	0,80	-	-	-	0,27	-	0,08	3,50	2,00	-	3,45	3,39	13,36	-	15,39	-	-	-	-	6,31	-	0,86	74,83	42,76	-	149,34		
TD17	15,17	0,55	-	0,91	-	-	-	0,27	-	0,03	3,50	2,50	-	3,81	3,53	8,12	-	12,97	-	-	-	-	4,10	-	0,83	53,10	34,13	-	107,56		
P17	16,48	0,66	-	1,25	-	-	-	0,30	-	0,07	3,50	3,00	-	4,29	3,67	9,97	-	17,80	-	-	-	-	4,70	-	0,82	57,68	45,32	-	126,07		
TC17	16,47	0,33	-	1,16	-	-	-	0,20	-	0,16	3,50	2,50	-	3,46	3,54	8,15	-	19,85	-	-	-	-	4,12	-	1,89	57,65	45,29	-	123,20		
55	3,65	0,32	-	0,92	-	-	-	0,20	-	0,17	3,50	2,00	-	3,18	3,29	1,19	-	14,80	-	-	-	-	0,73	-	0,60	12,78	8,21	-	24,58		
56	15,83	0,34	-	0,95	-	-	-	0,20	-	-	3,50	2,00	-	3,34	3,16	5,22	-	14,80	-	-	-	-	3,17	-	1,36	55,41	31,66	-	102,65		
TD18	7,13	0,45	-	1,04	-	-	-	0,24	-	0,10	3,50	2,40	-	3,59	3,52	2,82	-	14,80	-	-	-	-	1,57	-	0,36	24,96	15,69	-	48,52		
57	11,79	0,67	-	0,84	-	-	-	0,31	-	0,28	3,50	2,80	-	3,87	3,97	6,60	-	14,80	-	-	-	-	3,24	-	2,24	41,27	30,65	-	88,13		
P18	18,31	0,75	-	0,83	-	-	-	0,31	-	0,17	3,50	2,80	-	3,67	4,20	13,00	-	15,29	-	-	-	-	5,68	-	4,12	64,09	51,27	-	143,83		
59	12,99	0,46	-	1,22	-	-	-	0,25	-	0,05	3,50	2,80	-	3,59	3,93	7,86	-	13,31	-	-	-	-	3,64	-	4,12	48,47	36,97	-	99,96		
60	13,76	0,57	-	1,15	-	-	-	0,27	-	0,15	3,50	2,78	-	3,61	4,03	7,09	-	13,31	-	-	-	-	3,58	-	1,38	48,16	38,39	-	104,30		
TC18	3,36	0,50	-	1,08	-	-	-	0,25	-	0,10	3,50	2,40	-	3,46	3,72	1,80	-	9,75	-	-	-	-	0,87	-	0,42	11,76	8,70	-	24,90		
61	10,11	0,62	-	0,71	-	-	-	0,30	-	0,13	3,50	2,00	-	3,54	3,44	5,66	-	9,05	-	-	-	-	2,78	-	1,10	48,89	22,24	-	71,58		
62	14,20	0,45	-	1,05	-	-	-	0,24	-	0,24	3,50	2,52	-	3,68	3,54	7,60	-	12,50	-	-	-	-	3,83	-	2,69	49,70	32,09	-	100,99		
TD19	0,68	0,46	-	1,06	-	-	-	0,25	-	0,26	3,50	2,60	-	3,75	3,58	0,31	-	0,72	-	-	-	-	0,17	-	0,47	2,98	1,74	-	4,95		
63	12,41	0,47	-	1,27	-	0,18	-	0,29	-	0,03	3,50	3,20	-	4,16	4,80	5,77	-	14,46	-	-	-	1,12	-	3,35	-	1,80	43,44	35,99	-	101,08	
64	13,95	0,34	0,09	1,52	-	0,32	-	0,16	-	0,08	3,50	3,20	-	4,14	4,93	5,65	0,63	19,46	-	-	-	3,49	-	3,14	-	0,77	48,83	44,64	-	125,76	
P19	9,14	0,46	-	1,29	-	0,15	-	0,28	-	0,16	3,50	3,20	-	4,18	4,66	3,66	0,41	12,84	-	-	-	2,15	-	2,01	-	1,10	31,99	29,25	-	81,85	
65	6,73	0,31	-	1,42	-	0,17	-	0,03	0,19	0,03	3,50	3,20	-	3,84	4,68	2,59	-	9,12	-	-	-	1,08	-	0,10	1,58	-	0,64	23,56	21,54	-	58,42
66	18,34	0,30	0,93	1,48	-	0,32	-	0,14	-	0,11	3,50	3,20	-	4,03	5,90	5,59	8,53	26,59	-	-	-	4,49	-	0,28	3,03	-	1,28	64,19	58,69	-	169,19
TC19	10,43	0,35	0,39	1,11	-	0,28	-	0,23	-	0,17	3,50	2,60	-	3,70	5,50	3,39	6,88	13,51	-	-	-	3,13	-	1,93	-	1,46	36,51	30,25	-	99,76	
67	12,25	0,24	-	0,98	-	0,22	-	0,21	-	0,01	3,50	2,00	-	3,24	4,26	3,61	2,39	12,80	-	-	-	3,06	-	2,70	-	1,10	42,88	28,18	-	102,29	
TD20	12,33	3,30	-	1,05	-	-	-	0,42	0,61	-	3,50	2,50	3,66	3,59	5,95	21,82	-	12,51	-	-	-	1,36	-	2,59	5,06	-	0,06	43,16	27,74	22,56	105,05
69	10,79	8,69	-	0,23	-	-	-	0,45	1,00	0,32	3,50	3,00	7,58	6,67	6,63	64,69	-	6,91	-	-	-	-	4,69	8,69	-	1,73	37,77	29,67	60,64	123,22	
P20	17,77	0,65	-	1,08	-	-	-	0,29	-	0,11	3,50	3,00	-	3,78	4,17	82,99	-	11,64	-	-	-	-	4,00	11,46	-	3,82	62,20	53,31	67,35	188,81	
71	13,87	0,84	-	1,02	-	-	-	0,37	-	0,16	3,50	3,00	1,63	4,41	3,95	10,33	-	14,56	-	-	-	-	4,58	-	1,87	48,55	41,61	11,30	113,11		
72	11,99	2,98	-	1,24	-	-	-	0,68	0,25	0,07	3,50	2,89	5,18	7,41	3,78	22,90	-	13,55	-	-	-	-	4,08	3,72	-	1,38	41,97	35,31	40,83	117,20	
TC20	2,70	2,39	-	1,18	-	0,17	-	0,62	0,19	-	3,50	2,50	5,06	7,22	3,49	7,25	-	3,27	-	-	-	0,23	-	1,76	0,59	-	0,09	9,45	7,28	13,82	29,57
73	15,63	0,30	-	0,92	-	0,25	-	0,18	-	0,08	3,50	2,00	-	3,27	3,15	21,02	-	16,41	-	-	-	3,28	-	4,85	2,89	-	0,63	54,71	35,17	39,54	133,87
74	15,86	0,28	-	0,96	-	0,46	-	0,17	-	0,04	3,50	2,00	-	3,34	3,03	4,60	-	14,91	-	-	-	5,63	-	2,78	-	0,95	55,51	31,72	-		

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NỀN MẶT ĐƯỜNG**  
Đoạn: Km0+00 - Km3+306.00

Tên cọc	K.Cách lế	Diện tích														Khối lượng																
		Đắp nền K95 (m2)	Đào nền đất C3 (m2)	Đào khuôn đất C3 (m2)	Đào khuôn đất C4 (m2)	Đào rãnh đất C3 (m2)	Đào rãnh đất C4 (m2)	Đánh cấp (m2)	Đào đất KTH (m2)	Bù vênh BTNC 19 (m2)	Bù vênh CPĐD Dmax 25 (m2)	Bm đường cũ (m)	Bm mở rộng (m)	L trồng cỏ (m)	L chiếm dụng trái (m)	L chiếm dụng phải (m)	Đắp nền K95 (m3)	Đào nền đất C3 (m3)	Đào khuôn đất C3 (m3)	Đào khuôn đất C4 (m3)	Đào rãnh đất C3 (m3)	Đào rãnh đất C4 (m3)	Đánh cấp (m3)	Đào đất KTH (m3)	Bù vênh BTNC 19 (m3)	Bù vênh CPĐD Dmax 25 (m3)	Bm đường cũ (m2)	Bm mở rộng (m2)	Trồng cỏ (m2)	S chiếm dụng (m2)		
TD12	1,21	0,45	-	1,20	-	-	-	-	0,23	-	0,25	3,50	3,00	-	3,67	3,98	0,55	-	1,36	-	-	-	-	0,28	-	0,30	4,24	3,39	-	9,04		
P12	9,56	0,41	-	1,12	-	-	-	0,10	0,12	-	0,17	3,50	2,98	-	3,54	3,82	4,11	-	11,09	-	-	-	0,48	1,67	-	2,01	33,46	28,58	-	71,75		
39	3,39	0,34	-	1,05	-	0,18	-	-	0,23	-	0,13	3,50	2,81	-	3,65	4,63	1,27	-	3,68	-	0,31	-	0,17	0,59	-	0,51	11,87	9,81	-	26,51		
TC12	6,18	0,29	0,01	1,03	-	0,23	-	-	0,09	-	0,06	3,50	2,50	-	3,65	4,51	1,95	0,03	6,43	-	1,27	-	-	0,99	-	0,59	21,63	16,41	-	50,80		
40	10,40	0,30	0,07	0,84	-	0,11	-	0,04	0,24	-	0,07	3,50	2,00	-	3,19	4,44	3,07	0,42	9,72	-	1,77	-	0,21	1,72	-	0,68	36,40	23,40	-	82,11		
41	18,83	0,49	0,04	0,70	-	0,13	-	0,09	0,25	-	0,33	3,50	2,00	-	3,39	4,33	7,44	1,04	14,50	-	2,26	-	1,22	4,61	-	3,77	65,91	37,66	-	144,52		
42	21,34	0,48	-	0,76	-	0,09	-	-	0,24	-	0,24	3,50	2,00	-	3,43	3,98	10,35	0,43	15,58	-	2,35	-	0,96	5,23	-	6,08	74,69	42,68	-	161,44		
43	22,69	0,38	-	0,78	-	0,04	-	0,05	0,25	-	0,18	3,50	2,00	-	3,39	3,94	9,76	-	17,47	-	1,47	-	0,57	5,56	-	4,76	79,42	45,38	-	167,23		
D13=44	20,90	0,27	-	0,91	-	0,11	-	-	0,23	-	0,05	3,50	2,00	-	3,26	4,32	6,79	-	17,66	-	1,57	-	0,52	5,02	-	2,40	73,15	41,80	-	155,81		
45	19,04	0,24	0,04	0,98	-	0,23	-	-	0,21	-	-	3,50	2,00	-	3,23	4,41	4,86	0,38	17,99	-	3,24	-	-	4,19	-	0,48	66,64	38,08	-	144,89		
46	16,19	0,39	-	0,98	-	0,12	-	-	0,41	-	0,06	3,50	2,00	-	3,14	4,91	5,10	0,32	15,87	-	2,83	-	-	5,02	-	0,49	56,67	32,38	-	127,01		
47	21,41	0,37	-	0,95	-	-	-	0,07	0,40	-	0,18	3,50	2,00	-	3,13	4,57	8,14	-	20,66	-	1,28	-	-	0,75	8,67	-	2,57	74,94	42,82	-	168,60	
D14	4,72	0,26	-	1,03	-	-	-	-	0,41	-	0,02	3,50	2,00	-	3,06	4,50	1,49	-	4,67	-	-	-	0,17	1,91	-	0,47	16,52	9,44	-	36,01		
48	8,86	0,75	-	0,90	-	-	-	0,05	0,29	-	0,09	3,50	2,00	-	3,63	3,54	4,47	-	8,55	-	-	-	0,22	3,10	-	0,49	31,01	17,72	-	65,25		
49	19,23	1,22	-	0,68	-	-	-	0,28	0,27	-	0,22	3,50	2,00	-	3,44	4,10	18,94	-	15,19	-	-	-	3,17	5,38	-	2,98	67,31	38,46	-	141,44		
D15	8,43	0,42	-	0,87	-	-	-	-	0,25	-	-	3,50	2,00	-	3,48	3,26	6,91	-	6,53	-	-	-	1,18	2,19	-	0,93	29,51	16,86	-	60,19		
50	6,83	0,55	-	0,78	-	-	-	-	0,28	-	0,11	3,50	2,00	-	3,46	3,42	3,31	-	5,63	-	-	-	-	1,81	-	0,38	23,91	13,66	-	46,51		
D16	17,38	0,41	-	0,90	-	-	-	-	0,23	-	0,02	3,50	2,00	-	3,28	3,37	8,34	-	14,60	-	-	-	-	4,43	-	1,13	60,83	34,76	-	117,58		
51	3,53	0,46	-	0,84	-	-	-	-	0,25	-	0,12	3,50	2,00	-	3,32	3,42	1,54	-	3,07	-	-	-	-	0,85	-	0,25	12,36	7,06	-	23,63		
52	20,35	0,73	-	0,64	-	-	-	-	0,32	-	-	3,50	2,00	-	3,73	3,40	12,11	-	15,06	-	-	-	-	5,80	-	1,22	71,23	40,70	-	141,13		
53	21,38	0,52	-	0,80	-	-	-	-	0,27	-	0,08	3,50	2,00	-	3,45	3,39	13,36	-	15,39	-	-	-	-	6,31	-	0,86	74,83	42,76	-	149,34		
TD17	15,17	0,55	-	0,91	-	-	-	-	0,27	-	0,03	3,50	2,50	-	3,81	3,53	8,12	-	12,97	-	-	-	-	4,10	-	0,83	53,10	34,13	-	107,56		
P17	16,48	0,66	-	1,25	-	-	-	-	0,30	-	0,07	3,50	3,00	-	4,29	3,67	9,97	-	17,80	-	-	-	-	4,70	-	0,82	57,68	45,32	-	126,07		
TC17	16,47	0,33	-	1,16	-	-	-	-	0,20	-	0,16	3,50	2,50	-	3,46	3,54	8,15	-	19,85	-	-	-	-	4,12	-	0,89	57,65	45,29	-	123,20		
55	3,65	0,32	-	0,92	-	-	-	-	0,20	-	0,17	3,50	2,00	-	3,18	3,29	1,19	-	3,80	-	-	-	0,73	-	-	0,60	12,78	8,21	-	24,58		
56	15,83	0,34	-	0,95	-	-	-	-	0,20	-	-	3,50	2,00	-	3,34	3,16	5,22	-	14,80	-	-	-	-	3,17	-	1,35	55,41	31,66	-	102,66		
TD18	7,13	0,45	-	1,04	-	-	-	-	0,24	-	0,10	3,50	2,40	-	3,59	3,52	2,82	-	7,09	-	-	-	-	0,36	-	0,36	24,96	15,69	-	48,52		
57	11,79	0,67	-	0,84	-	-	-	-	0,31	-	0,28	3,50	2,80	-	3,87	3,97	6,60	-	11,08	-	-	-	-	3,24	-	2,24	41,22	30,85	-	88,13		
P18	18,31	0,75	-	0,83	-	-	-	-	0,31	-	0,17	3,50	2,80	-	3,67	4,20	13,00	-	15,29	-	-	-	-	5,68	-	4,12	64,09	51,27	-	143,88		
59	12,99	0,46	-	1,22	-	-	-	-	0,25	-	0,05	3,50	2,80	-	3,59	3,93	7,86	-	13,31	-	-	-	-	3,64	-	1,38	48,95	38,39	-	104,30		
60	13,76	0,57	-	1,15	-	-	-	-	0,27	-	0,15	3,50	2,78	-	3,61	4,03	7,09	-	16,31	-	-	-	-	3,58	-	1,38	48,95	38,39	-	104,30		
TC18	3,36	0,50	-	1,08	-	-	-	-	0,25	-	0,10	3,50	2,40	-	3,46	3,72	1,80	-	8,79	-	-	-	-	0,87	-	0,42	11,76	8,70	-	24,90		
61	10,11	0,62	-	0,71	-	-	-	-	0,30	-	0,13	3,50	2,00	-	3,54	3,44	5,66	-	9,05	-	-	-	-	2,78	-	1,36	35,39	22,24	-	77,68		
62	14,20	0,45	-	1,05	-	-	-	-	0,24	-	0,24	3,50	2,52	-	3,68	3,54	7,60	-	12,50	-	-	-	-	3,83	-	2,63	49,70	32,09	-	100,82		
TD19	0,68	0,46	-	1,06	-	-	-	-	0,25	-	0,26	3,50	2,60	-	3,75	3,58	0,31	-	0,72	-	-	-	-	0,17	-	0,17	2,38	1,74	-	4,95		
63	12,41	0,47	-	1,27	-	0,18	-	-	0,29	-	0,03	3,50	3,20	-	4,16	4,80	5,77	-	14,46	-	-	-	1,12	-	-	3,35	-	1,80	43,44	35,99	-	101,08
64	13,95	0,34	0,09	1,52	-	0,32	-	-	0,16	-	0,08	3,50	3,20	-	4,14	4,93	5,65	0,63	19,46	-	-	-	3,49	-	-	0,77	48,83	44,64	-	125,76		
P19	9,14	0,46	-	1,29	-	0,15	-	-	0,28	-	0,16	3,50	3,20	-	4,18	4,66	3,66	0,41	12,84	-	-	-	2,15	-	-	2,01	-	1,10	31,99	29,25	-	81,85
65	6,73	0,31	-	1,42	-	0,17	-	0,03	0,19	-	0,03	3,50	3,20	-	3,84	4,68	2,59	-	9,12	-	-	-	1,08	-	0,10	1,58	-	0,64	23,56	21,54	-	58,42
66	18,34	0,30	0,93	1,48	-	0,32	-	-	0,14	-	0,11	3,50	3,20	-	4,03	5,90	5,59	8,53	26,59	-	-	-	4,49	-	0,28	3,03	-	1,28	64,19	58,69	-	169,19
TC19	10,43	0,35	0,39	1,11	-	0,28	-	-	0,23	-	0,17	3,50	2,60	-	3,70	5,50	3,39	6,88	13,51	-	-	-	3,13	-	-	1,93	-	1,46	36,51	30,25	-	99,76
67	12,25	0,24	-	0,98	-	0,22	-	-	0,21	-	0,01	3,50	2,00	-	3,24	4,26	3,61	2,39	12,80	-	-	-	3,06	-	-	2,70	-	1,10	42,88	28,18	-	102,29
TD20	12,33	3,30	-	1,05	-	-	-	0,42	0,61	-	-	3,50	2,50	3,66	3,59	5,95	21,82	-	12,51	-	-	-	1,36	-	2,59	5,06	-	0,06	43,16	27,74	22,56	105,05
69	10,79	8,69	-	0,23	-	-	-	0,45	1,00	-	0,32	3,50	3,00	7,58	6,67	6,63	64,69	-	6,91	-	-	-	-	4,69	8,69	-	1,73	37,77	29,67	60,64	123,22	
P20	17,77	0,65	-	1,08	-	-	-	-	0,29	-	0,11	3,50	3,00	-	3,78	4,17	82,99	-	11,64	-	-	-	-	4,00	11,46	-	3,82	62,20	53,31	67,35	188,81	
71	13,87	0,84	-	1,02	-	-	-	-	0,37	-	0,16	3,50	3,00	1,63	4,41	3,95	10,33	-	14,56	-	-	-	-	4,58	-	1,87	48,55	41,61	11,30	113,11		
72	11,99	2,98	-	1,24	-	-	-	0,68	0,25	-	0,07	3,50	2,89	5,18	7,41	3,78	22,90	-	13,55	-	-	-	-	4,08	3,72	-	1,38	41,97	35,31	40,83	117,20	
TC20	2,70	2,39	-	1,18	-	0,17	-	0,62	0,19	-	-	3,50	2,50	5,06	7,22	3,49	7,25	-	3,27	-	-	-	0,23	-	1,76	0,59	-	0,09	9,45	7,28	13,82	29,57
73	15,63	0,30	-	0,92	-	0,25	-	-	0,18	-	0,08	3,50	2,00	-	3,27	3,15	21,02	-	16,41	-	-	-	3,28	-	4,85	2,89	-	0,63	54,71			

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NỀN MẶT ĐƯỜNG**  
Đoạn: Km0+00 - Km3+306.00

Tên cọc	K.Cách lè	Diện tích														Khối lượng														
		Đắp nền K95 (m <sup>2</sup> )	Đào nền đất C3 (m <sup>2</sup> )	Đào khuôn đất C3 (m <sup>2</sup> )	Đào khuôn đất C4 (m <sup>2</sup> )	Đào rãnh đất C3 (m <sup>2</sup> )	Đào rãnh đất C4 (m <sup>2</sup> )	Đánh cấp (m <sup>2</sup> )	Đào đất KTH (m <sup>2</sup> )	Bù vãnh BTNC 19 (m <sup>2</sup> )	Bù vãnh CPĐD Dmax 25 (m <sup>2</sup> )	Bm đường cũ (m <sup>2</sup> )	Bm mở rộng (m <sup>2</sup> )	L trồng cỏ (m <sup>2</sup> )	L chiếm dụng trái (m <sup>2</sup> )	L chiếm dụng phải (m <sup>2</sup> )	Đắp nền K95 (m <sup>3</sup> )	Đào nền đất C3 (m <sup>3</sup> )	Đào khuôn đất C3 (m <sup>3</sup> )	Đào khuôn đất C4 (m <sup>3</sup> )	Đào rãnh đất C3 (m <sup>3</sup> )	Đào rãnh đất C4 (m <sup>3</sup> )	Đánh cấp (m <sup>3</sup> )	Đào đất KTH (m <sup>3</sup> )	Bù vãnh BTNC 19 (m <sup>3</sup> )	Bù vãnh CPĐD Dmax 25 (m <sup>3</sup> )	Bm đường cũ (m <sup>2</sup> )	Bm mở rộng (m <sup>2</sup> )	Trồng cỏ (m <sup>2</sup> )	S chiếm dụng (m <sup>2</sup> )
TD23	18,74	0,63	0,06	0,78	-	0,14	-	-	0,59	-	0,42	3,50	2,50	-	4,88	5,33	8,15	8,90	15,65	-	5,25	-	0,19	7,59	-	4,03	65,59	42,17	-	193,40
P23	12,32	1,24	-	0,62	-	-	-	0,18	0,53	-	0,20	3,50	3,00	-	4,09	4,31	11,52	0,37	8,62	-	0,86	-	1,11	6,90	-	3,82	43,12	33,88	-	114,64
TC23	12,31	0,67	0,08	1,13	-	-	-	0,06	0,24	-	0,02	3,50	2,50	-	3,75	3,70	11,76	0,49	10,77	-	-	-	1,48	4,74	-	1,35	43,09	33,85	-	97,56
89	17,79	0,77	-	0,87	-	-	-	0,11	0,26	-	0,06	3,50	2,00	-	3,69	3,43	12,81	0,71	17,79	-	-	-	1,51	4,45	-	0,71	62,27	40,03	-	129,60
TD24	6,11	0,80	-	0,95	-	-	-	0,07	0,25	-	0,09	3,50	2,40	-	3,81	3,62	4,80	-	5,56	-	-	-	0,55	1,56	-	0,46	21,39	13,44	-	44,45
90	9,58	0,98	-	0,96	-	-	-	0,18	0,29	-	0,12	3,50	2,80	-	3,93	4,09	8,53	-	9,15	-	-	-	1,20	2,59	-	1,01	33,53	24,91	-	74,01
P24	4,43	0,91	-	1,01	-	-	-	0,17	0,28	-	0,06	3,50	2,80	-	3,91	4,06	4,19	-	4,36	-	-	-	0,78	1,26	-	0,40	15,51	12,40	-	35,42
91	12,72	0,45	-	1,12	-	-	-	-	0,25	-	0,02	3,50	2,55	-	3,64	3,66	8,65	-	13,55	-	-	-	1,08	3,37	-	0,51	44,52	34,03	-	97,12
TC24	1,28	0,43	-	1,08	-	-	-	-	0,24	-	0,01	3,50	2,40	-	3,52	3,59	0,56	-	1,41	-	-	-	-	0,31	-	0,02	4,48	3,17	-	9,22
92	11,41	0,73	-	0,88	-	-	-	0,03	0,31	-	0,05	3,50	2,00	-	3,67	3,46	6,62	-	11,18	-	-	-	0,17	3,14	-	0,34	39,94	25,10	-	81,24
93	14,74	0,51	-	0,93	-	-	-	0,08	0,20	-	0,03	3,50	2,00	-	3,49	3,32	9,14	-	13,34	-	-	-	0,81	3,76	-	0,59	51,59	29,48	-	102,74
94	20,83	0,45	-	0,73	-	-	-	-	0,21	-	0,30	3,50	2,00	-	3,21	3,40	10,00	-	17,29	-	-	-	0,83	4,27	-	3,44	72,91	41,66	-	139,77
95	12,42	0,49	-	0,81	-	-	-	0,05	0,20	-	-	3,50	2,00	-	3,23	3,47	5,84	-	9,56	-	-	-	0,31	2,55	-	1,86	43,47	24,84	-	82,66
TD25	9,60	0,88	-	0,86	-	-	-	-	0,36	-	0,12	3,50	2,40	-	3,85	3,85	6,58	-	8,02	-	-	-	0,24	2,69	-	0,58	33,60	21,12	-	69,12
96	2,86	0,94	-	0,86	-	-	-	-	0,38	-	0,17	3,50	2,73	-	4,05	3,99	2,60	-	2,46	-	-	-	-	1,06	-	0,41	10,01	7,34	-	22,51
P25	11,43	1,11	-	0,68	-	-	-	0,20	0,33	-	0,29	3,50	2,80	-	4,25	3,89	11,72	-	8,80	-	-	-	1,14	4,06	-	2,63	40,01	31,60	-	92,47
TC25	14,30	0,59	-	0,85	-	-	-	-	0,29	-	0,18	3,50	2,40	-	3,69	3,65	12,16	-	10,94	-	-	-	1,43	4,43	-	3,36	50,05	37,18	-	110,68
98	16,65	0,85	-	0,84	-	-	-	0,14	0,28	-	0,04	3,50	2,00	-	3,78	3,53	11,99	-	14,07	-	-	-	1,17	4,75	-	1,83	58,28	36,63	-	121,96
99	14,63	0,89	-	0,70	-	-	-	0,17	0,21	-	0,31	3,50	2,00	-	3,86	3,70	12,73	-	11,27	-	-	-	2,27	3,58	-	2,56	51,21	29,26	-	108,77
100	11,91	0,85	-	0,68	-	-	-	-	0,37	-	0,27	3,50	2,00	-	3,68	3,67	10,36	-	8,22	-	-	-	1,01	3,45	-	3,45	41,69	23,82	-	88,79
101	17,15	0,60	-	0,71	-	-	-	-	0,29	-	0,16	3,50	2,00	-	3,42	3,54	12,43	-	11,92	-	-	-	-	5,66	-	3,69	60,03	34,30	-	122,71
102	15,45	0,69	-	0,77	-	-	-	-	0,32	-	-	3,50	2,00	-	3,58	3,50	9,97	-	11,43	-	-	-	-	4,71	-	1,24	54,08	30,90	-	108,46
103	17,86	0,89	-	0,53	-	-	-	-	0,39	-	0,46	3,50	2,00	-	3,64	3,81	14,11	-	11,61	-	-	-	-	6,34	-	4,11	62,51	35,72	-	129,75
TD26	14,44	1,06	-	0,68	-	-	-	-	0,44	-	0,48	3,50	2,60	2,08	4,08	4,24	14,08	-	8,74	-	-	-	-	5,99	-	6,79	50,54	33,21	14,87	113,86
105	14,53	1,25	-	0,91	-	-	-	0,10	0,48	-	0,22	3,50	3,20	2,10	4,12	4,83	16,78	-	11,55	-	-	-	0,73	6,68	-	5,09	50,86	42,14	30,22	125,47
106	8,37	1,33	-	0,78	-	-	-	-	0,64	-	0,22	3,50	3,20	2,07	4,10	4,82	10,80	-	7,07	-	-	-	0,42	4,69	-	1,84	29,30	26,78	17,45	74,79
P26	4,64	1,33	-	0,78	-	-	-	-	0,64	-	0,22	3,50	3,20	2,07	4,10	4,82	6,17	-	3,62	-	-	-	1,02	2,97	-	1,02	16,24	14,85	9,60	41,39
107	3,77	1,35	-	0,76	-	-	-	-	0,65	-	0,24	3,50	3,20	2,09	4,11	4,83	5,05	-	2,90	-	-	-	2,43	-	0,87	13,20	12,06	7,84	33,67	
108	9,80	1,00	-	0,72	-	-	-	-	0,58	-	0,18	3,50	3,20	1,59	3,98	4,54	11,52	-	7,25	-	-	-	6,03	-	2,06	34,80	31,36	18,03	85,55	
TC26	13,98	0,75	-	0,99	-	-	-	-	0,33	-	0,06	3,50	2,60	1,37	3,76	3,98	12,23	-	11,95	-	-	-	6,36	-	1,68	48,83	40,54	20,69	113,66	
109	0,96	0,73	-	0,98	-	-	-	-	0,33	-	0,05	3,50	2,48	1,36	3,71	3,90	0,71	-	0,95	-	-	-	0,32	-	0,06	0,06	3,39	2,44	1,31	7,37
110	18,68	0,82	-	0,74	-	-	-	-	0,36	-	0,08	3,50	2,00	-	3,62	3,69	14,48	-	16,06	-	-	-	6,44	-	1,21	65,38	41,84	12,70	139,35	
TD27	11,82	0,73	-	0,85	-	-	-	-	0,33	-	0,17	3,50	2,40	-	3,85	3,72	9,16	-	10,95	-	-	-	4,08	-	0,48	41,37	26,00	13,70	87,94	
111	1,79	0,78	-	0,88	-	-	-	-	0,34	-	0,18	3,50	2,60	-	4,01	3,82	1,35	-	1,55	-	-	-	0,60	-	0,31	6,27	4,48	13,78	13,78	
P27	10,97	1,04	-	0,87	-	-	-	-	0,48	-	0,11	3,50	2,80	-	4,26	4,05	9,98	-	6,06	-	-	-	4,50	-	1,59	38,40	29,62	14,84	88,53	
112	2,71	1,01	-	0,91	-	-	-	-	0,46	-	0,09	3,50	2,80	-	4,24	4,04	2,78	-	2,41	-	-	-	1,27	-	0,21	9,45	7,59	2,81	20,19	
TC27	10,05	0,77	-	1,00	-	-	-	-	0,34	-	0,07	3,50	2,40	-	3,92	3,68	8,94	-	9,60	-	-	-	4,02	-	0,80	35,18	26,13	11,84	79,80	
113	4,67	0,66	-	0,92	-	-	-	0,05	0,28	-	0,02	3,50	2,00	-	3,61	3,48	3,34	-	4,48	-	-	-	0,12	1,45	-	0,21	16,35	10,27	-	34,30
114	16,64	0,90	-	0,75	-	-	-	0,08	0,31	-	0,19	3,50	2,00	-	3,61	3,76	12,98	-	13,89	-	-	-	1,08	4,91	-	1,75	58,24	33,28	-	120,31
TD28	14,74	0,46	-	0,92	-	-	-	-	0,24	-	0,15	3,50	2,40	-	3,51	3,60	10,02	-	12,31	-	-	-	0,59	4,05	-	2,51	51,59	32,43	-	106,72
P28	19,05	0,57	-	0,93	-	-	-	0,11	0,17	-	0,36	3,50	2,80	-	3,67	3,90	9,81	-	17,62	-	-	-	1,05	3,91	-	4,86	66,68	49,53	-	139,83
116	11,24	0,73	-	0,83	-	-	-	0,17	0,30	-	0,11	3,50	2,80	-	3,68	3,77	7,31	-	9,89	-	-	-	1,57	2,64	-	2,64	39,34	31,47	-	84,41
TC28	7,81	0,82	-	0,66	-	-	-	0,12	0,33	-	0,27	3,50	2,40	-	3,63	3,68	6,05	-	5,82	-	-	-	1,13	2,46	-	1,48	27,34	20,31	-	57,64
117	6,98	1,03	-	0,70	-	-	-	0,29	0,16	-	0,29	3,50	2,00	-	3,78	3,50	6,46	-	4,75	-	-	-	1,43	1,71	-	1,95	24,43	15,36	-	50,92
118	16,90	0,68	-	0,80	-	-	-	0,05	0,27	-	0,26	3,50	2,00	-	3,37	3,67	14,45	-	12,68	-	-	-	2,87	3,63	-	4,65	59,15	33,80	-	121,00
119	14,66	0,69	-	0,88	-	-	-	0,11	0,24	-	0,02	3,50	2,00	-	3,64	3,41	10,04	-	12,31	-	-	-	1,17	3,74	-	2,05	51,31	29,32	-	103,28
120	12,65	0,85	-	0,79	-	-	-	0,11	0,25	-	0,12	3,50	2,00	-	3,68	3,52	9,74	-	10,56	-	-	-	1,39	3,10	-	0,89	44,28	25,30	-	90,13
121	16,36	0,46	-	0,93	-	-	-	0,02	0,20	-	0,02	3,50	2,05	-	3,59	3,06	10,72	-	14,07	-	-	-	1,06	3,68	-	1,15	57,26	33,13	-	113,29
TD29	4,56	0,51	-	1,09	-	-	-	-	0,25	-	0,08	3,50	2,60	-	3,87	3,46	2,21	-	4,61	-	-	-	0,05	1,03	-					

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NỀN MẶT ĐƯỜNG**  
Đoạn: Km0+00 - Km3+306.00

Tên cọc	K.Cách lè	Diện tích											Khối lượng																
		Đắp nền K95 (m <sup>2</sup> )	Đào nền đất C3 (m <sup>2</sup> )	Đào khuôn đất C3 (m <sup>2</sup> )	Đào khuôn đất C4 (m <sup>2</sup> )	Đào rãnh đất C3 (m <sup>2</sup> )	Đào rãnh đất C4 (m <sup>2</sup> )	Đánh cáp (m <sup>2</sup> )	Đào đất KTH (m <sup>2</sup> )	Bù vênh BTNC 19 (m <sup>2</sup> )	Bù vênh CPDD Dmax 25 (m <sup>2</sup> )	Bm đường cũ (m)	Bm mở rộng (m)	L trồng cỏ (m)	L chiếm dụng trái (m)	L chiếm dụng phải (m)	Đắp nền K95 (m <sup>3</sup> )	Đào nền đất C3 (m <sup>3</sup> )	Đào khuôn đất C3 (m <sup>3</sup> )	Đào khuôn đất C4 (m <sup>3</sup> )	Đào rãnh đất C3 (m <sup>3</sup> )	Đào rãnh đất C4 (m <sup>3</sup> )	Đánh cáp (m <sup>3</sup> )	Đào đất KTH (m <sup>3</sup> )	Bù vênh BTNC 19 (m <sup>3</sup> )	Bù vênh CPDD Dmax 25 (m <sup>3</sup> )	Bm đường cũ (m <sup>2</sup> )	Bm mở rộng (m <sup>2</sup> )	Trồng cỏ (m <sup>2</sup> )
TD31	6,06	1,18	-	0,72	-	-	-	0,16	0,31	-	-	-	-	3,91	3,96	6,61	-	4,70	-	-	-	0,76	1,88	-	0,82	21,21	13,64	-	46,18
135	8,77	1,02	-	0,85	-	-	-	0,25	0,26	-	-	-	-	4,13	3,93	9,65	-	8,88	-	-	-	1,80	2,50	-	2,28	30,70	24,12	-	69,85
136	11,31	0,83	-	0,70	-	-	-	-	0,48	-	-	-	-	4,20	3,88	10,46	-	8,77	-	-	-	1,41	4,18	-	3,62	39,59	33,93	-	91,27
P31	9,94	0,71	-	0,95	-	-	-	-	0,30	-	-	-	-	4,14	3,84	7,65	-	8,20	-	-	-	-	3,88	-	2,68	34,79	29,82	-	79,82
137	6,54	0,67	-	1,14	-	-	-	-	0,31	-	-	-	-	4,04	4,02	4,51	-	6,83	-	-	-	-	1,99	-	1,08	22,89	19,62	-	52,45
138	14,30	0,65	-	1,21	-	-	-	-	0,30	-	-	-	-	4,16	3,83	9,44	-	16,80	-	-	-	-	4,36	-	1,72	50,05	42,90	-	114,76
TC31	9,17	0,52	-	1,07	-	-	-	-	0,27	-	-	-	-	3,51	3,83	5,36	-	10,45	-	-	-	-	2,61	-	0,87	32,10	25,22	-	70,29
139	4,08	0,47	-	0,92	-	-	-	-	0,25	-	-	-	-	3,22	3,61	2,02	-	4,06	-	-	-	-	1,06	-	0,35	14,28	9,36	-	28,91
140	15,58	0,59	-	0,79	-	-	-	-	0,30	-	-	-	-	3,52	3,46	8,26	-	13,32	-	-	-	-	4,28	-	2,41	54,53	31,86	-	107,58
TD32	6,88	0,63	-	0,96	-	-	-	-	0,29	-	-	-	-	3,79	3,68	4,20	-	6,02	-	-	-	-	2,03	-	1,34	24,08	15,48	-	49,71
141	5,63	0,70	-	1,10	-	-	-	-	0,32	-	-	-	-	4,07	4,04	3,74	-	5,80	-	-	-	-	1,72	-	0,70	19,71	15,48	-	43,86
P32	7,47	0,69	-	1,16	-	-	-	0,02	0,29	-	-	-	-	4,11	3,93	5,19	-	8,44	-	-	-	0,07	2,28	-	0,63	26,15	22,41	-	60,32
TC32	13,11	0,95	-	0,91	-	-	-	0,16	0,26	-	-	-	-	3,78	4,03	10,75	-	13,57	-	-	-	1,18	3,61	-	1,18	45,89	36,05	-	103,90
142	4,35	0,85	-	0,85	-	-	-	0,17	0,23	-	-	-	-	3,44	3,82	3,92	-	3,83	-	-	-	0,72	1,07	-	0,37	15,23	9,94	-	32,78
TD33	18,96	0,63	-	0,96	-	-	-	-	0,28	-	-	-	-	3,63	3,80	14,03	-	17,16	-	-	-	1,61	4,83	-	1,71	66,36	43,32	-	139,26
144	17,83	0,86	-	1,02	-	-	-	0,12	0,26	-	-	-	-	3,93	4,17	13,28	-	17,65	-	-	-	1,07	4,81	-	2,67	62,41	49,03	-	138,45
P33	19,05	0,81	-	1,02	-	-	-	0,06	0,34	-	-	-	-	3,86	4,22	15,91	-	19,43	-	-	-	1,71	5,72	-	2,86	66,68	57,15	-	154,11
145	3,98	0,74	-	1,11	-	-	-	0,12	0,22	-	-	-	-	3,91	4,08	3,08	-	4,24	-	-	-	0,36	1,11	-	0,40	13,93	11,94	-	31,98
146	20,24	0,61	-	1,21	-	-	-	0,12	0,16	-	-	-	-	3,62	4,08	13,66	-	23,48	-	-	-	2,43	3,85	-	3,04	70,84	60,72	-	158,78
TC33	12,66	0,66	-	0,96	-	-	-	0,18	0,18	-	-	-	-	3,58	3,68	8,04	-	13,74	-	-	-	1,90	2,15	-	2,28	44,31	34,82	-	94,70
147	4,67	0,59	-	0,94	-	-	-	0,09	0,19	-	-	-	-	3,40	3,43	2,92	-	4,44	-	-	-	0,63	0,86	-	0,42	16,35	10,51	-	32,90
148	16,53	0,70	-	0,78	-	-	-	0,07	0,23	-	-	-	-	3,62	3,31	10,66	-	14,22	-	-	-	1,32	3,47	-	1,24	57,86	33,06	-	113,73
149	17,00	0,70	-	0,83	-	-	-	0,11	0,23	-	-	-	-	3,74	3,31	11,90	-	13,69	-	-	-	1,53	3,91	-	2,64	59,50	34,00	-	118,83
TD34	11,93	0,46	-	1,00	-	-	-	-	0,24	-	-	-	-	3,52	3,60	6,92	-	10,92	-	-	-	0,66	2,80	-	2,27	41,76	26,25	-	84,52
150	5,27	0,46	-	1,18	-	-	-	-	0,24	-	-	-	-	3,63	3,88	2,42	-	5,74	-	-	-	-	1,26	-	0,90	18,45	13,70	-	38,55
151	14,24	0,39	-	1,21	-	-	-	0,07	0,10	-	-	-	-	3,71	3,66	6,05	-	17,02	-	-	-	0,50	2,42	-	1,00	49,84	39,87	-	105,95
P34	13,84	1,05	-	0,94	-	-	-	0,26	0,22	-	-	-	-	3,86	4,13	9,96	-	14,88	-	-	-	2,28	2,21	-	1,04	48,44	38,75	-	106,29
152	2,23	0,95	-	1,00	-	-	-	0,04	0,32	-	-	-	-	3,83	4,14	2,23	-	2,16	-	-	-	0,33	0,60	-	0,35	7,85	6,24	-	17,80
153	12,07	0,95	-	0,91	-	-	-	0,16	0,27	-	-	-	-	3,76	4,08	11,47	-	11,53	-	-	-	1,21	3,56	-	1,99	42,25	33,90	-	95,41
154	14,94	0,90	-	0,83	-	-	-	0,13	0,33	-	-	-	-	3,72	4,08	13,82	-	13,00	-	-	-	2,17	4,48	-	2,54	52,29	41,83	-	116,83
TC34	4,10	0,83	-	0,82	-	-	-	0,04	0,32	-	-	-	-	3,64	3,85	3,55	-	3,38	-	-	-	0,35	1,33	-	0,64	14,35	10,66	-	31,34
155	9,11	0,84	-	0,80	-	-	-	0,08	0,28	-	-	-	-	3,84	3,37	7,61	-	7,38	-	-	-	0,55	2,73	-	1,09	31,89	20,04	-	66,96
TD35	16,38	1,14	-	0,90	-	-	-	0,04	0,42	-	-	-	-	3,94	3,94	16,22	-	13,92	-	-	-	0,98	5,73	-	2,05	57,33	36,86	-	126,45
157	13,92	1,25	-	1,01	-	-	-	-	0,57	-	-	-	-	4,80	4,07	16,63	-	13,92	-	-	-	0,28	6,89	-	1,25	48,72	38,28	-	119,02
158	13,31	0,46	-	1,32	-	-	-	-	0,23	-	-	-	-	3,53	4,11	11,38	-	15,51	-	-	-	-	5,32	-	0,98	46,59	39,93	-	109,87
P35	7,40	0,48	-	1,29	-	-	-	-	0,23	-	-	-	-	3,54	4,13	3,48	-	9,66	-	-	-	-	1,70	-	0,93	25,90	22,20	-	56,65
159	9,26	0,51	-	1,20	-	-	-	-	0,26	-	-	-	-	4,01	3,79	4,58	-	11,53	-	-	-	-	2,27	-	1,48	32,41	27,36	-	71,63
160	13,17	1,74	-	0,45	-	-	-	-	0,84	-	-	-	-	4,42	3,50	2,63	-	10,87	-	-	-	-	7,24	-	3,95	46,10	39,51	-	111,88
TC35	12,20	1,47	-	0,54	-	-	-	0,08	0,59	-	-	-	-	4,20	4,25	19,58	-	6,04	-	-	-	0,49	8,72	-	4,58	42,70	33,55	-	107,60
161	1,97	1,35	-	0,63	-	-	-	0,08	0,46	-	-	-	-	3,98	4,11	2,78	-	1,15	-	-	-	0,16	1,03	-	0,62	6,90	4,65	-	16,29
162	12,55	0,61	-	0,85	-	-	-	-	0,30	-	-	-	-	3,54	3,45	12,30	-	9,29	-	-	-	0,50	4,77	-	2,13	43,93	26,48	-	94,63
163	15,24	0,64	-	0,80	-	-	-	-	0,32	-	-	-	-	3,42	3,69	9,53	-	12,57	-	-	-	-	4,72	-	0,61	53,34	30,48	-	107,44
TD36	10,03	0,73	-	1,06	-	-	-	-	0,33	-	-	-	-	3,51	4,03	6,87	-	9,33	-	-	-	-	3,26	-	0,40	35,11	22,07	-	73,47
164	3,54	0,84	-	1,13	-	-	-	-	0,32	-	-	-	-	3,68	4,24	2,78	-	3,88	-	-	-	-	1,15	-	0,21	12,39	9,20	-	27,36
165	16,89	0,90	-	1,07	-	-	-	0,10	0,24	-	-	-	-	3,73	4,48	14,69	-	18,58	-	-	-	0,84	4,73	-	1,94	59,12	47,29	-	136,22
P36	4,18	1,01	-	1,11	-	-	-	0,24	0,23	-	-	-	-	3,71	4,46	3,99	-	4,56	-	-	-	0,71	0,98	-	0,54	14,63	11,70	-	34,23
166	10,47	0,68	-	1,08	-	-	-	-	0,32	-	-	-	-	3,80	4,10	8,85	-	11,46	-	-	-	1,26	2,88	-	0,84	36,65	29,32	-	84,13
TC36	14,14	1,02	-	0,91	-	-	-	0,23	0,21	-	-	-	-	3,72	4,34	12,02	-	14,07	-	-	-	1,63	3,75	-	1,98	49,49	36,76	-	112,84
168	20,23	0,78	-	0,90	-	-	-	-	0,13	-	-	-	-	3,32	4,04	18,21	-	18,31	-	-	-	4,96	3,44	-	3,84	70,81	44,51	-	155,97
169	18,90	0,82	-	0,66	-	-	-	-	0,37	-	-	-	-	3,65	3,69	15,12	-	14,74	-	-	-	2,46	4,73	-	5,48	66,15	37,80	-	138,92
170	15,27	1,01	-	0,47	-	-	-	-	0,42	-	-	-	-	3,73	3,79	13,97	-	8,63	-	-	-	-	6,03	-	7,25	53,45	30,54	-	113,46
171	13,24	0,87	-	0,71	-	-	-	-	0,38	-	-	-	-	3,72	3,70	12,45	-	7,81	-	-	-	-	5,30	-	4,70	46,34	26,48	-	98,90
172	14,21	0,90	-	0,81	-	-	-	0,17	0,25	-	-	-	-	3,56	3,81	12,58	-	10,80	-	-	-	1,21	4,48	-	1,49	49,74	28,42	-	105,08
173																													

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NỀN MẶT ĐƯỜNG**

Đoạn: Km0+00 - Km3+306.00

Tên cọc	K.Cách lẻ	Diện tích															Khối lượng														
		Đắp nền K95 (m2)	Đào nền đất C3 (m2)	Đào khuôn đất C3 (m2)	Đào khuôn đất C4 (m2)	Đào rãnh đất C3 (m2)	Đào rãnh đất C4 (m2)	Đánh cấp (m2)	Đào đất KTH (m2)	Bù vênh BTNC 19 (m2)	Bù vênh CPĐD Dmax 25 (m2)	Bm đường cũ (m)	Bm mở rộng (m)	L trồng cỏ (m)	L chiếm dụng trái (m)	L chiếm dụng phải (m)	Đắp nền K95 (m3)	Đào nền đất C3 (m3)	Đào khuôn đất C3 (m3)	Đào khuôn đất C4 (m3)	Đào rãnh đất C3 (m3)	Đào rãnh đất C4 (m3)	Đánh cấp (m3)	Đào đất KTH (m3)	Bù vênh BTNC 19 (m3)	Bù vênh CPĐD Dmax 25 (m3)	Bm đường cũ (m2)	Bm mở rộng (m2)	Trồng cỏ (m2)	S chiếm dụng (m2)	
177	18,13	1,24	-	0,77	-	-	-	0,25	0,25	-	0,05	3,50	2,00	-	3,39	3,80	19,58	-	14,23	-	-	-	2,90	5,35	-	2,99	63,46	41,70	-	135,79	
178	20,54	0,66	-	0,84	-	-	-	-	0,32	-	0,01	3,50	2,00	-	3,35	3,76	19,51	-	16,53	-	-	-	2,57	5,85	-	0,62	71,89	41,08	-	146,86	
179	18,25	1,49	-	0,75	-	-	-	0,38	0,08	-	0,18	3,50	2,00	3,48	4,55	4,35	19,62	-	14,51	-	-	-	3,47	3,65	-	1,73	63,88	36,50	31,76	146,09	
180	8,06	4,23	-	0,64	-	-	-	-	0,79	-	0,01	3,50	2,00	5,62	5,06	5,62	23,05	-	5,60	-	-	-	1,53	3,51	-	0,77	28,21	16,12	36,67	78,91	
181	15,33	1,32	-	0,86	-	-	-	0,30	0,20	-	0,03	3,50	2,00	2,62	4,08	4,10	42,54	-	11,50	-	-	-	2,30	7,59	-	0,31	53,66	30,66	63,16	144,56	
TD38	10,20	1,04	-	0,60	-	-	-	0,10	0,33	-	0,17	3,50	2,40	1,99	3,92	4,13	12,04	-	7,45	-	-	-	2,04	2,70	-	1,02	35,70	22,44	23,51	82,77	
182	2,69	1,30	-	0,64	-	-	-	-	0,61	-	0,19	3,50	2,71	2,01	4,17	4,22	3,15	-	1,67	-	-	-	0,13	1,26	-	0,48	9,42	6,87	5,38	22,11	
P38	7,08	0,96	-	0,72	-	-	-	-	0,52	-	0,25	3,50	2,80	1,58	4,28	3,84	8,00	-	4,81	-	-	-	-	4,00	-	1,56	24,78	19,51	12,71	58,45	
183	4,82	0,97	-	0,72	-	-	-	-	0,53	-	0,26	3,50	2,80	1,59	4,28	3,84	4,65	-	3,47	-	-	-	-	2,53	-	1,23	16,87	13,50	7,64	39,14	
TC38	4,95	0,81	-	0,74	-	-	-	-	0,39	-	0,20	3,50	2,40	-	3,95	3,68	4,41	-	3,61	-	-	-	-	2,28	-	1,14	17,33	12,87	3,94	38,98	
184	15,01	0,66	-	0,81	-	-	-	0,05	0,25	-	0,01	3,50	2,00	-	3,47	3,48	11,03	-	11,63	-	-	-	0,38	4,80	-	1,58	52,54	33,02	-	109,42	
185	13,34	0,36	0,02	0,70	-	0,02	-	0,27	0,24	-	0,12	3,50	2,00	-	4,40	4,20	6,80	0,13	10,07	-	0,13	-	2,13	3,27	-	0,87	46,69	26,68	-	103,72	
TD39	13,67	0,49	0,02	0,51	-	0,08	-	0,13	0,50	-	0,38	3,50	2,50	-	4,67	4,66	5,81	0,27	8,27	-	0,68	-	2,73	5,06	-	3,42	47,85	30,76	-	122,55	
P39	12,28	0,08	0,66	1,16	-	0,61	-	-	-	-	0,33	3,50	3,00	-	5,40	5,17	3,50	4,18	10,25	-	4,24	-	0,80	3,07	-	4,36	42,98	33,77	-	122,19	
187	1,71	0,10	0,72	1,21	-	0,61	-	0,08	-	-	0,27	3,50	3,00	-	5,42	5,20	0,15	1,18	2,03	-	1,04	-	0,07	-	-	0,51	5,99	5,13	-	18,12	
TC39	10,57	0,16	0,01	1,22	-	0,45	-	-	0,22	-	0,06	3,50	2,50	-	4,59	4,45	1,37	3,86	12,84	-	5,60	-	0,42	1,16	-	1,74	37,00	29,07	-	103,90	
188	3,51	0,16	0,01	1,01	-	0,49	-	-	0,21	-	-	3,50	2,00	-	4,26	4,36	0,56	0,04	3,91	-	1,65	-	-	0,75	-	0,11	12,29	7,90	-	30,99	
189	16,28	0,19	-	0,97	-	0,37	-	-	0,23	-	0,08	3,50	2,00	-	4,20	4,46	2,85	0,08	16,12	-	7,00	-	-	3,58	-	0,65	56,98	32,56	-	140,66	
190	17,80	0,03	0,14	1,13	-	0,63	-	-	-	-	0,19	3,50	2,00	-	4,39	4,30	1,96	1,25	18,69	-	8,90	-	-	2,05	-	2,40	62,30	35,60	-	154,42	
191	15,89	0,01	0,09	1,25	-	0,63	-	-	-	-	0,10	3,50	2,00	-	4,35	4,22	0,32	1,83	18,91	-	10,01	-	-	-	-	2,30	55,62	31,78	-	137,13	
192	15,16	0,16	-	1,09	-	0,42	-	-	0,25	-	0,12	3,50	2,00	-	4,44	4,20	1,29	0,68	17,74	-	7,96	-	-	1,90	-	1,67	53,06	30,32	-	130,45	
D40=193	14,52	0,04	-	0,57	-	0,33	-	0,13	0,36	-	-	-	5,25	5,50	-	4,57	4,17	1,45	-	12,05	-	5,45	-	0,94	4,43	-	0,87	63,53	54,45	-	126,18
TD41	8,52	1,19	0,01	0,73	-	0,35	-	-	0,51	-	-	-	6,90	-	4,19	4,40	5,24	0,04	5,54	-	2,90	-	0,55	3,71	-	-	22,37	52,82	-	73,83	
195	16,61	0,09	0,42	1,47	-	0,64	-	-	-	-	-	-	6,30	-	4,66	4,76	10,63	3,57	18,27	-	8,22	-	-	4,24	-	-	109,63	-	-	149,57	
196	14,98	1,20	-	1,30	-	0,34	-	-	0,63	-	-	-	6,30	-	4,10	4,12	9,66	3,15	20,75	-	7,34	-	-	4,72	-	-	-	94,37	-	-	132,12
P41	16,12	0,41	-	-	1,52	0,28	-	-	-	-	-	-	6,30	-	3,79	4,06	12,98	-	10,48	12,25	5,00	-	-	5,08	-	-	101,56	-	-	129,52	
197	2,67	0,45	-	-	1,47	-	-	-	-	-	-	-	6,30	-	4,01	4,03	1,15	-	-	3,99	0,37	-	-	-	-	-	16,82	-	-	21,21	
198	16,36	0,31	-	-	1,71	-	-	-	-	-	-	-	6,30	-	3,95	3,78	6,22	-	-	26,01	-	-	-	-	-	-	103,07	-	-	129,00	
199	15,38	0,30	-	-	1,43	-	-	-	-	-	-	-	6,30	-	4,52	3,83	4,69	-	-	24,15	-	1,77	-	-	-	-	96,89	-	-	123,66	
TC41	13,31	0,13	-	-	2,08	-	-	-	0,46	-	-	-	5,90	-	4,24	4,43	2,86	-	-	23,36	-	4,59	-	-	-	-	81,19	-	-	113,27	
200	5,20	0,03	-	-	2,35	-	-	-	0,54	-	-	-	5,50	-	4,12	4,38	0,42	-	-	11,52	-	2,60	-	-	-	-	29,64	-	-	44,64	
201	16,69	0,17	0,57	3,09	-	0,52	-	-	-	-	-	-	5,50	-	4,40	4,31	1,67	4,76	25,79	19,61	4,34	4,51	-	0,92	-	-	91,80	-	-	143,62	
202	15,73	0,36	-	2,10	-	0,37	-	-	0,26	-	-	-	5,50	-	4,18	4,10	4,17	4,48	40,82	-	7,00	-	-	2,91	-	-	86,52	-	-	133,63	
203(1)	15,19	0,07	0,59	1,51	-	0,64	-	-	-	-	-	-	5,50	-	4,44	4,36	3,27	4,48	27,42	-	7,67	-	-	1,97	-	-	83,55	-	-	129,72	
	3.298,40																<b>Tổng</b>	<b>2.353,67</b>	<b>141,44</b>	<b>2.977,86</b>	<b>120,89</b>	<b>203,13</b>	<b>13,47</b>	<b>169,84</b>	<b>937,97</b>	<b>2,59</b>	<b>467,88</b>	<b>11.011,16</b>	<b>8.434,34</b>	<b>936,74</b>	<b>25.628,50</b>

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 18/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra:  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY 22 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA	<b>BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT NỀN, MẶT ĐƯỜNG (6/6) ĐOẠN KM0+00 - KM3+306</b> TỶ LỆ / SCALE: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 91 LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:
---	---	--	--	--

**C. HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC**  
**C. DRAINAGE SYSTEM**

**THÔNG KÊ CỐNG THOÁT NƯỚC NGANG TRÊN TUYẾN**

Đoạn Km0+00 - KM3+306

STT	Loại cống thiết kế/ cống cũ tháo dỡ	Lý trình	Hiện trạng	Phương án thiết kế
1	Cống bản KĐ 0,75m	Km0+005,04	Cống đang khai thác	Thiết kế nối cống thượng hạ lưu
2	Cống bản KĐ 0,75m	Km0+246,33	Cống hư hỏng và bị nhấn sâu không thoát nước được	Tháo dỡ, Thiết kế mới Cống bản KĐ 0,75m
3	Cống tròn ĐK 2x1,2m	Km1+181,90	Cống đang khai thác	Thiết kế nối cống thượng hạ lưu
4	Cống bản KĐ 0,75m	Km1+276,58	Chưa có cống	Thiết kế mới Cống bản KĐ 0,75m
5	Cống bản KĐ 0,75m	Km1+309,53	Cống hư hỏng và bị nhấn sâu không thoát nước được	Tháo dỡ cống cũ
6	Cống bản KĐ 0,75m	Km1+496,14	Chưa có cống	Thiết kế mới Cống bản KĐ 0,75m
7	Cống bản KĐ 0,75m	Km1+602,12	Cống hư hỏng và bị nhấn sâu không thoát nước được	Tháo dỡ cống cũ
8	Cống bản KĐ 0,75m	Km2+173,94	Cống hư hỏng và bị nhấn sâu không thoát nước được	Tháo dỡ, Thiết kế mới Cống bản KĐ 0,75m
9	Cống tròn ĐK 0,75m	Km2+946,83	Cống đang khai thác	Thiết kế nối cống thượng hạ lưu
10	Cống bản KĐ 0,75m	Km3+200,54	Cống bị tắc thượng hạ lưu không thoát nước được	Thiết kế nối cống thượng hạ lưu

**THÔNG KÊ CỐNG THOÁT NƯỚC DỌC QUA ĐƯỜNG GIAO DÂN SINH**

Đoạn Km0+00 - KM3+306

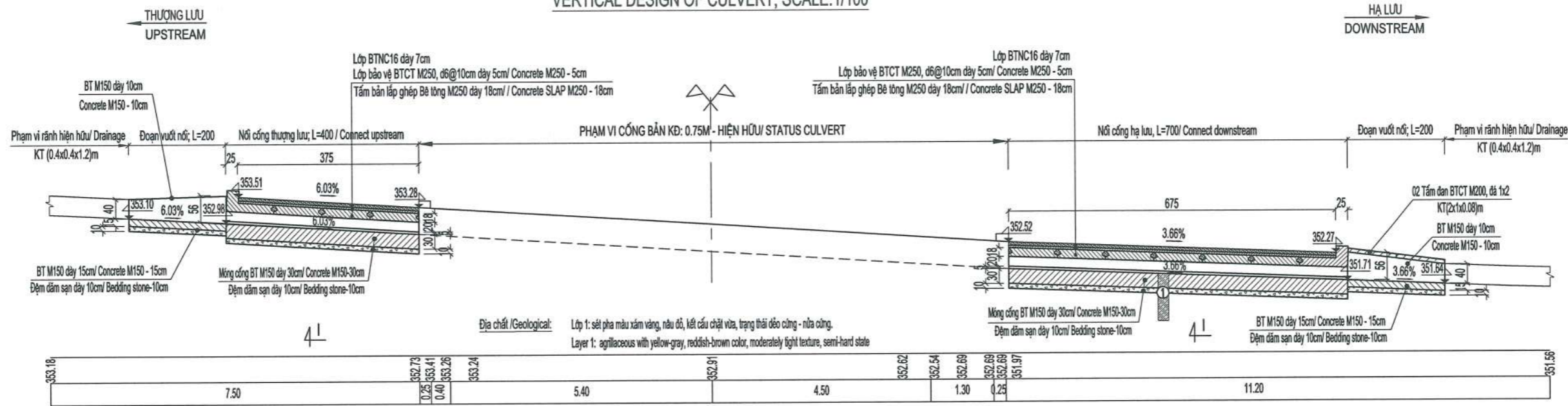
STT	Loại cống thiết kế/ cống cũ tận dụng	Lý trình	Hiện trạng	Vị trí		Phương án thiết kế
				Trái tuyến (T)	Phải tuyến (P)	
1	Cống bản dọc KĐ 0,75m	Km1+302,91	Chưa có cống	T		Thiết kế mới
2	Cống bản dọc KĐ 0,75m	Km1+671,04	Cống bị lấp tắc đầu cống	T		Tận dụng, nạo vét, khơi thông cống
3	Cống bản dọc KĐ 0,75m	Km1+989,71	Chưa có cống		P	Thiết kế mới
4	Cống bản dọc KĐ 0,75m	Km2+251,94	Cống bị lấp tắc đầu cống	T		Tận dụng, nạo vét, khơi thông cống
5	Cống bản dọc KĐ 0,75m	Km2+392,33	Chưa có cống	T		Thiết kế mới
6	Cống bản dọc KĐ 0,75m	Km2+463,43	Chưa có cống		P	Thiết kế mới
7	Cống bản dọc KĐ 0,75m	Km2+975,05	Chưa có cống	T		Thiết kế mới

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

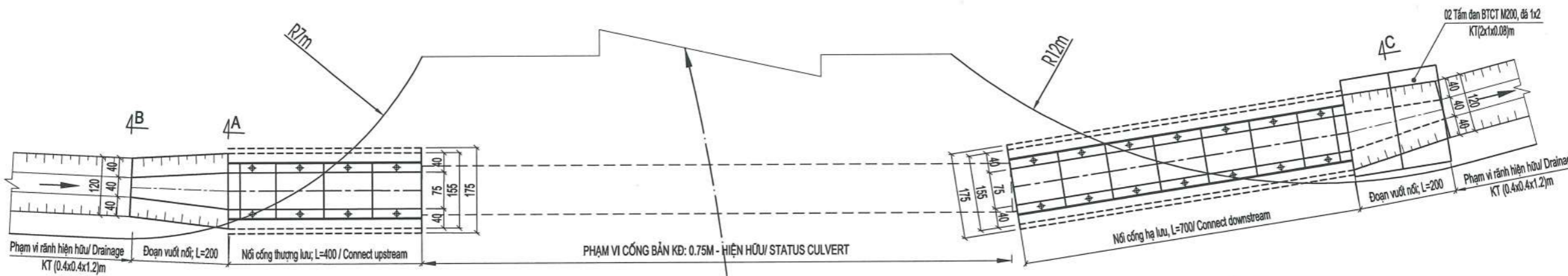
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762/ SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE  CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD  LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HUƠNG HÓA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER LÊ MINH CHÍNH <i>[Signature]</i>	QUẢNG TRỊ, NGÀY 03 THÁNG 03 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR NGUYỄN HỮU HOA <i>[Signature]</i>	<b>BẢNG THÔNG KÊ CỐNG THOÁT                  NƯỚC                  ĐOẠN KM0+00 - KM3+306</b>
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER NGUYỄN LÊ HIỂN <i>[Signature]</i>		
		THIẾT KẾ / DESIGN BY NGUYỄN HỮU DUẬT <i>[Signature]</i>		LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:
		K.C.S / QUALITY CONTROL NGUYỄN HỮU HOA <i>[Signature]</i>		

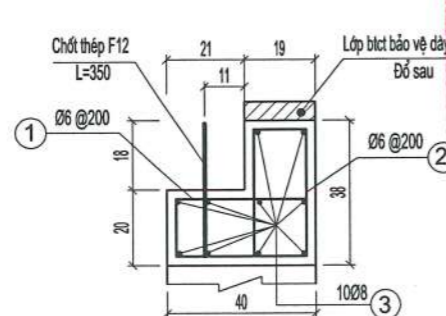
**CẮT DỌC CỐNG TL: 1/100**  
VERTICAL DESIGN OF CULVERT; SCALE: 1/100



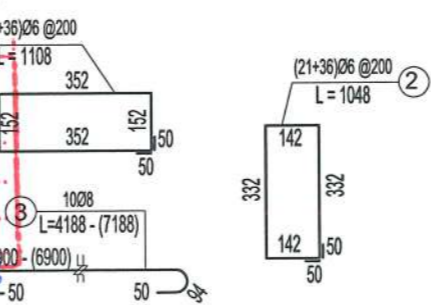
**MẶT BẰNG CỐNG TL: 1/100**  
CULVERT PLAN; SCALE: 1/100



**CẤU TẠO XÀ MŨ TL: 1/20**  
CROSS SECTION OF CAP CULVERT; SCALE: 1/20



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: B1/B-11  
Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Thy  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Thy

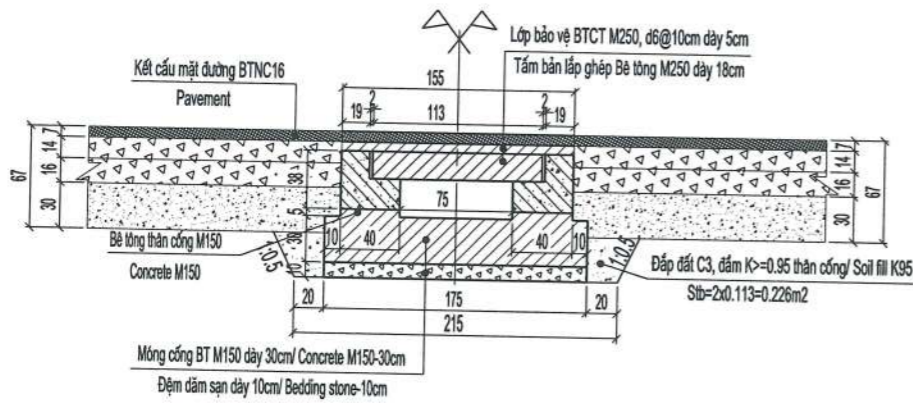


**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1762/SXD  
Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

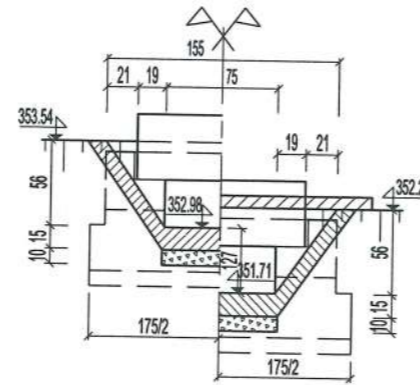
Ghi chú/ notes:  
- Định hình tám bản 531-11-01 với tải trọng H30-XB80  
- Đơn vị bản vẽ cm, cao độ ghi bằng m, cốt thép ghi bằng mm.  
- Dimension in drawings is in cm, elevation is in m, steel is in mm.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY 22 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA	NỐI THƯỢNG, HẠ LƯU CỐNG BẢN KB: 0.75M CONNECT UPSTREAM AND DOWNSTREAM OF THE SLAB CULVERT B=0.75M LÝ TRÌNH/ STA.: KMO+005.04 (1/2)
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DƠI, HUYỆN HƯƠNG HOA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT			TỶ LỆ / SCALE: LẦN XUẤT BẢN / REV:
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN			BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 34 MÃ SỐ / CODE:

CẮT NGANG THÂN CỐNG TL: 1/50  
CROSS SECTION OF CULVERT; SCALE: 1/50



NHÌN 1/2 THƯỢNG, HẠ LƯU TL: 1/50  
VIEW FROM 1/2 UPSTREAM, DOWNSTREAM; SCALE: 1/50



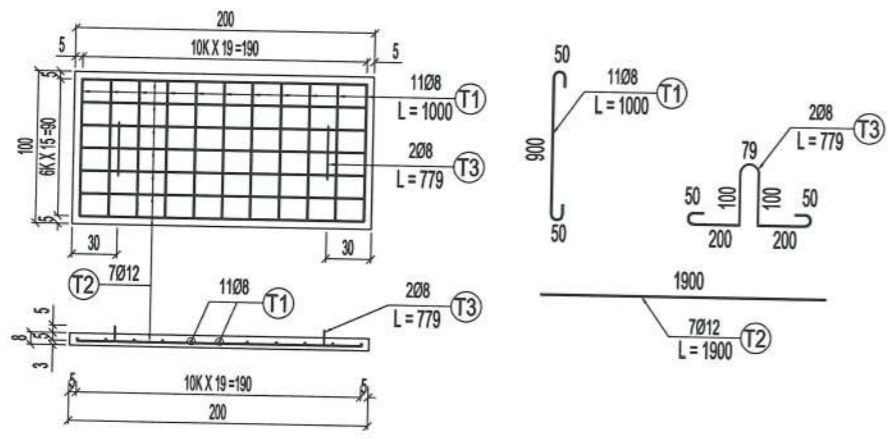
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIN**  
**ĐÃ THẨM TRA**

Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 491/BC-TT  
Ngày thẩm tra: 15/1/2025  
Chữ ký người thẩm tra: [Signature]  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên T

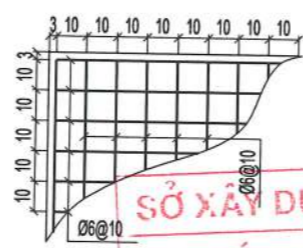
**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG**  
**SUMMARY OF BILL OF QUANTITY**

Tư/No	Hạng mục công việc/ Items	Đơn vị/ Unit	Khối lượng công ngang/ Volume Km0+005.04
<b>II Thân cống</b>			
1	Cầu lắp tấm bản/ slab	Tấm/block	11,00
2	Bê tông tấm bản M250 đá 1x2/ Concrete M250	m <sup>3</sup>	2,25
3	Cốt thép tấm bản $\phi < 10$ / CB240-T steel	Kg	61,31
4	Cốt thép tấm bản $10 \leq \phi < 18$ / CB300-V steel	Kg	201,52
5	Ván khuôn thép tấm bản/ Forms work	m <sup>2</sup>	10,94
6	Bê tông mối nối M250 đá 1x2/ Concrete M250	m <sup>3</sup>	0,20
7	Bê tông bảo vệ mặt cống M250 đá 1x2/ Concrete M250	m <sup>3</sup>	0,81
8	Lưới thép bảo vệ $\phi 6 @ 10$ cm/ CB240-T steel	Kg	73,73
9	Bê tông xà mũ M200 đá 1x2/ Concrete M200	m <sup>3</sup>	2,51
10	Cốt thép xà mũ $\phi < 10$ / CB240-T steel	Kg	144,43
11	Chốt thép $\phi 12$ , L=35cm/ CB300-V steel	Kg	6,84
12	Thân cống bê tông M150 đá 2x4/ Concrete M150	m <sup>3</sup>	0,44
13	Móng cống bê tông M150 đá 2x4/ Concrete M150	m <sup>3</sup>	5,78
14	Đệm đá dăm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m <sup>3</sup>	1,93
15	Ván khuôn các hạng mục/ Forms work of wall	m <sup>2</sup>	18,92
16	Ván khuôn móng thân cống/ Forms work of bedding	m <sup>2</sup>	6,60
<b>III Công tác khác</b>			
1	Bê tông vuốt nối M150 đá 2x4/ Concrete M150	m <sup>3</sup>	0,94
2	Đệm vữa dày 2cm/ Bedding mortar - 2cm	m <sup>3</sup>	0,10
3	Bê tông gia cố sân hạ lưu M150 đá 2x4/ Concrete M150	m <sup>3</sup>	-
4	Đệm đá dăm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m <sup>3</sup>	-
5	Ván khuôn/ Forms work of wall	m <sup>2</sup>	-
6	Đào đất hố móng/ Excavation	m <sup>3</sup>	10,34
7	Đắp trả đất C3, dăm K $\geq 0,95$ / Soil fill K $\geq 95$	m <sup>3</sup>	-
8	Đắp đất C3 thân cống dăm K $\geq 0,95$ / Soil fill K $\geq 95$	m <sup>3</sup>	2,49
9	Đào dẫn dòng/ Excavation	m <sup>3</sup>	-
10	Diện tích cống chiếm dụng móng áo đường	m <sup>2</sup>	6,98
11	Phá dỡ bê tông cống cũ/ Concrete demolition	m <sup>3</sup>	1,55
12	Nạo vét, khơi thông cống cũ/ dredging	m <sup>3</sup>	1,80
13	Nạo vét, khơi thông cống dọc cũ tại Km1+671,04 (trái tuyến) và tại Km2+251,94 (phải tuyến)/ dredging.	m <sup>3</sup>	-
<b>IV Tấm đan BTCT</b>			
1	Lắp đặt tấm đan KT (2x1x0,08)m/ nstall woven panels	tấm	2,00
2	Bê tông tấm đan M200 đá 1x2/ Concrete M200	m <sup>3</sup>	0,32
3	Cốt thép $\phi < 10$ / CB240-T steel	Kg	9,92
4	Cốt thép $\phi > 10$ / CB300-V steel	Kg	23,62
5	Ván khuôn/ Forms work of wall	m <sup>2</sup>	0,96

CẤU TẠO TẤM ĐAN BTCT - KT(2X1X0.08)M TL: 1/50  
REINFORCEMENT MESH



LƯỚI THÉP BẢO VỆ MẶT CỐNG TL: 1/25  
REINFORCEMENT MESH

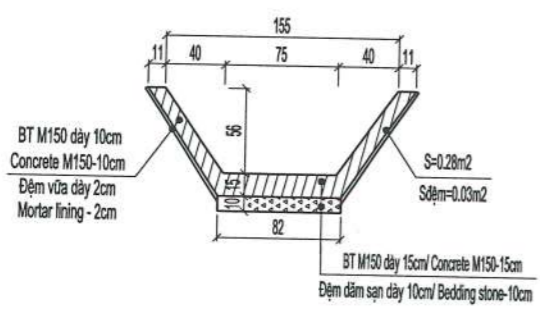


ĐÀO HỐ MÓNG TL: 1/100  
SOIL EXCAVATION IN FOUNDATION; SCALE: 1/100

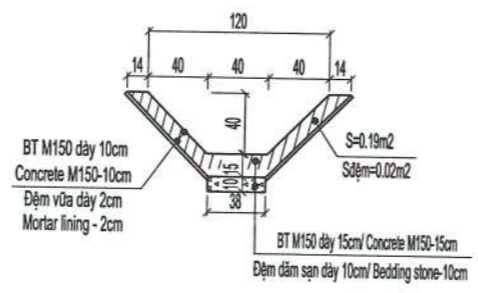
MẶT CẮT /SECTION I-I  
SĐÀO = 0.94M2; L=4+7=11M

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1762.../SXĐ  
Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: [Signature]

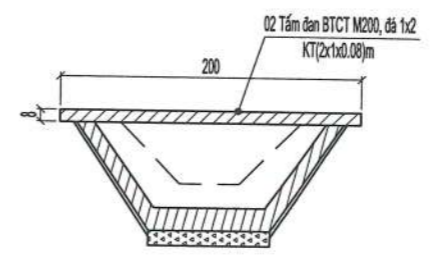
MẶT CẮT A-A TL: 1/50 /SECTION A-A



MẶT CẮT B-B TL: 1/50 /SECTION B-B

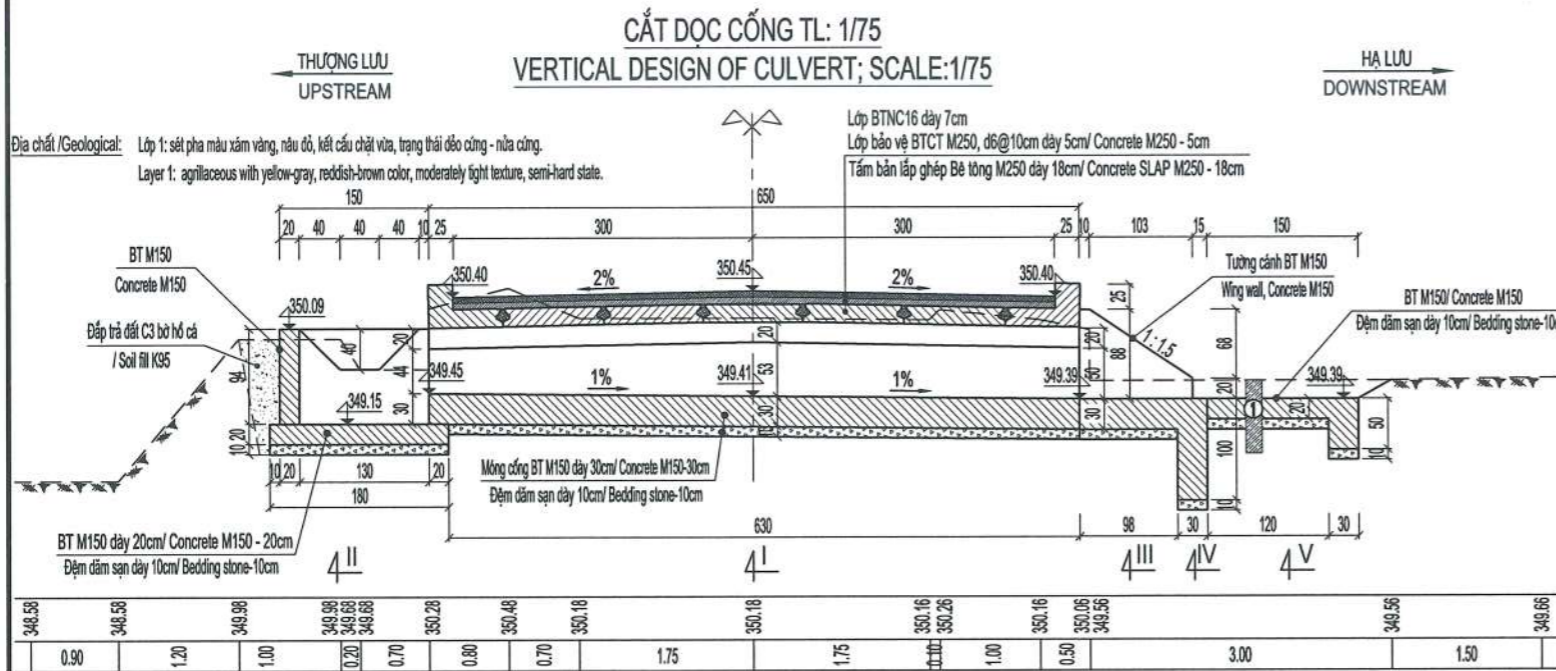


MẶT CẮT C-C TL: 1/50 /SECTION C-C

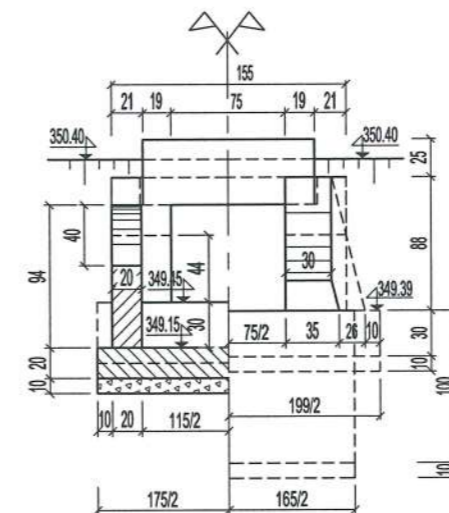


Ghi chú/ notes:  
- Định hình tấm bản 531-11-01 với tải trọng H30-XB80  
- Đơn vị bản vẽ cm, cao độ ghi bằng m, cốt thép ghi bằng mm.  
- Dimension in drawings is in cm, elevation is in m, steel is in mm.

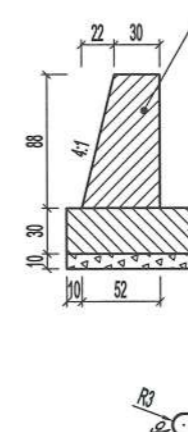
<p>CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE</p> <p>CĐT &amp; QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD</p> <p>LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ &amp; XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY</p>	<p>DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE</p> <p>Tiểu dự án: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DƠI, HUYỆN HƯNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT</p> <p>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</p>	<p>CHỦ NHIỆM ĐÓ AN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH</p> <p>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIẾN</p> <p>THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT</p> <p>K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p>QUẢNG TRỊ NGÀY 09 THÁNG 06 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: [Signature]</p> <p>NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p><b>NỐI THƯỢNG, HẠ LƯU CỐNG BÀN KB: 0.75M</b> <b>CONNECT UPSTREAM AND DOWNSTREAM OF THE SLAB CULVERT B=0.75M</b> <b>LÝ TRÌNH/ STA.: KM0+005.04 (2/2)</b></p> <p>TỶ LỆ / SCALE: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 95</p> <p>LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:</p>
--	---	---	---	--



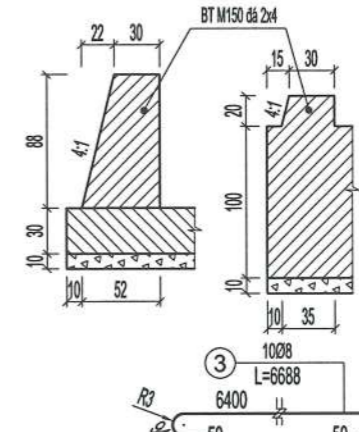
NHÌN 1/2 THƯỢNG, HẠ LƯU TL: 1/50  
VIEW FROM 1/2 UPSTREAM, DOWNSTREAM; SCALE: 1/50



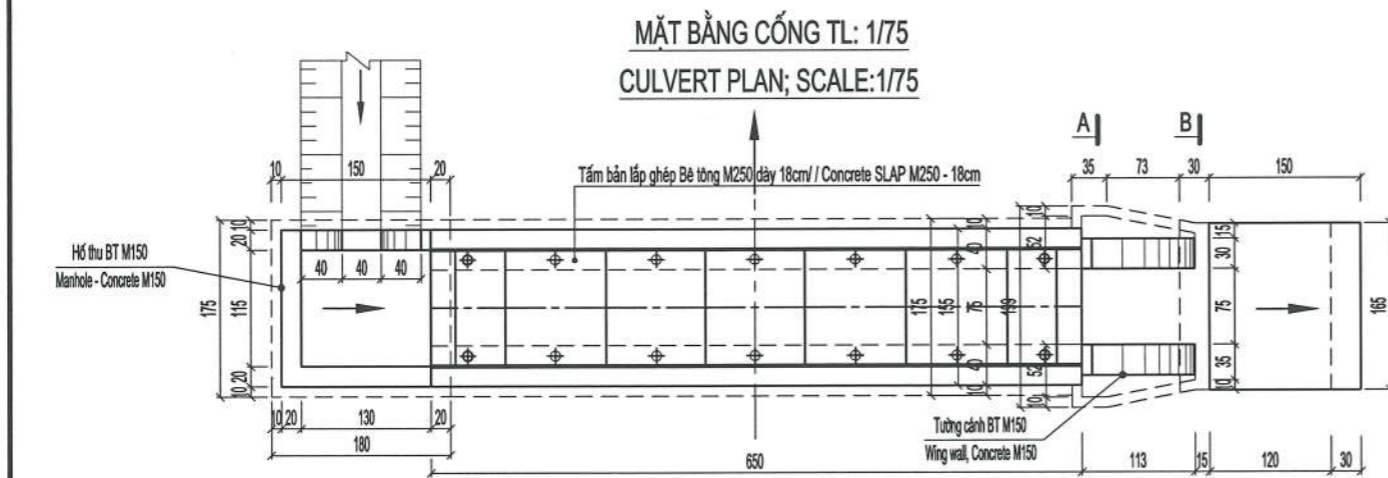
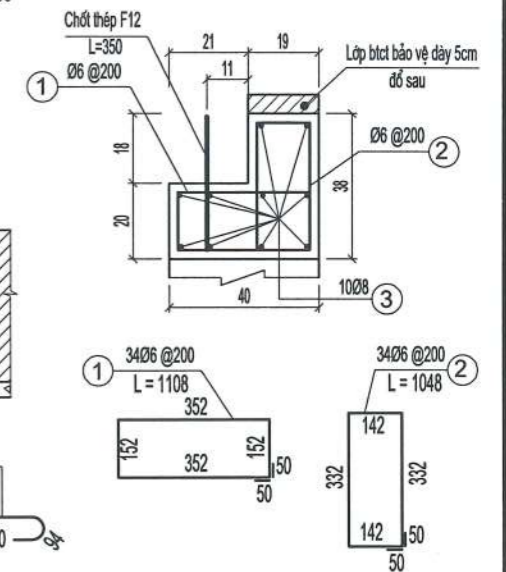
MẶT CẮT A-A  
SECTION A-A  
TL/ SCALE: 1:50



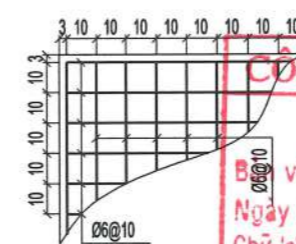
MẶT CẮT B-B  
SECTION B-B  
TL/ SCALE: 1:50



CẤU TẠO XÀ MŨ TL: 1/20  
CROSS SECTION OF CAP CULVERT



LƯỚI THÉP BẢO VỆ MẶT CỐNG TL: 1/25  
REINFORCEMENT MESH

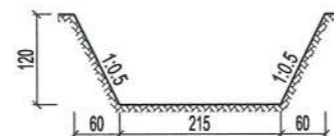


BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG  
SUMMARY OF BILL OF QUANTITY

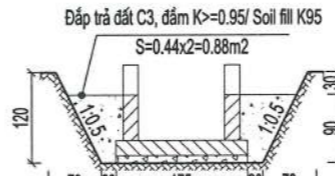
STT/No	Hạng mục công việc/ Items	Đơn vị/ Unit	Khối lượng công việc/ Volume Km0+246.33
1	Đầu cống		
1	Bê tông tường cánh + hố thu M150 đá 2x4/ Head wall of Wing wall- Concrete M150	m3	1,23
2	Bê tông móng đầu cống + hố thu M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	1,66
3	Đệm đá dầm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	0,54
4	Ván khuôn tường cống/ Forms work of wall	m2	9,87
5	Ván khuôn móng cống/ Forms work of bedding	m2	5,65
II	Thân cống		
1	Cầu lắp tấm bản/ slap	Tấm/ block	7,00
2	Bê tông tấm bản M250 đá 1x2/ Concrete M250	m3	1,39
3	Cốt thép tấm bản $\phi < 10$ / CB240-T steel	Kg	39,17
4	Cốt thép tấm bản 10 $\leq \phi < 18$ / CB300-V steel	Kg	120,10
5	Ván khuôn thép tấm bản/ Forms work	m2	7,24
6	Bê tông mối nối M250 đá 1x2/ Concrete M250	m3	0,12
7	Bê tông bảo vệ mặt cống M250 đá 1x2/ Concrete M250	m3	0,47
8	Lưới thép bảo vệ $\phi 6 @ 10$ cm/ CB240-T steel	Kg	42,09
9	Bê tông xà mũ M200 đá 1x2/ Concrete M200	m3	1,48
8	Cốt thép xà mũ $\phi < 10$ / CB240-T steel	Kg	85,38
9	Chốt thép $\phi 12$ , L=35cm/ CB300-V steel	Kg	4,35
10	Thân cống bê tông M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	2,60
11	Màng cống bê tông M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	3,41
12	Đệm đá dầm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	1,14
13	Ván khuôn các hạng mục/ Forms work of wall	m2	22,88
14	Ván khuôn móng thân cống/ Forms work of bedding	m2	3,90
III	Công tác khác		
3	Bê tông gia cố sàn hạ lưu M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	0,64
4	Đệm đá dầm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	0,30
5	Ván khuôn/ Forms work of wall	m2	1,28
6	Đào đất hố móng/ Excavation	m3	32,25
7	Đắp trả đất C3, dầm K $\geq 0,95$ / Soil fill K $\geq 95$	m3	3,04
8	Đắp đất C3 thân cống dầm K $\geq 0,95$ / Soil fill K $\geq 95$	m3	4,03
10	Diện tích cống chiếm dụng móng áo đường	m2	8,53
11	Phá dỡ bê tông cống cũ/ Concrete demolition	m3	5,55

ĐÀO HỒ MÓNG TL: 1/100  
SOIL EXCAVATION IN FOUNDATION; SCALE:1/100

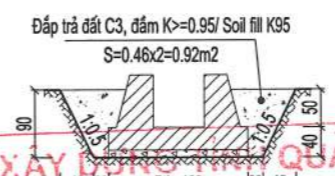
MẶT CẮT I-I / SECTION I-I  
SĐÀO= 3.30M2; L=6.3M



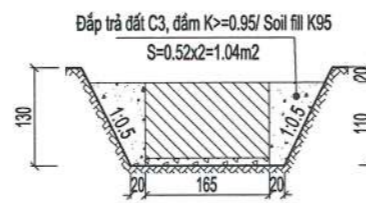
MẶT CẮT II-II / SECTION II-II  
SĐÀO = 3.30M2; L=1.80M



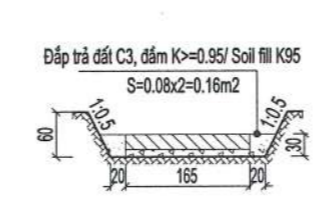
MẶT CẮT III-III / SECTION III-III  
SĐÀO=2.40M2; L=0.98M



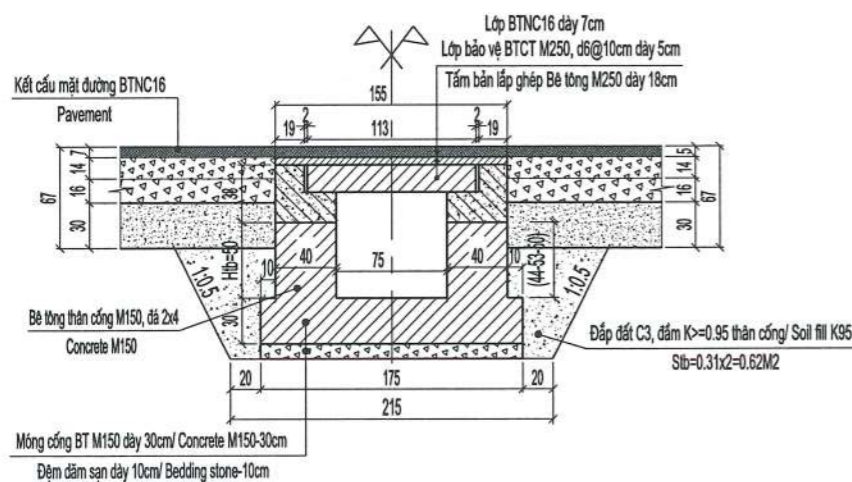
MẶT CẮT IV-IV / SECTION IV-IV  
SĐÀO= 3.51M2; L=0.3M



MẶT CẮT V-V / SECTION V-V  
SĐÀO= 1.41M2; L=1.50M



CẮT NGANG THÂN CỐNG TL: 1/50  
CROSS SECTION OF CULVERT; SCALE:1/50



**SỞ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1362./SXĐ  
Ngày: 20/01/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

Ghi chú notes:  
- Định hình tấm bản 531-11-01 với tải trọng H30-XB80  
- Đơn vị bản vẽ cm, cao độ ghi bằng m, cốt thép ghi bằng mm.  
- Dimension in drawings is in cm, elevation is in m, steel is in mm.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE

CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ  
PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD

LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC  
CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ  
PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE

Tiểu dự án: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trung tâm xã A Dơi, Huyện Hướng Hóa  
SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIẾN

THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT

K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA

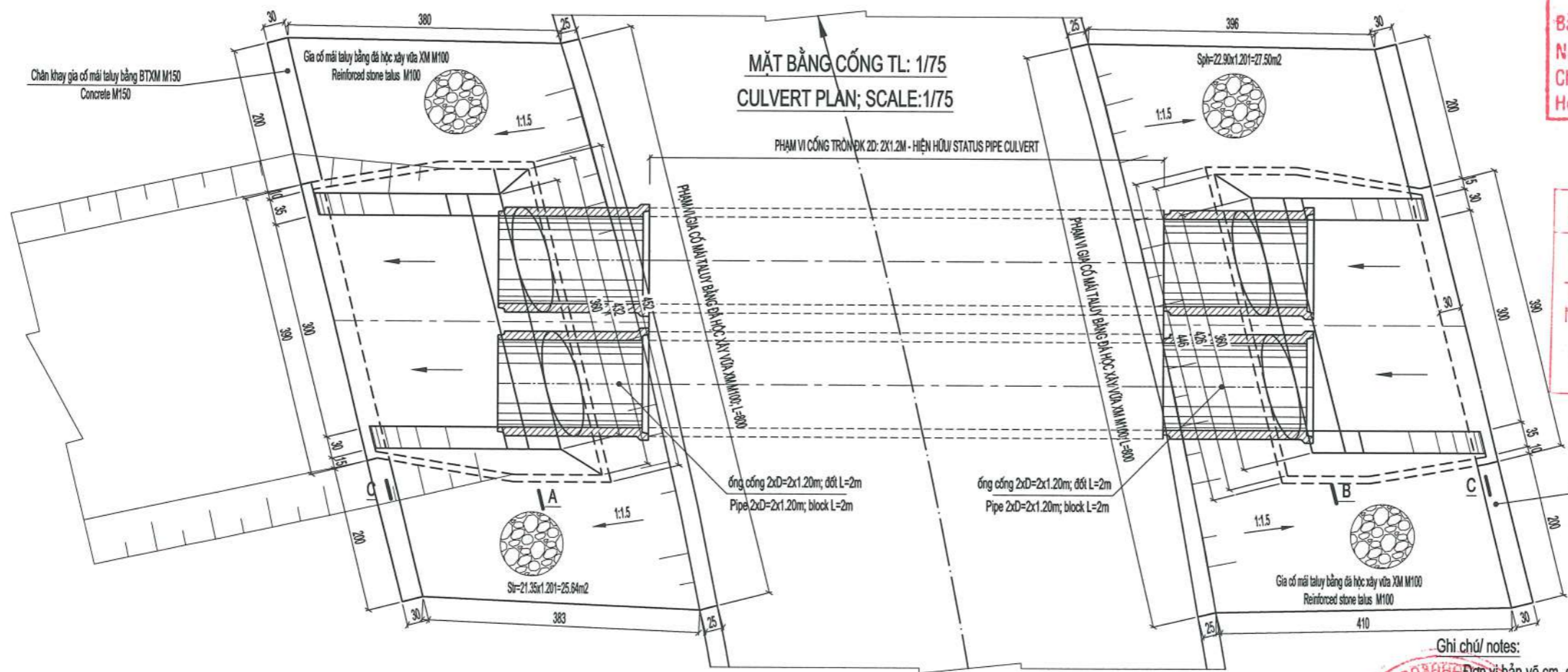
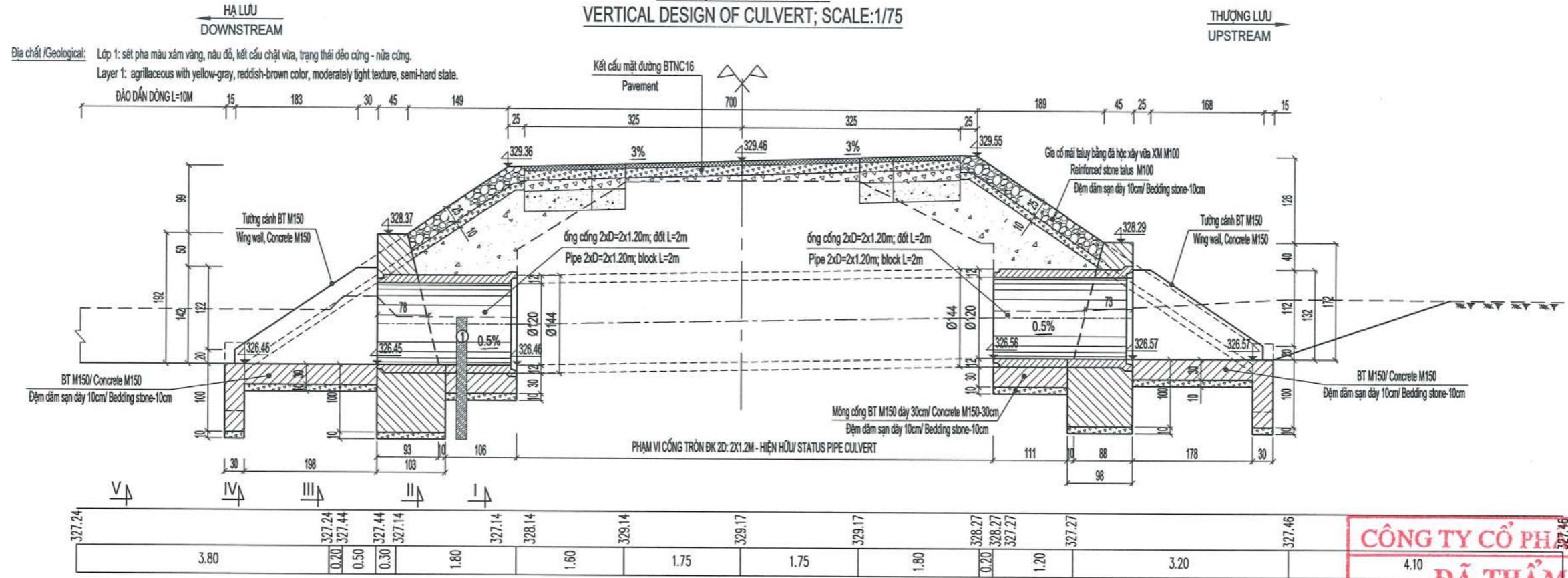
QUẢNG TRỊ, NGÀY 22 THÁNG 6 NĂM 2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA

**THIẾT KẾ CỐNG BẢN KĐ: 0.75M**  
**SLAB CULVERT DESIGN WITH B=0.75M**  
LÝ TRÌNH/ STA.: KM0+246.33

TỶ LỆ / SCALE:  
LẦN XUẤT BẢN / REV:

BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO.: 96  
MÃ SỐ / CODE:

**CẮT ĐỌC CỐNG TL: 1/75**  
**VERTICAL DESIGN OF CULVERT; SCALE:1/75**



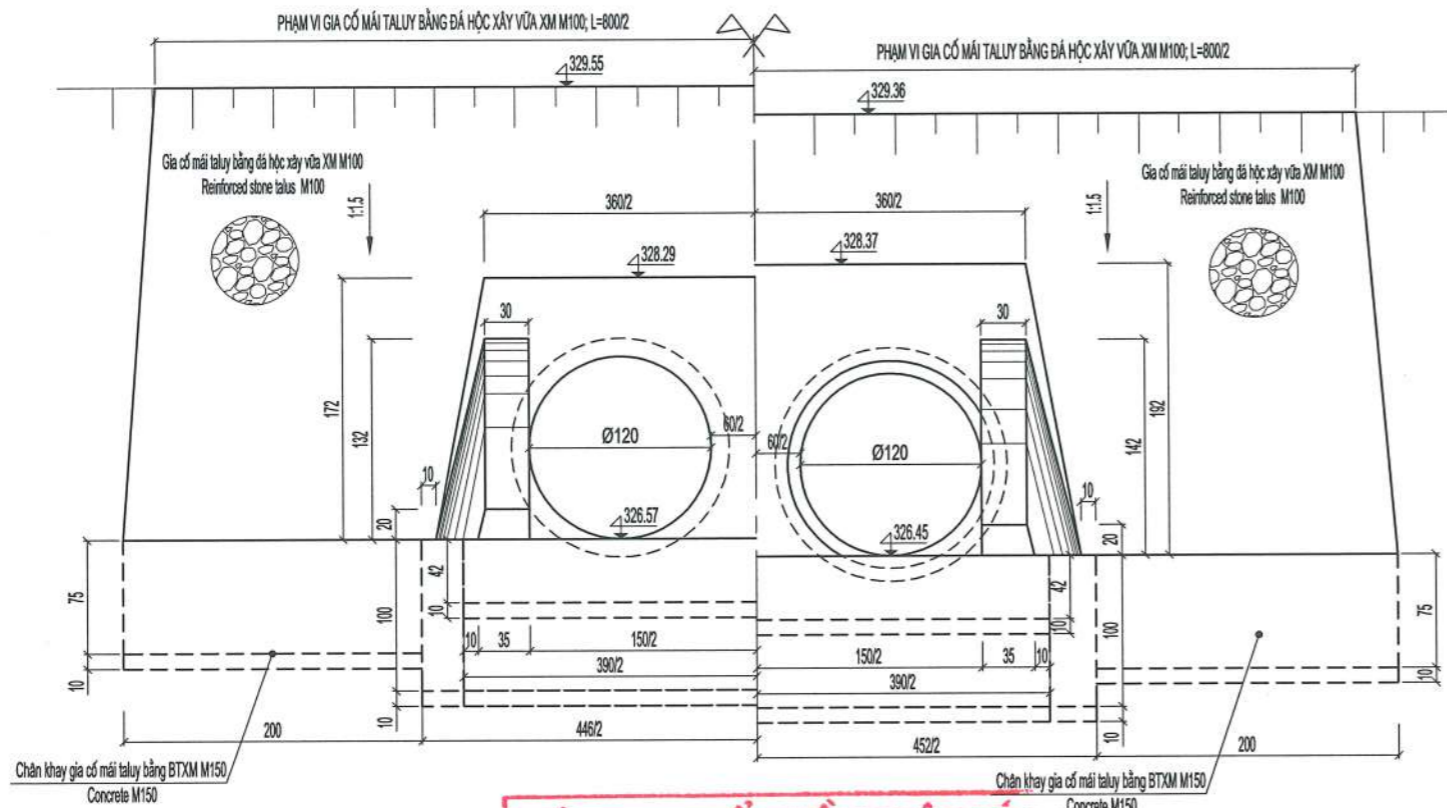
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIN**  
4.10  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1262/SXD  
Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

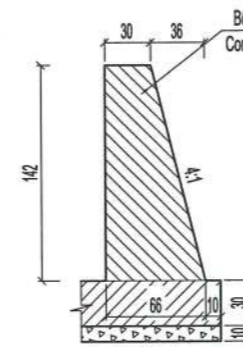
Ghi chú/ notes: Đơn vị bản vẽ cm, cao độ ghi bằng m./ Dimension in drawings is in cm, elevation is in m.

<p>CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE</p>	<p><b>DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ</b> <b>PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE</b> TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT <b>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</b></p>	<p>CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUỆT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p>QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY TƯ VẤN GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p><b>NỐI THƯỢNG, HẠ LƯU CỐNG TRÒN ĐK 2D: 2X1.20M</b> <b>CONNECT UPSTREAM AND DOWNSTREAM OF THE PIPE CULVERT 2D: 2X1.20M</b> <b>LỖ TRÌNH/ STA.: KM1+181.90 (1/2)</b> TỶ LỆ / SCALE: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 97 LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:</p>
---	---	--	---	--

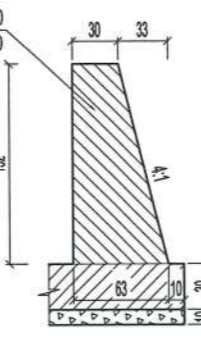
NHÌN 1/2 THƯỢNG, HẠ LƯU TL: 1/50  
VIEW FROM 1/2 UPSTREAM, DOWNSTREAM; SCALE: 1/50



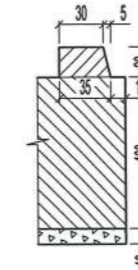
MẶT CẮT A-A  
SECTION A-A  
TL/ SCALE: 1:50



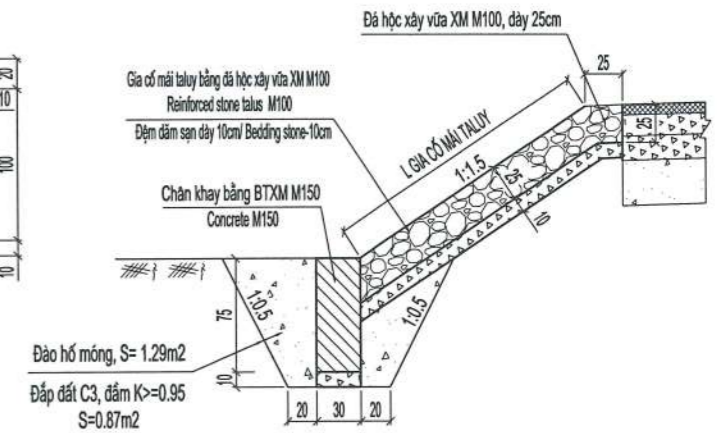
MẶT CẮT B-B  
SECTION B-B  
TL/ SCALE: 1:50



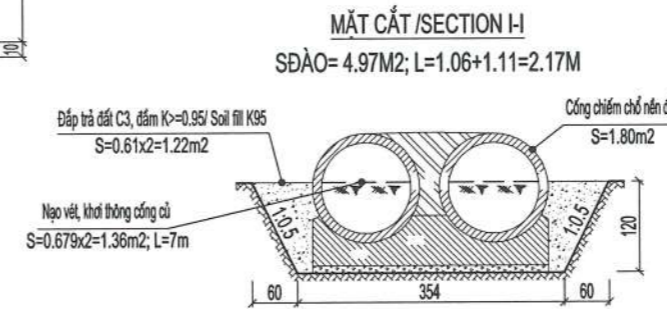
MẶT CẮT C-C  
SECTION C-C  
TL/ SCALE: 1:50



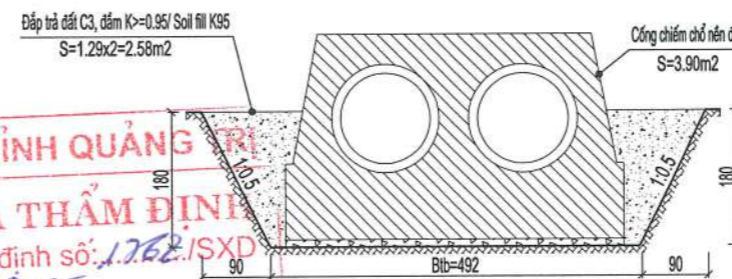
MẶT CẮT GIA CỐ MÁI TALUY TỶ LỆ: 1/50  
CROSS SECTION REINFORCED ROOF TALUY, SCALE:1/50



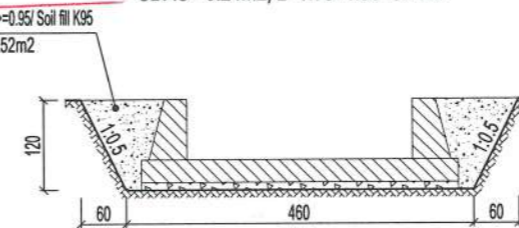
ĐÀO HỒ MÓNG TL: 1/100  
SOIL EXCAVATION IN FOUNDATION; SCALE:1/100



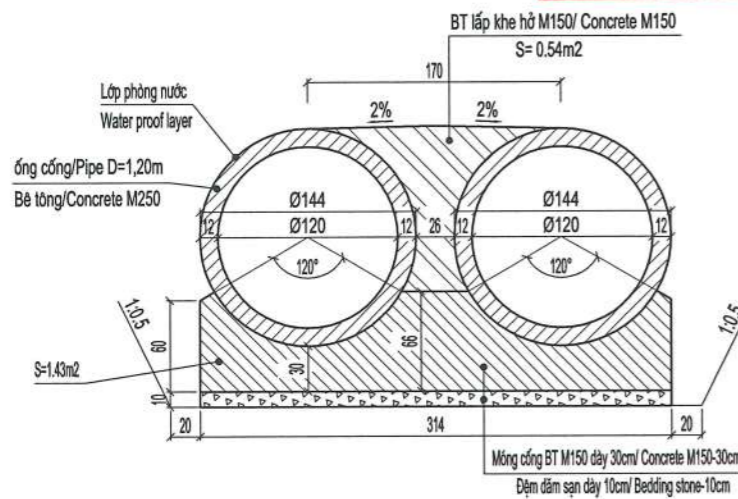
MẶT CẮT /SECTION II-II  
SDÀO= 10.42M2; L=0.98+1.03=2.01M



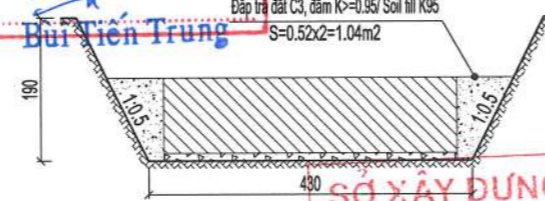
MẶT CẮT /SECTION III-III  
SDÀO= 6.24M2; L=1.78+1.98=3.76M



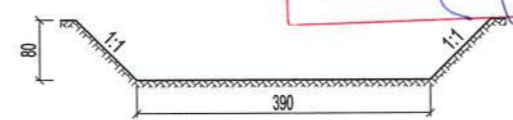
CẮT NGANG CỐNG; TL: 1/50  
CROSS SECTION OF CULVERT; SCALE: 1/50



MẶT CẮT /SECTION IV-IV  
SDÀO= 9.98M2; L=0.3+0.3=0.6M



MẶT CẮT /SECTION V-V  
SDÀO= 3.76M2; L=10M



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
Ngày thẩm tra: 15/10/2025  
Chữ ký người thẩm tra: [Signature]  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

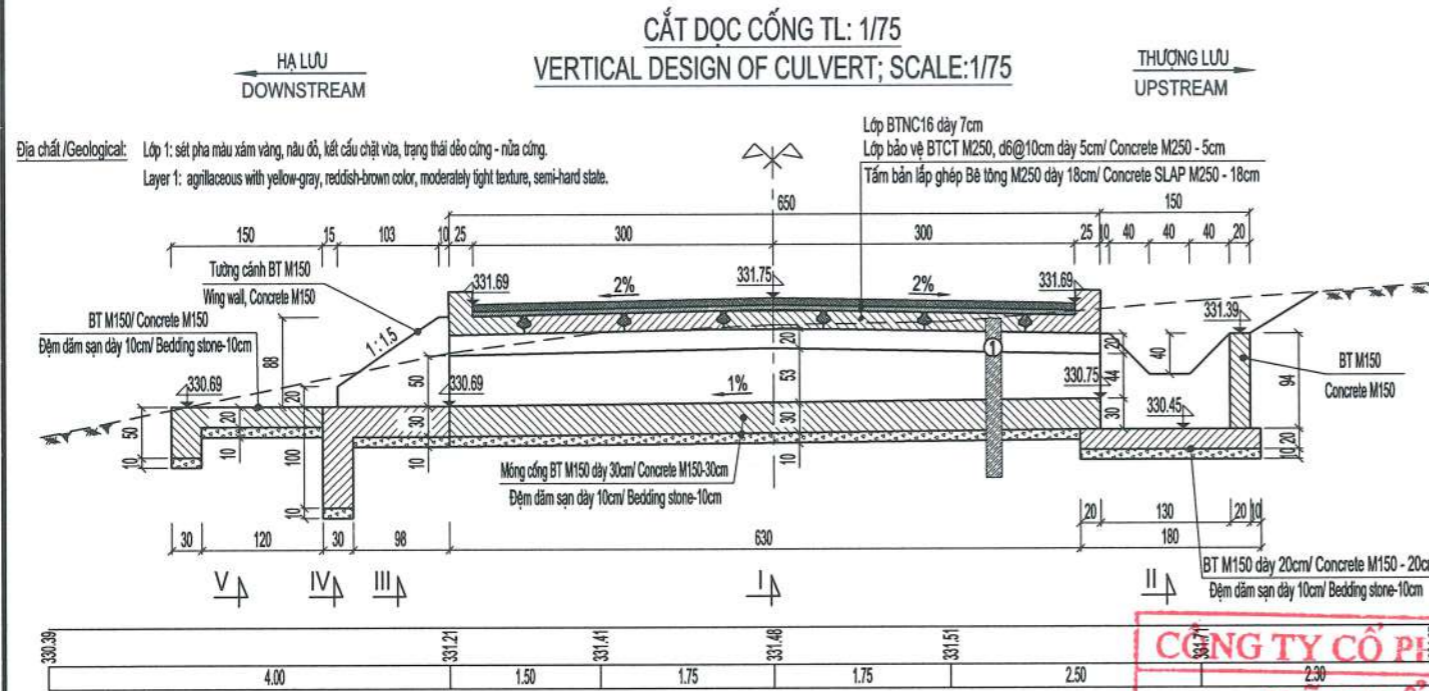
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1762/ISXD  
Ngày thẩm định: 20/6/2025  
Chữ ký thẩm định: [Signature]  
Họ tên thẩm định: [Signature]

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG  
SUMMARY OF BILL OF QUANTITY

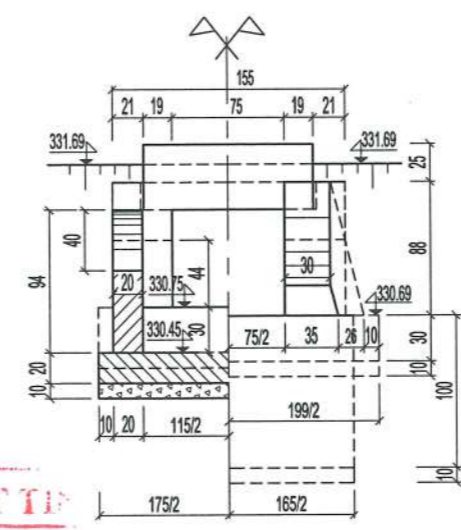
T/ No	Hang mục công việc/ Items	Đơn vị/ Unit	Khối lượng/ Volume
<b>I Đầu công</b>			
1	Bê tông tường đầu, tường cánh M150/ Head wall of Wing wall- Concrete M150	m3	7,63
2	Bê tông móng đầu công M150/ Concrete M150	m3	16,10
3	Đệm đá dăm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	2,71
4	Ván khuôn tường đầu, tường cánh công/ Forms work of wall	m2	24,95
5	Ván khuôn móng đầu công/ Forms work of bedding	m2	38,70
<b>II Thân công</b>			
2	Lắp đặt công ly tâm D1200 (đốt 2m)/ Pile culvert D1200	ống	4,00
4	Làm mối nối D1200/ Joint	mn	4,00
5	Bê tông móng thân công M150/ Concrete M150	m3	3,10
6	Bê tông chèn khe M150/ Concrete M150	m3	2,16
7	Ván khuôn móng thân công/ Forms work of bedding	m2	2,60
8	Đệm đá dăm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	0,68
<b>III Công tác khác</b>			
1	Đào đất hố móng/ Excavation	m3	61,18
2	Đắp trả móng đất C3 đăm K=95/ Soil fill K295	m3	14,17
3	Đào dẫn dòng	m3	37,60
4	Phá bê tông công cũ/ Concrete demolition	m3	8,65
5	Nạo vét, khơi thông cống cũ/ dredging	m3	9,50
6	Cống chiếm chỗ nền đắp	m3	11,75
<b>IV Gia cố mái taluy bằng đá học xây vữa M100</b>			
1	Bê tông chân khay M150, đá 2x4/ Concrete M150	m3	1,80
2	Đệm đá dăm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	5,95
3	Ván khuôn/ Forms work of wall	m2	17,20
4	Mái taluy đá học xây vữa M100 dày 25cm/ Reinforced stone	m3	14,29
5	Đào đất hố móng/ Excavation	m3	10,32
6	Đắp trả đất C3, đăm K=0,95/ Soil fill K295	m3	6,96

Ghi chú/ notes:  
Đơn vị bản vẽ cm, cao độ ghi bằng m/ Dimension in drawings is in cm, elevation is in m.

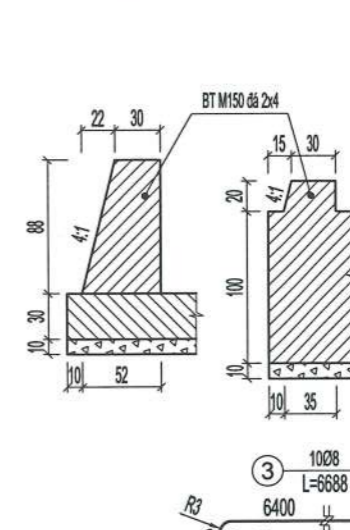
<p>CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE</p> <p>CDT &amp; QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD</p> <p>LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ &amp; XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY</p>	<p>DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE</p> <p>TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DƠI, HUYỆN HƯỚNG HÓA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT</p> <p>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</p>	<p>CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH</p> <p>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIẾN</p> <p>THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT</p> <p>K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p>QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY</p> <p>GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p>NỐI THƯỢNG, HẠ LƯU CỐNG TRÒN ØK 2D: 2X1.20M CONNECT UPSTREAM AND DOWNSTREAM OF THE PIPE CULVERT 2D: 2X1.20M</p> <p>LÝ TRÌNH/ STA.: KM1+181.90 (2/2)</p> <p>TỶ LỆ / SCALE: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 98</p> <p>LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:</p>
--	--	---	---	--



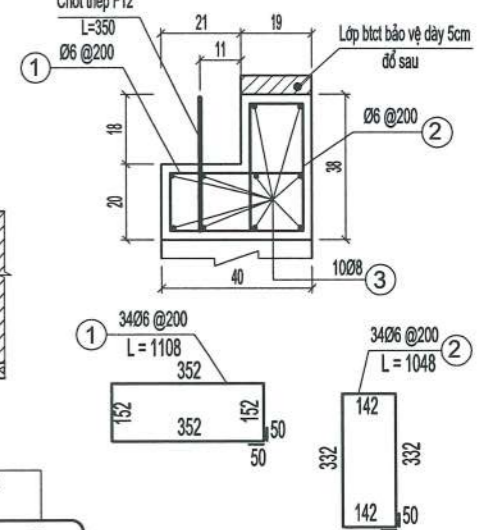
NHÌN 1/2 THƯỢNG, HẠ LƯU TL: 1/50  
VIEW FROM 1/2 UPSTREAM, DOWNSTREAM; SCALE: 1/50



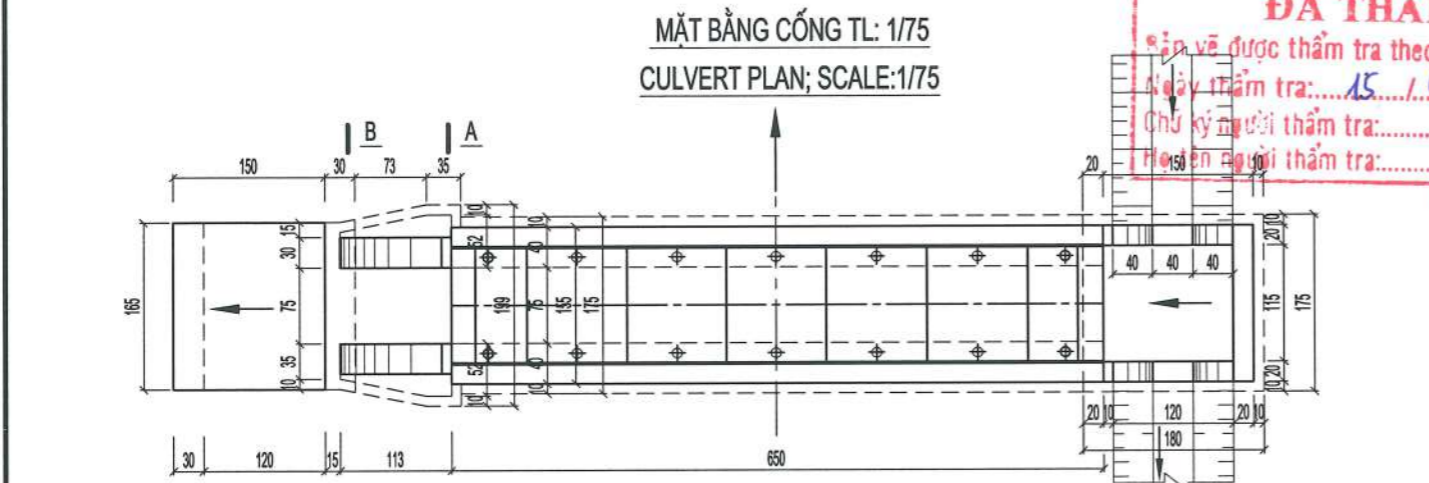
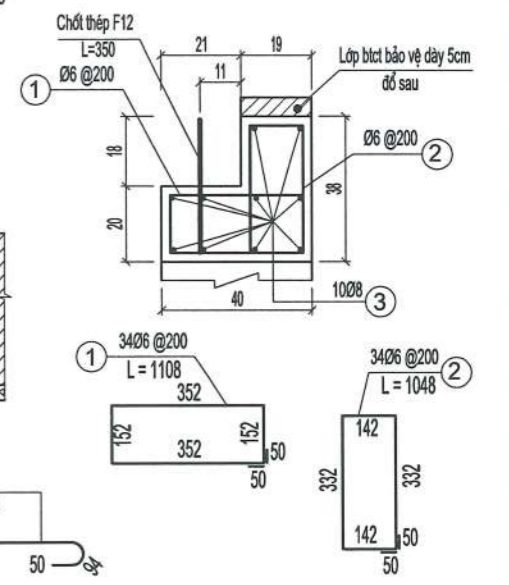
MẶT CẮT A-A  
SECTION A-A  
TU SCALE: 1:50



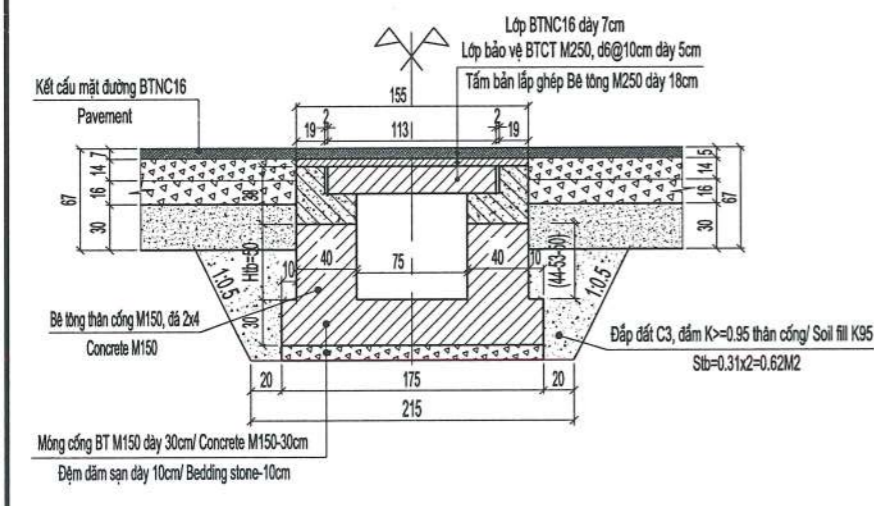
MẶT CẮT B-B  
SECTION B-B  
TU SCALE: 1:50



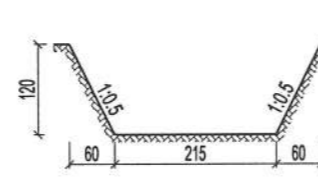
CẤU TẠO XÀ MŨ TL: 1/20  
CROSS SECTION OF CAP CULVERT



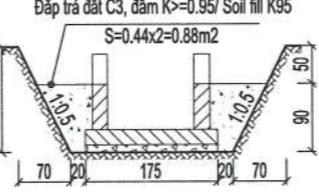
CẮT NGANG THÂN CỐNG TL: 1/50  
CROSS SECTION OF CULVERT; SCALE: 1/50



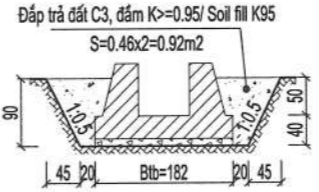
MẶT CẮT I-I / SECTION I-I  
SĐÀO= 3.30M<sup>2</sup>; L=6.3M



MẶT CẮT II-II / SECTION II-II  
SĐÀO = 3.99M<sup>2</sup>; L=1.80M



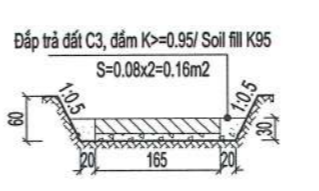
MẶT CẮT III-III / SECTION III-III  
SĐÀO=2.40M<sup>2</sup>; L=0.98M



MẶT CẮT IV-IV / SECTION IV-IV  
SĐÀO= 3.85M<sup>2</sup>; L=0.3M



MẶT CẮT V-V / SECTION V-V  
SĐÀO= 1.41M<sup>2</sup>; L=1.50M



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIN**  
**ĐÃ THẨM TRA**

Ngày thẩm tra: 15/10/2025  
Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiên Trung  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**LƯỚI THÉP BẢO VỆ MẶT CỐNG TL: 1/25**  
**REINFORCEMENT MESH**

**ĐÀO HỐ MÓNG TL: 1/100**  
**SOIL EXCAVATION IN FOUNDATION; SCALE: 1/100**

Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: [Signature]

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG  
SUMMARY OF BILL OF QUANTITY

Tl/No	Hạng mục công việc/ Items	Đơn vị/ Unit	Khối lượng công ngang/ Volume
<b>I Đầu công</b>			
1	Bê tông tường cánh + hồ thu M150 đá 2x4/ Head wall of Wing wall- Concrete M150	m <sup>3</sup>	1,16
2	Bê tông móng đầu công + hồ thu M150 đá 2x4/ Concrete M150	m <sup>3</sup>	1,66
3	Đệm đá dăm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m <sup>3</sup>	0,54
4	Ván khuôn tường công/Forms work of wall	m <sup>2</sup>	9,23
5	Ván khuôn móng công/Forms work of bedding	m <sup>2</sup>	5,65
<b>II Thân công</b>			
1	Cầu lắp tấm bản/ slab	Tấm/ block	7,00
2	Bê tông tấm bản M250 đá 1x2/ Concrete M250	m <sup>3</sup>	1,39
3	Cốt thép tấm bản $\phi < 10$ /CB240-T steel	Kg	39,17
4	Cốt thép tấm bản $10 \leq \phi < 18$ /CB300-V steel	Kg	120,10
5	Ván khuôn thép tấm bản/Forms work	m <sup>2</sup>	7,24
6	Bê tông mối nối M250 đá 1x2/ Concrete M250	m <sup>3</sup>	0,12
7	Bê tông bảo vệ mặt công M250 đá 1x2/ Concrete M250	m <sup>3</sup>	0,47
8	Lưới thép bảo vệ $\phi 6 @ 10$ cm/ CB240-T steel	Kg	42,09
9	Bê tông xà mũ M200 đá 1x2/ Concrete M200	m <sup>3</sup>	1,48
10	Cốt thép xà mũ $\phi < 10$ /CB240-T steel	Kg	85,38
11	Chốt thép $\phi 12$ , L=35cm/ CB300-V steel	Kg	4,35
12	Thân công bê tông M150 đá 2x4/ Concrete M150	m <sup>3</sup>	2,60
13	Móng công bê tông M150 đá 2x4/ Concrete M150	m <sup>3</sup>	3,41
14	Đệm đá dăm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m <sup>3</sup>	1,14
15	Ván khuôn các hạng mục/Forms work of wall	m <sup>2</sup>	22,88
16	Ván khuôn móng thân công/Forms work of bedding	m <sup>2</sup>	3,90
<b>III Công tác khác</b>			
3	Bê tông gia cố sàn hạ lưu M150 đá 2x4/ Concrete M150	m <sup>3</sup>	0,64
4	Đệm đá dăm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m <sup>3</sup>	0,30
5	Ván khuôn/Forms work of wall	m <sup>2</sup>	1,28
6	Đào đất hố móng/ Excavation	m <sup>3</sup>	33,59
7	Đắp đất C3, dăm K=0,95/ Soil fill K $\geq$ 95	m <sup>3</sup>	3,04
8	Đắp đất C3 thân công dăm K=0,95/ Soil fill K $\geq$ 95	m <sup>3</sup>	4,03
9	Đào dẫn dòng/ Excavation	m <sup>3</sup>	-
10	Diện tích công chiếm dụng móng áo đường	m <sup>2</sup>	8,53
11	Phá dỡ bê tông công cũ/ Concrete demolition	m <sup>3</sup>	3,70

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**  
MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE

**CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD

**LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC**  
CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

**DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ**  
PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE

**Tiểu dự án: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trung tâm xã A Dơi, Huyện Hướng Hóa**  
SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT

**THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN**

**CHỦ NHIỆM ĐÓNG ÁN / PROJECT MANAGER**: LÊ MINH CHÍNH

**CHỦ TRƯ THIẾT KẾ / TEAM LEADER**: NGUYỄN LÊ HIỂN

**THIẾT KẾ / DESIGN BY**: NGUYỄN HỮU DUẬT

**K.C.S / QUALITY CONTROL**: NGUYỄN HỮU HOA

QUẢNG TRỊ, NGÀY 23 THÁNG 6 NĂM 2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

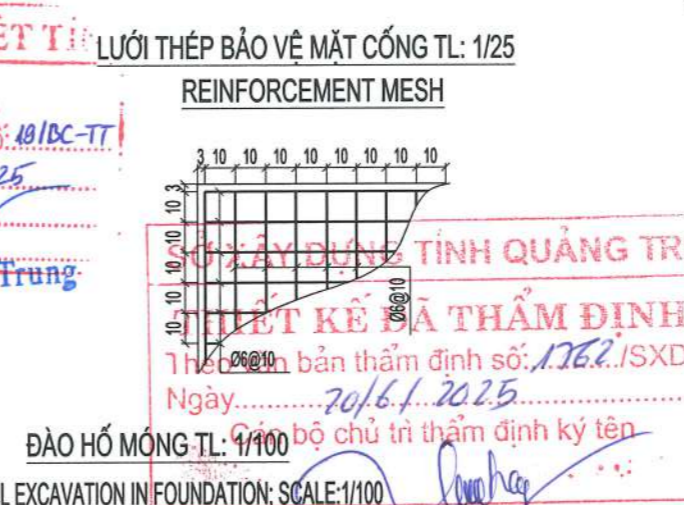
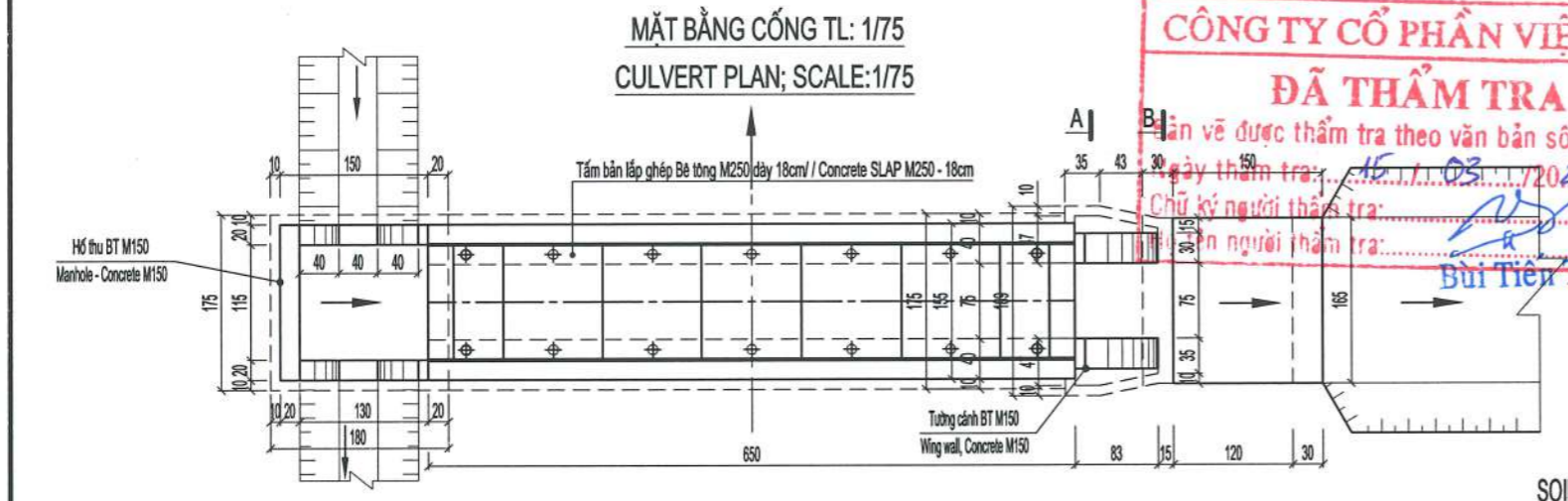
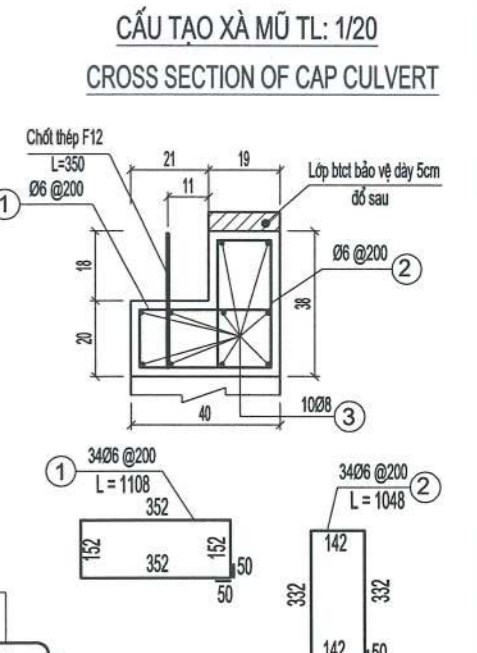
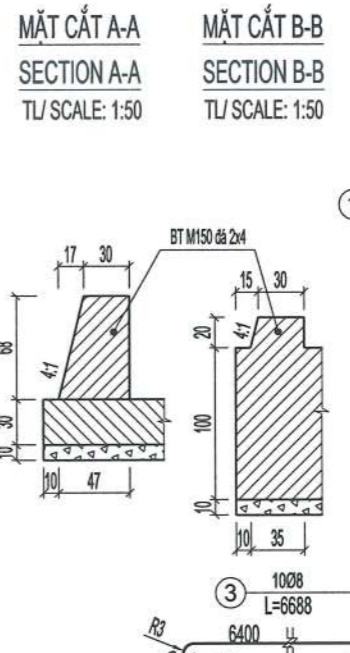
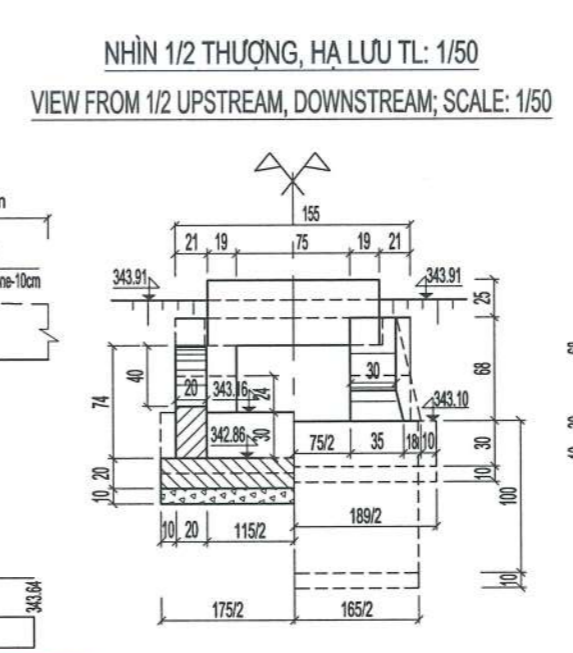
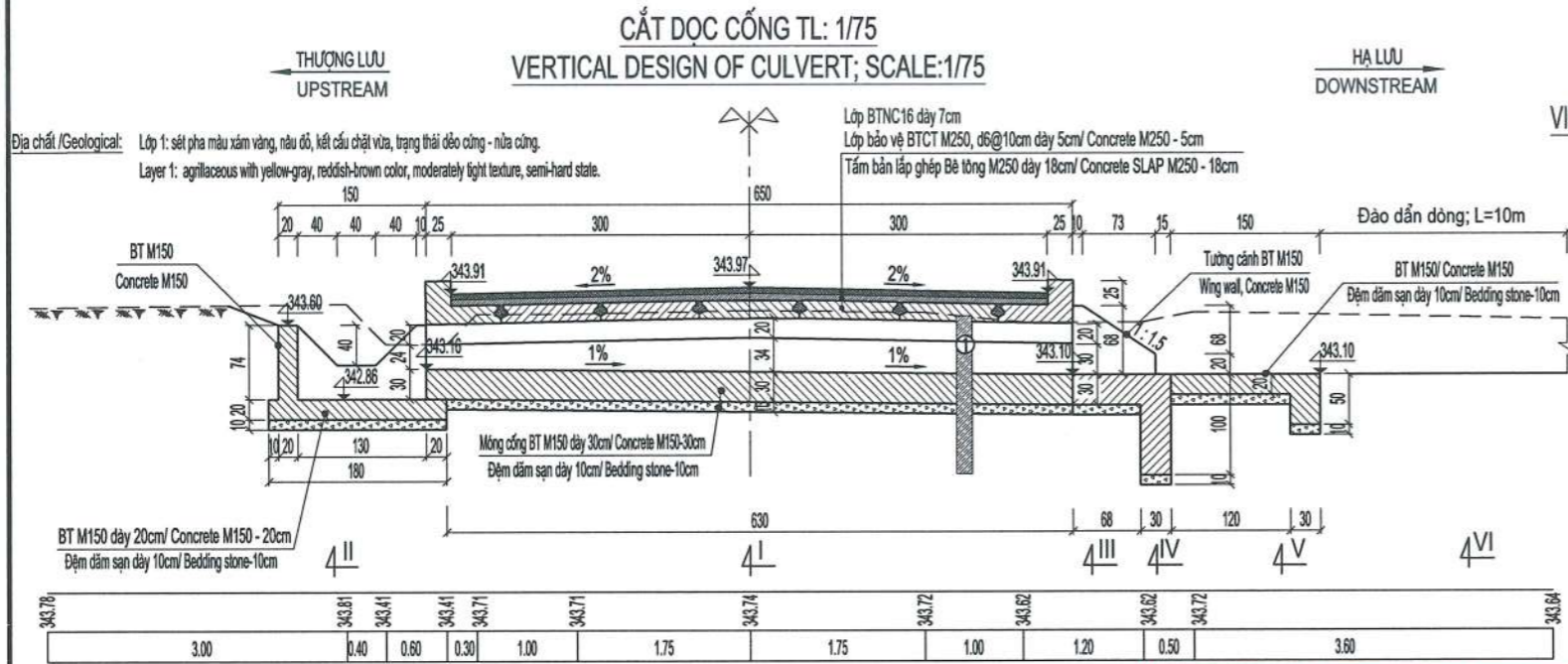
**GIÁM ĐỐC / DIRECTOR**: NGUYỄN HỮU HOA

**THIẾT KẾ CỐNG BẢN KĐ: 0.75M**  
**SLAB CULVERT DESIGN WITH B=0.75M**

**LÝ TRÌNH/ STA.: KM1+276.58**

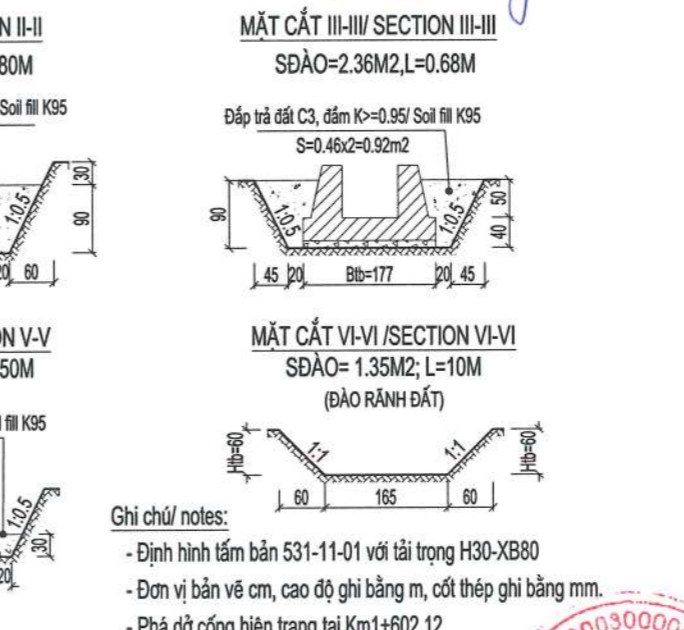
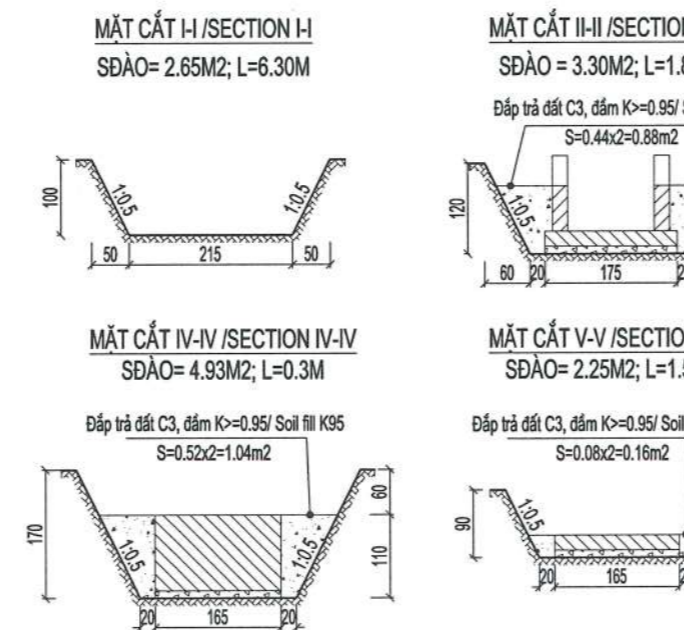
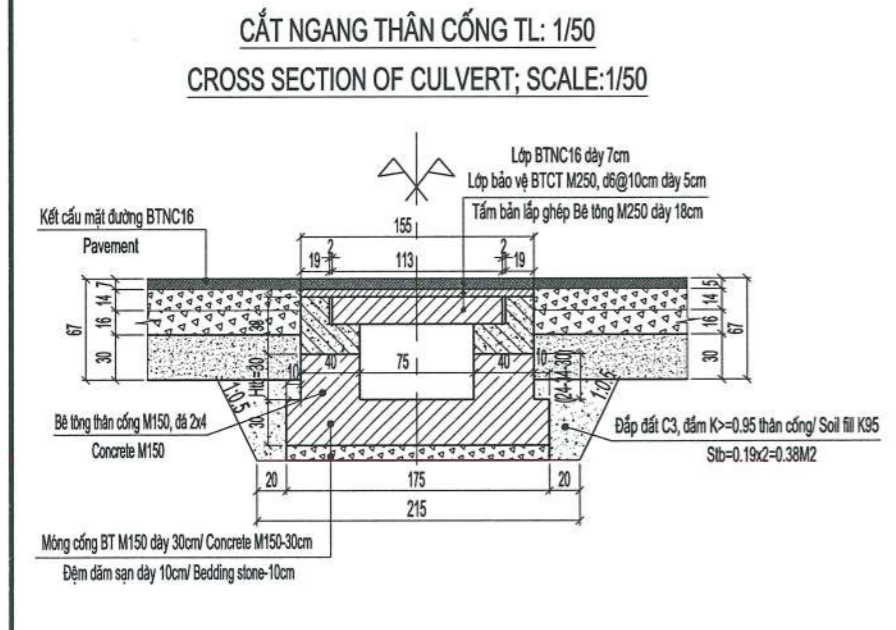
TỶ LỆ / SCALE: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 99

LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:

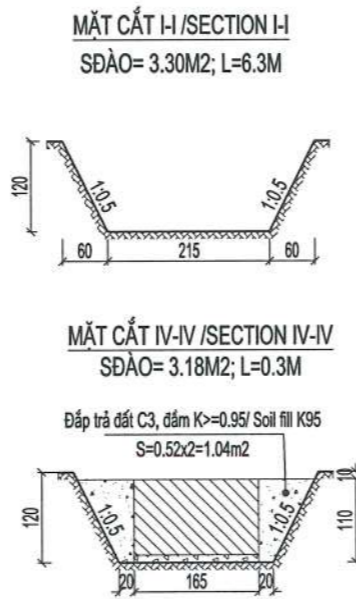
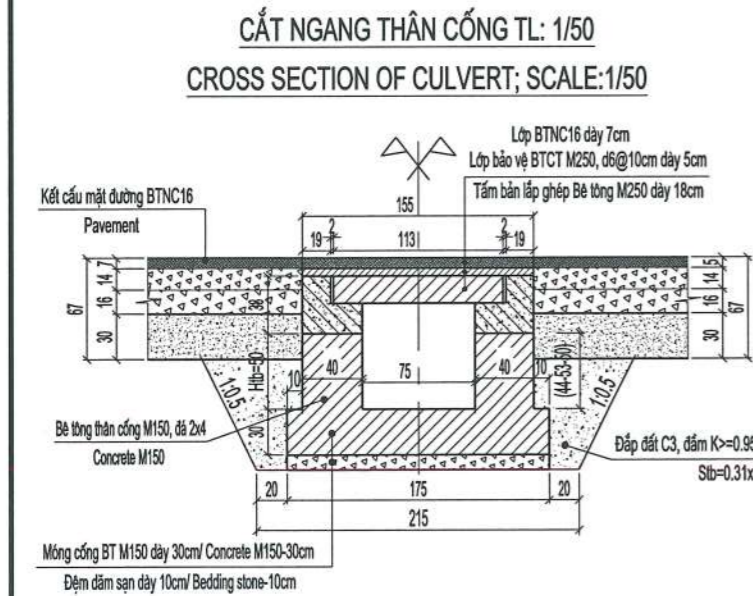
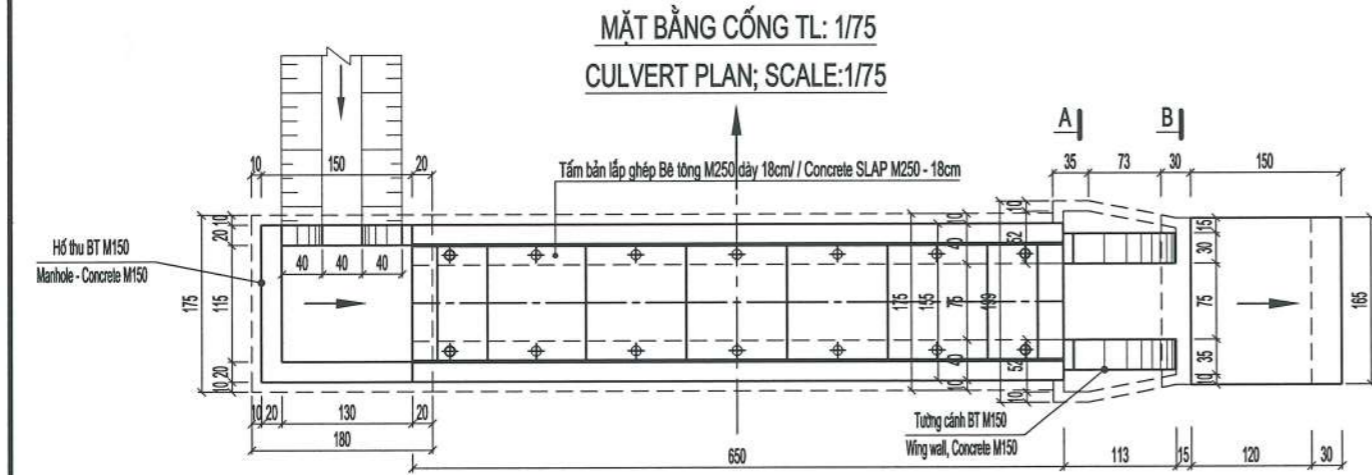
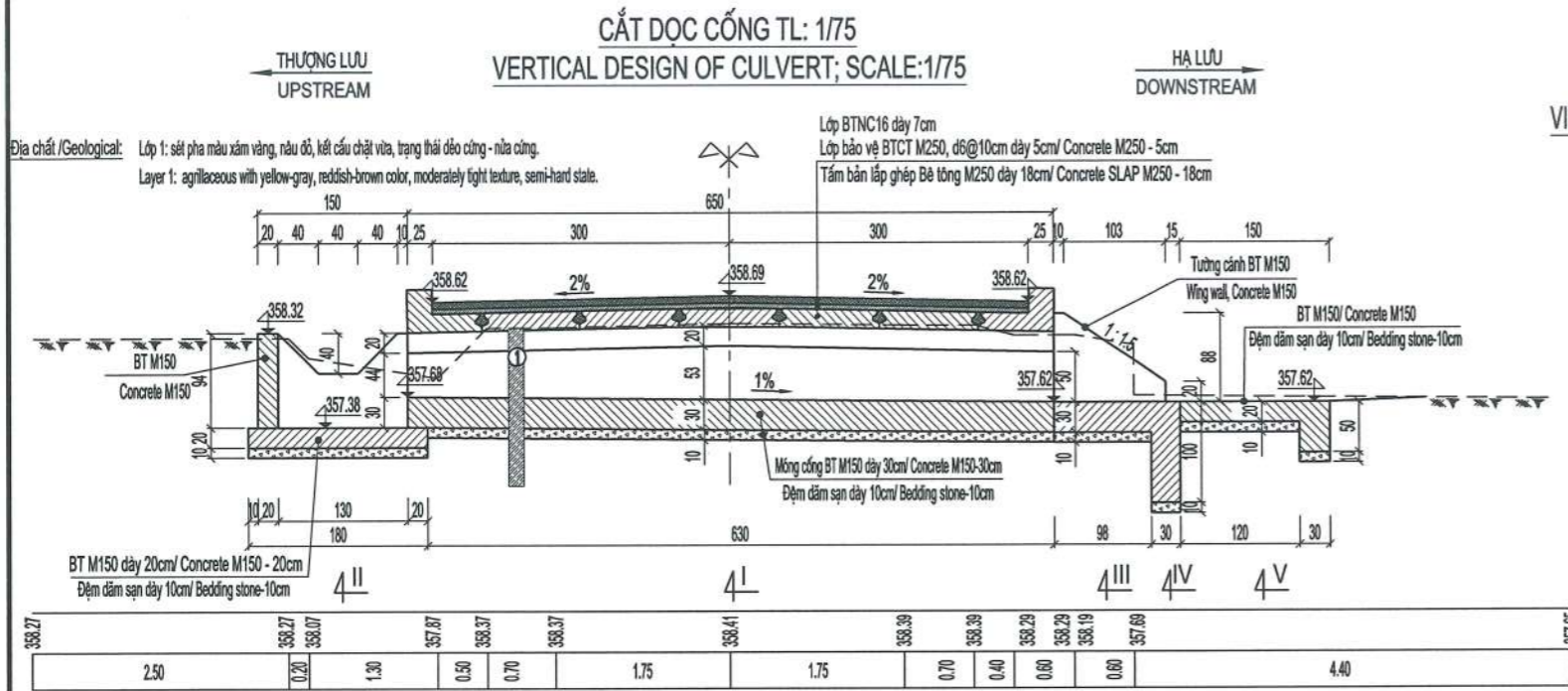


**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG**  
SUMMARY OF BILL OF QUANTITY

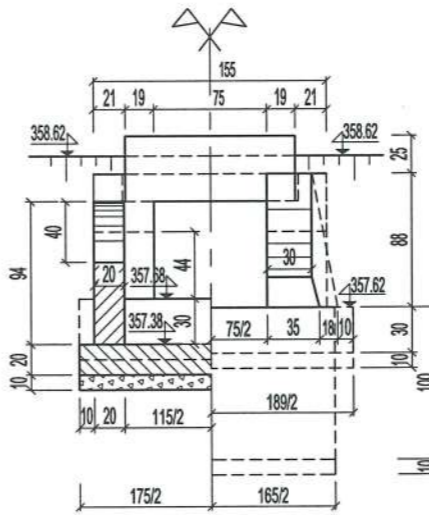
TV/No	Hạng mục công việc/ Items	Đơn vị/ Unit	Khối lượng công ngang/ Volume Km1+496.14
I	<b>Đầu cống</b>		
1	Bê tông tường cánh + hờ thu M150 đá 2x4/ Head wall of Wing wall- Concrete M150	m3	0,78
2	Bê tông móng đầu cống + hờ thu M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	1,49
3	Đệm đá dầm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	0,48
4	Ván khuôn tường cống/ Forms work of wall	m2	6,55
5	Ván khuôn móng cống/ Forms work of bedding	m2	5,44
II	<b>Thân cống</b>		
1	Cầu lắp tấm bản/ slap	Tấm/ block	7,00
2	Bê tông tấm bản M250 đá 1x2/ Concrete M250	m3	1,39
3	Cốt thép tấm bản $\phi < 10$ / CB240-T steel	Kg	39,17
4	Cốt thép tấm bản $10 \leq \phi < 18$ / CB300-V steel	Kg	120,10
5	Ván khuôn thép tấm bản/ Forms work	m2	7,24
6	Bê tông mối nối M250 đá 1x2/ Concrete M250	m3	0,12
7	Bê tông bảo vệ mặt cống M250 đá 1x2/ Concrete M250	m3	0,47
8	Lưới thép bảo vệ $\phi 6 @ 10$ cm/ CB240-T steel	Kg	42,09
9	Bê tông xà mũ M200 đá 1x2/ Concrete M200	m3	1,48
10	Cốt thép xà mũ $\phi < 10$ / CB240-T steel	Kg	85,38
11	Chốt thép $\phi 12$ , L=35cm/ CB300-V steel	Kg	4,35
12	Thân cống bê tông M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	1,59
13	Móng cống bê tông M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	3,41
14	Đệm đá dầm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	1,14
15	Ván khuôn các hạng mục/ Forms work of wall	m2	17,81
16	Ván khuôn móng thân cống/ Forms work of bedding	m2	3,90
III	<b>Công tác khác</b>		
1	Bê tông gia cố sàn hạ lưu M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	0,64
2	Đệm đá dầm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	0,30
3	Ván khuôn/ Forms work of wall	m2	1,28
4	Đào đất hố móng/ Excavation	m3	29,09
5	Đắp đất C3, dầm $K \geq 0,95$ / Soil fill K295	m3	2,76
6	Đắp đất C3 thân cống dầm $K \geq 0,95$ / Soil fill K295	m3	2,47
7	Đào dẫn dòng/ Excavation	m3	13,50
8	Diện tích cống chiếm dụng móng áo đường	m2	8,53
9	Phá dỡ bê tông cống cũ/ Concrete demolition	m3	1,85



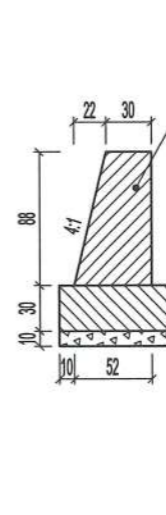
<p>CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE</p> <p>CĐT &amp; QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD</p> <p>LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ &amp; XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY</p>	<p>DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE</p> <p>TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DƠI, HUYỆN HƯƠNG HOA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT</p> <p>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</p>	<p>CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH</p> <p>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN</p> <p>THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT</p> <p>K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p>QUẢNG TRỊ, NGÀY 24 THÁNG 03 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY</p> <p>GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p><b>THIẾT KẾ CỐNG BẢN KB: 0.75M</b> <b>SLAB CULVERT DESIGN WITH B=0.75M</b></p> <p>LÝ TRÌNH/ STA.: KM1+496.14</p> <p>TỶ LỆ / SCALE: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 100</p> <p>LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:</p>
--	--	---	--	--



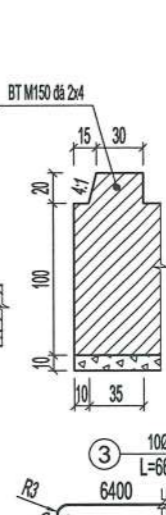
**NHÌN 1/2 THƯỢNG, HẠ LƯU TL: 1/50**  
VIEW FROM 1/2 UPSTREAM, DOWNSTREAM; SCALE: 1/50



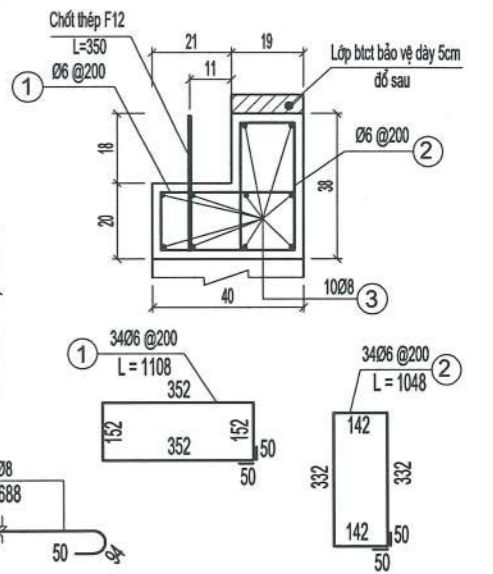
**MẶT CẮT A-A**  
SECTION A-A  
TU/SCALE: 1:50



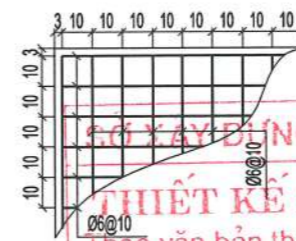
**MẶT CẮT B-B**  
SECTION B-B  
TU/SCALE: 1:50



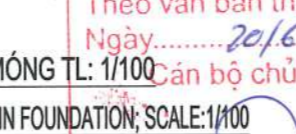
**CẤU TẠO XÀ MŨ TL: 1/20**  
CROSS SECTION OF CAP CULVERT



**LƯỚI THÉP BẢO VỆ MẶT CỐNG TL: 1/25**  
REINFORCEMENT MESH



**ĐÀO HỒ MÓNG TL: 1/100**  
SOIL EXCAVATION IN FOUNDATION; SCALE:1/100



**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG**  
SUMMARY OF BILL OF QUANTITY

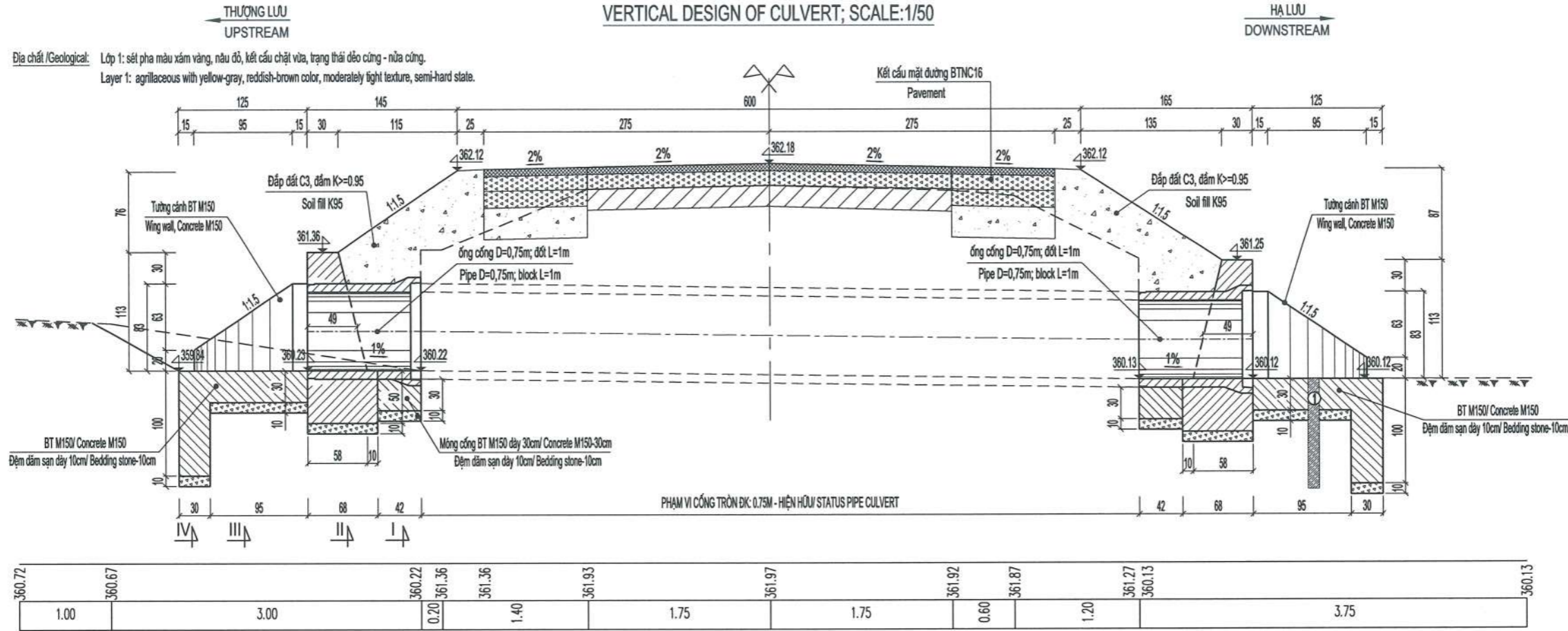
T/No	Hạng mục công việc/ Items	Đơn vị/ Unit	Khối lượng công/ Khối lượng Volume
			ngang/ Km2+173.94
<b>I</b>	<b>Đầu cống</b>		
1	Bê tông tường cánh + hố thu M150 đá 2x4/ Head wall of Wing wall- Concrete M150	m <sup>3</sup>	1,23
2	Bê tông móng đầu cống + hố thu M150 đá 2x4/ Concrete M150	m <sup>3</sup>	1,66
3	Đệm đá dầm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m <sup>3</sup>	0,54
4	Ván khuôn tường cống/ Forms work of wall	m <sup>2</sup>	9,87
5	Ván khuôn móng cống/ Forms work of bedding	m <sup>2</sup>	5,65
<b>II</b>	<b>Thân cống</b>		
1	Cầu lắp tấm bản/ slap	Tấm/ block	7,00
2	Bê tông tấm bản M250 đá 1x2/ Concrete M250	m <sup>3</sup>	1,39
3	Cốt thép tấm bản φ<10/ CB240-T steel	Kg	39,17
4	Cốt thép tấm bản 10≤φ<18/ CB300-V steel	Kg	120,10
5	Ván khuôn thép tấm bản/ Forms work	m <sup>2</sup>	7,24
6	Bê tông mối nối M250 đá 1x2/ Concrete M250	m <sup>3</sup>	0,12
7	Bê tông bảo vệ mặt cống M250 đá 1x2/ Concrete M250	m <sup>3</sup>	0,47
8	Lưới thép bảo vệ φ6@10cm/ CB240-T steel	Kg	42,09
9	Bê tông xà mũ M200 đá 1x2/ Concrete M200	m <sup>3</sup>	1,48
10	Cốt thép xà mũ φ<10/ CB240-T steel	Kg	85,38
11	Chốt thép φ12, L=35cm/ CB300-V steel	Kg	4,35
12	Thân cống bê tông M150 đá 2x4/ Concrete M150	m <sup>3</sup>	2,60
13	Móng cống bê tông M150 đá 2x4/ Concrete M150	m <sup>3</sup>	3,41
14	Đệm đá dầm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m <sup>3</sup>	1,14
15	Ván khuôn các hạng mục/ Forms work of wall	m <sup>2</sup>	22,88
16	Ván khuôn móng thân cống/ Forms work of bedding	m <sup>2</sup>	3,90
<b>III</b>	<b>Công tác khác</b>		
1	Bê tông gia cố sàn hạ lưu M150 đá 2x4/ Concrete M150	m <sup>3</sup>	0,64
2	Đệm đá dầm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m <sup>3</sup>	0,30
3	Ván khuôn/ Forms work of wall	m <sup>2</sup>	1,28
4	Đào đất hố móng/ Excavation	m <sup>3</sup>	31,65
5	Đập đất C3, dầm K=0.95/ Soil fill K95	m <sup>3</sup>	2,90
6	Đập đất C3 thân cống dầm K=0.95/ Soil fill K95	m <sup>3</sup>	4,03
7	Đào đất dầm/ Excavation	m <sup>3</sup>	-
8	Diện tích cống chiếm dụng móng áo dầm	m <sup>2</sup>	8,53
9	Phá dỡ bê tông cống cũ/ Concrete demolition	m <sup>3</sup>	5,31

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TẬP**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 198/SLXD  
Ngày thẩm tra: 15/10/2025  
Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

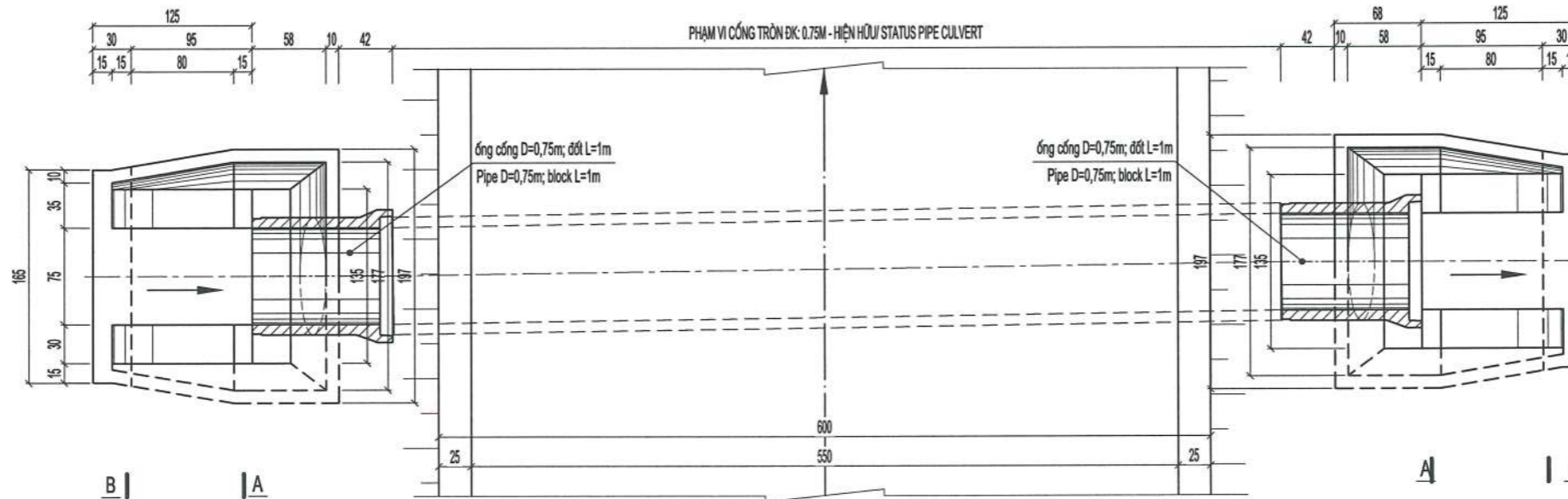
Ghi chú/ notes:  
- Định hình tấm bản 531-11-01 với tải trọng H30-XB80.  
- Đơn vị bản vẽ cm, cao độ ghi bằng m, cốt thép ghi bằng mm.  
- Dimension in drawings is in cm, elevation is in m, steel is in mm.

<p><b>CƠ QUAN CHỦ QUẢN:</b> ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE</p> <p><b>CĐT &amp; QLDA:</b> BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD</p> <p><b>LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ &amp; XÂY DỰNG BRC</b> CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY</p>	<p><b>DỰ ÁN:</b> XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE</p> <p><b>TIỂU DỰ ÁN:</b> NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DƠI, HUYỆN HƯƠNG HOA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT</p> <p><b>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</b></p>	<p><b>CHỦ NHIỆM ĐÓNG ÁN / PROJECT MANAGER</b> LÊ MINH CHÍNH</p> <p><b>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER</b> NGUYỄN LÊ HIỂN</p> <p><b>THIẾT KẾ / DESIGN BY</b> NGUYỄN HỮU DUỆT</p> <p><b>K.C.S / QUALITY CONTROL</b> NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p>QUẢNG TRỊ, NGÀY 22 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR <i>[Signature]</i> NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p><b>THIẾT KẾ CỐNG BẢN KB: 0.75M</b> <b>SLAB CULVERT DESIGN WITH B=0.75M</b> <b>LÝ TRÌNH/ STA.: KM2+173.94</b></p> <p>TỶ LỆ / SCALE: LẦN XUẤT BẢN / REV:</p> <p>BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 101 MÃ SỐ / CODE:</p>
---	---	---	--	--

**CẮT ĐỌC CỐNG TL: 1/50**  
**VERTICAL DESIGN OF CULVERT; SCALE:1/50**



**MẶT BẰNG CỐNG TL: 1/50**  
**CULVERT PLAN; SCALE:1/50**



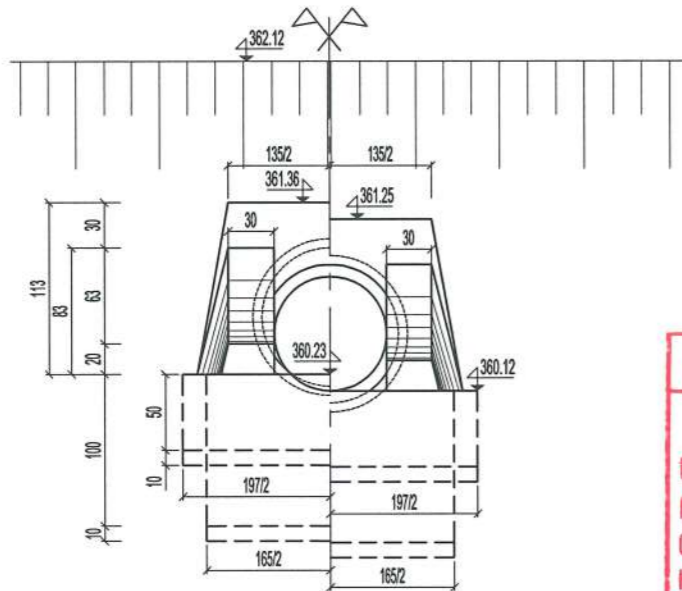
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BK-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/1/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**CƠ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762/ISXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

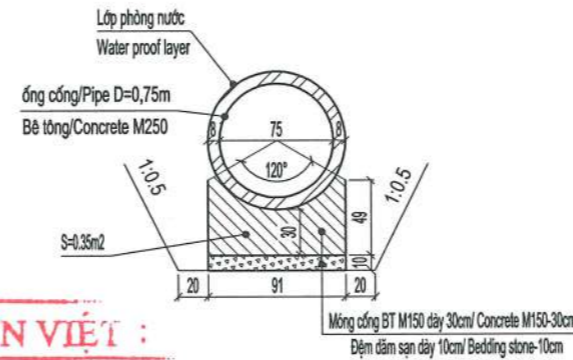
Ghi chú/ notes:  
 - Đơn vị bản vẽ cm, cao độ ghi bằng m./ Dimension in drawings is in cm, elevation is in m.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN	QUẢNG TRỊ, NGÀY 2 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA	NỐI THƯỢNG, HẠ LƯU CỐNG TRÒN ĐK: 0.75M CONNECT UPSTREAM, DOWNSTREAM OF THE PIPE CULVERT D:0.75M LÝ TRÌNH/ STA.: KM2+946.83 (1/2)
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT	THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	TỰ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	TỶ LỆ / SCALE: 1/50 BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 102
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN			LẦN XUẤT BẢN / REV: 1 MÃ SỐ / CODE:

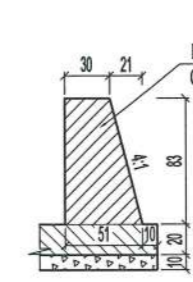
NHÌN 1/2 THƯỢNG, HẠ LƯU TL: 1/50  
VIEW FROM 1/2 UPSTREAM, DOWNSTREAM; SCALE: 1/50



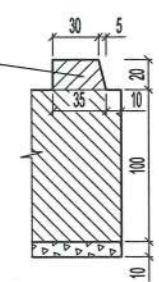
CẮT NGANG CỐNG; TL:1/50  
CROSS SECTION OF CULVERT; SCALE:1/50



MẶT CẮT A-A  
SECTION A-A  
TU SCALE: 1:50



MẶT CẮT B-B  
SECTION B-B  
TU SCALE: 1:50



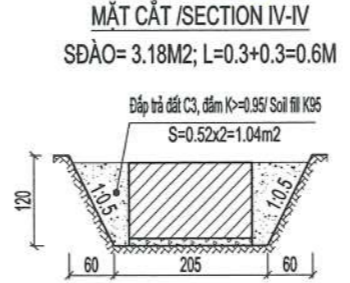
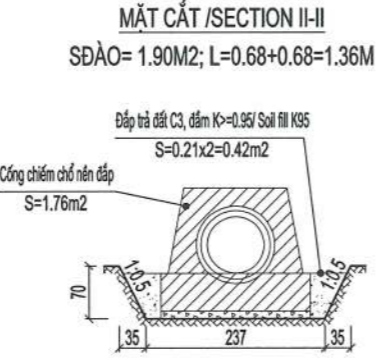
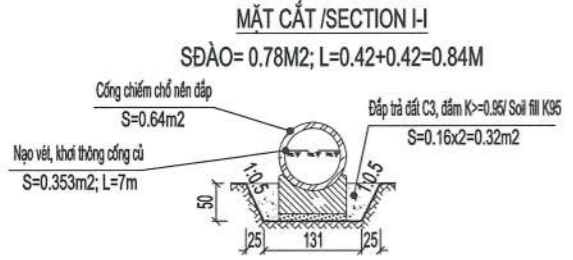
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT :**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
Ngày thẩm tra: 15/10/2025  
Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG  
SUMMARY OF BILL OF QUANTITY

TU/No	Hạng mục công việc/ Items	Đơn vị/ Unit	Khối lượng/ Volume
<b>I Đầu cống</b>			
1	Bê tông tường đầu, tường cánh M150/ Head wall of Wing wall- Concrete M150	m3	1,94
2	Bê tông móng đầu cống M150/ Concrete M150	m3	3,36
3	Đệm đá dăm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	0,71
4	Ván khuôn tường đầu, tường cánh cống/ Forms work of wall	m2	9,38
5	Ván khuôn móng đầu cống/ Forms work of bedding	m2	13,25
<b>II Thân cống</b>			
1	Lắp đặt cống ly tâm D750 (đốt đm) / Pile culvert D750	ống	2,00
3	Làm mối nối D750/ Joint	mm	2,00
5	Bê tông móng thân cống M150/ Concrete M150	m3	0,29
7	Ván khuôn móng thân cống/ Forms work of bedding	m2	0,82
8	Đệm đá dăm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	0,08
<b>III Công tác khác</b>			
1	Đào đất hố móng/ Excavation	m3	6,97
2	Đắp trả móng đất C3 dăm K>=95/ Soil fill K295	m3	1,92
3	Đào dẫn dòng	m3	-
4	Phá bê tông cống cũ/ Concrete demolition	m3	3,62
5	Nạo vét, khơi thông cống cũ/ dredging	m3	2,47
6	Cống chiếm chỗ nền đắp	m3	2,93

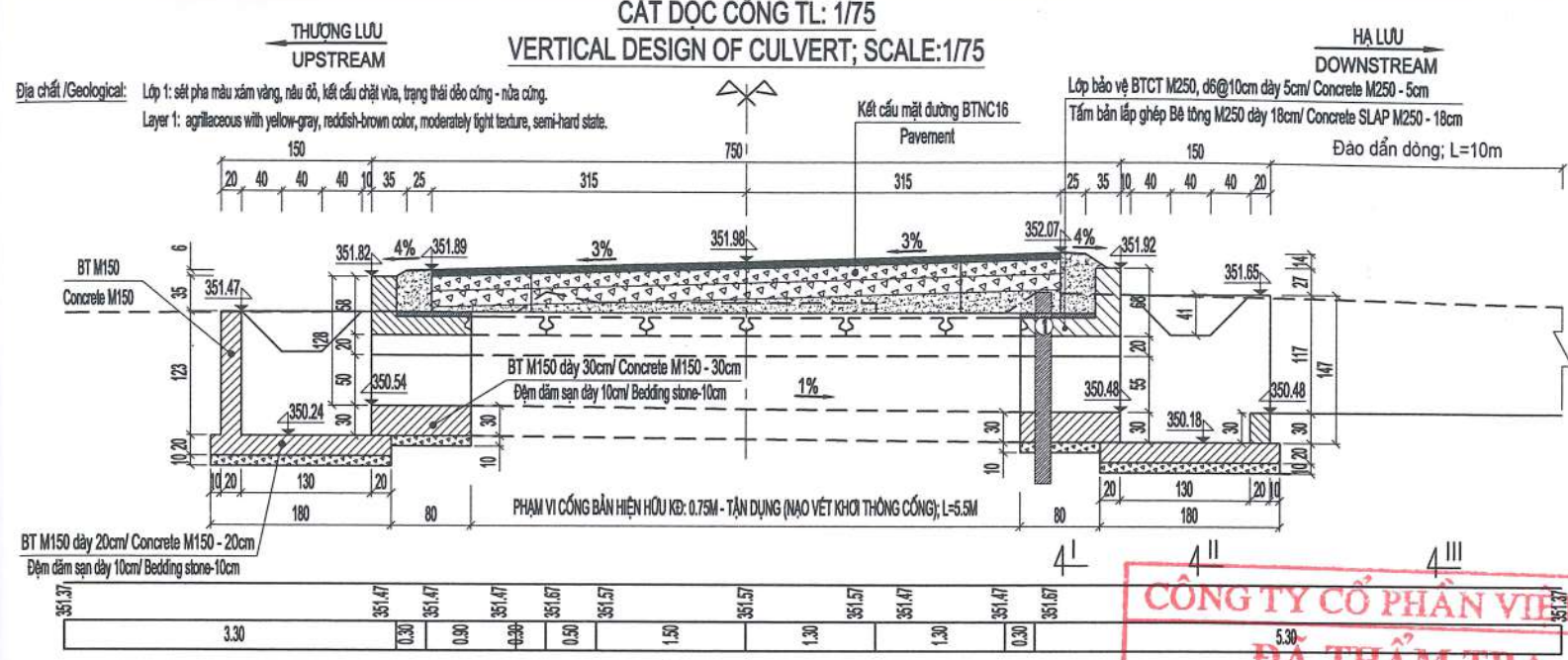
ĐÀO HỐ MÓNG TL: 1/100  
SOIL EXCAVATION IN FOUNDATION; SCALE:1/100

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1762./SXĐ  
Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

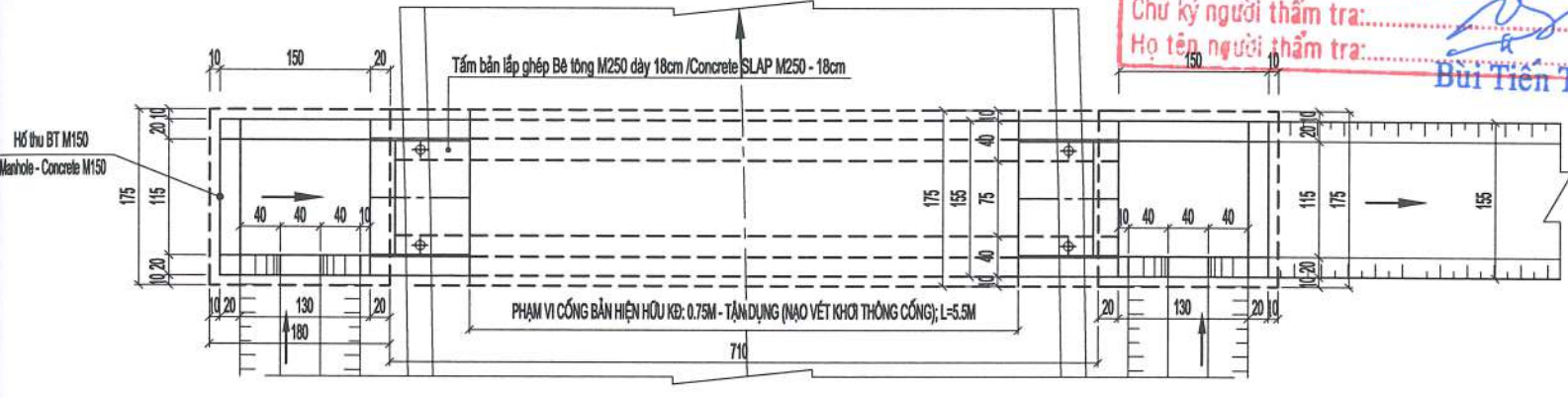


Ghi chú/ notes:  
- Đơn vị bản vẽ cm, cao độ ghi bằng m./ Dimension in drawings is in cm, elevation is in m.

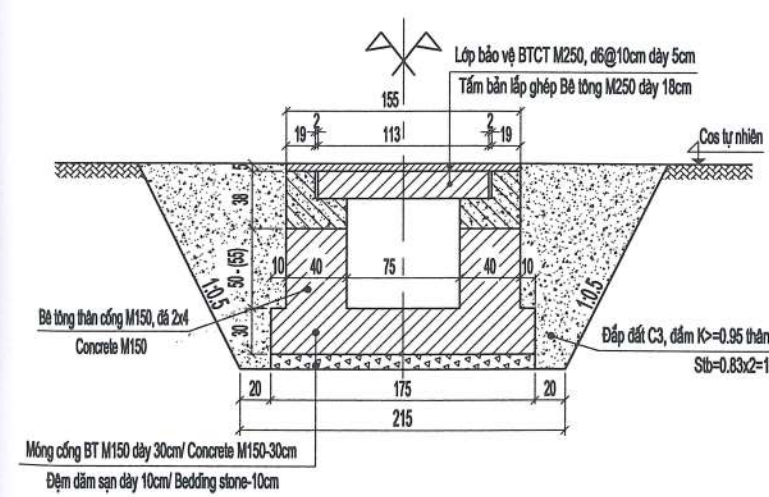
<p>CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE</p> <p>CĐT &amp; QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD</p> <p>LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ &amp; XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY</p>	<p>DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE</p> <p>TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT</p> <p>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</p>	<p>CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH</p> <p>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN</p> <p>THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT</p> <p>K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p>QUẢNG TRỊ, NGÀY 06 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: <i>[Signature]</i></p> <p>TU VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH</p>	<p><b>NỐI THƯỢNG, HẠ LƯU CỐNG TRÒN DK: 0.75M CONNECT UPSTREAM, DOWNSTREAM OF THE PIPE CULVERT D:0.75M LÝ TRÌNH/ STA.: KM2+946.83 (2/2)</b></p> <p>TỶ LỆ / SCALE: LẦN XUẤT BẢN / REV:</p> <p>BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 103 MÃ SỐ / CODE:</p>
--	--	---	--	---



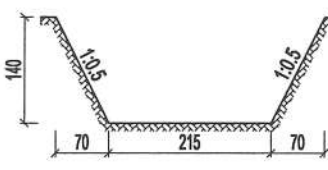
MẶT BẰNG CỐNG TL: 1/75  
CULVERT PLAN; SCALE:1/75



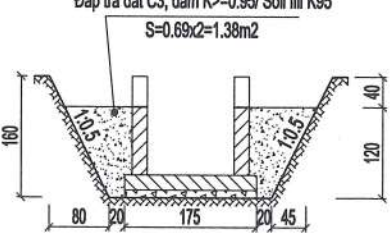
CẮT NGANG THÂN CỐNG TL: 1/50  
CROSS SECTION OF CULVERT; SCALE:1/50



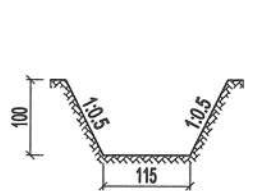
MẶT CẮT I-I /SECTION I-I  
ĐÀO=3.99M<sup>2</sup>; L=0.8+0.8=1.6M



MẶT CẮT II-II /SECTION II-II  
ĐÀO= 4.72M<sup>2</sup>; L=1.80+1.80=3.60M

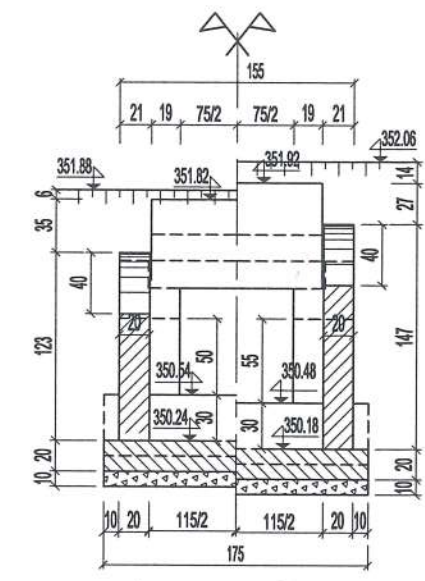


MẶT CẮT III-III /SECTION III-III  
ĐÀO= 1.65M<sup>2</sup>; L=10M (ĐÀO DẪN DÒNG)

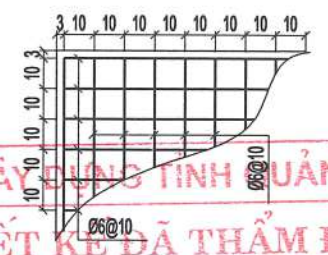


Ghi chú/ notes:  
- Xem thêm bản vẽ Vận dụng Định hình tấm bản 531-11-01 với tải trọng H30-XB80.  
- Đơn vị bản vẽ cm, cao độ ghi bằng m, cốt thép ghi bằng mm.  
- Dimension in drawings is in cm, elevation is in m, steel is in mm.

NHÌN 1/2 THƯỢNG, HA LƯU TL: 1/50  
VIEW FROM 1/2 UPSTREAM, DOWNSTREAM; SCALE: 1/50

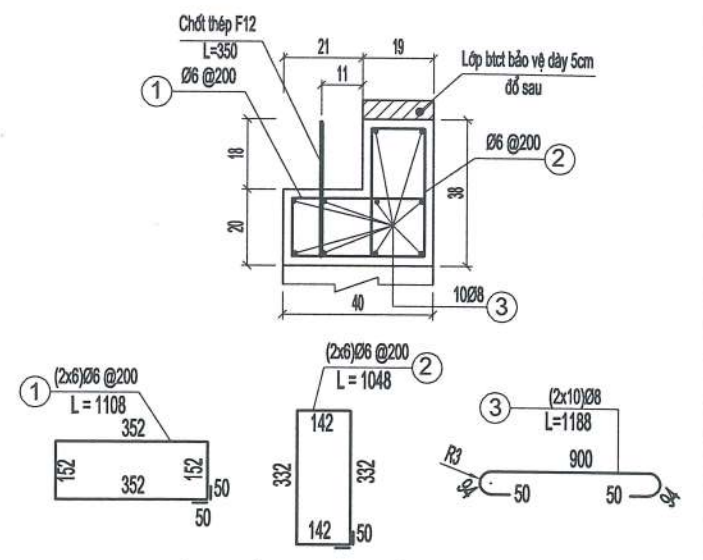


LƯỚI THÉP BẢO VỆ MẶT CỐNG TL: 1/25  
REINFORCEMENT MESH



SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ  
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản thẩm định số: 1762./SXĐ  
Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

CẤU TẠO XÀ MŨ TL: 1/20  
CROSS SECTION OF CAP CULVERT



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG  
SUMMARY OF BILL OF QUANTITY

T/ No	Hạng mục công việc/ Items	Đơn vị/ Unit	Khối lượng công ngang/ Km3+200,54
<b>I Đầu cống</b>			
1	Bê tông tường cánh + hố thu M150 đá 2x4/ Head wall of Wing wall- Concrete M150	m3	1,84
2	Bê tông móng đầu cống + hố thu M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	1,26
3	Đệm đá dăm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	0,63
4	Ván khuôn tường cống/ Forms work of wall	m2	18,44
5	Ván khuôn móng cống/ Forms work of bedding	m2	2,12
<b>II Thân cống</b>			
1	Cấu lắp tấm bản/ slap	Tấm/ block	2,00
2	Bê tông tấm bản M250 đá 1x2/ Concrete M250	m3	0,65
3	Cốt thép tấm bản phi<10/ CB240-T steel	Kg	17,02
4	Cốt thép tấm bản 10<phi<18/ CB300-V steel	Kg	36,64
5	Ván khuôn thép tấm bản/ Forms work	m2	4,13
6	Bê tông mối nối M250 đá 1x2/ Concrete M250	m3	0,02
7	Bê tông bảo vệ mặt cống M250 đá 1x2/ Concrete M250	m3	0,12
8	Lưới thép bảo vệ phi6@10cm/ CB240-T steel	Kg	10,79
9	Bê tông xà mũ M200 đá 1x2/ Concrete M200	m3	0,46
10	Cốt thép xà mũ phi<10/ CB240-T steel	Kg	30,26
11	Chốt thép phi12, L=35cm/ CB300-V steel	Kg	1,24
12	Thân cống bê tông M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	0,84
13	Móng cống bê tông M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	1,05
14	Đệm đá dăm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	0,35
15	Ván khuôn các hạng mục/ Forms work of wall	m2	7,24
16	Ván khuôn móng thân cống/ Forms work of bedding	m2	1,20
<b>III Công tác khác</b>			
17	Đào đất hố móng/ Excavation	m3	23,38
18	Đắp trả đất C3, dăm K=0,95/ Soil fill K95	m3	4,97
19	Đắp đất C3 thân cống dăm K=0,95/ Soil fill K95	m3	3,32
20	Đào dẫn dòng/ Excavation	m3	16,50
21	Diện tích cống chiếm dụng móng áo đường	m2	-
22	Nạo vét, khơi thông cống dọc cũ tại Km1+671,04 (trái tuyến) và tại Km2+251,94 (phải tuyến)/ dredging.	m3	2,89

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE  
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ  
PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD  
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC  
CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

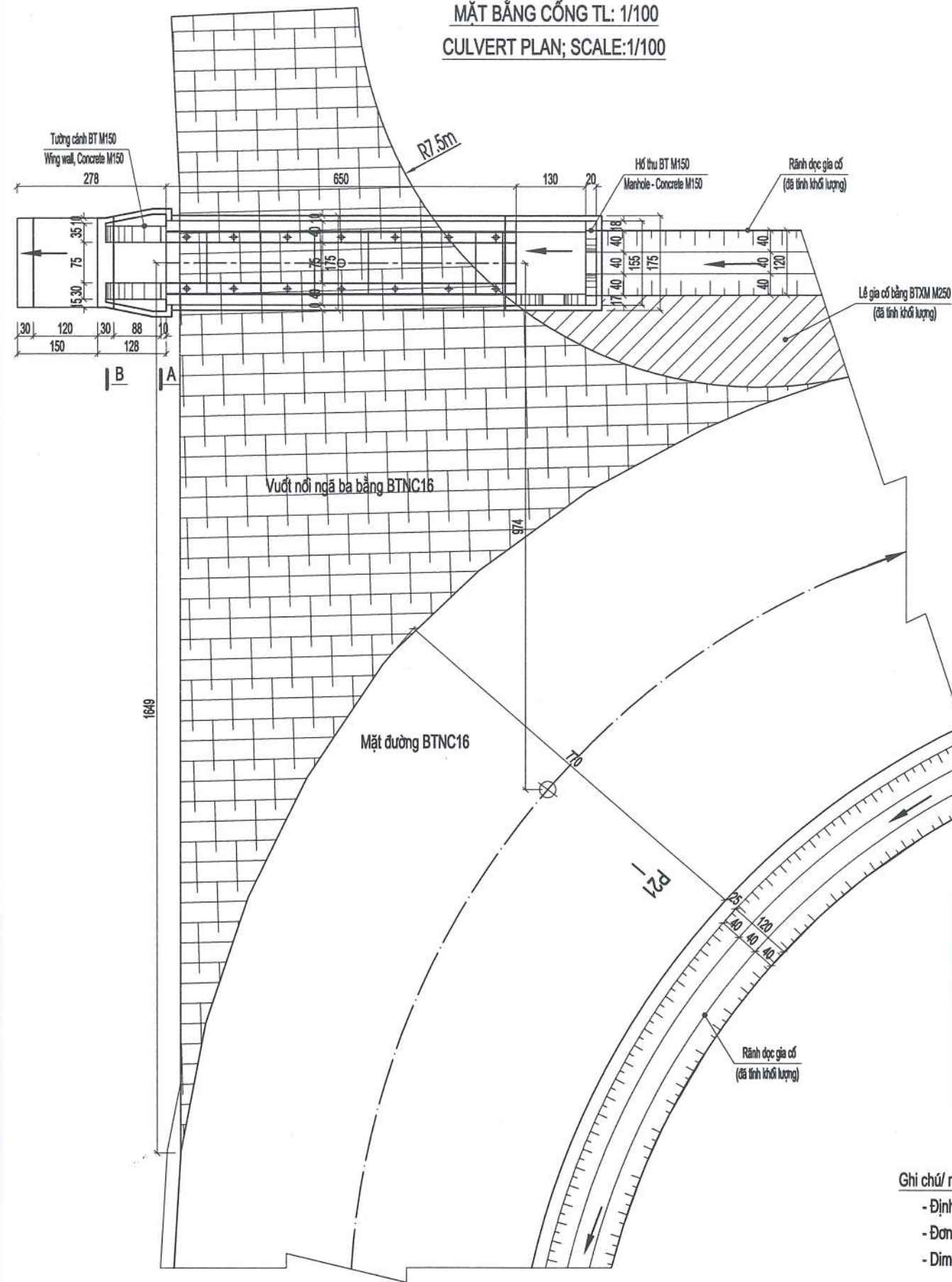
DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ  
PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE  
TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DƠI, HUYỆN HƯỚNG HÒA  
SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT  
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH  
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN  
THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT  
K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA

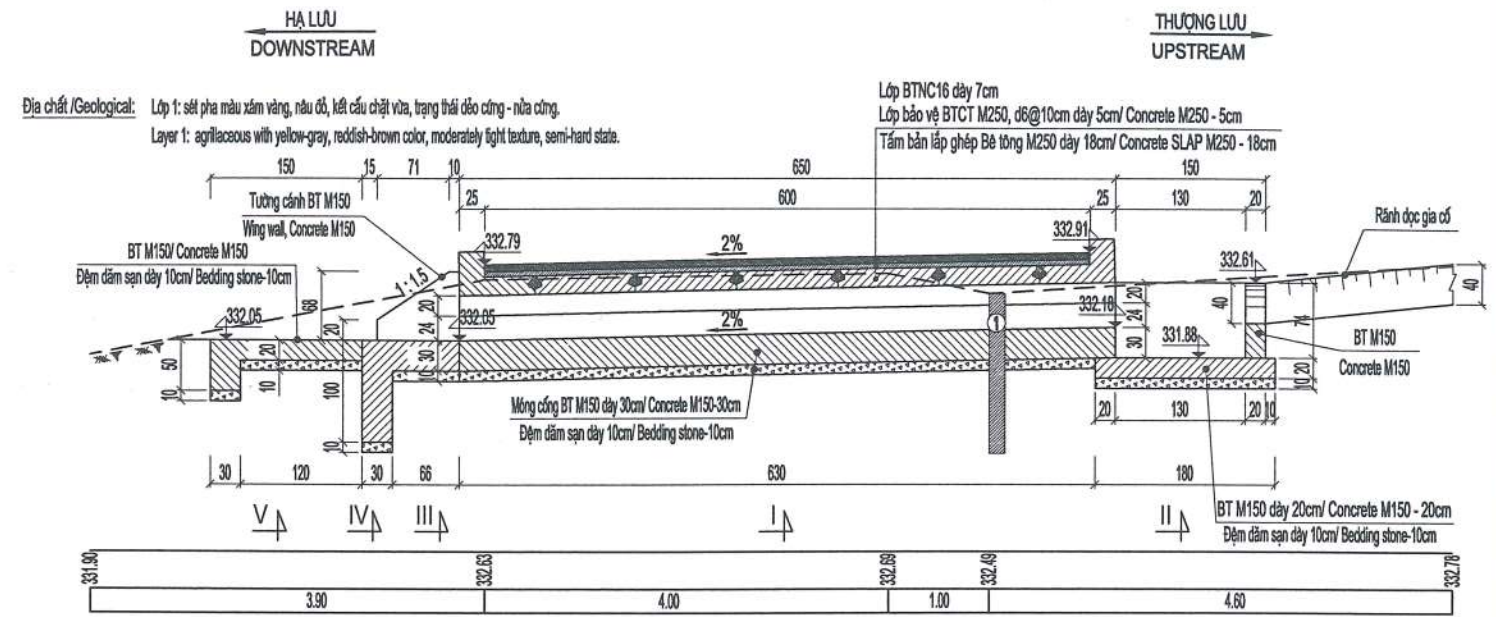
QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA

NỐI THƯỢNG, HA LƯU CỐNG BẢN KĐ: 0.75M  
CONNECT UPSTREAM AND DOWNSTREAM OF THE SLAB CULVERT B=0.75M  
LÝ TRÌNH/ STA.: KM3+200,54  
TỶ LỆ / SCALE:  
LẦN XUẤT BẢN / REV.  
BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 104  
MÃ SỐ / CODE:

MẶT BẰNG CỐNG TL: 1/100  
CULVERT PLAN; SCALE: 1/100



CẮT ĐỌC CỐNG TL: 1/75  
VERTICAL DESIGN OF CULVERT; SCALE: 1/75



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 1918C-TT  
Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1762/SXD  
Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

Ghi chú/ notes:  
- Định hình tấm bản 531-11-01 với tải trọng H30-XB80  
- Đơn vị bản vẽ cm, cao độ ghi bằng m, cốt thép ghi bằng mm.  
- Dimension in drawings is in cm, elevation is in m, steel is in mm.

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG  
SUMMARY OF BILL OF QUANTITY

Tl/ No	Hạng mục công việc/ Items	Đơn vị/ Unit	Khối lượng công đợc/ Volume Km1+302.91
<b>I Dấu cồng</b>			
1	Bê tông tường cánh + hố thu M150 đá 2x4/ Head wall of Wing wall- Concrete M150	m3	0,83
2	Bê tông móng đầu cồng + hố thu M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	1,48
3	Đệm đá dăm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	0,48
4	Ván khuôn tường cồng/ Forms work of wall	m2	7,15
5	Ván khuôn móng cồng/ Forms work of bedding	m2	5,43
<b>II Thân cồng</b>			
1	Cấu lắp tấm bản/slap	Tấm/block	7,00
2	Bê tông tấm bản M250 đá 1x2/ Concrete M250	m3	1,39
3	Cốt thép tấm bản $\phi < 10$ / CB240-T steel	Kg	39,17
4	Cốt thép tấm bản $10 \leq \phi < 18$ / CB300-V steel	Kg	120,10
5	Ván khuôn thép tấm bản/ Forms work	m2	7,24
6	Bê tông mối nối M250 đá 1x2/ Concrete M250	m3	0,12
7	Bê tông bảo vệ mặt cồng M250 đá 1x2/ Concrete M250	m3	0,47
8	Lưới thép bảo vệ $\phi 6 @ 10$ cm/ CB240-T steel	Kg	42,09
9	Bê tông xà mũ M200 đá 1x2/ Concrete M200	m3	1,48
10	Cốt thép xà mũ $\phi < 10$ / CB240-T steel	Kg	85,38
11	Chốt thép $\phi 12, L=35$ cm/ CB300-V steel	Kg	4,35
12	Thân cồng bê tông M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	1,25
13	Móng cồng bê tông M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	3,41
14	Đệm đá dăm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	1,14
15	Ván khuôn các hạng mục/ Forms work of wall	m2	16,12
16	Ván khuôn móng thân cồng/ Forms work of bedding	m2	3,90
<b>III Công tác khác</b>			
1	Bê tông gia cố sàn hạ lưu M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	0,64
2	Đệm đá dăm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	0,30
3	Ván khuôn/ Forms work of wall	m2	1,28
4	Đào đất hố móng/ Excavation	m3	26,40
5	Đắp trả đất C3, dăm K $\geq 0,95$ / Soil fill K $\geq 95$	m3	3,03
6	Đắp đất C3 thân cồng dăm K $\geq 0,95$ / Soil fill K $\geq 95$	m3	2,08
7	Đào dẫn dòng/ Excavation	m3	-
8	Diện tích công chiếm dụng móng áo đường	m2	7,75

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE  
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ  
PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD  
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC  
CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

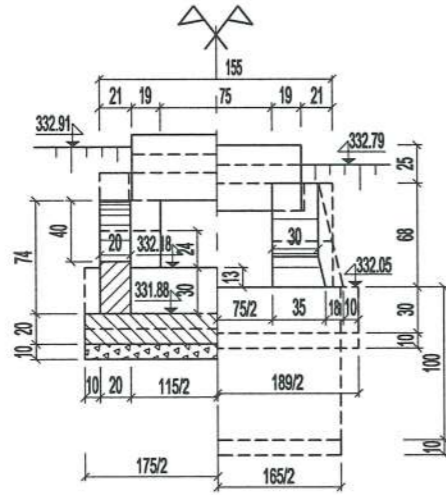
DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ  
PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE  
TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DƠI, HUYỆN HƯỚNG HÓA  
SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT  
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH  
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN  
THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUỆT  
K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA

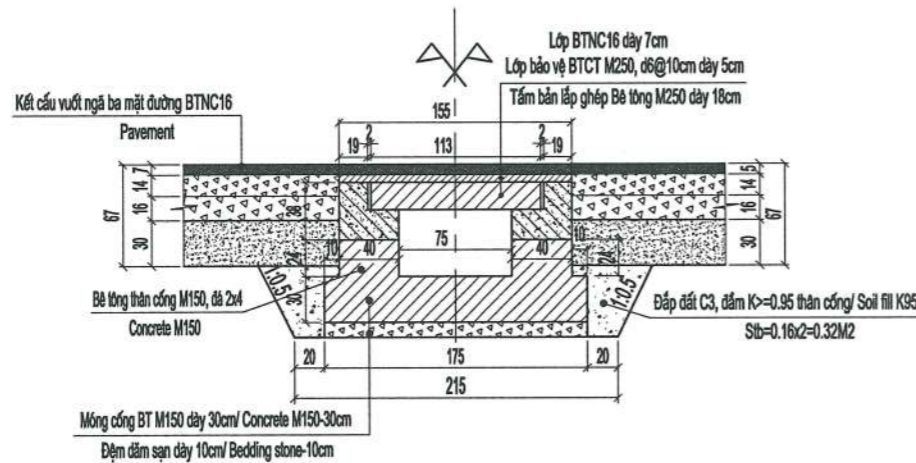
QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: *[Signature]*  
TU VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH

THIẾT KẾ CỐNG BẢN ĐỌC KĐ 0.75M  
VERTICAL CULVERT DESIGN B=0.75M  
LÝ TRÌNH/ STA.: KM1+302.91 - TRÁI TUYẾN (1/2)  
TỶ LỆ / SCALE:  
BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 105  
MÃ SỐ / CODE:

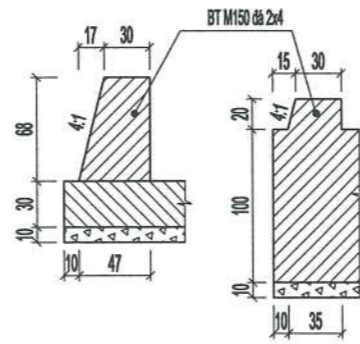
NHÌN 1/2 THƯỢNG, HẠ LƯU TL: 1/50  
VIEW FROM 1/2 UPSTREAM, DOWNSTREAM; SCALE: 1/50



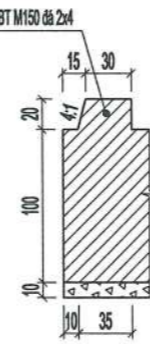
CẮT NGANG THÂN CỐNG TL: 1/50  
CROSS SECTION OF CULVERT; SCALE: 1/50



MẶT CẮT A-A  
SECTION A-A  
TL/SCALE: 1:50



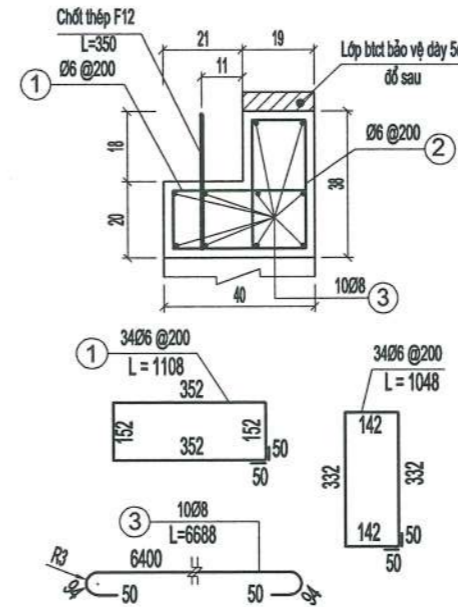
MẶT CẮT B-B  
SECTION B-B  
TL/SCALE: 1:50



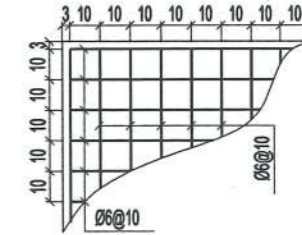
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT**  
**ĐÃ THẨM TRA**

Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

CẤU TẠO XÀ MŨ TL: 1/20  
CROSS SECTION OF CAP CULVERT

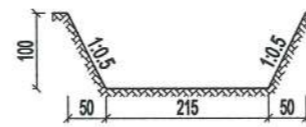


LƯỚI THÉP BẢO VỆ MẶT CỐNG TL: 1/25  
REINFORCEMENT MESH

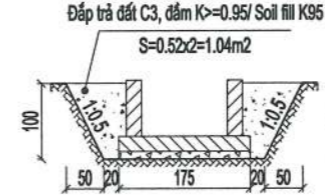


ĐÀO HỒ MÓNG TL: 1/100  
SOIL EXCAVATION IN FOUNDATION; SCALE: 1/100

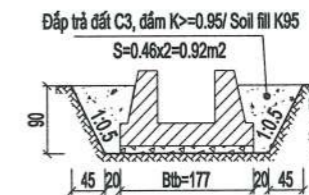
MẶT CẮT I-I / SECTION I-I  
ĐÀO = 2.65M<sup>2</sup>; L=6.30M



MẶT CẮT II-II / SECTION II-II  
ĐÀO = 2.65M<sup>2</sup>; L=1.80M



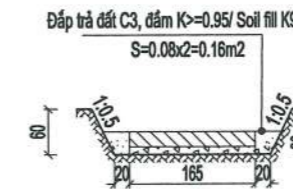
MẶT CẮT III-III / SECTION III-III  
ĐÀO = 2.36M<sup>2</sup>; L=0.66M



MẶT CẮT IV-IV / SECTION IV-IV  
ĐÀO = 4.20M<sup>2</sup>; L=0.3M



MẶT CẮT V-V / SECTION V-V  
ĐÀO = 1.41M<sup>2</sup>; L=1.50M



Ghi chú/ notes:

- Định hình tám bản 531-11-01 với tải trọng H30-XB80
- Đơn vị bản vẽ cm, cao độ ghi bằng m, cốt thép ghi bằng mm.
- Dimension in drawings is in cm, elevation is in m, steel is in mm.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE  
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ  
PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE  
CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD  
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC  
CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO  
ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ  
PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR  
ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE  
TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI,  
HUYỆN HƯỚNG HÓA  
SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD  
AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT  
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

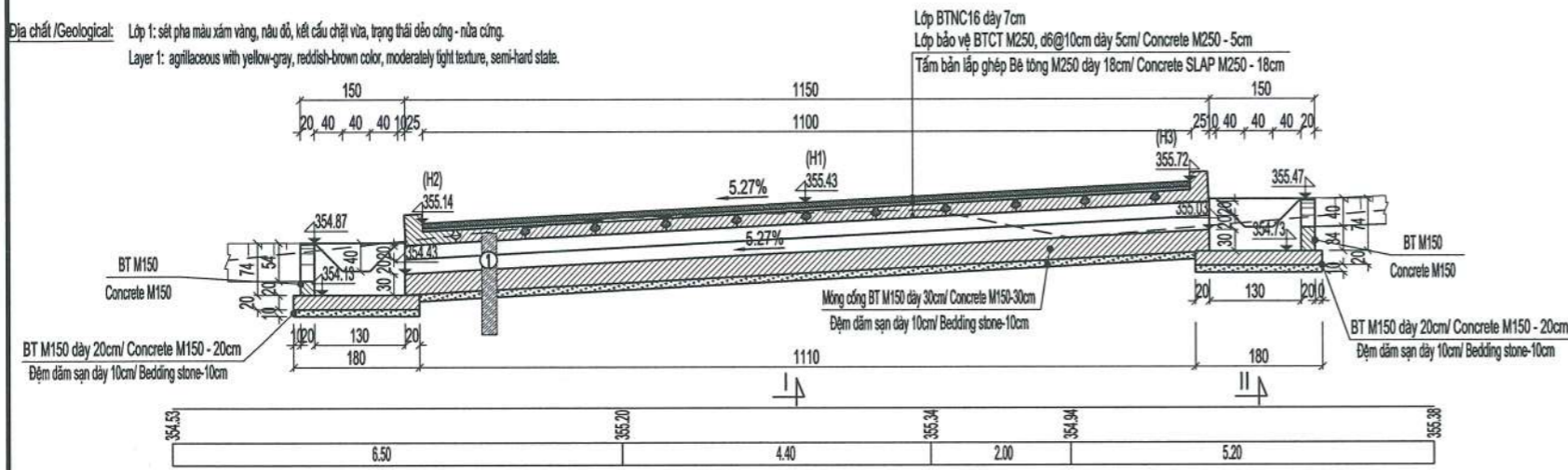
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH  
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIẾN  
THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT  
K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA

QUẢNG TRỊ, NGÀY 22 THÁNG 6 NĂM 2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: *[Signature]*  
PHÚC THÀNH  
T.Đ.Đ. QUẢNG TRỊ

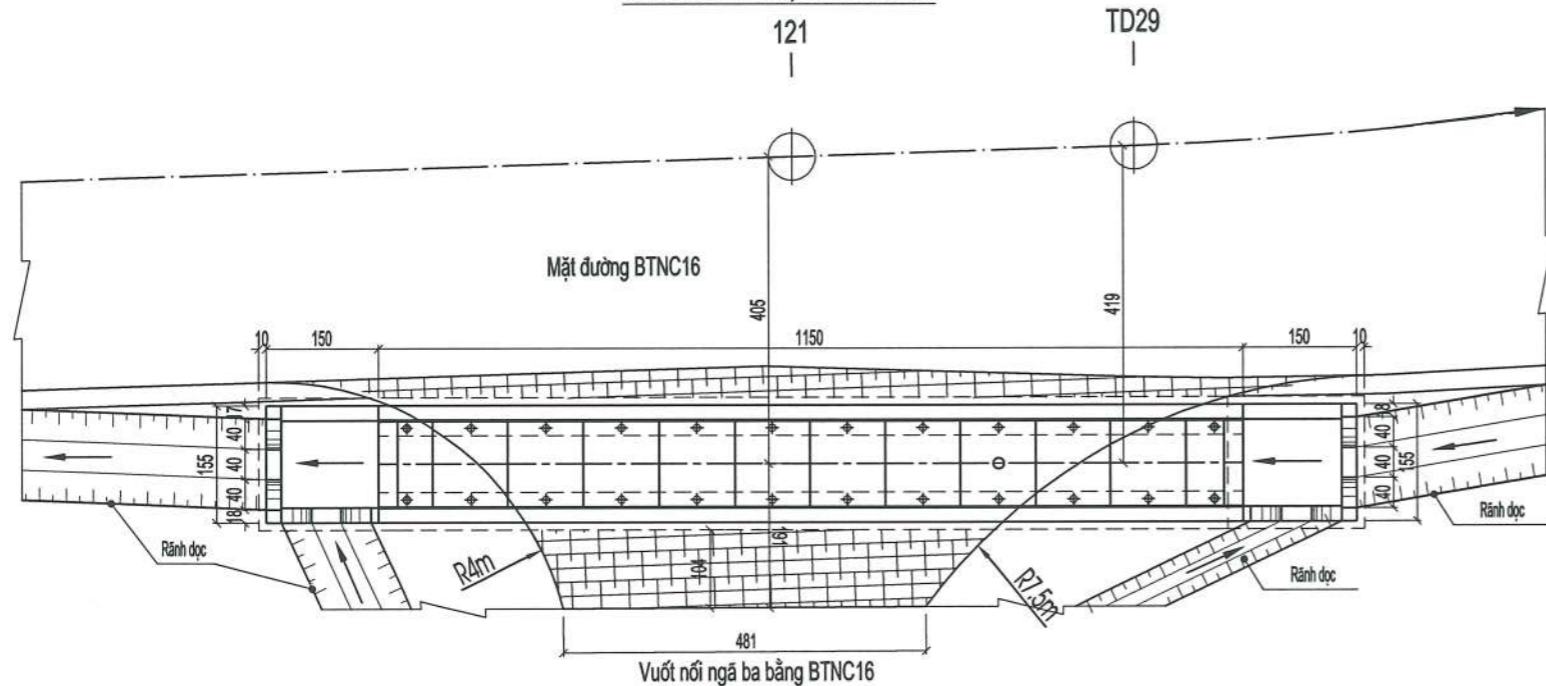
THIẾT KẾ CỐNG BẢN ĐỌC KỶ 0.75M  
VERTICAL CULVERT DESIGN B=0.75M  
LÝ TRÌNH/ STA.: KM1+302.91 - TRÁI TUYẾN (2/2)  
TỶ LỆ / SCALE: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 106  
LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:

**CẮT ĐỌC CỐNG TL: 1/100**  
VERTICAL DESIGN OF CULVERT; SCALE: 1/100

Địa chất /Geological: Lớp 1: sét pha màu xám vàng, nâu đỏ, kết cấu chặt vừa, trạng thái dẻo cứng - nửa cứng.  
Layer 1: argillaceous with yellow-gray, reddish-brown color, moderately light texture, semi-hard state.



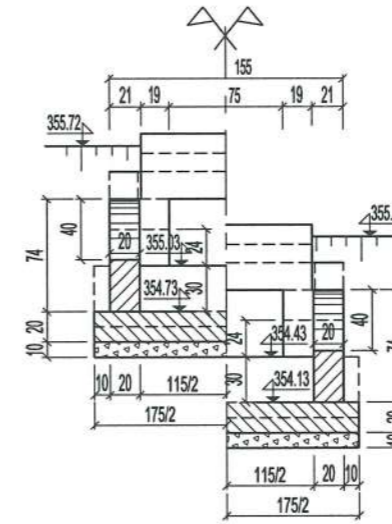
**MẶT BẰNG CỐNG TL: 1/100**  
CULVERT PLAN; SCALE: 1/100



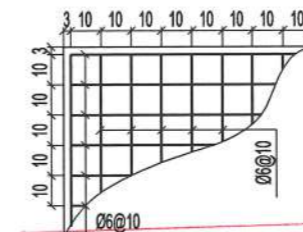
**BẢNG THỐNG KÊ CỐNG ĐỌC TRÊN TUYẾN**  
STATISTICS OF VERTICAL DESIGN OF CULVERT

STT	Lý trình - vị trí	Chiều dài L (m)	Id (%)	Cao độ tìm cống - H1 (m)	Cao độ - H2 (m)	Cao độ - H3 (m)
1	Km1+989,71 phải tuyến	11,5	5,27	355,43	355,14	355,72
2	Km2+392,33 trái tuyến	12,0	3,27	364,88	364,69	365,07
3	Km2+463,43 phải tuyến	12,5	2,17	365,73	365,60	365,86
4	Km2+975,05 trái tuyến	10,0	0,37	362,06	362,04	362,08

**NHÌN 1/2 THƯỢNG, HẠ LƯU TL: 1/50**  
VIEW FROM 1/2 UPSTREAM, DOWNSTREAM; SCALE: 1/50



**LƯỚI THÉP BẢO VỆ MẶT CỐNG TL: 1/25**  
REINFORCEMENT MESH



**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**

**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**

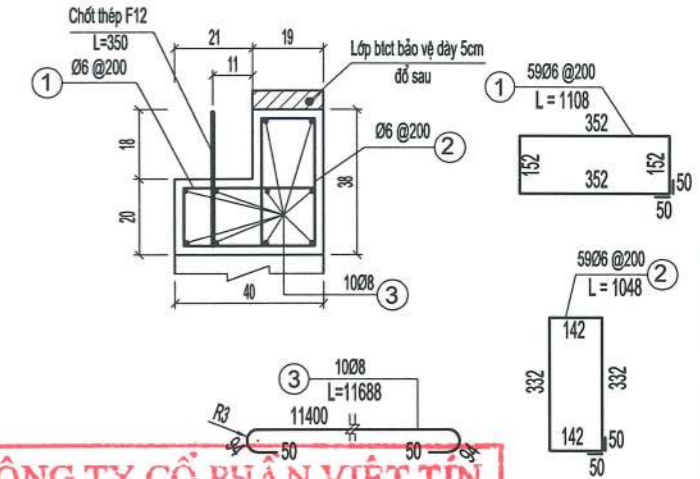
Theo văn bản thẩm định số: 1762/ISXD

Ngày: 20/6/2025

Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

*(Handwritten signature)*

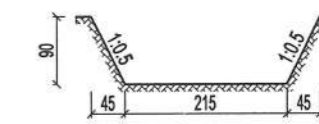
**CẤU TẠO XÀ MŨ TL: 1/20**  
CROSS SECTION OF CAP CULVERT



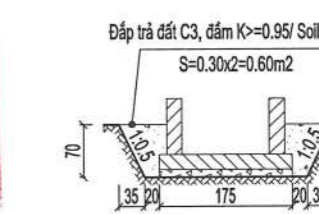
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
Ngày thẩm tra: 15/1/03/2025  
Chữ ký người thẩm tra: *(Signature)*  
Họ tên người thẩm tra: *(Name)*

**ĐÀO HÚNG MỔ TL: 1/100**  
SOIL EXCAVATION IN FOUNDATION; SCALE: 1/100

**MẶT CẮT I-I / SECTION I-I**  
ĐÀO = 2.34M2; L=11.10M



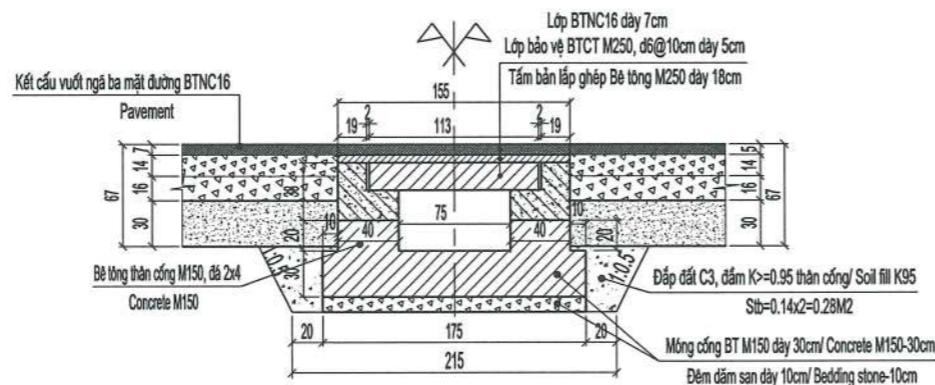
**MẶT CẮT II-II / SECTION II-II**  
ĐÀO = 1.75M2; L=1.80+1.80=3.60M



Ghi chú/ notes:  
- Định hình tấm bản 531-11-01 với tải trọng H30-XB80  
- Đơn vị bản vẽ cm, cao độ ghi bằng m, cốt thép ghi bằng mm.  
- Dimension in drawings is in cm, elevation is in m, steel is in mm.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH	QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	<b>THIẾT KẾ CỐNG BẢN ĐỌC KỶ 0.75M</b> <b>VERTICAL CULVERT DESIGN B=0.75M</b> LÝ TRÌNH/ STA.: KM1+989.71 - PHẢI TUYẾN (1/2)	
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN	GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU DUỆT	TỶ LỆ / SCALE:	BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO.: 107
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUỆT		LẦN XUẤT BẢN / REV:	MÃ SỐ / CODE:

CẮT NGANG THÂN CỐNG TL: 1/50  
CROSS SECTION OF CULVERT; SCALE:1/50

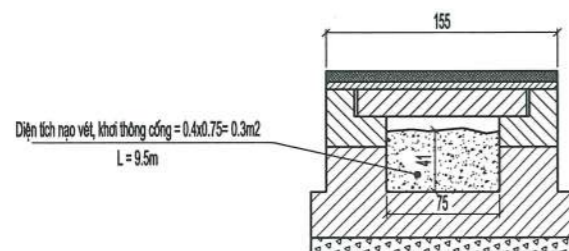


BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG  
SUMMARY OF BILL OF QUANTITY

Tl/ No	Hạng mục công việc/ Items	Đơn vị/ Unit	Khối lượng công việc/ Volume			
			Km1+989,71	Km2+392,33	Km2+463,43	Km2+975,05
<b>I Đầu cống</b>						
1	Bê tông tường cánh + hồ thu M150 đá 2x4/ Head wall of Wing wall- Concrete M150	m3	0,97	0,97	0,97	0,97
2	Bê tông móng đầu cống + hồ thu M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	1,26	1,26	1,26	1,26
3	Đệm đá đầm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	0,63	0,63	0,63	0,63
4	Ván khuôn tường cống/ Forms work of wall	m2	9,72	9,72	9,72	9,72
5	Ván khuôn móng cống/ Forms work of bedding	m2	2,12	2,12	2,12	2,12
<b>II Thân cống</b>						
1	Cầu lắp tấm bản/ slap	Tấm/ block	12,00	12,00	13,00	10,00
2	Bê tông tấm bản M250 đá 1x2/ Concrete M250	m3	2,34	2,44	2,53	2,06
3	Cốt thép tấm bản $\phi < 10$ / CB240-T steel	Kg	65,72	66,62	71,03	56,00
4	Cốt thép tấm bản $10 \leq \phi < 18$ / CB300-V steel	Kg	211,70	219,84	230,02	183,20
5	Ván khuôn thép tấm bản/ Forms work	m2	11,64	11,82	12,52	10,06
6	Bê tông mối nối M250 đá 1x2/ Concrete M250	m3	0,22	0,22	0,24	0,18
7	Bê tông bảo vệ mặt cống M250 đá 1x2/ Concrete M250	m3	0,85	0,89	0,93	0,78
8	Lưới thép bảo vệ $\phi 6 @ 10$ cm/ CB240-T steel	Kg	77,05	80,55	84,04	70,06
7	Bê tông xà mũ M200 đá 1x2/ Concrete M200	m3	2,63	2,74	2,86	2,28
8	Cốt thép xà mũ $\phi < 10$ / CB240-T steel	Kg	148,81	154,68	161,50	129,31
9	Chốt thép $\phi 12, L=35$ cm/ CB300-V steel	Kg	7,46	7,46	8,08	6,22
10	Thân cống bê tông M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	1,84	1,92	2,00	1,60
11	Móng cống bê tông M150 đá 2x4/ Concrete M150	m3	6,04	6,30	6,56	5,25
12	Đệm đá đầm dày 10cm/ Bedding stone-10cm	m3	2,01	2,10	2,19	1,75
13	Ván khuôn các hạng mục/ Forms work of wall	m2	26,68	27,84	29,00	23,20
14	Ván khuôn móng thân cống/ Forms work of bedding	m2	6,90	7,20	7,50	6,00
<b>III Công tác khác</b>						
6	Đào đất hố móng/ Excavation	m3	32,27	33,44	34,61	28,76
7	Đắp trả đất C3, đầm $K=0,95$ / Soil fill $K \geq 95$	m3	2,16	2,16	2,16	2,16
8	Đắp đất C3 thân cống đầm $K=0,95$ / Soil fill $K \geq 95$	m3	3,22	3,36	3,50	2,80
9	Đào dẫn dòng/ Excavation	m3	-	-	-	-
10	Diện tích cống chiếm dụng móng áo đường	m2	13,18	13,95	14,73	10,85
11	Nạo vét, khơi thông cống dọc củ tại Km1+671,04 (trái tuyến) và tại Km2+251,94 (phải tuyến)/ dredging.	m3	2,85	3,56	-	-

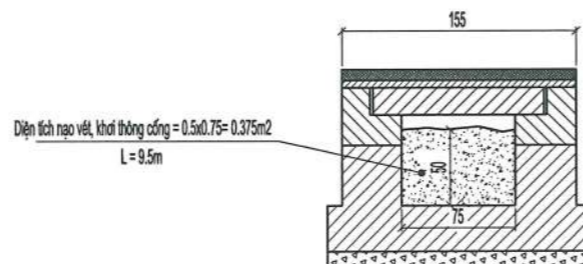
CẮT NGANG NẠO VẾT, KHƠI THÔNG CỐNG CỬ TL: 1/50  
CROSS SECTION OF CULVERT; SCALE:1/50

LÝ TRÌNH/ STA.: KM1+671,04 - TRÁI TUYẾN



CẮT NGANG NẠO VẾT, KHƠI THÔNG CỐNG CỬ TL: 1/50  
CROSS SECTION OF CULVERT; SCALE:1/50

LÝ TRÌNH/ STA.: KM2+251,94 - PHẢI TUYẾN



SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản thẩm định số: 1762./ISXD  
Ngày: 20/6/2025

Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

*[Signature]*

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN

ĐÃ THẨM TRA

Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT.  
Ngày thẩm tra: 15/1/2025

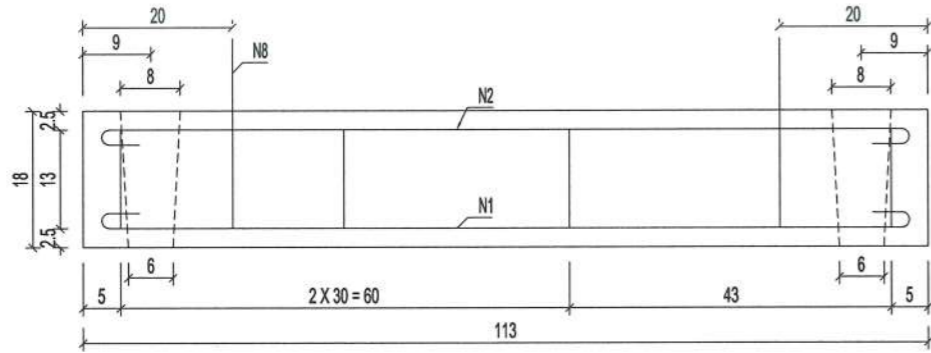
Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*

Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

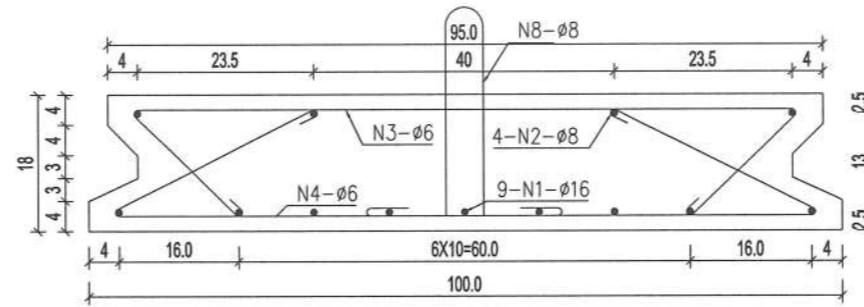
Bùi Tiên Trung

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER LÊ MINH CHÍNH	QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	THIẾT KẾ CÔNG BẢN ĐỌC KỶ 0.75M VERTICAL CULVERT DESIGN B=0.75M
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	Tiểu dự án: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trung tâm xã A Dơi, Huyện Hướng Hóa SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER NGUYỄN LÊ HIỂN	GIÁM ĐỐC / DIRECTOR NGUYỄN HỮU HOA	LÝ TRÌNH/ STA.: KM1+989.71 - PHẢI TUYẾN (2/2)
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	THIẾT KẾ / DESIGN BY NGUYỄN HỮU DUỆT	NGUYỄN HỮU HOA	TỶ LỆ / SCALE: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 108
		K.C.S / QUALITY CONTROL NGUYỄN HỮU HOA		LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:

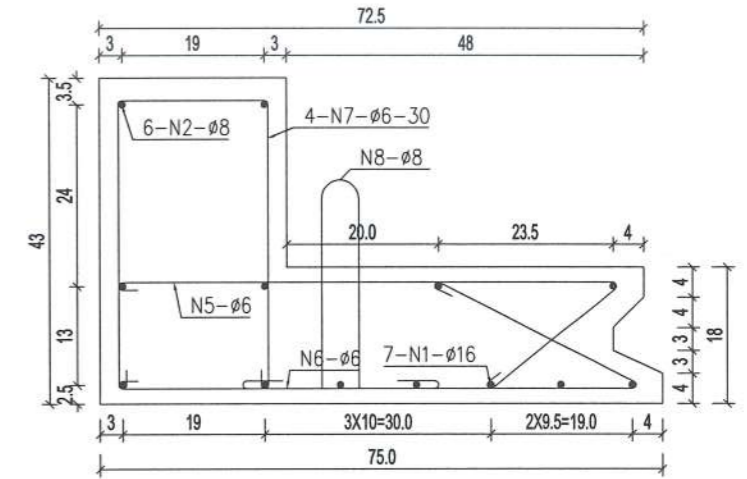
CẮT ĐỌC BẢN TL 1:10



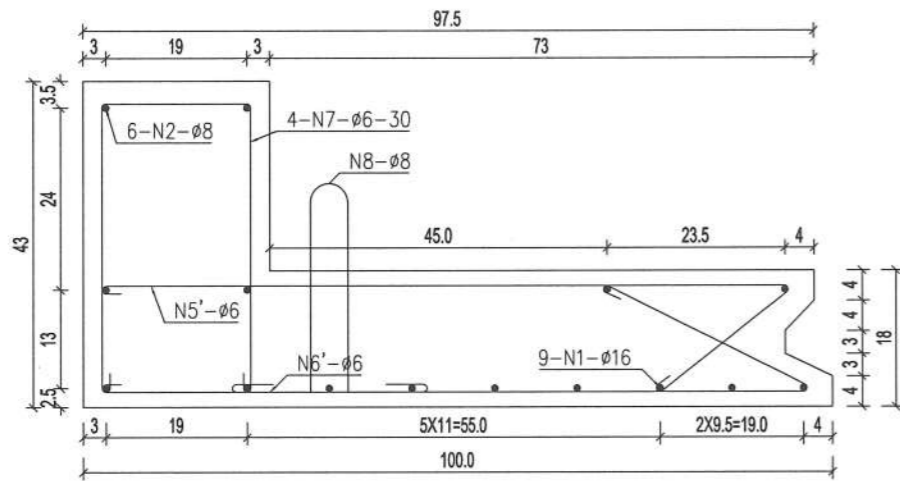
CẮT NGANG BẢN GIỮA TL 1:10



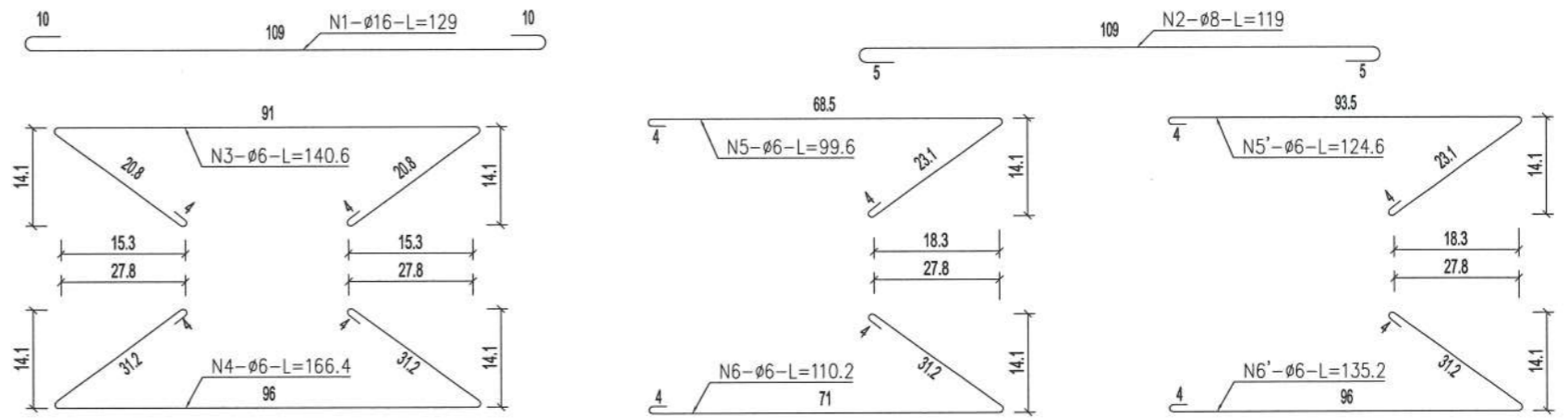
CẮT NGANG BẢN BIÊN L=0.75M TL 1:10



CẮT NGANG BẢN BIÊN L=1M TL 1:10

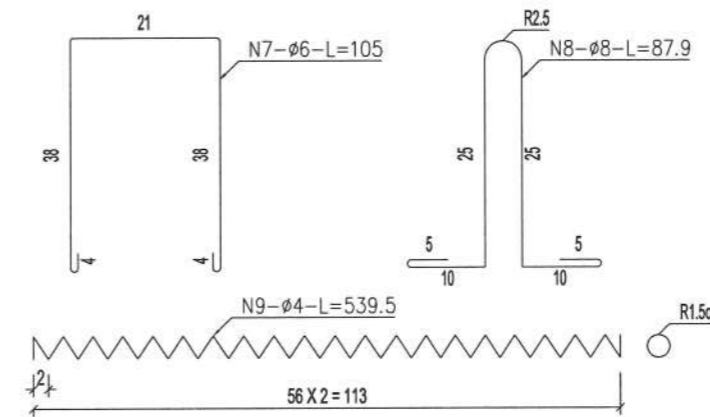


QUY CÁCH THÉP



BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP, BÊ TÔNG BẢN CỐNG

STT	Tên thanh	Đường kính	Chiều dài (cm)	Số thanh (thanh)	Chiều dài tổng cộng (m)	Khối lượng Đơn vị (kg/m)	Khối lượng tổng cộng (kg)	Bê tông Bản công (m <sup>3</sup> )	Bê tông mỗi nối (m <sup>3</sup> )
Bản giữa							24.49	0.19	0.02
1	N1	ø16	129	9	11.61	1.578	18.32		
2	N2	ø8	119	4	4.76	0.395	1.88		
3	N3	ø6	140.6	4	5.62	0.222	1.25		
4	N4	ø6	166.4	4	6.66	0.222	1.48		
5	N8	ø8	87.9	2	1.76	0.395	0.70		
Bản biên L = 0.75m							21.42	0.22	0.01
1	N1	ø16	129	7	9.03	1.578	14.25		
2	N2	ø8	119	6	7.14	0.395	2.82		
3	N5	ø6	99.6	4	3.98	0.222	0.88		
4	N6	ø6	110.2	4	4.41	0.222	0.98		
5	N7	ø6	105	4	4.2	0.222	0.93		
6	N8	ø8	87.9	2	1.76	0.395	0.70		
Bản biên L = 1m							25.94	0.27	0.01
1	N1	ø16	129	9	11.61	1.578	18.32		
2	N2	ø8	119	6	7.14	0.395	2.82		
3	N5'	ø6	124.6	4	4.98	0.222	1.11		
4	N6'	ø6	135.2	4	5.41	0.222	1.2		
5	N7	ø6	105	4	4.2	0.222	0.93		
6	N8	ø8	87.9	2	1.76	0.395	0.70		
Mỗi nối giữa hai bản							0.53		
1	N9	ø4	539.5	1	5.4	0.099	0.53		



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762/SXD  
 ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

GHI CHÚ:

- Kích thước bản vẽ ghi cm.
- Bê tông đúc đầm BTM250.
- Thiết kế sử dụng định hình 531-11-01 của Viện thiết kế giao thông vận tải.
- Tải trọng thiết kế: H30 - XB80.



**ĐỊNH HÌNH TẤM BẢN**  
**RỘNG 1.13 M**  
**CHO CỐNG BẢN KĐ: 0.75M**  
 ĐỊNH HÌNH 531-11-01

TẢI TRỌNG H30 - XB80

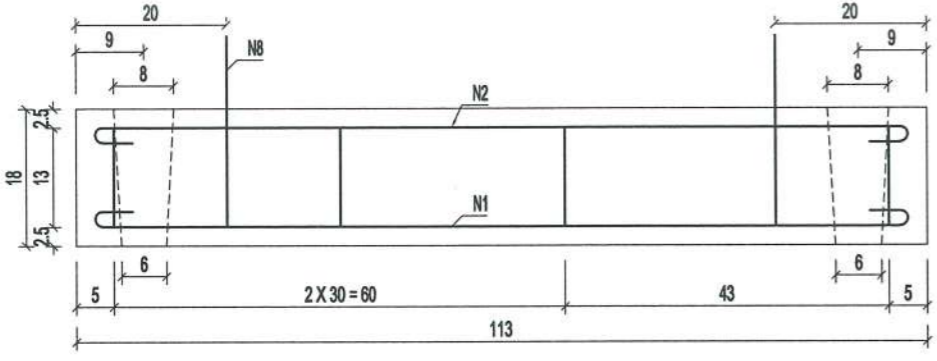
BẢN VẼ KỸ THUẬT THI CÔNG

TỶ LỆ: 1/10

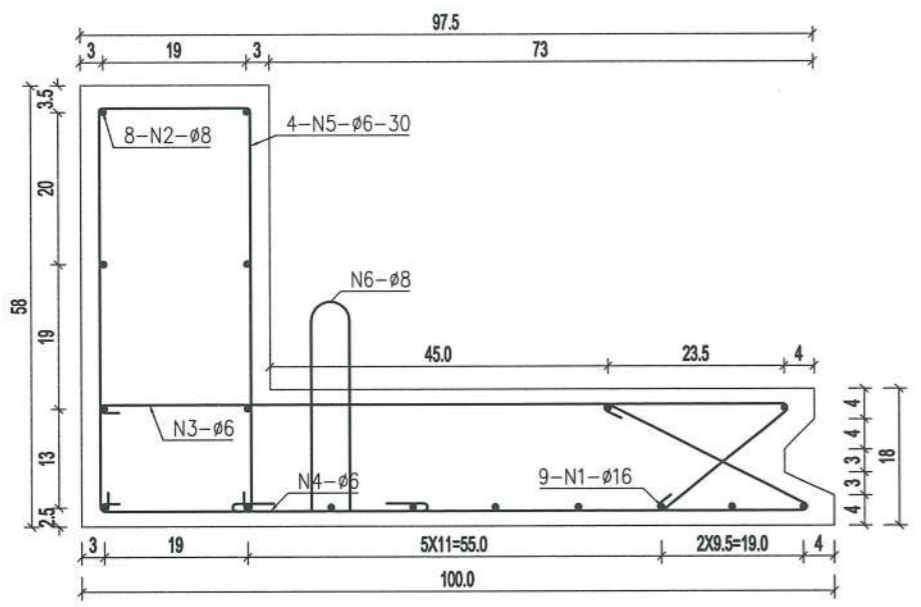
SỐ HIỆU BẢN VẼ: 109

**ĐỊNH HÌNH TẤM BẢN ÁP DỤNG CHO CỐNG BẢN DỌC KØ:0.75M  
TẠI KM3+200.54**

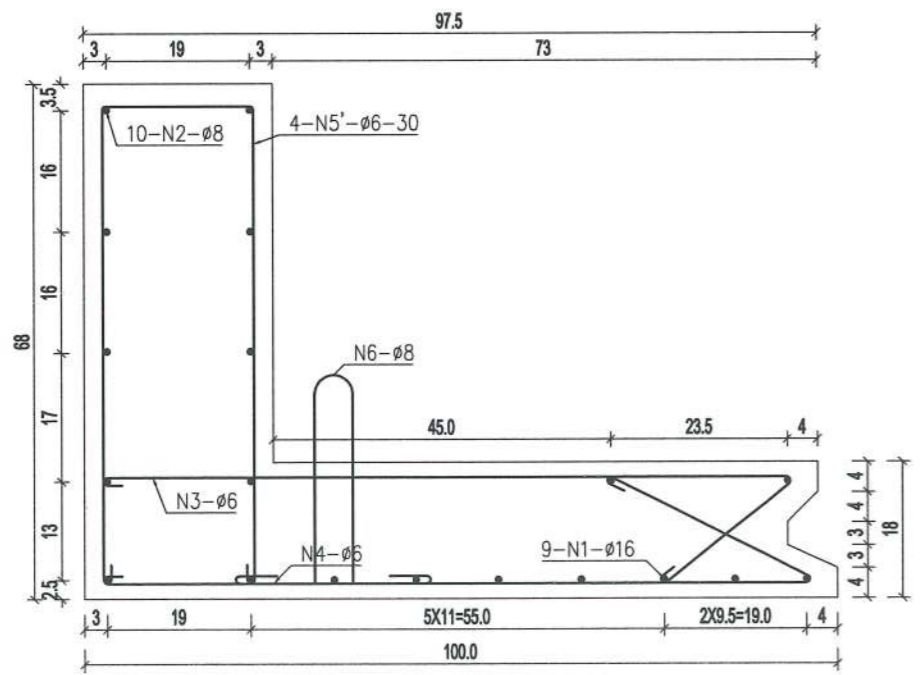
CẮT DỌC BẢN TL 1:10



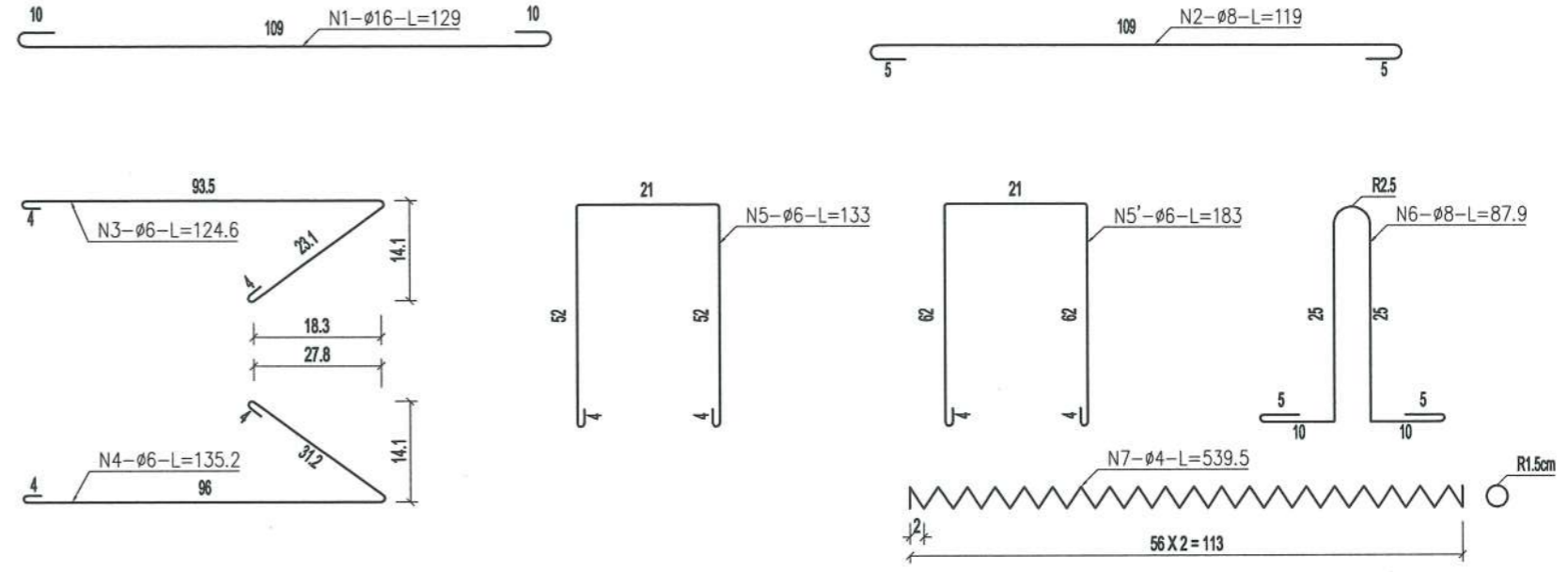
CẮT NGANG BẢN BIÊN L=1M TL 1:10  
(ÁP DỤNG PHÍA THƯỢNG LƯU)



CẮT NGANG BẢN BIÊN L=1M TL 1:10  
(ÁP DỤNG PHÍA HẠ LƯU)



QUY CÁCH THÉP



BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP, BÊ TÔNG BẢN CỐNG

STT	Tên thanh	Đường kính	Chiều dài (cm)	Số thanh (thanh)	Chiều dài tổng cộng (m)	Khối lượng Đơn vị (kg/m)	Khối lượng tổng cộng (kg)	Bê tông Bản cống (m <sup>3</sup> )	Bê tông mỗi nối (m <sup>3</sup> )
I							26.27	0.31	0.01
Bản biên L = 1m - thượng lưu									
1	N1	Ø16	129	9	11.61	1.578	18.32		
2	N2	Ø8	119	8	9.52	0.395	3.76		
3	N3	Ø6	124.6	4	4.98	0.222	1.11		
4	N4	Ø6	135.2	4	5.41	0.222	1.2		
5	N5	Ø6	133	4	5.32	0.222	1.18		
6	N6	Ø8	87.9	2	1.76	0.395	0.70		
II							27.39	0.34	0.01
Bản biên L = 1m - hạ lưu									
1	N1	Ø16	129	9	11.61	1.578	18.32		
2	N2	Ø8	119	10	11.9	0.395	4.70		
3	N3	Ø6	124.6	4	4.98	0.222	1.11		
4	N4	Ø6	135.2	4	5.41	0.222	1.2		
5	N5'	Ø6	153	4	6.12	0.222	1.36		
6	N6	Ø8	87.9	2	1.76	0.395	0.70		
III							0.53		
Mối nối giữa hai bản									
1	N7	Ø4	539.5	1	5.4	0.099	0.53		

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 10/BC-TT  
Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung



**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1762/ISXD  
Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

- GHI CHÚ:
- Kích thước bản vẽ ghi cm.
  - Bê tông đúc đầm BTM250.
  - Thiết kế sử dụng định hình 531-11-01 của Viện thiết kế giao thông vận tải.
  - Tải trọng thiết kế: H30 - XB80.

**ĐỊNH HÌNH TẤM BẢN**  
**RỘNG 1.13 M**  
**CHO CỐNG BẢN KØ:0.75M**  
**ĐỊNH HÌNH 531-11-01**

TẢI TRỌNG H30 - XB80

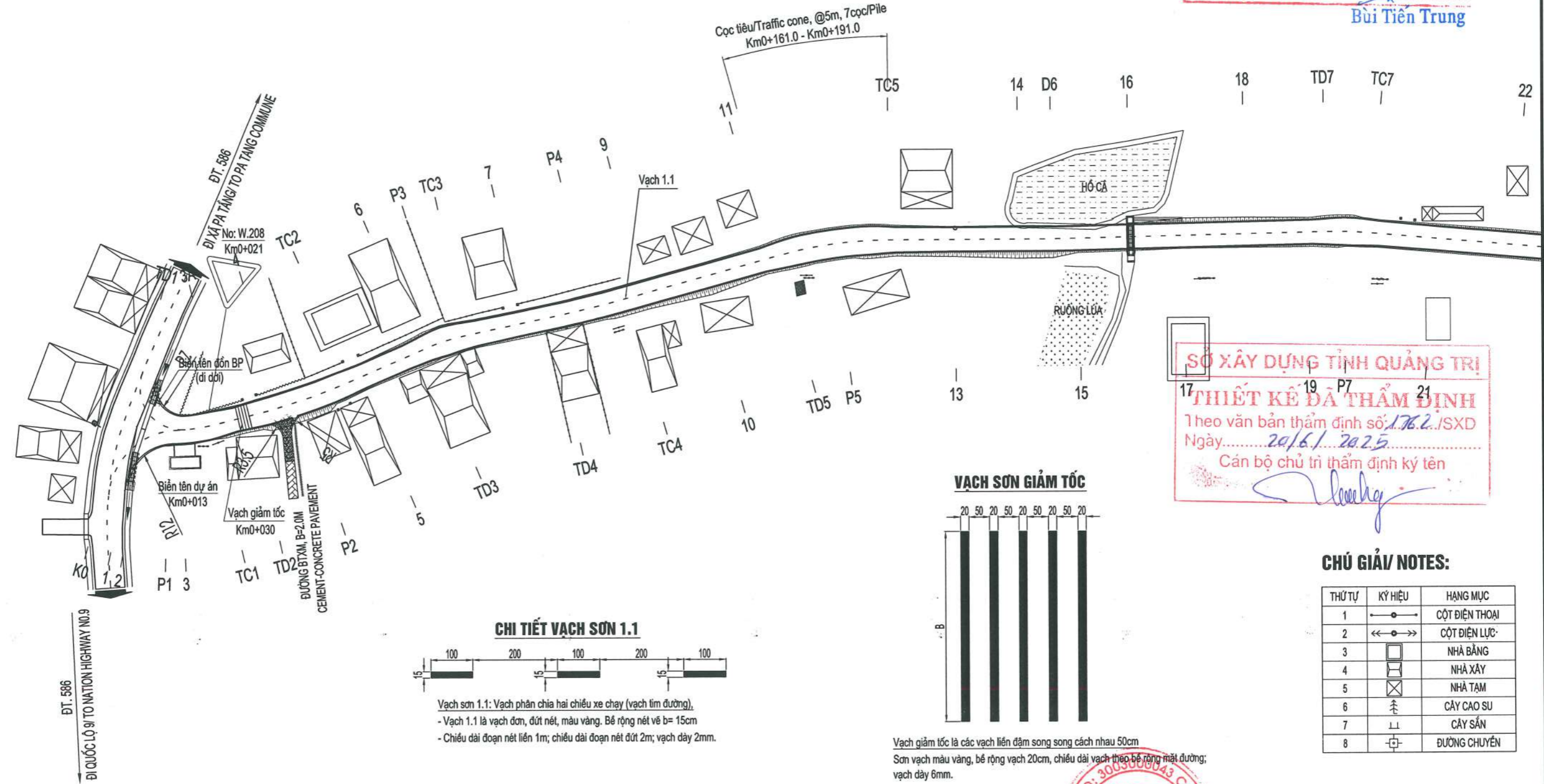
BẢN VẼ KỸ THUẬT THI CÔNG

TỶ LỆ: 1/10

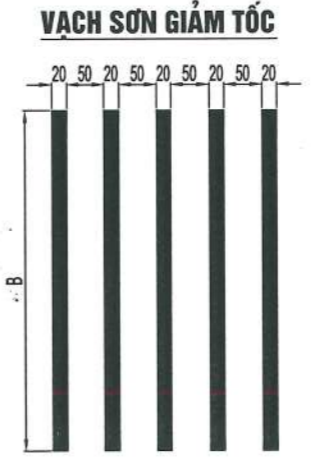
SỐ HIỆU BẢN VẼ: 110

**D. AN TOÀN GIAO THÔNG**  
**D. TRAFFIC SAFETY**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TỬ**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *Bùi Tiên Trung*  
 Họ tên người thẩm tra: **Bùi Tiên Trung**



**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *Nguyễn Hữu Duật*



Vạch giảm tốc là các vạch liền đậm song song cách nhau 50cm  
 Sơn vạch màu vàng, bề rộng vạch 20cm, chiều dài vạch theo bề rộng mặt đường;  
 vạch dày 6mm.

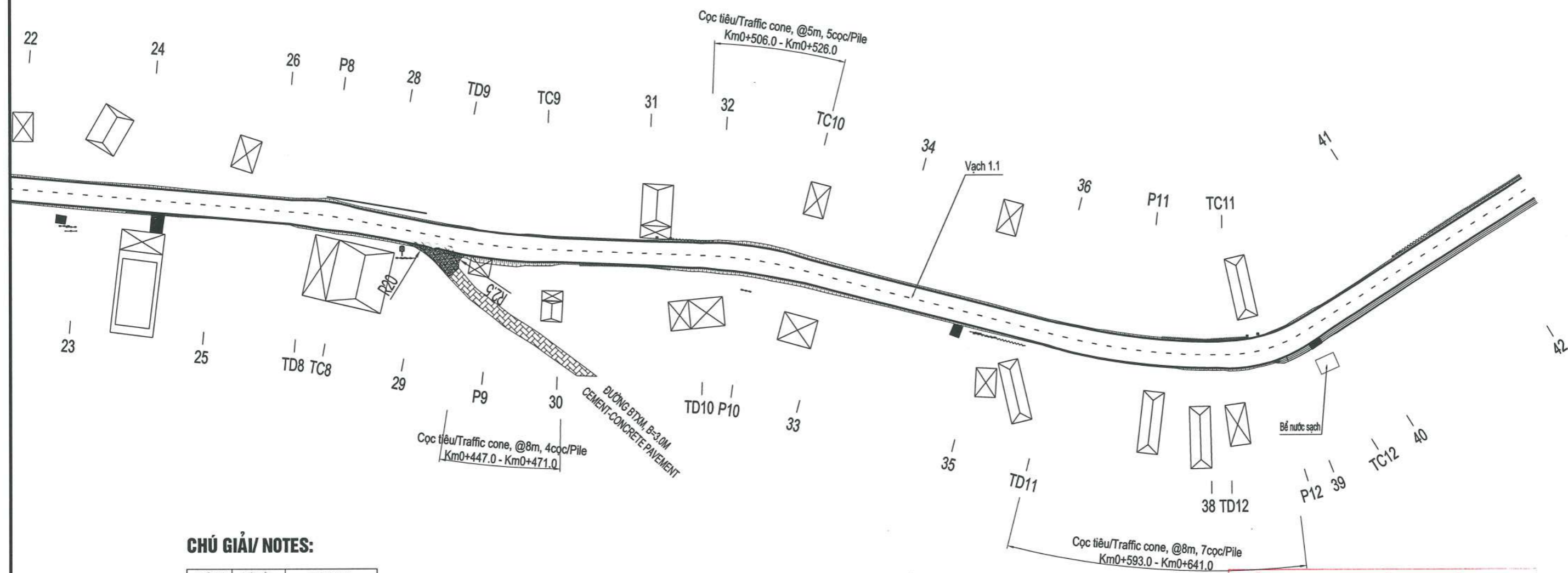


**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1	○	CỘT ĐIỆN THOẠI
2	←○→	CỘT ĐIỆN LỰC
3	□	NHÀ BĂNG
4	▣	NHÀ XÂY
5	⊠	NHÀ TẠM
6	⊕	CÂY CAO SU
7	⊖	CÂY SẴN
8	⊞	ĐƯỜNG CHUYỀN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH	QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: <i>Nguyễn Hữu Duật</i>	<b>BÌNH ĐỒ ATGT / PLAN OF ROAD</b> <b>LÝ TRÌNH/STA.: KM0+0.00 - KM0+337.87</b>
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÓA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIẾN	THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT	TỶ LỆ / SCALE: 1/1000 BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO.: 112
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	NGUYỄN HỮU HOA	LẦN XUẤT BẢN / REV:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung



**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1	—○—	CỘT ĐIỆN THOẠI
2	←○→	CỘT ĐIỆN LỰC
3	□	NHÀ BĂNG
4	▭	NHÀ XÂY
5	⊗	NHÀ TẠM
6	⊕	CÂY CAO SU
7	⊥	CÂY SẴN
8	⊠	ĐƯỜNG CHUYỂN

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762/SXD  
 Ngày: 20/01/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN:** ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
 MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE  
**CĐT & QLDA:** BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ  
 PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD  
**LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC**  
 CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

**DỰ ÁN:** XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ  
 PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE  
 TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÓA  
 SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT  
**THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN**

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN / PROJECT MANAGER	LÊ MINH CHÍNH	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER	NGUYỄN LÊ HIỂN	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ / DESIGN BY	NGUYỄN HỮU DUẬT	<i>[Signature]</i>
K.C.S / QUALITY CONTROL	NGUYỄN HỮU HOA	<i>[Signature]</i>

QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025  
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
 PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
 TỰ VẤN GIÁM ĐỐC / DIRECTOR  
**PHÚC THÀNH**  
 NGUYỄN HỮU HOA

**BÌNH ĐỒ ATGT / PLAN OF ROAD**  
**LÝ TRÌNH/STA.: KM0+337.87 - KM0+704.66**  
 TỶ LỆ / SCALE:  
 BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 113  
 LẦN XUẤT BẢN / REV:  
 MÃ SỐ / CODE:

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT T

**ĐÃ THẨM TRA**

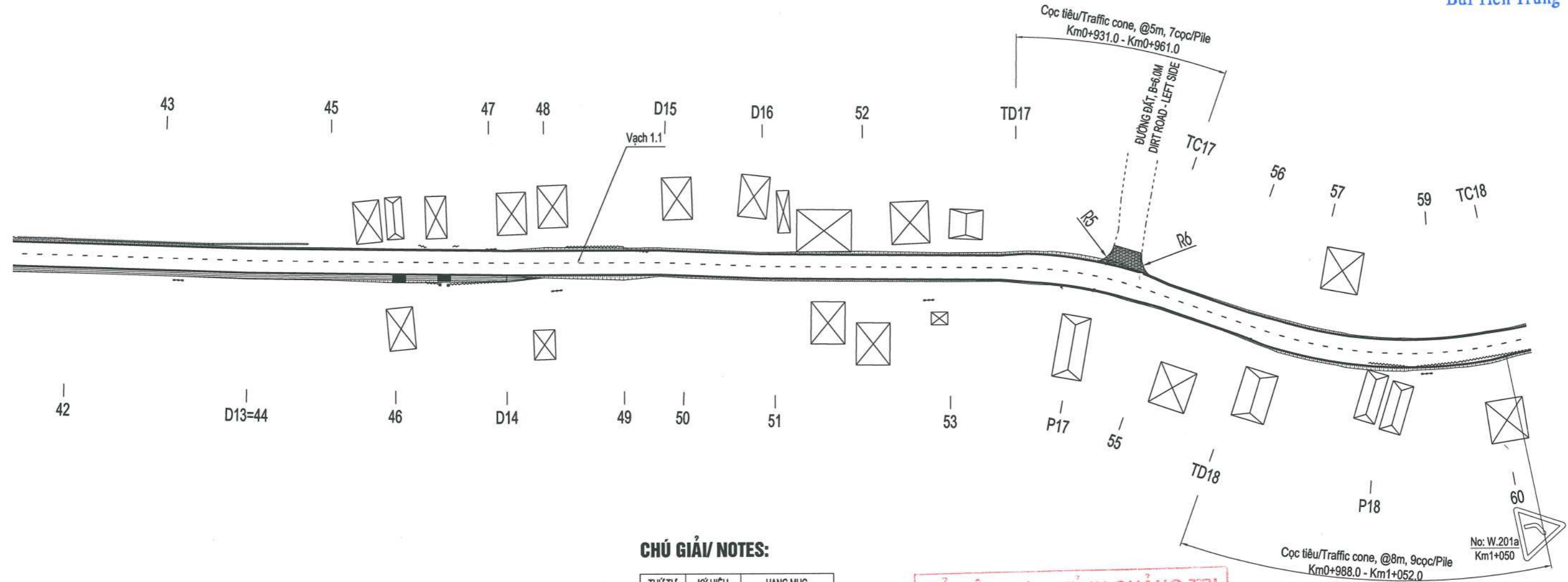
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT

Ngày thẩm tra: 15/03/2025

Chữ ký người thẩm tra:

Họ tên người thẩm tra:

*Bùi Tiến Trung*  
Bùi Tiến Trung



**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1	—●—	CỘT ĐIỆN THOẠI
2	←●→	CỘT ĐIỆN LỰC
3	□	NHÀ BẰNG
4	▤	NHÀ XÂY
5	⊗	NHÀ TẠM
6	⌚	CÂY CAO SU
7	⌚	CÂY SẴN
8	⊕	ĐƯỜNG CHUYỂN

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**

**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**

Theo văn bản thẩm định số: 1762./SXĐ

Ngày: 20/6/2025

Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

*Nguyễn Hữu Hoa*

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER	LÊ MINH CHÍNH	<i>LMC</i>
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER	NGUYỄN LÊ HIỂN	<i>NLH</i>
THIẾT KẾ / DESIGN BY	NGUYỄN HỮU DUẬT	<i>NHD</i>
K.C.S / QUALITY CONTROL	NGUYỄN HỮU HOA	<i>NHH</i>

QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025  
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
 PHÚC THÀNH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
 TỰ VẤN XÂY DỰNG / DIRECTOR  
 PHÚC THÀNH  
 NGUYỄN HỮU HOA

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE
CBT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

**DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE**  
 TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÓA  
 SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT AOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT  
**THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN**

<b>BÌNH ĐỒ ATGT / PLAN OF ROAD</b>	
LÝ TRÌNH/STA.: KM0+704.66 - KM1+060.65	
TỶ LỆ / SCALE:	BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 114
LẦN XUẤT BẢN / REV:	MÃ SỐ / CODE:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**

**ĐÃ THẨM TRA**

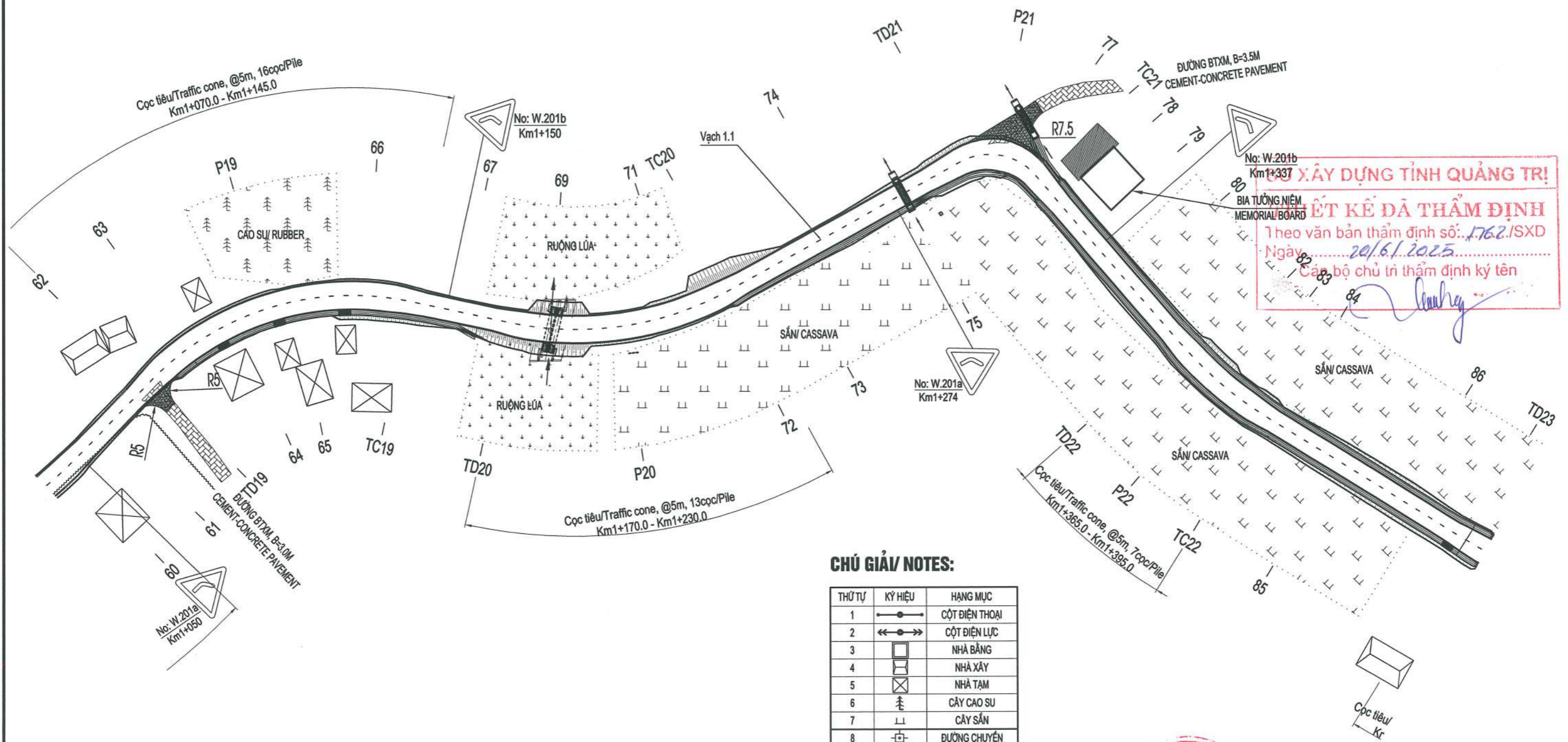
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 191/BC-TT

Ngày thẩm tra: 15/03/2025

Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*

Họ tên người thẩm tra: *[Signature]*

Bùi Tiên Trung

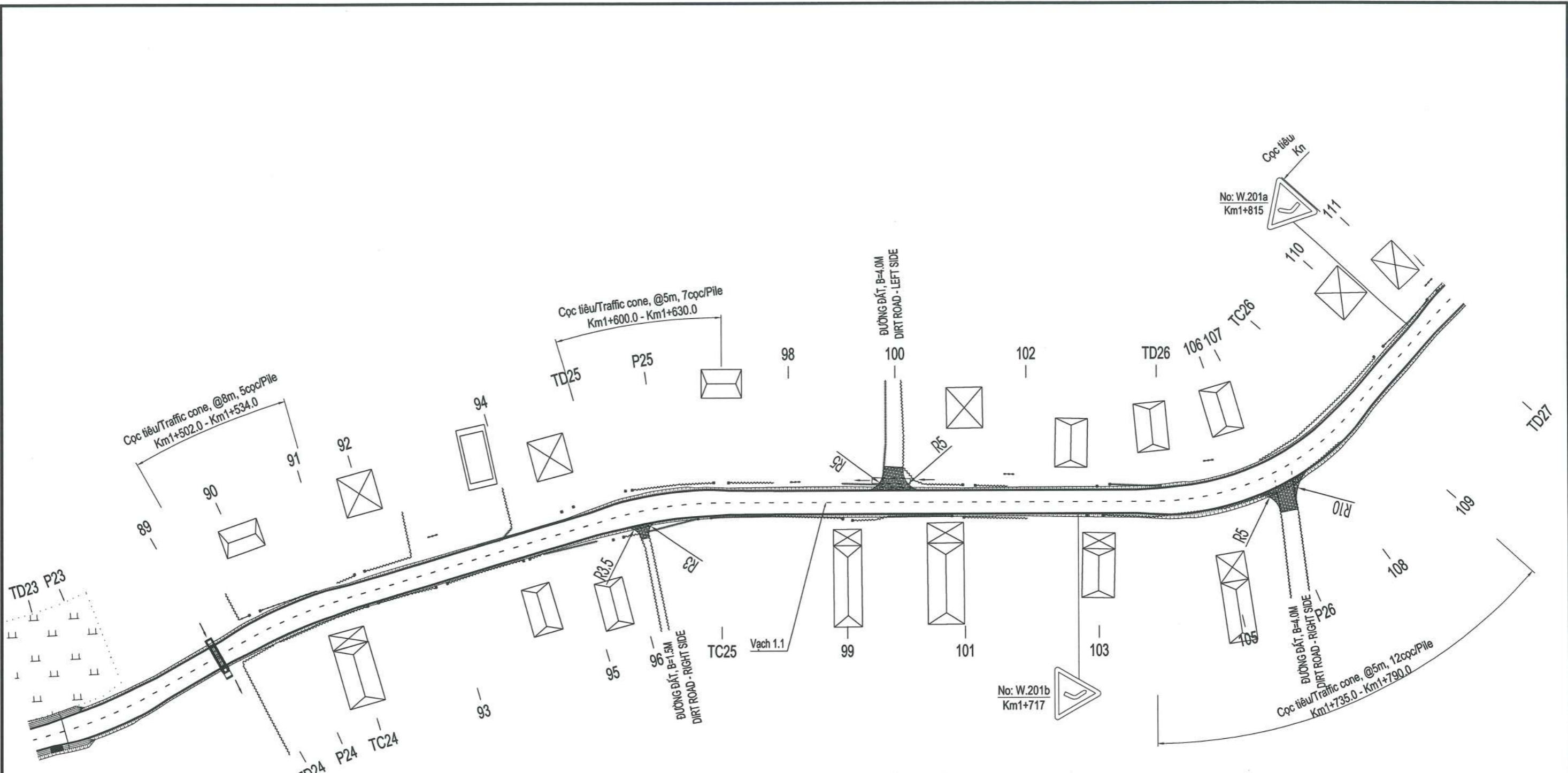


**PHỤ TẠM 1**  
**PHỤ TẠM 2**  
**PHỤ TẠM 3**  
**PHỤ TẠM 4**  
**PHỤ TẠM 5**  
**PHỤ TẠM 6**  
**PHỤ TẠM 7**  
**PHỤ TẠM 8**  
**PHỤ TẠM 9**  
**PHỤ TẠM 10**  
**PHỤ TẠM 11**  
**PHỤ TẠM 12**  
**PHỤ TẠM 13**  
**PHỤ TẠM 14**  
**PHỤ TẠM 15**  
**PHỤ TẠM 16**  
**PHỤ TẠM 17**  
**PHỤ TẠM 18**  
**PHỤ TẠM 19**  
**PHỤ TẠM 20**  
**PHỤ TẠM 21**  
**PHỤ TẠM 22**  
**PHỤ TẠM 23**  
**PHỤ TẠM 24**  
**PHỤ TẠM 25**  
**PHỤ TẠM 26**  
**PHỤ TẠM 27**  
**PHỤ TẠM 28**  
**PHỤ TẠM 29**  
**PHỤ TẠM 30**  
**PHỤ TẠM 31**  
**PHỤ TẠM 32**  
**PHỤ TẠM 33**  
**PHỤ TẠM 34**  
**PHỤ TẠM 35**  
**PHỤ TẠM 36**  
**PHỤ TẠM 37**  
**PHỤ TẠM 38**  
**PHỤ TẠM 39**  
**PHỤ TẠM 40**  
**PHỤ TẠM 41**  
**PHỤ TẠM 42**  
**PHỤ TẠM 43**  
**PHỤ TẠM 44**  
**PHỤ TẠM 45**  
**PHỤ TẠM 46**  
**PHỤ TẠM 47**  
**PHỤ TẠM 48**  
**PHỤ TẠM 49**  
**PHỤ TẠM 50**  
**PHỤ TẠM 51**  
**PHỤ TẠM 52**  
**PHỤ TẠM 53**  
**PHỤ TẠM 54**  
**PHỤ TẠM 55**  
**PHỤ TẠM 56**  
**PHỤ TẠM 57**  
**PHỤ TẠM 58**  
**PHỤ TẠM 59**  
**PHỤ TẠM 60**  
**PHỤ TẠM 61**  
**PHỤ TẠM 62**  
**PHỤ TẠM 63**  
**PHỤ TẠM 64**  
**PHỤ TẠM 65**  
**PHỤ TẠM 66**  
**PHỤ TẠM 67**  
**PHỤ TẠM 68**  
**PHỤ TẠM 69**  
**PHỤ TẠM 70**  
**PHỤ TẠM 71**  
**PHỤ TẠM 72**  
**PHỤ TẠM 73**  
**PHỤ TẠM 74**  
**PHỤ TẠM 75**  
**PHỤ TẠM 76**  
**PHỤ TẠM 77**  
**PHỤ TẠM 78**  
**PHỤ TẠM 79**  
**PHỤ TẠM 80**  
**PHỤ TẠM 81**  
**PHỤ TẠM 82**  
**PHỤ TẠM 83**  
**PHỤ TẠM 84**  
**PHỤ TẠM 85**  
**PHỤ TẠM 86**  
**PHỤ TẠM 87**  
**PHỤ TẠM 88**  
**PHỤ TẠM 89**  
**PHỤ TẠM 90**  
**PHỤ TẠM 91**  
**PHỤ TẠM 92**  
**PHỤ TẠM 93**  
**PHỤ TẠM 94**  
**PHỤ TẠM 95**  
**PHỤ TẠM 96**  
**PHỤ TẠM 97**  
**PHỤ TẠM 98**  
**PHỤ TẠM 99**  
**PHỤ TẠM 100**

**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1		CỘT ĐIỆN THOẠI
2		CỘT ĐIỆN LỰC
3		NHÀ BĂNG
4		NHÀ XÂY
5		NHÀ TẠM
6		CÂY CAO SU
7		CÂY SẴN
8		ĐƯỜNG CHUYỀN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÓA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ NHIỆM ĐÓNG ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY 22 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA	BÌNH ĐỒ ATGT / PLAN OF ROAD LÝ TRÌNH/STA.: KM1+060.65 - KM1+453.72
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	TỶ LỆ / SCALE: LẦN XUẤT BẢN / REV:	BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO.: 115 MÃ SỐ / CODE:	



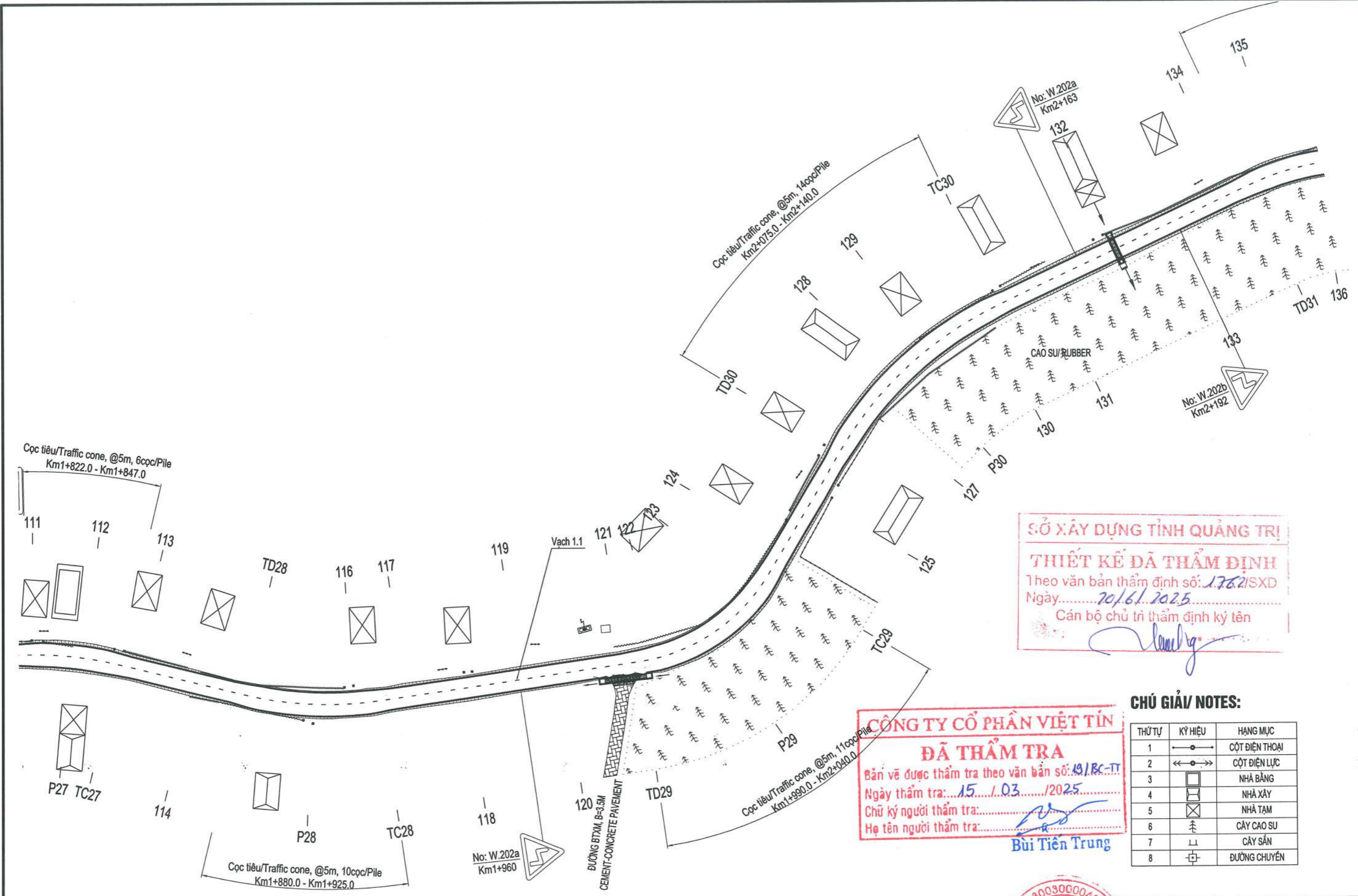
**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1		CỘT ĐIỆN THOẠI
2		CỘT ĐIỆN LỰC
3		NHÀ BẢNG
4		NHÀ XÂY
5		NHÀ TẠM
6		CÂY CAO SU
7		CÂY SẴN
8		ĐƯỜNG CHUYỂN

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 191/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra:   
 Họ tên người thẩm tra: **Bùi Tiên Trung**

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên:

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯƠNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA	<b>BÌNH ĐỒ ATGT / PLAN OF ROAD</b> <b>LÝ TRÌNH/STA.: KM1+453.72 - KM1+824.28</b> TỶ LỆ / SCALE: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 116 LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD				
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY				



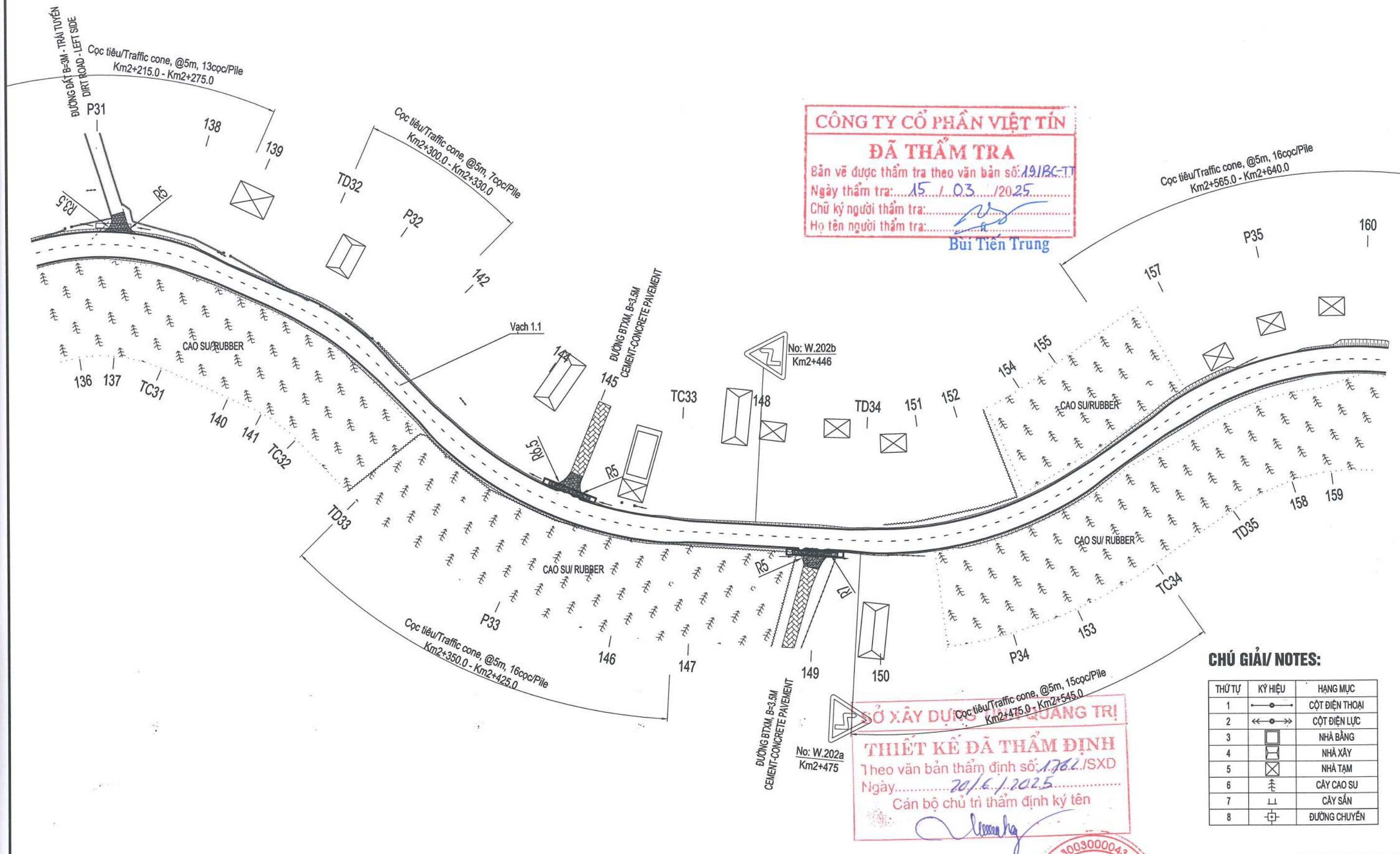
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: **Bùi Tiên Trung**

**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1		CỘT ĐIỆN THOẠI
2		CỘT ĐIỆN LỰC
3		NHÀ BẢNG
4		NHÀ XÂY
5		NHÀ TẠM
6		CÂY CAO SU
7		CÂY SẴN
8		ĐƯỜNG CHUYỀN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN	QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: <i>[Signature]</i>	<b>BÌNH ĐỒ ATGT / PLAN OF ROAD</b> <b>LÝ TRÌNH/STA.: KM1+824.28 - KM2+235.46</b>
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯƠNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT	THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	TỶ LỆ / SCALE: LẦN XUẤT BẢN / REV:	BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 117 MÃ SỐ / CODE:
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN			



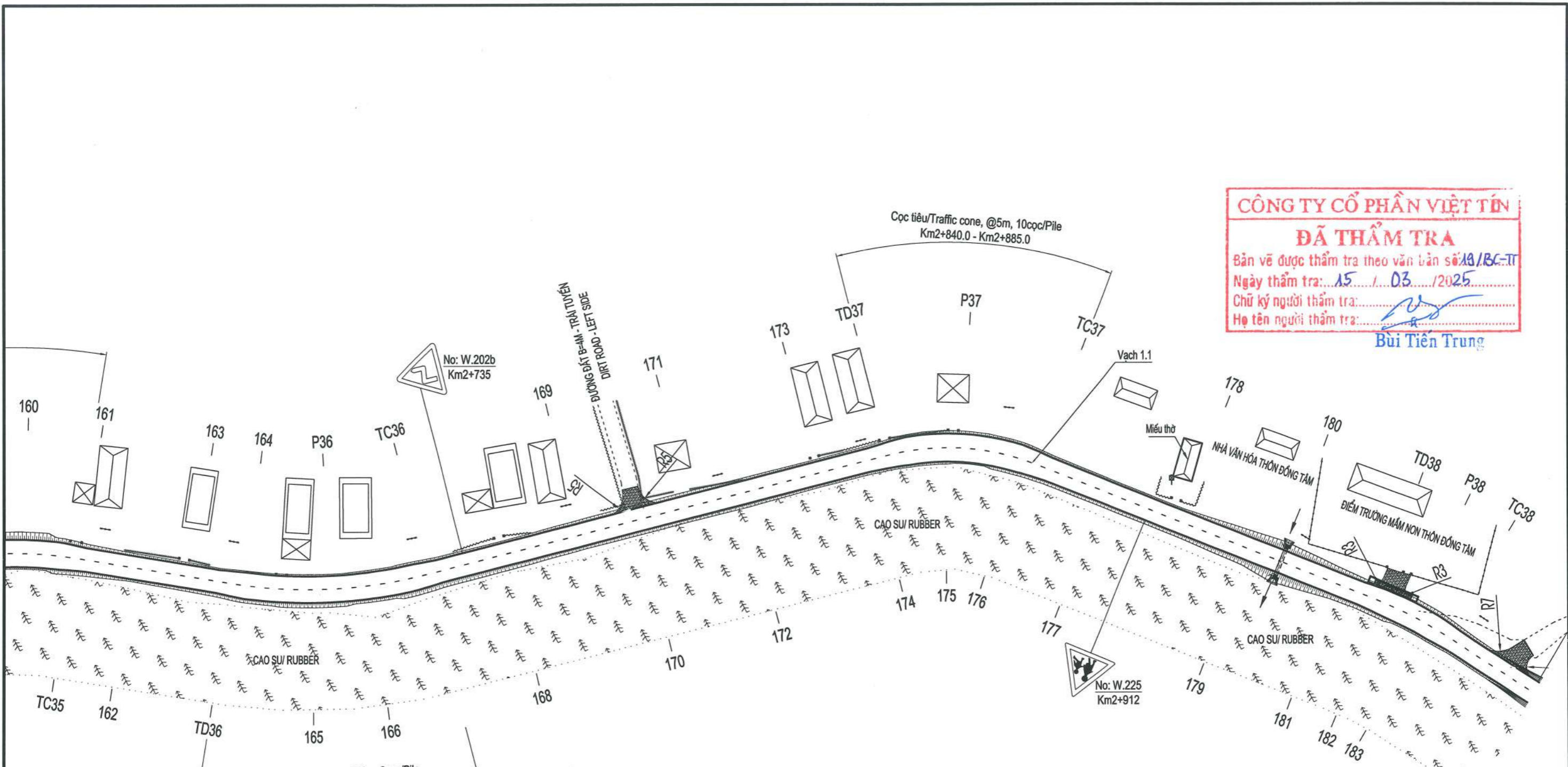
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 191/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15 / 03 / 2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *Bùi Tiên Trung*  
 Họ tên người thẩm tra: **Bùi Tiên Trung**

**SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762./SXĐ  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *Nguyễn Hữu Hoa*

**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1		CỘT ĐIỆN THOẠI
2		CỘT ĐIỆN LỰC
3		NHÀ BẰNG
4		NHÀ XÂY
5		NHÀ TẠM
6		CÂY CAO SU
7		CÂY SẴN
8		ĐƯỜNG CHUYỂN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DƠI, HUYỆN HƯỚNG HÓA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH	QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: <i>Nguyễn Hữu Hoa</i>	<b>BÌNH ĐỒ ATGT / PLAN OF ROAD</b> <b>LÝ TRÌNH/STA.: KM2+235.46 - KM2+624.60</b>	
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN	NGUYỄN HỮU HOA	TỶ LỆ / SCALE:	BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO.: 118
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY		THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUỆT	NGUYỄN HỮU HOA	LẦN XUẤT BẢN / REV:	MÃ SỐ / CODE:
		K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	NGUYỄN HỮU HOA		



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số 18/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15 / 03 / 2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: **Bùi Tiến Trung**

**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1		CỘT ĐIỆN THOẠI
2		CỘT ĐIỆN LỰC
3		NHÀ BẰNG
4		NHÀ XÂY
5		NHÀ TẠM
6		CÂY CAO SU
7		CÂY SỎ
8		ĐƯỜNG CHUYỂN

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số 1762/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên: *[Signature]*

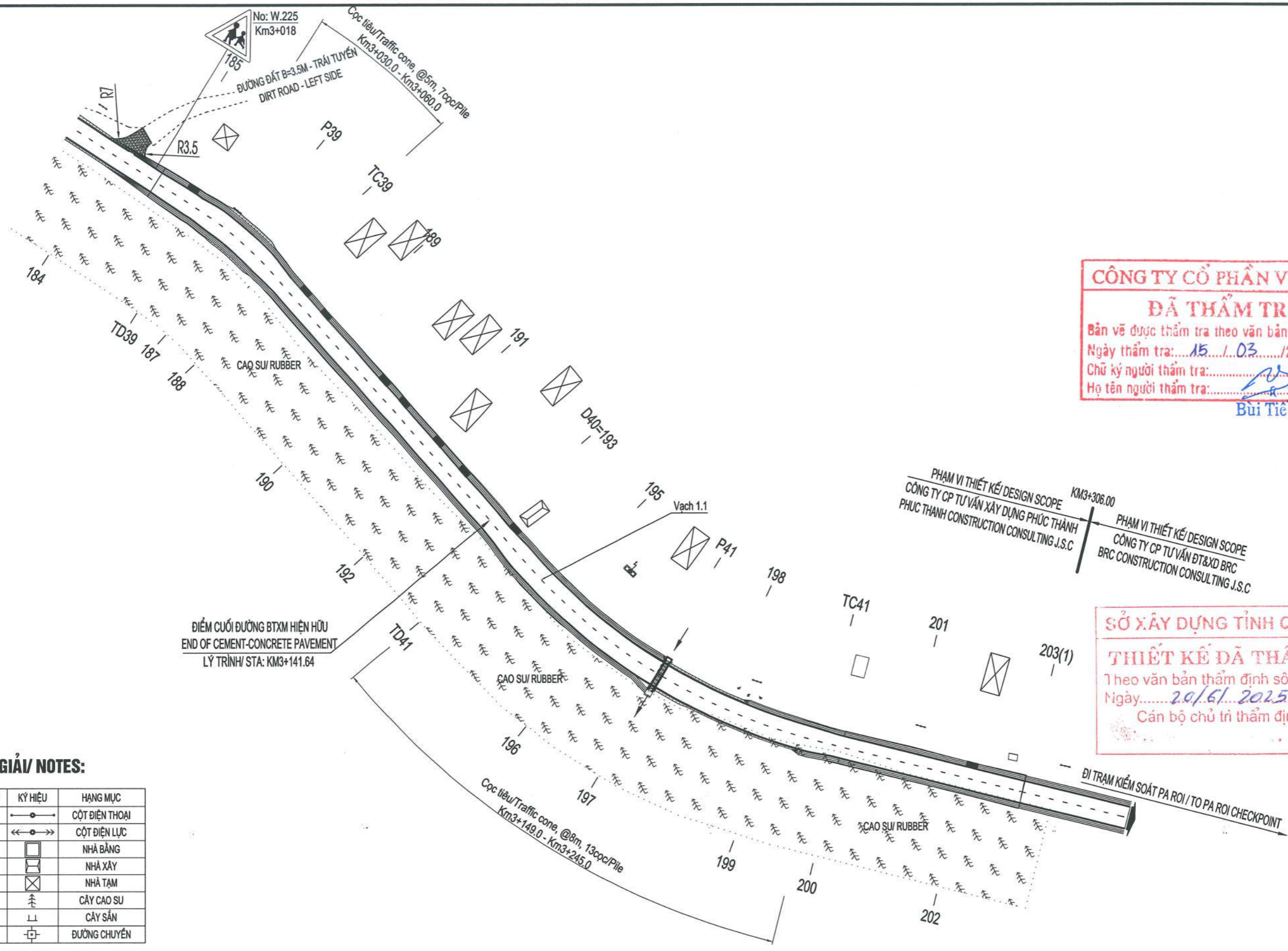
**CƠ QUAN CHỦ QUẢN:** ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
 MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE  
**CĐT & QLDA:** BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ  
 PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD  
**LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC**  
 CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

**DỰ ÁN:** XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ  
 PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE  
 TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A ĐOI, HUYỆN HƯỚNG HÓA  
 SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT  
**THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN**

**CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER:** LÊ MINH CHÍNH  
**CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER:** NGUYỄN LÊ HIỂN  
**THIẾT KẾ / DESIGN BY:** NGUYỄN HỮU DUẬT  
**K.C.S / QUALITY CONTROL:** NGUYỄN HỮU HOA

QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025  
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
 PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
**GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:** NGUYỄN HỮU HOA

**BÌNH ĐỒ ATGT / PLAN OF ROAD**  
**LÝ TRÌNH/STA.: KM2+624.60 - KM3+006.91**  
 TỶ LỆ / SCALE:  
 BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 119  
 LẦN XUẤT BẢN / REV:  
 MÃ SỐ / CODE:



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/18C-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

PHẠM VI THIẾT KẾ/DESIGN SCOPE  
 CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
 PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING J.S.C

PHẠM VI THIẾT KẾ/DESIGN SCOPE  
 CÔNG TY CP TƯ VẤN DT&XD BRC  
 BRC CONSTRUCTION CONSULTING J.S.C

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1762/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

ĐIỂM CUỐI ĐƯỜNG BTXM HIỆN HỮU  
 END OF CEMENT-CONCRETE PAVEMENT  
 LÝ TRÌNH/ STA: KM3+141.64

**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1		CỘT ĐIỆN THOẠI
2		CỘT ĐIỆN LỰC
3		NHÀ BẰNG
4		NHÀ XÂY
5		NHÀ TẠM
6		CÂY CAO SU
7		CÂY SỎN
8		ĐƯỜNG CHUYỂN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
 MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE  
 CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ  
 PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE  
 CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD  
 LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
 VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC  
 CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
 AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO  
 ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ  
 PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR  
 ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE  
 TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A ĐOI,  
 HUYỆN HƯỚNG HÒA  
 SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD  
 AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT  
 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

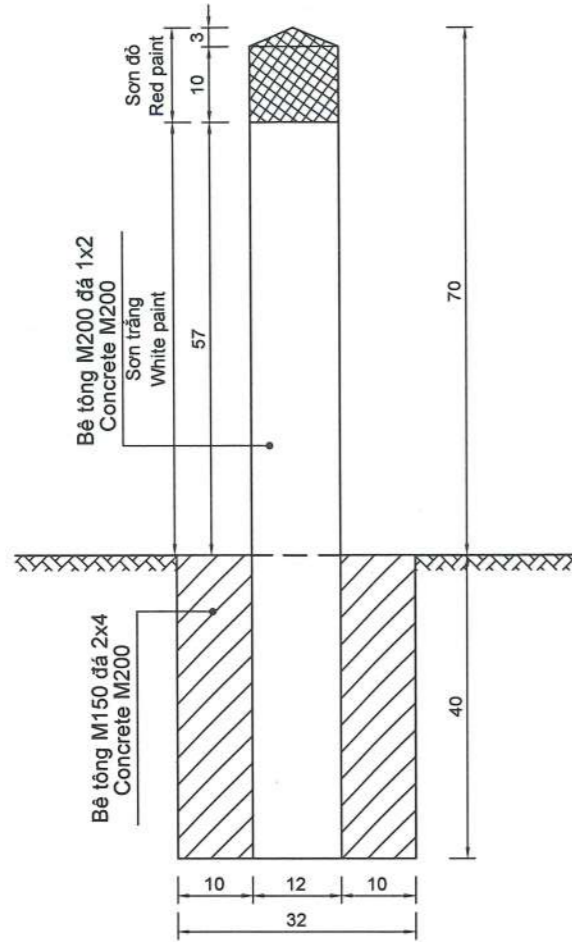
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER	LÊ MINH CHÍNH	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER	NGUYỄN LÊ HIỂN	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ / DESIGN BY	NGUYỄN HỮU DUẬT	<i>[Signature]</i>
K.C.S / QUALITY CONTROL	NGUYỄN HỮU HOA	<i>[Signature]</i>

QUẢNG TRỊ, NGÀY 29 THÁNG 6 NĂM 2025  
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
 PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
 GIÁM ĐỐC / DIRECTOR  
 NGUYỄN HỮU HOA

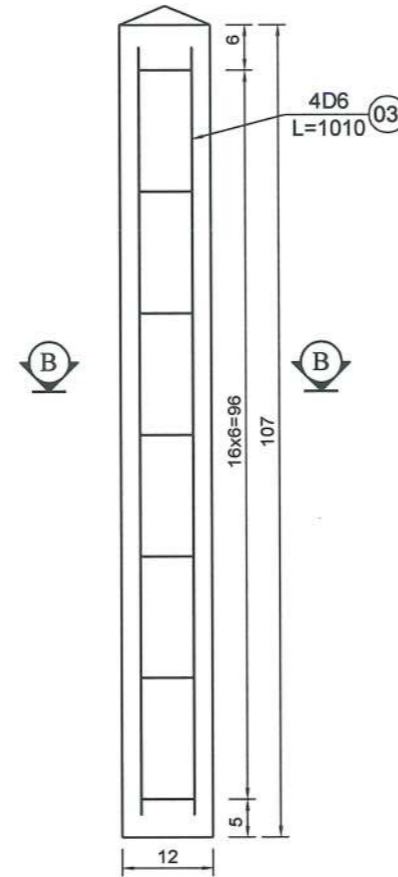
**BÌNH ĐỒ ATGT / PLAN OF ROAD**  
 LÝ TRÌNH/STA.: KM3+006.91 - KM3+306.00  
 TỶ LỆ / SCALE:  
 BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO.: 120  
 LẦN XUẤT BẢN / REV.:  
 MÃ SỐ / CODE:

**CẤU TẠO CỌC TIÊU, TL: 1/10**  
**STRUCTURE TRAFFIC CONE, SCALE: 1/10**

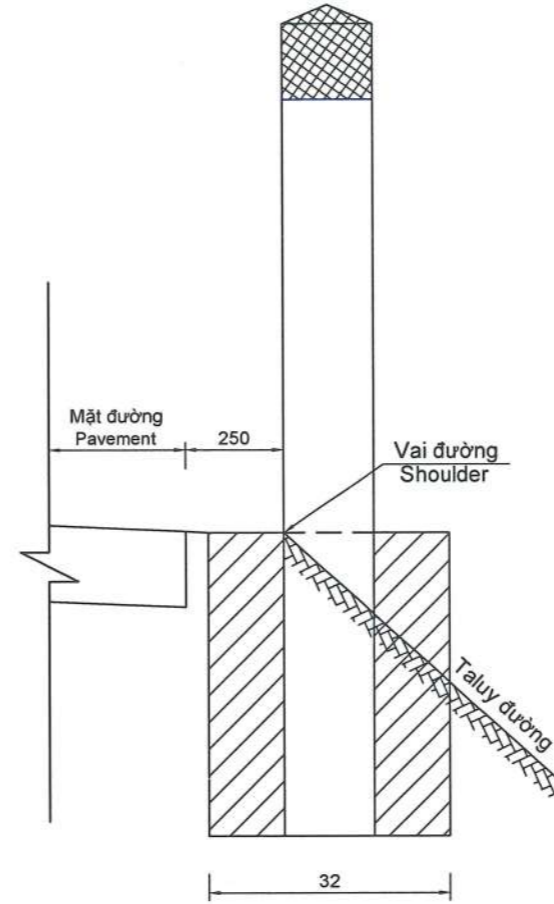
**MẶT CHÍNH DIỆN/ FRONT SURFACE**



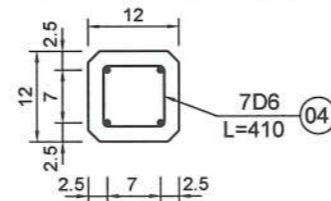
**BỐ TRÍ CỐT THÉP/ARRANGE STEEL**



**BỐ TRÍ CỌC TIÊU/TRAFFIC CONE ARRANGE**



**MẶT CẮT: B-B/SECTION B-B**



**BẢNG KHỐI LƯỢNG VẬT LIỆU 1 CỌC TIÊU/VOLUME TABLE**

Bê tông/ Concrete M200# (m3)	Bê tông/ Concrete M150# (m3)	Thép/Steel D6 (kg)	Sơn đỏ phản quang/ Reflective red paint (m2)	Sơn trắng 2 lớp/ 2 coats of white paint (m2)	Ván khuôn thép cọc/ Formwork (m2)	Đào móng đất C3/ Excavation (m3)
0,016	0,040	1,534	0,062	0,672	0,414	0,041

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT.  
Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

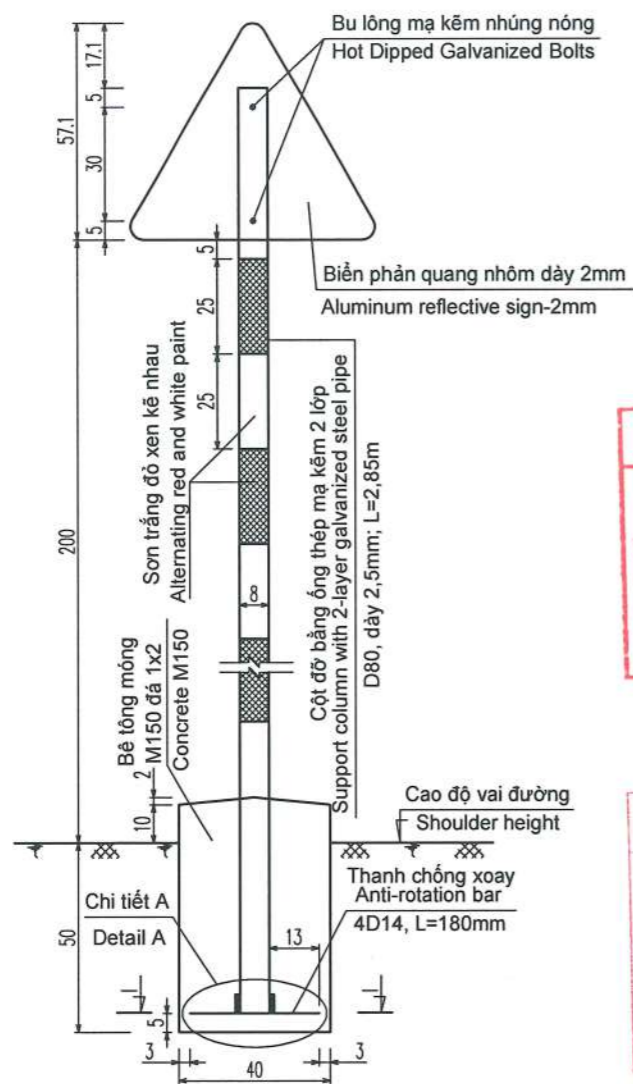
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1762/SXD  
Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

**THUYẾT MINH/NOTES:**

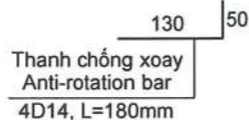
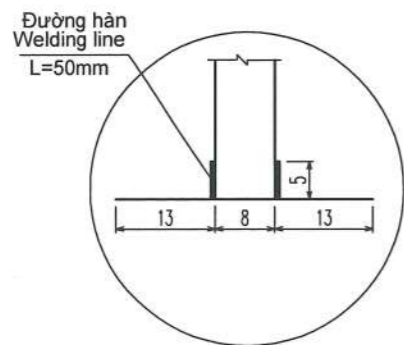
- Cọc tiêu thiết kế theo QCVN 41:2024/BGTVT ban hành theo thông tư số 51/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024.
- Piles designed according to QCVN 41:2024/BGTVT promulgated according to Circular No. 51/2024/TT-BGTVT dated November 15, 2024.
- Thân cọc tiêu bằng BTCT đúc sẵn lắp ghép M200# đá 1x2.
- Prefabricated reinforced concrete pile body with M200# stone 1x2.
- Bệ móng đổ bê tông tại chỗ M150# đá 2x4./Concrete M150.
- Đối với đường XD mới hoặc nâng cấp cải tạo. Cọc tiêu cắm sát vai đường và mép trong của cọc cách đều mép phần xe chạy tối thiểu 0,5m, lượn đều theo mép phần xe chạy trừ trường hợp bị vướng chướng ngại vật.
- For new road construction or upgrading. The pepper stakes are plugged close to the shoulder of the road and the inside edge of the pile is evenly spaced from the edge
- At least 0.5m in the running part of the vehicle, gliding along the edge of the moving part, except in the case of obstacles.
- Đối với đường đang sử dụng, lề đường không đủ rộng thì cọc tiêu cắm sát vai đường.
- For the road in use, the curb is not wide enough, the stakes should be plugged close to the shoulder of the road.
- Quy cách và màu sơn trên cọc theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.
- Specifications and paint colors on piles according to the National technical regulation on road signs QCVN 41:2024/BGTVT.
- Kích thước bản vẽ ghi bằng cm, kích thước thép ghi bằng mm.
- Drawing dimensions are in cm, steel dimensions are in mm.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER LÊ MINH CHÍNH	QUẢNG TRỊ, NGÀY 21 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHÚC THÀNH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	CẤU TẠO CỌC TIÊU STRUCTURE TRAFFIC CONE
CDT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DƠI, HUYỆN HƯỚNG HÓA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER NGUYỄN LÊ HIỂN	GIÁM ĐỐC / DIRECTOR NGUYỄN HỮU HOA	
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	THIẾT KẾ / DESIGN BY NGUYỄN HỮU DUẬT	PHÚC THÀNH	TỶ LỆ / SCALE: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 121
		K.C.S / QUALITY CONTROL NGUYỄN HỮU HOA	PHÚC THÀNH	LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:

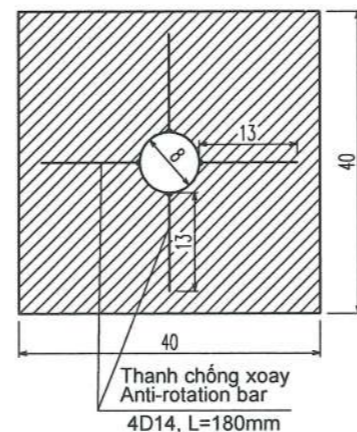
**TRỤ ĐỠ BIỂN BÁO/SIGNAL PILE**



**CHI TIẾT A, TL:1/10  
DETAIL, SCALE:1/10**



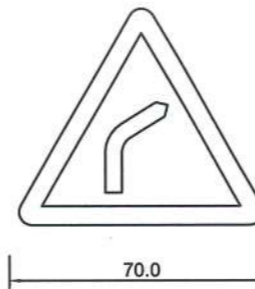
**MẶT CẮT I-I, TL:1/10  
SECTION I-I, SCALE:1/10**



**TẤM BIỂN BÁO/SIGNBOARD**



Biển số: W.201a  
(chỗ ngoặt nguy hiểm vòng bên trái)  
Road signs: W.201a  
(Dangerous turn left)



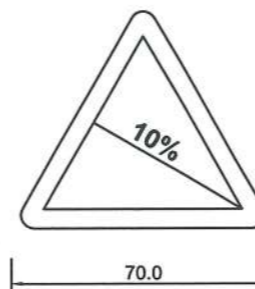
Biển số: W.201b  
(chỗ ngoặt nguy hiểm vòng bên phải)  
Road signs: W.201b  
(Dangerous turn right)



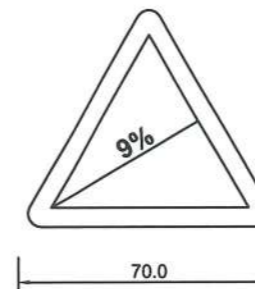
Biển số: W.202a  
(nhiều chỗ ngoặt nguy hiểm liên tiếp mà chỗ ngoặt đầu tiên hướng vòng bên trái)  
Road signs: W.202a  
(Many dangerous turns in a row the first turn goes around to the left)



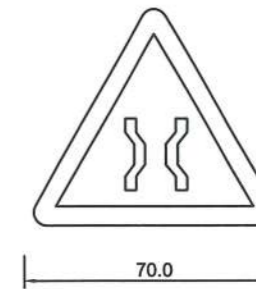
Biển số: W.202b  
(nhiều chỗ ngoặt nguy hiểm liên tiếp mà chỗ ngoặt đầu tiên hướng vòng bên phải)  
Road signs: W.202b  
(Many dangerous turns in a row the first turn turns to the right)



Biển số: W.219  
(đốc xuống nguy hiểm)  
Road signs: W.219  
(Dangerous downhill)



Biển số: W.220  
(đốc lên nguy hiểm)  
Road signs: W.220  
(Dangerous slope)



Biển số: W.212  
(cầu hẹp)  
Road signs: W.212  
(Narrow bridge)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BK-TT  
Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
Chữ ký người thẩm tra: [Signature]  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 1762/SXD  
Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

**GHI CHÚ/NOTES:**

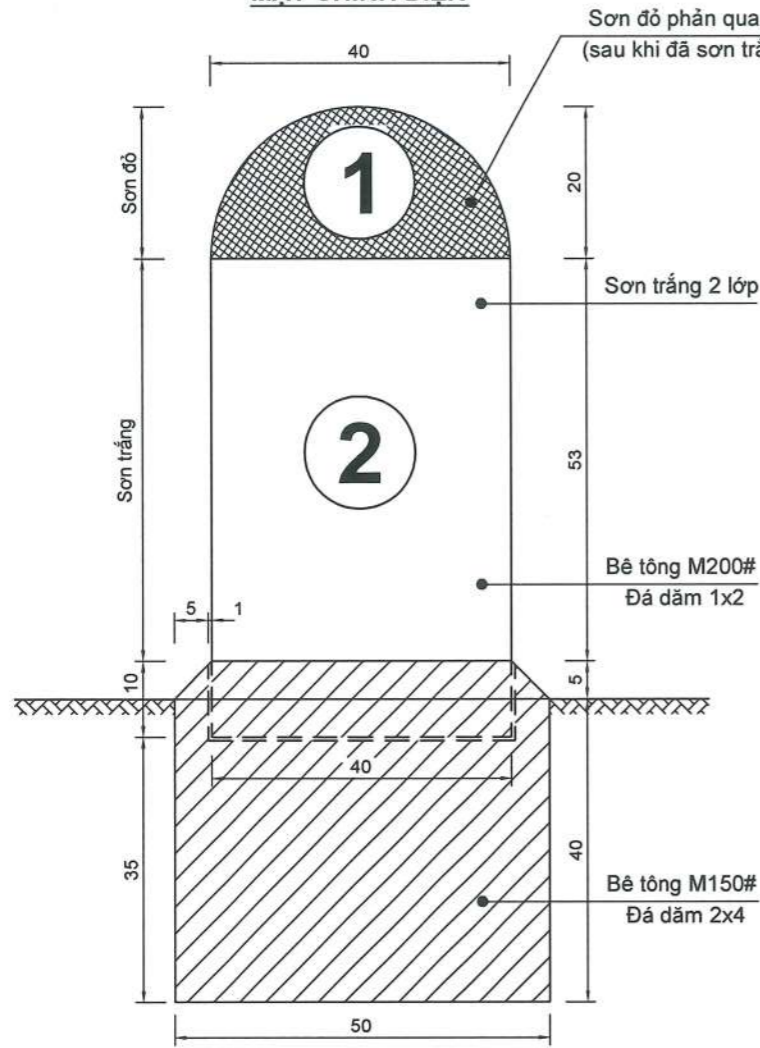
- Biển báo hiệu đường bộ tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 41:2024/BGTVT của Bộ GTVT ban hành theo thông tư số 51/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024.
- Road signs comply with National technical regulation QCVN 41:2024/BGTVT issued by the Ministry of Transport under the Circular No. 51/2024/TT-BGTVT dated November 15, 2024.
- Biển được đặt thẳng đứng, mặt biển đối diện vuông góc với chiều đi. Mép ngoài của biển theo phương ngang đường phải cách mép phần xe chạy tối thiểu là 0,5m và tối đa là 1,7m.
- The sign is placed vertically, the opposite sign surface is perpendicular to the direction of travel. The outer edge of the sign in the horizontal direction, must be at least 0.5m from the edge of the vehicle and a maximum of 1.7m.
- Trường hợp không có lề đường, hè đường, khuất tầm nhìn hoặc các trường hợp đặc biệt khác được phép điều chỉnh theo phương ngang nhưng mép biển phía phần xe chạy không được chồm lên mép phần đường xe chạy và cách mép phần đường xe chạy không quá 3,5m.
- In the absence of curbs, pavements, out of sight or other special circumstances horizontal adjustment is allowed, but the edge of the sign on the side of the vehicle must not slant on the edge of the roadway and no more than 3.5m from the edge of the roadway.
- Cột đỡ biển sơn từng đoạn trắng đỏ xen kẽ nhau, chiều rộng mỗi đoạn sơn là 25cm. sơn 3 lớp: lớp lót bằng chất xử lý bề mặt CXL-WP và hai lớp phủ ngoài bằng sơn EPOXY S.EP-P1.
- The pillar supporting the sign is painted with alternating red and white sections, the width of each painted section is 25cm. 3 coats of paint: primer with CXL-WP surface treatment and two top coats with EPOXY S.EP-P1 paint.
- Kích thước bản vẽ ghi bằng cm, kích thước thép ghi bằng mm.
- Drawing dimensions are in cm, steel dimensions are in mm.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER LÊ MINH CHÍNH	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER NGUYỄN LÊ HIỂN	THIẾT KẾ / DESIGN BY NGUYỄN HỮU DUẬT	K.C.S / QUALITY CONTROL NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY 22 THÁNG 6 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSULTING JOINT STOCK COMPANY CHỨC VỤ: GIÁM ĐỐC / DIRECTOR TU VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH NGUYỄN HỮU HOA	CẤU TẠO BIỂN BÁO STRUCTURE ROAD SIGNS TỶ LỆ / SCALE: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 122 LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:
---	---	--	--	---	---	--	---

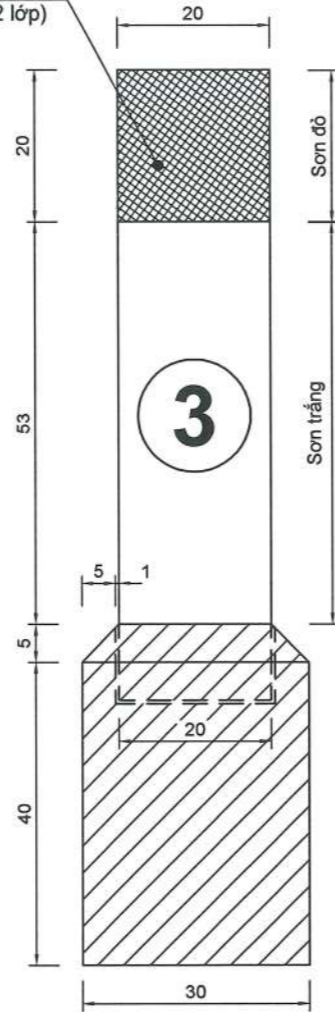
**CẤU TẠO CỘT KILÔMÉT**

TỶ LỆ 1/10

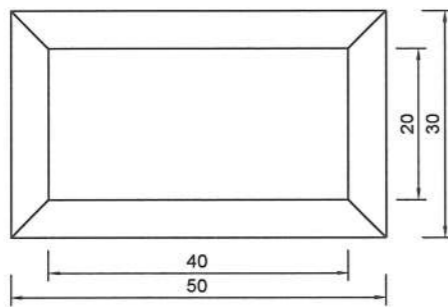
**MẶT CHÍNH DIỆN**



**BỐ TRÍ CỘT THÉP**



**MẶT BẰNG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 10/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**KHỐI LƯỢNG VẬT LIỆU 1 CỘT KM**

Bê tông M200# (m3)	Bê tông M150# (m3)	Sơn đỏ phản quang (m2)	Sơn trắng 2 lớp (m2)	Ván khuôn thép cột (m2)	Đào móng đất C3 (m3)
0,063	0,058	0,251	1,774	0,772	0,060

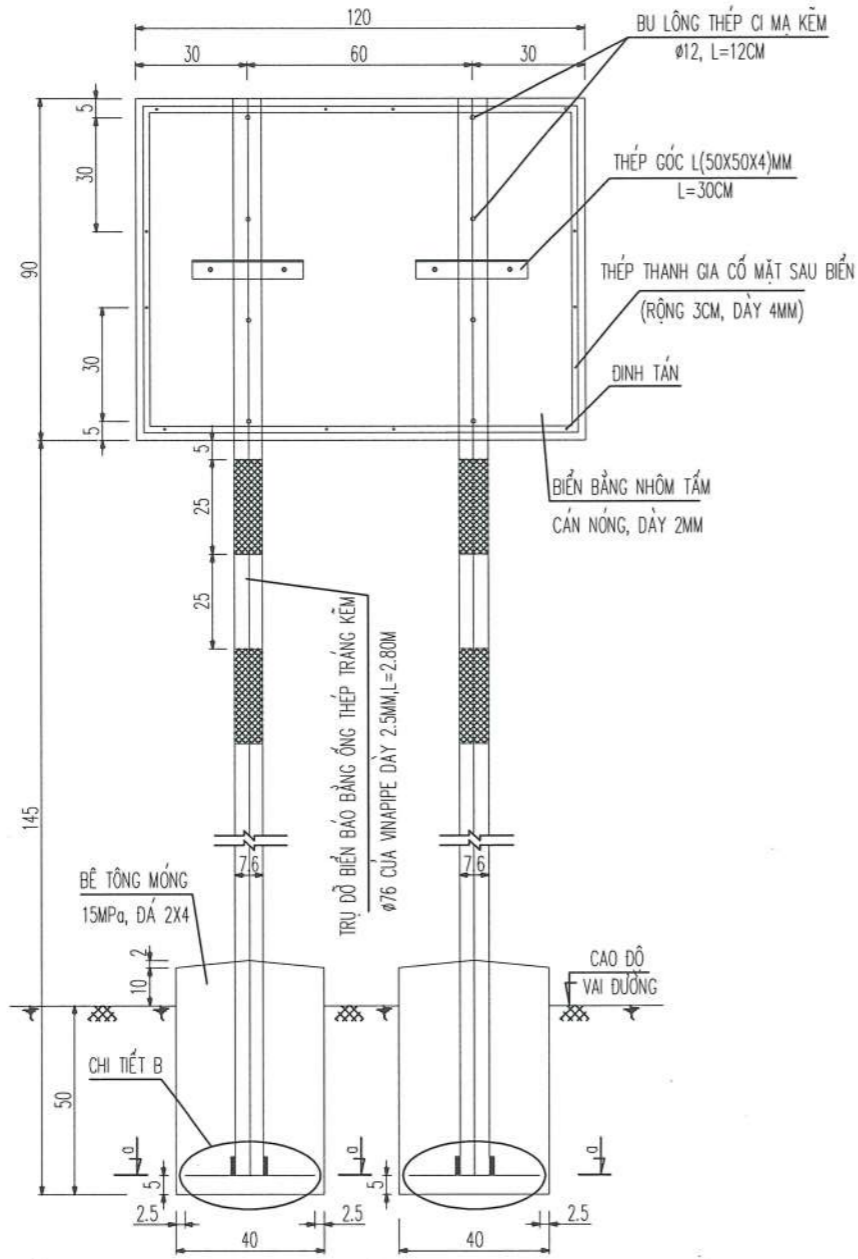
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 1702/SXD  
 Ngày: 20/6/2025  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

**THUYẾT MINH:**

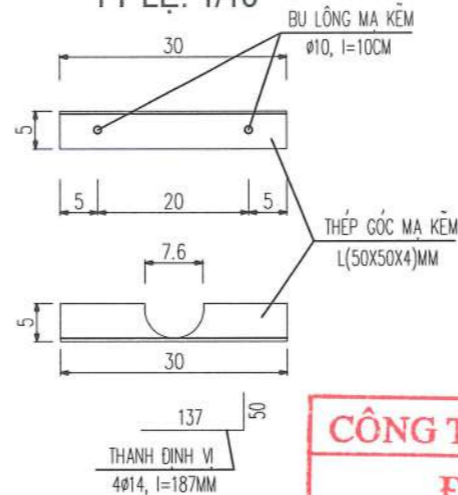
- Cột Kilômét thiết kế theo QCVN 41:2024/BGTVT ban hành theo thông tư số 51/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024.
- Thân cột Kilômét bằng BTCT đúc sẵn lắp ghép M200# đá 1x2.
- Bệ móng đổ bê tông tại chỗ M150# đá 2x4.
- Cột Kilômét được đặt về phía tay phải theo hướng đi từ điểm đầu (điểm góc đường) đến điểm cuối tuyến đường. Trong trường hợp khó khăn có thể đặt cột kilômét về phía tay trái.
- Vị trí đặt cột Kilômét theo hướng cắt ngang đường như quy định ở vị trí chôn cọc tiêu tại mục 59.1 và 59.2 điều 59 của Quy chuẩn này. Nếu đường qua khu đông dân cư đã có hệ đường cao hơn phần xe chạy thì cột Kilômét đặt trên hè đường cách mép phần xe chạy 0,75m (tính đến tim cột).
- Vị trí đặt cột Kilômét theo chiều dọc đường là khoảng cách chẵn 1.000m của tim đường bắt đầu từ điểm góc đường. Điểm góc đường gọi là "Km 0".
- Khi không thể đặt cột Kilômét chính xác tại lý trình yêu cầu do vướng chướng ngại vật thì cho phép dịch chuyển cột trong cự ly 50m theo phương dọc đường.
- Chữ số ghi trên cọc H khắc chìm sâu (3-5)mm.
- Kích thước bản vẽ ghi bằng cm, kích thước thép ghi bằng mm.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH	QUẢNG TRỊ, NGÀY 26 THÁNG 6 NĂM 2025	CẤU TẠO CỘC KM KM PILE STRUCTURE
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT	GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA	TỶ LỆ / SCALE:
		K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA		BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 123
				LẦN XUẤT BẢN / REV:
				MÃ SỐ / CODE:

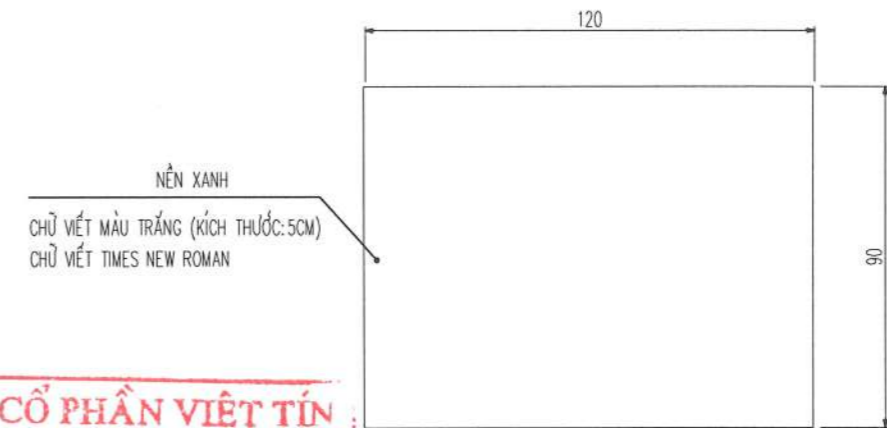
**TRỤ ĐỠ BIỂN TÊN DỰ ÁN**  
TỶ LỆ: 1/20



**CHI TIẾT THÉP GÓC**  
TỶ LỆ: 1/10



**MẶT TRƯỚC BIỂN TÊN DỰ ÁN**  
TỶ LỆ: 1/20



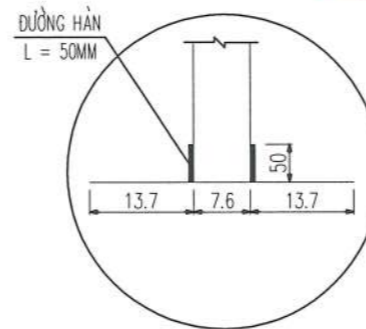
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
Chữ ký người thẩm tra: Bùi Tiến Trình  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trình

**BIỂN TÊN DỰ ÁN**

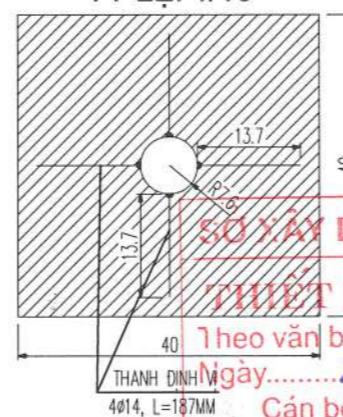
**KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT BIỂN TÊN DỰ ÁN**

HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1 THÉP TẮM CÁN NÓNG DÀY 2MM; KT (0.9x1.2)M	M2	1.08
2 TRỤ ĐỠ BIỂN DỰ ÁN Ø80 CỦA VINAPIPE DÀY 2.5MM, L=2.80M	M	5.6
3 BU LÔNG MẠ KẼM Ø12; L=12CM	CÁI	8
4 BU LÔNG MẠ KẼM Ø10; L=10CM	CÁI	4
5 THÉP GÓC MẠ KẼM L(50x50x4)MM	M	0.6
6 THÉP THANH GIA CỐ MẶT SAU BIỂN (RỘNG 3CM, DÀY 4MM)	M	3.88
7 THÉP ĐỊNH VỊ CHÂN CỘT Ø14 L=18,7CM (4THANH/CỘT)	M	1.496
8 BÊ TÔNG CHÂN CỘT M150 ĐÁ 2x4	M3	0.195
9 ĐINH TÁN	CÁI	12.0
10 ĐƯỜNG HÀN	MM	200

**CHI TIẾT B**  
TỶ LỆ: 1/10



**MẶT CẮT A-A**  
TỶ LỆ: 1/10



**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản thẩm định số: 76.2./SXĐ  
Ngày: 20/6/2025  
Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

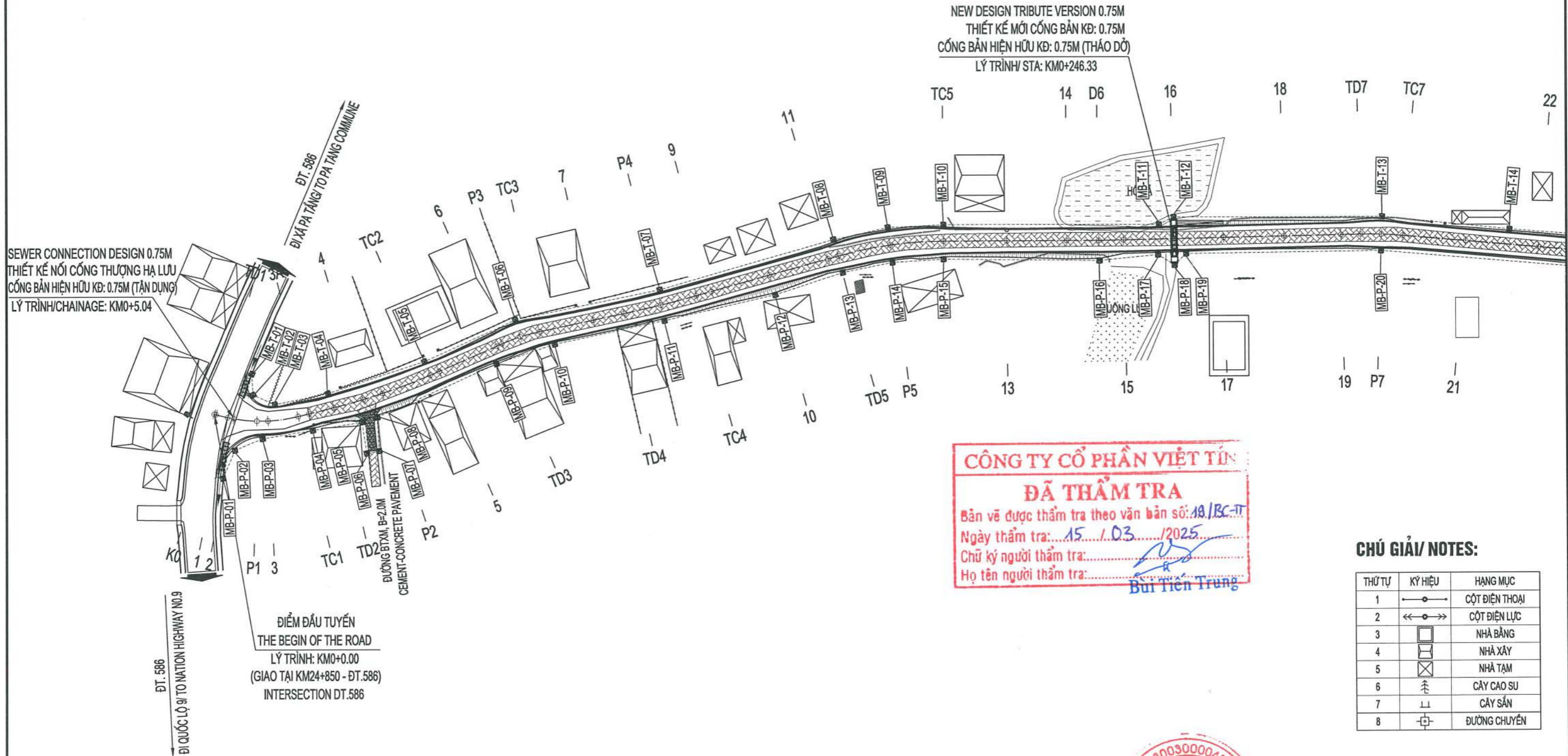
**GHI CHÚ:**

- KÍCH THƯỚC HÌNH VẼ VÀ CHỮ VIẾT TRÊN BIỂN TUÂN THEO ĐIỀU LỆ BẢO HIỆU ĐƯỜNG BỘ 22TCN237-01 CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN HÀNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 4393/2001/QĐ9-BGTVT NGÀY 20/12/2001.
- BIỂN ĐƯỢC ĐẶT VỀ PHÍA TAY PHẢI THEO CHIỀU ĐI, MÉP NGOÀI CÙNG CỦA BIỂN, PHÍA CHIỀU ĐI PHẢI CÁCH MÉP PHẦN XE CHẠY 0.5M VÀ QUAY BIẾN ĐỔI ĐIỆN VỚI HƯỚNG XE CHẠY.
- TRỤ ĐỠ BIỂN SƠN TỪNG ĐOẠN TRẮNG ĐỎ XEN KÉ NHAU, CHIỀU RỘNG MỖI ĐOẠN SƠN LÀ 25CM. SƠN MỘT LỚP SƠN LÓT BÊN TRONG VÀ HAI LỚP SƠN SPEC ( LOẠI SƠN NGOÀI) BÊN NGOÀI.
- THÉP GÓC PHẢI ĐƯỢC CẮT LỖ TRÒN VÀ LIÊN KẾT BẰNG ĐƯỜNG HÀN TRÊN TOÀN BỘ CUNG TRÒN TIẾP XÚC GIỮA THÉP GÓC VỚI ỐNG THÉP VÀ ĐƯỢC SƠN CHỐNG GỈ
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ GHI BẰNG CM, KÍCH THƯỚC THÉP GHI BẰNG MM.

<p>CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE</p> <p>CĐT &amp; QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD</p> <p>LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ &amp; XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY</p>	<p><b>DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ</b> <b>PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE</b></p> <p>Tiểu dự án: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A ĐOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT</p> <p>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</p>	<p>CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH</p> <p>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN</p> <p>THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT</p> <p>K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p>QUẢNG TRỊ, NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2025</p> <p>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY</p> <p>GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p><b>BIỂN TÊN CÔNG TRÌNH</b></p> <p>TỶ LỆ / SCALE: GHI TRÊN BẢN VẼ</p> <p>LẦN XUẤT BẢN / REV: GHI TRÊN BẢN VẼ</p> <p>BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 124</p> <p>MÃ SỐ / CODE: GHI TRÊN BẢN VẼ</p>
--	--	---	--	--

**E. CẤM CỌC GPMB  
E. SITE CLEARANCE**

\\m03\phuc thanh\01\C-trinh\2025\BAN QLDA TINH\3. DU AN CRIEM - A DOI\Ban ve (K0-K3+306) - PT\3a.BINH DO-GPMB (K0-KM3+306).dwg, 31-10-25 2:14:24 PM



NEW DESIGN TRIBUTE VERSION 0.75M  
 THIẾT KẾ MỚI CỐNG BÀN KØ: 0.75M  
 CỐNG BÀN HIỆN HỮU KØ: 0.75M (THẢO DÕ)  
 LÝ TRÌNH/ STA: K0+246.33

SEWER CONNECTION DESIGN 0.75M  
 THIẾT KẾ NỐI CỐNG THƯỢNG HẠ LƯU  
 CỐNG BÀN HIỆN HỮU KØ: 0.75M (TẬN DỤNG)  
 LÝ TRÌNH/CHAINAGE: K0+5.04

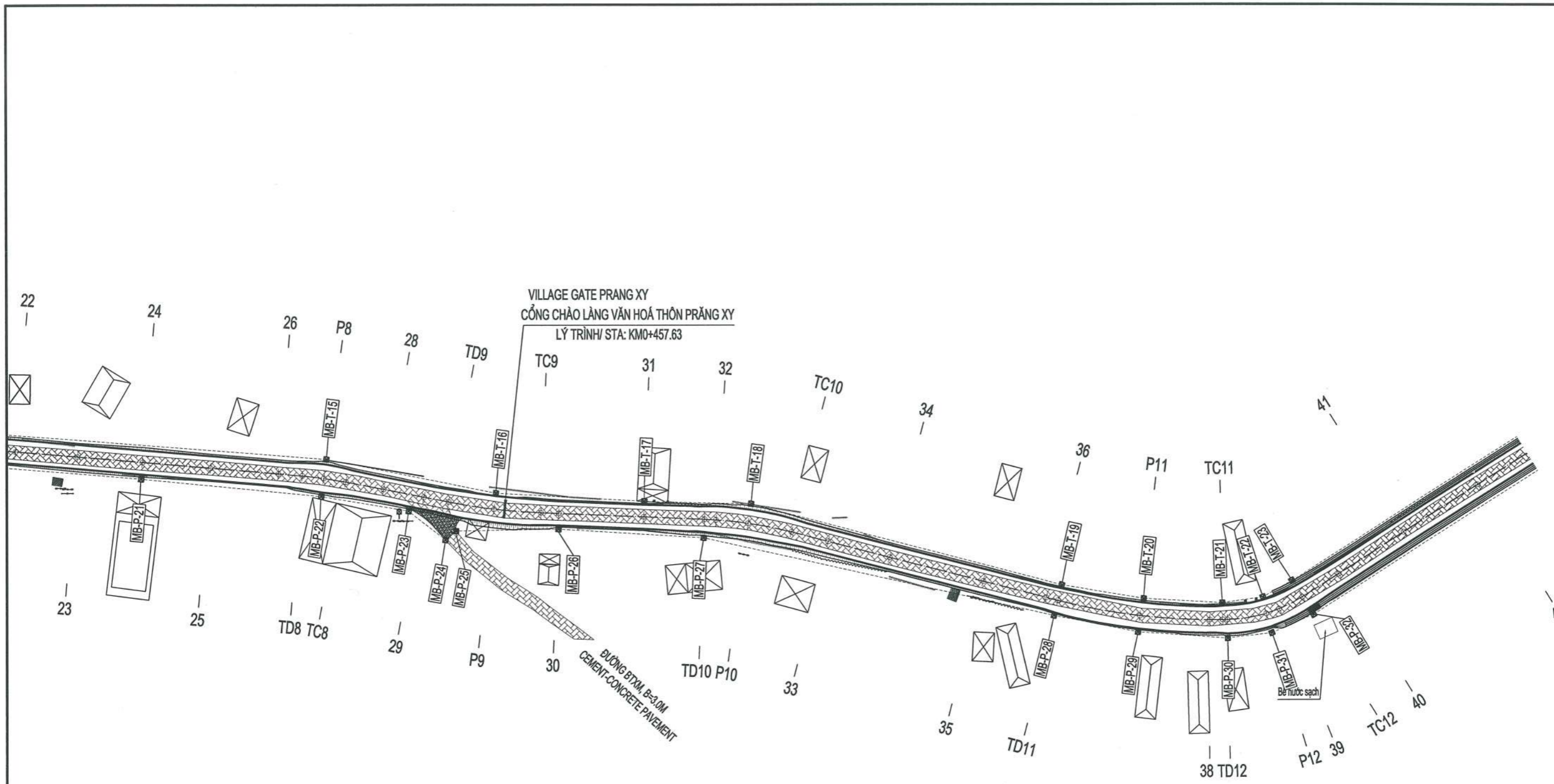
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 18/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/10/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1	—○—	CỘT ĐIỆN THOẠI
2	←○→	CỘT ĐIỆN LỰC
3	□	NHÀ BÀNG
4	▣	NHÀ XÂY
5	⊗	NHÀ TẠM
6	⊕	CÂY CAO SU
7	⊥	CÂY SẢN
8	⊞	ĐƯỜNG CHUYỂN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN	QUẢNG TRỊ, NGÀY THÁNG NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA	<b>BÌNH ĐỒ GPMB/ SITE CLEARANCE MAP</b> LÝ TRÌNH/STA.: K0+0.00 - K0+337.87
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DỜI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT	THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	TỶ LỆ / SCALE: 1/1000 LẦN XUẤT BẢN / REV:	BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 12 MÃ SỐ / CODE:
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN			

\\may03\PHUC THANH 01\C-trinh\2025\BAN QLDA TINH\3. DU AN CRIEM - A.DOI\Ban ve (K0-K3+306) - PT\3a.BINH DO-GPMB (K0-KM3+306).dwg, 31-10-25 2:15:21 PM



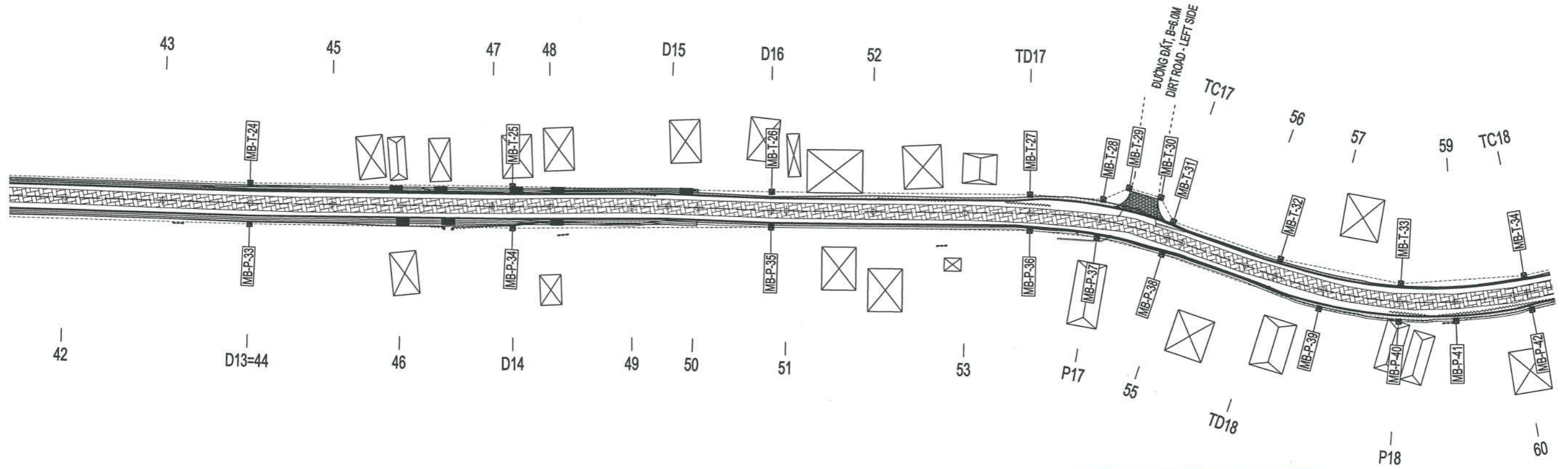
**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1	—○—	CỘT ĐIỆN THOẠI
2	←○→	CỘT ĐIỆN LỰC
3	□	NHÀ BẰNG
4	▣	NHÀ XÂY
5	⊗	NHÀ TẠM
6	⊕	CÂY CAO SU
7	⊥	CÂY SẮN
8	⊕	ĐƯỜNG CHUYỂN

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 10/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/10/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: **Bùi Tiên Trung**

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE  CHỦ T & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD  LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÓA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY THÁNG NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA	<b>BÌNH ĐỒ GPMB/ SITE CLEARANCE MAP</b> LÝ TRÌNH/STA.: KM0+337.87 - KM0+704.66  TỶ LỆ / SCALE: LẦN XUẤT BẢN / REV: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 122 MÃ SỐ / CODE:
--	---	--	---	--

\\mav03\PHUC THANH 01\C-trinh\2025\BAN QLDA TINH3. DU AN CRIEM - A DOI\Ban ve (K0-K3+306) - PT3a\BINH DO-GPMB (K0-KM3+306).dwg, 31-10-25 2:15:34 PM



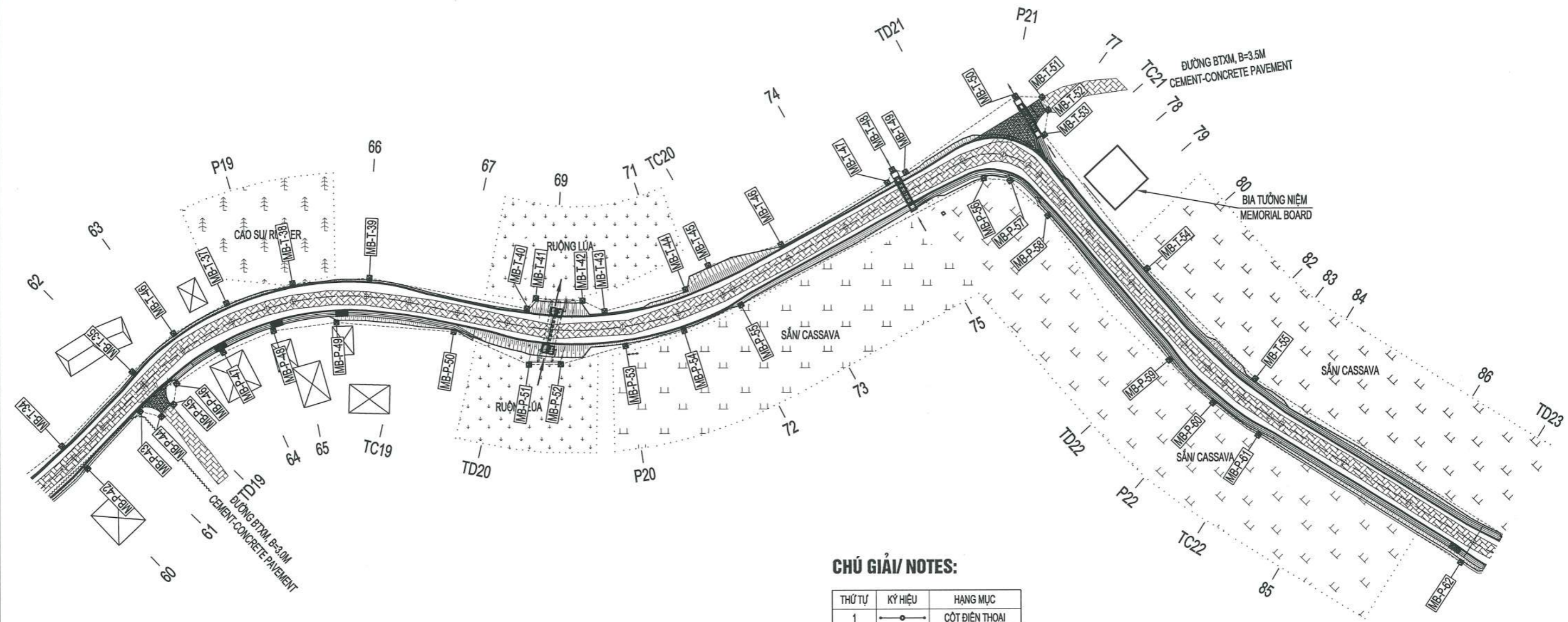
**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1	—○—	CỘT ĐIỆN THOẠI
2	←○→	CỘT ĐIỆN LỰC
3	□	NHÀ BẰNG
4	▤	NHÀ XÂY
5	⊗	NHÀ TẠM
6	⊕	CÂY CAO SU
7	⊔	CÂY SẴN
8	⊞	ĐƯỜNG CHUYỀN

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/10/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER LÊ MINH CHÍNH <i>[Signature]</i>	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER NGUYỄN LÊ HIỂN <i>[Signature]</i>	THIẾT KẾ / DESIGN BY NGUYỄN HỮU DUỆT <i>[Signature]</i>	K.C.S / QUALITY CONTROL NGUYỄN HỮU HOA <i>[Signature]</i>	QUẢNG TRỊ, NGÀY THÁNG NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR NGUYỄN HỮU HOA <i>[Signature]</i>	<b>BÌNH ĐỒ GPMB/ SITE CLEARANCE MAP</b> LÝ TRÌNH/STA.: KM0+704.66 - KM1+060.65 TỶ LỆ / SCALE: LẦN XUẤT BẢN / REV:
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY							BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO.: 1/23 MÃ SỐ / CODE:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 131/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: **Bùi Tiến Trung**



**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

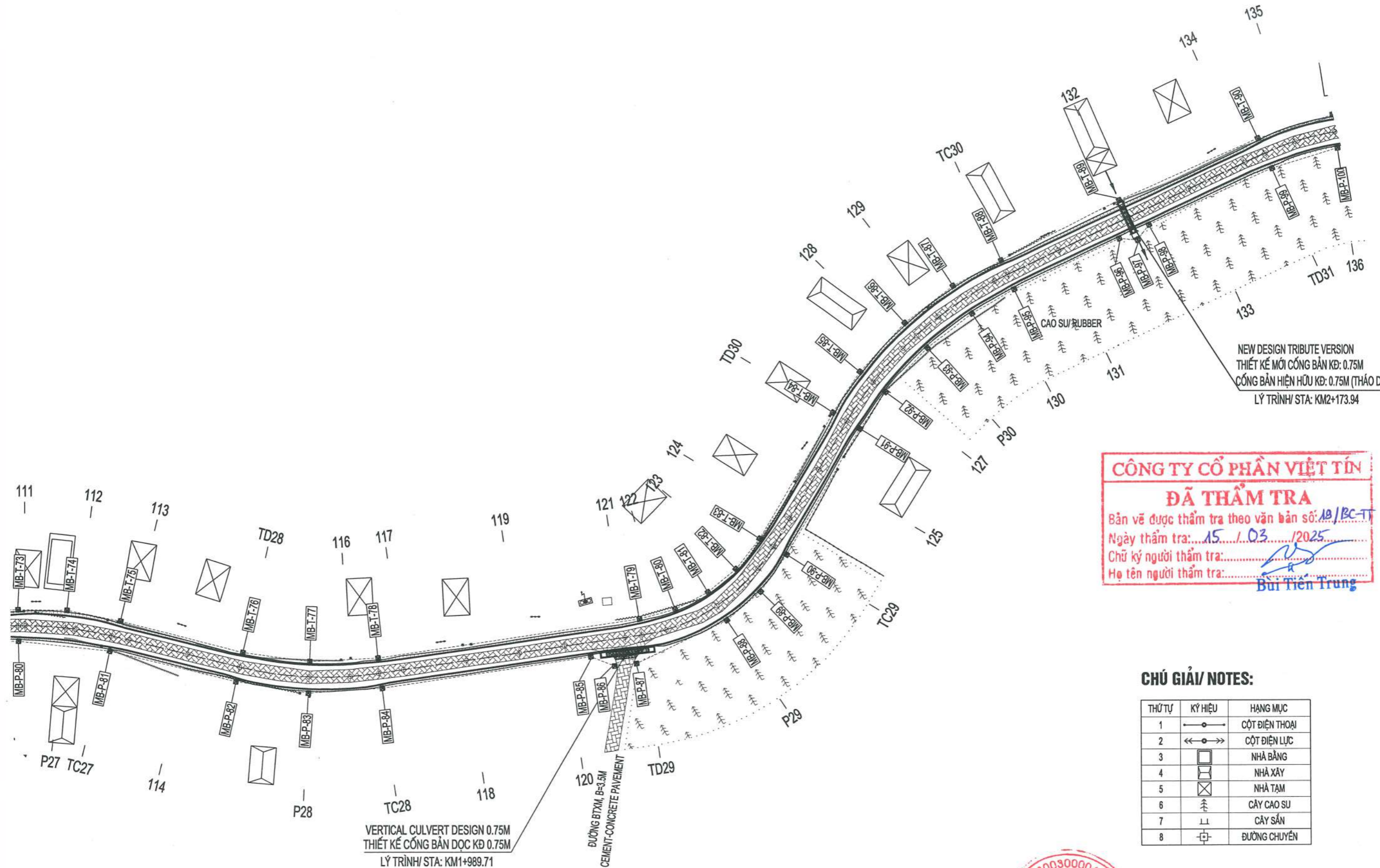
THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1	○	CỘT ĐIỆN THOẠI
2	◀○▶	CỘT ĐIỆN LỰC
3	□	NHÀ BẰNG
4	▭	NHÀ XÂY
5	⊗	NHÀ TẠM
6	🌳	CÂY CAO SU
7	⌞	CÂY SẴN
8	⊕	ĐƯỜNG CHUYỂN

\\may03\PHUC THANH 011\c-trinh\2025\BAN QLDA TINH3 - A DOI\Ban ve (K0-K3+306) - PT\3a.BINH DO-GPMB (K0-KM3+306).dwg, 31-10-25 2:16:13 PM

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIẾN	QUẢNG TRỊ, NGÀY THÁNG NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA	<b>BÌNH ĐỒ GPMB/ SITE CLEARANCE MAP</b> LÝ TRÌNH/STA: KM1+060.65 - KM1+453.72
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯƠNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT	THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUỆT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	TỶ LỆ / SCALE: LẦN XUẤT BẢN / REV:	BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 129 MÃ SỐ / CODE:
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN		



\\m03\PHUC THANH 01\C-trinh\2025\BAN QLDA TINH3. DU AN CRIEM - A DOI\Ban ve (K0-K3+306) - PT3a.BINH DO-GPMB (K0-KM3+306).dwg, 31-10-25 2:16:36 PM



NEW DESIGN TRIBUTE VERSION  
 THIẾT KẾ MỚI CỐNG BẢN KØ: 0.75M  
 CỐNG BẢN HIỆN HỮU KØ: 0.75M (THẢO DÕ)  
 LÝ TRÌNH/ STA: KM2+173.94

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo vận bản số: 18/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/10/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiến Trung

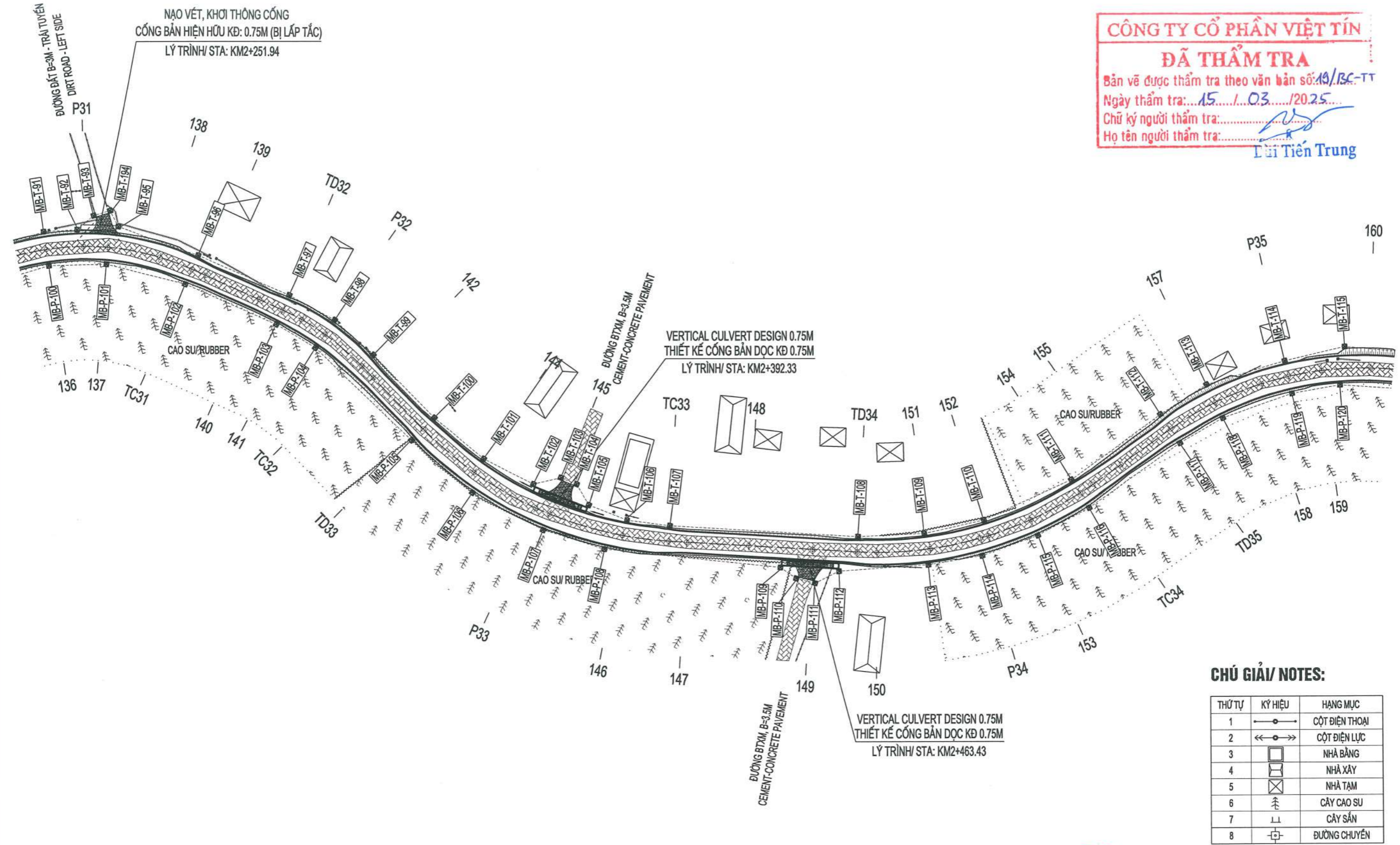
**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1		CỘT ĐIỆN THOẠI
2		CỘT ĐIỆN LỰC
3		NHÀ BĂNG
4		NHÀ XÂY
5		NHÀ TẠM
6		CÂY CAO SU
7		CÂY SẴN
8		ĐƯỜNG CHUYỂN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIẾN	QUẢNG TRỊ, NGÀY THÁNG NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA	<b>BÌNH ĐỒ GPMB/ SITE CLEARANCE MAP</b> LÝ TRÌNH/STA.: KM1+824.28 - KM2+235.46
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT	THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT	K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	TỶ LỆ / SCALE: 1:31 BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO.: 131
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN			LẦN XUẤT BẢN / REV: 1 MÃ SỐ / CODE:

\\may03\PHUC THANH 01\C-trinh\2025\BAN QLDA TINH3. DU AN CRIEM - A DON\Ban ve (K0-K3+306) - PT3a\BINH DO-GPMB (K0-KM3+306).dwg, 31-10-25 2:16:49 PM

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/10/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: **Lưu Tiến Trung**

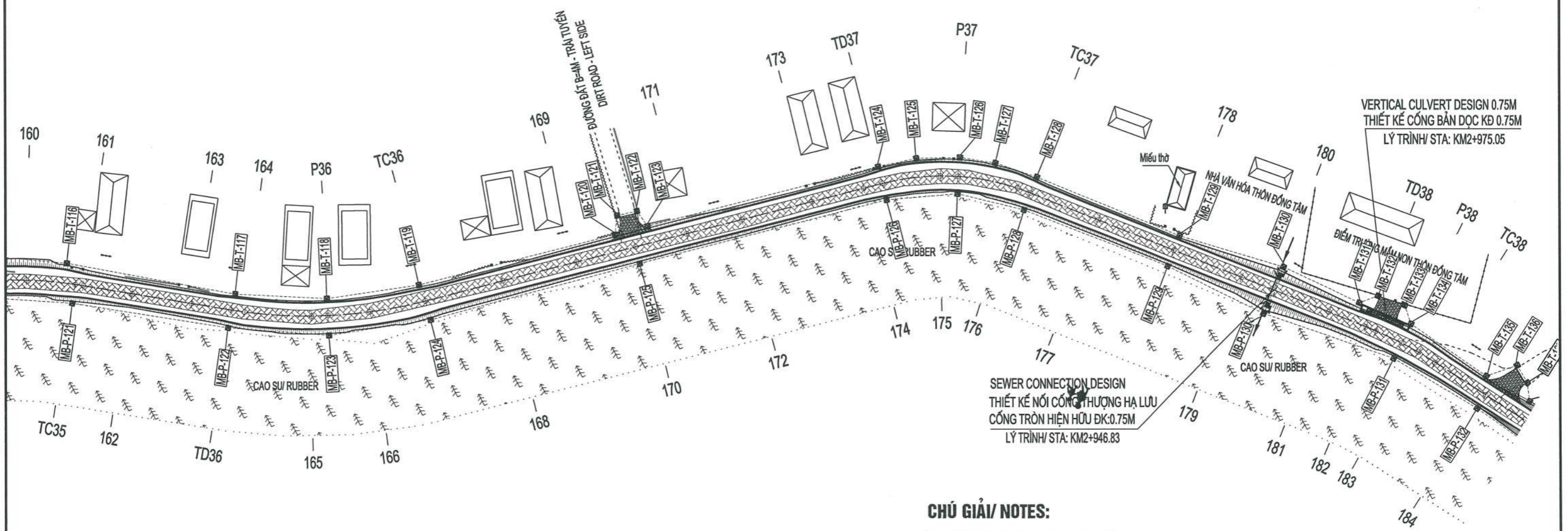


**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1		CỘT ĐIỆN THOẠI
2		CỘT ĐIỆN LỰC
3		NHÀ BẰNG
4		NHÀ XÂY
5		NHÀ TẠM
6		CÂY CAO SU
7		CÂY SẴN
8		ĐƯỜNG CHUYỂN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ NHIỆM ĐÓ AN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY THÁNG NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: <i>[Signature]</i> NGUYỄN HỮU HOA	<b>BÌNH ĐỒ GPMB/ SITE CLEARANCE MAP</b> LÝ TRÌNH/STA: KM2+235.46 - KM2+624.60
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY				TỶ LỆ / SCALE: LẦN XUẤT BẢN / REV: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 132 MÃ SỐ / CODE:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung



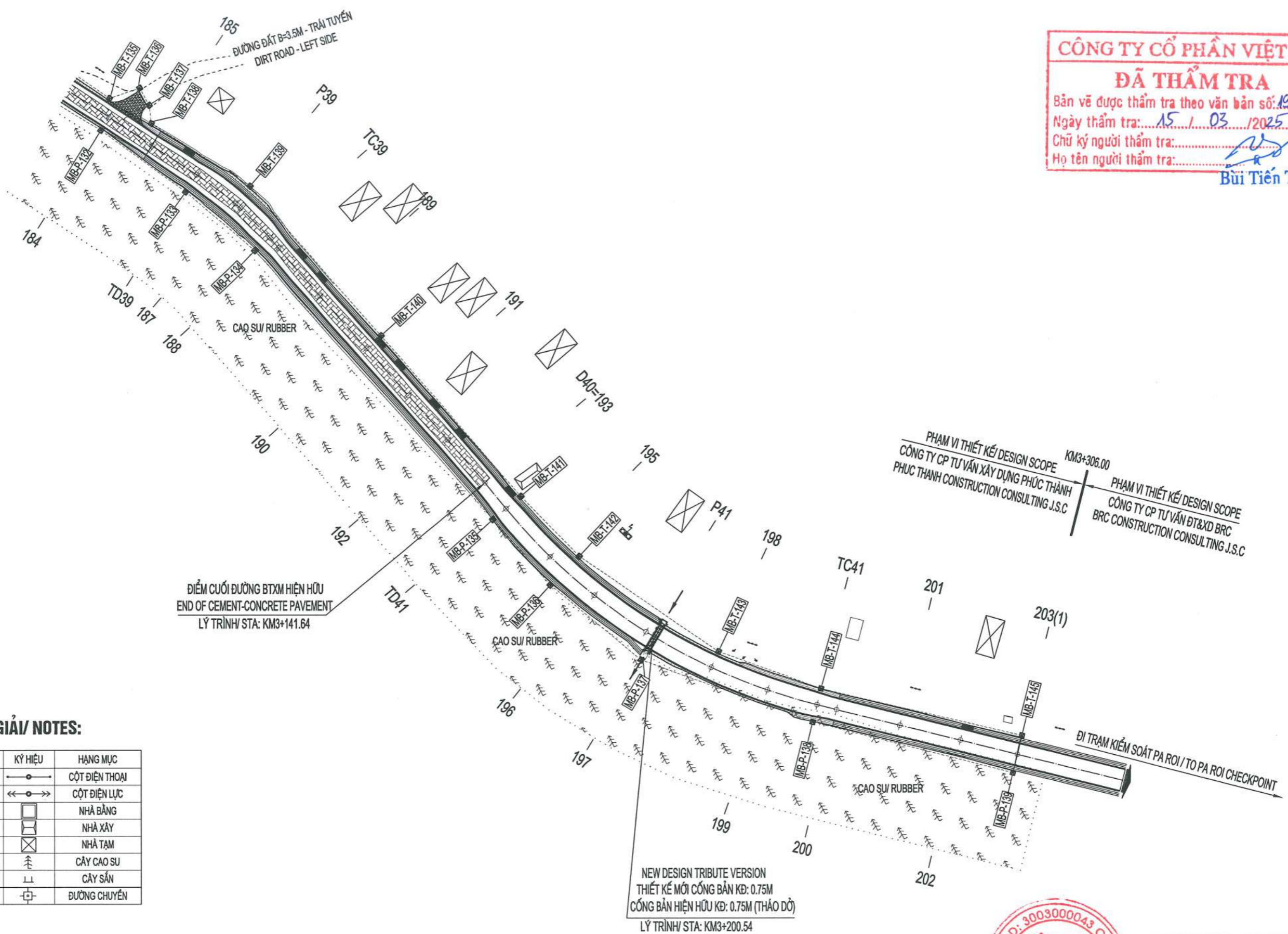
**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1	○	CỘT ĐIỆN THOẠI
2	◄○►	CỘT ĐIỆN LỰC
3	□	NHÀ BĂNG
4	▤	NHÀ XÂY
5	▥	NHÀ TẠM
6	☎	CÂY CAO SU
7	⌋	CÂY SẮN
8	⊠	ĐƯỜNG CHUYỂN

\\m03\PHUC THANH 01\C-trinh\2025\BAN QLDA TINH3 - DU AN CRIEM - A DOI\Ban ve (K0-K3+306) - PT3a.BINH DO-GPMB (K0-KM3+306).dwg, 31-10-25 2:17:00 PM

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯƠNG HÒA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA	QUẢNG TRỊ, NGÀY THÁNG NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: NGUYỄN HỮU HOA	<b>BÌNH ĐỒ GPMB/ SITE CLEARANCE MAP</b> <b>LÝ TRÌNH/STA.: KM2+624.60 - KM3+006.91</b> TỶ LỆ / SCALE: BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 133 LẦN XUẤT BẢN / REV: MÃ SỐ / CODE:
---	---	--	---	---

\\m\03\PHUC THANH\01\C-trinh\2025\BAN QLDA TINH3. DU AN CRIEM - A DOI\Ban ve (K0-K3+306) - PT\3a.BINH DO-GPMB (K0-KM3+306).dwg, 31-10-25 2:17:14 PM



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT  
 Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *[Signature]*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

**CHÚ GIẢI/ NOTES:**

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1		CỘT ĐIỆN THOẠI
2		CỘT ĐIỆN LỰC
3		NHÀ BĂNG
4		NHÀ XÂY
5		NHÀ TẠM
6		CÂY CAO SU
7		CÂY SẦN
8		ĐƯỜNG CHUYỂN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE  CHỦ ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD  LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A DOI, HUYỆN HƯỚNG HÓA SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER LÊ MINH CHÍNH <i>[Signature]</i>	QUẢNG TRỊ, NGÀY THÁNG NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR NGUYỄN HỮU HOA <i>[Signature]</i>	<b>BÌNH ĐỒ GPMB/ SITE CLEARANCE MAP</b> LÝ TRÌNH/STA.: KM3+006.91 - KM3+306.00
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER NGUYỄN LÊ HIỂN <i>[Signature]</i>		

BẢNG THỐNG KÊ CỌC MỐC GPMB BÊN PHẢI TUYẾN  
/STATISTICAL TABLE OF LAND CLEARANCE PILES ON THE  
RIGHT OF THE ROUTE

TT	Tên cọc	Tọa độ	
		X	Y
1	MP-P-01	1822845,412	552398,027
2	MP-P-02	1822846,607	552405,515
3	MP-P-03	1822842,324	552411,701
4	MP-P-04	1822832,791	552420,251
5	MP-P-05	1822823,424	552428,627
6	MP-P-06	1822818,265	552422,740
7	MP-P-07	1822815,922	552424,945
8	MP-P-08	1822820,816	552431,709
9	MP-P-09	1822803,048	552458,750
10	MP-P-10	1822793,279	552470,784
11	MP-P-11	1822773,435	552490,368
12	MP-P-12	1822753,457	552510,717
13	MP-P-13	1822742,386	552524,314
14	MP-P-14	1822733,118	552533,175
15	MP-P-15	1822722,772	552540,717
16	MP-P-16	1822689,798	552561,355
17	MP-P-17	1822678,381	552570,354
18	MP-P-18	1822673,475	552570,449
19	MP-P-19	1822672,572	552574,344
20	MP-P-20	1822631,760	552601,234
21	MP-P-21	1822569,638	552634,141
22	MP-P-22	1822530,550	552654,141
23	MP-P-23	1822510,864	552662,556
24	MP-P-24	1822499,616	552661,464
25	MP-P-25	1822498,561	552664,724
26	MP-P-26	1822477,860	552678,481
27	MP-P-27	1822447,161	552695,621
28	MP-P-28	1822365,741	552725,386
29	MP-P-29	1822346,608	552732,907
30	MP-P-30	1822327,488	552743,288
31	MP-P-31	1822319,086	552750,161
32	MP-P-32	1822313,034	552759,220
33	MP-P-33	1822273,138	552844,551
34	MP-P-34	1822247,911	552900,612
35	MP-P-35	1822224,100	552956,350
36	MP-P-36	1822199,488	553011,568
37	MP-P-37	1822191,784	553025,409
38	MP-P-38	1822182,149	553037,927
39	MP-P-39	1822155,964	553066,584
40	MP-P-40	1822145,716	553082,645
41	MP-P-41	1822140,528	553095,137
42	MP-P-42	1822135,833	553112,609
43	MP-P-43	1822132,478	553131,332
44	MP-P-44	1822127,269	553133,157
45	MP-P-45	1822126,377	553137,226
46	MP-P-46	1822128,509	553141,917
47	MP-P-47	1822122,981	553154,474

BẢNG THỐNG KÊ CỌC MỐC GPMB BÊN PHẢI TUYẾN  
/STATISTICAL TABLE OF LAND CLEARANCE PILES ON THE  
RIGHT OF THE ROUTE

TT	Tên cọc	Tọa độ	
		X	Y
48	MP-P-48	1822115,393	553165,519
49	MP-P-49	1822103,257	553175,678
50	MP-P-50	1822077,830	553189,186
51	MP-P-51	1822058,015	553192,303
52	MP-P-52	1822051,413	553196,635
53	MP-P-53	1822040,512	553208,920
54	MP-P-54	1822030,381	553219,690
55	MP-P-55	1822021,916	553232,553
56	MP-P-56	1821988,366	553290,461
57	MP-P-57	1821982,584	553293,404
58	MP-P-58	1821970,227	553291,200
59	MP-P-59	1821926,382	553277,400
60	MP-P-60	1821911,834	553274,254
61	MP-P-61	1821898,130	553273,612
62	MP-P-62	1821839,406	553273,970
63	MP-P-63	1821796,243	553281,412
64	MP-P-64	1821790,984	553285,298
65	MP-P-65	1821764,215	553289,187
66	MP-P-66	1821716,030	553290,633
67	MP-P-67	1821690,000	553290,553
68	MP-P-68	1821688,547	553287,729
69	MP-P-69	1821686,570	553287,729
70	MP-P-70	1821685,212	553290,438
71	MP-P-71	1821668,115	553287,753
72	MP-P-72	1821594,857	553268,456
73	MP-P-73	1821563,850	553259,464
74	MP-P-74	1821547,947	553256,560
75	MP-P-75	1821538,079	553256,984
76	MP-P-76	1821533,740	553252,823
77	MP-P-77	1821529,402	553252,509
78	MP-P-78	1821526,708	553258,840
79	MP-P-79	1821507,362	553269,069
80	MP-P-80	1821481,381	553286,701
81	MP-P-81	1821459,048	553297,782
82	MP-P-82	1821425,512	553309,436
83	MP-P-83	1821407,322	553317,405
84	MP-P-84	1821390,979	553329,381
85	MP-P-85	1821347,835	553367,140
86	MP-P-86	1821341,121	553368,432
87	MP-P-87	1821336,572	553372,134
88	MP-P-88	1821322,113	553395,300
89	MP-P-89	1821318,557	553406,795
90	MP-P-90	1821317,998	553419,001
91	MP-P-91	1821319,465	553458,429
92	MP-P-92	1821318,855	553470,604
93	MP-P-93	1821315,776	553486,687
94	MP-P-94	1821310,569	553501,000

BẢNG THỐNG KÊ CỌC MỐC GPMB BÊN PHẢI TUYẾN  
/STATISTICAL TABLE OF LAND CLEARANCE PILES ON THE  
RIGHT OF THE ROUTE

TT	Tên cọc	Tọa độ	
		X	Y
95	MP-P-95	1821304,375	553512,749
96	MP-P-96	1821287,658	553539,626
97	MP-P-97	1821283,238	553541,997
98	MP-P-98	1821282,930	553547,081
99	MP-P-99	1821262,811	553578,081
100	MP-P-100	1821250,657	553592,390
101	MP-P-101	1821237,885	553600,992
102	MP-P-102	1821217,116	553607,973
103	MP-P-103	1821190,944	553612,037
104	MP-P-104	1821178,735	553612,468
105	MP-P-105	1821143,776	553605,755
106	MP-P-106	1821122,643	553602,745
107	MP-P-107	1821101,380	553604,549
108	MP-P-108	1821085,014	553608,973
109	MP-P-109	1821042,805	553630,167
110	MP-P-110	1821037,599	553630,008
111	MP-P-111	1821032,775	553631,621
112	MP-P-112	1821028,974	553637,803
113	MP-P-113	1821009,829	553652,038
114	MP-P-114	1820998,985	553661,830
115	MP-P-115	1820989,337	553674,386
116	MP-P-116	1820981,782	553687,937
117	MP-P-117	1820970,421	553715,525
118	MP-P-118	1820964,313	553727,281
119	MP-P-119	1820952,220	553742,710
120	MP-P-120	1820942,516	553751,607
121	MP-P-121	1820925,216	553761,088
122	MP-P-122	1820888,851	553777,078
123	MP-P-123	1820866,348	553789,223
124	MP-P-124	1820847,123	553806,122
125	MP-P-125	1820810,399	553846,222
126	MP-P-126	1820766,776	553892,967
127	MP-P-127	1820752,829	553903,697
128	MP-P-128	1820736,533	553909,371
129	MP-P-129	1820698,661	553916,992
130	MP-P-130	1820672,110	553919,948
131	MP-P-131	1820638,497	553928,105
132	MP-P-132	1820614,143	553928,817
133	MP-P-133	1820587,185	553927,526
134	MP-P-134	1820564,244	553924,500
135	MP-P-135	1820476,134	553899,721
136	MP-P-136	1820454,790	553893,620
137	MP-P-137	1820424,995	553889,947
138	MP-P-138	1820379,503	553900,178
139	MP-P-139	1820329,362	553916,730

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
PHÚC THÀNH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR  
Ngày thẩm tra: 20/12/2025  
Chữ ký người thẩm tra: .....  
Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

\\mjay03\PHUC THANH\01\C-trinh\2025\BAN QLDA TINH3 - DU AN CRIEM - A\DO\Ban ve (K0-K3+306) - PT\3a.BINH DO-GPMB (K0-KM3+306).dwg - 31-10-25 2:17:25 PM

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE  
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ  
PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE  
CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD  
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC  
CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO  
ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ  
PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR  
ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE  
TIỂU DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ A ĐOI,  
HUYỆN HUƠNG HÒA  
SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD  
AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT  
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG/ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN /  
PROJECT MANAGER  
LÊ MINH CHÍNH  
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ /  
TEAM LEADER  
NGUYỄN LÊ HIỂN  
THIẾT KẾ /  
DESIGN BY  
NGUYỄN HỮU DUỆT  
K.C.S /  
QUALITY CONTROL  
NGUYỄN HỮU HOA

QUẢNG TRỊ, NGÀY THÁNG NĂM 2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH  
PHÚC THÀNH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY  
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR  
NGUYỄN HỮU HOA

TỌA ĐỘ CỌC GPMB - PHẢI TUYẾN  
COORDINATES OF GROUND  
CLEARANCE PILES - RIGHT LINE  
TỶ LỆ /  
SCALE:  
LẦN XUẤT BẢN /  
REV:  
BẢN VẼ SỐ /  
DRAWING NO: 135  
MÃ SỐ /  
CODE:

BẢNG THỐNG KÊ CỌC MỐC GPMB BÊN TRÁI TUYẾN  
/STATISTICAL TABLE OF LAND CLEARANCE PILES ON THE LEFT  
OF ROUTE

TT	Tên cọc	Tọa độ	
		X	Y
1	MP-T-01	1822853,172	552423,876
2	MP-T-02	1822850,160	552419,600
3	MP-T-03	1822844,355	552420,467
4	MP-T-04	1822834,426	552430,055
5	MP-T-05	1822818,470	552449,657
6	MP-T-06	1822804,866	552470,577
7	MP-T-07	1822778,523	552496,211
8	MP-T-08	1822748,690	552529,963
9	MP-T-09	1822738,799	552539,845
10	MP-T-10	1822727,405	552547,915
11	MP-T-11	1822682,277	552576,761
12	MP-T-12	1822680,090	552580,311
13	MP-T-13	1822636,090	552608,495
14	MP-T-14	1822607,446	552623,110
15	MP-T-15	1822534,316	552662,324
16	MP-T-16	1822495,219	552677,646
17	MP-T-17	1822464,074	552695,230
18	MP-T-18	1822441,938	552708,642
19	MP-T-19	1822368,125	552732,632
20	MP-T-20	1822349,769	552740,436
21	MP-T-21	1822333,193	552749,762
22	MP-T-22	1822325,572	552756,258
23	MP-T-23	1822321,758	552763,363
24	MP-T-24	1822281,783	552848,527
25	MP-T-25	1822256,265	552904,207
26	MP-T-26	1822231,048	552959,555
27	MP-T-27	1822207,114	553014,946
28	MP-T-28	1822199,265	553030,335
29	MP-T-29	1822199,305	553036,898
30	MP-T-30	1822194,301	553042,998
31	MP-T-31	1822188,026	553043,358
32	MP-T-32	1822170,101	553062,938
33	MP-T-33	1822153,612	553086,684
34	MP-T-34	1822143,885	553113,932
35	MP-T-35	1822139,246	553138,427
36	MP-T-36	1822135,664	553151,808
37	MP-T-37	1822128,702	553164,987
38	MP-T-38	1822117,547	553177,805
39	MP-T-39	1822102,222	553189,188
40	MP-T-40	1822065,769	553203,524
41	MP-T-41	1822065,240	553206,872
42	MP-T-42	1822055,269	553212,501
43	MP-T-43	1822049,291	553213,279
44	MP-T-44	1822035,526	553228,332
45	MP-T-45	1822033,857	553236,292
46	MP-T-46	1822021,500	553250,210
47	MP-T-47	1822007,628	553276,810
48	MP-T-48	1822008,293	553280,193
49	MP-T-49	1822005,201	553281,450

BẢNG THỐNG KÊ CỌC MỐC GPMB BÊN TRÁI TUYẾN  
/STATISTICAL TABLE OF LAND CLEARANCE PILES ON THE LEFT  
OF ROUTE

TT	Tên cọc	Tọa độ	
		X	Y
50	MP-T-50	1821993,127	553309,592
51	MP-T-51	1821988,356	553311,346
52	MP-T-52	1821985,149	553309,929
53	MP-T-53	1821982,776	553306,345
54	MP-T-54	1821942,782	553293,367
55	MP-T-55	1821906,109	553284,853
56	MP-T-56	1821827,630	553285,292
57	MP-T-57	1821816,169	553287,265
58	MP-T-58	1821799,268	553292,792
59	MP-T-59	1821778,926	553296,459
60	MP-T-60	1821763,940	553297,280
61	MP-T-61	1821692,525	553299,672
62	MP-T-62	1821680,341	553299,135
63	MP-T-63	1821666,068	553295,845
64	MP-T-64	1821630,506	553286,469
65	MP-T-65	1821626,138	553290,543
66	MP-T-66	1821621,127	553288,939
67	MP-T-67	1821619,478	553283,385
68	MP-T-68	1821561,466	553268,463
69	MP-T-69	1821548,098	553266,519
70	MP-T-70	1821536,058	553267,268
71	MP-T-71	1821523,882	553270,499
72	MP-T-72	1821511,386	553276,826
73	MP-T-73	1821486,132	553293,830
74	MP-T-74	1821474,767	553300,870
75	MP-T-75	1821461,055	553306,135
76	MP-T-76	1821428,162	553317,092
77	MP-T-77	1821411,604	553324,821
78	MP-T-78	1821396,386	553335,624
79	MP-T-79	1821342,406	553382,737
80	MP-T-80	1821335,648	553390,165
81	MP-T-81	1821330,499	553398,974
82	MP-T-82	1821327,476	553408,313
83	MP-T-83	1821326,427	553418,743
84	MP-T-84	1821327,975	553458,161
85	MP-T-85	1821327,660	553471,449
86	MP-T-86	1821324,512	553489,072
87	MP-T-87	1821318,950	553504,467
88	MP-T-88	1821311,596	553517,322
89	MP-T-89	1821293,183	553548,301
90	MP-T-90	1821270,302	553582,835
91	MP-T-91	1821256,638	553599,223
92	MP-T-92	1821249,471	553604,451
93	MP-T-93	1821247,630	553610,029
94	MP-T-94	1821244,640	553613,463
95	MP-T-95	1821240,559	553611,079
96	MP-T-96	1821218,353	553616,216
97	MP-T-97	1821192,191	553620,410
98	MP-T-98	1821178,291	553621,489

BẢNG THỐNG KÊ CỌC MỐC GPMB BÊN TRÁI TUYẾN  
/STATISTICAL TABLE OF LAND CLEARANCE PILES ON THE LEFT  
OF ROUTE

TT	Tên cọc	Tọa độ	
		X	Y
99	MP-T-99	1821164,517	553619,322
100	MP-T-100	1821141,891	553613,963
101	MP-T-101	1821124,928	553611,926
102	MP-T-102	1821110,092	553613,411
103	MP-T-103	1821104,902	553618,729
104	MP-T-104	1821100,480	553619,542
105	MP-T-105	1821094,779	553616,630
106	MP-T-106	1821084,000	553618,740
107	MP-T-107	1821073,380	553623,772
108	MP-T-108	1821029,698	553648,229
109	MP-T-109	1821015,198	553658,460
110	MP-T-110	1821003,698	553670,054
111	MP-T-111	1820989,771	553691,646
112	MP-T-112	1820978,955	553719,059
113	MP-T-113	1820972,749	553732,415
114	MP-T-114	1820958,543	553748,934
115	MP-T-115	1820946,930	553760,889
116	MP-T-116	1820931,715	553768,732
117	MP-T-117	1820891,814	553785,132
118	MP-T-118	1820871,713	553796,655
119	MP-T-119	1820854,249	553811,837
120	MP-T-120	1820819,563	553848,860
121	MP-T-121	1820821,624	553853,202
122	MP-T-122	1820818,027	553856,836
123	MP-T-123	1820813,702	553855,156
124	MP-T-124	1820773,000	553898,792
125	MP-T-125	1820766,144	553905,635
126	MP-T-126	1820757,170	553911,611
127	MP-T-127	1820748,926	553915,297
128	MP-T-128	1820738,210	553918,003
129	MP-T-129	1820700,212	553924,956
130	MP-T-130	1820674,224	553932,360
131	MP-T-131	1820653,255	553935,131
132	MP-T-132	1820650,147	553939,142
133	MP-T-133	1820643,229	553940,788
134	MP-T-134	1820639,466	553937,698
135	MP-T-135	1820616,571	553936,843
136	MP-T-136	1820611,380	553943,308
137	MP-T-137	1820606,929	553941,027
138	MP-T-138	1820603,921	553937,378
139	MP-T-139	1820574,065	553937,643
140	MP-T-140	1820525,391	553923,688
141	MP-T-141	1820473,279	553908,578
142	MP-T-142	1820452,520	553903,740
143	MP-T-143	1820409,448	553902,413
144	MP-T-144	1820382,308	553908,520
145	MP-T-145	1820332,480	553926,021

Ngày thẩm tra: 15/03/2025  
 Chữ ký người thẩm tra: *Bùi Tiên Trung*  
 Họ tên người thẩm tra: Bùi Tiên Trung

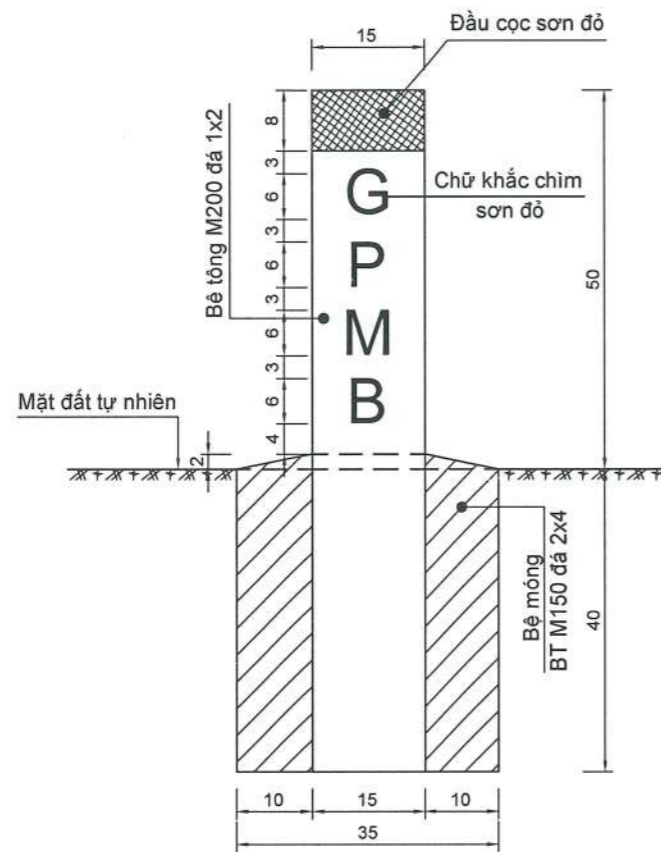
\\m03\PHUC THANH\01\trinh\2025\BAN QLDA TINH3 - DU AN CRIEM - A DOI\Ban ve (K0-K3+306) - PT\3a.BINH DO-GPMB (K0-KM3+306).dwg, 31-10-25 2:17:48 PM

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE	DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER LÊ MINH CHÍNH		QUẢNG TRỊ, NGÀY THÁNG NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIÁM ĐỐC / DIRECTOR NGUYỄN HỮU HOA	TỌA ĐỘ CỌC GPMB - TRÁI TUYẾN COORDINATES OF GROUND CLEARANCE PILES - LEFT LINE	
CĐT & QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD	Tiểu dự án: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trung tâm xã A Dơi, Huyện Hương Hóa SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER NGUYỄN LÊ HIỂN			TỶ LỆ / SCALE:	BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 136
LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	THIẾT KẾ / DESIGN BY NGUYỄN HỮU DUẬT			LẦN XUẤT BẢN / REV:	MÃ SỐ / CODE:

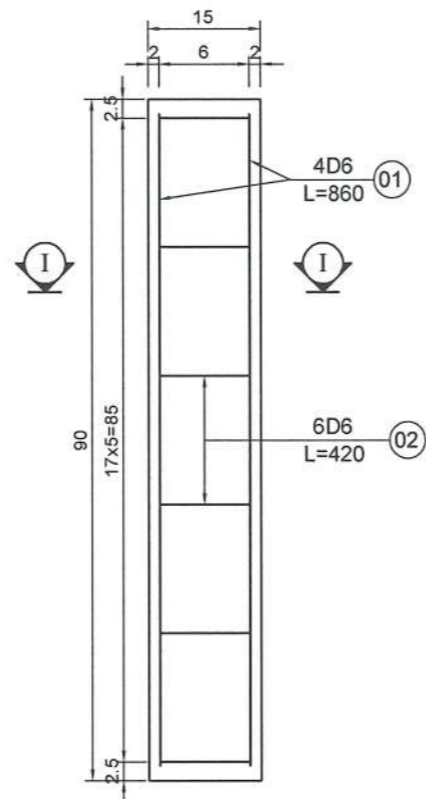
**CẤU TẠO CỌC GIẢI PHÓNG MẶT BÀNG**

TỶ LỆ 1/10

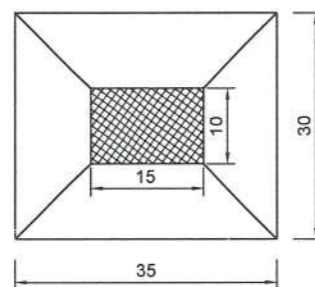
**MẶT CHÍNH DIỆN**



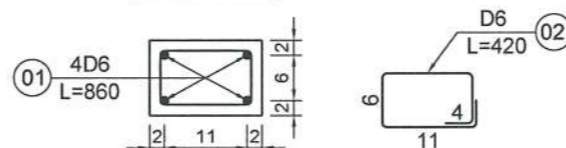
**BỐ TRÍ CỐT THÉP**



**MẶT BẰNG CỌC**



**MẶT CẮT I-I**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TÍN**

**ĐÃ THẨM TRA**

Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: 19/BC-TT

Ngày thẩm tra: 15/03/2025

Chữ ký người thẩm tra:

Họ tên người thẩm tra:

Bùi Tiến Trung

**KHỐI LƯỢNG VẬT LIỆU 1 CỌC GPMB**

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Bê tông thân cọc M200 đá 1x2	m <sup>3</sup>	0.014
2	Bê tông bệ cọc M150 đá 2x4	m <sup>3</sup>	0.037
3	Cốt thép D6	kg	1.323
4	Ván khuôn thép đổ bê tông thân cọc	m <sup>2</sup>	0.345
6	Ván khuôn gỗ đổ bê tông bệ cọc	m <sup>2</sup>	0.520
7	Sơn đỏ đầu cọc (2 lớp)	m <sup>2</sup>	0.110
5	Sơn trắng thân cọc (2 lớp)	m <sup>2</sup>	0.480
8	Đào đất hố móng	m <sup>3</sup>	0.042

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**

**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**

Theo văn bản thẩm định số: 1762/SXD

Ngày: 29/6/2025

Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

**GHI CHÚ:**

- Thân cọc bằng BTCT đúc sẵn lắp ghép M200 đá 1x2.
- Bệ móng bằng BT M150 đá 2x4 đổ tại chỗ.
- Thân cọc được sơn 2 lớp màu trắng, phần 8cm tính từ đỉnh cọc xuống sơn đỏ.
- Mặt chính diện ghi chữ "GPMB", khắc chìm, nét chữ màu đỏ cao 6 cm, rộng 1 cm, sâu vào bê tông 3-5mm màu đỏ.
- Kích thước bản vẽ ghi bằng cm, kích thước thép ghi bằng mm.

<p>CƠ QUAN CHỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ MANAGING AGENCY: PEOPLE'S COMMITTEE OF QUANG TRI PROVINCE</p>	<p>DỰ ÁN: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (CRIEM) - DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT: BUILDING INFRASTRUCTURE ADAPTING TO CLIMATE CHANGE FOR ETHNIC MINORITIES (CRIEM) COMPONENT PROJECT OF QUANG TRI PROVINCE</p>	<p>CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN / PROJECT MANAGER: LÊ MINH CHÍNH</p>	<p>QUẢNG TRỊ, NGÀY 07 THÁNG 7 NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY GIAM ĐOC / DIRECTOR</p>	<p><b>MỐC GIẢI PHÓNG MẶT BÀNG</b></p>
<p>CDT &amp; QLDA: BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ PROJECT INVESTOR AND MANAGER: QUANG TRI PROVINCE CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT BOARD</p>	<p>Tiểu dự án: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trung tâm xã A Dơi, Huyện Hướng Hóa SUB-PROJECT: UPGRADING AND RENOVATING THE TRAFFIC ROAD AT ADOI COMMUNE CENTER, HUONG HOA DISTRICT</p>	<p>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / TEAM LEADER: NGUYỄN LÊ HIỂN</p>	<p>PHÚC THÀNH</p>	<p>TỶ LỆ / SCALE: 1/10</p>
<p>LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚC THÀNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ &amp; XÂY DỰNG BRC CONSORTIUM OF PHUC THANH CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY AND BRC CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY</p>	<p>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN</p>	<p>THIẾT KẾ / DESIGN BY: NGUYỄN HỮU DUẬT</p>	<p>PHÚC THÀNH</p>	<p>BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 137</p>
		<p>K.C.S / QUALITY CONTROL: NGUYỄN HỮU HOA</p>	<p>PHÚC THÀNH</p>	<p>LẦN XUẤT BẢN / REV: 1</p>